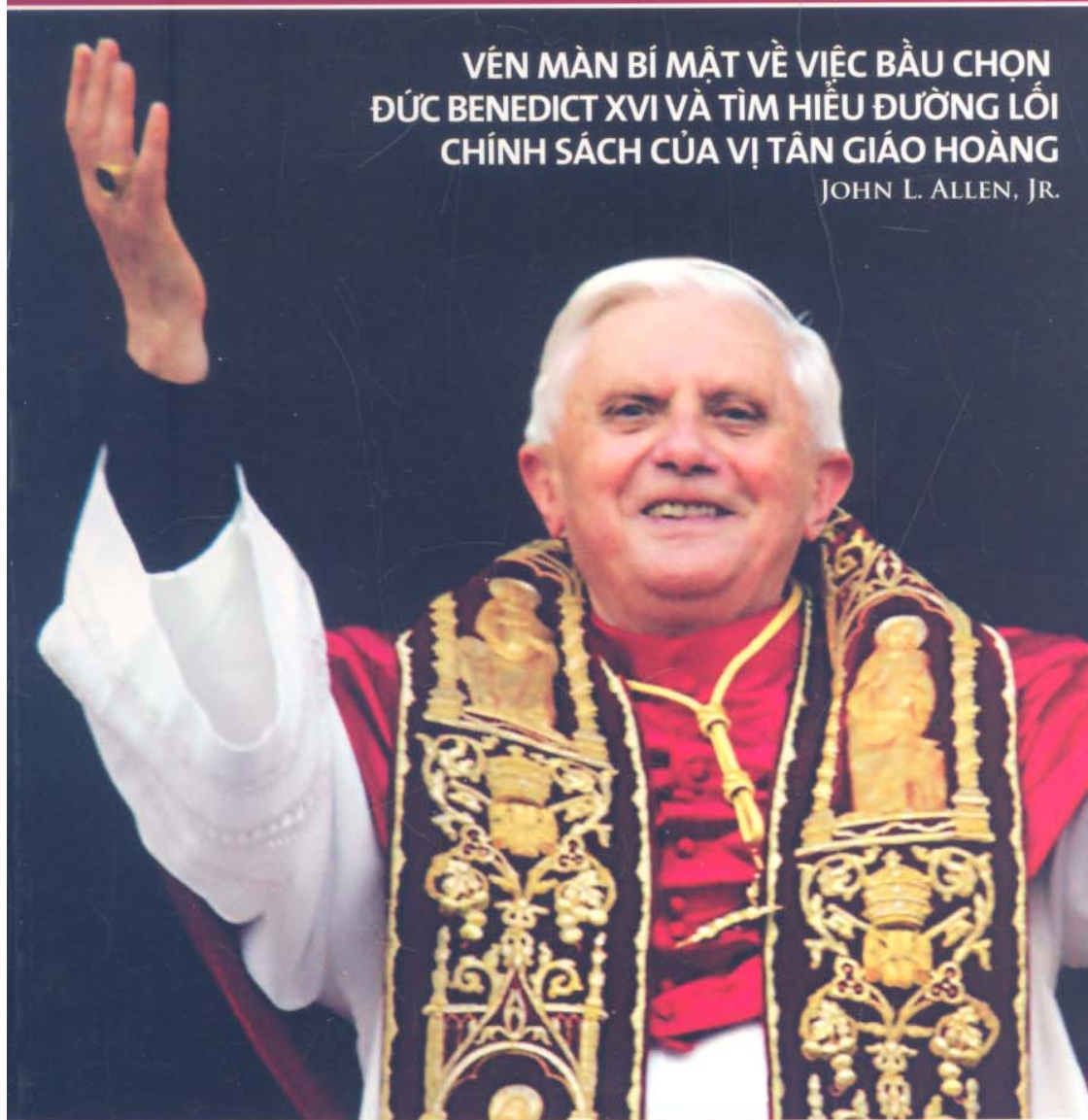


ĐỨC GIÁO HOÀNG BENEDICT XVI

VÉN MÀN BÍ MẬT VỀ VIỆC BẦU CHỌN
ĐỨC BENEDICT XVI VÀ TÌM HIỂU ĐƯỜNG LỐI
CHÍNH SÁCH CỦA VỊ TÂN GIÁO HOÀNG

JOHN L. ALLEN, JR.



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



ĐÂY LÀ CÂU CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGÀY MÀ ĐỨC
GIÁO HOÀNG JOHN PAUL II SẬP HẠC GIẢ VÂN DU,
NHỮNG ĐỒNG LỰC HẬU TRƯỞNG ĐÃ TÁC ĐỘNG LÊN CÁC
HỒNG Y DẪN ĐẾN VIỆC BẦU CHỌN JOSEPH RATZINGER
LÀM GIÁO HOÀNG BENEDICT XVI, VÀ PHONG ĐOÀN
XEM VỊ TÂN GIÁO HOÀNG CÓ THỂ SẼ DẪN ĐẤT
GIÁO HỘI CÔNG GIÁO ĐI THEO HƯỚNG NÀO.

Ngày 18 tháng Tư năm 2005, Hồng y đoàn của Giáo hội Công giáo La Mã đã cùng nhau họp để bầu chọn người kế vị cho Giáo hoàng John Paul II. Cân nhắc trước nhiều ứng cử viên tiềm năng, các Hồng y đã tảo bạo giao *Chìa khóa Nước Trời* cho Hồng y người Đức Joseph Ratzinger 78 tuổi, một nhân vật có quan điểm hoàn toàn rõ ràng nhưng gây tranh cãi về những thách thức đối với Giáo hội và nền văn hóa bao quanh.

Trong lúc thế giới dõi theo nghi lễ nhậm chức của vị Giáo hoàng thứ 265 của Giáo hội Công giáo, nhiều câu hỏi đã được đặt ra, như: Tại sao lại là Ratzinger? Tại sao lại chọn một người quá thân cận gần như là đồng nhất với vị Cố Giáo hoàng? Tại sao không chọn một “giải pháp ôn hòa”? Tại sao lại chọn người châu Âu mà không chọn người châu Phi hay châu Mỹ La-tinh? Chọn lựa này sẽ mang lại hậu quả gì cho Giáo hội Công giáo?

Để kể về những gì đã thực sự xảy ra trong buổi họp bí mật có tên là Mật nghị, trong đó các vị Hồng y từ khắp nơi trên thế giới đến bỏ phiếu bầu vị Giáo hoàng mới, không ai có thể làm tốt hơn John L. Allen, Jr. Bởi ông có nhiều kinh nghiệm viết về các sự kiện và nhân vật ở Vatican, và nhờ những cuộc tiếp xúc chỉ cá nhân ông với nhiều nhân vật quan trọng ở Rome, ông có thể thuật lại câu chuyện hậu trường thâm kín nhất trong cuộc bầu cử Tân Giáo hoàng. Cũng chỉ mình Allen mới có thể đánh giá được công trình và di sản của con người mà hôm nay người ta gọi là Giáo hoàng Benedict XVI, và đưa ra những phân tích về phương hướng ông có thể chọn cho Giáo hội Công giáo trong thời gian sắp tới.

Nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ là một trong những thời kỳ hấp dẫn nhất trong lịch sử Giáo hội Công giáo. Benedict XVI chắc chắn sẽ tác động lên cuộc sống của mọi giáo dân công giáo trên khắp cùng thế giới, và quyển sách này của John Allen là một tác phẩm đánh dấu bước ngoặt lịch sử này.

ĐỨC GIÁO HOÀNG
BENEDICT XVI

The Rise of Benedict XVI: The Inside Story of How the Pope was Elected and Where He will Take the Catholic Church

Copyright © 2005 by John L. Allen, Jr.. All rights reserved.

Published by the agreement with The Doubleday Broadway Publishing Group, a division of Random House, Inc. through Tuttle Mori Agency Co. Ltd.,

Xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa The Doubleday Broadway Publishing Group, a division of Random House, Inc. và Youbooks, Mekongcom Corp. thông qua Tuttle Mori Agency Co. Ltd., 2008.

Bản quyền tiếng Việt © Youbooks, Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Mekongcom, 2008
Địa chỉ: 426 Cao Thắng (nối dài), Phường 12, Quận 10, TP.HCM
Tel: (84.8) 8624150 – Fax: (84.8) 8624065

Bản quyền tác phẩm tiếng Việt được bảo hộ trên phạm vi toàn cầu. Mọi hình thức xuất bản, sao chép, phân phối hay trích đoạn dưới bất cứ hình thức nào đều phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Youbooks, Mekongcom Corp.

JOHN L. ALLEN, JR.

Dịch giả: Hồ Ngọc Hào

ĐỨC GIÁO HOÀNG BENEDICT XVI

VÉN MÀN BÍ MẬT VỀ VIỆC BẦU CHỌN
ĐỨC BENEDICT XVI VÀ TÌM HIỂU ĐƯỜNG LỐI
CHÍNH SÁCH CỦA VỊ TÂN GIÁO HOÀNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỜI NÓI ĐẦU

Người ta thường nói chính trị là nghệ thuật thỏa hiệp. Các cuộc bầu cử luôn dẫn tới xung đột giữa các quyền lợi khác nhau, và vòng nguyệt quế chỉ thuộc về ứng cử viên nào hiểu rõ nghệ thuật dàn xếp những quan điểm và yêu cầu đang tranh chấp để có thể mang lại quyền lợi cho phần đông mọi người. Ứng cử viên thắng cuộc thường là người có sức lôi cuốn nhất đối với mọi thành phần cử tri, hay ít ra là người ít gây thất vọng nhất đối với đa số cử tri. Người ta đã soạn thảo các bài diễn thuyết chính trị theo tinh thần này, bằng cách đưa ra một mớ những điều tầm phào, sáo rỗng với mục đích chính là gây bực mình cho càng ít người càng tốt.

Tuy nhiên, có những thời điểm mà những người cầm lá phiếu không ở trong tâm trạng muốn thỏa hiệp. Cũng có lúc, khi một khúc quanh lịch sử đã hiện lên trước mặt, cử tri sẽ đi đến quyết định chọn một giải pháp táo bạo hơn là "một mẩu số chung nhỏ nhất".

Đó là tâm trạng của Hồng y đoàn của Giáo hội Công giáo Roma vào tháng Tư năm 2005, khi tất cả tập trung lại để lựa chọn người kế vị Đức Giáo hoàng John Paul II. Đối mặt với một số khả năng ứng viên tiềm năng thuộc khuynh hướng thỏa hiệp, các Hồng y đã có một chọn lựa dứt khoát, "táo bạo" khi trao Chia khóa Nước Trời mà những người Công giáo tin rằng đã được Đức Kitô hứa trao cho Thánh Phêrô cho một vị Hồng y 78 tuổi. Đó là Hồng y Joseph Ratzinger, một người có quan điểm kiên quyết và rõ ràng về những thách thức đối với Giáo hội và đối với nền văn hóa rộng hơn, rõ tới mức không thể nào rõ hơn được nữa.

Giáo hoàng Benedict XVI là người mang một hoài bão lớn: ông không mong gì hơn là tuyên chiến với 400 năm văn hóa của phương Tây đang tiến dần về lối sống vị kỷ và chủ thuyết tương đối, đã tạo nên

cái mà các trí thức châu Âu cũng quan tâm với ông gọi là xu thế "tư duy yếu đuối". Giống như Thánh Benedict mười lăm thế kỷ về trước, người mà ông mang tên hiệu, Giáo hoàng Benedict XVI muốn xây dựng lên những mô hình sống đạo Kitô trong một nền văn hóa mà ông xem là thường chối bỏ ý nghĩa và mục tiêu đích thực của cuộc sống con người. Ông có niềm tin xác tín rằng giữa việc Đế chế Roma sụp đổ đưa thế giới rơi vào đêm trường Trung cổ tăm tối và thời đại chúng ta đang sống hôm nay, có một sự tương đồng lịch sử, và phải nói giảm đi mới có thể hiểu được xác tín này. Benedict XVI là người quá tinh tế để hô hào thánh chiến chống chủ nghĩa thế tục, nhưng chắc chắn thời gian ông làm Giáo hoàng sẽ là một giai đoạn thách thức, đòi hỏi phải phấn đấu nhiều (mà những người bầu chọn ông chắc chắn biết rõ điều này).

Ông sẽ hô hào để thế giới tìm lại được niềm tin rằng trí tuệ của con người có khả năng tìm ra chân lý, rằng mọi người nam cũng như nữ có đủ sức mạnh luân lý và tinh thần để tổ chức cuộc đời họ theo ánh sáng của chân lý đó. Ông sẽ làm tất cả những việc đó một cách vui vẻ, với tinh thần phụng sự hơn là dùng đến quyền lực. Và ông sẽ không bao giờ thỏa hiệp, nhưng sẽ rõ ràng, trong suốt như pha lê.

Trên đời này chẳng có việc gì phức tạp và mang nhiều hệ lụy hơn là làm Giáo hoàng để phục vụ một Giáo hội Công giáo với hơn 1,1 tỷ tín đồ. Việc bầu chọn Giáo hoàng không chỉ là một nghi thức màu mè, phủ thêm lớp áo cổ xưa lãng mạn và bí ẩn mà thực chất là tìm ra một vị lãnh đạo quan trọng, có tầm ảnh hưởng toàn cầu, với những đường lối chính trị không chỉ ảnh hưởng đến đời sống của các tín đồ Công giáo mà còn đến cả những người thuộc mọi tín ngưỡng và những người vô thần. Không ai có thể phớt lờ vai trò của Đức Giáo hoàng. Bởi vì tôn giáo lay động tới những cảm xúc mãnh liệt nằm sâu trong đáy lòng, cho nên một Giáo hoàng không những có thể tác động đến các mô hình bầu cử hay các chọn lựa ý thức hệ của con người mà còn có thể tạo nên khuôn mẫu cho những ước mơ và cái thiện ngā ở đời. Vì tất cả những lý do này, Giáo hoàng đương nhiên là một thế lực chính trị quan trọng. Một vài nhà lãnh đạo tôn giáo khác

cũng đóng vai trò tương tự nhưng không ai nổi bật và có tầm ảnh hưởng bằng người đứng đầu Giáo hội Công giáo Roma. Nói thẳng ra, vai trò của Đức Giáo hoàng là hết sức lớn lao.

Đối với người Công giáo, Đức Giáo hoàng được tin là đại diện cho Đấng cứu thế trên trái đất, là người nối nghiệp Thánh Phêrô trong vai trò vị mục tử đứng đầu cộng đồng Kitô giáo. Vì vậy, trước hết ông phải là một con người thánh thiện gương mẫu, một người có sức lan tỏa ra chung quanh tình yêu của Chúa và sức mạnh của ơn cứu rỗi, một người biết cách truyền cảm hứng, khích lệ và an ủi mọi người, một người có thể hoàn thành tất cả sứ mệnh đó trong khi vẫn cai quản và uốn nắn các con chiên khi họ lầm đường lạc lối. Dưới nhiều góc độ, đây là công việc "bạc thếp" và bất khả thi, phải thực hiện một núi các yêu cầu mà từng cái một cũng phải mất cả đời mới làm xong.

Tất cả những điều này đều nằm trong suy ngẫm thấu đáo của Hồng y đoàn với 115 thành viên, tuổi dưới 80 và có đủ sức khỏe, đã đến Rome vào tháng Tư năm 2005 để thực hiện sứ mệnh khó khăn là lựa chọn Đức Giáo hoàng mới. Đầu chỉ có thế, họ không chỉ phải chọn một Giáo hoàng mới mà còn phải chọn người kế vị cho Đức John Paul II, một con người vĩ đại đã lưu lại dấu ấn trên thời đại của mình với những thành tựu mà ít Giáo hoàng nào trước đây có thể làm được. Có một câu nói sáo quên thuộc rằng, Giáo hoàng John Paul II sẽ là một tấm gương khó ai theo kịp, vì thế các Hồng y hiểu rằng họ phải lựa chọn rất cẩn thận. Phần lớn các Hồng y ở tuổi trên dưới thất thập cổ lai hy đều ý thức được rằng họ chỉ có được một cơ hội duy nhất trong đời để bỏ phiếu tín nhiệm bầu chọn Đức Giáo hoàng. Bởi vậy, trách nhiệm của họ càng trở nên nặng nề hơn.

Người Công giáo tin rằng việc bầu Đức Giáo hoàng được diễn ra dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh thần. Cho nên, trước hết đây không phải là một động thái chính trị mà là một tiến trình nhận thức thiêng liêng khởi nguồn từ việc cầu nguyện. Khái niệm này đã được Đức Hồng y Ennio Antonelli đúc kết hôm trước ngày họp Cơ Mật Hội.

Ông là một vị Hồng y đến từ Florence tỉnh tỉnh vui vẻ, luôn tươi cười và được một số người xem là ứng viên cho chức Giáo hoàng. Ông cho rằng, Chúa đã biết rõ ai là vị Giáo hoàng mới, cho nên công việc của các Hồng y đơn thuần chỉ là tìm ra người mà Chúa đã chọn. Nhiều quan sát viên có thâm niên ở Vatican coi nhận xét trên như là một câu giăng dáo; nhưng khi nghe các Hồng y kể lại sau đó, có lẽ nhiều người trong số họ đã cảm nhận tiến trình sự việc y như vậy. Ít nhất thì một số Hồng y cũng nhận ra sự xung khắc giữa lời cầu nguyện và chính kiến của họ. Tận trong đáy lòng, họ xem Joseph Ratzinger là người phải chọn, nhưng lại lo ngại, nhất là ở một vài khu vực như Tây Âu và Hoa Kỳ, rằng vị Hồng y này sẽ mang theo quá nhiều "hành trang" từ 24 năm nắm giữ vai trò làm Hộ pháp cho Học thuyết Giáo hội¹ đầy khó khăn và lắm nhiều khê. Cuối cùng, hầu hết đã bầu chọn theo lương tâm hơn là nghe theo tiếng nói quan ngại. Họ đã cố làm theo lời tuyên thệ mà trước mỗi vòng phiếu, mỗi người phải đọc lớn tiếng dưới bức họa uy nghi Ngày phán xét do Michelangelo vẽ: "Xin Chúa Kitô hãy phán xét con, chứng giám là con đã bầu cho người mà trước mặt Chúa, con tin là đáng được chọn".²

Chắc chắn là khi bỏ phiếu bầu Giáo hoàng, nhiều Hồng y đã nghe vang trong ký ức họ những câu thơ từ bài Roman Tryptych của John Paul. Khi suy ngẫm về Cơ Mật Hội sẽ bầu người kế vị cho mình, cố Giáo hoàng đã viết: "Điều cần thiết là Michelangelo sẽ dạy họ khi họ họp lại... Cảnh tượng Michelangelo đã thấy phải dạy họ". Ông muốn nhắc nhở các Hồng y không được nghĩ đến các hậu quả về chính trị hay sự nghiệp khi bầu chọn, mà chỉ nên nghĩ đến lúc bị phán xét ở đời sau, khi đó họ sẽ phải trả lời với Đấng Tối cao về chọn lựa của mình.

1) Ratzinger đứng đầu Thánh bộ Giáo lý Đức tin trong 24 năm, có bốn phần bảo vệ học thuyết chính thống của Giáo hội. Trong công việc của mình, ông phải hướng dẫn, cảnh cáo, có khi ra hình phạt. Vì thế, ông được gọi là Hộ pháp Học thuyết Giáo hội.

2) Trên vòm Nguyễn đường Sistine, nơi họp Cơ Mật Hội để bầu Giáo hoàng là bức họa nổi tiếng của Michelangelo vẽ có lên là "Ngày phán xét"

Chúa – hay lịch sử – sau này sẽ phân xét xem họ đã chọn đúng hay sai là điều chưa ai biết. Nhưng vào thời điểm này, nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict XVI thì mọi việc rõ ràng như một quyển sách đã mở, chỉ còn chờ đặt bút viết các chương vào. Với tính cách của con người này, chúng ta có thể nói chắc một điều là nhiệm kỳ của vị Giáo hoàng thứ 265 của Giáo hội Công giáo sẽ không nhàm chán, đơn điệu. Những chuỗi ngày hấp dẫn và đầy kịch tính đang nằm ở phía trước.

Khi chọn Joseph Ratzinger làm Giáo hoàng, các Hồng y đã phá vỡ nhiều kinh nghiệm truyền thống liên hệ tới việc bầu Giáo hoàng: đầu tiên là câu nói “Ai bước vào là Giáo hoàng, ai bước ra là Hồng y” – (ý nói những ứng cử viên có triển vọng nhất sẽ không được chọn, câu này sai đối với ba trong sáu lần bầu Giáo hoàng gần đây); hai là ai có liên quan mật thiết với chính sách của vị Giáo hoàng trước sẽ không được chọn; ba là 76% các Hồng y đến từ các giáo phận trên khắp thế giới sẽ không bầu cho thành viên của Giáo triều Roma (tức Nội các của vị Giáo hoàng); bốn là các Hồng y không muốn bầu cho người châu Âu, nơi đức tin càng ngày càng giảm sút; năm là ở cái tuổi 78 là quá già để đảm nhận chức vụ to lớn, nặng nề này; sáu là Ratzinger đã nắm giữ quyền hành quá lâu và có quá nhiều thù cũng như bạn để có thể thu được hơn hai phần ba phiếu bầu. Tất cả những dư luận gây trở ngại đó, ít nhất là trong lần này, đều được coi là chuyện nhảm nhí. Thêm vào đó, ý kiến phổ biến ở nhiều nơi rằng người Italia sẽ làm tất cả để Giáo hoàng phải là người bản xứ đã được chứng minh là vô căn cứ. Trên thực tế, nhiều Hồng y không phải là người Italia nói rằng đồng sự người Italia của họ hầu hết đã bầu một cách “khách quan”, chú trọng con người chứ không phải họ chiếu của người đó. Nhìn chung, logic chính trị đã nhường bước để lý trí đơn thuần chỉ ra người xứng đáng, bất chấp tuổi tác, quốc tịch hay sự nghiệp quá khứ. Ratzinger là ứng cử viên có đủ điều kiện và được chuẩn bị tốt nhất.

Mặt khác, thần học chính thống của Công giáo cũng dạy rằng ân sủng được xây dựng trên nền tảng của tự nhiên chứ không loại bỏ tự nhiên. Vì thế, niềm tin rằng Chúa can thiệp vào việc tuyển chọn

Giáo hoàng cũng không làm giảm đi bản chất của một tiến trình mang tính chính trị. Như một Hồng y sau đó đã nói với tôi, "Tôi chưa khi nào được Chúa Thánh thần gõ vào đầu. Tôi đã phải dựa vào những thông tin mình có để đưa ra chọn lựa tốt nhất". Bởi thế, việc bầu cử Joseph Ratzinger cũng là một vở kịch nhuộm màu chính trị mà kết thúc vẫn còn mù mờ khi đã hạ màn xuống, và kết thúc đó có thể sẽ khác hẳn nếu xuất hiện một vài biến cố. Dầu kết quả của việc bầu cử nào đi chăng nữa thì sau khi sự việc xảy ra, cảm giác về nó không bao giờ nguyên vẹn như trước. Như người ta thường nói, lịch sử chỉ có thể hiểu sau, nhưng lại phải diễn tiến trước.

Ở một góc độ nào đó, có thể nói Đức Giáo hoàng John Paul đã hấp hối nhiều năm trước khi thực sự qua đời; và vì thế cuộc họp Cơ Mật Hội năm 2005 phải là một sự kiện đã được chuẩn bị và tập dượt rất chu đáo. Nhưng theo hầu hết các Hồng y thì thực tế đã xảy ra ngược lại. Vì John Paul đã vượt qua biết bao cuộc khủng hoảng trong suốt 27 năm tại vị nên nhiều người đã thôi không nghĩ đến sự kế vị, bởi vì đường lối chính trị còn nhiều chuyển biến trước khi biến cố thực sự xảy ra. (Thực vậy, nếu John Paul sống thêm ba tháng nữa, rất có thể ông sẽ dựng nên một đội ngũ Hồng y mới và như thế sẽ phân lại các vai cho tấn tuồng một lần nữa).

Thậm chí vào những tuần cuối đời của Giáo hoàng, khi cái chết đã gần như cận kề, hầu hết các Hồng y chỉ nghĩ đến các vấn đề và tính cách người lãnh đạo mới chứ cũng không xác định ai sẽ là ứng cử viên thực thụ. Vì thế, khi họ tề tựu ở Rome vào đầu tháng Tư, việc bầu cử vẫn còn bỏ ngõ.

Có lẽ người diễn đạt ý tưởng trên hay nhất không ai khác ngoài chính Tân Giáo hoàng Benedict XVI. Lúc còn là Hồng y, Joseph Ratzinger trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình Bavaria^() năm 1997 khi được hỏi rằng, liệu có phải Đức Chúa Thánh thần chịu trách nhiệm về người được chọn làm Giáo hoàng hay không, đã trả lời như sau:*

(*) Bavaria, một bang miền Nam nước Đức, quê hương của Giáo hoàng Benedict XVI

"Tôi sẽ không nói thế, theo nghĩa là Chúa Thánh thần lựa ra ai là Giáo hoàng... Tôi sẽ nói là Chúa Thánh thần không thực sự nắm hết mọi thứ, nhưng như một nhà sư phạm giỏi, nếu có thể nói như vậy, Người sẽ để chúng ta được nhiều không gian hơn, nhiều tự do hơn, tuy vậy vẫn không hoàn toàn bỏ mặc chúng ta. Bởi vậy, vai trò của Chúa Thánh thần cần phải được hiểu một cách linh hoạt hơn, không phải là Người chỉ định ứng cử viên mà ta phải bỏ phiếu. Có lẽ Người chỉ đảm bảo một việc, đó là không để cho mọi việc đổ vỡ hoàn toàn."

Rồi ông đưa ra luận cứ then chốt:

"Có quá nhiều ví dụ ngược lại về những Giáo hoàng mà rõ ràng là Chúa Thánh thần đã không chọn lựa."

Trước khi cố gắng ghép lại các lát cắt về cuộc bầu cử Giáo hoàng, tôi đã theo dõi những buổi mạn đàm ngay sau cuộc bầu cử của tám vị Hồng y, đại diện cho năm quốc gia khác nhau (đến từ ba châu lục). Bởi các Hồng y đã tuyên thệ giữ bí mật nên những cuộc trao đổi này chỉ mang tính "sau hậu trường", có nghĩa là không được nêu tên của họ ở đây. Không một Hồng y nào, theo tôi, đã vi phạm lời tuyên thệ giữ bí mật trong những cuộc đối thoại của chúng tôi, dù chỉ là gián tiếp. Ví dụ, không ai tiết lộ cụ thể quá trình bỏ phiếu. Tuy nhiên, họ sẵn sàng giúp tôi có một cái nhìn bao quát về các hoạt động diễn ra trước Cơ Mật Hội – những cuộc gặp gỡ vào lúc ăn tối của Hồng y đoàn, những cuộc trao đổi đêm khuya, những buổi đàm luận tự do trong cơ ngơi của bằng hữu của các thành viên trong Hồng y đoàn. Họ còn sẵn lòng cho biết một cách chung chung về những gì diễn ra trong cuộc họp Cơ Mật Hội và làm thế nào mà trong một thời gian khá ngắn ngủi, một nhóm 115 vị Hồng y khác nhau, mỗi người với quan điểm riêng của mình về tương lai của Giáo hội đã tìm được sự nhất trí trong việc lựa chọn một ứng cử viên duy nhất để lãnh đạo họ. Tôi xin gửi lời cảm ơn vô hạn tới các vị Hồng y này, những người hiểu rằng sự quan tâm chính đáng của công chúng cần được đáp ứng với những thông tin chính xác nếu muốn tránh những lời bàn tán vô căn cứ.

Nguyên tắc của tôi trong việc này là không tin tưởng bất cứ những gì đến từ nguồn tin gián tiếp. Trước khi có sự xác nhận của ít nhất là hai Hồng y về một điểm nào đó, tôi xem điều đó là không đáng tin cậy. Có rất nhiều lời đồn thổi xung quanh cuộc họp bầu Giáo hoàng nhưng không được nhắc đến; và cũng có thể là sau một thời gian, một số thông tin được chứng minh là chính xác. Tuy nhiên, tôi muốn đọc giả hiểu rằng tất cả những điều ghi lại trong quyển sách này đều đã qua một quá trình xác minh gắt gao nhất (có thể).

Việc bầu chọn Joseph Ratzinger là Benedict XVI, Giáo hoàng thứ 265 theo số liệu chính thức của Vatican (tính cả ba lần giữ chức vị này không liên tục của Giáo hoàng Benedict IX vào thế kỷ 11), là điều quan trọng không chỉ đối với các nhà nghiên cứu lịch sử Giáo hội mà cả những người hiểu kỳ. Lý do ông được lựa chọn, đường lối ông theo đuổi sẽ ảnh hưởng đến cục diện toàn cầu. Hơn nữa, thật là ngốc nghếch nếu xem việc bầu một người Đức ở tuổi 78 là chọn một Giáo hoàng tạm "của thời kỳ quá độ", một kẻ vô tích sự. Nói trắng ra, không hề có một tí gì là "tạm" trong con người Joseph Ratzinger. Song, đây cũng không phải là sự bỏ phiếu để tiếp tục với đường lối chủ đạo của John Paul II, như thể Hồng y đoàn đơn giản chỉ bầu lại vị Giáo hoàng trước. Mặc dù chắc chắn Benedict XVI sẽ tiếp bước dưới ngọn cờ của người tiền nhiệm, vì ông có liên quan mật thiết đến việc xây dựng chương trình hoạt động về thần học và giáo lý trong triều đại trước, song ông sẽ phải thể hiện phong cách riêng và những ưu tiên của mình trong công việc. Ông là một nhà tư tưởng độc đáo, và ai cũng có thể hy vọng nhiệm kỳ của ông sẽ rất ấn tượng.

Cũng cần phải nói thêm: nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict gần như chắc chắn sẽ gây tranh luận, đặc biệt đối với những người Công giáo có xu hướng phóng khoáng cũng như các tổ chức truyền thông thế tục sẽ thích một Giáo hoàng có những quan điểm gần gũi với các bài xã luận của tờ Thời báo New York hơn là với Sách giáo lý của Giáo hội Công giáo. Trong khi Giáo hoàng Benedict XVI sẽ tỏ ra là một người gây thiện cảm hơn so với những hình ảnh của ông trước

đây; điều đó cũng không thể tránh khỏi việc ông sẽ là vị Giáo hoàng có những thông điệp mạnh mẽ trong giáo huấn – và có thể không phải lúc nào người ta cũng thích những gì họ nghe được – về đủ mọi vấn đề từ tính dục của con người đến tính đa nguyên trong tôn giáo và sự thực thi quyền hành trong Giáo hội. Sẽ có rất nhiều điều để tranh cãi, nhiều vấn đề không tìm được sự đồng thuận giữa những người Công giáo trung thành cũng như các tín đồ nam nữ thuộc mọi tôn giáo. Các Hồng y cũng hiểu rõ điều này, cho nên cái logic trong việc họ chọn lựa Đức Benedict XVI càng đặc biệt đáng nghiên cứu và học hỏi.

Quyển sách này sẽ kể về những ngày cuối cùng của Đức Giáo hoàng John Paul II, về những nỗ lực trong nội bộ Hồng y đoàn dẫn đến việc chọn Joseph Ratzinger làm Giáo hoàng Benedict XVI, và về phương hướng vị Giáo hoàng mới chọn lựa để dẫn dắt Giáo hội Công giáo. Rất may là điều này sẽ không chỉ là công việc suy đoán đơn thuần, bởi trong tất cả các thành viên của Hồng y đoàn, Ratzinger có lẽ là nhân vật được đề cập nhiều nhất trong vô số các tài liệu, hồ sơ, và cũng không có mấy ai ở Vatican nổi tiếng như ông. Ông đi đầu trong việc cấm đoán phong trào thần học giải phóng ở châu Mỹ La-tinh vào những năm 1980, bảo vệ mạnh mẽ quan điểm truyền thống về các vấn đề đạo đức tính dục như đồng tính luyến ái, yêu cầu việc tôn trọng các tôn giáo khác không được làm lu mờ tính độc nhất của sự cứu rỗi nhờ Chúa Kitô, và đòi hỏi các nhà thần học Công giáo phải ủng hộ các giáo huấn của Tòa thánh; vì thế đã thu hẹp khả năng được phép lựa chọn của các nhà thần học giữa “đối lập trung thành” hay “bất đồng quan điểm”. Chẳng cần phải suy đoán cũng biết rằng các quan điểm này sẽ tiếp tục duy trì sức mạnh trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông.

Tuy nhiên, phần ghi chép ở đây không phải là toàn bộ câu chuyện về Joseph Ratzinger. Những người quen biết ông đã nhận xét là ở ông có một sự khác biệt rạch ròi giữa con người của công chúng với con người riêng tư. Trong những buổi tiếp xúc thân tình, Ratzinger bao giờ cũng là người bao dung, khiêm tốn, nhã nhặn,

không bao giờ dùng bộ óc trác tuyệt của mình để áp đặt người khác mà luôn sẵn sàng thảo luận về mọi việc. Ông cũng được nhiều người cho là có khiếu khôi hài lém lỉnh với nụ cười hóm hỉnh và khả năng gieo vào lòng người đối diện cái cảm giác thoải mái, dễ chịu.

Trong cuộc phỏng vấn vào năm 2002 về chủ đề Thiên Chúa và thế giới, Ratzinger nói: "Thiên Chúa có óc khôi hài tuyệt vời!"

"Đôi lúc cứ như thể Người hích vào tay ta và nói: 'Này, đừng tỏ ra quá nghiêm trọng như vậy chứ!'" Ratzinger nói tiếp, "Trên thực tế, hài hước là yếu tố quan trọng trong thú vui sáng tạo. Chúng ta có thể thấy tại sao, trong nhiều việc lớn nhỏ của cuộc sống, Chúa nhắc nhở chúng ta nên nhìn mọi việc một cách nhẹ nhàng hơn, cố gắng nhận ra khía cạnh tươi sáng của nó, bước xuống khỏi cái bề đúng của chúng ta và không được quên óc hài hước".

Đó không phải là một Joseph Ratzinger mà một số người nghĩ là mình hiểu rất rõ.

Vị Giáo hoàng mới còn được xem là một người biết lắng nghe. Sau chuyến đi ad limina đến Rome, tức cuộc thăm viếng Đức Giáo hoàng và các Thánh bộ Vatican mà các Giám mục phải thực hiện năm năm một lần, nhiều Giám mục đã so sánh kinh nghiệm đón tiếp tại Bộ Giáo lý Đức tin với các Bộ khác của Giáo triều Roma. Họ nói, ở những nơi khác, thông thường thì vị Hồng y đứng đầu các Bộ bước vào phòng, đọc một bài diễn văn soạn sẵn, rồi bước ra khỏi phòng, như thể các Giám mục là một nhóm sinh viên năm thứ nhất. Với Hồng y Ratzinger thì lại khác, các Giám mục kể rằng, ông hỏi thăm về những mối quan tâm của họ và bao giờ cũng chăm chú lắng nghe những điều họ muốn nói. Đây là những đặc điểm tích cực đầy hứa hẹn đối với một vị Giáo hoàng thừa hưởng một Giám mục đoàn trước đây vẫn thường hay bất mãn vì không được lắng nghe tại Rome.

Hơn nữa, nếu chỉ chú mục vào các tranh luận trong những năm Hồng y Ratzinger làm việc ở Vatican thì sẽ không thấy được những mối quan tâm sâu xa hơn của ông vốn tiềm ẩn dưới các cuộc tranh luận đó; đồng thời cũng sẽ không thấy những hoạt động có phần

lặng lẽ hơn ở Bộ của ông, những công việc không bao giờ thu hút sự chú ý của công chúng. Về cơ bản, Ratzinger từ lâu đã lo ngại rằng thông điệp Kitô giáo – rằng Chúa đã bước vào lịch sử nhân loại trong hình hài của Chúa Giêsu nhằm vạch ra con đường cứu rỗi cho loài người, con đường bất di bất dịch với thời gian hoặc trào lưu – có nguy cơ bị vô hiệu hóa trong một môi trường văn hóa gần như đã không còn khái niệm về sự thật khách quan. Ông cho rằng mất lòng tin vào chân lý sẽ dẫn đến những hậu quả thảm khốc. Ông đã chứng kiến điều này ở Đức Quốc xã, khi đó những quan điểm sai lầm về bản tính con người đã dẫn đến thảm họa của Đệ nhị Thế chiến, trong đó có cả nỗi kinh hoàng của việc hủy diệt người Do Thái. Vì thế, mối quan tâm của ông trong việc gìn giữ các chân lý đức tin không đơn giản là ý chí độc tài muốn kiểm soát giới hạn cho phép của tư tưởng, mà nó có gốc rễ sâu xa hơn nhiều.

Điều quan trọng là không nên tự động biến Ratzinger khi còn nắm quyền ở Bộ Giáo lý Đức tin thành Ratzinger trong vai trò mới là Chủ chiên của toàn Giáo hội Công giáo. Bất kể thiên hạ có nói về vai trò bảo vệ Vatican của ông ngày trước như thế nào đi nữa thì Đức Giáo hoàng phải hiểu rằng, trước hết không thể thuyết phục người ta tin vào thông điệp của Chúa Kitô nếu chỉ dựa vào các cuộc tranh luận về học thuyết. Họ muốn thấy đức tin Kitô giáo mang lại niềm vui, rằng đó là nguồn sống và hy vọng, rằng đức tin đó nhóm lên ngọn lửa yêu thương và sự hy sinh. Trong bài phỏng vấn do Vittorio Messori thực hiện vào năm 1985 mà sau này trở thành Báo cáo Ratzinger, ông thừa nhận điều này: "Lời biện hộ thực sự hiệu quả cho đức tin Kitô giáo rốt cuộc chỉ nằm trong hai luận cứ. Đó là các vị thánh Giáo hội đã phát sinh ra và các công trình nghệ thuật Giáo hội đã cứu mang".

Những ngày đầu sau khi đắc cử, Giáo hoàng Benedict đã cố trình bày những luận điểm này. Trong bài nói chuyện của ông vào ngày 20 tháng Tư, nằm trong loạt bài của một chương trình phát vào các sáng thứ Tư, sau Thánh lễ với các Hồng y tại Nhà Nguyễn Sistine, ông bàn về việc hợp nhất Giáo hội, hòa hợp tôn giáo, nhu

câu của Giáo hội phải đóng góp vào sự phát triển xã hội đích thực, và mong muốn được truyền tải niềm vui và hy vọng đến toàn thế giới của ông. Giáo hội kêu gọi sự hợp tác giữa các Giám mục và Giáo hoàng, nhắc tới tính tập thể (collegiality) của các Giám mục trong Giáo hội. Ông cũng đưa ra lời cam kết gắn bó với Công đồng Vatican II (1962 – 1965), một tín hiệu quan trọng cho những ai nghĩ rằng ông đã có “quay ngược thời gian” đối với những cải cách liên quan tới cộng đồng. Benedict XVI còn nói, ông sẽ nỗ lực tìm ra một cách tiếp cận đặc biệt với giới trẻ giống như cung cách của người tiền nhiệm, John Paul II. (Sau đó, Vatican đã xác nhận rằng Tân Giáo hoàng sẽ đến Cologne³⁾ vào tháng Tám trong Ngày Thanh Niên Thế Giới). Thứ Hai ngày 25 tháng Tư, trong buổi gặp mặt với đại diện của nhiều tôn giáo khác, Giáo hoàng nói: “Vào lúc bắt đầu nhiệm kỳ của mình, tôi muốn gửi đến các ngài – những người tin vào các truyền thống tôn giáo đại diện cho tất cả những ai đi tìm chân lý với trái tim chân thành – một lời mời gọi đầy nhiệt huyết để chúng ta cùng nắm tay nhau xây dựng hòa bình trong một cam kết đầy thông hiểu, tôn trọng và yêu thương nhau”.

Những việc trên phần nào hé lộ nhiệm kỳ của Giáo hoàng Benedict XVI sẽ còn nhiều bất ngờ nữa.

Bởi vì việc Tân Giáo hoàng là nhân vật rất nổi tiếng đã tạo ra nhiều phản ứng khác nhau, trong đó phản ứng đầu tiên đối với việc ông được chọn đã hơi quá “nóng” đối với một số thành phần. Các nhóm Công giáo có xu hướng cấp tiến hay tự do có phần bi quan, tuyệt vọng. Một bình luận viên khá nổi tiếng theo xu hướng tự do đã gọi kết quả bầu cử là “thảm họa”; những người khác thậm chí còn nói những điều tồi tệ hơn ngay trước khi Tân Giáo hoàng đưa ra phát ngôn đầu tiên. Một tờ báo cánh tả hàng đầu ở Italia đã tóm lược

3) Cologne là thành phố lớn thứ tư của nước Đức, với bề dày lịch sử 2000 năm. Cologne là nơi có nhiều di sản kiến trúc đồ sộ và hội tụ nhiều nền văn hóa khác nhau như Roma, Trung Đông; Nhà thờ và sông được xem là linh hồn của thành phố cổ này. Nổi tiếng khắp thế giới và có vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo ở châu Âu là nhà thờ Dom (nằm ở trung tâm thành phố và được xây dựng từ năm 817) trải qua nhiều nấc thang lịch sử thăng trầm. Sông Rhine tho thong chảy qua trung tâm thành phố, là đường giao thông huyết mạch của phía Đông Nam và Nam Bắc châu Âu.

chính sách tương lai của Giáo hoàng bằng cách đăng lên trang bìa bức biếm họa nhại lại một khoảnh khắc nổi tiếng của Giáo hoàng John XXIII. Đó là vào một đêm trăng, vị “Giáo hoàng John tốt bụng” đứng ở cửa sổ Tòa thánh Vatican nói chuyện với đám đông ở quảng trường Thánh Phêrô⁴; ông nói: “Hãy về nhà, hôn con của các bạn và bảo chúng là Giáo hoàng gửi chúng nụ hôn đó”. Còn trong bức biếm họa này, Giáo hoàng Benedict đứng bên cửa sổ và nói: “Hãy về nhà đánh đòn bọn nhóc rồi bảo chúng là Giáo hoàng nhờ đánh hộ đấy”. Một tờ báo Italia khác gán cho Tân Giáo hoàng cái tên xách mé “il pastore Tedesco”, có nghĩa là “vị mục tử người Đức” và cũng là “con béc giê Đức” – một lối chơi chữ châm biếm về quốc tịch cũng như việc ông nổi tiếng là “dữ dằn” trong vai trò của kẻ bảo vệ trung thành học thuyết chính thống.

Bên các nhóm Công giáo cánh hữu thì có những giọng điệu còn khó nghe hơn. Ví dụ, chỉ vài giờ sau cuộc bầu Giáo hoàng Benedict, tôi nhận được nhiều email dự đoán rằng tờ báo mà tôi đang là cộng tác viên, tờ Phóng viên Công giáo toàn quốc (National Catholic Reporter), sẽ bị xóa sổ trong nhiệm kỳ của ông. Những người khác bắt đầu chuyển cho nhau danh sách những kẻ thù, gồm tên các thành viên nổi tiếng của trường phái tự do sẽ bị Benedict “thanh trừng”. Như chúng ta sẽ đọc thấy trong Chương 5, một nhân vật nổi bật trong phái tự do đã rút dài chỉ một thời gian ngắn sau đó, mặc dù đó là kết quả của một thủ tục được áp dụng rất lâu trước khi Ratzinger trở thành Giáo hoàng. Dĩ nhiên, bàn cãi về những lập trường mình có thể chọn là chuyện hoàn toàn hợp pháp rồi sau đó vẫn có thể tự xem mình là “người Công giáo”; và có vẻ như nhiệm kỳ Giáo hoàng sẽ là cơ hội cho nhiều cuộc tranh luận tương tự. Nhưng việc biến phản ứng đầu tiên của bạn trước tin vui Giáo hội có Giáo hoàng mới thành một cảm giác thù địch cho thấy một sự thiếu hụt đáng lo trong tinh thần Kitô giáo.

4) Về các tên Thánh vốn đã quen thuộc với bạn đọc Công giáo nói riêng và độc giả Việt Nam nói chung nên chúng tôi xin được mạn phép sử dụng tên phiên âm và Việt hóa. Còn tên các Giáo hoàng, Hồng y, Giám mục, nhà báo, chính khách, chúng tôi vẫn giữ nguyên tên tiếng Anh.

Về mặt này, tôi rất vui trước những phản ứng, chẳng hạn như của Stephen Hand, biên tập viên của một trang web nhỏ có tên là “Diễn đàn Công giáo Truyền thống”. Hand có thể được coi là một người Công giáo bảo thủ. Mấy năm trước đây, ông có viết một bài phê bình rất gắt gao, và cũng không phải là hoàn toàn bất công, về cuốn tiểu sử tôi viết năm 1999 có tựa đề: Hồng y Ratzinger – Người bảo vệ đức tin của Vatican. Sau kết quả bầu cử Giáo hoàng, Hand mời tôi viết một bài cho trang web của ông, trong đó thể hiện nguyện vọng muốn tạo một bước khởi đầu mới. “Hãy làm lại từ đầu!”, ông đề nghị. “Tất cả những gì chúng ta đều muốn là những bản tin trung thực, cho dù luôn có những xung khắc trong cách nhìn nhận. Chúa biết chúng ta cần cố gắng để đạt đến sự đồng cảm thật sự. Song, tương lai có thể sẽ rất khác”.

Thật đáng tiếc, vì phải hoàn chỉnh bản thảo này nên tôi đã không thể viết bài theo yêu cầu của Hand được. Nhưng tôi muốn nhân cơ hội này để khen ngợi tinh thần hợp tác mà ông đã thể hiện trong lời mời; theo tôi, cử chỉ đó đã thể hiện tốt nhất cái bản ngã Công giáo – luôn sẵn sàng cho mọi cơ hội phục thiện, được cứu chữa và bắt đầu lại. Hy vọng là tinh thần đó sẽ lan tỏa khi nhiệm kỳ của Tân Giáo hoàng mới bắt đầu.

Nhân cơ hội này, tôi cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới rất nhiều người mà nếu không có sự hỗ trợ của họ thì quyển sách này không thể ra đời. Trước hết, tôi tỏ lòng biết ơn chân thành đến Ban biên tập tờ National Catholic Reporter, những người đã quyết định đầu tư nguồn lực vào đề tài Vatican cách đây năm năm, và điều này đã mở ra cơ hội cho tôi. Nếu không có sự ủng hộ và tầm nhìn của họ, tôi đã không có dịp trải nghiệm qua những sự việc trình bày ở đây. Tôi cũng xin gửi lời tri ân đến tập thể nhân viên của National Catholic Reporter, đặc biệt là nhóm phóng viên nhà báo đưa tin về cuộc bầu cử; đó là chủ báo Sơ Rita Larivee, biên tập viên Tom Roberts, bình luận viên Sơ Joan Chittister, và phóng viên Stacy Meichtry, người có những bản tin tuyệt vời. (Nếu không có tờ báo hay

hãng tin lớn nào nhanh chóng mời Meichtry về làm việc, thì chắc chắn là có một thiếu sót trầm trọng gì đó trong khả năng đánh giá của ngành báo chí Hoa Kỳ). Bên cạnh đó, Dennis Coday cũng giúp tôi rất nhiều trong các khâu kỹ thuật và biên tập.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới mọi người ở CNN, kênh thông tin đã tạo cho tôi cơ hội tham gia vào nhóm thông tin của họ về cái chết của Giáo hoàng John Paul II, lễ tang của ông, buổi họp kín bầu chọn Benedict XVI và Thánh lễ mở tay của Tân Giáo hoàng. Tôi đã có được cơ hội làm việc với những phóng viên, đạo diễn, các nhân viên kỹ thuật giỏi nhất của đài truyền hình, và những kỷ niệm đó sẽ sống mãi trong tôi suốt cuộc đời. Cho tôi gửi lời cảm ơn đặc biệt tới Gail Chalef, người lên kế hoạch suốt tháng giúp tôi và luôn cổ vũ động viên tôi, cũng như đến Joy DiBenedetto mà sự tin tưởng của bà đã giúp tôi ký được hợp đồng với CNN. Xin cảm ơn Delia Gallagher, cộng sự của tôi trong công tác phân tích cho CNN về Vatican suốt giai đoạn này. Công việc có lẽ sẽ khó khăn và buồn chán hơn nhiều nếu thiếu đi sự vui tính, năng nổ và tấm lòng quảng đại của bà. Xin cảm ơn Jim Bitterman và Alessio Vinci, những người đã cùng tôi viết bài về Giáo hoàng trong nhiều năm; lần này nữa họ lại là những đồng nghiệp quá tuyệt vời. Tôi cũng xin chia sẻ lòng biết ơn của tôi đến Hada Mesia, nhà sản xuất chương trình về Rome của CNN, người đã chịu quá nhiều áp lực khi đưa tin của hệ thống thành công một cách tốt đẹp. Tôi và bà đã chia sẻ trải nghiệm này từ cách đây năm năm. Tinh thần, sự tận tụy không mệt mỏi và sự tin nhiệm của bà sẽ sống mãi trong ký ức tôi.

Cuối cùng, tôi muốn cảm ơn vợ tôi, Shannon, dù ngôn từ khó có thể chuyển tải hết sự hy sinh và ủng hộ của nàng. Nếu không có sự hỗ trợ hậu cần của nàng, (bao giờ cũng sẵn sàng đi bất cứ đâu và làm bất cứ việc gì để giúp đỡ chồng, lòng tin không suy chuyển vào năng lực của chồng) thì quyển sách này khó có thể hoàn thành được. Những ý kiến phản hồi của nàng về bản thảo quyển sách này là một đóng góp rất lớn.

Tôi luôn tin tưởng rằng Giáo hội Công giáo, đặc biệt là Vatican, là đề tài hàng đầu cho báo chí. Nó kết hợp nghi lễ, bí ẩn và lãng mạn với các vấn đề thâm sâu nhất của cuộc sống con người với niềm tin tôn giáo, với tác động chính trị trong thế giới thực của một thể chế quan trọng trên toàn cầu. Không có bất cứ điều gì mà con người quan tâm lại xa lạ đối với Tòa thánh Vatican, như từ bom đạn, chiến tranh Iraq đến việc nghiên cứu về gen di truyền và tính đa nguyên trong tôn giáo. Tôi cảm ơn tất cả những người đã tạo điều kiện cho tôi quan sát thế giới từ cánh cửa sổ đặc biệt này, và tôi hy vọng rằng lòng đam mê, sự nhiệt huyết và sức hấp dẫn của vấn đề sẽ tìm được sự đồng cảm của các bạn qua những trang sách này.

P H Ầ N

I

TẠI CỬA SỔ
NHÀ CHA

ĐỨC JOHN PAUL II - MỘT HUYỀN THOẠI, MỘT DI SẢN

“Tôi thỉnh cầu Chúa gọi tôi về lúc nào Người muốn”

Đức John Paul II

Khi Karol Wojtyla được bầu lên ngai Thánh Phêrô vào ngày 16 tháng Mười năm 1978, cả thế giới sững sờ trước vóc dáng cường tráng của ông. Nếu dùng một lời nói đã sáo mòn thì ông là “mẫu đàn ông đích thực”, một thân thể tráng kiện, tuấn tú, tràn đầy sinh lực và tự tin. Cha Andrew Greeley, một tiểu thuyết gia đồng thời là một nhà xã hội học người Hoa Kỳ, đã có lý khi nhận xét rằng Tân Giáo hoàng trông giống như một hậu vệ môn bóng bầu dục. Tổng Giám mục Michael Miller, nay là quan chức cấp cao của Tòa thánh Vatican, vào thời điểm bầu cử, Wojtyla chỉ là một nhân viên cấp thấp trong Phủ Quốc Vụ khanh, trong hồi ký năm 2005 có nhắc đến giây phút John Paul II bước ra ban công chính của Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô như sau: “Ngài đơn thuần thống trị khoảng không gian đó. Cứ như thế, Ngài đã là Giáo hoàng từ muôn thuở vậy”.

Trên báo chí vào những năm đầu tại vị, Đức Giáo hoàng được đặt tên là “Lực sĩ của Chúa”. Ông trượt tuyết, leo núi, bơi lội và say mê cuộc sống ngoài trời. Câu chuyện về việc ông được bổ nhiệm làm Giám mục ở Ba Lan đã trở thành một huyền thoại – đó là khi ông phải bỏ dở một chuyến dã ngoại để tiếp nhận chức vụ, nhưng ngay sau khi ký xong giấy tờ ông đã lập tức quay lại với chiếc xuồng kayak. Ngồi vào bàn, Đức Giáo hoàng luôn dùng các món ăn thoải mái với vẻ ngon miệng của người đã

từng làm việc ở mỏ muối Solvay bên ngoài Krakow⁵; một đĩa xúc xích Ba Lan cùng với khoai tây và một ly bia được ông thưởng thức với niềm hứng thú rạng ngời. Kể cả khi mặc lễ phục Giáo hoàng và dâng Thánh lễ, con người ông cũng toát ra một sinh lực tràn trề. Trong các chuyến đi, ông tuân theo một lịch trình dày đặc khiến cho các phụ tá cũng như các nhà báo tháp tùng cũng bị kiệt sức. Có vẻ như ông muốn thách thức với giới hạn không gian và thời gian, bởi trong người ông tràn trề nhiệt huyết và sinh lực. Ví dụ, vào năm 1979, ông tham gia một hành trình dài chín ngày đến Hoa Kỳ và Ireland; và trong thời gian đó ông đã thực hiện một số lượng khủng khiếp tới 76 bài diễn thuyết, có nghĩa là trung bình mỗi ngày ông hoàn thành hơn 8 bài diễn thuyết. Cánh báo chí kể lại rằng có một lần, các phóng viên tháp tùng chuyến bay của Giáo hoàng vì quá mệt nên đã chuyển tay nhau đưa lên phía trước chuyên cơ một mẫu giấy đề nghị xin nghỉ một ngày. Thấy thế, John Paul II chỉ mỉm cười, như muốn nói: “Đố các vị theo kịp tôi đấy!”

Ông là một Giáo hoàng hiểu được tầm quan trọng của việc gìn giữ sức khỏe. Sau khi được bầu, ông ra lệnh xây một hồ bơi trong tòa nhà Castel Gandolfo, nơi ở vào mùa hè của Đức Giáo hoàng bên ngoài thành Rome. Khi một số người trong Giáo triều Roma phản đối khoản chi phí này, ông đáp: “Vẫn còn rẻ chán so với việc tổ chức một Cơ Mật Hội khác”. Với cái lý rất mạnh về cái chết của Giáo hoàng tiền vị, Đức John Paul I, chỉ sau 33 ngày nhậm chức, đề nghị của ông đã được chấp thuận.

Sức sống của John Paul II thật đáng kinh ngạc; tất nhiên không chỉ đến từ sức mạnh thể chất. Ông một lòng trông cậy sâu sắc và không bao giờ nao núng vào sự quan phòng thiêng liêng của Chúa, rằng Chúa sẽ không giao phó cho ông bất cứ gánh nặng nào mà không kèm theo sức mạnh để gánh vác nó, và rằng mọi chuyện xảy ra với ông đều nằm trong kế hoạch hoàn vũ. Chẳng hạn, ông tin chắc là ngày 13 tháng Năm năm 1981, Đức Trinh nữ Maria đã khiến đầu đạn của tên ám sát Mohammed Ali Agca lệch đường bay để cứu sống ông và kéo dài những ngày tháng

5) Krakow là một trong những thành phố cổ nhất của Ba Lan, nằm ở bên sông Wisla tại chân đồi Wawel ở vùng Tiểu Ba Lan (Maloposka).

lãnh đạo của ông. Hôm đó là Lễ Đức Mẹ Fatima⁶, và đúng một năm sau ngày bị ám sát hụt, John Paul II đi đến Fatima ở Bồ Đào Nha đặt viên đạn mà các bác sĩ đã lấy ra từ cơ thể của ông dâng trước tượng của Đức Trinh nữ, cảm tạ sự che chở của Người. Phương châm của nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông là *Totus tuus* (“hoàn toàn của Người”), nghĩa là ông đã hiến dâng nhiệm kỳ đó cho Đức Trinh nữ Maria; và giờ đây ông tin Đức Mẹ đáp lại lòng tin tuyệt đối của mình.

Cũng một phần nhờ lòng tin vào sự quan phòng mà Giáo hoàng John Paul II đã chịu đựng được những khó khăn đau đớn trong những năm cuối đời, không chỉ bằng ý chí ngoan cường mà còn với lòng thanh thản và óc hài hước. Bao giờ cũng là “nhà thông đạt tuyệt vời”, John Paul II học cách sử dụng những giới hạn về thân xác ngày càng tăng của mình – bệnh Parkinson, đau khớp hông, bệnh đường hô hấp, và viêm khớp – như một bộ công cụ khác trong túi cần khôn khi truyền bá Phúc âm, như một “thời điểm để giảng dạy”, để nói về giá trị và phẩm giá của mạng sống con người từ khi cất tiếng chào đời cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

Ở một góc độ nào đó, “mùa đông” cuộc đời của John Paul II kéo dài từ khoảng giữa thập niên 1990 đến khi ông về cùng Chúa vào ngày 2 tháng Tư năm 2005, minh chứng cho bản chất khắc nghiệt của nhiệm vụ mà ông được giao phó. Trong thực tế, trở thành Giáo hoàng có nghĩa là lãnh án chung thân. Vào Năm Toàn xá 2000, cái giá vốn đòi John Paul II phải trả đã trở nên hiển nhiên không thể nhầm lẫn được. Gương mặt một thời rạng rỡ là thế, sinh động là thế đã đông cứng lại thành cái mặt nạ của chứng bệnh Parkinson ác nghiệt. Đôi vai rệu xuống, đôi tay run rẩy của ông nói nhiều hơn ngôn từ có thể diễn tả về gánh nặng quá sức con người đảm chức Giáo hoàng. Tuy nhiên, đức tin sâu sắc của Đức Giáo hoàng cho thấy ông không bao giờ có ý nghĩ từ bỏ nhiệm sở. Sau này, một số người đọc chúc thư của ông được công bố vài ngày sau khi ông từ trần, tỏ ra nghi ngờ về vấn đề này; John Paul II

6) Đức Mẹ Fatima là một tước hiệu dành cho Đức Trinh nữ Maria bởi những ai tin là Maria đã hiện ra cho ba trẻ chăn chiên tại Fatima, Bồ Đào Nha vào các ngày 13 của sáu tháng liên tiếp trong năm 1917, bắt đầu vào ngày 13 tháng Năm.

viết trong năm 2000 như sau: “Hy vọng (Thiên Chúa) sẽ giúp tôi nhận thức được là tôi phải tiếp tục cho đến thời điểm công việc phụng sự mà tôi đã được giao phó vào ngày 16 tháng Mười năm 1978”. Tuy nhiên, rõ ràng trong đoạn văn này John Paul đề cập đến viễn cảnh cái chết chứ không phải việc từ chức. Ông thêm vào ở dòng kế tiếp: “Tôi thỉnh cầu Chúa gọi tôi về lúc nào Người muốn”. Như John Paul đã nói trong nhiều dịp: “Đức Kitô không bước xuống khỏi cây Thập giá”. John Paul II tin rằng Chúa đã trao cho ông một sứ mệnh và Chúa sẽ quyết định khi nào sứ mệnh này kết thúc.

Chuyến công du này hóa ra lại là chuyến cuối cùng trên cương vị Giáo hoàng đến trung tâm hành hương chữa bệnh nổi tiếng nhất của người Công giáo ở Lourdes (Pháp). Mùa hè năm 2004, John Paul II tuyên bố ông là một “người bệnh trong số những người bệnh”. Vào giai đoạn này, sự chuyển đổi từ một người có quyền lực cao nhất thành biểu tượng của sự đau khổ của con người đã hoàn tất. Khi tôi đi qua đám đông khoảng 200.000 người tập trung dự Thánh lễ sáng Chủ nhật ngày 15 tháng Tám năm ấy, tôi thấy hàng chục ngàn người phải chống gậy, dùng nạng hoặc ngồi trên xe lăn. Khi John Paul II bệnh tật và già nua xuất hiện, nhiều người trong đám đông nhận thấy ngay rằng, Ngài là một trong số bệnh nhân và tình cảm của họ tức thời trào dâng như sóng dậy.

“Mẹ tôi bị bệnh Parkinson trong 30 năm. Suốt thời gian đó tôi luôn ở bên bà”, một người hành hương người Ireland là Lyla Shakespeare nói. “Hôm nay khi nhìn Đức Giáo hoàng, tôi chỉ thấy hình ảnh mẹ tôi”. Nhưng cô nói thêm, “Tôi cũng thấy Chúa Giêsu nữa!”

Đức Hồng y người Pháp, Jean-Marie Lustiger, giải thích ý nghĩa thần học của sự suy sụp về mặt thể xác của John Paul như sau:

“Đức Giáo hoàng, trong sự yếu đuối của Ngài, đang sống nhiều hơn lúc nào hết vai trò được trao cho Ngài là Đại diện của Chúa Kitô trên trần gian, Ngài đang tham dự vào cuộc khổ nạn của Đấng Cứu Thế. Nhiều lần chúng ta có ý nghĩ người đứng đầu Giáo hội giống một siêu giám đốc của một công ty đa quốc gia cực lớn, một con người của hành động, luôn đưa ra những quyết định và được đánh giá trên tính hiệu quả của ông.

Nhưng với người có lòng tin, việc làm hiệu quả nhất, mẫu nhiệm cứu chuộc, xảy ra khi Chúa Giêsu bị treo trên cây Thánh giá và không thể làm hay quyết định điều gì ngoài việc chấp nhận thánh ý của Đức Chúa Cha”.

Rất có thể không phải mọi người ai cũng đều nhìn nhận sự việc theo cách này. Trong suốt những năm cuối đời, luôn có những lời kêu gọi ông từ chức với lý do ông đang làm hại Giáo hội bằng cách cướp đi cơ hội đặt vào vị trí của ông một nhà lãnh đạo khỏe mạnh hơn. Nhiều người xem quyết tâm theo đuổi công việc của ông không phải là hành vi anh hùng mà chỉ là sự ngang bướng, thậm chí là ích kỷ, cứ như thể Giáo hội Công giáo không thể tồn tại nếu không có ông. Nhưng người khác thì cho rằng hình ảnh khổ sở của Giáo hoàng đã không gọi những ý nghĩ cao đẹp mà còn làm xấu hổ, thậm chí chỉ khiến người ta thấy tội nghiệp. Tất cả những điều này đã trở thành đề tài thảo luận hợp thức. Và khi việc bày tỏ sự thương tiếc và lòng kính trọng sau cái chết của bất cứ nhân vật vĩ đại nào đã lắng xuống thì chắc chắn những cuộc tranh luận về đề tài này sẽ lại tiếp tục dấy lên.

Dù cho người ta có giải quyết những vấn đề trên theo cách nào đi nữa, điều không thể bàn cãi là cả khi chết đi cũng như lúc còn sống, John Paul đều khiến chúng ta suy ngẫm. Không biết bao bút mực đã đổ ra trong suốt gần 27 năm để viết về John Paul – nhà chính trị hay John Paul – người đã đi thăm mọi quốc gia, nhưng cuối cùng, có lẽ vào giai đoạn cuối đời, John Paul – người mang bệnh tật để lại ấn tượng sâu sắc nhất. Ông đã để chúng ta chứng kiến cảnh ông sụp cả người xuống, nhân mặt đau đớn và bối rối hoang mang, và như thế buộc chúng ta đối mặt với thực tế của bệnh tật và cái chết – của chính chúng ta và của những người thân. Không ai trông thấy Đức Giáo hoàng trong những ngày cuối đời mà lại không nghĩ tới ý nghĩa và mục đích của đời người.

Điều này, tự nó, đã là một di sản.

NHỮNG NGÀY CUỐI ĐỜI

Nhìn lại, sự việc trở nên rõ ràng là kể từ hôm nhập viện vào ngày mồng 1 tháng Hai trở đi, chúng ta như đang cầu kinh bên giường bệnh

cho Đức Giáo hoàng, như thể sự kết thúc thời kỳ tại vị lâu dài của John Paul đã đến gần. Tuy nhiên, mãi đến lúc cái kết cục đã đến, vào chính cái đêm Giáo hoàng John Paul II tạ thế, thì nhiều giám chức Vatican, nhà báo, cả những người dân thành Rome vẫn còn bán tin bán nghi về những gì thật sự đã xảy ra. Ông đã nhiều lần trở về từ cõi chết đến mức nó như một phần của kịch bản sắp sẵn rằng, John Paul có thể bất chấp những dự đoán về cái chết của ông thêm một lần nữa và sẽ vượt qua. Chỉ vài ngày trước khi ông qua đời, những phụ tá cao cấp của ông nói với phóng viên rằng Đức Giáo hoàng vẫn giữ kế hoạch đi Cologne (Đức) vào tháng Tám để dự ngày Thanh niên Thế giới, và họ phát biểu hoàn toàn nghiêm túc. Một lý do khiến quảng trường Thánh Phêrô mãi cho đến phút chót mới đầy người đến cầu nguyện cho sức khỏe của Giáo hoàng là vì người dân thành Rome đã chứng kiến điều này nhiều lần và ở mức độ nào đó, họ đã quen với suy nghĩ John Paul II gần như là bất tử!

Đương nhiên, cái chết rồi cũng phải đến với Karol Wojtyla giống như với bao người khác. Và đó là thảm kịch của quãng thời gian giữa tháng Hai và tháng Ba năm 2005 tại Rome.

Thứ Ba ngày mồng 1 tháng Hai

Vào khoảng 10 giờ 50 phút tối (theo giờ Rome), John Paul II được chuyển gấp từ nơi ở của Giáo hoàng tới Bệnh viện Đa khoa Gemelli kề bên. Tầng thứ mười của bệnh viện này luôn được dành riêng cho ông. Vài giờ sau, Tòa thánh Vatican thông báo ông có vấn đề về đường hô hấp với những biến chứng do co thắt thanh quản, và ông được đưa vào phòng cấp cứu như một “động thái phòng hờ”. Đêm khuya hôm đó, trong thành phố và trên toàn thế giới, thiên hạ rộ lên suy đoán rằng Đức Giáo hoàng đang trong tình trạng thập tử nhất sinh. Trong lúc Tòa thánh Vatican cố làm giảm tính nghiêm trọng của sự việc thì báo chí lại loan tin rằng sự sống của John Paul II có thể tính từng phút từng giây do các trở ngại về đường hô hấp.

(Một chuyện vui bên lề: Tin Giáo hoàng nhập viện được đồn ra ngoài vào 11 giờ đêm ở Rome. Vào lúc ấy, một số khá lớn các nhân vật trong làng báo của thành phố đang dự tiệc ở Câu lạc bộ Báo chí nước

ngoài. Người ta kể với tôi rằng tiếng reo đồng loạt của các điện thoại di động cùng để ở chế độ rung tạo thành một hợp âm rầm rì rất kỳ lạ, tiếc là tôi không có mặt ở đó để chứng kiến. Còn phần tôi, điện thoại đã vức tôi dậy khi tôi mới bắt đầu một giấc ngủ rất ngon, nhưng sau đó thì tôi không sao tìm lại được nữa).

John Paul không còn xa lạ gì với Bệnh viện Gemelli. Có lần ông gọi đùa bệnh viện này là “Tòa thánh Vatican thứ ba” sau Tòa thánh Vatican và nơi ở mùa hè của ông tại Castel Gandolfo, nằm trên những ngọn đồi Alban ngoại thành Rome. Đây là lần thứ chín Đức Giáo hoàng nhập viện Gemelli trong thời kỳ tại vị, kể cả lần nhập viện năm 1981 khi ông bị ám sát hụt, tuy nhiên đây là lần đầu tiên phải nhập viện vào nửa đêm. Giới thân cận Giáo hoàng ở Vatican rõ ràng không muốn việc này trở nên âm ỉ, và họ dự định sẽ công bố tình trạng sức khỏe của ông vào buổi sáng hôm sau. Không hiểu họ định giữ kín cái tin Giáo hoàng thành linh nhập viện bằng cách nào trong suốt thời gian 12 tiếng, nhưng tin tức đã rò rỉ ra ngoài chỉ vài phút sau khi đoàn tùy tùng của Giáo hoàng vượt qua cổng bệnh viện. Từ lúc đó trở đi, cuộc đua tin tức của làng báo chí thế giới náo nhiệt hẳn lên.

Tình trạng sức khỏe của Giáo hoàng bị suy sụp không có gì quá bất ngờ, bởi vào ngày Chủ nhật trước đó, ngày 30 tháng Giêng, khi đọc bài giảng vào giờ kinh trưa (bài giảng *Kinh truyền tin*), giọng ông đã khàn khàn và run rẩy khác thường. Tuy nhiên, dáng vẻ của ông không có gì đáng báo động. Hôm đó, John Paul đứng giữa hai đứa trẻ người Italia để giúp ông thả hai con “bồ câu hòa bình”; trong đó có một con bay ngược vào phòng, Giáo hoàng cười vui vẻ và cố xua nó đi. Đó là lần cuối cùng thế giới nhìn thấy Giáo hoàng John Paul với nụ cười rạng rỡ, hình ảnh đặc trưng của ông trước công chúng.

Đêm Chủ nhật hôm đó, người phát ngôn của Tòa thánh Vatican, Joaquin Navarro-Valls⁷, tuyên bố vì cảm cúm nên những cuộc hẹn của

7) Bác sĩ Joaquin Navarro-Valls là người Tây Ban Nha. Ông học ở các trường Đại học Granada, Barcellona và Navarra (Tây Ban Nha) và Harvard (Hoa Kỳ). Ngoài các bằng tiến sĩ y khoa và phân tâm học, ông cũng có bằng đại học về ngành báo chí và ngành khoa học truyền thông. Ông sử dụng thành thạo các thứ tiếng Tây Ban Nha, Anh, Pháp và Italia. Ông dạy ở trường y và tham gia viết báo. Navarro-Valls làm Giám đốc Văn phòng Báo chí của Tòa thánh từ 1984 đến 2006.

Đức Giáo hoàng cho ngày hôm sau sẽ bị hoãn lại. Tối thứ Hai, giới thạo tin thông báo rằng kế hoạch của Đức Giáo hoàng trong ngày thứ Ba và thứ Tư cũng bị hủy bỏ. Thông tin chính thức về việc hủy bỏ này được đưa ra vào sáng thứ Ba. Tuy nhiên, vào trưa ngày hôm đó, người ta đoán ông sẽ khá hơn và có thể sẽ làm việc trở lại vào thứ Năm. Cũng ngày hôm đó, lúc nói chuyện với tôi qua điện thoại, Navarro-Valls, cũng là bác sĩ, có đùa: “Bệnh cúm được điều trị kỹ lưỡng sẽ kéo dài bảy ngày, trong khi bệnh cúm mà không chăm sóc gì cả cũng kéo trong ngắn ấy thời gian”. Nói cách khác, ông nghĩ là Đức Giáo hoàng đang bình phục theo cách thông thường.

Nhưng rõ ràng là có chuyện nghiêm trọng xảy ra sau bữa ăn tối vào đêm thứ Ba. Navarro-Valls sau này đã mô tả nó là “viêm thanh quản và khí quản cấp”, có nghĩa là Đức Giáo hoàng có vấn đề về thanh quản, gây ra hiện tượng khó thở. Vì tuổi tác đã cao lại mắc thêm căn bệnh Parkinson, Đức Giáo hoàng phải vật lộn với hơi thở từ lâu. Bác sĩ riêng của ông là Renato Buzzonetti, người được mời đến để theo dõi sức khỏe cho Đức Giáo hoàng, quyết định không thể mạo hiểm vì có khả năng gây ngừng thở. Đức Giáo hoàng được đưa lên xe cứu thương và men theo lối đi bên hông của Tòa thánh Vatican chuyển gấp đến Bệnh viện Gemelli, cách quảng trường Thánh Phêrô khoảng hơn bốn cây số.

Phát ngôn viên của Tòa thánh Vatican ngày hôm sau cố trấn an dư luận với lời khẳng định: “Không có gì đáng lo ngại”. Sáng thứ Tư, ngày mùng 2 tháng Hai, Navarro-Valls đến bệnh viện Gemelli để thăm Đức Giáo hoàng, và ông nói với các phóng viên rằng Ngài vẫn vui vẻ. Đức Giáo hoàng vẫn biểu hiện bình thường, ông ngủ suốt đêm và đang được chăm sóc trong phòng cấp cứu đặc biệt của bệnh viện. Trong khi bình luận với các nhà báo, Navarro-Valls nói thêm rằng Đức Giáo hoàng bị “sốt nhẹ” nhưng vẫn tỉnh táo, không cần phải chụp phim (như đã được thông báo trong một số tờ báo của Italia vào lúc đầu) và đang chuẩn bị dâng Thánh lễ với thư ký riêng của mình là Tổng Giám mục Stanislaw Dziwisz. Cuối buổi sáng, Navarro-Valls nói với đài phát thanh Vatican, ông hy vọng Đức Giáo hoàng chỉ ở trong bệnh viện Gemelli thêm “một vài ngày”.

Các thông báo nhằm trấn an dư luận cũng được đưa ra vào thứ Năm và thứ Sáu. Trong một cuộc họp báo ngắn tại Văn phòng báo chí Vatican hôm thứ Sáu, Navarro-Valls nói với các phóng viên rằng tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng đã khá hơn và sẽ không có thông báo nào thêm cho tới thứ Hai. Khi bị Alessio Vinci của hãng CNN dồn dập tra hỏi về việc tại sao Vatican lại giữ im lặng về tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng trong suốt 48 tiếng, Navarro-Valls mới đáp lại: "Tôi có thể nói có những trường hợp bên Hoa Kỳ, thông tin đưa ra còn ít hơn chúng tôi nữa. Tôi không thể cung cấp thông tin cho hãng truyền hình của các ông suốt 24 tiếng mỗi ngày". Navarro-Valls cũng nói rằng Đức Giáo hoàng có thể sẽ tham dự buổi lễ đã được lên lịch vào thứ Bảy, cùng với các chủng sinh thành Rome từ màn hình vô tuyến trong phòng của Ngài, và Ngài muốn tiến hành bài giảng kinh trưa Chủ nhật hàng tuần, nhưng cách thức chính xác vẫn còn đang được bàn. Navarro-Valls nói thêm, Tòa thánh Vatican đã nhận được hàng loạt cú điện thoại và fax chúc Đức Giáo hoàng phục hồi nhanh chóng, kể cả một cuộc gọi từ vị giáo sĩ Do Thái đứng đầu của thành Rome; ông này gọi để báo cho Đức Giáo hoàng biết rằng: "Chúng tôi đang cầu nguyện cho ngài".

Một vài quan chức Vatican tỏ vẻ bức mình về khuynh hướng thích săn chuyện giật gân của giới truyền thông xung quanh tình hình sức khỏe của Đức Giáo hoàng. Ví dụ, khi Navarro-Valls được hỏi xem liệu Đức Giáo hoàng có còn tỉnh táo không, câu trả lời bằng tiếng Italia của ông là *per carità!*, có nghĩa gần giống như "Chúa ơi!". Chắc chắn là có những trường hợp nói quá hớ khi bị ký giả dồn vào thế bí. Tuy nhiên, có thể lượng thứ cho cánh ký giả khi họ "cầm đèn chạy trước ô tô" bởi vì việc Đức Giáo hoàng được đưa vào phòng cấp cứu đầu phải ngày nào cũng xảy ra. Hơn nữa, một khi thiếu thông tin cấp kỳ đáng tin cậy thì việc suy đoán và hình dung ra những tình huống tồi tệ nhất rất dễ xảy ra. Cuối cùng, khi mọi chuyện vỡ lẽ thì hóa ra không phải các phóng viên đã "ngghiêm trọng hóa" quá mức cái "bệnh vật" của Giáo hoàng mà chính Tòa thánh Vatican đã làm giảm nhẹ quá mức tình trạng bệnh tật nghiêm trọng của ông, để rồi sau đó mức độ trầm trọng tăng nhanh dẫn tới cơn đau đóm cuối cùng của John Paul.

Chủ nhật ngày mồng 6 tháng Hai

Như người ta mong đợi, Giáo hoàng John Paul xuất hiện trên cửa sổ tầng mười của bệnh viện Gemelli vào Chủ nhật ngày mồng 6 tháng Hai, để đọc kinh trưa (giờ Kinh Truyền tin). Bài giảng của ông được *Sostituto* (người thay thế) trong Phủ Quốc vụ khanh là Tổng Giám mục Leonardo Sandri đọc thay. John Paul chỉ phát biểu ngắn gọn, đọc hai câu cuối trong Kinh Truyền tin rồi làm dấu thánh giá.

Mặc dầu giọng yếu và khàn, nhưng dáng điệu của ông xem ra tương đối ổn. Lúc đầu Đức Giáo hoàng còn khom người lại nhưng một lúc sau ông đứng thẳng người dậy và dường như tự kiểm soát được cơ thể mình. Có lẽ điều khiến người ta yên lòng nhất trong sự kiện này là việc các bác sĩ đã cho phép ông ngồi khoảng mười phút trước cửa sổ mở toang ra trong buổi sáng lạnh giá của thành Rome. Nhất là từ sau cái lần Giáo hoàng ngồi trước cửa sổ phòng làm việc của ông vào ngày 30 tháng Giêng trước đó, một ngày thậm chí còn buốt giá hơn. (Nhiều người xem đây là một trong những nguyên do đã làm Giáo hoàng bị cảm cúm). Quyết định này cho thấy rằng các bác sĩ không cảm thấy lo lắng khi có bất kỳ một cơn gió nào khác có thể khiến cho Đức Giáo hoàng ngã bệnh trở lại.

Tuy nhiên, có ít nhất hai yếu tố xuất hiện ở giờ kinh *Angelus* này đẩy lên những cuộc tranh cãi mới. Thứ nhất, người ta tranh cãi không biết những gì họ nghe được sáng hôm đó là trực tiếp hay được ghi âm lại. Sau sự kiện, một số người tin rằng Vatican đã để cho Đức Giáo hoàng nhép môi theo nhịp điệu đoạn băng được ghi âm trước đó, vì sợ rằng ông không thể đọc được khi cần. Giả định này dường như có cơ sở với băng chứng là một số người quan sát tại quảng trường Thánh Phêrô đang theo dõi buổi cầu kinh Truyền tin qua màn hình vô tuyến lớn đã nghe được một số từ mà Đức Giáo hoàng phát ra từ loa phóng thanh ngay trước khi phát sóng, hình như có một cuộn băng đang chạy trong máy.

Khi nghe đoạn băng thu lại thật kỹ lưỡng, người ta thấy dường như có sự chuyển đổi khá rõ ràng từ chất giọng yếu và nhỏ nhẹ thường ở câu kinh đầu tiên với một giọng nói sâu lắng, sang sảng đầy khí lực khi làm dấu

thánh giá ở cuối bài kinh. Giữa hai giọng này có một tiếng “cạch” rõ ràng mà một số người cho đó là tiếng bật băng ghi âm. Nếu Tòa thánh Vatican đã sử dụng băng ghi âm, thì đó cũng không phải là điều ngạc nhiên. Trước đó, khi Đức Giáo hoàng được đưa vào bệnh viện, người ta đã thực hiện ghi âm lời chào hỏi của Giáo hoàng phòng trường hợp ông không thể nói trực tiếp; sau đó thì họ phân tích tình trạng sức khỏe của ông trước khi đưa ra quyết định có cần thiết phải sử dụng băng ghi âm hay không. Thậm chí, một số người còn cho rằng có lần do rủi ro mà một đoạn băng cát-sét loại này đã được mở ra giữa lúc Giáo hoàng đang nói chuyện.

Tuy nhiên, vào cuối tuần, nhiều người lại kết luận rằng Đức Giáo hoàng đã nói trực tiếp. Tiếng “cạch” và sự thay đổi chất giọng chính là tiếng động dịch chuyển microphone trong phòng ông.

Vào lúc 5 giờ 30 phút chiều Chủ nhật, Navarro-Valls gửi lời tuyên bố qua thư điện tử cho các ký giả: “Đương nhiên, lời của Đức Thánh Cha khi ban phép lành sáng nay được chính Ngài đọc cùng lúc chúng ta nghe nó phát đi trực tiếp. Do đó việc khẳng định có sự ghi âm lời nói của Ngài trước rồi được phát đi trong thời điểm đó là vô lý”.

Dù sao đi nữa, việc Đức Giáo hoàng nói trực tiếp hay được ghi âm trước đó đều không quan trọng, nếu vấn đề chính là suy đoán về tình trạng sức khỏe của ông. Tất cả những người có mặt trong phòng vào sáng Chủ nhật đều nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* và nhiều tờ báo khác rằng Đức Giáo hoàng đã nói những lời cần nói mà không gặp khó khăn nào. Dù những lời này được phát trực tiếp hay qua băng ghi âm ở một số đoạn thì yêu cầu xem xét tình trạng sức khỏe của ông cũng là không thích hợp.

Tranh cãi thứ hai xuất phát từ giờ kinh trưa ngày 6 tháng Hai liên quan đến việc người trợ tá của Giáo hoàng cầm một mảnh giấy đưa trước mặt John Paul; có lẽ trên mảnh giấy là bài kinh *Truyền tin* và câu kinh làm dấu thánh giá. Một số người cho rằng nó được dùng để che giấu việc sử dụng băng ghi âm. Nhưng người khác thì đặt câu hỏi tại sao Đức Giáo hoàng lại cần một ai đó để nhắc những lời cầu nguyện mà ông đã thuộc nằm lòng; chính điều này làm nảy sinh nghi ngờ về tình trạng trí

tuệ của ông. Một số người tự hỏi, chẳng lẽ ông đã quên đến mức cần được hướng dẫn cách làm dấu thánh giá là như thế nào?

Câu trả lời chính thức mà tôi nhận từ các quan chức Tòa thánh Vatican phụ trách về lễ tân của Tòa thánh là Đức Giáo hoàng luôn có một tờ giấy ghi những câu kinh *Truyền tin* để trước mặt, nhưng người ta thường không nhìn thấy vì nó nằm trên một bục giảng kinh nhỏ đặt trước cửa sổ phòng ông. Họ nói, điều này không có nghĩa là ông quên lời kinh; nhưng cũng vì lý do đó mà các linh mục bao giờ cũng có một quyển kinh dùng trong Thánh lễ để trước mặt: xưng kinh chính xác là rất quan trọng và bất cứ ai cũng có thể bất chợt bị sao nhãng. Sau này, một quan chức cấp cao của Tòa thánh Vatican lưu ý tôi rằng nếu nhìn kỹ Tổng Giám mục Sandri khi ông đang đọc lời kinh thay cho Đức Giáo hoàng, cũng sẽ thấy một quan chức đang chia một tờ giấy ghi những lời kinh cho ông.

Thứ Năm ngày 10 tháng Hai

Đức Giáo hoàng trở về Tòa thánh Vatican vào thứ Năm ngày 10 tháng Hai, sau khi phát ngôn viên Joaquin Navarro-Valls thông báo chứng viêm thanh quản của Đức Giáo hoàng đã được chữa lành, tình trạng sức khỏe của ông nhìn chung đang tiếp tục cải thiện và tất cả những kiểm tra chẩn đoán đều cho kết quả tốt. Cách Giáo hoàng rời bệnh viện về nhà đúng là nghi thức John Paul kinh điển, một kịch bản xuất sắc đã khiến toàn thế giới tập trung theo dõi. Ông ngồi lên chiếc xe dành cho Giáo hoàng đậu ở cổng Bệnh viện Gemelli lúc 7 giờ 30 phút tối và chạy về Vatican theo đường Via Gregorio VII, một con đường rộng lớn dẫn tới cổng phía đông Tòa thánh Vatican. Truyền hình phát trực tiếp toàn bộ sự kiện này. Dọc đường, những người mộ mến Giáo hoàng quay ra vây tay chào và chúc sức khỏe ông. Ông có vẻ tỉnh táo, tập trung, và rõ ràng là rất hào hứng trước sự đón chào đó. Các nhà bình luận xem đây là một cách tuyên bố về vang đầy sáng khoái: "Tôi trở về làm việc đây!"

Mặc cho quang cảnh đầy ấn tượng trên, chín đêm mà Đức Giáo hoàng phải điều trị ở Bệnh viện Đa khoa Gemelli tại thành Rome cho thấy tình trạng sức khỏe của ông nghiêm trọng hơn nhiều so với những lời

trấn an của Tòa thánh Vatican. Cảm nhận được sự lo lắng của công chúng, Vatican đưa ra nguyên do giải thích kỳ dương bệnh lâu dài: đó là cuộc tĩnh tâm Mùa Chay hằng năm của Giáo triều Roma, bắt đầu từ Chủ nhật ngày 13 tháng Hai. Khi đưa Đức Giáo hoàng trở về Cung điện Vatican vào ngày cuối tuần, Vatican sẽ không phải giải thích vì sao người ta không thấy Đức Giáo hoàng nhiều ngày sau đó. Trong suốt tuần tĩnh tâm hàng năm, mọi công việc thường ngày của Vatican được hoãn lại và Đức Giáo hoàng không phải xuất hiện trước công chúng. Tuần tĩnh tâm cũng chính là khoảng thời gian để theo dõi sức khỏe Giáo hoàng và xác định mức độ hoạt động mà ông có thể đảm đương.

(Nhân đây xin nói thêm, việc Đức Giáo hoàng quay về Vatican vào đêm 11 tháng Hai là một điều tốt lành, vì đó là ngày kỷ niệm Công ước Lateran, 1929, ít nhiều được coi là ngày Độc lập của Vatican, cũng là Ngày dành cho Người Bệnh hằng năm của Giáo hội).

Khi Đức Giáo hoàng có vẻ như đã qua cơn nguy kịch, dư luận quần chúng chuyển từ câu hỏi liệu ông có qua khỏi cửa tử chuyển sang việc liệu ông có tiếp tục giữ chức vụ không. Có một vụ ồn ào nhỏ vào đầu tuần khi Thường vụ^(*) của Phủ Quốc vụ khanh Vatican, Hồng y Angelo Sodano, trả lời hai câu hỏi của các phóng viên bên lề một cuộc giới thiệu sách. Ông bày tỏ hy vọng Giáo hoàng John Paul II có thể vượt qua kỳ lục của Đức Giáo hoàng Pius IX, người trị vì suốt 32 năm 7 tháng, một cột mốc mà phải đến năm 2010 John Paul II mới vượt qua được. Tuy nhiên, khi được hỏi về khả năng từ chức, Sodano nói nước đôi: "Nếu có người yêu mến Giáo hội hơn bất cứ ai khác, người được Chúa Thánh Thần dẫn dắt, người có sự khôn ngoan tuyệt vời thì đó chính là Ngài. Chúng ta phải tin tưởng nơi Đức Giáo hoàng. Ngài biết mình phải làm gì". Có thể diễn tả nôm na cách nói của Sodano là "tùy Đức Giáo hoàng". Tuy nhiên, việc Sodano đã không nói một cách dứt khoát hơn, theo kiểu "không đời nào!" chẳng hạn, đã khiến một vài tờ báo diễn giải, đó là cách tế nhị để chuẩn bị cho việc từ chức của Giáo hoàng. Thực tế, đã không có biểu hiện chính thức nào về việc John Paul có thể từ chức.

(*) Đây là cách gọi riêng của Phủ Quốc vụ khanh, còn các bộ khác vẫn gọi là Thư ký

Trong bài giảng kinh trưa vào ngày Chủ nhật, ông đã đề cập đúng vấn đề này: Từ trong bệnh viện, Đức Giáo hoàng đã viết ra thông điệp được Sandri đọc lại: “Tôi tiếp tục phục vụ Giáo hội và toàn thể loài người”.

Thứ Năm ngày 24 tháng Hai

Sau hai tuần, dư luận về tình hình sức khỏe của Đức Giáo hoàng tạm lắng xuống, tin tức bắt đầu rõ lên vào đầu buổi chiều (theo giờ Rome) rằng John Paul II đã được đưa trở lại Bệnh viện Gemelli và đó là lần nhập viện thứ hai trong thời gian chưa đầy một tháng. Lần nhập viện này chứng tỏ một cách rõ ràng là tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng thực sự nghiêm trọng, mặc dù liệu những căn bệnh khác nhau của Giáo hoàng được đề cập trong các bản tin của Vatican có nguy hiểm đến tính mạng hay không.

Đêm thứ Năm, Đức Giáo hoàng trải qua cuộc phẫu thuật mở khí quản. Vào lúc 9 giờ 15 phút tối ngày 24 tháng Hai, Navarro-Valls đưa ra tuyên bố như sau với các hãng thông tấn sau khi John Paul II được ra khỏi phòng phẫu thuật và vẫn chịu tác động của thuốc mê: “Hội chứng cúm là nguyên nhân khiến sáng nay Đức Giáo hoàng phải nhập viện Đa khoa Gemelli. Giờ đã trở nên phức tạp hơn do những diễn biến mới của tình trạng suy giảm cấp đường hô hấp, do sự hạn chế chức năng thanh quản trước đây. Tình trạng bệnh lý này buộc phải thực hiện phẫu thuật để mở thanh quản giúp bệnh nhân dễ thở hơn và giúp giải quyết các vấn đề ở thanh quản. Đức Thánh Cha đã được thông báo đầy đủ và Ngài đồng ý cho phép tiến hành phẫu thuật. Ca mổ (bắt đầu lúc 8 giờ 20 phút và kết thúc vào 8 giờ 50 phút) đã thành công tốt đẹp. Tình trạng hậu phẫu của bệnh nhân hoàn toàn bình thường”.

Ngày hôm sau, trong cuộc họp báo ngắn vào lúc 12 giờ 15 phút của Vatican, Navarro-Valls xác nhận rằng Giáo hoàng John Paul II đã trải qua một cuộc phẫu thuật thanh quản tối hôm trước để giúp ông dễ thở hơn. (Cuộc phẫu thuật được miêu tả là “giải pháp lựa chọn” chứ không phải “giải pháp khẩn cấp”). Ông nói, Đức Giáo hoàng giờ đã thở dễ dàng hơn và khả năng nói dần dần được phục hồi tốt hơn. Navarro-Valls cho

biết cuộc phẫu thuật đã hoàn tất một cách “khả quan” và chỉ kéo dài trong 30 phút. Ông cũng nói với giới truyền thông rằng buổi sáng sau khi phẫu thuật, John Paul II có một bữa điểm tâm nhẹ gồm cà phê, sữa chua và mười chiếc bánh quy nhỏ. Một số người cảm thấy báo cáo này thật khó tin bởi một bệnh nhân đang gắn ống thông khí quản làm sao có thể nuốt trôi bánh quy, nhưng đó là nỗ lực để tạo ra cảm giác rằng mọi chuyện vẫn bình thường. Khi các Giáo hoàng bị ốm, bao giờ cũng có những tuyên bố hơi thái quá, và điều đó được chấp nhận với mục đích là để trấn an dư luận.

Thật đáng ngạc nhiên trong sự kiện nhập viện này là việc John Paul đã hai lần chào những người hành hương từ cửa sổ phòng của ông ở quảng trường Thánh Phêrô kể từ khi ông ra viện Gemelli ngày 10 tháng Hai, và trong cả hai dịp này, sức khỏe của ông đều có vẻ được cải thiện. Thứ Tư tuần trước, ngày 23 tháng Hai, Giáo hoàng John Paul đã xuất hiện trước công chúng trong một khoảng thời gian lâu nhất kể từ khi ngã bệnh. Mỗi lần xuất hiện tiếp theo, ông đều có vẻ khỏe mạnh, tinh táo hơn và giọng nói của ông cũng rõ ràng hơn. Cả ngành thông tấn cũng như hầu hết các quan chức Vatican đều đi đến kết luận: ông đang bình phục và bắt đầu quay lại công việc bình thường. Lần nhập viện bất thình lình vừa rồi khiến họ choáng váng.

Sau này, các bác sĩ cho rằng việc John Paul kiên quyết đòi về Vatican sau lần nhập viện hồi đầu tháng có thể đã phần nào gây ra cơn bệnh lần hai này. Corrado Manni, từng là bác sĩ gây mê của Đức Giáo hoàng nói với tờ *La Stampa* của Italia rằng, John Paul rõ ràng là cần phải ở trong bệnh viện lâu hơn, nhưng ông cũng nói thêm rằng Đức Giáo hoàng trở thành một bệnh nhân khó tính kể từ vụ mưu sát năm 1981.

Manni kể lại: “Ngài nói với tôi: ‘Một là Giáo hoàng đã khỏe và phải ra viện. Hai là ông ấy không khỏe, và như thế phải ở lại’. Tôi trả lời Ngài: ‘Thưa Đức Thánh Cha, giữa bị bệnh và khỏe mạnh còn có trạng thái thứ ba, đó là lúc dương bệnh’. Nhưng lời nói của tôi như gió thoảng ngoài tai. Tôi hiểu cái khó mà các phụ tá của Ngài phải đối mặt trong tình huống này. Đức Thánh Cha là người khó tính”.

Đầu tháng Ba năm 2005

Vào thứ Ba ngày mồng 1 tháng Ba, Đức Giáo hoàng có cuộc trao đổi công việc ở Gemelli với Hồng y Joseph Ratzinger. Sau đó, Ratzinger thuật lại rằng Đức Giáo hoàng rất tập trung vào câu chuyện, Ngài nói ngắn gọn bằng cả tiếng Đức và tiếng Italia. Đó là biểu hiện công khai đầu tiên rằng Đức Giáo hoàng đã có thể nói năng bình thường. Mọi người trở nên lạc quan hơn. Một quan chức cao cấp Vatican nói với tờ *National Catholic Reporter* vào ngày mồng 2 tháng Ba rằng quá trình bình phục của Đức Giáo hoàng là ổn định và có thể ông sẽ sớm quay lại công việc bình thường của mình. Các kế hoạch được lập ra với những văn bản mới, thậm chí cả những chuyến công du mới với già định John Paul sẽ xuất viện với khả năng nói yếu đi nhưng sẽ không có sự sút kém nào khác. Thông tin trên các tờ báo Italia rằng John Paul II phải dùng máy hô hấp nhân tạo sau lần nhập viện khẩn cấp đã bị phát ngôn viên Navarro-Valls bác bỏ.

Thậm chí, cả những người không muốn tin vào giọng điệu trấn an của Vatican cũng thiên về hướng nghĩ đến trường hợp Giáo hoàng có thể mất khả năng hoạt động trong một thời gian dài chứ không phải là một cái chết nhanh chóng. Hàng loạt tin trên truyền hình và báo chí phát đi trong những ngày này đã dẫn ra trong *Bộ luật của Giáo hội* không có điều khoản nào đề cập đến việc bỏ trống vị trí Giáo hoàng nếu Đức Giáo hoàng vẫn còn sống nhưng trong tình trạng thực vật. Người ta suy đoán về những điều có thể xảy ra với viễn cảnh ấy, và ai cũng đồng ý rằng cho đến thời điểm này dường như không thể có câu trả lời rõ ràng. Ở một mức độ nào đó, những nỗi lo ngại này xem ra được cường điệu quá mức. Trong cuộc phỏng vấn diễn ra vài ngày trước khi Đức Giáo hoàng qua đời, Đức Hồng y người Hoa Kỳ Francis Stafford đứng đầu Tòa án Hòa giải Tối cao, một tòa án của Vatican chuyên giải quyết những vấn đề thuộc lương tâm, nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* rằng viễn cảnh về cái chết (của Giáo hoàng) gây ra tâm trạng lo lắng trước các tình huống xấu nhất hiếm khi xảy ra. Tuy vậy, với tư cách cá nhân, vài Hồng y phát biểu rằng nhiệm vụ trước mắt của Đức Giáo hoàng tương lai là triệu tập một hội nghị gồm các chuyên gia hàng đầu về Giáo luật và các chuyên gia khác ngò hầu đưa ra giải pháp cho tình huống này,

vì y học hiện nay có khả năng duy trì sự sống của con người, gồm cả các Giáo hoàng, trong một thời gian dài kể cả khi người bệnh mất khả năng suy nghĩ và giao tiếp.

Thứ Năm ngày mồng 3 tháng Ba, Navarro-Valls thông báo với báo chí rằng sức khỏe của Đức Giáo hoàng “đang tiến triển và tiếp tục được cải thiện”, rằng ông ăn uống đều đặn, mỗi ngày bỏ ra vài tiếng đồng hồ ngồi trên ghế và dành thời gian trong nhà nguyện ngay cạnh phòng ông trong bệnh viện. Navarro-Valls nói thêm là Đức Giáo hoàng gặp gỡ các phụ tá ở Vatican và “theo dõi hoạt động của Tòa thánh Vatican và sinh hoạt của Giáo hội”. Theo Navarro-Valls, ông tiếp tục luyện tập để cải thiện hơi thở và giọng nói. Navarro-Valls khôn khéo không để “lách” khỏi việc suy đoán xem khi nào Đức Giáo hoàng sẽ có thể rời bệnh viện Gemelli, “Tôi sẽ nói cho các bạn biết khi bác sĩ thông báo cho tôi”. Khi được hỏi liệu Đức Giáo hoàng có trở về trước ngày Lễ Phục sinh không, ông chỉ nói: “Có thể”.

Cả các ký giả lẫn giới quan sát y tế đều lấy làm lạ rằng tất cả thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng đều xuất phát từ phát ngôn viên của Vatican chứ không phải từ bất cứ vị bác sĩ nào nhận trách nhiệm điều trị. Trước đây, những báo cáo y tế về tình hình sức khỏe của Đức Giáo hoàng phải được các bác sĩ điều trị ký, nhưng trong trường hợp này tất cả các báo cáo đều trực tiếp phát ra từ Navarro-Valls. Kênh thông tin từ Bệnh viện Gemelli gần như kín tiếng, và điều này được diễn giải rằng nếu để rò rỉ thông tin cho giới truyền thông họ có nguy cơ bị mất việc. Tình huống này khiến vài người không khỏi băn khoăn: liệu có một “đầu lọc” đang được lắp cho nguồn thông tin y tế không, nhờ thế chỉ những gì Vatican muốn công chúng biết mới được lọt ra ngoài. Trong thời gian này, tôi có hỏi Navarro-Valls liệu các phóng viên có thể tiếp cận với các bác sĩ điều trị cho Giáo hoàng không. Ông trả lời, điều đó tùy vào các bác sĩ, nhưng có thể họ không muốn trả lời phỏng vấn. Ông khẳng định với tôi: “Ngay từ đầu – nghĩa là từ lần hỏi phục thứ nhất của Đức Giáo hoàng trong Bệnh viện Gemelli đến bây giờ – tất cả những thông tin trong bệnh viện mà tôi thông báo với báo chí được tất cả các bác sĩ tham gia điều trị cho Đức Giáo hoàng viết ra và được bác sĩ riêng của Đức Giáo hoàng, ông Renato Buzzonetti duyệt”.

Navarro-Valls cũng nói với các phóng viên rằng Đức Giáo hoàng vẫn giữ được tính dĩ dõm. Ông kể rằng John Paul đã viết lên một mẩu giấy vào đêm phẫu thuật khí quản của mình với lời bông đùa rằng, “Người ta đang làm gì tôi thế?” Navarro-Valls không phải là người duy nhất chứng kiến tình hài hước của Đức Giáo hoàng. Theo chính trị gia Italia là Gianni Letta, người đã đến thăm Giáo hoàng trước ca phẫu thuật khí quản, khi các bác sĩ giải thích với bệnh nhân rằng họ có ý định can thiệp vào cái gì đó liên quan đến “một lỗ nhỏ” trong họng của ông, Letta còn nhớ câu “móc lỗ” của Giáo hoàng: “Nhỏ ư, còn tùy vào đối tượng”.

Tuy nhiên, John Paul cũng có những lời nghiêm túc hơn khi suy nghĩ về bệnh trạng của mình. “Con vẫn luôn *totus tuus*”, Navarro-Valls trích những ghi chép của Đức Giáo hoàng trong thời gian này. “*Totus tuus*” là khẩu hiệu bằng tiếng La-tinh của John Paul, có nghĩa là: “Con trọn vẹn ở trong tay Người”. Và chữ Người ở đây chỉ Đức Trinh nữ Maria vốn bao giờ cũng được John Paul xem là người bảo trợ và bảo vệ ông trong nhiệm kỳ Giáo hoàng. Thậm chí trong tháng cuối cùng lưu lại trên cõi hồng trần, tư tưởng của John Paul vẫn hướng về Đức Mẹ Maria, tình mẫu tử thiêng liêng của Bà đã soi đường chỉ lối trong đời sống tinh thần và thế giới quan của ông.

Chủ nhật ngày 13 tháng Ba

John Paul xuất viện lần thứ hai trong vòng chưa đầy một tháng, vào đúng ngày Chủ nhật, 13 tháng Ba, chỉ vài giờ sau khi xuất hiện trên tầng thứ mười của bệnh viện khi ông nói với đám đông một số lời trấn an bằng chất giọng nghe hơi đục nhưng có thể hiểu được. “Anh chị em thân mến, cảm ơn mọi người đã lo lắng cho tôi. Tôi chúc mọi người có một ngày Chủ nhật và một tuần tốt đẹp”. Ông nói hay đúng hơn là đọc từ một tờ giấy. Ông dành một lời chào đặc biệt cho các giáo dân đến từ quê hương ông ở Wadowice, Ba Lan, đang tập trung dưới cửa sổ bệnh viện. Dù John Paul phải cố gắng để giữ cho giọng đều đều, nhưng cảm giác chung cho thấy ông đang hồi phục. Đó là sự xuất hiện lần đầu tiên trước công chúng của ông kể từ sau cuộc phẫu thuật khí quản ngày 24 tháng Hai.

Sự trở lại của John Paul một phần bị thúc đẩy bởi tuần Thánh bắt đầu với ngày Chủ nhật Lễ Lá, ngày 20 tháng Ba. Đức Giáo hoàng muốn trải qua giai đoạn thiêng liêng nhất của năm Phụng vụ Công giáo ở Vatican. Khi John Paul sẵn sàng về nhà, ông ra khỏi bệnh viện và làm dấu thánh giá, rồi trở về Vatican trên một chiếc tải nhỏ màu xám hiệu Mercedes. Tiếng hô *Đức Thánh Cha vạn tuế!* lại một lần nữa được cất vang dọc theo lộ trình. Có một chi tiết khác về truyền thống thời hiện đại: một ống kính camera của đài truyền hình Vatican được đặt sau xe; do vậy dọc theo hành trình, những người xem truyền hình có thể thấy được quang cảnh từ góc nhìn của John Paul II. Đoàn xe mô tô hộ tống Đức Giáo hoàng chạy qua quảng trường tràn ngập ánh đèn khi màn đêm buông xuống, tràn qua Khải hoàn môn Tháp chuông và đi khuất vào Tòa thánh Vatican.

Cuối tháng Ba năm 2005

Dù không có nhiều tin tức trên mặt báo về tình hình sức khỏe của Đức Giáo hoàng trong ba tuần đầu của tháng Ba, nhưng điều này không có nghĩa đó là khoảng thời gian yên lặng ở thành Rome. Thực sự, mỗi ngày đều có những lời đồn đại mới – rằng Đức Giáo hoàng đã chết, rằng ông đã ở trong tình trạng hôn mê, rằng các giám chức của Vatican đang âm thầm chuẩn bị tuyên bố tình trạng trống tòa của Tòa Thánh Phêrô, trong đó có cả tin đồn rằng John Paul thực sự khỏe mạnh hơn so với các báo cáo và chuẩn bị làm cho thế giới giật mình một lần nữa. Các phóng viên buộc phải mở điện thoại di động suốt ngày đêm, điều này có nghĩa không ai có được một đêm ngủ yên lành từ ngày mồng 1 tháng Hai cho tới ngày 24 tháng Tư, ngày dâng Thánh lễ Mở tay của vị Giáo hoàng mới.

Đây là một ví dụ. Thứ Hai ngày 21 tháng Ba, khoảng 8 giờ tối (theo giờ Rome), những lời đồn đại lan khắp thành phố rằng John Paul II đã qua đời. Lần này, hình như lời đồn bắt đầu khởi lên từ một kênh truyền hình của Italia. Dù lời đồn đại dấy lên bằng cách nào đi nữa, một khi tay nhà báo nào đó bắt được tin, anh ta hoặc cô ta lập tức gọi đến các nguồn thông tin cố tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra. Trong trường hợp này, nguồn thông tin duy nhất là Tòa thánh Vatican, nên khi nguồn thông tin

không được mở hay không có tin hiệu trả lời, cảnh nhà báo í ới gọi cho nhau xem họ đã nghe ngóng được điều gì. Sau đó, họ lại liên lạc với các nguồn tin riêng và các đồng nghiệp khác. Và sự việc cứ tiếp tục như vậy. Chẳng mấy chốc đến lượt cả dân thành Rome cũng gọi điện cho nhau, cùng thông báo cho nhau về tình trạng “đói” thông tin của mình, và nuôi một hy vọng khá mong manh là tìm được ai đó thực sự biết “chuyện”. Thế là chẳng mất nhiều thời gian, cả thành phố gần như ở trong tình trạng nháo nhào.

Kênh thông tin “chính thức” duy nhất trong tình huống này xuất phát từ phát ngôn viên của Vatican là Navarro-Valls, và ít nhất là trong thời gian đầu, ông ta không trả lời các cuộc gọi vào tối thứ Hai. Phía sau ông ta, những người có thẩm quyền khẳng định hay phủ nhận các thông tin, (ít nhất trong những giây phút quyết định ban đầu) là bác sĩ của Đức Giáo hoàng, Buzzonetti, hay thư ký riêng của ông, Tổng Giám mục Dziwisz. Song, cả hai người này đều không dễ gì tiếp cận được. Sống trong tình trạng thiếu thông tin chỉ cần nửa giờ thôi thì chẳng có cái van tự nhiên nào có tác dụng đối với óc tưởng tượng của bàn dân thiên hạ; đến lúc ấy thì gần như chuyện gì người đời cũng có thể thêu dệt được.

Cơ sở của sự suy đoán này là Đức Giáo hoàng rõ ràng đã không hồi phục nhanh chóng và hoàn toàn như các bác sĩ của ông hy vọng. Trong những lần xuất hiện chớp nhoáng trước công chúng kể từ khi về nhà ngày 13 tháng Ba, trông ông hốc hác, yếu ớt với dáng điệu bồn chồn bứt rứt; điều này càng khiến các suy đoán lung tung về tình trạng sức khỏe của ông nở bung như nấm sau cơn mưa. Rốt cuộc, một khi lời đồn như thế có vẻ còn sớm vào thời điểm đó, nhưng tiếc thay nó không cách xa sự thật là mấy: Đức John Paul II từ trần 13 ngày sau khi lời đồn đại loại này nổi lên.

Chủ nhật ngày 27 tháng Ba

John Paul II ban phép lành Chủ nhật Phục sinh cho hàng chục ngàn người trong quảng trường Thánh Phêrô, nhưng vị Giáo hoàng bệnh tật, yếu đuối đã không nói lời nào mà chỉ đủ sức chào đám đông đang buồn bã bằng cách ban dấu thánh giá. Việc này đã khiến nhiều người phải rơi lệ. Phụ tá của ông đã chuẩn bị sẵn một chiếc micro, Giáo hoàng đã nhiều

lần cố nói vài lời từ cửa sổ phòng ông trông ra quảng trường. Nhưng sau khi thấy mình chỉ tạo ra những âm thanh kêu khóc trong cổ họng, ông đành phải bỏ cuộc rồi giơ tay ban phép lành cho đám đông và chiếc micro được mang đi. Có lúc, ông đưa tay lên cổ họng, như thể muốn cho đám đông biết rằng ông muốn nói với họ nhưng không thể vì sức khỏe không cho phép. Lần ấy, John Paul đã ở bên cửa sổ đúng 12 phút 17 giây, sau đó ông được đẩy bằng xe lăn vào trong. Trong khoảng thời gian đó, các trợ tá đã hai lần tìm cách đưa Giáo hoàng vào trong nhưng ông xua họ ra, gắng gượng ngồi bên cửa sổ thêm một chút nữa.

Có những chi tiết khác đầy kịch tính bất thường, tuy ít được người ta chú ý đến trong sự kiện này. Khi Karol Wojtyla được chọn làm Giáo hoàng vào ngày 16 tháng Mười năm 1978, ông bước ra ban công trung tâm của quảng trường Thánh Phêrô để ban phép lành *urbi et orbi* truyền thống “cho thành phố và cho thế giới” rồi ông ứng khẩu nói thêm vài câu với đám đông tụ tập. Người dẫn chương trình buổi lễ bảy giờ là Hồng y Virgilio Noe đã tìm cách đưa Tân Giáo hoàng lùi vào ngay sau khi ban phép lành, như thể muốn nói rằng nghi lễ của Tòa thánh không cho phép làm điều gì khác nữa, nhưng John Paul đẩy ông ta ra. Một lần nữa, vào ngày Phục sinh này, John Paul không cho phép các phụ tá của mình xen vào giữa ông và công chúng. Như thế, từ giây phút đầu tiên đến phút giây cuối cùng, John Paul II đã quyết chí làm Giáo hoàng theo cách riêng của mình. Điều này khiến mối quan hệ của ông với công chúng trở thành đặc biệt và thấm thiết; không cần đến trung gian của các tổ chức giáo hội, các chính trị gia và báo chí, nó đi thẳng vào trái tim của quần chúng. Họ biết rõ ông yêu thương họ và họ cũng đáp lại bằng một tình yêu thương thấm thiết như thế.

Đây là Thánh lễ Chủ nhật Phục sinh đầu tiên mà Đức Thánh Cha John Paul không thể cử hành trong 26 năm giữ chức Giáo hoàng của ông, do đó Hồng y Angelo Sodano, Thường vụ của Phủ Quốc vụ khanh và quan chức số hai của Tòa thánh Vatican, điều hành nghi thức lễ Phục sinh ở nhà thờ Thánh Phêrô. Thực ra, việc Giáo hoàng không tham dự toàn bộ nghi thức phụng vụ Tuần thánh là một dấu hiệu chắc chắn cho biết tình trạng sức khỏe của ông đang rất nguy kịch. Tuy nhiên, các trợ lý

cao cấp nói với các phóng viên rằng Đức Giáo hoàng khi ở trong phòng riêng có vẻ khỏe mạnh hơn khi ra giữa công chúng. Họ khẳng định ông vẫn có thể nói chuyện và còn hoàn toàn minh mẫn. Những nhận xét như vậy khiến nhiều người tin rằng John Paul đang từng bước hồi phục và có khả năng kéo dài thêm được nhiều tháng nữa, hoặc là lâu hơn thế.

Thứ Tư ngày 30 tháng Ba

Vào ngày này, cách thức thông báo về tình trạng sức khỏe của John Paul thay đổi đột ngột. Giữa ngày 10 tháng Ba, hai ngày trước lần xuất viện thứ hai của Đức Giáo hoàng và ngày 30 tháng Ba, không có lấy một thông báo nào về tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng, cho dù trên thực tế ông rất ít khi xuất hiện trước công chúng. Như vậy, rõ ràng ông đang ở trong tình trạng suy yếu và rất đáng lo ngại. Sự im lặng này làm cho các phóng viên than phiền là Vatican đang che giấu một điều gì đó, và cùng lúc đó phía công chúng đâm ra lo lắng. Tuy nhiên từ ngày 30 tháng Ba, các thông báo bắt đầu được đưa ra đều đặn hơn và tính trung thực của thông tin hoàn toàn trái ngược với câu nói dí dỏm từ lâu của người dân thành Rome: “Đức Giáo hoàng không bao giờ bị ốm cho tới khi chết”. Nhiều quan sát viên kỳ cựu của Vatican cho rằng những ngày này là khoảng thời gian “đễ thương” nhất của Joaquyn Navarro-Valls, trong đó ông đã thể hiện tính thẳng thắn và cởi mở với báo giới, và đó bao giờ cũng là “thương hiệu” của John Paul, dù nó đi ngược lại với quá trình hoạt động bình thường ở Vatican.

Vào ngày 30 tháng Ba, Navarro-Valls nói trước báo giới là John Paul hiện phải tiếp nhận thức ăn bằng một chiếc ống được đặt qua đường mũi vì ông không thể nuốt và tiêu hóa thức ăn được. Sau đó, Navarro-Valls nói với phóng viên từ *National Catholic Reporter* rằng chiếc ống này được đặt lần đầu từ sáng thứ Ba ngày 29 tháng Ba, và nó không được sử dụng thường xuyên – nghĩa là chỉ khi Đức Giáo hoàng cần được tiếp thức ăn. Navarro-Valls cho biết thêm chiếc ống được dùng để “tăng cường lượng ca-lo cho Đức Giáo hoàng”, và không phải là một vấn đề quan trọng mang tính sống còn. Sáng sớm ngày 30, John Paul xuất hiện trên cửa sổ Tòa thánh Vatican thay vì buổi tiếp kiến bình thường vào

ngày thứ Tư, và lúc ấy ông không mang chiếc ống đó. Bảng báo cáo ngày 30 tháng Ba cho hay John Paul trải qua “nhiều giờ” ngồi trên ghế bành, ông cử hành Thánh lễ trong nhà nguyện riêng và có những cuộc gặp gỡ bàn bạc công việc với các phụ tá để “trực tiếp theo dõi các hoạt động của Tòa thánh Vatican và đời sống của Giáo hội”. Theo bản báo cáo, Đức Giáo hoàng tiếp tục “hồi phục chậm nhưng khả quan” và phải tạm ngưng các buổi tiếp kiến.

Thông báo của Navarro-Valls dấy nên nỗi hoang mang trên các phương tiện thông tin đại chúng Hoa Kỳ, một phần vì cụm từ “ống truyền thức ăn” khiến hầu hết người dân Hoa Kỳ nghĩ tới Terry Schiavo, một phụ nữ bang Florida đang sống trong trạng thái hôn mê, được duy trì sự sống bằng một ống truyền thức ăn được đặt vào bụng bà bằng phương pháp phẫu thuật. Thực ra giữa chiếc ống của Đức Giáo hoàng và của bà Schiavo có ba sự khác nhau cơ bản. Thứ nhất, chiếc ống của John Paul II không phải được đặt bằng phẫu thuật, và ông không phải mang ống thường xuyên. Nó được đưa qua mũi và dẫn xuống ruột khi cần thiết, sau đó được tháo ra. Thứ hai, John Paul II vẫn tỉnh táo và tự đưa ra những quyết định về quá trình điều trị của mình. Navarro-Valls cho biết, các bác sĩ giải thích với Giáo hoàng những điều họ muốn làm vào sáng thứ Ba ngày 29 tháng Ba, và ông đã đồng ý. Thứ ba, cái ống trong trường hợp của Schiavo là vấn đề sống chết. Còn với Đức Giáo hoàng, chiếc ống chỉ là một dụng cụ giúp ông bình phục nhanh hơn. Ông có thể tiêu hóa thức ăn mà không cần đến nó, cho dù như vậy chưa đủ để đảm bảo rằng ông không bị thiếu dinh dưỡng. Nhưng cuối cùng thì tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng cũng trầm trọng như của Schiavo, mặc cho những khác biệt về mục đích sử dụng cái dụng cụ này.

Một số nhà bình luận cảm thấy bất ngờ khi so sánh giữa hai cái chết vốn rất được nhiều người quan tâm. Cái chết của Terry Schiavo, ít nhất là với những người tiên phong của phong trào bảo vệ sự sống (phong trào chống phá thai, án tử hình, cái chết êm ái *euthanasia*, thử nghiệm trên phôi thai con người...), dường như là minh họa cho cái logic của “nền văn hóa của sự chết”; còn cái chết của Giáo hoàng John Paul II là bằng

chúng sống động cho nền “văn hóa của sự sống”. Theo chiều hướng này, dưới con mắt của một số nhà quan sát, khả năng chọn đúng thời điểm của John Paul một lần nữa lại hoàn toàn chính xác; ngay cả cái chết của ông, đặt trên bối cảnh của sự nhạy cảm cao độ về những vấn đề liên quan tới sự chết, đã trở thành một thời điểm giáo huấn vốn được nhiều người nói đến.

Thứ Năm ngày 31 tháng Ba

Trong một tuyên bố ngắn gọn phát ra lúc 10 giờ 15 phút tối (theo giờ Rome), Navarro-Valls thừa nhận rằng John Paul II đã bị sốt cao do viêm đường tiểu, việc điều trị bằng kháng sinh đã được tiến hành. Lời tuyên bố cũng thừa nhận tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng “đang được nhóm y bác sĩ của Vatican giám sát kỹ lưỡng”. Việc ngã bệnh này lại khiến người ta suy đoán rằng John Paul sẽ phải nhập viện ở Gemelli một lần nữa, nhưng Navarro-Valls khẳng định rằng điều đó không nằm trong dự tính.

Các chuyên gia y tế trên thế giới, những người từng khẳng định rằng không có chứng bệnh nào của Đức Giáo hoàng thật sự nguy hiểm đến tính mạng, và sự bình phục vẫn là một khả năng thực tế, bây giờ lại trở nên bị quan. Đám đông bắt đầu tụ tập ở quảng trường Thánh Phêrô khi nhận ra rằng vị Giáo hoàng được xem là bất tử này, người thường xuyên vượt qua các dự đoán về cái chết của mình, có lẽ không còn phép màu nào nữa. Khắp thế giới, các tín đồ Công giáo bắt đầu cầu nguyện cho Đức Giáo hoàng ra đi trong sự thanh thản và hạnh phúc, thay vì cầu nguyện cho ông được bình phục.

Thứ Sáu ngày mùng 1 tháng Tư

Trong một bản tin trưa tại Văn phòng Báo chí Vatican, Navarro-Valls đưa ra một thông tin cập nhật chi tiết về tình trạng sức khỏe của John Paul. Thông báo cho biết tình trạng của Đức Giáo hoàng “rất nguy kịch” và ngày hôm trước Ngài đã bị nhiễm trùng đường huyết và suy tim mạch. Chứng nhiễm trùng đường huyết là do vi khuẩn xâm nhập vào máu dẫn đến việc các mạch máu bị giãn nở quá mức. Các mạch máu bình thường hẹp và căng, bây giờ bị mềm nhão đi do phản ứng với vi khuẩn và không thể chịu được bất cứ áp lực nào. Sự tụt huyết áp thường đem lại hậu quả

thâm khốc, do tim phải làm việc càng lúc càng nhiều hơn để bù vào phần huyết áp bị giảm. Ngay cả trái tim của một người khỏe mạnh cũng phải chống đỡ rất khó khăn khi bị nhiễm trùng đường huyết, huống hồ là với thể trạng yếu ớt của Giáo hoàng John Paul! Dường như mọi người đều thấy rõ là hy vọng đang tan biến nhanh như bọt bóng.

Navarro-Valls cho biết, John Paul sau khi nghe thông báo về tình trạng sức khỏe nguy kịch của mình đã quyết định ở lại Vatican chứ không quay về Bệnh viện Gemelli, và tất cả mọi biện pháp điều trị có thể được thực hiện tại phòng của ông như là ở trong bệnh viện. Navarro-Valls cho biết, vào chiều ngày 31 tháng Ba, sức khỏe của Đức Giáo hoàng đã tạm thời ổn định, nhưng sau đó lại giảm sút rất nhanh. Đức Giáo hoàng đã nhận Bí tích xúc dầu dành cho người bệnh (trước đây được gọi là Nghi thức cuối cùng), và lúc ấy ông hoàn toàn minh mẫn. Vào lúc 6 giờ sáng, ngày mùng 1 tháng Tư, ông cùng dâng Thánh lễ từ giường bệnh của mình. Theo Navarro-Valls thì John Paul vẫn “thanh thản lạ thường”. Vào lúc 7 giờ 15 phút sáng, Đức Giáo hoàng yêu cầu đọc *14 Chặng Đường Thánh Giá*, trình bày các giai đoạn Chúa Giêsu chịu khổ hình cho đến khi tạ thế và mai táng ở Jerusalem. “Ngài làm dấu thánh giá khi đọc đến mỗi chặng”.

Có lẽ dấu hiệu rõ rệt nhất cho thấy tình trạng thực sự trầm trọng của Giáo hoàng là khi vào cuối buổi họp báo; Navarro-Valls cố cầm nước mắt bước xuống bậc, nơi ông đứng nói chuyện với các phóng viên. Bình thường Navarro-Valls là một người rất điềm tĩnh, một phát ngôn viên với hơn 20 năm lăn lộn trong nghề đã học cách che giấu cảm xúc dưới gương mặt lạnh lùng, bình thản. Nhưng phóng viên từng làm việc với ông hơn 20 năm qua cố nhớ xem có mấy khi ông để mất đi sự điềm tĩnh trước mọi người như vậy. Cái cảnh ông nghẹn ngào xúc động, hơn tất cả những gì ông có thể nói ra, đã cho biết sự ra đi đã cận kề.

“Đây là một hình ảnh mà tôi chưa bao giờ thấy trong suốt 26 năm nay”, Navarro-Valls nói về tình trạng sức khỏe của Đức Giáo hoàng, ông không kìm được dòng nước mắt khi rời khỏi căn phòng.

Một dấu hiệu nữa cho biết về tình trạng bất thường là khi Navarro–Valls tuyên bố: Văn phòng Báo chí Vatican sẽ mở cửa suốt đêm tiếp các phóng viên đón tin tức mới nhất. Thông thường văn phòng đóng cửa vào lúc 3 giờ chiều; chỉ riêng điều này thôi đã là sự thừa nhận rằng Chúa có thể đến đón Giáo hoàng đi vào bất cứ lúc nào.

Cuối ngày, Navarro–Valls đưa ra một thông báo khác. “Tình trạng sức khỏe tổng quát cũng như tình trạng của hệ tim và hô hấp của Đức Giáo hoàng đang diễn biến xấu đi”, ông nói. “Tình trạng giảm huyết áp động mạch cũng trở nên xấu hơn, hơi thở yếu đi. Triệu chứng lâm sàng cho thấy tình trạng suy yếu các hệ tim, tuần hoàn và thận... Những thông số sinh học rất đáng lo ngại”.

Một lần nữa, những lời đồn đại lại loan nhanh khắp thành Rome. Người ta rỉ tai nhau rằng John Paul thực sự đã ra đi vào sáng sớm thứ Sáu, và Vatican lùi lại lời tuyên bố chính thức cho tới khi mọi việc được chuẩn bị hoàn tất. Giả định này bị bác bỏ khi Navarro–Valls thông báo tên của vài phụ tá cấp cao đã gặp và nói chuyện với ông trong phòng sáng hôm đó, kể cả Hồng y Edmund Szoka đến từ Hoa Kỳ, Thủ hiến Vatican trước đây; người đã kể lại những phút ở bên Đức Giáo hoàng trên đài truyền hình Hoa Kỳ.

“Ngài nhận ra ngay khi vừa nhìn thấy tôi”, Szoka kể lại trong chương trình Tin tức buổi sáng của CBS về cuộc viếng thăm của mình. “Tôi làm dấu thánh chức lành cho Ngài, và lúc đó, Ngài cố làm dấu thánh giá. Như vậy, Ngài hoàn toàn minh mẫn, hoàn toàn tỉnh táo, nhưng Ngài thở hết sức khó khăn”.

Một lời đồn khác lan ra khoảng 8 giờ 30 phút tối (giờ Rome), khi các bản tin của giới truyền thông Italia cho biết điện tâm đồ của Đức Giáo hoàng là một đường thẳng, vậy có nghĩa ông đã mất. SkyItalia – kênh tin tức truyền hình Italia của Rupert Murdoch – thông báo Đức Giáo hoàng tạ thế. Tiếp ngay sau đó là kênh Fox News ở Hoa Kỳ.

Kênh CNN chuẩn bị phát tin tức đó nhưng nhà phân tích Delia Gallagher cản lại vì bà yêu cầu phải đợi sự khẳng định chính thức trước khi đưa tin. Hóa ra, SkyItalia và Fox News, dựa trên dịch vụ điện báo của Italia, đã đưa tin sớm hơn thực tế 24 tiếng đồng hồ.

Cũng trong ngày thứ Sáu, Vatican công bố 17 vị trí được bổ nhiệm là các Giám mục và các Sứ thần Tòa thánh, một tín hiệu rõ ràng cho thấy họ muốn hoàn tất những sự bổ nhiệm đã được Đức Giáo hoàng phê chuẩn trong khi vẫn còn thời gian. Đây không phải là những bổ nhiệm được quyết định vào phút chót, mà đã được quyết định trước đây nhưng vì lý do này hay lý do khác đã bị trì hoãn lại. (Đôi khi, một Giám mục mới sẽ đề nghị bổ nhiệm vào một ngày đặc biệt, ví dụ vào ngày lễ kỷ niệm thánh bổn mạng của mình, hoặc một ngày có ý nghĩa đặc biệt đối với đất nước hay giáo phận của ông ta). Nếu John Paul qua đời trước khi những bổ nhiệm này được công bố, chúng cũng sẽ khai từ cùng ông, như vậy sẽ làm chậm quá trình bổ nhiệm các sứ thần hay người lãnh đạo mới cho giáo phận.

Tối thứ Sáu, Hồng y Camillo Ruini, phụ tá của Đức Giáo hoàng ở giáo phận Rome và là bằng hữu chỉ giao của Đức Giáo hoàng, cử hành Thánh lễ cầu nguyện cho John Paul II ở nhà thờ Thánh John Lateran, nhà thờ thuộc giáo phận riêng của Đức Giáo hoàng. Ruini thừa nhận rằng cái chết sẽ không còn xa. “Chúng ta cầu nguyện cho Ngài”. Ruini nói về Đức Giáo hoàng, “Vì chúng ta, cũng như Ngài, phó thác bản thân mình theo ý Chúa”. Dùng những lời có thể được xem là dự báo cái chết, Ruini nói: “Đức Giáo hoàng có thể đã chạm đến và nhìn thấy Chúa rồi!” Tổng Giám mục Angelo Comastri, phụ tá ở Vatican của Đức Giáo hoàng, cũng thành thật không kém: “Có thể trong đêm nay, Chúa Giêsu sẽ mở cửa đón Đức Giáo hoàng”.

Thứ Bảy ngày mùng 2 tháng Tư

Trong cuộc họp báo vào buổi trưa, Navarro-Valls lặp lại thông tin rằng tình trạng sức khỏe của John Paul vẫn “rất nguy kịch” và đưa ra lời ám chỉ đầu tiên rằng Đức Giáo hoàng có thể không còn tỉnh táo nữa, dù vẫn khẳng định rằng ông không ở trong trạng thái “hôn mê”.

“Tình trạng sức khỏe tổng quát của Đức Giáo hoàng, cả về hô hấp tim lẫn về tiêu hóa đều chưa có chuyển biến tốt và tình hình rất nghiêm trọng”. Navarro-Valls nói, “Sáng nay, Ngài có dấu hiệu của nguy cơ mất ý thức”.

“Đôi khi Ngài mở mắt ra và thỉnh thoảng nhắm lại”, và “khi nghe tiếng nói, có lúc Ngài phản ứng”. Navarro-Valls tiết lộ: “Có lúc Ngài như đang ngủ, hay chỉ nhắm mắt nằm nghỉ”. Navarro-Valls cho biết, Đức Giáo hoàng 84 tuổi đã nhiều lần cố nói một câu gì đó. Những người nghe cố gắng chấp nối các từ lại với nhau và có thể đó là câu, “Ta đã chờ đợi các con. Giờ các con đã đến bên ta và ta cảm ơn các con”. Phát ngôn viên nói rằng câu này dường như đề cập đến các giáo dân trẻ tuổi đang tụ tập bên dưới cửa sổ trong quảng trường Thánh Phêrô để nguyện cầu cho sức khỏe của ông. Trong khi đó, quảng trường bắt đầu tràn ngập những người hành hương từ khắp nơi trên thế giới đến để chờ đợi tin tức, mà giờ đây gần như đã chắc chắn, về sự ra đi của Giáo hoàng John Paul.

Tối thứ Bảy, dưới sự hướng dẫn của Tổng Giám mục Sandri, mọi người trong quảng trường lần chuỗi Mân Côi cầu nguyện cho Đức Giáo hoàng. Sandri đã trở thành tiếng nói của Giáo hoàng trước công chúng trong suốt quãng thời gian Giáo hoàng bị bệnh. Ngay khi kinh Mân Côi vừa kết thúc, tin tức mọi người chờ đợi đã lan ra.

Sự ra đi

Cuối cùng, cái chết cũng đến với Karol Wojtyła. Với tư cách là Giáo hoàng John Paul II, con người này đã bước qua thời đại của mình bằng một cách mà ít nhà lãnh đạo nào của thế giới làm được. Vào lúc 9 giờ 55 phút tối (theo giờ Rome), điện thoại di động của các phóng viên Vatican đều nhận được tin nhắn SMS thông báo rằng bản tuyên bố khẩn cấp từ Navarro-Valls đang nằm trong hộp thư điện tử của họ. Bản thông báo này viết:

Đức Giáo hoàng đã từ trần vào lúc 9 giờ 37 phút tối nay tại phòng riêng. Tất cả mọi thủ tục được đưa ra trong Tông hiến Universi Dominici Gregis (Chúa Chăn Dắt Đoàn Chiên) được John Paul II ban hành vào ngày 22 tháng Hai năm 1996, đã bắt đầu được tiến hành.*

Đa số các phóng viên không đọc quá bốn từ đầu, ngay lập tức họ nháo nhác với những kế hoạch đã được chuẩn bị lâu nay để đưa tin về sự qua đời của John Paul và các sự kiện tiếp theo.

a) Tông hiến Universi Dominici Gregis đưa ra những chỉ thị về những gì phải làm sau khi Đức Giáo hoàng tạ thế và việc tổ chức Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng mới

Sau này, những thành viên trong nhóm thân cận nhất của Đức Giáo hoàng cho biết John Paul II đã ra đi ngay khi Thánh lễ kết thúc. Buổi lễ được Tổng Giám mục Stanislaw Dziwisz, thư ký riêng của ông, làm chủ tế. Thứ Bảy là ngày áp lễ Chúa Thương xót, một sự sùng kính liên quan đến Thánh nữ Faustina Kowaska của Ba Lan, người được John Paul II phong thánh vào ngày 30 tháng Tư năm 2000, và bà trở thành vị thánh đầu tiên của thiên niên kỷ mới. Sự tôn sùng với lòng thương xót của Chúa Giêsu có căn nguyên ở trong một chuỗi những mặc khải mà Faustina tin là bà nhận được từ Chúa Giêsu, Đức Mẹ Maria và các thánh như Thánh Teresa từ năm 1931 đến năm 1938. Cốt lõi trong thông điệp của bà là loài người không thể nhân từ với nhau, trừ phi họ nhận thức được sự phụ thuộc của mình vào lòng xót thương của Chúa. John Paul luôn tin rằng không phải ngẫu nhiên mà thông điệp về lòng nhân từ này được tiết lộ cho một nữ tu người Ba Lan giữa hai Thế chiến, đúng vào cái thời điểm mà sự tàn nhẫn dâng lên đến mức tột cùng. Do đó, một lần nữa việc chọn lựa thời gian của John Paul, ngay cả khi tạ thế, là toàn mỹ. Ông đã soi sáng lần cuối cùng vào một sự tận hiến mà ông luôn coi trọng.

Cũng có thông báo cho rằng lời cuối cùng mà Đức Giáo hoàng nói vào cuối Thánh lễ đã bắt đầu vào khoảng 8 giờ tối (theo giờ Rome) là từ "Amen". Một số người tỏ ra hoài nghi về khả năng ông có thể nói khi các khó khăn về hô hấp đã hành hạ ông trong những ngày cuối đời. Tuy nhiên, cũng là công bằng khi chấp nhận rằng từ "Amen" nếu không ở trên môi ông thì cũng nằm trong tim ông vào lúc Thánh lễ kết thúc. Theo tiếng *Aram*, phương ngữ Do Thái mà Chúa Giêsu đã sử dụng thì "Amen" nghĩa là "Xin vâng". Và nếu như có ai đó có thể nói "Xin vâng" đối với cả sự sống lẫn cái chết thì người đó chính là Giáo hoàng John Paul II.

Đứng cạnh giường của Đức Giáo hoàng trong Thánh lễ cuối cùng là những người bạn và những người cộng tác thân cận nhất. Tổng Giám mục Dziwisz, thư ký riêng của Giáo hoàng trong gần 40 năm, có mặt ở đó. Ông không khác gì một đứa con trai đối với người cha kính yêu này. Cũng trong căn phòng này là Hồng y Marian Jaworski, Tổng Giám mục của giáo phận L'viv ở Ukraine, người đã từng phục vụ Thiên Chúa với tư cách một linh mục trẻ cùng với Wojtyla ở Ba Lan. Trở lại những ngày đó,

Jaworski mất đi một cánh tay trong tai nạn tàu hỏa trên đường đi thực hiện công tác mục vụ do Wojtyla yêu cầu. Kể từ đó, Jaworski mang một thiết bị kim loại dưới một chiếc găng tay màu đen. Một dấu hiệu thể hiện sự thân thiết giữa hai người: trong những năm đầu, lúc đó Jaworski thường đến Rome và ở lại trong phòng của Đức Giáo hoàng, Wojtyla thường chia phần thức ăn của mình cho người bạn cũ. Cũng có mặt tại giường bệnh của Đức Giáo hoàng là Tổng Giám mục Stanislaw Rylko, chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng đặc trách Giáo dân, một cộng sự đồng hương Ba Lan cũ; Đức Ông Mieczyslaw Mokrzycki, phụ tá của Dzwisz; và Linh mục Tadeusz Styczen. Ba nữ tu người Ba Lan trông nom công việc quản gia cho Giáo hoàng cũng có mặt bên cạnh ông; kể cả Sr Tobiana, bề trên của họ, bà như một chiếc bóng bên cạnh cuộc đời của John Paul. Bất cứ khi nào Đức Giáo hoàng đi đến đâu, Sr Tobiana cũng đi cùng, mang theo chiếc túi màu đen đựng thuốc men cho ông. Vào giây phút ông qua đời, cả nhóm xướng lên bài thánh ca *Te Deum Laudamus* (thường được hát lên để tạ ơn Chúa vì một ơn lành đặc biệt nào đó). Trong trường hợp này, ơn lành đó là cuộc sống và cái chết an vui của Giáo hoàng John Paul II.

Thi thể của Đức Giáo hoàng được đưa vào nhà nguyện riêng của ông để cho ông chia tay lần cuối với ngôi nhà và với những cộng sự thân cận nhất. Những hình ảnh này lần đầu tiên được quay lại và sau này được Trung tâm Truyền hình Vatican phân phối để phát sóng. Tiếp đó, thi thể được chuyển tới đại sảnh Sala Clementina, nơi có những đợt sóng người bắt đầu tạo nên cơn sóng thần của đám đông đến để tỏ lòng kính mến.

ĐÁNH GIÁ

Thật là một điều kỳ lạ, vốn đã chuẩn bị cho sự ra đi của John Paul II, ngày cũng như đêm, trong hơn năm năm qua, đã duyệt qua vô số kịch bản trên cả hai mặt hậu cần và báo chí. Có một điều mà tôi không bao giờ chuẩn bị, đó là tôi sẽ có phản ứng tình cảm cá nhân như thế nào khi giây phút cuối cùng đến. Rốt cuộc, một con người đã chết, nhưng đó không phải là bất cứ người nào – cái bóng của John Paul trùm lên đời tôi, chưa kể hàng tỷ đời sống mà ông có ảnh hưởng đến trên thế giới này.

Tôi đã gặp ông tám lần, đi cùng ông tới 21 đất nước và có thể đã viết hàng triệu từ về ông. Mặc dầu, tôi thừa nhận là có rất nhiều lời phê bình hợp lý về một số khía cạnh trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông, nhưng có một điều không thể bàn cãi: ông là một con người có đức tin sâu sắc và lòng chính trực, một người tốt đã dốc hết tâm trí để phụng sự Chúa, Giáo hội và loài người. Những ngày cuối đời của ông đã dạy cho tôi – và dạy cho tất cả chúng ta – cách đối mặt với cái chết với lòng gan dạ và sự thanh thản. Đó là bài học mà tôi sẽ không bao giờ quên.

Tình cảm đó thăng hoa đến đỉnh điểm trong giờ Thánh lễ An táng, khi tôi ngồi gần Christiane Amanpour và người đồng sự Delia Gallagher trong nhóm CNN quan sát quảng trường Thánh Phêrô, nhìn các Nội thị khiêng quan tài của Đức Giáo hoàng quay vòng để chào đám đông lần cuối. Vào giây phút đó, tôi đã phải cố dằn lòng hết sức để cầm nước mắt; bất chợt tôi nhận ra rằng mình không còn có thể viết thêm một câu nào nữa về John Paul II ở thi hiện tại. Tôi lại nhớ về buổi lễ an táng ông nội tôi cách đây không lâu. Một lần nữa, tôi có cảm giác mất đi một cái gì không thể thay thế được, theo một nghĩa thực thể nào đó.

Đây không phải là nơi để đánh giá lại cuộc đời và di sản của John Paul II. Ngay sau cái chết của ông, những cáo phó và tóm tắt tiểu sử dài dòng sẽ được công bố trên toàn thế giới, kể cả bài viết hơn chín ngàn từ của tôi (vẫn còn có thể được tìm thấy trên Website của tờ *National Catholic Reporter*). Các sử gia, các tác giả viết về Vatican và nhiều người khác sẽ phân loại những bài viết về ông trong nhiều thập niên tới. Cần phải có thời gian để tầm ảnh hưởng to lớn của ông đối với Giáo hội Công giáo và với toàn thế giới hiện ra rõ ràng. John Paul là một con người phức tạp, ông trị vì trong một thời bất ổn, và sẽ có một đánh giá chính thức trong tương lai về những lựa chọn ông đã đưa ra hay về những chính sách mà ông đã theo đuổi. Một con người vĩ đại không nhất thiết lúc nào cũng chỉ thực hiện những việc vĩ đại, và tất nhiên triều đại của ông cũng có những nấc thăng trầm. Các khám phá và những nghiên cứu mới sẽ sớm xếp thành hàng dài trên giá sách cùng với một tuyển tập đồ sộ tài liệu đã được viết về cuộc đời và tư tưởng của ông, về nhiệm kỳ Giáo hoàng kéo dài gần 27 năm của ông, dài thứ ba trong lịch sử gần 2000 năm của Giáo hội Công giáo.

Đến đây đã đủ để khép lại phần này với vài nhận xét ngắn, vài cảm tưởng cuối cùng về một con người mà sự ra đi đã để lại một khoảng trống về tâm lý và tình cảm không thể khóa lấp đối với rất nhiều người.

Vậy chúng ta nói gì về Giáo hoàng John Paul II? Hình ảnh ông ngồi sụm người xuống trong chiếc tòa biết lăn (bởi Vatican không bao giờ chịu gọi nó là "chiếc xe lăn"), cặp mắt hoặc nhắm nghiền hoặc thất thần, gương mặt nhăn nhúm... Có phải đó là vì đau đớn, lo lắng, cảm giác bị đè nặng bởi còn bao điều khác phải làm? Trong sự phân tích cuối cùng thì Karol Wojtyła, thâm sâu hơn các quan điểm chính trị của ông và vượt lên trên cái nền tảng văn hóa Công giáo của Ba Lan đầu thế kỷ 20 mà ông đã nhận được, là bậc "chính nhân quân tử". Ông mạnh mẽ, thông minh và tận tụy, một người mà tinh chính trực và sự tận tâm của ông trở thành tiêu chuẩn để đánh giá các nhà lãnh đạo khác.

John Paul là một người quên mình trong cái thế giới đặt cái tôi lên trên hết. Hồng y Roberto Tucci, (người sắp xếp các chuyến công du của Giáo hoàng John Paul trước khi nghỉ hưu vào năm 2001) từng nói rằng, tuy ông đã hàng trăm lần trình bày cho John Paul về các chi tiết cho các chuyến đi nhưng chưa một lần Giáo hoàng hỏi rằng ông sẽ ngủ ở đâu, ăn cái gì, mặc đồ gì, hoặc những nhu cầu thường ngày như thế nào. Chúng ta có thể thấy sự thờ ơ đối với nhu cầu bản thân mỗi lần Giáo hoàng bước ra, hoặc cuối cùng, được đẩy trên xe lăn ra trước mặt công chúng.

Đó là lý do giải thích tại sao John Paul thu hút được những đám đông khổng lồ, kể cả ở những nơi mà lập trường của ông về chính trị hay tín lý có thể không được ưa chuộng cho lắm. Đó là một lý thuyết gia hiếm thấy, biết cách quan tâm thực sự đến cả cái bao cao su tránh thai lẫn Thánh lễ bằng tiếng La-tinh. Trong mỗi con người, bên dưới các quan điểm chính trị, cả đời lẫn đạo, là thế giới của nhân cách – lòng tốt và sự thánh thiện, những phẩm chất mà chúng ta đánh giá cao nhất nơi đồng nghiệp, gia đình và bè bạn. Một người có thể là cấp tiến hay bảo thủ, tiến bộ hay truyền thống, nhưng nếu người đó trung thực, thì trong hầu hết các trường hợp, như thế đã là đủ. Vương quốc của *menschlichkeit*, chủ nghĩa

nhân văn đích thực, chính là nơi xuất phát lời hiệu triệu của Giáo hoàng John Paul II. Đối với vị Giáo hoàng đã thực hiện hàng trăm chuyến đi và đã nói ra hàng triệu lời nói, có lẽ bài học quan trọng nhất ông để lại là tính nhất quán trong cuộc sống của ông. Khi ông thúc giục các tín hữu Kitô giáo “*Duc in Altum*”⁹ – Hãy lái thuyền ra vùng nước sâu thì lời kêu gọi của ông cũng vang lên với cả những ai đang theo đuổi các bến bờ khác.

Vào cuối buổi tang lễ kéo dài của ông, khi tôi được đài CNN yêu cầu nói một câu kết luận về những cảm giác của tôi trước sự kiện John Paul II tạ thế thì ý nghĩ vang lên trong đầu tôi là câu nói của Hamlet khi nhớ lại cái chết của cha mình: “Ông là một con người. Xét chung về ông, tôi không mong còn gặp được người như ông nữa”.

Tôi không nghĩ là mình có khi nào gặp được một Giáo hoàng khác, hay một con người nào khác lại hoàn toàn giống như John Paul II.

9) *Duc in Altum*, câu tiếng La-tinh trích lời Chúa Giêsu khi bảo môn đệ lái thuyền ra vùng nước sâu và bủa lưới bắt cá. Giáo hoàng John Paul II đã dùng ý này để kêu gọi các tín hữu dẫn thân nhập cuộc trong Tổng huấn *Novo Millennio Ineunte* cuối năm Toàn xá 2000 và trong một số bài giảng khác.

P H Ầ N

II

“CHÚNG TA ĐÃ CÓ GIÁO HOÀNG”

ẤN TƯỢNG BUỔI TANG LỄ

"Rome mà không có Đức Giáo hoàng thì không phải là Rome".

(Barbara De Angelis)

"Nước Italia than khóc cho một người Cha".

(Carlo Azeglio Ciampi)

"Ngài đã trao cho nó [chức vụ Giáo hoàng] một vai trò mới, một ảnh hưởng mới, như là một tiếng nói của lương tâm và đạo đức".

(Murphy - O'Connor)

John Paul II là một thời nam châm thu hút con người. Theo hầu hết các cuộc thăm dò, ông là người được đông đảo dân chúng tận mắt mục sở thị "bằng xương thịt" hơn bất kỳ ai khác trên đời. Đi tới đâu ông cũng được mọi người đón tiếp nồng nhiệt, chẳng hạn có từ 4 triệu rưỡi đến 5 triệu người vào ngày Thanh niên Thế giới ở Manila vào năm 1995, và 10 triệu người có mặt ở thành phố Mexico vào năm 1979. Những sự kiện khác có thể so sánh thì chỉ có lễ hội Kumbh Mela của đạo Hindu vào tháng Giêng năm 2001 khi có 10 triệu người tắm ở sông Hằng suốt 24 giờ và đám tang của Ayatollah Khomeini¹⁰ tháng Sáu năm 1989 đã thu hút từ 3 đến 10 triệu người. Nhưng các sự kiện này mới chỉ xảy ra một lần, còn Giáo hoàng John Paul đã thu hút được những đám đông như vậy quá thường xuyên đến nỗi khi một Thánh lễ do Giáo hoàng chủ trì nếu có ít hơn 1 triệu người tham dự sẽ bị báo giới xem là thất bại. Ngay cả nhà truyền giáo nổi tiếng Billy Graham¹¹ cũng không có sức mạnh thu hút như vậy.

10) Ayatollah Khomeini (1902-1989) Giáo chủ và là một lãnh tụ nổi tiếng nhất của Iran trong thời gian nổ ra cuộc cách mạng Islam giáo tại Iran năm 1979.

11) Mục sư William Franklin Graham, Jr. KBE (được biết đến nhiều hơn với tên Billy Graham, sinh ngày 7 tháng Mười một năm 1918), là nhà truyền bá Phúc Âm (evangelist) người Hoa Kỳ thuộc trào lưu Tin Lành trong cộng đồng Kháng Cách. Graham đã mang thông điệp Phúc Âm đến cho số lượng người nghe đông đảo hơn bất kỳ ai khác từng sống trên đời. Đến năm 1993, hơn 2 triệu rưỡi người công khai tiếp nhận Chúa Giêsu tại các chiến

Với lý do đó, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi có nhiều người đã đến bày tỏ lòng kính trọng đối với John Paul khi thi thể của ông được đặt ở Đền thờ Thánh Phêrô, hoặc đến tham dự thánh lễ an táng ở quảng trường Thánh Phêrô vào thứ Sáu ngày 8 tháng Tư. Cũng vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi những sự kiện này đã thu hút đông đảo khán giả xem truyền hình trên toàn thế giới. Đó là lý do mà các mạng lưới truyền thông của mọi thứ tiếng từ các châu lục đã gửi tới các nhóm phóng viên truyền hình hàng đầu của họ để phụ trách đề tài này. Đó cũng là lý do tại sao họ đã chi một khoản tiền khá lớn để có được vị trí đất địa nhằm tác nghiệp ở thành Rome trong nhiều năm qua. Điều làm ngạc nhiên là ở số lượng người đã đến – theo một số ước tính, khoảng 5 triệu người trong suốt tuần lễ kể từ hôm Giáo hoàng từ trần cho tới hôm lễ tang của ông – và mức độ mãnh liệt, chân thành thấm đẫm trong tình cảm của họ. Nỗi thương tiếc và lòng yêu mến của dân chúng dành cho John Paul thực sự đã tràn ngập các đường phố trong suốt cả tuần, gây choáng váng cho những người dân thành Rome sôi đời, vốn vẫn kiêu hãnh là mình đã biết hết mọi thứ.

Điều ngạc nhiên rằng các sự kiện xung quanh cái chết và lễ tang của Giáo hoàng John Paul II không chỉ là một sự kiện trọng đại của thành phố và là một chương trình truyền hình hoành tráng mà còn ở chỗ chúng sẽ trở thành một yếu tố cực kỳ quan trọng trong chính sách lựa chọn người kế vị cho ông. Trong một vài trường hợp, đây là lần đầu tiên các Hồng y ý thức được là trong tuần Cơ Mật Hội họ không chỉ bầu ra một người lãnh đạo của Giáo hội Công giáo mà còn bầu ra một người sẽ là tiếng nói lương tâm được nhân loại nghe nhiều nhất, một kỳ thủ hàng đầu trong ván cờ giải quyết các vấn đề của thế giới. Họ ý thức rõ hơn bao giờ hết: phải tìm ra một người có tầm cỡ, một người có thể khiến mọi người trên toàn thế giới kính trọng và chú ý. Vì lý do đó, sẽ không thể nghĩ tới một “giải pháp Luciani”, có nghĩa là Cơ Mật Hội các Hồng y

dịch truyền giảng của ông. Đến năm 2002, trong suốt cuộc đời truyền bá Phúc âm lâu dài, nếu tính cả số lượng thính giả của các chương trình phát thanh và truyền hình, Billy Graham đã giới thiệu Phúc âm cho khoảng 2 tỷ người tại nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Nhiều bài giảng của ông tập trung vào chủ đề “Chúa Giêsu Cơ Đốc là con đường duy nhất dẫn đến sự cứu rỗi”. Ông thường có vấn đề cho các Tổng thống Hoa Kỳ, và liên tục có tên trong danh sách “Mười nhân vật được kính trọng nhất trên thế giới”, theo các cuộc thăm dò của Gallup Polls.

lần đầu năm 1978 và việc bầu chọn Hồng y Albino Luciani của Venice làm Giáo hoàng John Paul I, một con người giản dị, tươi cười nhưng không được một ai xem là người có tầm nhìn tương lai. Phản ứng sâu rộng khắp thế giới trước sự ra đi của John Paul II đã giúp các Hồng y nhận rõ cuộc cách mạng ông đã thực hiện trên cái chỗ đứng toàn cầu của chức vụ Giáo hoàng, và do đó đã sửa đổi chính sách bầu chọn người kế vị ông. Họ phải tìm ra một vị Giáo hoàng thật sự xứng đáng, một người có thể được đưa lên bàn cân khi so sánh với John Paul II.

Đó là ảnh hưởng về mặt chính trị mà các nhà quan sát đã thống nhất gọi là “hiệu ứng buổi tang lễ”.

BỐI CẢNH: NHỮNG LỜI BÀN TÁN VỀ MỘT GIÁO HOÀNG HƯỚNG NGOẠI (AD EXTRA)

Trước cái chết và lễ tang của John Paul, không có gì đảm bảo chắc chắn rằng một số Hồng y muốn tìm thấy một con người xuất chúng kế vị ngai Giáo hoàng. Khi Hồng y đoàn tập hợp lại để bầu ra một Giáo hoàng mới, một phần công việc là đánh giá nhiệm kỳ vừa qua, cố gắng thẩm định cả mặt mạnh lẫn mặt yếu. Ở mức độ nào đó, việc chọn người kế vị luôn bị thôi thúc bởi mong muốn tìm một người có thể khắc phục những điểm yếu này và hoàn thành những công việc hay còn dang dở của cố Giáo hoàng. Vì lý do đó, trong nỗ lực thu thập thông tin về mẫu người họ đang tìm kiếm cho chức vụ Giáo hoàng kế vị, các nhà báo dành cả mấy năm gần đây để hỏi các Hồng y xem họ đã cân nhắc ưu khuyết điểm của triều đại Giáo hoàng John Paul II như thế nào.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi bản liệt kê ưu điểm được các Hồng y dẫn ra dài lê thê. Hầu hết các Hồng y đều nói cố Giáo hoàng là một tông đồ và người truyền bá Phúc âm vĩ đại: ông đã thực hiện 104 chuyến đi ra ngoài biên giới Italia, đến 129 quốc gia, làm sống lại vai trò Giáo hoàng không chỉ là người kế vị của Thánh Phêrô mà của cả Thánh Phaolô, vị tông đồ “cơ động” đã mang Phúc âm đến toàn thế giới. Họ nói rằng John Paul là một mục tử tuyệt vời đã truyền niềm tin và ý thức thân thiện đến những nơi mà ông đã đi qua, đặc biệt là đối với giới trẻ. Có cả một thể hệ linh mục “John Paul II” trong Giáo hội Công giáo ngày nay, phần lớn

những người này có những cảm nhận ban đầu về ơn gọi khi tham gia vào một trong những Ngày Thanh niên Thế giới. Đó là những cuộc tập hợp lớn của giới trẻ Công giáo được John Paul thiết lập và thỉnh thoảng được gán cho cái tên: “Woodstock Công giáo”¹². Đây cũng là một vị Giáo hoàng của “việc mở rộng tầm tay” lịch sử, cách mạng hóa mối quan hệ giữa Giáo hội với những tín đồ Do Thái giáo, Islam giáo và các giáo phái Kitô giáo khác. Ông là một người thầy, một người thần bí và cũng là một người cầu nguyện không ngừng, và cái gương tình yêu xả kỷ của ông sẽ sống mãi trong lòng cả một thế hệ tín đồ Công giáo.

Tuy nhiên, nhiều Hồng y nói, tất cả những tài năng đó đều có cái giá phải trả. Có sự lơ là nào đó đối với những điều cần thiết trong việc tổ chức Giáo hội trong nhiệm kỳ của John Paul; có cảm giác rằng vị Giáo hoàng này có niềm đam mê *ad extra*, nghĩa là hướng ra bên ngoài Giáo hội, và đôi khi công việc hàng ngày *ad intra*, nghĩa là trong Giáo hội, bị bê trễ. Các bằng chứng gồm có hiện tượng “loạn chức năng” đôi khi xảy ra tại các văn phòng Tòa thánh Vatican, khi một cơ quan tuyên bố một điều để rồi một cơ quan khác lại phản bác, mà không có kết luận rõ ràng nào từ Giáo hoàng. Sự xáo trộn phức điệu này xảy ra trong mọi vấn đề lớn nhỏ, từ việc Tòa thánh Vatican thực sự nghĩ gì về cuộc chiến Iraq, (để tài mà mỗi ngày quan chức của Vatican lại đưa ra một quan điểm khác, và sau đó là câu bác bỏ thường lệ rằng ông ta chỉ trình bày “ý kiến cá nhân”), cho đến cuộc trình diễn “rẽ tiền” như bộ phim của Mel Gibson – *Cuộc khổ nạn của Chúa*. Một số Hồng y cho biết sự lơ là trong quản lý nội bộ còn thể hiện trong một vài vụ bổ nhiệm Giám mục kém năng lực trong hơn 26 năm qua, cũng như trong phản ứng chậm chạp và thiếu rõ ràng của Rome đối với các vụ lạm dụng tình dục của các linh mục ở Hoa Kỳ. Về mặt này, một số Hồng y nói nhò rằng sự quản lý dưới thời John Paul tỏ ra yếu kém hẳn. Hơn nữa, một số trong các Hồng y này cũng đã phản đối cái mà họ gọi là “tình trạng cá nhân hóa” chức vụ Giáo hoàng dưới thời John Paul. Các phẩm chất của ngôi sao nhạc rock trong cá nhân vị Giáo hoàng này, những sự kiện lớn được tổ chức trên quảng trường

12) Woodstock hay Woodstock Music và Art Fair là đại hội nhạc rock rất nổi tiếng tổ chức tại Woodstock, New York năm 1969. Đại hội tập hợp nhiều nhạc sĩ lên tuổi và đã lôi kéo tới cả 450.000 tín đồ của thể loại nhạc này

Thánh Phêrô và những chuyến đi được dàn dựng kỹ lưỡng, những điều hình như chỉ lôi sự chú ý vào người mang tin thay vì phải tập trung vào thông điệp được mang tới. Có nguy cơ rằng lời giáo huấn của John Paul có thể được xem như là sự mở rộng của cá nhân ông, một cái gì tùy thuộc nơi ông, thay cho truyền thống lâu đời bất di bất dịch của Giáo hội.

Đây không chỉ là ý kiến của nhóm người lập dị bảo thủ, những người vẫn chưa thích nghi được với thực tế, những người mất khả năng kiểm soát đối với công việc của Giáo hoàng. Đôi khi, ngay các Hồng y được coi là có khuynh hướng tự do hơn cũng chia sẻ mối lo ngại đó. Chẳng hạn như vào hôm trước đám tang của John Paul, Hồng y Godfried Danneels của vương quốc Bỉ nói với tôi trong một cuộc phỏng vấn, với điều kiện chỉ được công bố sau Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng: “Đặc sủng Chúa ban cho Đức Giáo hoàng là sự cởi mở *ad extra* (hướng ngoại). Ngài không bao giờ bận tâm bởi những gì đang diễn ra tại Rome. Nó không phải là ‘ngón tử’ của Ngài”.

Trong suy nghĩ của một số Hồng y vào thời gian trước khi John Paul II tạ thế thì có lẽ một nhân vật ít được ban đặc sủng hơn, ít đi hơn, ít tham gia các sự kiện hoành tráng hơn, chỉ ngồi ở sau bàn làm việc và quản trị nhiều hơn, sẽ phù hợp hơn để làm người kế vị của ông. Vì lý do đó, một vị Giáo hoàng phần nào ít gây ấn tượng, hạn chế phô trương, ít xuất hiện khắp nơi, ít thích các mối quan hệ và những cử chỉ màu mè, có thể là điều Giáo hội cần sau một nhiệm kỳ Giáo hoàng với biết bao sự kiện “choáng ngợp” như thế. Theo quan điểm này, không cần thiết phải bầu ra một người phi thường xuất chúng khác; chỉ cần một nhà quản lý có năng lực và người có lòng nhân hậu là đủ. Dĩ nhiên, không phải mọi Hồng y đều nghĩ theo cách này, nhưng có một số tới Rome với suy nghĩ rằng có thể có lợi cho Giáo hội nếu tránh được một phong thái lãnh đạo quá năng nổ ít nhất là trong một thời gian ngắn, để có thời gian đánh giá và sắp xếp di sản của Giáo hoàng John Paul.

Vậy là John Paul II đã về với Chúa, và các Hồng y theo dõi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

THỜI GIAN QUẦN LINH CỨU

Khi thông báo về sự ra đi của Jonh Paul bắt đầu được truyền đi thì đã có một đám đông ở quảng trường Thánh Phêrô rồi. Họ vừa kết thúc chuỗi tràng hạt cầu nguyện cho Đức Giáo hoàng. “Tối nay, tất cả chúng ta đều cảm thấy như những đứa trẻ mồ côi” – Tổng Giám mục Leonardo Sandri, vị *sostituto* hay “người thay thế” – đã nói với hàng chục ngàn người có mặt khi có thông báo chính thức về việc John Paul tạ thế.

Vào Chủ nhật ngày mồng 3 tháng Tư, thi thể của Đức Giáo hoàng John Paul II trong bộ lễ phục được chuyển đến đại sảnh Sala Clementina, ở tầng thứ ba của Dinh Tông đồ (tức Dinh Vatican). Sala Clementina là một phòng tiếp tân rộng thường được sử dụng trong những cuộc tiếp kiến bán công khai và tiếp kiến riêng với nhiều nhóm khác nhau. Chẳng hạn như vào ngày mồng 4 tháng Sáu năm 2004, tại căn phòng này, Tổng thống George W. Bush đã trao Huy chương Tự do cho John Paul II; đây là vinh dự cao quý nhất dành cho thường dân được chính phủ Hoa Kỳ trao tặng.

Thi thể của Đức Giáo hoàng được đặt trên một chiếc giường nghiêng và chèn bằng ba cái gối màu vàng. Cạnh đó có cây thánh giá bằng gỗ và cây nến Phục sinh tượng trưng cho Chúa Giêsu như là nguồn ánh sáng của thế giới đối mặt với bóng tối và chết chóc. Thi thể của ông được các vệ sĩ Thụy Sĩ canh giữ. Trong thời gian thăm viếng riêng suốt ngày mồng 3 và sáng mồng 4 tháng Tư, các giới chức của Tòa thánh Vatican, các quan chức từ chính phủ Italia, các nhà báo và các nhóm công dân tiêu biểu được tuyển chọn khác đến chào ông lần cuối.

Vào ngày mồng 4 tháng Tư, thi thể của Giáo hoàng được đặt lên bục phủ tấm nhung đỏ và đầu của ông được kê trên ba chiếc gối màu đỏ. Các Nội thị Vatican mặc những bộ lễ phục màu đen, đeo găng tay trắng, được trao nhiệm vụ hộ tang và đứng dọc theo hai bên thi thể Đức Giáo hoàng. Đức Hồng y Nhiếp chính (*Camerlengo*) người Tây Ban Nha là Martínez Somalo, người điều hành Giáo hội trong suốt thời gian chưa có Giáo hoàng, trong bộ lễ phục màu đỏ và vàng, đã tiến hành nghi thức rảy nước thánh. Ông ban phép lành cho Đức Giáo hoàng bằng nước thánh

và vẩy ba lần, bên phải của Đức Giáo hoàng, đầu và rơi đến bên trái. Sau đó, một phụ tế mang đến cho Hồng y một bình xông hương và tàu hương. Martiner Somalo xông hương cho Đức Giáo hoàng ba lần. Một đám rước dài chuyển động để đưa thi thể của Đức Giáo hoàng John Paul II từ Sala Clementina, qua đây cột của Dinh Tông đồ vào quảng trường Thánh Phêrô. Đám rước gồm các tu sĩ, linh mục và các Giám mục bước đi chậm chậm về hướng Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô. Hồng y đoàn bước theo sau, hai Hồng y Ratzinger và Martinez Somalo đi cuối cùng. Khi nghi lễ tiến hành, những bài thánh ca bằng tiếng La-tinh được tu sĩ nhiều dòng tu xướng lên và mọi người đáp lại từng câu với lời nguyện (theo tiếng Hy Lạp cổ) *Kyrie eleison* có nghĩa là "Xin Chúa thương xót chúng con". Kinh cầu các Thánh được cất lên. Sau khi tên của mỗi vị tử đạo hay vị thánh được xướng lên, người ta cầu cho vị thánh "cầu bầu" (làm trung gian hòa giải) với Chúa cho mọi người; những người tham dự đám rước hát lời nguyện bằng tiếng La-tinh *Ora pro eo*, có nghĩa là: "Hãy cầu nguyện cho người". Nó xuất phát từ lời cầu nguyện *Ora pro nobis* truyền thống, "Cầu cho chúng con".

Theo ước tính, có đến ba triệu người đã hành hương đến Rome để được nhìn thấy Đức Giáo hoàng trong suốt thời gian này. Số người đưa tang tăng lên gấp nhiều lần khi dân cư trong thành phố cùng kéo về chật cứng quảng trường, tạo nên một biển người với những khuôn mặt buồn bã dưới ánh nền lung linh. Trong 12 giờ đầu sau cái chết của Đức Giáo hoàng, các quan chức thành Rome ước tính có đến khoảng 500.000 người đã tập hợp tại quảng trường, không thua kém các đám đông lớn nhất từng tụ tập ở đó từ trước đến nay. Sự di chuyển xung quanh khu vực Tòa thánh Vatican trở nên hết sức khó khăn, do các đám đông tụ tập lại chật cứng từng tấc đất. Những ngày sau đó, đám đông lại còn tăng lên nữa bởi những người hành hương đến từ khắp mọi nơi trong thế giới Công giáo. Nhưng nhiều nhất vẫn là những người đến từ Ba Lan, họ đến để nói lời từ biệt với vị vua không tuyên bố của đất nước. Ước đoán có tới 1 triệu rưỡi người Ba Lan cùng kéo về Rome chỉ để tham dự tang lễ.

Sự ra đi của John Paul đã để lại một khoảng trống và những người theo ông cố gắng để lấp đầy nó với một sự thể hiện tình cảm tự nhiên và bộc trực đến kinh ngạc, ngay cả đối với họ. Các vị giáo sĩ cấp cao xướng các bài hát và lời cầu nguyện tại quảng trường bằng giọng run run và đám đông đáp lại trong dòng nước mắt. Những người ở từ xa nhìn lại, những người ở tại chỗ ngược lên, tất cả đều dán mắt nhìn ba cửa sổ được chiếu sáng ở bên trên quảng trường, nơi ấy là căn phòng mới bị bỏ trống của Đức Giáo hoàng.

“Rome mà không có Đức Giáo hoàng thì không phải là Rome”. Barbara De Angelis, một nữ sinh viên 24 tuổi, đang theo học ngành nhân loại học ở trường Đại học La Sapienza của Rome, nhận xét.

Giống như nhiều người dân trong thành phố, cô đã dành cả ngày ở quảng trường, len lỏi giữa các đám khách du lịch và những người đến để theo dõi sức khỏe của Giáo hoàng với mục đích moi thông tin sốt dẻo bên trong về sự ra đi của Giáo hoàng John Paul. Hiện giờ cô đã có câu trả lời. “Hãy hít vào thật sâu đi, nó ở khắp mọi nơi!” Cô gái nhìn quanh và nói.

Tiếng vỗ tay nổi lên từ nhiều góc khác nhau của quảng trường, đó là một cử chỉ truyền thống của tang lễ người Italia. Trong một bài diễn văn từ Dinh thự Quirinale (nơi ở xưa kia của Đức Giáo hoàng, hiện nay là nơi ở của Tổng thống Italia), Carlo Azeglio Ciampi đã phản ánh việc Giáo hoàng quá cố “có ảnh hưởng lớn đến lương tâm của chúng ta” như thế nào.

“Nước Italia than khóc cho một người cha”. Ciampi nói với tất cả tình cảm như của hàng triệu người dân Italia, những người đã chấp nhận và yêu quý vị Giáo hoàng người Ba Lan này.

Sự thương tiếc chung cũng thể hiện qua cảnh tắc nghẽn giao thông ở những lối nhỏ xung quanh Tòa thánh Vatican. “Người dân Rome không đi theo Giáo hoàng nhưng họ sống với Ngài”, Luis Gonzales, một người gốc Guatemala đã đến Rome cách đây 40 năm, nhận xét. Gonzales đánh giá cao sự thành công của John Paul trong chức vụ Giám mục của thành Rome, vai trò mà nhiều người quả quyết là ông nắm chắc trong

tay chỉ ít phút sau cuộc bầu cử của ông, khi vị Giáo hoàng đa ngôn ngữ này nói chuyện lần đầu với người dân thành Rome tại quảng trường Thánh Phêrô bằng tiếng của họ và yêu cầu họ, “Hãy sửa sai cho tôi nếu tôi nói sai”. Gonzales cũng ca ngợi thành quả sau đó của Giáo hoàng về tiếng *Romanesco*, phương ngữ của người bản địa.¹³

Giữa đám đông người dân thành Rome đang tụ tập về quảng trường là những nhóm du khách nước ngoài. Họ chọn vị trí rồi bám trụ luôn ở đấy. Josh Rogers, một thanh niên mới 21 tuổi, sống ở Nam Hadley, Massachusetts, ngồi trong quảng trường với mớ hành lý, ngơ ngác trước sự ra đi của John Paul. “Đây là lần đầu tiên tôi đến Rome mà Đức Giáo hoàng lại qua đời”, anh ta nói. “Bây giờ phải làm gì đây?”

Suốt đêm đến rạng sáng, những người dự lễ tang đã nán lại ở quảng trường để thấp nển. Và khi bình minh ló dạng, sấp nển đã đông lại thành cục trên các viên đá lát đường. Chương trình bóng đá, chương trình tạp kỹ và các chương trình giải trí khác trên ti vi ngày Chủ nhật trên khắp nước này đều bị hoãn lại. Trên các quầy báo, các tờ báo thuộc nhiều phe cánh ở Italia đã thể hiện một khoảnh khắc thống nhất hiếm có. Tờ báo cộng sản *Il Manifesto*, chuyên chỉ trích mạnh mẽ Giáo hội, đã tặng cho Giáo hoàng một nụ hôn chưa từng có với một tiêu đề lớn “Bạn không tạo ra được ai khác” – sửa lại câu nói quen thuộc của người dân thành Rome là “Nếu một Giáo hoàng tạ thế thì bạn tạo ra một Giáo hoàng khác”.

Buổi sáng sau cái chết của John Paul, thời tiết ảm áp và các cửa hàng bán đồ đạo trở nên tấp nập. Dân chúng đã trở về mang theo cờ, biểu ngữ với vẻ mặt nghiêm trang. Những người từng đưa tang nhiều vị Giáo hoàng đã chú ý tới số người dự tang lễ đông đảo cũng như việc đưa tin liên tục của giới truyền thông. “Mọi người đang dõi theo chúng ta”, Bà cụ Emma Costantini 77 tuổi nói. “Nhưng tôi đã quen với điều đó”. John Paul là Giáo hoàng thứ năm mà bà đã đưa đám. Graziano de Marinis, một ông cụ trạc 68 tuổi cũng đang dự đám tang của Giáo hoàng lần thứ 5 trong đời mình, đây là người mà ông “biết rõ nhất”. Trong ví, cụ có để bức ảnh Giáo hoàng John Paul đang hôn cậu con trai Marco 6 tuổi của cụ

13) Giáo hoàng John Paul II nói lưu loát các ngôn ngữ như: Ba Lan, Italia, Pháp, Đức, Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha, Nam Tư, Bồ Đào Nha, Nga và La-tinh.

chụp hồi năm 1981, trong một chuyến thăm nhà thờ địa phương của ngài. Marinis gặp tờ *La Repubblica* của Rome dưới cánh tay, trong đó có dòng tit đơn giản "Addio Wojtyla" (Vĩnh biệt Wojtyla).

Vào sáng thứ Hai ngày mồng 4 tháng Tư, tôi có cơ hội tham gia cùng nhóm các nhà báo được phép thường trực đến Tòa thánh Vatican; tất cả được đưa vào trong Sala Clementina để từ biệt Đức Giáo hoàng lần cuối. Xét về nhiều mặt, đó là một việc làm gây hựt hẫng, bởi Đức Giáo hoàng bây giờ trông nhợt nhạt như sáp, giả tạo, không còn là con người tràn đầy sức sống và nghị lực mà tất cả chúng tôi từng biết. Đối với tôi, điều duy nhất mang lại chút cảm xúc là khi thấy Giáo hoàng vẫn mang đôi giày cũ màu đỏ mà tôi đã quen nhìn thấy tại Vatican và trong các chuyến đi. Nó nhắc lại cho tôi bao nhiêu vùng đất mà tất cả chúng tôi đã cùng ông đi qua, cả ở nghĩa bóng lẫn nghĩa đen.

Khi thi hài John Paul được chuyển đến Đền thờ Thánh Phêrô vào chiều ngày mồng 5 tháng Tư để cho dân chúng đến viếng, cả một làn sóng người bắt đầu tập hợp lại. Họ đã đến đây từ 8 giờ 45 phút sáng thứ Hai, mặc dù thời gian để dân chúng viếng thăm sẽ không được bắt đầu trước tối hôm đó. Ban trật tự tình nguyện mặc áo pon-sô có vạch sáng choàng tay đứng tại các giao lộ, làm dòng người chậm lại để ngăn ngừa việc dẫm đạp lên nhau. Các quan chức Tòa thánh Vatican thông báo rằng nhà thờ sẽ mở cửa gần như suốt ngày, chỉ đóng cửa từ 2 giờ đến 5 giờ sáng để dọn dẹp và bảo trì. Áp lực của nhân loại đôi khi thật khủng khiếp!

"Tôi không thờ được", Ellena Medori, một kế toán viên 34 tuổi, hét lên khi những đám đông đẩy cô sát vào một dây lan can vào đêm thứ Hai.

Sự căng thẳng tăng lên vào khoảng 1 giờ 30 phút sáng, do hạn chót cho thời điểm Đền thờ đóng cửa trong ba tiếng đang đến gần. Đám đông la hét không cho nhà thờ đóng cửa để họ có thể mục sở thị Giáo hoàng. Kết quả là các quan chức Tòa thánh phải giảm bớt giờ nghỉ ngơi còn lại một tiếng đồng hồ, từ 3 đến 4 giờ sáng. Tuy vậy, tin đó cũng không làm dịu bớt cái không khí căng thẳng trên các đường phố được bao nhiêu.

"Họ lại đang đẩy tôi từ phía sau nữa kia!" Medori hét lên. Người đẩy từ phía sau là Mirco Sanzovini, chàng sinh viên 22 tuổi, đang học ngành

sinh vật ở Đại học La Sapienza, đã đến và sẵn sàng cho cuộc chờ đợi dự kiến là năm tiếng. Anh đã chen vào được hai giờ và đang nhăm nháp cà phê từ chiếc bình phích bằng thép không gỉ. Anh đã bị ban trật tự tách khỏi mẹ mình 30 phút trước đây, bởi anh thuộc nhóm trong (còn bà mẹ thuộc nhóm ngoài nên bị giữ lại).

Những người khác xếp hàng đến với trống lục lạc, đàn ghi-ta và những biển hiệu gắn tên giáo xứ của họ. Trong khi đó thành Rome đã bố trí 100 xe cấp cứu được điều động về từ khắp mọi miền trên đất nước Italia phòng trường hợp khẩn cấp và một làn sơ cứu được dựng lên ngoài quảng trường Thánh Phêrô. Suốt thời gian này, các viên chức dân sự của thành Rome nhận được những đánh giá cao về năng lực và óc sáng tạo qua cách họ đã ứng phó trước những sự kiện bất thường.

Cho tới lúc những cánh cửa của Đền thờ Thánh Phêrô được đóng lại lần cuối cùng vào sáng thứ Sáu, một số người hành hương đã chờ đợi tới 16 giờ chỉ để được một vài giây đứng trước thi hài của John Paul. Từ trên nhìn xuống, dòng người lũ lượt viếng thăm trông giống như những dòng nước cuộn cuộn của hai con sông Tigris và Euphrates, chảy vào quảng trường từ Via della Conciliazione, đại lộ dẫn đến Đền thờ Thánh Phêrô được Mussolini xây dựng, và từ những con phố nhỏ ở hai bên trái phải. Đám đông là một sự trộn lẫn lạ lùng đủ mọi lớp người: từ những người cao tuổi (một số là những tín đồ Công giáo trung kiên nhất) với trái tim tan nát bởi cái chết của vị Giáo hoàng vốn là kim chỉ nam tinh thần của họ trong hơn một phần tư thế kỷ qua đến những cặp vợ chồng trẻ với nhận thức rõ ràng là con người này, qua đời rồi mà vẫn có thể phần nào tạo nên khác biệt trong cuộc đời của họ và con cái họ, thúc đẩy họ hướng tới điều thiện trong một thế giới đầy dẫy những lựa chọn đúng sai ở khắp nơi; rồi đến giới trẻ, hàng chục ngàn thanh niên được thúc đẩy bởi ý thức sâu sắc rằng đây là Giáo hoàng của họ, một con người yêu giới trẻ, tin vào giới trẻ và hy sinh cho giới trẻ, một điều mà không có nhiều người lớn làm được, dù trong bất cứ thời nào. Tất cả những lớp người đó vô tình đã cùng nhau hợp thành một thành phố trong lòng thành phố, họ qua đêm tại quảng trường, trong túi ngủ, bất chấp sự giá

lạnh bất thường của thời tiết, bao giờ cũng duy trì bầu không khí sùng kính, trong khi loa phóng thanh của Tòa thánh Vatican phát đi phát lại những bài thánh ca và Kinh Cầu Các Thánh.

Vào tối thứ Ba trên đài CNN, một khách hành hương người Hoa Kỳ nói, anh ta đã trực tiếp từ sân bay Fiumicino đến tham gia xếp hàng. Tay vẫn đang ôm hành lý, anh nói anh dự định ngủ ở trên đường phố, tận dụng thời gian có thể để có cơ hội nói lời tạm biệt. Những người đưa tang bị ốm được 42 vị bác sĩ của Hội Chữ thập đỏ ở trung tâm quốc gia Italia thuộc vùng Emilia Romagna chăm sóc. Họ đã điều trị cho 180 người chỉ trong 12 giờ đầu tại một bệnh viện dã chiến ở Piazza Risorgimento gần đó, nhiều người trong số này là những người trẻ tuổi “hoàn toàn không chuẩn bị trước cho việc xếp hàng lâu như thế này”, bác sĩ Enrico Sverzellati nói. Phần lớn được điều trị vì mất nước, say nắng hoặc nhiễm lạnh vào ban đêm, trong khi nhiều người khác ngất xỉu. Các bác sĩ cho biết rằng những người đưa tang ngã quỵ không chỉ do sức nóng mà còn do họ quá xúc động trước sự ra đi của John Paul.

Hàng trăm linh mục ở Rome đã có mặt ở tại quảng trường Thánh Phêrô và các khu vực lân cận để chăm lo mục vụ cho dân chúng suốt ngày đêm, chẳng hạn cho xưng tội. Sau này nhiều vị đã bộc bạch về những chuyện mà họ nói là không thể quên được, về những người sau nhiều thập kỷ mới mở lòng lại với linh mục, với vài người thì là lần đầu tiên trong đời. Một số linh mục nói có những trường hợp cải đạo theo Công giáo trong đám đông khi nhiều người hành hương, có người từ các Giáo hội Kitô giáo khác, hay từ các tôn giáo khác, và có cả những người không theo tôn giáo nào cả; tất cả đều cảm thấy bị cuốn hút do cái khoảnh khắc thiêng liêng này. Lòng nhiệt thành này có bền bỉ hay không là vấn đề khác, nhưng với tư cách là một lời tán dương cuối cùng cho khả năng truyền bá Phúc âm của Giáo hoàng John Paul thì hầu hết các quan sát viên đều thấy là rất ấn tượng.

Tất cả những sự việc trên đều được các Hồng y, những người chẳng bao lâu nữa sẽ bầu ra vị Giáo hoàng mới, ghi nhận không sót một chi tiết nào.

Vào mỗi buổi sáng, các Hồng y gặp nhau trong sảnh đường mới của Thượng Hội đồng Giám mục (vào buổi sáng thứ Tư ngày mùng 6 tháng Tư, 116 Hồng y, kể cả vài vị trên 80 tuổi, đã tham gia buổi họp. Điều đó có nghĩa là phần lớn cử tri đã có mặt ở đây 12 ngày trước khi Cơ Mật Hội khai mạc). Để tới được Tòa thánh Vatican, họ phải lái xe hoặc đi bộ qua những dòng người bất tận, những người đã chấp nhận sự đầy ải về thân xác và vô số trở ngại để được tiếp xúc với John Paul II một lần sau cuối. Các vị Hồng y có dịp trò chuyện với những người đi đưa tang, nghe họ nói về ảnh hưởng lớn lao từ lời giáo huấn và tấm gương của John Paul đối với họ. Những người hoài nghi thì chỉ ra rằng chắc gì nhiều người trong số này sau đó sẽ chịu bỏ ra một giờ trong tuần để tham dự Thánh lễ ngày Chủ nhật. Một anh bạn tôi là dân thành Rome đã tranh luận rằng nếu người ta thật sự muốn bỏ ra 16 giờ để làm một việc tốt thì họ nên đến thăm một người bà con hoặc giúp đỡ người nghèo. Cho dù lý luận đó đúng hay không, nhưng đối với nhiều Hồng y, sự bất bẽ như vậy không có tác dụng gì. Họ không thể không ấn tượng trước tình yêu và lòng mến mộ mà cố Giáo hoàng đã gợi lên, bất kể tình cảm đó sẽ biến thành lối sống đạo hay thành những tiêu chuẩn đòi hỏi cao hơn của đạo đức con người. Ngay cả với những vị thường xuyên ở bên cạnh Đức Giáo hoàng, những cảnh tượng này cũng gây một ảnh hưởng sâu sắc. Vài Hồng y khác, vốn chưa bao giờ tới tham dự một Thánh lễ Giáo hoàng hoặc theo dõi nhiều sự kiện quy mô lớn ở quảng trường Thánh Phêrô nào, lần đầu tiên cảm nhận được sự kỳ diệu của John Paul II. Một số Hồng y khác nữa, vốn mang ký ức mờ nhạt về những hiện tượng như thế khi Đức Giáo hoàng ít hoạt động hơn trong những tháng cuối đời, một lần nữa lại được nhắc nhở về đặc sủng lớn lao, cao quý mà cố Giáo hoàng đã có được.

Nhân tố khác có tác động lớn đến việc định hình ý thức của các Hồng y là các chương trình truyền hình, truyền thanh suốt ngày đêm về dòng người đưa tang đó. Các đài truyền hình đến để đưa tin về đám tang lúc đầu đã lên kế hoạch phủ kín phần lớn thời gian giữa giờ về với Chúa của Giáo hoàng và lễ tang với những chương trình ngắn về cuộc đời và di sản của ông. Tuy nhiên, ở một phạm vi lớn, chính dân chúng đã trở thành

để tài phát thanh, ghi hình. Suốt một tuần lễ, giới truyền thông đại chúng đã quên những vụ bê bối về lạm dụng tình dục, luật hôn nhân đồng tính mới đây nhất ở Tây Ban Nha, khủng hoảng về ơn gọi của Giáo hội Công giáo mà tập trung vào một đề tài mà sau này Ratzinger sẽ kết tinh thành một khẩu hiệu tại Thánh lễ mở tay của mình: “Giáo hội vẫn tồn tại”. Thậm chí, đối với những vị Hồng y từ lâu vốn đã quen chứng kiến cấp trên của họ thu hút các đám đông như thế nào thì nay họ phải choáng khi chứng kiến cảnh dân chúng để tình cảm của họ tuôn trào ra một cách hồn nhiên và tự phát. Mỗi một Hồng y đều bị lay động bởi những gì họ nhìn thấy trên các đường phố của Rome, sau đó trên vô tuyến truyền hình trong những ngày này. Đối với lần này, họ nhận ra rằng John Paul II đã nâng cái nhìn của công chúng về chức vụ Giáo hoàng lên một tầm cao lịch sử và nhiều người đi đến kết luận rằng, Giáo hội Công giáo không có quyền làm ngơ trước tài nguyên quý giá mà mình đã nhận được; đó chính là chỗ đứng đặc biệt của John Paul II trong lòng đại chúng.

Đến từ Philadelphia, Hoa Kỳ, Hồng y Justin Rigali đã làm việc nhiều năm ở Tòa thánh Vatican và đã từng dự ba đám tang của những Giáo hoàng khác tại quảng trường Thánh Phêrô, gọi tình cảm sâu đậm dành cho John Paul II là điều xúc động nhất mà ông từng chứng kiến.

“Đây là đám tang thứ tư của một Giáo hoàng mà tôi đích thân tham dự, tôi nghĩ đám tang này đã vượt qua mọi thứ”, ông cho biết. “Đây là đám tang khác thường nhất từ trước tới nay”.

Trong suốt khoảng thời gian này, tình cờ tôi gặp Hồng y Julian Herranz, một trong hai Hồng y duy nhất trên thế giới thuộc tu hội *Opus Dei* và là người tôi đã phỏng vấn cho quyển sách sắp xuất bản của tôi về *Opus Dei*. Herranz và thư ký của ông đang đi dọc theo đường Via Paolo VI, gần Tòa thánh Vatican, khi tôi đang trên đường quay về từ một cuộc hẹn tại trụ sở Dòng Tên nằm ngay dưới phố. Tôi hỏi Herranz, người đã làm việc trong Giáo triều Roma 44 năm và hiện đang đứng đầu Hội đồng Giáo hoàng Giải đáp Văn bản Pháp luật, về cảm nghĩ của ông trước đám đông quần chúng đang cố gắng để trông thấy Giáo hoàng.

“Hết sức cảm động”, ông nói. “Đó là sự bác bỏ của quần chúng về lời chỉ trích của Hans Küng” về Giáo hoàng”. Herranz nói đến bài báo dài trong tờ nhật báo Italia *Corriere della Sera* trước cái chết của John Paul, bài báo đưa ra sự phê bình tỷ mỉ về thời gian trị vì của John Paul. Lập lại đúng câu mà Ratzinger sau này sẽ viện dẫn, Herranz nói: “Giáo hội vẫn sống. Hãy nhìn những người trẻ tuổi này, bạn có thể thấy điều đó trên những khuôn mặt của họ... Giáo hội vẫn sống”.

Đó là những ý nghĩ luôn hiện diện trong tâm trí của các Hồng y khi họ suy tư về những sự lựa chọn đang chờ đợi mình lúc Cơ Mật Hội khai mạc.

LỄ AN TÁNG GIÁO HOÀNG

Những suy nghĩ đó đã được tiếp thêm sức mạnh tại Thánh lễ An táng vào ngày mồng 8 tháng Tư, với sự tham dự của khoảng một triệu người trong và ngoài Tòa thánh Vatican, cùng hàng triệu người nữa theo dõi tại các điểm cầu truyền hình ở Rome và khắp nơi trên thế giới, khiến cho Thánh lễ An táng trở thành một trong những cuộc đại hội tôn giáo lớn nhất thời hiện đại. Các nhà lãnh đạo thế giới, lãnh đạo tôn giáo và các tín đồ tụ hội tại quảng trường Thánh Phêrô. Ngoài ra, nghi lễ này còn được hàng trăm triệu người trên toàn thế giới theo dõi. Ngày hôm trước, Tổng Giám mục John Foley, một người Hoa Kỳ hiện đang đứng đầu Hội đồng Giáo hoàng Truyền thông Xã hội, đã tổ chức một buổi họp báo với sự tham dự của các nhà báo từ các đài phát thanh và truyền hình, ông đề cập tới sự kiện với nét mặt nghiêm túc rằng “đây là chương trình phát thanh truyền hình quan trọng nhất trong lịch sử”. Trong hoàn cảnh khác, có thể xem lời bình luận này là khoa trương, màu mè, tuy nhiên trong bối cảnh hiện tại, không một ai dám nghi ngờ lời tuyên bố của Foley. Mọi người đều đồng ý đây là sự kiện được theo dõi nhiều nhất trong lịch sử truyền hình, thu hút sự quan tâm của lượng khán giả khắp toàn cầu lên tới khoảng 2 tỷ người.

14) Hans Küng là linh mục và một nhà thần học Công giáo nổi tiếng. Ông thường chỉ trích Tòa thánh Vatican và bị rút phép giảng dạy về thần học.

Chính thức được biết đến như là một Thánh lễ Cầu hôn, sự kiện bắt đầu bằng việc những cánh cổng của Đền thờ Thánh Phêrô đóng kín lại và các quan chức cao cấp được yêu cầu đứng bên ngoài Đền thờ. Chỉ có Hồng y đoàn và các Thượng phụ Giáo chủ của Giáo hội Đông Phương được phép vào bên trong để tham dự một nghi lễ riêng, nơi Giáo hoàng John Paul II được đặt trong một chiếc quan tài bằng gỗ bách, chiếc đầu tiên trong tổng số ba chiếc. Trước khi Giáo hoàng được đưa vào trong quan tài, Dziwisz có vinh dự được phủ một chiếc khăn che mặt bằng vải lụa trắng lên mặt Giáo hoàng. Bên cạnh thi thể Giáo hoàng là một tài liệu được niêm phong; đó là một bài tụng ca chi tiết về cuộc đời và sự nghiệp của Giáo hoàng John Paul II. Ba chiếc túi, mỗi chiếc có chứa một đồng vàng, bạc hoặc đồng tượng trưng cho mỗi năm Giáo hoàng John Paul II tại vị, được đặt cạnh thi hài – đây là khoản tiền công duy nhất mà ngài nhận được trong thời gian làm Giáo hoàng.

Sau nghi lễ riêng, những cánh cửa được mở ra và các vị chức sắc được mời vào chỗ ngồi. Ratzinger và 164 vị Hồng y đồng tế chuẩn bị cho đám rước từ bên trong Vương cung Thánh đường tới một tế đài bằng đá cẩm thạch ở chính giữa quảng trường, nơi Thánh lễ được tổ chức. Đám rước bắt đầu với bài ca nhập lễ: "Xin Chúa hãy ban cho người được an nghỉ muôn đời", tiếp theo là *Bài Thánh vịnh* 64: "Lạy Chúa của Si-on, ca tụng Ngài thật là chính đáng". Các Nội thị Tòa thánh khiêng chiếc quan tài với huy hiệu của Giáo hoàng John Paul II khắc sâu trên nắp, đưa vào quảng trường Thánh Phêrô. Một phó tế cầm sách Phúc âm bọc da màu đỏ đi phía trước quan tài. Các Thị thần đặt quan tài lên tám tấm đỏ phía trước bàn thờ.

Trong lúc giai điệu của những bài thánh ca được cất lên, Hồng y Ratzinger và những người đồng tế bỏ mũ tế ra và cúi xuống hôn bàn thờ. Sau đó, những người đồng tế lại đội mũ lên và an tọa ở hai hàng ghế vàng, giống như các ngài vàng. Tiếp theo, bàn thờ được làm phép và xông hương. Khi những bài hát kết thúc, Ratzinger đọc kinh cầu nguyện cho Giáo hoàng John Paul II. Những người đồng tế cũng đọc kinh sám hối rồi hát bài *Kyrie eleison* (Kinh Thương xót), bài đã được hát khi đưa thi hài của Giáo hoàng từ Dinh Tông đồ sang Đền thờ Thánh Phêrô.

Tiếp theo là phần Phụng vụ Lời Chúa. Bài đọc thứ nhất được trích từ chương 10 của sách *Tông Đồ Công Vụ*, và được đọc bằng tiếng Tây Ban Nha. *Bài Thánh vịnh 22* được hát lên. Bài đọc thứ hai được đọc bằng tiếng Anh, và được trích từ *Thư của Thánh Phaolô Tông Đồ gửi tín hữu Philípphê*. Sau đó, sách Phúc âm được một phó tế người Anh tên là Paul Moss mang tới bục giảng. Bài đọc này được trích từ sách Phúc âm theo Thánh Gioan, bắt đầu bằng câu: “Ý muốn của Cha ta là những ai thấy và tin vào con của Ngài sẽ được sống muôn đời”. Sau đó, Moss đã hát bài đối thoại giữa Chúa Giêsu và Thánh Phêrô mà Thánh Gioan đã thuật lại. Chúa Giêsu đã hỏi ba lần. “Con có yêu mến Thầy không?” Rồi Người nói với môn đệ của mình, “Hãy theo Thầy!”

Ở phần cuối Thánh lễ, Ratzinger chủ trì Nghi thức Chúc tụng và Chia tay cuối cùng. Ông yêu cầu Hồng y đoàn và các Thượng phụ Giáo chủ của Giáo hội Đông Phương đến quanh quan tài của Giáo hoàng John Paul II. Cả giáo đoàn tham dự được mời gọi cầu nguyện.

Ông đọc to: “Anh chị em thân mến, chúng ta hãy giao phó linh hồn Giáo hoàng John Paul II của chúng ta cho lòng nhân từ vô biên của Chúa. Xin Đức Mẹ đồng trinh Maria chuyển cầu cùng Chúa để Người tỏ gương mặt Thánh tử của Người cho Giáo hoàng của chúng con, và an ủi Giáo Hội với ánh sáng phục sinh”.

Ca đoàn hát lên bài Kinh Cầu Các Thánh. Thêm một ví dụ khác về việc “chệch hướng” với truyền thống trong thời Giáo hoàng John Paul: tên của các vị thánh được Giáo hoàng John Paul II tấn phong như Thánh Maria Faustina và Thánh Josemaria Escrivá cũng được đưa vào bài kinh. Sau bài Kinh cầu các Thánh, các Thượng phụ Giáo chủ, các Tổng Giám mục và các Trưởng Giáo chủ của Giáo hội Đông Phương tiến tới cạnh quan tài của Giáo hoàng John Paul II để cử hành nghi lễ tiễn biệt và chúc tụng riêng. Họ xông hương quan tài và lần lượt cầu nguyện. Cùng với Hồng y đoàn và các Thượng phụ Giáo chủ của Giáo hội Đông Phương, tất cả đều chứng kiến việc rảy nước thánh lên quan tài. Sau đó xông hương một lần nữa. Nghi thức của Giáo hội Đông Phương được thực hiện bằng tiếng Hy Lạp.

Thánh lễ An táng chính thức kết thúc với việc tất cả mọi người tham dự đứng lên và cùng nhau hát: “Xin Thiên Thần Chúa dẫn đưa linh hồn này vào Thiên Quốc. Xin các Thánh Tử đạo đón tiếp vào thành Thánh, thành Jerusalem mới và vĩnh cửu”. Sau đó, các Nội thị đưa linh cữu Giáo hoàng John Paul II đi mai táng, do Martínez Somalo cử hành nghi thức. Theo thông lệ, thi hài của Giáo hoàng John Paul II được đặt trong ba chiếc quan tài xếp lồng vào nhau. Chiếc quan tài bằng gỗ bách được niêm phong và cột bằng ba dải lụa đỏ. Tiếp đó nó được đưa vào bên trong một chiếc quan tài bằng kẽm rộng hơn, rồi hàn kín nắp lại. Chiếc quan tài này được trang điểm bằng ba bản đồng: một cây thánh giá đơn giản ở phần đầu quan tài, một bản đồng với danh tánh, ngày sinh, ngày tử của Giáo hoàng được đặt ở chính giữa, và một chiếc huy hiệu cá nhân của Giáo hoàng John Paul II ở phần cuối. Cuối cùng, chiếc quan tài bằng kẽm được đặt bên trong một chiếc quan tài bằng gỗ cây hồ đào lớn hơn, bọc kín cả ba tấm bản bằng đồng, rồi được đóng lại bằng những chiếc đinh làm bằng vàng nguyên chất. Những người hộ tang đưa chiếc quan tài hợp nhất qua “Cửa tử” ở phía bên trái bàn thờ của Đền thờ Thánh Phêrô. Đúng lúc đó một hồi chuông rung lên. Những người hộ tang đưa quan tài xuống cầu thang gần tượng Thánh Longinus ở dưới mái vòm Gian Lorenzo Bernini. Chiếc quan tài được chôn xuống đất, như Giáo hoàng đề nghị, trên đó đặt một phiến đá phẳng có khắc tên, ngày sinh và ngày mất của ông. Martínez Somalo kết thúc lễ mai táng bằng những lời: “Lạy Chúa, xin cho tôi tớ Chúa được yên nghỉ muôn đời, và cho ánh sáng Chúa chiếu rọi ngàn thu”. Những người có mặt đã cùng nhau hát bài *Salve Regina* (“Kính chào Nữ vương”).

Buổi lễ an táng tự bản thân là một kiệt tác của chủ nghĩa tượng trưng. Nối tiếp truyền thống từ Giáo hoàng Paul VI, một quyển sách Phúc âm mờ được đặt bên trên nắp quan tài – các trang sách được gió lật ra trong thời gian cử hành tang lễ. Cuối cùng, quyển sách được gấp lại, tượng trưng cho việc khép lại cuộc sống trên dương gian của Giáo hoàng John Paul II. Phía sau quan tài là vị trí an tọa của Hồng y đoàn trong những chiếc áo choàng đỏ thẫm, mà theo truyền thống Thiên Chúa giáo thì đó là biểu tượng cho máu của Chúa Giêsu. Các vị đứng

đầu nhà thờ khác mặc những chiếc áo lễ phục màu trắng ngời ở bên phải quan tài của Giáo hoàng John Paul II.

Đối diện với họ là các chính khách với số lượng cũng đông không kém, gồm các quốc vương, nữ hoàng, tổng thống và thủ tướng từ khắp nơi trên thế giới, hầu hết đều mặc những bộ đồ màu đen. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Anan là một trong những người đến đầu tiên.

Những chính khách nổi tiếng đến thành từng nhóm nhỏ đi chung với nhau, trong đó có Thủ tướng Đức là Gerhard Schroeder, Tổng thống Ukraina là Victor Yushenko, Tổng thống Afganistan là Hamid Karzai, rồi đến Tổng thống Pháp là Jacques Chirac, Vua Jordani Abdullah, và gia đình hoàng gia Tây Ban Nha cùng với Thủ tướng Jose Luis Rodriguez Zapatero. Tiếp theo là Tổng thống Brazil, Lula cùng phu nhân. Thủ tướng Anh Tony Blair và Thái tử Charles, người đã hoàn đám cưới của mình với Camilla Parker Bowles vào ngày thứ Bảy để đến tham dự lễ tang của Giáo hoàng, cũng có mặt. (Theo một chú thích của người Anh, sự kiện này đánh dấu việc lần đầu tiên Tổng Giám mục Canterbury, Đức vua tương lai và Thủ tướng cùng tham dự đám tang một Giáo hoàng). Trong số những người cuối cùng tới vì những lý do thủ tục và an ninh có Tổng thống Hoa Kỳ là George W. Bush, cùng thân phụ là cựu Tổng thống George Bush Sr., cựu Tổng thống Bill Clinton và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Condoleezza Rice. Cộng đồng những người tham dự các thánh lễ đôi khi có những sự sắp đặt kỳ khôi – ngày hôm ấy có mặt của Tổng thống Syri là Bashar Assad và Tổng thống Israel là Moshe Katzav. Các báo cáo sau đó cho biết, Assad và Katzav đã bắt tay nhau trong Nghi thức Chúc bình an của Thánh lễ, điều mà Tổng Giám mục Wilton Gregory của Atlanta sau này đã nói lại với hãng truyền hình CNN rằng: “Đó là phép lạ đầu tiên của John Paul”. Trong số những người quyền cao chức trọng đến tham dự tang lễ còn có 142 nhà lãnh đạo của các tôn giáo khác. Đây là bằng chứng về những cố gắng của lòng kiên trì và chân thành của John Paul trong nỗ lực đến với các tôn giáo khác trong đại gia đình nhân loại.

Hơn 10 nghìn cảnh sát và binh lính đã được huy động để bảo đảm an ninh cho Thánh lễ, cùng với 1.430 sĩ quan được phân công bảo vệ các

nguyên thủ quốc gia và những nhân vật cấp cao khác. Một lệnh cấm bay bắt đầu có hiệu lực nhằm ngăn chặn những mối đe dọa an ninh từ trên không. Các máy bay tư nhân không được phép bay trong vòng bán kính 35 dặm tính từ trung tâm thành Rome mãi cho tới chiều thứ Bảy. Các máy bay chiến đấu của không lực Italia được đặt trong tình trạng sẵn sàng đánh chặn những máy bay xâm nhập, và các máy bay trực thăng được đặt trong chế độ “bắn chặn những vật thể bay chậm” để đánh trả những cuộc tấn công bằng loại máy bay cỡ nhỏ. Các biện pháp an ninh đã được áp dụng nhằm đối phó với hàng loạt những mối nguy cơ khác, bao gồm cả những cuộc tấn công bằng vũ khí sinh học, hóa học và hạt nhân. Các đơn vị tên lửa phòng không được triển khai tại nhiều vị trí trong và quanh thủ đô của Italia.

Tất cả những biện pháp bảo đảm an ninh này cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của sự kiện: chưa bao giờ có nhiều nguyên thủ quốc gia và các quan chức cao cấp đại diện cho những nền văn hóa khác nhau và những quan điểm chính trị khác nhau như thế cùng tụ hội để thể hiện sự tiếc thương đối với một người vừa mới từ già cõi đời. Đó là bằng chứng hiển nhiên về thành tựu to lớn về đạo đức và cả chính trị mà Giáo hoàng John Paul II đã tích lũy được trong gần 27 năm tại vị của mình.

Khi tang lễ đến hồi kết, những tràng vỗ tay vang lên khắp quảng trường và lan ra toàn thể đám đông đang đứng ở đại lộ Via della Conciliazione, đại lộ chính dẫn tới quảng trường Thánh Phêrô. Tràng vỗ tay này kéo dài trong suốt 7 phút. Đám đông đồng thời cũng liên tục gọi tên *Giovanni Paolo! Giovanni Paolo!* một cách nhịp nhàng, khiến chúng ta liên tưởng đến những sự kiện diễn ra tại quảng trường Thánh Phêrô và những nơi khác trước đó. Các tin đồ không thể tham dự tang lễ đã kéo về cánh đồng Tor Vergata, nơi Giáo hoàng John Paul II đã tổ chức một trong những buổi mít - tinh lớn nhất trong thời gian đương nhiệm của mình nhân Ngày Thanh niên Thế giới năm 2000. Tang lễ được theo dõi cùng lúc từ khắp nơi trên thế giới, những địa điểm khác nhau như thành phố Kirkuk (miền Bắc Iraq) hay Tokyo (Nhật Bản). Thành Rome cũng phải rung lên vì số lượng du khách. Trên hè phố, người đi bộ chen chúc nhau

trong giờ cao điểm, hầu hết là những đứa trẻ với ba lô đeo trên vai. Mười lán trại đã được dựng lên ở đấu trường Circus Maximus và những nơi khác quanh thành phố để giải quyết sự quá tải ở các khách sạn. Những người bán hàng rong đã nâng giá mọi thứ từ nước đóng chai cho tới những món quà linh tinh về Cố Giáo hoàng.

Một ngày trước khi tang lễ được tổ chức, Vatican đã công bố di chúc của Giáo hoàng John Paul II, được viết bằng tiếng Ba Lan trong suốt 22 năm, bắt đầu từ 5 tháng sau khi ông được bầu chọn hồi tháng Mười năm 1978. Trong đó ông bày tỏ mong muốn được mai táng "trong đất trần", và có các buổi đọc kinh và dâng thánh lễ được tổ chức sau khi ông mất. Giáo hoàng đã thay đổi cách suy nghĩ về nơi mai táng ông; đầu tiên ông yêu cầu Hồng y đoàn chấp nhận lời đề nghị của Ba Lan là ông được về mai táng ở quê hương nhưng rồi cuộc lại để cho họ toàn quyền quyết định vấn đề. Vì thế, cuối cùng thi hài của John Paul được an nghỉ trong hầm bên dưới Vương cung Thánh đường Thánh Phêrô, tại vị trí đã được bỏ trống bởi Giáo hoàng John XXIII sau lễ phong Chân phước cho Ngài năm 2000. Mộ của John Paul được đánh dấu bằng một phiến đá trắng đơn giản, trên đó có ghi thời gian trị vì của ông. Và ngay khi Vatican mở cửa trở lại Đền thờ Thánh Phêrô sau tang lễ, nó cũng đã trở thành điểm đến hấp dẫn cho các tín đồ hành hương. Suốt hai ngày họp Cơ Mật Hội của Hồng y đoàn, những người xếp hàng dài đứng đợi để được vào thăm nơi an nghỉ cuối cùng của Giáo hoàng vẫn không suy giảm.

BÀI GIẢNG - MỘT "KỶ ỨC NỒNG ẤM", XÚC ĐỘNG ĐẾN RƠI LỆ

Đặt trong bối cảnh này, bài giảng của Đức Hồng y Ratzinger đã từ một bài điều văn thông thường trở thành một bước ngoặt trong lịch sử Giáo hội. Nó được bắt đầu bằng việc Ratzinger đứng trước đám đông tham dự, để cặp kính của ông trễ xuống mũi; bằng một thứ tiếng Italia chuẩn, ông chào mừng những nhà lãnh đạo chính trị và tôn giáo đang hiện diện.

Với giọng nghiêm trang, ông đã nêu lên những tương đồng giữa việc

sẵn sàng theo Chúa Giêsu của Thánh Phêrô với cuộc hành trình của Giáo hoàng John Paul II (từ sự kìm kẹp của các chế độ chuyên chế ở Ba Lan tới vị trí cao nhất của Giáo hội Công giáo). Ông đã ôn lại những mốc son trong cuộc đời Giáo hoàng, từ khi còn trẻ, những ngày tháng làm việc trong một nhà máy hóa chất dưới sự chiếm đóng của Phát xít và từ những năm tháng lên lút làm chủng sinh ở Ba Lan dưới chế độ Cộng sản.

“Hãy đứng dậy, nào chúng ta lên đường!” Bài giảng tiếp tục, trích dẫn lời tựa quyển tự truyện năm 2004 của Giáo hoàng John Paul II. “Với những lời này, [John Paul II] đã gọi chúng ta tỉnh thức để ra khỏi một đức tin đang mê ngủ, ra khỏi giấc ngủ của các môn đồ Chúa trong cả hôm qua và hôm nay”.

Ratzinger nói về cuộc đời của John Paul II khi là một Giám mục, Hồng y và Giáo hoàng:

Đức Thánh Cha là một giáo sĩ cho tới hơi thở cuối cùng, vì Ngài đã hiến dâng cuộc đời mình cho Chúa, cho các giáo dân và cho toàn thể nhân loại, trong việc tự hiến hàng ngày để phục vụ Giáo hội, đặc biệt là trong những tháng cuối đời, khi Ngài bị bệnh tật hành hạ. Bởi vậy Ngài đã trở thành một Đức Kitô, vị Mục tử nhân lành bao giờ cũng yêu thương đoàn chiên của mình. Đức Thánh Cha luôn tìm cách gặp gỡ mọi đối tượng, Người biết tha thứ và mở lòng mình ra cho hết mọi người. Một lần nữa Người dạy chúng ta qua lời Chúa hôm nay, rằng khi sống trong tình yêu của Chúa, chúng ta sẽ học để biết cách yêu thương dịch thực theo gương của Đức Kitô.

Tất cả chúng ta đều biết rằng Đức Thánh Cha của chúng ta không bao giờ muốn sống an nhàn hoặc sống cho riêng mình. Ngài muốn hiến dâng trọn vẹn cho tới giây phút cuối cùng, hiến dâng cho Chúa và do đó cũng cho tất cả chúng ta. Và nhờ vậy, Ngài đã cảm nhận được là tất cả những gì Ngài đã hiến dâng cho Chúa thì Chúa cũng đã ban lại cho Ngài dưới một hình thức khác. Ngài yêu ngôn ngữ, mộ thơ ca và đó là một thành phần quan trọng trong công tác mục vụ của Ngài. Điều đó đã tạo ra sức sống mới, lực thúc bách mới, sức cuốn hút mới cho việc rao giảng Phúc âm, ngay cả khi nó

là một dấu hiệu chống đối.

Cuối cùng, ông nói về lòng sùng kính của Giáo hoàng đối với Đức Mẹ Maria và lòng nhân từ vô biên của Chúa Giêsu. Những lời cuối cùng của Đức Hồng y nhắc đến kỷ niệm về việc Giáo hoàng John Paul II đã cố gắng nói lời chào mừng đám đông tại quảng trường Thánh Phêrô nhân ngày Lễ Phục sinh, những lời mà ông đã không đủ sức nói to lên:

Không một ai trong chúng ta có thể quên được ngày Chủ nhật Phục sinh cuối cùng trong cuộc đời Ngài. Dù đang rất mệt, Giáo hoàng đã một lần nữa đến bên cửa sổ của Dinh Tông đồ và ban phép lành Tòa thánh urbi et orbi cho chúng ta lần cuối cùng. Có thể chắc chắn rằng Giáo hoàng kính yêu của chúng ta ngày hôm nay vẫn đứng bên cửa sổ ngôi nhà của Cha, Ngài nhìn thấy và ban phép lành cho chúng ta. Vâng, hãy ban phép lành cho chúng con, thưa Đức Thánh Cha. Chúng ta gửi gắm linh hồn của Ngài cho Mẹ của Chúa, Mẹ của Ngài, người đã chỉ dẫn cho Ngài hàng ngày và lúc này sẽ lại chỉ dẫn cho Ngài tới niềm vinh quang vĩnh hằng của Con trai bà, Chúa Giêsu của chúng ta. Amen!

Rất nhiều người giải thích phần kết thúc của bài giảng theo nghĩa là Giáo hoàng John Paul đã thực sự lên thiên đàng và đã trở thành một vị thánh; căn cứ vào thẩm quyền về thần học của Ratzinger, không ai có ý định phản đối ông.

Ở một số điểm trong bài giảng, Ratzinger đã tỏ ra rất xúc động, đặc biệt là khi ông nhắc lại việc Giáo hoàng John Paul II không thể nói được trong những ngày cuối đời. Tổng cộng, đã có 13 lần bài giảng phải dừng lại vì tiếng vỗ tay của các giáo dân, và dường như Ratzinger cũng vô cùng xúc động. Đã có lúc, dù có cặp kính che khuất phần nào nhưng người ta vẫn thấy đôi mắt ông đầm lệ.

Có lẽ ấn tượng khó quên nhất đối với tất cả những người tham dự buổi lễ hôm đó là cách đám đông đã trở thành những người đối thoại với ông theo đúng nghĩa của nó. Ban đầu Ratzinger tỏ ra khá bất ngờ với những tràng vỗ tay, nhưng rất nhanh chóng ông đã học cách thích nghi, ông ngừng lại và chờ cho tới khi tiếng vỗ tay của những người tham dự

chấm dứt. Những biểu ngữ với dòng chữ *Santo Subito* (“phong thánh ngay bây giờ”) được giương lên trên khắp quảng trường Thánh Phêrô, và đám đông liên tục thốt lên hai từ *santo, santo* (“thánh, thánh”) với giọng trầm và mạnh. Cảnh tượng gần như là một sự minh họa kinh điển về cách thức phong thánh trong Giáo hội Công giáo. Nó phải được bắt đầu với một sự sùng kính của dân chúng, cái mà con người thời Trung cổ gọi là *fama sanitatis* (“nổi tiếng thánh thiện”), điều mà Giáo hội sau đó sẽ xem xét và cuối cùng sẽ phê chuẩn theo cách “sự việc đã rồi”. Không khó để nhận ra những dấu hiệu cho thấy cả các Hồng y cũng bị dao động. Trước ngày cử hành tang lễ, trong cuộc họp hàng ngày của Hồng y đoàn, một kiến nghị đã được đưa ra nhằm kêu gọi Giáo hoàng kế vị nhanh chóng tiến hành việc phong Chân phước và phong thánh cho John Paul II. Công nghị các Hồng y đã thảo luận sôi nổi chủ đề này và Ratzinger mời Hồng y Jose Saraiva Martin, người đứng đầu Bộ Phong Thánh. Vị này giải thích rằng có một truyền thống phong thánh cổ xưa bằng “sự tung hô nhiệt liệt của công chúng” và rằng Giáo hoàng tiếp theo có thể bỏ qua thời hạn chờ đợi bắt buộc là năm năm, như Giáo hoàng John Paul II đã làm trong trường hợp của Mẹ Teresa. Bà đã được phong Chân phước năm 2003, đúng sáu năm sau khi bà qua đời. Vào tháng Năm năm 2005, Giáo hoàng Benedict XVI tuyên bố rằng thời gian chờ đợi cũng có thể được bãi bỏ đối với John Paul II.

Brian Williams của đài NBC đã gọi bài giảng này là một “kỳ ức nóng ấm, rất nóng ấm”. Chính sự xúc động trong bài giảng của Ratzinger đã khiến rất nhiều Hồng y bất ngờ. Ông được biết là người không hay bộc lộ tình cảm, nhưng người ta đã thấy ông như thế, với những giọt nước mắt trào ra khi nói về tình yêu và sự hy sinh của cố Giáo hoàng. Đối với những Hồng y đã từng lo ngại về khả năng khơi gợi cảm xúc của Ratzinger trước đám đông, bài giảng này khiến họ có một cái nhìn mới về ông.

Tất nhiên, hầu hết những Hồng y này đều biết rõ Ratzinger trong các mối liên lạc cá nhân, và xem ông là người thường bị hiểu lầm. Họ biết tính hòa nhã, óc hài hước “tinh quái” của ông và biết ông hoàn toàn không có thứ mà người Italia gọi là *gonfiato* (“tinh tự kiêu tự đại”). Tuy

nhiên, nhiều người nghi ngờ khả năng ông có thể bộc lộ những phẩm chất này trước đám đông. Vì thế, buổi lễ an táng đã giúp giảm thiểu đáng kể những lo ngại này. Việc nghe Hộ pháp Học thuyết của Vatican nói về “nghệ thuật yêu thương thực sự” đã đánh dấu sự xuất hiện của một “Ratzinger mới”. Hay nói cách khác, nó đã đánh dấu một giai đoạn mới trong khả năng của ông khi đưa con người mà nhiều Hồng y đã biết trong đời tư ra kết hợp tốt hơn với hình ảnh trước công chúng của ông.

Vì thế, có người xem lễ an táng Giáo hoàng đã đánh dấu sự khởi đầu chính thức cho việc ứng cử chức Giáo hoàng của Ratzinger. (Phòng viên hãng truyền hình CNN, Jim Bitterman, giải thích việc nhắc lại lời kêu gọi của Chúa Giêsu trong bài Phúc âm hôm đó – “Hãy theo Thầy!” – là một dạng khẩu hiệu của chiến dịch tranh cử. Tuy điều đó có thể là cường điệu hóa quá mức, linh cảm của Bitterman rằng Ratzinger đang tập hợp sức mạnh hóa ra lại đúng). Các tờ báo của Italia bắt đầu đăng tải đầy những “tin sốt dẻo” và các “tiết lộ” về sức mạnh trước cuộc bầu cử của phe ủng hộ Ratzinger, với giả thuyết cho rằng đại bản doanh của phe ủng hộ đã hăng lên nhờ bài giảng của ông, và trở nên say mê với một ý thức rằng đó không chỉ là một ước mơ mà là một thực tế chính trị nằm trong tầm tay.

GIÁO HOÀNG CỦA MỌI NGƯỜI

Không một ai theo dõi những sự kiện xảy ra mà không bị lay chuyển, và điều này lại càng đúng đối với các thành viên trong Hồng y đoàn, họ bị choáng trước lối thể hiện tình yêu và ngưỡng mộ của đông đảo công chúng ngay tại thời điểm khi họ đang tập trung để đánh giá triều đại Giáo hoàng vừa mới chấm dứt. Không còn nghi ngờ gì nữa, các sự kiện trong tuần, những dòng người bất tận kéo tới viếng linh cữu Giáo hoàng John Paul và đám đông khổng lồ liên tục hò reo “santo, santo” tại lễ an táng của ông đã có một tác động tâm lý mãnh liệt đối với các Hồng y khi họ đang chuẩn bị bước vào Cơ Mật Hội bầu chọn Tân Giáo hoàng. Nếu có bất kỳ ai đến Rome và đặt câu hỏi liệu nhiệm kỳ của Giáo hoàng John Paul II có thành công hay không thì những trải nghiệm trong tuần qua

đã giúp họ loại bỏ những nghi ngờ đó. Không một ai sau khi đã chứng kiến sự kính trọng của những nhân vật quan trọng đến từ khắp nơi trên thế giới và của đông đảo dân chúng dành cho Giáo hoàng lại không đi đến kết luận rằng John Paul II đã làm được những điều tốt đẹp.

Phát biểu khi những sự kiện này sắp kết thúc, rất đông Hồng y nói rõ rằng họ thực sự vô cùng xúc động trước các sự kiện diễn ra trong tuần vừa qua – và những cảm xúc đó đã ảnh hưởng đến cách đánh giá của họ về tính cách của vị Giáo hoàng mà họ cần bầu ra phải kế thừa di sản này. Điều này giờ đây tỏ ra sâu sắc và mãnh liệt hơn rất nhiều so với những gì mà đa số họ đã tưởng tượng trước đó.

Hồng y Roger Mahony từ Los Angeles nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* rằng, “Nó phản ánh ảnh hưởng lớn lao mà Giáo hoàng John Paul II đã để lại trên thế giới. Ngài là Giáo hoàng của mọi người. Ngài yêu họ và họ hiểu được điều này”.

Khi được hỏi liệu John Paul có vui khi chứng kiến rất đông người đã tới để chia tay ông như vậy không, Mahony không ngần ngại trả lời:

“Ngài sẽ rất hạnh phúc. Ngài luôn muốn tiếp xúc với mọi người. Ngài là một mục tử tốt và giờ đây đoàn chiên đổ dồn về đây để được nhìn thấy vị mục tử của họ”.

Các Hồng y cũng nhận thấy những sự kiện trong tuần, đặc biệt là thời gian quản linh cửu và lễ tang cho ông, đã khiến các hãng truyền thông đưa những tin rất tích cực về Giáo hội Công giáo, điều họ chưa từng thấy trong thời hiện đại. Rất nhiều vị không ngớt lời cảm ơn báo giới vì đã đưa những tin tích cực suốt 24/24 giờ về sự ra đi của John Paul II và những công việc được tiến hành sau đó.

Hồng y Cormac Murphy-O'Connor vùng Westminster nước Anh, đã nói ngắn gọn với một nhóm các nhà báo ngay trước thời gian phong tỏa báo chí bắt buộc khoảng một tuần trước khi diễn ra Cơ Mật Hội của các Hồng y: “Tôi cảm ơn tất cả các bạn rất nhiều vì cách các bạn đã đưa tin về thời gian hấp hối và ra đi của Giáo hoàng. Các tin tức đều chân

thật, có tinh xây dựng và nói chung rất công bằng”.

Khi được hỏi làm thế nào để giải thích về sự phản ứng rộng khắp của mọi tầng lớp xã hội từ lãnh đạo tới dân thường trước cái chết của John Paul, Murphy-O'Connor đưa ra hai lý do. Trước tiên ông nói, nhờ việc liên tục đi lại và tinh thần giang tay cho người khác của Giáo hoàng John Paul II nên thế giới giờ đã hiểu rõ hơn về đạo Công giáo. Liên quan tới điều đó, John Paul II đã để lại một di sản chứng tỏ rằng thừa tác vụ của Thánh Phêrô, ý nói chức vụ Giáo hoàng, không chỉ phục vụ cho Giáo hội Công giáo mà cho cả thế giới.

Vị Hồng y này mỉm cười và nói: “Không có gì phải nghi ngờ, chính ‘số giờ bay’ của Ngài đã tạo ra sự khác biệt lớn”.

Murphy-O'Connor nhận xét: “Ngài đã đưa nó (chức vụ Giáo hoàng) lên một tầm cao mới. Ngài đã trao cho nó một vai trò mới, một ảnh hưởng mới, như là một tiếng nói của lương tâm và đạo đức. Vì chúng ta đang sống trong ngôi làng toàn cầu, và thông qua các phương tiện truyền thông, Ngài có thể nói với toàn thể thế giới. Đây là lần đầu tiên chúng ta có thể thấy được tầm quan trọng của tất cả những điều này. Thế giới đã lắng nghe”.

Về vấn đề các Hồng y đã suy nghĩ từ lâu, đó là việc bầu ra một Giáo hoàng sẽ quan tâm *ad intra* (nghĩa là chú tâm đến những vấn đề bên trong Giáo hội) nhiều hơn, những sự kiện trong tuần lễ này đã khiến họ phải nghĩ lại. Giờ đây, họ nhận ra rằng họ cần một Giáo hoàng không chỉ đơn giản quan tâm tới công việc nội bộ của Giáo hội mà còn phải là người có khả năng vươn xa, có thể truyền cảm hứng và thách thức, người có thể để lại một dấu ấn trong thời đại của mình theo cách tương tự như John Paul II. Nói cách khác, những sự kiện trong tuần này đã có tác động đến việc đặt ra yêu cầu cao hơn đối với người kế nhiệm John Paul II.

SỰ “BÚT PHÁ” CỦA RATZINGER

Các Hồng y đã rút ra được kết luận gì từ những kinh nghiệm này?

Thứ nhất, ngành công nghiệp viễn thông toàn cầu có thể là một

người bạn, cũng như là một nhà phê bình cho Giáo hội – nếu Giáo hoàng biết cách phát đi một bức thông điệp tích cực, thích hợp với tiêu chí của giới công nghệ truyền thông.

Thứ hai, việc giăng tay đón nhận giới trẻ của John Paul phải được tiếp tục, bởi vì hàng hàng lớp lớp giới trẻ Công giáo, những người đã hò hét háng say khi xếp hàng viếng Giáo hoàng và tại lễ tang, họ chính là hạt nhân của Giáo hội Công giáo tương lai năng động và đầy sức sống.

Thứ ba, mặc cho có những thất bại và thất vọng gì đi nữa, nhìn chung nhiệm kỳ của Giáo hoàng John Paul II là một thành công. Trong tâm trí của rất nhiều Hồng y cử tri, những sự kiện trong tuần từ khi ông qua đời đến khi tổ chức lễ tang đã củng cố ý định tiếp tục những gì Giáo hoàng vừa qua đời để lại.

Thứ tư, Giáo hoàng mới phải là người có tầm vóc quốc tế, người có thể tạo chỗ đứng riêng trên vũ đài thế giới và làm cho tiếng nói của Giáo hội được chú ý tới trong các cuộc thảo luận về văn hóa và đạo đức, một người có thể giúp cho Giáo hội có vị thế nổi bật. John Paul II đã không chỉ sánh ngang tầm với những vị nguyên thủ quốc gia như Thatcher và Kohl, Reagan, Clinton và Blair trong thời đại của mình; ở một số mặt nào đó, ông còn vượt cao hơn họ tất cả, tư thế nhà lãnh đạo tôn giáo cũng như tinh thần của ông được thừa nhận khắp nơi, ngay cả những người (và thành phần này chiếm rất đông) không đồng ý với nhiều lập trường của Giáo hoàng về mặt lý thuyết. Sự thật đó được khẳng định qua số lượng các nguyên thủ quốc gia và các chính trị gia hàng đầu đã tới dự lễ tang. Theo dõi phản ứng khác thường của toàn thế giới trước sự ra đi của ông, 115 vị Hồng y, những người sẽ bầu người kế nhiệm John Paul ý thức rất rõ rằng Giáo hoàng kế vị phải là người có tầm cỡ như vậy, người mà Giáo hội Công giáo có thể tự hào, không chỉ bởi lòng tốt và sự đứng đắn mà còn bởi tri thức và tầm nhìn sâu rộng về địa lý, kinh tế, chính trị... Danh sách những người như vậy trong Hồng y đoàn này, cũng như bất kỳ nhóm các nhà lãnh đạo tiềm năng nào khác, là không nhiều.

Theo sự mách bảo của trực giác, dường như một số những kết luận này sẽ không tự động ủng hộ bầu cho Ratzinger. Một Ratzinger rụt rè,

không thực tế, chưa khi nào được đánh giá là một người có khả năng lời cuốn đám đông, đặc biệt là giới trẻ; tiếng tăm của ông trên các phương tiện truyền thông cũng còn nhạt nhòa. Tuy vậy, trong bốn kết luận kể trên, có lẽ yếu tố quan trọng nhất đối với hầu hết các Hồng y là việc tiếp tục công trình của John Paul II, và ở điểm này thì Ratzinger chính là sự lựa chọn sáng suốt nhất. Ông là kiến trúc sư đã xây dựng những đường lối chủ chốt của triều đại của cố Giáo hoàng, và không ai trong Hồng y đoàn hiểu rõ suy nghĩ và tâm hồn của John Paul hơn ông. Nếu các Hồng y muốn tìm một người để hỗ trợ và xây dựng trên nền tảng ban đầu mà những gì John Paul muốn thực hiện thì không ai có thể xứng đáng hơn nhân vật đã từng là cánh tay phải của Giáo hoàng kể từ năm 1981, tức chỉ ba năm sau khi Ratzinger đảm đương trách nhiệm. John Paul đã ba lần gia hạn nhiệm kỳ của Ratzinger vượt quá thời hạn chính thức năm năm của một Bộ trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin. Điều đó đồng nghĩa với việc Giáo hoàng rõ ràng cảm thấy không thể thiếu lời khuyên và sự hướng dẫn của Ratzinger. Tất cả những điều đó đã biến Ratzinger trở thành người bảo vệ tốt nhất đối với di sản mà John Paul để lại. Hơn nữa, nhờ hiểu biết rành rẽ về Giáo triều Roma và về guồng máy cai trị Giáo hội, Ratzinger có thể bảo đảm rằng di sản của John Paul sẽ không bị mai một, mà sẽ được thực hiện có cơ cấu và tổ chức.

Đối với giới truyền thông, chính các Hồng y đã chọn lựa cách biểu dương lạ kỳ cho những lời khen ngợi của báo giới khi đưa tin về sự ra đi và tổ chức đám tang Giáo hoàng: Họ quyết định không nói chuyện với báo giới suốt quãng thời gian từ đám tang ngày 8 tháng Tư đến ngày khai mạc Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng vào 18 tháng Tư. Khi thông tin về việc phong tỏa báo chí bắt đầu loan ra, nhiều nhà báo, đặc biệt từ những tờ báo ở Italia đã vội và đưa ra kết luận rằng chính Ratzinger, với tư cách là Niên trưởng của Hồng y đoàn, đã áp đặt lệnh phong tỏa, đúng với hình ảnh một "Hồng y chuyên nói *Không*" của mình¹⁵. Tuy nhiên, sự thực không phải như vậy. Trong những Công nghị Hồng y đoàn hàng ngày,

15) Hồng y Ratzinger khi đứng đầu Bộ Giáo lý Đức tin đã tỏ ra rất cứng rắn và khắt khe trong việc bảo vệ giáo lý chính thống của Giáo hội. Nhiều người không hài lòng và đã đặt cho ông nhiều biệt danh châm chọc như *Đại Phán quan của Pháp đình Tôn giáo* (The Grand Inquisitor), *Hồng y xe tăng* (Cardinal Panzer), *Hồng y chuyên nói Không* (Cardinal No).

áp lực đang ngày một lớn dần đòi hỏi phải có một lệnh cấm triệt để những cuộc tiếp xúc với báo giới. Áp lực này chủ yếu từ một vài Hồng y thuộc giáo triều cũng như một số Hồng y châu Mỹ La-tinh, các vị này cảm thấy việc các Hồng y từ châu Âu và Hoa Kỳ được giới truyền thông chú ý quá nhiều, giúp cho họ dùng báo chí để lên chương trình nghị sự công khai cho Cơ Mật Hội, và điều này không công bằng chút nào. Ngay sau khi việc phong tỏa tin tức có hiệu lực, ba Hồng y nói với tôi ở sau hậu trường rằng không phải Ratzinger đã áp đặt chính sách này. Họ cho biết, trên thực tế ông đã chống lại việc kêu gọi một lệnh cấm chính thức.

Trong cuộc phỏng vấn trước Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng, Hồng y Danneels đã làm rõ điều này, ông kể rằng Ratzinger đã nói trong các Công nghị Hồng y đoàn rằng đó là một “nhân quyền” của các Đức Hồng y. Họ được phép nói với bất cứ ai mà họ đã chọn. Những Hồng y khác đã xác nhận thông tin này. Bởi vậy, thay vì một lệnh cấm chính thức, các Hồng y đã thỏa thuận với nhau về việc giữ kín miệng. Thông qua Navarro-Valls, họ cũng đưa ra lời đề nghị các nhà báo hãy để họ yên; như Navarro-Valls mô tả: “Đây không phải là một lệnh cấm mà là một lời đề nghị”.

Nói cách khác, đối với người ngoài, thủ đoạn sắp xếp giữa các Hồng y trước báo giới có vẻ như là một hành động chuyên quyền điển hình của Ratzinger. Tuy nhiên, các Hồng y lại xem sự việc một cách hoàn toàn trái ngược. Ratzinger tôn trọng sự tự do cá nhân của họ, ông đã thể hiện sự tế nhị đối với báo giới, và một lần nữa dường như ông lại là nạn nhân của một hình thức bôi nhọ bất công trong một cuộc thảo luận công khai. Nhận thức trong nội bộ về việc này đã giúp có một cái nhìn khoáng đạt hơn rất nhiều hình ảnh của Ratzinger trong số các Hồng y không biết nhiều về ông, và khiến họ có lối suy nghĩ khác về cách thức lãnh đạo của ông trong vai trò Giáo hoàng.

Về vấn đề vị thế quốc tế, rõ ràng là Ratzinger nằm trong số những người nổi bật nhất. Ông là nhà tri thức được rất nhiều người tôn trọng. Ông đã xuất bản những tác phẩm phê bình minh bạch đề cập tới nhiều lĩnh vực văn hóa và thần học. Ngay tại nước Pháp, nơi có xu hướng cực

kỳ thế tục, nơi mà sự tôn trọng dành cho tín ngưỡng không phải lúc nào cũng được đề cao, Ratzinger cũng đã hai lần được tôn vinh vì những thành tích xuất sắc trong nghiên cứu. Ngày 6 tháng Mười một năm 1992, ông được mời thỉnh giảng tại Viện khoa học chính trị và đạo đức thuộc Viện Hàn lâm của Pháp. Năm 1998 ông được trao tặng huân chương Bắc đẩu bội tinh của Pháp. Nói cách khác, đây sẽ là một Giáo hoàng mà thế giới phải kính nể.

Cuối cùng, về vấn đề giới trẻ và “khả năng hấp dẫn quần chúng” không một ai nghĩ rằng Ratzinger có thể hội tụ nhiều đặc ân bằng John Paul. Tuy nhiên, bài giảng ấn tượng của ông tại buổi lễ an táng và mối liên kết mà ông đã tạo ngay được với đám đông đang reo hò tại buổi lễ khiến một vài Hồng y phải xem xét lại cái hình ảnh trước đây của Ratzinger vốn được xem như là một người độc đoán, thích tạo sự cách biệt và không có khả năng tiếp xúc với thường dân.

Trong suy nghĩ của Ratzinger thì gần như chắc chắn những thể hiện vượt trội vừa qua của ông không liên quan gì tới ý định cải thiện cơ hội của mình trong cuộc đua ngai vào ngai Giáo hoàng; ông đã làm tất cả chỉ vì muốn trả món nợ cuối cùng cho người mà ông đã yêu quý và phục vụ trong một phần tư thế kỷ, Giáo hoàng John Paul II. Tuy nhiên, cho dù chủ ý của ông là thế nào đi nữa, những gì diễn ra trong hai tuần vừa qua đã biến Ratzinger từ một chọn lựa có thể trong một đám đông trở thành một thể lực mạnh, một ứng cử viên sáng giá, không gì cản trở được.

“Tư cách lãnh đạo mà Ratzinger đã thể hiện tại lễ tang Đức Giáo hoàng đã khiến chúng tôi phải cân nhắc kỹ về ông”, một Hồng y của châu Phi đã nói với tôi ở hậu trường hôm Chủ nhật, ngày mùng 10 tháng Tư, tức tám ngày trước khi cuộc bầu chọn bắt đầu.

Vị Hồng y này thẳng thắn thừa nhận rằng ông vẫn chưa cảm thấy thực sự thuyết phục.

“Làm thế nào mà tôi có thể giải thích rằng những gì tốt nhất chúng tôi có thể làm là chọn một người đã 78 tuổi, tức đã quá tuổi nghỉ hưu của các Giám mục?” Ông trầm ngâm, suy nghĩ về cách ông sẽ trình bày kết quả khi trở về nhà. Là một người ở nam bán cầu, vị Hồng y này thừa nhận

ông muốn Giáo hoàng là một người quan tâm tới các giáo hội địa phương, một người biết công nhận sự năng động và sức sống của Đạo Công giáo ở những nơi như châu Phi và châu Mỹ La-tinh. Vào thời điểm này, ông chưa dám chắc là vị Hồng y cao tuổi người Đức này có thể đáp ứng yêu cầu đó hay không.

Rồi ông đưa ra một lời nhận xét: “Tuy nhiên, theo những gì tôi thấy ở lễ An táng, dường như Ratzinger phần nào đó đang noi theo phong cách của John Paul II hơn là thể hiện phong cách của chính mình. Điều này buộc tôi phải suy nghĩ”.

Rõ ràng, điều này cũng khiến một số người khác có cùng suy nghĩ như vậy.

GIẢI ĐOẠN TRỒNG TÒA

“... Trong cuộc sống của chúng ta, sự thật và lòng bác ái sẽ có chung một nền tảng vững chắc. Lòng bác ái không có sự thật sẽ trở nên mù quáng; sự thật không có lòng bác ái sẽ giống như “tiếng phèn la vang dội”.

(Giáo hoàng Benedict XVI)

Mặc dù một số người có lẽ không đồng ý với tôi, nhưng rõ ràng là Hồng y Joseph Ratzinger – người đã bước sang tuổi 78 chỉ hai ngày trước khi cuộc bầu chọn Giáo hoàng bắt đầu, không có ý định chạy đua vào chức Giáo hoàng. Ngay trước cuộc bầu cử, ông nói với các thành viên tại Bộ Giáo lý Đức tin rằng ông hy vọng Giáo hoàng mới sẽ cho phép ông tiếp tục công việc thêm một vài tháng nữa, sau đó ông sẽ xin nghỉ như đã mong ước từ lâu. Đã ba lần trong suốt 15 năm qua – vào các năm 1991, 1996 và 2001 – Ratzinger đã xin Giáo hoàng John Paul II cho phép nghỉ hưu để ông có thể trở về Đức, về vùng Regensburg (bang Bavaria, quê hương ông), sống với người anh trai là Georg và tiếp tục dành hết thời gian nghiên cứu về thần học, phụng vụ, tu đức học và giáo hội học. Lần nào Giáo hoàng cũng từ chối và Ratzinger chấp nhận ý muốn của Ngài, nhưng mong muốn của ông được cởi bỏ gánh nặng của Bộ là điều rất rõ ràng với những người biết rõ ông.

Hơn nữa, vào thứ Hai ngày 25 tháng Tư, ngay sau khi đắc cử, trong một cuộc tiếp xúc với những người hành hương tới từ Đức, vị Giáo hoàng mới đã khẳng định là ông không ham muốn đảm đương công việc này.

Ông nói: “Khi cuộc bỏ phiếu kín dần dần cho tôi thấy rằng chiếc

máy chém sẽ rơi xuống đầu mình, tôi đã cảm thấy chóng mặt. Tôi nghĩ mình đã hoàn thành công việc của đời mình và hy vọng giờ đây có thể tận hưởng những ngày tháng thanh bình cuối đời... Vì thế, tôi đã thành tâm nói với Chúa: ‘Chúa đừng làm như vậy với con! Người có những vị mục tử trẻ hơn và giỏi hơn có thể đảm đương công việc này với nhiệt huyết và sinh lực khác hẳn’.

Trong số những điều khác ấy, không nghĩ ngờ gì nữa, lần đầu tiên trong lịch sử Giáo hội có một Giáo hoàng mới đem so sánh việc đắc cử với một án tử hình. Rồi chính Benedict XVI đã thừa nhận rằng lời cầu nguyện của ông đã không ứng nghiệm: “Lần này Chúa không nghe lời cầu nguyện của tôi”.

Những người hoài nghi có thể coi đây là sự thể hiện tính khiêm tốn chiếu lệ thường thấy ở một kẻ chiến thắng, nhưng có nhiều lý do để tin rằng Ratzinger hết sức nghiêm túc. Sự thực, hầu hết các Hồng y đều không muốn trở thành Giáo hoàng. Về mặt tâm linh, các Hồng y có niềm tin Công giáo thật sự rằng Giáo hoàng là đại diện của Chúa Giêsu trên trần gian, và vì họ hiểu rất rõ về con người mình, biết rõ những nhược điểm và yếu đuối bên trong, nên phần lớn họ đều thấy mình khó trở thành ứng cử viên nghiêm túc cho chức vụ đó. Về mặt con người, chức Giáo hoàng thực sự là một gánh nặng cho người được bầu chọn từ lúc nhậm chức cho tới khi qua đời. Đó không phải là khoảng thời hạn ấn định để rồi sau khi về hưu có thể ngồi viết những trang hồi ký và chiếu chiếu lại đi chơi gôn. Đây là công việc với gánh nặng chết người và không khi nào được phép né tránh. Với một người đã vạch sẵn kế hoạch dành những năm tháng quý báu cuối đời cho việc nghiên cứu, đọc và viết sách, rồi chơi đàn dương cầm và lặng lẽ tản bộ ở vùng Bavaria vào những buổi chiều tà... thì đó thực sự là một gánh nặng quá lớn. Với tất cả những lý do này, chúng ta có cơ sở để tin vào điều mà Benedict XVI đã nói: Ông không muốn trở thành Giáo hoàng.

Tuy nhiên nếu Joseph Ratzinger *thực sự* chạy đua vào chức Giáo hoàng thì thật khó có thể tưởng tượng ra một chiến dịch hoàn hảo hơn những gì ông đã thể hiện với tư cách là Niên trưởng Hồng y đoàn từ lúc John Paul II qua đời ngày 2 tháng Tư cho tới ngày khai mạc Cơ Mật Hội

bầu Giáo hoàng vào thứ Hai ngày 18 tháng Tư. Sẽ là nói quá nếu cho rằng hai tuần đó đã giúp ông có được địa vị này, nhưng nếu không có hai tuần lễ đó thì ta sẽ khó mà tưởng tượng được là Joseph Ratzinger sẽ ngồi trên Ngai của Thánh Phêrô hiện nay.

Ratzinger được bầu làm Niên trưởng Hồng y đoàn tháng Mười hai năm 2001, sau khi Hồng y Bernard Gantin của Benin bước sang tuổi 80 có yêu cầu nhường lại chức vụ này. (Mặc dù các Hồng y không còn quyền cử tri khi bước sang tuổi 80, nhưng điều đó không có nghĩa là vị Niên trưởng đó lại tự động từ bỏ chức vụ của mình. Năm 1978, năm diễn ra hai Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng, vị Niên trưởng đã chủ trì cả hai thời kỳ không có Giáo hoàng này là Hồng y Carlo Confalonieri của Italia, khi đó ông đã 85 tuổi). Cuộc bầu chọn để thay thế Gantin được 10 Hồng y thuộc cấp bậc Hồng y Giám mục¹⁶ bên trong Hồng y đoàn khi đó tiến hành và đã được Giáo hoàng John Paul II phê chuẩn.

Mặc dù khi đó sự chuyển giao này ít được chú ý, nhưng có lẽ đó là thời khắc quyết định nhất trong hàng loạt các sự kiện dẫn tới việc bầu Giáo hoàng Benedict XVI. Ai đó có thể phản đối rằng Đức Hồng y Gantin 83 tuổi, dù không có mặt trong Cơ Mật Hội, là một trong những người có ảnh hưởng nhất. Theo một cách nào đấy, ông là kiến trúc sư vô tình cho việc bầu chọn Ratzinger. Bằng việc mở đường cho Ratzinger trở thành Niên trưởng Hồng y đoàn, ông đã tạo dịp cho Ratzinger vượt lên cao trong giai đoạn trống tòa, và sự “bứt phá” mà Ratzinger đã tạo ra trong hai tuần đó là không thể ngăn chặn được.

Tuy vậy, không thể nói rằng Joseph Ratzinger sẽ trở thành vị Giáo hoàng tiếp theo là kết quả biết trước vào lúc các Hồng y tụ hội tại Rome. Hầu hết các Hồng y sau này cho biết họ tới Rome với nhiều cái tên trong đầu; một Hồng y người Hoa Kỳ nói với tôi rằng ông bước vào giai đoạn trống tòa với một danh sách khoảng 20 ứng cử viên mà ông coi là những đối thủ thực sự. Với môi trường đó, trong lúc các Hồng y phải nhanh chóng đánh giá thật nhanh về nhiều ứng cử viên khác nhau, thì không

16) Các Hồng y có ba cấp: Hồng y Giám mục, Hồng y Linh mục và Hồng y Phó tế. Tuy vậy, các tước hiệu này chỉ mang tính lịch sử. Trong thực tế, tất cả các Hồng y hiện nay đều là những Giám mục.

ai có cơ hội để giới thiệu mình tốt hơn Ratzinger. Là Niên trưởng, ông đã chủ trì lễ tang cho John Paul II vào ngày 8 tháng Tư và Thánh lễ *pro eligendo papa* ("cầu nguyện cho cuộc bầu chọn Giáo hoàng") vào buổi sáng ngày 18 tháng Tư, lúc diễn ra Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng. Quan trọng hơn nữa, ông đã chủ trì các cuộc họp hàng ngày của Công nghị các Hồng y, có ảnh hưởng rất lớn trong việc định hình những cuộc thảo luận trước Cơ Mật Hội. Vì đảm đương những vai trò này nên ông là nhân vật được tìm đến để hỏi ý kiến nhiều nhất trong cuộc thảo luận không chính thức, tạo cho ông cơ hội có một không hai để nói chuyện với những Hồng y khác, từng người một hoặc từng nhóm nhỏ, khiến ông trở thành điểm tham khảo chính trong toàn bộ tiến trình. Những diễn đàn này đã cho ông cơ hội để lại một ấn tượng cá nhân mà không một Hồng y nào khác có được.

Nếu Roseph Ratzinger không phải là một ứng cử viên quan trọng thì việc ông nắm quyền trong thời gian đó sẽ gần như chẳng có ý nghĩa gì. (Chẳng hạn, nếu Gantin vẫn là Hồng y Niên trưởng thì cũng không có gì chắc chắn rằng việc thể hiện mình trong hai tuần này sẽ biến ông thành một ứng cử viên nặng ký cho chức Giáo hoàng). Tuy nhiên đối với những Hồng y đã tham dự các cuộc thảo luận với sự dè dặt về Ratzinger và số lượng các vị này chiếm rất đông. Thời gian trống tòa đã tạo cơ hội để họ kiểm chứng những mối nghi ngại trước đây với con người thật họ thấy trước mắt. Cuối cùng, Ratzinger đã vượt qua đợt kiểm tra với kết quả mỹ mãn.

VIỆC PHONG TỎA BÁO GIỚI

Như đã đề cập trước, Ratzinger không chịu trách nhiệm về chính sách "bế quan tỏa cảng" trong Hồng y đoàn, ngăn cản họ nói chuyện với báo giới. Trên thực tế, việc ông bị lên án vì đã hạn chế báo giới dường như lại giúp ông có được hình ảnh tốt đẹp trong nhãn quan của một số Hồng y, những người đã coi đó như là một ví dụ khác về việc Ratzinger phải hứng chịu oan uổng sự chỉ trích về những quyết định không phải do ông đưa ra.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, có một điều không thể tranh cãi: Ratzinger chính là ứng cử viên được hưởng lợi nhiều nhất từ tác động của việc phong tỏa báo giới. Bởi vì theo mặc định hầu như ông đã trở thành Hồng y duy nhất mà tiếng nói được xuất hiện trên mặt báo hoặc truyền hình trong mười ngày giữa đám tang và Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng, ít nhất là dưới nhiều hình thức khác nhau chứ không chỉ đơn thuần là những cuộc phỏng vấn đã được lên kế hoạch từ trước (như những gì đã từng diễn ra trước đây). Ratzinger không chỉ vượt trội trong những cuộc thảo luận nội bộ giữa các Hồng y, ông còn chiếm ưu thế trong các cuộc thảo luận trên báo chí, bởi gần như chẳng còn điều gì khác để họ khai thác theo cách bình luận công khai. Vì vậy, bài giảng tại lễ tang trở thành bài diễn thuyết được thảo luận nhiều nhất trong giai đoạn trước cuộc họp bầu chọn Giáo hoàng mới, góp phần hậu thuẫn cho tên tuổi của ông trước khi bước vào cuộc bỏ phiếu kín.

Tại sao các Hồng y lại quyết định im lặng?

Thứ nhất, các Hồng y và những cố vấn báo chí của họ hiểu rằng một khi lễ tang của Giáo hoàng qua đi, báo giới sẽ chuyển từ đặt câu hỏi về "cuộc đời và di sản" của John Paul II sang những câu hỏi mang tính công kích sâu hơn vào tình trạng của Giáo hội Công giáo, và về vị Giáo hoàng tiếp theo. Nhìn chung, các Hồng y đều nhận thấy dạng câu hỏi thứ hai rắc rối và khó trả lời hơn, đặc biệt là nó sẽ dẫn tới những phỏng đoán.

Thứ hai, các Hồng y quan tâm tới việc bảo vệ sự tự do của Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng mới. Đây là lý do khiến họ tách biệt với thế giới bên ngoài ngay khi Cơ Mật Hội bắt đầu. Vì thế các chính phủ nước ngoài, các nhóm hoạt động chính trị hay xã hội và những tổ chức có liên quan khác không thể tác động vào những cuộc thảo luận của họ. Đây là khái niệm tương tự như hình thức bỏ phiếu kín trong những xã hội dân chủ – các Hồng y phải được tự do bầu chọn người phù hợp nhất cho vị trí này theo lương tâm của họ. Vấn đề đáng quan tâm là trong giai đoạn trước cuộc bầu chọn, chính báo giới chứ không phải các Hồng y có thể vạch ra chương trình nghị sự cho các cuộc thảo luận của họ.

Thứ ba, các Hồng y đồng thời cũng quan tâm tới việc tôn trọng lời thề sẽ giữ bí mật về các cuộc họp hàng ngày của Tổng Hồng y đoàn, cũng như cuộc họp bầu Giáo hoàng mới. Dầu có thành tâm thiện ý tới đâu, đôi khi trong những cuộc trao đổi với các nhà báo, sẽ có những việc rò rỉ thông tin và có thể gây ra những hậu quả khó lường. Về mặt lý thuyết, chỉ việc nói “không” sẽ giúp họ tránh được khả năng này. (Tuy nhiên, trong thực tế phương cách này bị vi phạm nhiều hơn là được tuân thủ. Mỗi ngày trên các tờ báo của Italia có vô số những bài viết chi tiết và chính xác về những điều đã được rất nhiều Hồng y nói trong ngày hôm trước).

Thứ tư, có một thực tế đơn giản về mặt tổ chức rằng nếu các Hồng y liên tục di chuyển từ đài truyền hình này tới đài truyền hình khác, họ sẽ có ít thời gian để hoàn thành mục đích chính của tuần ấy – đó là cùng nhau suy nghĩ (riêng tư) về các vấn đề của Giáo hội, về những vấn đề chính mà người lãnh đạo sẽ đối mặt, và cuối cùng là người lãnh đạo đó nên là ai. Một số người lập luận rằng nếu họ không có thời gian để trao đổi với nhau, chất lượng những cuộc thảo luận của họ có thể sẽ rất thấp.

Thứ năm, một số Hồng y, đặc biệt là những người từ châu Âu và Bắc Mỹ, đã có thói quen đối phó với đông đảo báo giới, đôi khi mang tính thù địch hơn là những Hồng y đến từ các vùng khác. Thuận lợi của chính sách phong tỏa là những Hồng y nào không cảm thấy thoải mái với báo giới sẽ có lý do để nói “không”.

Điều thứ sáu và cũng là cuối cùng, đây được coi là một thời gian không chỉ dành cho cuộc họp kín của ban lãnh đạo chính trị mà còn dành cho việc cầu nguyện. Các Hồng y cảm thấy rằng họ không nên chịu nhiều áp lực đến nỗi không thể có thời gian để đọc sách thiêng, cầu nguyện và suy ngẫm.

Đây là những lý do chính đã dẫn tới việc cách ly với báo giới. Cho dù rút cuộc chúng có thuyết phục hay không với tư cách là vấn đề thuộc quan điểm, thì chúng cũng cho thấy có lý do khác hơn là ý muốn đơn giản kéo một bức màn xuống trước khi cuộc Cơ Mật Hội bắt đầu. Hơn nữa, chính sách cũng như phản ứng của công chúng về vấn đề này đã bất ngờ làm tăng thêm thanh thế cho ứng cử viên Joseph Ratzinger.

CÁI KHÓ LÒ CÁI KHÔN!

Trước cuộc họp bầu chọn Giáo hoàng năm 2005, rất nhiều nhà quan sát nhận định rằng đây là một trong những cuộc bầu chọn khó khăn nhất trong thời gian gần đây. Nhận định này dựa trên ba yếu tố:

- Sau cuộc bầu chọn Karol Wojtyla năm 1978, sự độc quyền của người Italia ở ngôi vị Giáo hoàng đã bị phá vỡ mãi mãi. Trong khi Giáo hoàng tiếp theo có thể là một người Italia (trên thực tế cũng có một vài ứng cử viên rất sáng giá người Italia), nhưng cũng không nhất thiết phải là người Italia. Sân chơi đã rộng mở, vì thế trong một chừng mực nào đó tất cả 115 Hồng y, chứ không chỉ 21 Hồng y người Italia, đều được coi là những Giáo hoàng tiềm năng. Hơn nữa, đây là Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng đầu tiên mà các Hồng y người Italia không nắm quyền “phụ trách” một cách rõ ràng, điều đó có nghĩa là những ứng cử viên thực sự không được xác định trước bởi một nhóm người Italia nắm quyền sắp đặt bên trong. Lần này, toàn thể Hồng y đoàn phải dò dẫm để tiến tới việc xác định các ứng cử viên. Việc này khiến cho cỗ máy hoạt động trong thời gian trước Cơ Mật Hội càng trở nên phức tạp hơn.
- Nhiều Hồng y không biết nhiều về nhau. Chỉ một nhóm chủ chốt trong 115 cử tri là những người làm việc ở Rome hoặc thường xuyên lui tới Vatican để trao đổi công việc mới biết khá rõ về nhau. Còn những Hồng y khác, những người sống ở những giáo phận xa xôi và những người không thuộc tổ chức ngoại giao của Vatican hay những quỹ đạo tiêu chuẩn khác của hàng giáo phẩm thì chỉ biết được những gì mà họ đọc trên báo chí hoặc xem trên truyền hình. Họ bước vào giai đoạn tiền Cơ Mật Hội mà không biết mấy về điểm mạnh cũng như điểm yếu của các ứng cử viên. Hơn nữa, do không quen biết nhiều ở Rome nên họ không biết cách nào để tham gia một cách nhanh chóng vào các cuộc thảo luận ngầm mà họ nghĩ là đang diễn ra. Trong khi nhóm Hồng y nội bộ gần như ngay lập tức bắt đầu họp để thảo luận về mọi thứ, thì các nhóm Hồng y này, chủ yếu là những Hồng y đại diện cho nam bán cầu lại tự do

thư thả hơn rất nhiều. Việc không thể dự đoán trước phản ứng của họ như thế nào đã lóe lên tia hy vọng về một “quân bài bất ngờ” tiềm năng sẽ xuất hiện trong các cuộc thảo luận. Hơn nữa, căn cứ vào việc hầu hết Hồng y không bắt đầu thảo luận rộng rãi về người kế nhiệm cho tới khi đám tang John Paul II kết thúc. Điều này đồng nghĩa với việc họ chỉ có 10 ngày để đưa ra quyết định.

- Không có vấn đề nổi cộm nào xuất hiện trước Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng năm 2005, như chuyện đôi khi vẫn xảy ra trong quá khứ. Chẳng hạn, vào năm 1878 vấn đề nổi cộm là cái được gọi là vấn đề Rome: liệu Giáo hoàng có chấp thuận từ bỏ quyền lực thế tục và chấp nhận thực tế của một nước Cộng hòa Italia mới hay không. Trong bối cảnh trên, cuộc bầu chọn Hồng y Gioacchino Pecci của giáo phận Perugia (Giáo hoàng Leo XIII) là cuộc lựa chọn một chính sách nặng tình hòa giải, chính sách của vị tiền nhiệm Pius IX hơn. Năm 1963, vấn đề nổi bật là số phận của Công đồng Vatican II (1962 – 1965) và cuộc bầu chọn Hồng y Giovanni Battista Montini làm Giáo hoàng Paul VI là dấu hiệu rõ ràng rằng các Hồng y muốn Công đồng này tiếp tục. Tuy nhiên, lần này các Hồng y đã lên một danh sách những vấn đề họ quan tâm: chủ nghĩa thế tục ở Tây Âu, sự nổi dậy của Hồi giáo toàn cầu, khoảng cách gia tăng giữa người giàu và người nghèo ở bắc và nam bán cầu, sự cân bằng thích hợp giữa trung tâm và các vùng ngoại vi trong việc lãnh đạo của Giáo hội. Trước thực tế đó, người ta không thể biết rõ những vấn đề này sẽ cần chọn lựa dạng ứng cử viên nào. Căn cứ vào sự phức tạp mà những vấn đề trên đã đặt ra, nhiều nhà quan sát đã nghĩ tới một cuộc bầu chọn Giáo hoàng kéo dài với một kết quả đáng ngạc nhiên. Tuy nhiên, mọi thứ lại diễn ra theo chiều trái ngược hoàn toàn. Tình thế trong giai đoạn tiền Cơ Mật Hội là thay vì phức tạp hóa việc bầu chọn Giáo hoàng mới đã tạo ra mong muốn có một cuộc bầu chọn đơn giản. Do áp lực về thời gian và việc tìm hiểu, nhiều Hồng y kết luận là thay vì mạo hiểm với một người họ chưa biết rõ, sẽ khôn ngoan hơn nếu đưa ra một sự lựa chọn “an toàn” – đó là một người mà tất cả họ đều đã biết về tài năng, kinh nghiệm và phẩm giá. (Về sự

nghiệm và phẩm giá. (Về sự “an toàn”, ta không nên hiểu là một nhân vật tạm thời, là người trông nom khi chưa lựa chọn được ai tốt hơn. Vấn đề là ở chỗ trong tình hình có áp lực phải nhanh chóng chọn ra một ứng cử viên giữa vô vàn yếu tố còn mù mờ, nhiều Hồng y cảm thấy giải pháp thận trọng nhất là chọn ra một người có tầm nhìn quốc tế và cách tiếp cận cá nhân đã được xác định rõ). Một Hồng y đã nói trước khi cuộc họp bầu diễn ra: “Đây là một sự lựa chọn mà chúng tôi không dám phạm sai lầm”. Và cuối cùng, dường như mọi người đều đồng ý rằng đây không phải là thời điểm để chơi trò may rủi. Giải pháp cho tình hình này là họ chọn một “giá trị đã rõ” thay vì một ẩn số, cho dù nó có nghĩa là họ sẽ bầu một người mà tuổi tác, quốc tịch và bản hồ sơ với nhiều điều đáng bàn cãi có lẽ không phải là những gì mà một số người tham gia vào Cơ Mật Hội ưa chuộng.

NHỮNG VẤN ĐỀ

Trước khi việc phong tỏa báo giới bắt đầu được áp dụng vào ngày 8 tháng Tư, nhiều Hồng y đã có những cuộc phỏng vấn khá dài với báo giới. Từ các cuộc trao đổi này đã bắt đầu xuất hiện một sự nhất trí về những vấn đề mà theo họ Giáo hoàng sắp được bầu chọn sẽ phải đương đầu. Chúng ta hãy dành một chút thời gian để xem xét những điều các Hồng y coi như là chương trình nghị sự cho vị Giáo hoàng tiếp theo trước khi họ bước vào Cơ Mật Hội.

Tính thế tục

Do phần đông Hồng y cử tri là người châu Âu (58 Hồng y người châu Âu, trong khi chỉ có 57 vị đến từ các châu lục khác), và nhìn chung ngay cả các Hồng y không thuộc châu Âu thì cũng đều đã sống nhiều thời gian dài ở các thành phố châu Âu, đặc biệt là Rome, cho nên những thực tế châu Âu có xu hướng bao trùm suy nghĩ chung của Hồng y đoàn. Trong những ngày này ở châu Âu, các thực tế đó thường là những vấn đề cho Giáo hội Công giáo bàn bạc.

Không chỉ là việc Vatican gần đây đã thua cay đắng khi tranh đấu để đưa những lời nhắc đến Thượng đế vào lời nói đầu của hiến pháp châu Âu mới, hay việc chính trị gia người Italia là Rocco Buttiglione đã bị bỏ phiếu chống và không được làm ủy viên tư pháp châu Âu chỉ vì quan điểm mang tính Công giáo truyền thống của ông đối với vấn đề nạo thai và đồng tính luyến ái, hoặc thậm chí việc chính phủ mới của Tây Ban Nha đã bắt đầu phát động cuộc chiến giống như một cuộc thập tự chinh về văn hóa chống lại Công giáo về các vấn đề như hôn nhân của những người đồng tính. Nghiêm trọng hơn những trận chiến riêng lẻ này, một vài xu hướng cùng hội tụ lại khiến nhiều nhà quan sát nghĩ đến một dạng “mùa đông của Giáo hội” trong châu Âu ngày nay.

- Vẫn còn xuất hiện thuyết chống Giáo hội ở rất nhiều nơi. Thuyết này coi Giáo hội như một kẻ thù của sự tiến bộ về văn hóa, và cho rằng mối quan tâm chính của Giáo hội là bảo vệ quyền lực và đặc quyền của mình;
- Sự sút giảm ớn gọi đối với đời sống linh mục và tu trì, với một số dòng tu đang ngày càng chết dần;
- Tỷ lệ người tham dự Thánh lễ rất thấp, trong một vài trường hợp ở một số nước Bắc Âu, số người tham dự chỉ đếm được trên đầu ngón tay;
- Tỷ lệ sinh đẻ giảm, và số liệu thấp nhất lại ở những vùng được xem là thành trì Công giáo truyền thống như Italia và Tây Ban Nha;
- Ảnh hưởng của sự suy đồi văn hóa, chẳng hạn đã có 12 quốc gia cho phép các tổ chức đồng tính luyến ái hoạt động và 3 quốc gia cho phép những người đồng tính có quyền kết hôn.

Gần như không ai phủ nhận rằng đây là thời điểm khó khăn cho Giáo hội Kitô giáo ở châu Âu, tới mức độ mà một số Hồng y tự hỏi liệu có nên loại bỏ các ứng cử viên người châu Âu ra khỏi danh sách lựa chọn Giáo hoàng tiếp theo chỉ đơn giản bởi vì họ là người châu Âu hay không.

Ngày 10 tháng Tư, một Hồng y đến từ một quốc gia đang phát triển nói: “Nếu chúng tôi bầu một Giáo hoàng là người Honduras hoặc Nigeria, thì sau lưng Ngài sẽ có một Giáo hội địa phương năng động và nhiệt huyết làm hậu thuẫn, như đã từng xảy ra với Giáo hoàng John Paul II và Giáo hội Ba Lan. Còn nếu chúng tôi bầu một người Bỉ hay Hà Lan,

liệu bạn có thể tưởng tượng được người dân Bỉ hay Hà Lan sẽ vui mừng không? Chắc chắn ông ấy sẽ không có được sự ủng hộ và nguồn năng lực tương tự phía sau ông”.

Rất dễ nhận ra tính thế tục là một thách thức. Điều khó khăn là biết phải làm gì với nó, và ở đây những quan điểm giữa các Hồng y có xu hướng tập trung vào ba sự lựa chọn chính.

Thứ nhất là lựa chọn đổi mới. Xu hướng này cho rằng để Giáo hội trở thành một đối tác đối thoại đáng tin cậy với châu Âu hiện tại, nó phải phản ánh tốt hơn những giá trị thể hiện sức sống của văn hóa châu Âu – minh bạch, dân chủ và nhân quyền. Một Giáo hội ít độc tài hơn, một Giáo hội mở rộng và có trách nhiệm hơn sẽ tạo ra cơ hội tốt hơn để tìm được tiếng nói chung trong cuộc đối thoại ở châu Âu hiện tại. “Châu Âu” ở đây được dùng như ẩn dụ cho nền văn hóa phương Tây đã bị thế tục hóa, và đang ngày càng trở thành văn hóa của toàn thế giới. Hồng y Danneels của Bỉ là một đại diện tiêu biểu cho luận điểm này. Ông đã nhiều lần trình bày rằng tâm lý người phương Tây hiện nay là không thích những lập luận áp đặt từ quyền hành; vì thế Giáo hội cần phải học cách nói thứ ngôn ngữ dễ nghe.

Một lựa chọn khác là “đổi đầu quyết liệt”. Quan điểm này cho rằng cuộc khủng hoảng trong Giáo hội Công giáo châu Âu không phải là cuộc khủng hoảng về thể chế mà là cuộc khủng hoảng về tinh thần. Vấn đề của Giáo hội là nó đã trở nên quá nhút nhát, quá khiếm nhược trước những thách thức của chủ nghĩa thế tục, và cái nguy cơ hiện nay đang được đồng hóa với xu hướng thiên về chủ thuyết tương đối và thuyết phổ tại. Quan điểm này cho rằng, thay vì thế Giáo hội nên tuyên xưng các niềm tin truyền thống của mình một cách mạnh mẽ và lớn tiếng hơn, không cần thỏa hiệp, không cần biện hộ. Quan điểm này tin rằng cuối cùng, mạnh dạn rao giảng Phúc âm sẽ thuyết phục được châu Âu bởi nó giúp làm sáng tỏ chân lý về ý nghĩa và mục đích của cuộc sống con người. Các Hồng y Camillo Ruini và Angelo Scola của Italia là những người đại diện cho quan điểm này.

Cuối cùng, nhóm thứ ba tin rằng vào thời điểm hiện tại, ở một chừng mực nhất định, châu Âu (ít nhất là nền văn hóa hậu Kitô giáo, hậu tôn

giáo của Tây Âu) đã vượt quá tầm cho việc truyền bá Phúc âm. Không còn hy vọng đạo Kitô sẽ hiện diện rộng rãi trong dân chúng ở giai đoạn lịch sử đương đại. Thay vì thế, như Ratzinger đã nói rất nhiều lần: mục đích nên thực hiện là làm cho Kitô giáo trở thành “một thiểu số sáng tạo”. Mục tiêu nên làm là bảo vệ bản sắc của Kitô hữu hơn là biến nó thành cái có thể chấp nhận được trong một nền văn hóa thù địch về nguyên tắc đối với những gì mà nó đại diện, là tập trung vào việc hình thành một thể hệ mới biết hứng thú với đức tin, cho dù số lượng có thể là rất ít, những người sẽ xuất hiện trong tương lai một khi những lời hứa hẹn giả dối của chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa thể tục đã đến đường cùng và hết tác dụng.

Các chọn lựa này giống các lý tưởng hơn là những nhóm thực tế, và hầu hết các Hồng y nhận thấy mình ở mức độ nào đó có trong cả ba sự lựa chọn này, hoặc không có trong sự lựa chọn nào hết. Những điều này tùy thuộc vào câu hỏi chính xác được đưa ra xem xét. Tuy nhiên, những nhóm này minh họa cho tính phức tạp của các lựa chọn mà Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng mới phải đương đầu.

Việc cai quản Giáo hội

Như đã đề cập, đôi khi có những lời than phiền giữa các Hồng y, cũng như trong nội bộ Vatican, rằng phong cách của John Paul II là hướng ra thế giới bên ngoài – thông qua những chuyến đi, các văn kiện, những cuộc đối thoại nội bộ và thống nhất Giáo hội của ông. Với người Hoa Kỳ, có lẽ biểu hiện rõ nhất của việc thiếu quan tâm tới công việc nội bộ này chính là cuộc khủng hoảng về lạm dụng tình dục. Nhiều tín đồ Công giáo người Hoa Kỳ đã mong muốn John Paul II can thiệp sớm hơn và mạnh mẽ hơn để nhấn mạnh rằng các Giám mục phải chịu trách nhiệm nếu họ không thể giám sát các linh mục một cách thỏa đáng, nên đã để xảy ra tình trạng nhiều trẻ em rơi vào nguy cơ bị lạm dụng. Thay vào đó, Giáo hoàng đã xử lý cuộc khủng hoảng này như thể đây là một vấn đề mà Giáo hội địa phương có thể giải quyết. Ông chỉ đưa ra những tuyên bố chung chung về tính chất đáng ghê tởm của hành động lạm dụng tình dục và tin tưởng ở các Giám mục người Hoa Kỳ (sẽ giải quyết thỏa đáng).

Những người khác thì tỏ ra nản lòng thoái chí với sự lan tỏa về quyền lực mà Giáo triều Roma đã chiếm, vốn trước đây từng thuộc về các Giáo hội địa phương. Không bất kỳ ở đâu bằng Rome, nơi xu hướng này lại rõ ràng hơn trong phụng vụ, nơi tập trung hết sự kiểm soát tiến trình dịch các văn bản phụng vụ. Một số người phản nản rằng ngay cả những quyết định nhỏ cũng được các quan chức ở Rome đưa ra. Lẽ ra những quyết định đó nên dành cho giáo hội địa phương.

Khi một số Hồng y nói về sự cấp bách phải có một Giáo hoàng mới quan tâm nhiều hơn tới việc cai trị, ý họ là một người sẽ giám sát các Giám mục chặt chẽ hơn nữa, chịu trách nhiệm cá nhân lớn hơn đối với việc bổ nhiệm Giám mục, đòi hỏi một lễ lối làm việc quy củ hơn trong Vatican. Một số khác lại muốn có một Giáo hoàng có thể “kiểm chế” Giáo triều Roma, duy trì một chương trình phân quyền, mà theo cách nói của Giáo hội Công giáo là “tính tập thể”. Việc này có xu hướng trở thành mối quan tâm đặc biệt của cả thành phần cấp tiến ở các nước phát triển, vốn đang rất bức tức về thái độ cứng nhắc của Giáo hội, cũng như của các Giám mục ở những nước đang phát triển, những người có thể rất bảo thủ về mặt học thuyết nhưng lại muốn có khoảng không rộng hơn cho việc “bản sắc hóa” học thuyết đó, có nghĩa là cho phép nó được thể hiện theo những cách phù hợp với văn hóa của từng vùng.

Sự tương đồng trong những cách diễn đạt khác nhau về vấn đề trị vì này là đồng bào Hồng y đều có xu hướng hiểu rằng, công tác quản lý nội bộ của Giáo hội đã bị bỏ ngỏ trong một thời gian quá dài, và Giáo hoàng tiếp theo phải là người có khả năng và kinh nghiệm trong quản trị.

Đạo Hồi

Sau Sự kiện 11/9, có nhiều người thừa nhận rằng mối quan hệ giữa thế giới Hồi giáo và phương Tây (cũng là giữa Kitô giáo và Hồi giáo), sẽ nằm trong những nhân tố quan trọng nhất trong việc định hình các sự kiện thế giới. Dù tốt hay xấu, thế giới Hồi giáo coi Giáo hoàng là nhà lãnh đạo quan trọng nhất trong thế giới Kitô giáo. Vì lý do đó, chính sách của Giáo hoàng kế tục đối với đạo Hồi sẽ là một động lực quan trọng bậc nhất trong việc định hình mối quan hệ này.

Hơn nữa, một số nhà quan sát thuộc Kitô giáo ngày càng quan tâm tới việc những nguồn sinh lực của đạo Kitô có thể sẽ suy yếu đi, đặc biệt ở châu Âu, trong lúc Hồi giáo đang tăng. Hiện ở Anh số người theo đạo Hồi tới đến thờ Hồi giáo vào ngày thứ Sáu đông hơn số người theo Kitô giáo tham gia các buổi lễ ngày Chủ nhật. Theo ước tính, những người Hồi giáo có thể chiếm tới một phần tư dân số nước Pháp vốn được xem là “trường nữ” của Giáo hội. Một số người lo sợ rằng châu Âu, nơi đã từng là cái nôi của nền văn minh Kitô giáo, có thể cuối cùng lại trở thành một tiền đồn của thế giới Hồi giáo.

Một lần nữa, việc nêu tên mỗi lo ngại dễ hơn việc vạch ra chính sách để xử lý mỗi lo ngại đó rất nhiều. Một nhóm Hồng y, những người có thể được gán mác là “bồ câu” về vấn đề đạo Hồi, nhấn mạnh tính cấp thiết hơn bao giờ hết phải có đối thoại ở cấp độ cao với các phong trào và tổ chức khác nhau của Hồi giáo. Họ lập luận: vì phương Tây theo Kitô giáo giàu hơn và có quyền lực hơn trên trường quốc tế, nên những người Kitô giáo có bốn phần đi trước (trong việc đối thoại), tránh nói hoặc làm bất cứ điều gì gây hấn và chấp nhận những điều đôi khi có vẻ phi lý và đáng ngờ như là một phần “hành trang” lịch sử của mối quan hệ này. Họ cũng tin rằng cần phải vươn tới những trung tâm của Hồi giáo theo quan điểm ôn hòa và giải quyết những vấn đề về công bằng xã hội, mà đôi khi trở thành nguồn gốc của chủ nghĩa khủng bố, vốn lôi cuốn với các nguyên tắc cơ bản của đạo Hồi.

Quan điểm này đã được Hồng y Cormac Murphy – O'Connor của vùng Westminster (Anh) trình bày trong một cuộc họp báo.

Murphy–O'Connor nói: “Tôi hy vọng cách đối thoại sẽ được cải thiện và có thể thâm nhập vào những thành phần khác của đạo Hồi. Việc này cần được thực thi ngay lập tức vì nền hòa bình trên thế giới”. Murphy–O'Connor lập luận rằng những người Hồi giáo di cư đang sống ở châu Âu, bao gồm cả những người đang sống ở Anh, có thể trở thành “chiếc cầu nối” giữa phương Tây và cộng đồng Hồi giáo trong thế giới Ả Rập.

Tuy nhiên, các Hồng y khác lại cho rằng một khi có rất nhiều những người Hồi giáo ôn hòa, thì “Hồi giáo ôn hòa” lại có phần hoang đường,

ít nhất là trong ý nghĩa về một phong trào mang tính chính trị và có tổ chức. Trong tương lai gần, họ tin rằng sẽ có nhiều khả năng xảy ra xung đột chứ không phải đối thoại, đặc biệt trong những khu vực người Hồi giáo và người Kitô giáo sống gần nhau như: vùng cận sa mạc Sahara ở châu Phi, châu Á và Trung Đông. Họ nói, những người Công giáo nên chuẩn bị cho cuộc xung đột này thông qua một chính sách gần giống với “tinh yêu cứng rắn”. Một điểm quan trọng trong thái độ này là vấn đề “có đi có lại”. Họ lập luận: nếu những người Hồi giáo nhập cư vào phương Tây đòi hỏi tự do tôn giáo và được luật pháp bảo vệ thì những cách đối xử tương tự cũng nên được áp dụng cho những người theo đạo Kitô sống trong thế giới Hồi giáo. Chẳng hạn, nếu chính phủ Ả Rập Xê Út có thể bỏ ra 65 triệu đô la để tài trợ cho việc xây dựng một thánh đường Hồi giáo ở Rome, có lẽ những người theo đạo Kitô cũng nên được phép xây dựng các nhà thờ một cách hợp pháp ở quốc gia theo đạo Hồi này, một điều hiện còn bị luật pháp cấm đoán. Tương tự, nhóm Hồng y này cảm thấy nhu cầu phải làm cho những gốc rễ Kitô giáo của châu Âu hồi sinh, rằng châu Âu quá quan trọng để bị thất bại. Họ nói việc gia tăng những người theo đạo Hồi nhập cư vào châu Âu không phải là một mối hiểm họa, song đã tạo thêm áp lực lên Giáo hội trong việc nhắc nhở những người châu Âu về bản sắc văn hóa và lịch sử của họ. Một Hồng y có cùng quan điểm như vậy là cựu Giám mục giáo phận Bologna, Hồng y Giacomo Biffi.

Khoảng cách giàu nghèo

Trong các Công nghị Hồng y đoàn, ở những ngày cuối cùng, khi các Hồng y đều có thể nói về tình hình mà Giáo hội địa phương của họ đang gặp phải, nhiều Hồng y ở bán cầu nam đã nói một cách rất xúc động về sự nghèo khó, căn bệnh chậm phát triển kinh niên, tham nhũng, chiến tranh và bệnh tật. Họ kêu gọi các Hồng y anh em hãy tham gia cùng Giáo hội trong cuộc chiến vì một trật tự thế giới công bằng hơn, một trật tự có thể phản ánh những niềm tin Thiên Chúa giáo về phẩm giá của tất cả mọi người và đích đến chung của mọi của cải trần gian. Lời kêu gọi này không phải là gợi ý đề tài mới cho suy tư thần học, bởi vì truyền thống giáo huấn xã hội Công giáo từ cuối thế kỷ 19

đã đặt Giáo hội dứt khoát về phe người nghèo, nhưng đây là tiếng kêu từ con tim đòi hỏi một mức độ ràng buộc mới và một nhiệt tình mới mẻ của Giáo hội đối với vấn đề này.

Theo các Hồng y này, Tân Giáo hoàng cần có lòng nhiệt tình cao độ để bắc cây cầu vượt qua khoảng cách bắc/nam, tương tự như John Paul II đã làm trước đó với sự rạn nứt giữa Đông và Tây. Họ nói: giống như John Paul, Giáo hoàng phải có tiếng nói của lương tâm, bênh vực cho các dân tộc bị bỏ bên lề và bị lãng quên trên thế giới. Đòi hỏi này không tách biệt giữa bảo thủ và tự do, vì ngay cả những Hồng y đến từ phương nam vốn được xem là khá bảo thủ về mặt học thuyết cũng đồng ý với quan điểm này. Theo các Hồng y này, cho dù Giáo hoàng tiếp theo có làm bất cứ điều gì khác thì ông sẽ phải mang trong mình lòng nhiệt huyết và khả năng sáng tạo để đương đầu với thực tế xã hội đầy tội lỗi và có tính cấu trúc này.

GIẢI PHÁP RATZINGER

Làm thế nào mà những vấn đề này lại dẫn đến việc bầu chọn cho Joseph Ratzinger?

Không giống như một cuộc bầu cử chính trị thông thường, không phải bao giờ chúng ta cũng có thể kết nối được các điểm trong những vấn đề mà các Hồng y thảo luận và người họ chọn rồi đưa ra một kết luận rõ ràng. Trước tiên, họ đang tìm kiếm người xứng đáng nhất, chứ không phải là đảng phái có chính sách thích hợp nhất. Các Hồng y thường không “bầu những vấn đề” theo cách mà các nhà báo quen theo dõi. Thứ hai, nhiều Hồng y tin chắc rằng họ đã cùng lập ra chương trình nghị sự cho Giáo hoàng tiếp theo thông qua các Công nghị của Hồng y đoàn. Vì vậy ở chừng mực nào đó, xét trên khía cạnh những vấn đề này, việc họ sẽ bầu ai gần như không quan trọng. Họ nghĩ rằng sau khi đã được nghe cuộc thảo luận này, Giáo hoàng chắc chắn sẽ phải có hành động để giải quyết.

Tuy nhiên, trong suy nghĩ của nhiều cử tri, quá trình đào tạo, thành tích và rất nhiều điểm mạnh của Ratzinger hoàn toàn đáp ứng với những

vấn đề họ đã nêu ra. Với hiểu biết sâu rộng về truyền thống văn hóa và nền tri thức phương Tây, rất nhiều người xem ông chính là nhân vật sẽ có thể mang lại giải pháp thích đáng đối với chủ nghĩa thế tục. Là một nhà quản lý đầy kinh nghiệm ở Vatican, nhưng lại không bị ràng buộc bởi những luật lệ thông thường trong Giáo triều Roma, ông có thể đảm đương việc trị vì Giáo hội. Đối với vấn đề đạo Hồi, ông được mọi người biết đến như là người luôn tôn trọng những truyền thống học thuyết mạnh mẽ của đạo Hồi và có mối quan hệ tích cực với các nhà lãnh đạo Hồi giáo; đồng thời ông cũng là người không ngại tỏ ra cứng rắn khi cần thiết. Chẳng hạn, những lời nhận xét của ông về việc chấp nhận Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập Liên minh châu Âu trong năm trước đã khiến một số nhà quan sát bên ngoài cảm thấy như là một sự khiêu khích, nhưng với rất nhiều người trong Hồng y đoàn thì đó chính là bằng chứng về một người không sợ phải động viên một môi trường “chính trị đúng đắn” khi những vấn đề thuộc bản sắc Kitô giáo đòi hỏi. Đối với vấn đề bắc/nam, Ratzinger đã thể hiện sự nhạy cảm rất lớn trong các Công nghị của Hồng y đoàn; có lúc ông đã đề nghị các Hồng y ở châu Âu và Hoa Kỳ hạn chế phát biểu để Công nghị có thể thu thập ý kiến của các Hồng y từ châu Phi và châu Á.

Nói cách khác, các Hồng y càng cân nhắc xem Giáo hoàng tiếp theo sẽ như thế nào thì họ lại càng thấy Joseph Ratzinger xứng đáng ở cương vị này, dù ông có những hạn chế về tuổi tác và danh tiếng.

THỂ HIỆN TRƯỚC CÔNG CHÚNG

Ngay từ trước khi John Paul II qua đời, Joseph Ratzinger đã được một số Hồng y kiên quyết ủng hộ để trở thành người kế vị. Trong năm năm vừa qua, tôi đã phỏng vấn trực tiếp khoảng 65 Hồng y trong tổng số 115 vị đã bầu chọn Giáo hoàng Benedict XVI. Hầu hết họ đều không nói ra tên tuổi các ứng cử viên tiềm năng mà chỉ nói về những vấn đề Giáo hội đang phải đối mặt và về mẫu người cần thiết để đương đầu với những thách thức đó. Tuy nhiên, có bốn Hồng y đã nói thẳng với tôi rằng họ dự định sẽ bầu cho Ratzinger ít nhất là trong đợt bỏ phiếu đầu tiên của Cơ Mật Hội,

để xem việc ứng cử của ông có thể tiến xa tới mức nào. Họ là những Hồng y đến từ châu Mỹ La-tinh, vùng ven Thái Bình Dương và châu Âu. Vì thế, tôi biết rằng Ratzinger đã có được cơ sở hậu thuẫn rất mạnh.

Tuy nhiên, cũng trong thời gian này, một Hồng y đến từ Bắc Mỹ lại đề cập đến điều mà tôi ngờ là cũng có trong thâm tâm của một số cử tri. Khoảng một năm trước, ông ấy đã nói: “Ratzinger có thể là người thích hợp nhất cho công việc này. Nhưng mối quan tâm của tôi là làm sao tôi có thể thuyết phục mọi người khi trở về nhà”.

Trong thời gian chưa có Giáo hoàng mới, Ratzinger đã tiến một bước khá xa trong việc gạt bỏ các mối quan ngại đó, bằng cách cho thấy một mặt khác của con người ông: ôn hòa hơn, cởi mở và biết lắng nghe hơn, và là một người của công chúng với nhiều khả năng độc đáo.

Trước tiên, ông đã thể hiện các phẩm chất này trong hai lần xuất hiện quan trọng trước công chúng vào thời gian này, thánh lễ an táng và thánh lễ cầu cho việc bầu Giáo hoàng diễn ra khi khai mạc Cơ Mật Hội. Chúng tôi đã đề cập tới việc Ratzinger thể hiện bài giảng tốt như thế nào tại lễ an táng, kết hợp với cách cư xử khéo léo đến đáng ngạc nhiên của ông trước đám đông, khiến một số Hồng y nhận thấy rằng ông có thể có nguồn nội lực thu hút bất ngờ khi đứng trước công chúng.

Sau khi đã khẳng định khả năng tạo ra một hình ảnh tốt hơn và tinh tế hơn trước công chúng, Ratzinger đã phô diễn một tài năng khác trong Thánh lễ *pro eligendo papa* (Thánh lễ cầu cho cuộc bầu chọn Giáo hoàng) vào ngày 18 tháng Tư, ngày khai mạc Cơ Mật Hội. Tại buổi lễ này ông đã có bài phát biểu chỉ trích mạnh mẽ những xu hướng trong nền văn hóa phương Tây hiện nay, ông làm các Hồng y nhớ lại lý do ông đã được xem như là một người đi tiên phong – bởi vì, mặc cho thiên hạ phản ứng với quan điểm của ông như thế nào đi nữa, ông vẫn sở hữu một bộ óc siêu phàm và thừa dũng khí để bảo vệ quan điểm của mình. Đây không phải là người sợ nói ra điều mình xem là sự thật, cho dù sự thật đó khiến người khác khó chịu hay bực tức tới mức nào.

Cũng rất đáng để trích dẫn một phần khá dài trọng tâm của bài giảng đó:

Chúng ta đã biết đến bao nhiêu luồng học thuyết trong những thập niên gần đây, bao nhiêu hệ tư tưởng, bao nhiêu lối suy nghĩ... Con thuyền tư duy nhỏ bé của rất nhiều người Thiên Chúa giáo đã thường xuyên bị những con sóng này làm cho lay động – bị xô đẩy từ thái cực này tới thái cực khác; từ chủ nghĩa Mác-xít tới chủ nghĩa tự do, từ chủ nghĩa tập thể tới chủ nghĩa cá nhân cấp tiến; từ chủ nghĩa vô thần tới chủ nghĩa thần bí tín ngưỡng mơ hồ; từ thuyết bất khả tri tới thuyết hỗn hợp,... Những giáo phái mới xuất hiện mỗi ngày và những gì Thánh Phaolô nói về sự lừa đảo nhân loại đã được mình chứng, về những mánh khéo nhằm dẫn tới sai lạc. Có một đức tin rõ rệt, dựa theo Kinh Tin kính của Giáo hội, thì bị gán nhãn hiệu là “thủ cựu”. Trong khi đó chủ thuyết tương đối, có nghĩa là tự để mình cuốn theo bất cứ luồng học thuyết nào, thì lại được xem là thái độ duy nhất phù hợp với thời hiện đại. Cái nguy hiểm đang hình thành là một sự độc tài của chủ thuyết tương đối, chủ nghĩa không thừa nhận bất cứ thứ gì là tuyệt đối, đồng thời coi cái tôi và những dục vọng riêng của mình là thước đo cuối cùng.

Tuy nhiên, chúng ta còn có một thước đo khác: Người Con của Chúa, con người đích thực. Ngài là thước đo của nhân bản đích thực. Một đức tin không “trưởng thành” khi nó chạy theo những làn sóng kiểu cách và cái mới mới nhất; một niềm tin trưởng thành và chín chắn được bắt rễ sâu xa trong tình bạn với Chúa Kitô. Chính tình bạn này mở ra cho chúng ta mọi thứ tốt đẹp, và giúp chúng ta có được chuẩn mực để phân biệt giữa đúng và sai, giữa thật với giả. Chúng ta phải trưởng thành trong đức tin chín chắn này và chúng ta phải dẫn dắt đàn chiên của Chúa tiến tới đức tin này. Chính đức tin này – đức tin duy nhất này – mới tạo ra sự thống nhất và hoàn thành trong đức ái. Về mặt này Thánh Phaolô đã cung cấp cho chúng ta – ngược lại với sự dao động liên tục của những kẻ, giống như trẻ con, luôn bị những làn sóng đó xô đẩy – một lời nói đẹp: hãy sống trong sự thật và lòng bác ái, như một công thức cơ bản của đời sống Kitô hữu. Trong Đức Kitô, sự thật và lòng bác ái trùng khớp với nhau. Đến mức độ mà chúng ta tới gần Chúa hơn, thì chính

trong cuộc sống của chúng ta, sự thật và lòng bác ái sẽ cùng có chung một nền tảng vững chắc. Lòng bác ái không có sự thật sẽ trở nên mù quáng; sự thật không có lòng bác ái sẽ giống như "tiếng phèng la" vang dội".

Đây là liều thuốc mạnh và ngay sau khi bài giảng kết thúc, một số người (trong đó có cả tôi) cho rằng nó thực sự bất lợi cho việc ứng cử của Ratzinger. Bằng việc công kích nền văn hóa xung quanh một cách thẳng thắn và tiêu cực, một số người có cảm giác rằng Ratzinger đã gửi một tín hiệu sai tới các Hồng y – cử tri, nhắc họ nhớ lại hình ảnh "ông hộ pháp" nghiêm khắc mà ông đã thể hiện trong suốt 24 năm qua. Dù rằng ít có Hồng y nào lại không đồng ý với nội dung mà Ratzinger đã nói, một số nhà quan sát sợ rằng các Hồng y có thể sẽ bần khoản bởi giọng điệu của nó, do rất nhiều vị đã nói rằng trên tất cả, họ đang tìm kiếm một Giáo hoàng có thể mang lại hy vọng cho thế giới. Một cái nhìn bi quan như vậy về nền văn hóa đương đại, ít nhất là ở các nước phương Tây phát triển, là một cái gì đó không mấy lạc quan, mà lạc quan thường được xem là nhiên liệu cho cơ chế bầu cử. Một vài người (trong đó cũng lại có cả tôi) thậm chí còn xem bài giảng đó là bằng chứng rõ ràng cho thấy Ratzinger không chạy đua cho chức vụ, với lý do là nó đi ngược lại với thuật hùng biện chính trị thông thường.

Tuy nhiên, ở mức độ nào đó, báo giới và những nhà quan sát khác chỉ tập trung chú ý tới một số phần mà quên tổng thể. Chúng tôi đã nhấn mạnh tới những phần cứng rắn nhất của bài giảng, mà không quan tâm thỏa đáng tới phần còn lại. Sau đây là cách Ratzinger kết thúc những suy nghĩ của mình.

Tất cả mọi người đều muốn để lại cho đời một thứ gì có thể tồn tại. Nhưng điều gì sẽ tồn tại? Không phải tiền bạc. Các tòa nhà không tồn tại mãi; sách vở cũng không. Sau một thời gian, sớm hay muộn, mọi thứ này sẽ biến mất. Thứ duy nhất còn tồn tại: muôn đời là linh hồn con người, con người Chúa tạo dựng để sống vĩnh cửu. Vì thế thứ hoa quả còn tồn tại mãi chính là những gì chúng ta đã

17) Phèng la: một loại nhạc khí gõ có hình đĩa tròn, phát ra tiếng vang và chơi làm bằng đồng thau

gieo trồng trong linh hồn của mọi người – tình yêu; sự thông cảm; những cử chỉ có thể chạm tới trái tim; những lời nói có thể mở tâm hồn đón niềm vui của Chúa. Vì thế, chúng ta hãy cầu xin Chúa để Người giúp chúng ta đem hoa kết quả, một thứ hoa quả tồn tại mãi mãi. Chỉ theo cách này, trái đất mới có thể từ một thung lũng đầy nước mắt trở thành khu vườn của Chúa.

Đây rõ ràng không phải là những lời nói kiểu Ratzinger, ít nhất là so với hình ảnh trước công chúng trước đây của ông. Đây là một trong những nhà thần học nguyên tắc của Giáo hội Công giáo nhận thức được rằng tài sản trí tuệ của ông, những quyển sách ông đã viết trong suốt cuộc đời, rốt cuộc cũng chẳng có ích gì nếu chúng không đưa con người tới tình yêu của Chúa. Đây là một Ratzinger – lý thuyết gia khô khan đang trải qua sự biến đổi thành Ratzinger – nhà thơ, khi nói về “thung lũng nước mắt” và “khu vườn của Chúa”, về những thái độ có thể làm lay động lòng người. Rất nhiều Hồng y sau đó nói những gì họ nhận được sau bài giảng này là sự ngưỡng mộ một người có thể vừa trình bày một cách rõ ràng những thách thức, vừa lại không kết thúc với giọng điệu bi quan hay đầu hàng.

Bài giảng này không phải là một bài diễn thuyết vận động bầu cử, không phương châm, không khẩu hiệu, không sáo ngữ. Tuy nhiên nếu các Hồng y đang tìm một người thấu hiểu về thách thức của chủ nghĩa thế tục ở phương Tây, người không mù mờ trước những hiểm họa của nó mà lại có thể đưa ra một sự chọn lựa Kitô giáo thích hợp, một con người rất thực tế về những gì có thể đạt được nhưng không khi nào cam tâm chịu thất bại thì Ratzinger rõ ràng bắt đầu xuất hiện như là sự lựa chọn hiển nhiên.

THỂ HIỆN CÁ NHÂN

Nếu việc thể hiện trước công chúng của ông là quan trọng thì tất cả Hồng y, những người đã sống hai tuần qua từ bên trong, đều nhất trí rằng chính những điều ông thể hiện đằng sau những cánh cửa đóng kín đã thật sự tạo nên khác biệt. Một lần nữa, không phải sự lãnh đạo của ông tại các Công nghị Hồng y đoàn hay những cuộc nói chuyện thân

mặt với các Hồng y khác đã giúp ông giành chiến thắng. Nói đúng hơn, chúng chỉ là những công cụ làm giảm đi những mối lo ngại của các Hồng y, những người vốn đã dè dặt với việc bầu phiếu cho ông. Vì thế, việc giảm bớt những băn khoăn này là nhân tố quyết định trong việc biến Ratzinger từ một ứng cử viên nặng ký – nhưng có thể đạt được 77 trên tổng số 115 phiếu bầu hay không vẫn còn là một vấn đề – trở thành một người gần như được tất cả nhất trí lựa chọn.

Một số sự e ngại này là gì?

- Là quan chức hàng đầu của Giáo triều Roma trong suốt 24 năm, nhưng chỉ có một quá trình rất ngắn (chỉ hai năm rưỡi) là Giám mục giáo phận, Ratzinger có thể thiếu nhạy cảm với những thực tế mục vụ;
- Cũng với tâm trạng tương tự, quá trình làm việc của Ratzinger trong Giáo triều có thể khiến ông không thiên về việc thực thi quyền tập thể – tức việc cai quản Giáo hội với sự hợp tác của các Hồng y và Giám mục khác, điều mà rất nhiều Giám mục đã đòi hỏi từ lâu;
- Tuổi tác và sức khỏe của Ratzinger có thể khiến cho ông trở nên quá yếu ớt để gánh lấy những trách nhiệm nặng nề của một Giáo hoàng, một mối quan tâm đặc biệt xuất phát từ sự suy sụp rất rõ ràng suốt thời gian dài trong những năm cuối đời của John Paul II;
- Một học giả từ Bắc Âu có thể không có sự nhạy cảm đặc biệt đối với những vấn đề về công bằng xã hội mà nhiều Hồng y ở bán cầu nam đã cảm nhận một cách mạnh mẽ;
- Hình ảnh trước công chúng của Ratzinger vẫn còn nhập nhằng giữa tích cực và tiêu cực có thể gây trở ngại cho triều đại Giáo hoàng của ông ngay từ khi bắt đầu, làm tăng sự phân cực trong Giáo hội vốn đã rạn nứt tại một số khu vực trên thế giới;
- Khuynh hướng mô phạm của Ratzinger, thường thích hợp đối với một nhà nghiên cứu hơn là một người bước lên vũ đài, có thể khiến ông không đủ khả năng truyền tải cho Giáo hội cái năng lượng và động lực cần thiết, đặc biệt nếu đó là thổi một luồng sinh khí mới cho cuộc sống ở châu Âu.

Trong giai đoạn giữa cái chết của John Paul II ngày mồng 2 tháng Tư và ngày khai mạc Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng ngày 18 tháng Tư, Công nghị Hồng y đoàn, cuộc họp hàng ngày của các Hồng y, được tổ chức 13 lần tại một hội trường mới bên trong lãnh địa của Vatican. Ratzinger chủ tọa mỗi phiên họp, và cuối cùng khả năng lãnh đạo của ông đã để lại một ấn tượng sâu sắc, mặc dù cũng phải khá lâu để tác động này ngấm sâu vào tâm trí mọi người. Trong những phiên họp đầu tiên, các Hồng y được yêu cầu phải nghiên cứu từng dòng một trong *Tông Hiến Universi Dominici Gregis* (Chấn Dắt Đàn Chiên Chúa), một tài liệu những 14 nghìn từ mà John Paul II đã công bố vào tháng Hai năm 1996, đề ra những quy tắc rất chi tiết cho cuộc bầu chọn người kế vị ông. Một vài Hồng y đã đặt câu hỏi riêng rằng tại sao tất cả mọi người lại phải nghiên cứu văn bản đó một cách chi tiết đến vậy; họ nói ngay từ năm 1996 rằng họ đã biết là có ngày hôm nay, liệu có hiệu quả hơn khi cho rằng tất cả họ đều đã đọc văn bản đó rồi và chỉ đơn giản hỏi xem có bất kỳ câu hỏi nào cần nêu lên không? Tuy nhiên, Ratzinger vẫn kiên quyết khiến cho tất cả mọi người hiểu rõ cách thức mọi việc sẽ diễn ra. Và có lẽ cũng không kém phần quan trọng, đó là để đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội đưa ra các câu hỏi hay vấn đề mình quan tâm, kể cả những vấn đề nhỏ như thời gian tổ chức lễ tang và ngày khai mạc Cơ Mật Hội. Nói cách khác, có vẻ như ông muốn đây là những quyết định mang *tính tập thể* thực sự, một tín hiệu quan trọng về những việc sẽ đến.

Bầu không khí tại các Công nghị đã thay đổi sau lễ tang, khi các Hồng y không còn xem xét các luật lệ thủ tục mà chuyển sang thảo luận mở rộng về những vấn đề mà Giáo hội đang gặp phải. Cuộc thảo luận này đã tạo cơ hội cho tất cả mọi người bộc bạch suy nghĩ của mình từ quan điểm địa phương của họ. Một số Hồng y khi bước ra khỏi những cuộc họp này đã phàn nàn rằng bầu không khí giống như của một Thượng Hội đồng Giám mục, với những bài phát biểu dài dòng và rất ít cơ hội cho sự tương tác thực sự. Một số người nói thật khó mà khiến cho các Hồng y hơn 80 tuổi, (có khoảng 50 đến 60 người trong cuộc họp), tuân theo thời hạn cho một phát biểu là 7 phút. Tuy nhiên, dường như mọi người đều có ấn tượng với cách mà Ratzinger điều khiển các cuộc thảo luận.

Trước tiên, bất cứ khi nào có một Hồng y giơ tay xin phát biểu, Ratzinger ngay lập tức gọi đúng tên họ của ông ta. Trong Hồng y đoàn, nơi một số người cảm thấy họ không biết nhiều về nhau lắm, thì ít nhất ở đây vẫn có một người biết tất cả mọi người. Phản ứng đó là kết quả của hơn 24 năm gặp gỡ với các Hồng y trong những chuyến viếng thăm *ad limina* tới Rome của họ, lắng nghe các mối quan tâm của họ mỗi khi họ tới Vatican vì các công việc khác nhau, tham gia vào rất nhiều phiên họp toàn thể của các bộ khác ở Giáo triều Roma và sát cánh với họ tại rất nhiều đại hội, hội nghị chuyên đề và những sự kiện khác của Giáo hội. Nói cách khác, các Hồng y nhận thấy ở Ratzinger một người thực sự biết rõ từng thành viên trong Hồng y đoàn, không phải biết chung chung mà là biết riêng từng người một.

Hơn nữa, có vẻ như Ratzinger đã cố gắng lắng nghe một cách chân thành, và đảm bảo cho tiếng nói của mọi người đều được nghe thấy. Các Hồng y nói: nhiều lần trong phiên họp, ông đã can thiệp để mời những ai chưa trình bày ý kiến của mình. Khi tóm tắt một cuộc thảo luận, ông luôn tỏ ra công bằng đối với các quan điểm khác nhau đã được nêu ra. Trong một cuộc gặp gỡ riêng, hai Hồng y cho biết họ cảm thấy Ratzinger đã lắng nghe họ với cái cách thức mà chính John Paul II không phải lúc nào cũng làm được; chẳng hạn, một vị cho biết là dù John Paul II luôn nhận ra ông, nhưng cố Giáo hoàng đôi khi vẫn cần người nhắc để nhớ lại tên họ mà điều này thì không bao giờ xảy ra với Ratzinger. Một số vị lại bắt đầu suy ngẫm rằng trong vai trò Giáo hoàng, có lẽ Ratzinger sẽ ít bị cám dỗ để cá nhân hóa triều đại của mình, ít áp đặt các sở thích riêng về các sự sùng kính, nghi thức, phong cách, và sẵn lòng tập hợp một đội ngũ cộng tác viên có hiệu quả cao ở quanh mình. Họ sẽ là những người giúp ông có được một hệ thống “kiểm tra và cân bằng” mạnh hơn, dù không chính thức.

Một Hồng y nói quyết định của mình về việc ủng hộ ứng cử viên Ratzinger đã đến từ các cuộc thảo luận tại Công nghị Hồng y đoàn này. Có lần, hai Hồng y cùng là chuyên gia về Giáo luật tranh luận với nhau về tính pháp lý của một vấn đề phát sinh. Như vị Hồng y này nhớ lại,

Ratzinger đã can thiệp bằng câu nói: “Đó có thể là những gì luật nói, nhưng câu trả lời mục tử của chúng ta nên như thế nào?” Vị Hồng y này cho biết chính lời nhận xét đó đã thuyết phục ông rằng, Ratzinger không nhất thiết là một nhà độc tài ở Giáo triều như hình ảnh của ông trước công chúng đã vẽ ra.

Một điều khác cũng rất quan trọng là vị trí của Ratzinger trong Giáo triều Roma được xác định như thế nào trong những cuộc thảo luận này. Như một Hồng y đã nói: “Ratzinger ở trong Giáo triều nhưng không thuộc Giáo triều. Ông đã bước vào đây với tư cách một Hồng y mà không có ràng buộc nào về lòng trung thành và các đòi hỏi về sự nghiệp như một số người khác”. Nói cách khác, các Hồng y chưa biết nhiều về Ratzinger đã có cảm giác rằng ông sẽ tiếp cận các vấn đề một cách khách quan, trên cơ sở những cuộc trao đổi thẳng thắn với các nhân vật chủ chốt, chứ không phải thông qua lăng kính của guồng máy Giáo triều hay cái logic của bộ máy quan liêu.

Sau khi cuộc bầu cử kết thúc, một Hồng y người châu Âu đã nói: “Tôi thực sự nghĩ ông ấy sẽ lắng nghe chúng tôi. Trên cơ sở những gì tôi nhận thấy trong thời gian qua, tôi nghĩ ông ấy sẽ là một Giáo hoàng có tinh thần tập thể trong tương lai”.

Một điều gây ấn tượng mạnh trong giai đoạn này là sức chịu đựng và sinh lực của Ratzinger. Là Niên trưởng, ông phải chủ trì mọi cuộc họp của các Hồng y và giám sát phần lớn công việc quản lý thường lệ. Vậy mà ông vẫn còn có thời gian để soạn thảo những bài giảng đầy sức thuyết phục và chuẩn bị cho những nghi thức liên quan tới chức vụ của mình. Sự chú ý lắng nghe một cách nhiệt tình trong các cuộc họp và khả năng theo dõi những cuộc thảo luận dài với sự linh hoạt dường như trọn vẹn của ông đã thuyết phục một vài Hồng y còn nghi ngại về sức khỏe của ông để đảm đương nhiệm vụ nặng nề.

Cuối cùng, các kỹ năng ngôn ngữ của Ratzinger cũng chứng tỏ là một tài sản quý đối với ứng cử viên. Các Hồng y, giống như các nhà quản lý bậc hai trong bất kỳ hệ thống cấp bậc nào, rất quan tâm tới việc tiếp cận với chủ nhân của mình. Trong một tổ chức quốc tế, ngôn ngữ

giữ vai trò quyết định; nếu ông chủ không thể hiểu bạn và bạn không thể hiểu người đó, hoặc nếu giỏi lắm bạn chỉ có thể thực hiện những cuộc trao đổi đứt quãng mà không thể chuyển tải sắc thái và các ẩn ý thì điều đó sẽ tạo ra những rào cản hiển nhiên trong việc trao đổi thông tin. Vì thế, bạn sẽ quan tâm tới việc liệu người đứng đầu có thể thực sự hiểu được những bản khoản của bạn hay không. Trong những cuộc thảo luận không chính thức trước khi diễn ra cuộc họp kín bầu chọn Giáo hoàng, Ratzinger bao giờ cũng nói chuyện với các Hồng y bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ, (trừ khi đó không phải là ngôn ngữ của một quốc gia thuộc châu Âu, trong trường hợp đó ông sẽ sử dụng một ngôn ngữ của châu Âu mà vị Hồng y đó thông thạo nhất). Nhìn chung, ông thể hiện một phong thái thật hoàn hảo, không hề có lỗi hoặc những vướng mắc như những người nói ngôn ngữ thứ ba hoặc thứ tư thường gặp phải. Vì thế, các Hồng y sau khi tiếp xúc với Ratzinger đều suy nghĩ rằng đây là người họ có thể nói chuyện và hiểu được mà không cần phải qua trung gian hay phiên dịch.

CHIẾN DỊCH PHẢN ĐỐI

Bất chấp bầu không khí lịch thiệp trong các cuộc thảo luận giữa các Hồng y, và lòng mong muốn chân thành của họ khi coi việc bầu chọn Giáo hoàng như một tiến trình nhận thức chứ không phải một hoạt động chính trị đơn thuần, đôi khi ngay cả hoạt động chính trị tại Vatican cũng có những bước ngoặt đầy lắt léo và hiểm ác. Đó là những gì diễn ra trong năm 2005, khi có hàng loạt những nỗ lực nhằm phá hoại các ứng cử viên nổi lên trong bầu không khí ở Rome ở giai đoạn trống tòa.

Một số ví dụ tiêu biểu:

- Giới truyền thông Italia đăng tải lời đồn rằng Hồng y Angelo Scola của thành phố Venice đã từng phải điều trị vì suy nhược, ám chỉ đến một dạng thiếu cân bằng tâm lý, một điều có thể sẽ loại ông khỏi chức vụ cao nhất của Hội Thánh;

- Những bản tin khác chỉ ra rằng Hồng y Ivan Dias của vùng Mumbai bị bệnh đái tháo đường, một dấu hiệu về tình trạng sức khỏe yếu kém. Và điều này có thể phá hỏng tác dụng của những thông tin tích cực ngày một nhiều hơn về ông, ít nhất là với báo giới địa phương. Thêm vào đó là chiến dịch thư điện tử do chính các giáo dân của ông ở Ấn Độ khởi xướng, bao gồm những lời phàn nàn về một “phong cách kiêu ngạo, ngoan cố và khó gần”.
- Một quyển sách ở Argentina, thu hút được sự quan tâm của đông đảo giới truyền thông bằng tiếng Tây Ban Nha, khẳng định rằng Hồng y Jorge Mario Bergoglio có thời rất “gần gũi” với phe cánh quân đội từng thống trị đất nước này trong những năm 1970. Thậm chí còn đồng lõa trong việc giết hại hai tu sĩ dòng Tên người Argentina theo chủ nghĩa tự do, điều mà những người bảo vệ ông đã phản đối quyết liệt; một chiến dịch thư điện tử khác – chiến dịch này tự xưng là xuất phát từ các tu sĩ dòng Tên biết rõ Bergoglio khi ông còn là Bề trên Giám tỉnh của dòng này tại Argentina – phàn nàn rằng: “Ông ấy không bao giờ mỉm cười”.
- Một số bài báo cũng đã khẳng định là cả Hồng y Joseph Ratzinger và Angelo Sodano, được một số coi là những ứng cử viên hàng đầu, đều có vấn đề về sức khỏe, đặt ra những nghi ngại về khả năng đảm đương chức Giáo hoàng.

Không người nào thực sự có thời gian để kiểm chứng những lời đồn này, và đó chính là mục tiêu mong muốn của kẻ phát ra những tin đồn này. Người ta có chủ trương cứ việc truyền đi những thông tin tiêu cực, chưa đến lúc hạ hồi phân giải đúng sai thì cũng đủ để loại bỏ một ứng cử viên cụ thể nào đó. (Riêng trong trường hợp của Ratzinger, những lời đồn đó đã không có tác dụng, chủ yếu là do các Hồng y đã có hai tuần để có những nhận định xác thực của mình về tình trạng thể chất của ông).

Một quy tắc an toàn đối với những bài báo như thế nên xem chúng là sai cho tới khi có bằng chứng ngược lại. Hãy nhớ câu nói quen thuộc của John Paul II mỗi khi các phóng viên hỏi về tình trạng sức khỏe của ông. Ông trả lời lửng lơ: “Tôi không biết, tôi chưa đọc báo”. Hơn nữa,

đôi khi những nỗ lực phá hoại ngầm này không hẳn là không có cơ sở. Chẳng hạn, một người bạn trong đoàn ngoại giao Vatican đã gọi điện cho tôi trong thời gian trống tòa để hỏi, tại sao không một ai đề cập tới việc có nhiều tài liệu minh chứng vai trò của Sodano trong nỗ lực giải phóng nhà độc tài Chi-lê Augusto Pinochet khi ông bị giam giữ ở Anh năm 1999 và đối mặt với khả năng bị dẫn độ tới Tây Ban Nha. Mặc dù có rất nhiều cách để giải thích về những can thiệp của Sodano, không phải tất cả đều mang tính chê bai, nhưng ít nhất một phân tích theo hướng này sẽ xuất phát từ sự thật. (Cuối cùng, vấn đề được xem là không đáng bàn cãi, bởi vì không ai thực sự coi Sodano là một ứng cử viên).

Kiểu bàn ra tán vào này là một phần bối cảnh quen thuộc trong một mùa vận động tranh cử chức Giáo hoàng, một bối cảnh giống với hoạt động chính trị ở Anh hơn là ở Hoa Kỳ vì cuộc đua chỉ kéo dài trong hai tuần, thay vì gần ba năm. Chẳng hạn, người ta có thời gian điều tra những tài liệu chứng minh việc phục vụ trong Vệ binh Quốc gia của George Bush có xác thực hay không; tuy nhiên, trong tình hình cấp bách của chiến dịch tranh cử chức Giáo hoàng ngăn ngòi, không có thời gian để thực hiện những công việc tốn nhiều thời gian, công sức như vậy.

Các Hồng y khẳng định họ không bị chi phối bởi bất kỳ thông tin nào nêu ở trên, và ở chừng mực nhất định, điều đó có thể được coi là sự thật; nhiều người trong số họ đã biết về nhau, có thể tự đưa ra những nhận định cá nhân về các vấn đề đang đề cập đến. Mặt khác, do phải đưa ra những nhận định thật nhanh, nên đôi khi chỉ một gợi ý về những bề bối được giấu kín nào đó cũng đủ khiến họ suy nghĩ kỹ lưỡng. Thực tế, người ta đã tung ra những lời đồn này vì một lý do tương tự như những mảnh khòe mà các cố vấn chính trị ở Hoa Kỳ dùng để tấn công đối thủ – bởi vì, dù thích hay không, đôi khi chiến dịch đã phá đã phát huy công dụng. Chúng ta cũng cần nhấn mạnh rằng những chiến dịch bôi nhọ này xuất phát từ bên ngoài Hồng y đoàn, chứ không phải từ bên trong. Và nhìn chung, đó là bầu không khí lịch thiệp và tôn trọng lẫn nhau trong các cuộc thảo luận giữa các Hồng y. Đồng thời, họ vẫn phải đối mặt với những lựa chọn khó khăn về các vấn đề mà Giáo hội phải

đương đầu trong tương lai, và ai là người thích hợp nhất để chạm trán với những thách thức này. Cho dù có thích hay không, họ buộc phải xây dựng các liên minh và đề ra những ứng cử viên – nói cách khác là họ phải làm chính trị.

PHÍA SAU NHỮNG CÁNH CỬA ĐÓNG KÍN

Các Hồng y không chỉ dựa vào những ấn tượng trong thời gian diễn ra các Công nghị Hồng y đoàn, hay từ tin tức trên báo chí để thiết lập quan điểm của mình trước cuộc bầu chọn. Thông thường trước một Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng, có những cuộc họp không chính thức diễn ra bên lề, giữa các Hồng y vốn là bạn bè lâu đời của nhau, hoặc giữa những Hồng y có chung quan điểm về hướng đi của Giáo hội, và đặc biệt giữa các Hồng y sử dụng cùng ngôn ngữ.

Không giống như các Cơ Mật Hội trước, gần như tất cả cuộc gặp mặt này đều diễn ra trong các địa điểm kín đáo tại Rome, tại tư gia của các thành viên Giáo triều, tại các tu viện thuộc các quốc gia nơi nhiều Hồng y đang ở trước khi bị biệt lập trong Dinh thự Thánh nữ Marta, và ở nhiều cơ sở khác nhau của Giáo hội quanh thành phố. Một phần vì sự phong tỏa báo chí và mong muốn tránh công chúng, nên hầu hết Hồng y đã tránh xa các nhà hàng Italia mà họ ưa thích ở Rome trong hai tuần này – với một vài người trong số họ, đây có lẽ là sự hy sinh lớn nhất trong thời kỳ gián đoạn chưa có Giáo hoàng mới. (Tuy nhiên không phải tất cả mọi người đều làm như vậy. Hôm sau Tang lễ của John Paul, tôi đã tình cờ gặp Hồng y Tarcisio Bertone của Genoa – ông này từng là cựu thư ký cho Ratzinger tại Bộ Giáo lý Đức tin – ở nhà hàng Armando, nhà hàng ưa thích của tôi tại Rome gần khu Borgo Pio. Khi tôi hỏi Bertone xem ông nghĩ gì về cơ hội của người chủ cũ của mình, tôi có thể nhận thấy nụ cười của ông rạng rỡ hẳn lên).

Trong giai đoạn đầu tiên, các cuộc họp mặt quan trọng nhất thường là theo các nhóm cùng ngôn ngữ. Chẳng hạn như một trong những cuộc họp như vậy diễn ra vào cuối tuần đầu tiên tại Đại Chủng viện Venerable English College trên đường Via Monserrato, gần Piazza Farnese, nơi ở

của các chủng sinh từ nước Anh đang theo học ở Rome và của một nhóm linh mục khác có liên hệ cách này hay cách khác với nước Anh. Cuộc họp đặc biệt này do Hồng y Cormac Murphy-O'Connor của giáo phận Westminster tổ chức. Ông được xem như điểm tham khảo ý kiến cho các Hồng y nói tiếng Anh trong thời gian ngay trước Cơ Mật Hội. Trong những phiên họp như vậy, do tránh được những ánh mắt và đôi tai tò mò, các Hồng y đã có thể nói một cách tự do về các ứng cử viên khác nhau và có một khái niệm tổng quát về những gì các Hồng y khác đang suy nghĩ.

Nhóm nói tiếng Anh đã nổi lên như một nhân tố quan trọng bất ngờ trong Cơ Mật Hội, bởi tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ hai của khoảng 25 Hồng y – nhiều hơn 4 người so với toàn bộ nhóm nói tiếng Italia là 21 người.

Như một Hồng y đã mô tả: “Một vài người tỏ ra không thoải mái lắm với những cuộc trao đổi mang tính tự do này, nhưng đó là những gì bạn phải làm nếu bạn muốn đạt được cái gì đó”.

Dựa trên những hồi ức sau đó của các Hồng y về những cuộc họp không chính thức này, một vài Hồng y đã chứng tỏ là nhà vận động nhiệt tình hơn những người khác. Theo ý kiến chung, một trong những người tổ chức có tài hùng biện và hăng say nhất trong phe ủng hộ Ratzinger là Hồng y Christoph Schönborn của Vienna, có lẽ là nhân vật có nhiều ảnh hưởng và nhiều phe cánh nhất trong cuộc bầu chọn Giáo hoàng năm 2005.

Sau cuộc bầu chọn, một Hồng y nhớ lại: “Khi hỏi những Hồng y khác về Ratzinger, hầu hết họ đều nói: đúng, ông ấy là một ứng cử viên tốt, nhưng còn người này hay người khác nữa. Với Schönborn thì không phải thế. Ông cho rằng thánh ý Chúa tức là Ratzinger phải là Giáo hoàng, chấm hết”.

Lời khẳng khái mạnh mẽ đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu căn cứ vào mối quan hệ gần gũi giữa Schönborn và Ratzinger, mà một số người cho rằng gần giống với tình cảm cha con. Khi còn là một nhà thần học trẻ dòng Đa-minh, Schönborn đã tham gia một trong những

cuộc hội thảo của Ratzinger trong khi đang hoàn thành luận án sau tiến sĩ tại Regensburg, và sau này ông gặp Ratzinger thường xuyên trong các cuộc họp thường niên của những chủng sinh từng được Ratzinger đào tạo. Hơn 15 năm về trước, dưới sự đỡ đầu của Ratzinger, Schönborn và hai linh mục khác đã dựng lên một cư xá tại Rome dành cho các thanh niên muốn xác định ơn gọi làm linh mục của mình. Tên cư xá đó là Casa Balthasar. Những thanh niên ở đó đắm mình trong các tác phẩm thần học của Hans Urs von Balthasar, Henri de Lubac và Adrienne von Speyr, người có tầm nhìn xa và là đồng sự lâu đời của Balthasar. Trong nhiều năm, thỉnh thoảng Ratzinger cũng tới đó vào buổi tối và có thói quen tham dự cuộc họp hội đồng quản trị trong tháng Hai. Năm 1987, Ratzinger đã bổ nhiệm Schönborn làm Tổng biên tập của *Cuốn Giáo lý Hội thánh Công giáo*, quyển giáo lý mới cho toàn thế giới.

Tuy nhiên không một ai nói là vào năm 2005, Schönborn sẽ đảm đương vai trò mà người tiền nhiệm của ông, Hồng y giáo phận Vienna là Franz König đã từng đảm nhận năm 1978, khi đưa một Hồng y ít được biết đến của giáo phận Krakow trở thành một ứng cử viên cho chức Giáo hoàng. Joseph Ratzinger không phải là một người vô danh tính, đặc biệt trong hội đồng bầu cử này, và ông có một nền tảng ủng hộ vững chắc mà không cần tới sự ủng hộ của Schönborn. Cái mà Schönborn có thể làm là trở thành một nhân chứng đầy nhiệt tình về tính cách và đạo đức của Ratzinger; và điều này dường như đã có tác động tới một vài Hồng y cử tri còn đang giữ thái độ trung lập.

Vào tuần lễ trước Cơ Mật Hội bầu chọn Giáo hoàng, hầu hết các Hồng y đều nói, theo họ Joseph Ratzinger không có nhiều ưu thế lắm. Trong những cuộc trao đổi không chính thức này, một vài Hồng y đã bày tỏ những quan ngại thực sự, nổi bật trong các mối lo này là Ratzinger với "hành trang" ông mang theo từ những năm làm việc tại Bộ Giáo lý Đức tin. Nhìn chung, những lo ngại này xuất phát chủ yếu từ một số Hồng y của Hoa Kỳ và Đức, những nơi mà Ratzinger có một hình ảnh đặc biệt mâu thuẫn. Thực tế này đã khơi mào cho một câu chuyện trên các tờ báo Italia về một "chương ngại" Hoa Kỳ hoặc Đức quyết định phủ

quyết việc ứng cử của Ratzinger. Các sự việc diễn ra mơ hồ và nhiều loạn hơn nhiều so với những gì đã được đăng tải trên báo chí, nhưng sự lưỡng lự của một số Hồng y từ hai quốc gia này là có thực.

Chẳng hạn không khó để nhận ra rằng Hồng y Walter Kasper – người đứng đầu Hội đồng Giáo hoàng về Thúc đẩy sự Hợp nhất Kitô giáo – lại là người có vẻ như đang đưa ra những lời phát biểu không muốn bầu chọn cho người đồng hương Đức, Ratzinger. Trong một bài giảng thẳng thắn trước hàng trăm người tại Nhà thờ Santa Maria ở khu Trastevere ngày 17 tháng Tư, Kasper tập trung vào việc gạt bỏ quan niệm cho rằng di sản của John Paul nên được coi như là tiêu chuẩn duy nhất cho các Giáo hoàng tương lai.

Kasper nói: “Cũng giống như việc cấm sao chép những thư khác, không ai có thể bắt chước Giáo hoàng John Paul II. Mỗi Giáo hoàng đều điều hành theo cách riêng của mình, theo những đòi hỏi của thời đại mình. Chưa từng có Giáo hoàng nào chỉ đơn giản là phiên bản của người tiền nhiệm”.

Là người đứng đầu văn phòng phụ trách công việc thống nhất Giáo hội ở Vatican, Kasper đã công khai tranh luận với Ratzinger trong suốt nhiều năm. Ông đã lên tiếng phê bình Tuyên ngôn *Dominus Iesus* của Ratzinger, một tài liệu viết năm 2000 tái khẳng định tính ưu việt của đạo Công giáo so với những tín ngưỡng khác và các tôn giáo Kitô giáo khác. Đồng thời, ông cũng kêu gọi một cuộc cải cách Giáo triều và phân tâm hóa quyền lực của Vatican, những quan điểm hoàn toàn đi ngược lại với điều Ratzinger nhấn mạnh là ưu tiên của Giáo hội hoàn vũ. Sự đối đầu giữa hai người đàn ông này đã bắt đầu ngay từ quê hương của họ khi Kasper, lúc còn là Giám mục ở Rottenburg-Stuttgart, ủng hộ một lá thư mục tử khuyến khích những người Công giáo đã ly dị và tái hôn theo luật pháp nên nhận lãnh các bí tích. Ratzinger, lúc đó đã mang chức vụ Bảo hộ Học thuyết cho John Paul, đã bác bỏ lá thư đó.

Kasper mở đầu bài giảng hôm 17 tháng Tư của mình với những nhận xét thẳng thắn về những điều ông suy nghĩ.

Ông nói: “Rất dễ để đoán được tôi đang nghĩ về điều gì. Chúng ta sẽ bầu ra một Giáo hoàng mới trong vào tuần sau”. Trong khi Kasper cẩn thận tránh đi vào việc mô tả Giáo hoàng tiếp theo thì ông lại dành một phần lớn bài giảng của mình để nhấn mạnh tầm quan trọng phải tìm ra một ứng cử viên với những kỹ năng mục tử phong phú – một phẩm chất mà một số người cho rằng Ratzinger còn thiếu.

Kasper phát biểu: “Như Kinh thánh đã nói, một mục tử cần tình thân, cần quan tâm và tin tưởng lẫn nhau giữa ông với đàn chiên của mình. Chúng ta không tìm kiếm một người quá sợ sự hoài nghi và tình thế tục trong thế giới hiện đại”.

Như đã đề cập ở trên, sự thể hiện của Ratzinger trong thời gian chưa có Giáo hoàng mới đã giúp ông tiến một bước rất xa trong việc thuyết phục những người còn e ngại như thế. Tuy nhiên, việc ứng cử của ông cũng cần tới sự ủng hộ của một vài nhân vật có nhiều ảnh hưởng, những Hồng y kỳ cựu trong nhiều nhóm ngôn ngữ và địa lý khác nhau, những người có khả năng tháo gỡ một vài bế tắc mà các Hồng y khác trong nhóm đặt ra. Tôi đã phỏng vấn một người có ảnh hưởng quan trọng như thế, hỏi xem ông trả lời như thế nào khi những bế tắc về “hành trang” của Ratzinger được đưa ra trong các cuộc trao đổi không chính thức này.

Ông cho biết: “Tôi đã nhắc họ rằng mọi người đều biết Bộ Giáo lý Đức tin là gì. Người đứng đầu là người có nhiệm vụ giữ gìn đức tin. Thật khó cho bất cứ ai từ cái trung tâm bảo thủ đó bước ra mà lại được xem là một người có khuynh hướng tự do”.

Vị Hồng y Giáo chủ này lập luận rằng: Tuy nhiên, chính danh tiếng đó sẽ chứng minh là một lợi thế.

Ông đã nhắc lại câu nói mà ông đã bàn bạc với những Hồng y anh em của mình: “Nó hơi giống với cách de Gaulle là người duy nhất có thể giải quyết vấn đề ở Algeria, bởi không một ai có thể đặt câu hỏi về tư cách một nhà dân tộc Pháp của ông. Ratzinger có thể sẽ làm những việc khiến chúng ta ngạc nhiên về phong trào hợp nhất với những tôn giáo

khác và về tính tập thể của các Giám mục, bởi chắc chắn không một ai có thể kết tội ông là lạc đạo”.

Sau đó, vị Hồng y Giáo chủ này nói, cuối cùng, ông đặt cược đánh giá của mình trên “phẩm chất của con người đó”.

“Nếu bầu ông ấy, tôi nghĩ là ông sẽ công bằng trong việc lắng nghe những vấn đề quan tâm thực sự của mọi người, kể cả những giám mục. Đây là con người mà chúng ta đã thấy trong vòng hơn 10 ngày qua, và theo tôi điều này đã vượt lên trên những sự cân nhắc khác”.

SỰ CHỐNG ĐỐI

Tuy nhiên, những dấu hiệu đó không chứng tỏ rằng việc bầu Joseph Ratzinger làm Giáo hoàng Benedict XVI diễn ra trong bầu không khí thanh bình. Thực tế, đã có một luồng chống đối mạnh mẽ việc ứng cử của ông ngay trong nội bộ Hồng y đoàn, nhưng đó là sự chống đối thiếu tổ chức và kém hiệu quả để có thể ngăn chặn bước tiến của ông.

Một tin đồn được phổ biến rộng trong những ngày tiền Cơ Mật Hội là việc thảo luận rộng rãi về Ratzinger trên báo chí Italia là tác động có chủ ý của các Hồng y người Italia, mục đích là gây hoang mang dẫn tới bất cứ lựa chọn sẵn có nào khác. Theo giả thuyết này, lựa chọn khác dễ chấp nhận nhất là Hồng y Dionigi Tettamanzi của giáo phận Milan. Giả thuyết về cái âm mưu kiểu Italia đặc trưng này vốn coi sự nổi danh bất ngờ của Ratzinger như một sự sắp đặt có chủ tâm nhằm tạo ra bước nhảy vọt cho cá nhân mà rất nhiều người khác coi như là ứng cử viên người Italia hàng đầu. Như chúng ta sẽ thấy ở chương sau, nếu đây là một dự tính thực sự, thì nó đã “hoàn toàn phá sản” vì việc ứng cử của Tettamanzi không bao giờ bắt lửa. Thay vào đó, dường như những chuyện này dựa vào tin đồn có cơ sở, có nghĩa là Ratzinger thực sự có được sự hậu thuẫn mạnh mẽ.

Một ứng cử viên người Italia khác được xem là dễ chấp nhận hơn đối với một số Hồng y là người tiền nhiệm của Tettamanzi ở Milan, Hồng y Carlo Maria Martini, người từ rất lâu được coi là ứng cử viên

hàng đầu của nhóm có khuynh hướng tự do có thể trở thành Giáo hoàng. Giống như Ratzinger, Martini là người được vị nể vì tri thức uyên thâm, hiểu biết sâu sắc về văn hóa, giỏi ngôn ngữ, và là một nhà lãnh đạo mục vụ nhiều kinh nghiệm. Một số Hồng y có ý hướng đổi mới hơn trong Hồng y đoàn đã áp ủ những kế hoạch tạo bước đột phá cho Martini với lý do là họ phải dùng lửa để chống lửa – tức là nếu như “ấn tượng của lễ tang” đã loại giải pháp chọn một khuôn mặt mờ nhạt, có tính chuyển tiếp, rằng nếu Giáo hoàng tiếp theo phải là người “có chất lượng”, có thể giành được sự tôn trọng và chú ý của toàn thể giới thì Martini thích hợp hoàn toàn.

Tuy nhiên, điểm yếu chết người trong chiến dịch này là Martini hiện đang mắc phải một dạng bệnh Parkinson, và viễn cảnh về một Giáo hoàng khác chuẩn bị đi vào thời gian suy sụp lâu và chậm như những năm cuối đời của John Paul là không thể chấp nhận được đối với rất nhiều Hồng y. Nhiều Hồng y đồng ý rằng nếu không bị căn bệnh này, Martini có thể sẽ là một đối thủ thực sự của Ratzinger, mặc dù ông tuổi tác đã cao, đã xin nghỉ hưu và thờ ơ rõ rệt với chức vụ Giáo hoàng. Sự thất bại của lực lượng có đầu óc đổi mới trong việc chọn ra một ứng cử viên thay thế càng thể hiện sự lộn xộn, và ở chừng mực thì đó là sự thiếu sáng tạo của họ.

Cuối cùng, một số Hồng y tới từ châu Mỹ La-tinh đã bước vào Cơ Mật Hội với ý tưởng bầu một Giáo hoàng là người Mỹ La-tinh, nơi cư trú của gần một nửa những người theo đạo Kitô trên toàn hành tinh. Nhiều người nghĩ rằng sẽ rất ý nghĩa nếu Giáo hội Công giáo ở châu Mỹ La-tinh tạo ra được một Giáo hoàng, đó là chưa nói tới sự khích lệ liên quan tới vấn đề “các giáo phái”, tức những phong trào Tân Phúc âm và Phục hưng Thần ân của Tin Lành vốn đang ảnh hưởng mạnh tại những nơi từng được xem là pháo đài của Công giáo khắp châu Mỹ La-tinh. Nhìn chung, các Hồng y này đã chọn Hồng y Jorge Mario Bergoglio của Buenos Aires (Argentina) làm ứng cử viên của họ. Là một tu sĩ dòng Tên, Bergoglio được biết đến như là một người rất khiêm tốn, có đạo đức và tuyệt đối trung thành với giáo lý truyền thống. Trong hướng suy

nghe đó, một số Hồng y châu Mỹ La-tinh nghĩ rằng ông có thể chiếm được một số phiếu của Ratzinger, và đồng thời thu hút được nhóm cử tri ôn hòa đang tỏ ra quan tâm tới ý tưởng có một Giáo hoàng không phải là người châu Âu.

Đó là tình hình sự việc vào lúc cuộc họp bầu chọn Giáo hoàng được khai mạc vào chiều thứ Hai ngày 18 tháng Tư.

CƠ MẬT HỘI BẦU GIÁO HOÀNG¹⁸

*“Anh chị em thân mến, sau Giáo hoàng John Paul II,
các Hồng y đã bầu tôi, một người tâm thường và khiêm tốn
trong vườn nho của Chúa”.*

(Giáo hoàng Benedict XVI)

Điều kỳ diệu của những cuộc bầu cử là ở chỗ: chúng diễn ra mà không thể tiên đoán được. Bất kể việc thăm dò cử tri được tổ chức theo một cách chính thức hay không chính thức và đưa ra dự báo gì thì không một ai biết chắc kết quả bầu cử sẽ ra sao cho tới khi các lá phiếu bầu được kiểm. Mỗi cuộc bầu cử theo ý nghĩa nào đấy là một vở kịch mà phần kết thúc chưa có trong kịch bản, và đó cũng là trường hợp của cuộc Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng năm 2005. Sau khi sự việc xảy ra, có xu hướng cho rằng việc bầu Joseph Ratzinger là điều quá hiển nhiên đến mức sự kiện này có vẻ chỉ là một nghi thức mà thôi, nhưng người ta đã không cảm nhận như thế vào thời điểm đó. Dù ứng cử viên Joseph Ratzinger bước vào Cơ Mật Hội này với ưu thế rõ rệt, song kết quả cũng có thể đi theo hướng khác, và chính nhờ sự kết hợp của nhiều yếu tố ngoài tầm kiểm soát cộng với sự hậu thuẫn vững chắc mà ông trở thành Giáo hoàng.

Do chính quyết định của họ, 115 vị Hồng y tham gia Cơ Mật Hội đã bắt đầu thời gian cô lập của họ thật sớm, bằng cách dời vào Dinh thự Thánh nữ Marta (Casa Santa Marta) ngay từ tối Chủ nhật, nhiều giờ

18) Nguyên văn *The Conclave* là cuộc họp kín để bầu Giáo hoàng (trong phòng có khóa, theo nghĩa gốc tiếng La-tinh). Từ này được dịch là *Cơ Mật Viện* trước đây, và bây giờ là *Cơ Mật Hội*. (Hồng y Phạm Minh Mẫn của Việt Nam có dự Cơ Mật Hội năm 2005 lại dùng từ *Mật Viện*).

trước Thánh lễ Cầu cho việc bầu Giáo hoàng sáng hôm sau. Casa Santa Marta là một khách sạn trị giá 20 triệu đô la nằm trong lãnh địa Vatican, nơi các Hồng y sẽ ở trong suốt thời gian Cơ Mật Hội. Một số Hồng y nói, họ thấy cần phải được “khởi động máy” bởi các cuộc đàm luận đằng sau hậu trường chỉ mang tính rời rạc phân tán, và không phải tất cả mọi người đều tham gia.

Không phải chỉ đám đông quần chúng mới tò mò xem sự việc sẽ diễn tiến thế nào. Trong số 115 vị Hồng y tham gia bầu cử, chỉ có 2 người là Ratzinger và William Baum (đến từ Hoa Kỳ), là đã có kinh nghiệm về tiến trình này. (Vị Hồng y dưới 80 tuổi thứ ba có tham gia hai Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng vào năm 1978 là Hồng y Jaime Sin của Philippines, thì lại bệnh nặng nên không thể tham gia). Cho nên ngay các Hồng y tham gia bầu cử với mục tiêu rất rõ rệt cũng có cảm giác bấp bênh, không biết sự việc có xảy ra như mình mong muốn hay không.

Các Hồng y có hiểu biết về đời sống tu trì đã so sánh Cơ Mật Hội này với một Tổng hội bầu các Bề trên Nhà dòng, hiểu theo cách là bạn không thể biết điều gì sẽ xảy ra cho tới khi mọi việc đã an bài.

“Người ta có thể có nhiều ý kiến khác nhau về việc chọn ai làm ứng cử viên”. Hồng y Wilfrid Fox Napier của Durban (Nam Phi), tu sĩ dòng Phan-xi-cô, đã nói: “Nhưng trước khi bạn vào trong phòng và thấy tên của ai đó bắt đầu thu hút sự ủng hộ của đại đa số, bạn thực sự không biết được sự thế sẽ diễn ra như thế nào”.

Chính trong cái không khí phiêu diêu này mà các Hồng y đã xếp hàng đi vào Nhà nguyện Sistine buổi chiều ngày 18 tháng Tư.

ĐÁM RƯỚC

Để thực hiện đầy đủ *Ordo Rituum Conclavis*, tập sách nghi thức phụng vụ được Tổng Giám mục Piero Marini, Trưởng ban Nghi lễ của Tòa thánh, đã soạn theo các hướng dẫn của Tông hiến *Universi Dominici Gregis* của John Paul, 115 vị Hồng y bắt đầu “rước kiệu” từ Phòng Chúc lành qua Đại sảnh Sala Regia rồi đi vào Nhà nguyện Sistine lúc 4 giờ 30 phút chiều

thứ Hai ngày 18 tháng Tư, thời điểm họ đã ấn định khởi đầu Cơ Mật Hội 12 ngày trước đó. (Theo nghi thức, đúng ra họ phải bắt đầu cuộc rước kiệu tại Nhà Nguyễn Pauline, đối diện với Sala Regia, nhưng Nhà Nguyễn này đang được tu bổ và chưa sử dụng được).

Dẫn đầu cuộc rước kiệu của các Hồng y là một người cảm thánh giá và một phó tế cảm quyền Phúc âm nâng lên cao. Ca đoàn Nhà Nguyễn Sistine cùng đi và xướng bài Kinh cầu Các Thánh. Một Hồng y trên 80 tuổi cũng đi cùng, đó là Hồng y Tomáš Špidlík của Tiệp Khắc, được biết đến như một người ủng hộ nhiệt thành việc hợp nhất Giáo hội phương Đông và phương Tây – ông sẽ giảng bài suy niệm cuối trước khi Cơ Mật Hội bắt đầu. Trưởng ban Nghi lễ là Marini đã có mặt cùng với một vài người phụ tá. Trong cuộc rước kiệu, các Hồng y đi theo thứ tự người có tước vị nhỏ đi trước còn người có tước vị lớn đi sau, với các Hồng y phó tế đi đầu, sau đó đến các Hồng y linh mục và sau nữa là các Hồng y giám mục; Ratzinger là Niên trưởng Hồng y đoàn nên ông đi cuối cùng. Khi tới Nhà Nguyễn Sistine, họ ngồi vào các vị trí đã được bố trí trước, cũng theo thứ tự tước vị và chờ đợi Ratzinger tới để hát bài *Veni, Creator Spiritus* (“Lạy Chúa Thánh thần, xin ngự đến”) để cầu xin Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong những suy nghĩ lựa chọn đang đến gần.

Hai ngày trước đó, một nhóm nhà báo đã được mời tới Nhà Nguyễn Sistine để có một khái niệm về cách sắp xếp không gian làm việc của Cơ Mật Hội, nơi các Hồng y đang hội họp vào lúc này. Phát ngôn viên của Tòa thánh Vantican, Jaoquin Navarro-Valls, đã mô tả các thiết bị ngăn chặn truyền tin hay nghe trộm được lắp đặt trong Nhà Nguyễn. Và để đùa vui, ông đã thách các nhà báo thử sử dụng điện thoại di động của họ xem sao. (Rõ ràng, các thiết bị đến lúc đó chưa được bật lên vì tôi còn có thể gọi điện cho vợ tôi cách nơi được sắp xếp cho Hồng y Ennio Antonelli của thành phố Florence mấy mét.)

Tiếp theo bài Thánh ca, các Hồng y cùng tuyên thệ tập thể. Lời tuyên thệ như sau:

Chúng tôi là những Hồng y cử tri, nhân danh tập thể và cá nhân, có mặt trong cuộc bầu vị Giáo hoàng này, xin hứa, cam kết

và tuyên thệ sẽ tuân giữ một cách trung thực và kỹ lưỡng tất cả mọi hướng dẫn trong Tông hiến Universi Dominici Gregis của Đức Giáo hoàng John Paul II, ban hành ngày 22 tháng Hai năm 1996.

Chúng tôi xin hứa, cam kết và tuyên thệ rằng bất kỳ ai trong chúng tôi được bầu làm Giáo hoàng Roma bởi sự sắp xếp của Chúa sẽ cam kết trung thành, dấn thân thực hiện sứ vụ của Thánh Phêrô với tư cách là Chủ Chiên của Giáo hội Hoàn vũ và sẽ không quên khẳng định cũng như bảo vệ tích cực các quyền lợi thiêng liêng, thế tục và sự tự do của Tòa thánh.

Trên hết, chúng tôi hứa và tuyên thệ sẽ giữ bí mật một cách trung thành nhất với tất cả mọi người, thuộc hàng giáo sĩ hay giáo dân, về tất cả những gì liên quan đến cuộc bầu cử Giáo hoàng và những vấn đề xảy ra ở nơi bầu cử, trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan đến kết quả bầu cử; chúng tôi hứa không tiết lộ bí mật này trong bất kỳ tình huống nào, trong suốt quá trình hay sau cuộc bầu cử Giáo hoàng mới, trừ khi được sự cho phép rõ ràng của Đức Giáo hoàng; và sẽ không bao giờ hậu thuẫn cũng như ủng hộ bất cứ sự can thiệp, đối nghịch nào xuất phát từ bất cứ quyền lực ở bất cứ cấp độ nào, hay từ bất cứ nhóm người hay cá nhân nào, muốn can thiệp vào cuộc bầu cử Giáo hoàng.

Khác với tiền lệ, đài truyền hình Vatican đã phát hình trực tiếp cả cuộc rước kiệu và lễ tuyên thệ, vì vậy tin tức được truyền trực tiếp trên toàn thế giới, lần đầu tiên cho phép công chúng được thấy qua nghi thức hành lễ cổ xưa đã từng tồn tại qua nhiều thế kỷ này. Tiếp theo lời tuyên thệ tập thể, mỗi Hồng y bước tới trước quyền Phúc âm được đặt ở giữa Nhà Nguyễn, đọc thêm lời cam đoan cá nhân:

*Và Con N, Hồng y N, xin hứa, cam kết và tuyên thệ như trên.
Xin Thiên Chúa và Sách Phúc âm mà con hiện đang chạm tay vào giúp sức cho con.*

Khi vị Hồng y cuối cùng tuyên thệ xong, Marini nói lớn câu *Extra Omnes* nổi tiếng (có nghĩa những ai không có nhiệm vụ phải ra ngoài hết). Điều đó có nghĩa là mọi người phải ra ngoài trừ ông, Špidlik và các Hồng y

cử tri. (Phong cách mang hơi hướng kịch của Marini không được hoàn hảo lắm, và tôi đã vô tình phê bình cách nói của ông trên CNN).

Sau khi Špidlík kết thúc bài suy niệm, ông và Marini cũng bị buộc phải đi ra ngoài, và cánh cửa của Nhà nguyện Sistine được khóa lại (cửa được khóa từ bên ngoài và chia khóa do một Đại tá Vệ binh Thụy Sĩ nắm giữ; như vậy khi các Hồng y muốn ra, họ phải gõ cửa). Đến đây, thủ tục yêu cầu Ratzinger hỏi xem có còn ai thắc mắc gì về các chỉ thị của *Tông hiến Universi Dominici Gregis* hay không; và nếu có, một cuộc thảo luận sẽ diễn ra tiếp theo. Nhưng lần này, không ai đưa ra vấn đề gì quan trọng, vì thế các Hồng y đã tiến hành ngay lần bỏ phiếu đầu tiên.

Cuộc bầu cử Giáo hoàng lần thứ 265 trong lịch sử 2005 năm của Giáo hội Công giáo đã bắt đầu.

BÊN TRONG NHÀ NGUYỄN SISTINE

Đôi khi người ta hình dung ra một không khí căng thẳng đầy tính chính trị bên trong Nhà nguyện Sistine, như là các Hồng y thuộc các phe vợi và họp nhóm ở các góc phòng, cố gắng hết sức để huy động sự ủng hộ hay phản đối đối với những ứng cử viên nào đó. Thù thực, chính bản thân tôi đã tưởng tượng như thế trước khi phỏng vấn Hồng y Giáo chủ Franz König ở Vienna năm 2002, hai năm trước khi ông ta mất. König đã tham gia Cơ Mật Hội năm 1963 và hai Cơ Mật Hội năm 1978, tôi đã hỏi ông ta về “cái bầu khí căng thẳng” mà tôi nghĩ là có thể sờ thấy được bên trong Nhà nguyện Sistine trong suốt cuộc bầu cử Giáo hoàng.

“Thật ra, nếu anh có thể theo dõi những gì diễn ra bên trong, anh sẽ chán đến ốm người”, König cười ra tiếng.

Thực tế là mọi hoạt động mang tính chính trị chỉ diễn ra bên lề, trong các bữa cơm, giải khát hay các cuộc gặp không chính thức khác. Ngược lại, những diễn biến bên trong Nhà nguyện Sistine hoàn toàn mang tính lễ nghi. Trong mỗi vòng bỏ phiếu bầu, từng vị Hồng y phải đi đến bàn thờ bên dưới bức họa *Ngày Phán xét* của Michelangelo, đặt lá phiếu bầu của mình trên một chiếc đĩa thánh, sau đó đặt đĩa vào trong

một cái bình đựng phiếu (không phải là cái chén thánh như trong các Cơ Mật Hội trước; nhưng chiếc bình này được Marini thiết kế đặc biệt dành cho dịp này). Họ tuyên thệ rằng họ đã bầu cho ứng cử viên mà trước mặt Chúa họ tin phải được chọn, rồi trở lại chỗ ngồi của mình. Việc kiểm phiếu là một quá trình phức tạp, kỳ lưỡng do ba Hồng y thực hiện, và ba Hồng y khác giám sát công việc của họ để bảo đảm tính chính xác. Tính hết mọi thứ, một vòng bỏ phiếu có thể mất một giờ hoặc hơn. Như vậy, hai lần bỏ phiếu sẽ chiếm hết thời gian một buổi sáng hoặc một buổi chiều.

Trong một cuộc phỏng vấn trên CNN sau cuộc bầu cử Benedict XVI, Hồng y William Keeler của Baltimore cho biết một số Hồng y đã làm gì để lấp khoảng trống này. “Trong khi ngồi theo dõi việc đếm phiếu, một Hồng y đã lần được ba chuỗi. Một Hồng y khác lần được hai chuỗi”, Keeler nói. “Một Hồng y nữa lần chuỗi với nhiều chiêm nghiệm, cho nên chỉ được một chuỗi”.

Đó là cái cách việc bầu cử diễn ra ở bên trong – có những quãng thời gian dài im lặng và cầu nguyện, chứ không có những bài phát biểu hùng hồn hay những khoảnh khắc đầy kịch tính khi lãnh đạo một nhóm cử tri quan trọng thỉnh linh đứng dậy và tuyên bố chuyển sang ủng hộ cho ứng cử viên khác, không có các nhượng bộ và không có những vòng đua mừng chiến thắng. Kịch tính của Cơ Mật Hội tập trung vào các sự kiện mang tính chính trị trong sự chuẩn bị diễn ra bên lề trước đó. Việc kiểm phiếu bên trong chỉ xác định cho biết sự chuẩn bị đó có thành công hay không, hay đã có những bất ngờ xảy ra và phá vỡ mọi sự sắp đặt.

GIÁO HOÀNG SAU BỐN VÒNG PHIẾU

Phỏng vấn các Hồng y sau một Cơ Mật Hội cũng giống như phỏng vấn các nhân chứng sau một tai nạn giao thông. Trong khi bạn có thể nhận được sự đồng tình về bức tranh tổng thể thì lại có sự khác nhau về cái cách người ta nhớ về các chi tiết trong một vấn đề. Ở mức độ nào đó, điều này phụ thuộc vào tính thất thường của trí nhớ loài người; một phần,

nó cũng do các lời thể giữ bí mật của các Hồng y. Vì lời thể đó, mỗi Hồng y “thương lượng” một cách khác nhau tới mức được tự do phát biểu; và nhiều vị đã trả lời các câu hỏi bằng cách dùng ẩn dụ, hay kiểu nói vòng vèo nhiều nghĩa, cần phải dịch ra mới hiểu được. Chính vì thế nên phải hết sức cẩn thận với các phiên bản “tái dựng lại” cuộc Cơ Mật Hội, đặc biệt là các tuyên bố về số phiếu bầu mà các ứng viên nhận được. Trong bài này, tôi không đưa ra tổng số phiếu chính xác của từng vòng phiếu, vì tôi hoài nghi về tất cả báo cáo loại này. Nguyên tắc của tôi là chỉ xử lý với những thông tin đã được ít nhất hai Hồng y cử tri xác nhận. Vì vậy, phiên bản các sự kiện được trình bày ở đây cũng chỉ đáng tin cậy ở mức tối đa mà con người có thể tạo ra.

Bức tranh tổng quát về những việc diễn ra bên trong cuộc họp kín 2005 gần như khá rõ ràng ở giai đoạn này.

Hồng y Joseph Ratzinger đã được bầu làm Giáo hoàng Benedict XVI ở vòng bỏ phiếu thứ tư, và đưa Cơ Mật Hội 2005 vào vị trí thứ hai trong số những Cơ Mật Hội nhanh chóng nhất trong vòng 102 năm qua. Cơ Mật Hội năm 1939 bầu Giáo hoàng Pius XII ở vòng phiếu thứ ba còn diễn tiến nhanh hơn. Cơ Mật Hội năm đó diễn ra trong bối cảnh Đệ nhị Thế chiến, và hiển nhiên việc mà đa số Hồng y phải làm là bầu ra người có thể tạo ra thể ổn định cho chính sách ngoại giao của Vatican. Vì thế, ở một mức độ nào đó, cuộc bầu cho Hồng y Eugenio Pacelli, Quốc vụ khanh dưới thời Pius XI và là cựu Đại sứ Tòa Thánh tại Đức, là một kết cục được biết trước. (Một số người tỏ ra ngạc nhiên khi phải bỏ tới ba vòng phiếu vì họ tưởng chỉ cần bỏ phiếu miệng ngay buổi chiều lễ khai mạc là đủ). Cơ Mật Hội thứ nhất năm 1978 cũng đã bầu ra một Giáo hoàng ở lần bỏ phiếu thứ tư, đó là Hồng y Albino Luciani, Tổng Giám mục của Venice. Kết quả chóng vánh này phần lớn nhờ vào hoạt động tiến Cơ Mật Hội khéo léo của Hồng y Giovanni Benelli. Ông đã vận động cho Luciani để cản việc ứng cử của Hồng y Giuseppe Siri của Bologna, một người bảo thủ, cứng nhắc mà nếu được bầu, sẽ có thể hủy bỏ một số cải tổ của Công đồng Vatican II.

Thứ Hai ngày 18 tháng Tư, vào khoảng 8 giờ tối (theo giờ Rome), buổi tối đầu tiên của cuộc họp kín, khởi bắt đầu tỏa ra từ ống khói trên

nóc Nhà Nguyễn Sistine. Ống khói đó đã được lắp đặt trong tuần trước để chuẩn bị cho cuộc họp kín; thông thường không có ống khói trên nóc nhà nguyện, vì không có nhu cầu đốt lửa ở đây hàng ngày. Để đốt các lá phiếu, hai thiết bị đã được đặt bên trong Nhà Nguyễn Sistine. Một là cái lò nhỏ bằng gang dùng để đốt các loại giấy tờ, cái lò này đã được sử dụng từ Cơ Mật Hội năm 1939 (các ngày tháng được khắc theo hình bán nguyệt trên đỉnh lò). Thiết bị thứ hai tạo ra những đợt khí nén để đẩy khói lên suốt chiều dài ống khói và thoát ra ngoài trời thành Rome.

Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đêm thứ Hai đó, ngay sau lần bỏ phiếu thứ nhất, một làn khói xám lơ mờ xuất hiện và một vài người trong đám đông bắt đầu reo hò, tưởng rằng các Hồng y đã làm đảo lộn tất cả tiên lệ và đã bầu được Giáo hoàng ngay ở lần bỏ phiếu đầu tiên. Tuy nhiên, không lâu sau đó người ta nhận ra làn khói có màu đen, có nghĩa là cuộc bỏ phiếu vẫn chưa có kết quả. Trong một cuộc họp báo ngắn đầu tuần, Vatican đã thông báo là sẽ có các hồi chuông vang lên khi Giáo hoàng được bầu, bởi vậy thiên hạ sẽ không chỉ phải dựa vào dấu hiệu duy nhất là khói. Tuy nhiên đã có thêm một trục trặc nhỏ là chuông Đền thờ Thánh Phêrô thường đổ vào đúng điểm nút mỗi giờ, nên đúng vào lúc 8 giờ tối khi khói bốc lên chuông cũng đổ, khiến một số người trong đám đông đã tưởng Giáo hội đã có một vị Giáo hoàng mới. Khi nhận ra khói có màu đen, đám đông lại tản đi, và thiên hạ bắt đầu kéo đến một trong nhiều nhà hàng có tiếng ở những khu quanh Vatican.

Khói đen đã phản ánh thực tế là ở lần bỏ phiếu đầu tiên, các lá phiếu đã được rải cho nhiều ứng cử viên; mặc dù theo nhiều người, Ratzinger nhận được nhiều phiếu nhất. Một số Hồng y đã nói rằng Ratzinger đã nhận được khoảng 40 lá phiếu ủng hộ trong tổng số 115 ở giai đoạn này, coi như đã vượt hơn nửa đoạn đường tới số 77 phiếu cần có để trở thành Giáo hoàng. Nhiều Hồng y sau này đã nói rằng kết quả bước đầu này rất quan trọng, bởi tuy trong thời gian trống tòa nhiều người thuộc các khu vực khác nhau đã tỏ ý ủng hộ Ratzinger, và một vài Hồng y thì từ lâu đã nói về Ratzinger như một Giáo hoàng. Đây là một dấu hiệu đầu tiên cho thấy việc bỏ phiếu cho Ratzinger là một nỗ lực nghiêm túc với một triển vọng thành công thực sự.

Cũng có những phiếu bầu cho Martini, mặc dù không nhiều như một vài báo đài đã đưa tin lúc ban đầu. Cũng như Ratzinger, không có dấu hiệu nào cho thấy rằng Martini muốn có địa vị này nhưng rất nhiều bằng chứng cho điều ngược lại. Sau khi nghỉ hưu từ chức vụ Tổng Giám mục giáo phận Milan vào tháng Bảy năm 2002, Martini đã dành phần lớn thời gian của mình ở Jerusalem, trở lại với những nghiên cứu về Kinh Thánh, niềm đam mê ban đầu trong sự nghiệp của ông. Nhiều lần ông đã nói rõ đó là cách ông muốn sử dụng khoảng thời gian còn lại của đời mình. Ước muốn đó, cùng với tình trạng sức khỏe có vấn đề của ông, làm cho nhiều Hồng y đã xem ông không phải là ứng viên thực thụ.

“Theo tôi, chưa bao giờ chúng tôi thực sự xem Martini là một ứng cử viên, chủ yếu cũng vì sức khỏe của ông ấy”, một Hồng y người châu Âu đã nói sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Ngay sau Cơ Mật Hội, tin đồn lan khắp thành Rome rằng Martini đã nhận được sự ủng hộ ngang ngửa với Ratzinger ở lần bỏ phiếu đầu tiên; nhưng sau đó chính thức “rút lui” với tư cách là một ứng cử viên, khiến lực lượng cử tri thuộc nhóm cải cách rơi vào tình thế lúng túng. Tin đồn trên gợi ý rằng, ít nhất theo vài bài báo, Martini sẽ là một thách thức nghiêm túc đối với Ratzinger nếu như ông này vẫn tiếp tục cuộc đua. Tuy nhiên, không một ai trong số các Hồng y mà tôi đã nói chuyện sau Cơ Mật Hội, có thể khẳng định rằng Martini đã tự mình rút lui khỏi cuộc đua, chính thức hay không chính thức. Các Hồng y này nói, Martini không hề tuyên bố gì về vấn đề này trong suốt cuộc họp kín.

“Không có thời gian cho những tuyên bố như vậy”, một Hồng y đã nói. “Tôi có thể nói với ông chắc chắn rằng không có ai đã đứng lên, ngay cả một cách hoàn toàn tự nhiên, và nói: ‘Tôi có điều muốn nói’. Việc này không thể diễn ra như thế trong Cơ Mật Hội”.

Tuy có thể là Martini đã nói gì đó tại một bữa tối hay bữa sáng với một nhóm nhỏ, nhưng không ai trong số tám vị Hồng y mà tôi đã tiếp xúc nghe được bất cứ thông tin nào như thế. Tất cả tám vị này đều nói rằng, kể cả khi có một tuyên bố như vậy, nó cũng không ảnh hưởng gì đến các phiếu bầu của họ, điều đó có nghĩa họ đã không có kế hoạch bầu cho Martini trong mọi trường hợp. Phần lớn giả thuyết về việc

Martini chính thức “rút lui” khỏi cuộc đua có vẻ như là một lối giải thích “sau sự việc” của nhóm cấp tiến. Họ bị choáng trước thất bại trong việc tìm kiếm một lời giải thích vì sao việc bầu cho Ratzinger lại diễn ra nhanh gọn tới vậy.

Một Hồng y người Hoa Kỳ đã nói thẳng: “Martini đã không được bầu vì ông ta không có đủ phiếu. Đơn giản chỉ vậy thôi!”

Sau cuộc bỏ phiếu lần đầu trong buổi tối thứ Hai đó, các Hồng y về nghỉ tại Dinh thự Casa Santa Marta nằm ngay sau Thánh đường Paul VI, đối diện lối vào khu vực khai quật bên dưới Thánh đường Thánh Phêrô. Dinh thự gồm 108 phòng suite (gồm một phòng khách và một phòng ngủ) và 23 phòng đơn, tất cả đều có phòng tắm riêng. Các Hồng y dùng bữa tối đơn giản, sau đó đi nghỉ. Họ nhóm họp lại lúc 7 giờ 30 sáng tại nhà nguyện ở Dinh thự, trong một căn phòng được thiết kế hiện đại bằng gỗ và kính với sức chứa cho khoảng trên 100 người, vừa đủ khoảng không cho 115 người tham gia bầu và những người phụ tá của họ. Vào lúc 9 giờ, sau khi đã đi bộ vài trăm mét hoặc đi trên một chiếc xe tải nhỏ chuyên dùng để phục vụ họ, các Hồng y đã trở lại bên trong Nhà Nguyện Sistine, sẵn sàng cho lần bỏ phiếu thứ hai và thậm chí là thứ ba nếu cần thiết.

Ở lần bỏ phiếu thứ hai, sự ủng hộ dành cho Ratzinger đã tăng lên, đạt 50 phiếu hoặc hơn. Đối với nhiều Hồng y đây là một tín hiệu quan trọng, bởi nó có nghĩa là sự ủng hộ dành cho Ratzinger ở lần bỏ phiếu đầu tiên không chỉ để tỏ lòng tôn kính mà là thể hiện ước nguyện của một nhóm ủng hộ trung kiên trong Hồng y đoàn. Sự ủng hộ dành cho Ratzinger đã không giảm đi. Số phiếu còn lại được phân bổ cho một loạt các tên khác, nhưng không một ai nổi bật lên như một người có thể thế chỗ cho Ratzinger. Trong số những ứng cử viên từ châu Mỹ La-tinh, người có được số phiếu bầu cao nhất là Hồng y Jorge Mario Bergoglio, người Argentina.

Mặc dù có sự ủng hộ đó, nhưng một vài Hồng y vẫn hoài nghi liệu Bergoglio thực sự đã có chất “thép” và “lửa trong người” cần thiết để có thể lãnh đạo toàn thể Giáo hội. Hơn thế nữa, đối với đa số Hồng y không

phải người Mỹ La-tinh, Bergoglio là người mà họ gần như chưa biết tới. Một số ít người nhớ đến việc Bergoglio cảm kích Thượng Hội đồng các Giám mục năm 2001, khi ông thay thế Hồng y Edward Egan của New York làm *chủ tọa* cuộc họp vì Egan phải trở về giúp người dân New York giải quyết hậu quả của cuộc khủng bố ngày 11 tháng Chín. Trong cuộc họp đó, Bergoglio đã để lại một ấn tượng cơ bản tích cực nhưng vẫn chưa rõ ràng.

Trong khi một số nhà phân tích sau đó đã mô tả Bergoglio như là một ứng viên “cấp tiến” sau Martini, thì ông ta lại không giành được thiện cảm của những người theo chủ nghĩa tự do có đầu óc cải cách ở châu Mỹ La-tinh. Họ còn nhớ những trận chiến của ông khi là Giám tỉnh dòng Tên ở Argentina trong suốt thập niên 1970. Khi đó ông đã yêu cầu phải hiểu linh đạo Thánh Ignaciô theo cách truyền thống hơn, đối lập với các tu sĩ dòng Tên bắt đầu theo phong trào thần học giải phóng và hướng tới dân thân hoạt động xã hội. Chính tiếng tăm này đã làm cho một số người xem Bergoglio như một ứng viên tiềm năng nối kết nhóm bảo thủ với nhóm trung lập vốn thấy việc bầu một Giáo hoàng người Mỹ La-tinh sẽ là một dấu hiệu tích cực cho Giáo hội. Khi Bergoglio là người có số phiếu ở vị trí thứ hai của Cơ Mật Hội, và khi một Hồng y người châu Phi đã mô tả việc bỏ phiếu giống như “một cuộc đua ngựa” giữa Ratzinger và Bergoglio, thì các Hồng y khác nói họ thực sự chưa bao giờ nghĩ tới chuyện Bergoglio sẽ trúng cử.

Hồng y Francisco Errazuriz Ossa, Tổng Giám mục Santiago (Chi-lê), sau này đã nói với phóng viên *Associated Press* rằng, “Nhiều Hồng y người Mỹ La-tinh được báo giới gọi là *papabili* (có cơ may làm Giáo hoàng), nhưng khi bỏ phiếu người ta đã không thấy tên tuổi họ đâu cả!” Trên thực tế, bản thân Errazuriz, Chủ tịch Hội đồng các Giám mục châu Mỹ La-tinh, CELAM, đã từng được xem là một ứng viên cho chức Giáo hoàng ở một vài nơi.

Ở vòng phiếu thứ ba, sự ủng hộ dành cho Ratzinger đã vượt qua ngưỡng 58 phiếu bầu, có nghĩa là giờ đây ông đã có đủ hậu thuẫn để kiểm soát đa số tuyệt đối trong Cơ Mật Hội. Mặc dù không ai nói ra,

nhưng tất cả các Hồng y đều đã nhận ra rằng theo những quy định năm 1996 được Giáo hoàng John Paul II ban hành trong Tông hiến *Universi Dominici Gregis* thì sau bảy ngày bỏ phiếu, hoặc khoảng 34 lần bỏ phiếu, Cơ Mật Hội có thể quyết định dựa trên kết quả đa số tuyệt đối. Điều này có nghĩa là một ứng viên với số phiếu ủng hộ đó, nếu số phiếu đó ổn định, thì chỉ việc vượt thêm một vài lần phiếu nữa, ngay cả khi không đạt được 2/3 số phiếu bầu thì vẫn trúng cử. Do sự ủng hộ cho Ratzinger không những ổn định mà còn tăng lên nên sau lần bỏ phiếu thứ ba đa số các Hồng y cảm thấy mọi việc đã ngã ngũ.

Sau này, nhiều Hồng y đã bình luận về việc họ đã ngạc nhiên như thế nào khi một số tên được xem là *papabile* (có cơ may làm Giáo hoàng) mà họ đã nghe trong nhiều năm; chẳng hạn như Hồng y Dionigi Tettamanzi của Milan, đã không thấy xuất hiện. Một nguồn tin nói rằng Tettamanzi đã không nhận được hơn hai phiếu bầu. Dù con số đó không được xác nhận, nhưng rõ ràng là việc ủng hộ cho ông rất yếu. Những cái tên từ lâu được xem là có nhiều cơ may nhất như Sodano, Francis Arinze của Nigeria, Claudio Hummes của Brazil, Ruini, Kasper và Dias cũng không thấy đâu cả trong kết quả bầu. Khi các Hồng y nghỉ giải lao để ăn trưa, mọi việc đã rõ như ban ngày là Ratzinger không có đối thủ nặng ký nào, và cuộc bỏ phiếu buổi chiều chỉ còn mang tính thủ tục.

Ngay trước buổi trưa theo giờ Rome, ngày 19 tháng Tư, khói lại cuộn cuộn thoát ra từ ống khói Nhà nguyện Sistine và sau một chút hỗn độn ban đầu, nó đã có màu đen rõ ràng. Thế giới giờ đây cứ ngỡ rằng các Hồng y đã trải qua ba lần bỏ phiếu vẫn chưa bầu được một vị Giáo hoàng; chứ họ đâu có biết là ở bên trong việc bầu chọn coi như đã hoàn tất. Một số nhà bình luận bắt đầu bàn về khả năng có một Cơ Mật Hội kéo dài, nhiều người khác nhắc lại rằng năm 1978, John Paul II đã được bầu ở lần bỏ phiếu thứ tư.

Các quan sát viên đã bối rối lúc đợt khói buổi trưa sau khi tan hết lại xuất hiện. Trên thực tế, cái lò đốt của Nhà nguyện Sistine để dùng vào việc thiêu hủy những lá phiếu và các giấy ghi chép của các Hồng y có khả năng rất giới hạn. Vì thế, 230 lá phiếu từ 2 vòng bỏ phiếu, cộng

với hàng chục những mảnh giấy khác không thể đưa vào lò cùng một lúc. Bởi vậy phải đốt hai lần riêng biệt và khói đã bốc lên hai lần. Tuy vậy, đây có thể là lần duy nhất thế giới thấy hai lần khói bốc lên liên tục, bởi vì trong buổi họp chiều, chỉ cần thêm một vòng bỏ phiếu là có thể bầu ra một Giáo hoàng mới.

Khi các Hồng y trở lại sau *pranzo* (tức bữa cơm và giờ nghỉ trưa), một không khí mong chờ bao trùm khắp nơi. Hầu hết các Hồng y sau đó đã nói rằng họ trở lại Nhà Nguyên Sistine với hy vọng bầu ra Giáo hoàng mới ngay trong lần bỏ phiếu đầu tiên của buổi họp chiều, và tất cả đã biết rõ người đó là ai. Ratzinger rõ ràng cũng đã hiểu được điều gì sẽ xảy ra. Vì vậy, chỉ hai giờ sau, khi Hồng y Angelo Sodano hỏi xem ông muốn mang danh hiệu Giáo hoàng nào, ông đã sẵn sàng với câu trả lời của mình – Benedict XVI – cùng với lời giải thích khá dài về ý nghĩa của nó.

Khi việc kiểm phiếu bắt đầu, ngữ điệu lặp đi lặp lại “Ratzinger” đã không khiến mọi người nghi ngờ gì. Đa số các Hồng y đều theo dõi và đánh dấu số phiếu bầu trên những mảnh giấy cầm tay, bởi vậy khi Ratzinger đạt được con số quyết định là 77, người ta đều nghe thấy tiếng thờ phào nhẹ nhõm trong Nhà Nguyên, tiếp theo là một tràng vỗ tay thật to. Hồng y Joachim Meisner của Cologne sau đó đã nhận xét rằng: vào lúc trúng cử, Giáo hoàng mới lộ vẻ “hơi khổ sở”; chắc chắn không ai hiểu rõ gánh nặng khổng lồ của công việc hơn Ratzinger, người từng là cánh tay phải của John Paul trong 24 năm. Khi việc kiểm phiếu lần cuối cùng hoàn tất, Ratzinger đã giành được gần 100 trong tổng số 115 phiếu bầu. Đó là một động lượng tiêu chuẩn ở lần bỏ phiếu cuối cùng trong một Cơ Mật Hội – khi đã rõ ai sẽ giành chiến thắng, hầu hết các Hồng y đã bỏ phiếu theo đa số nhằm giúp cho Giáo hoàng mới có được sự ủng hộ và nền tảng hậu thuẫn lớn nhất.

Nếu như Giáo hoàng mới là một ai đó khác chứ không phải Ratzinger, thì chính ông, trên cương vị là Niên trưởng Hồng y đoàn, sẽ có trách nhiệm bước đến trước mặt người được bầu và hỏi xem ông ta có chấp nhận hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp này, vinh dự đó thuộc

về Phó Niên trưởng Hồng y đoàn, Hồng y Sodano, Quốc vụ khanh Tòa Thánh. Sau khi tất cả số phiếu đã được kiểm và kết quả đã được khẳng định, Sodano tiến đến bên Ratzinger và hỏi: "Ngài có chấp nhận được bầu theo giáo luật để thành Giáo hoàng của Giáo hội không?" Ratzinger nói lên những lời định mệnh: "Tôi chấp nhận!" và từ thời điểm đó ông trở thành Giáo hoàng. Sau đó, Sodano hỏi về việc lấy tên hiệu của Giáo hoàng, Ratzinger đã sẵn sàng với câu trả lời của mình: "Benedict XVI".

Vào thời điểm đó, các Hồng y bắt đầu tập hợp thành hàng trước mặt Giáo hoàng để tỏ lòng thành kính. Sau đó, người ta đưa Benedict sang "Phòng nước mắt", nơi đã có sẵn 3 bộ áo lễ dành cho Giáo hoàng do gia đình thợ may nổi tiếng Gamarelli thực hiện, một bộ cỡ rộng dành cho Giáo hoàng lớn người, một cho Giáo hoàng nhỏ người, một cho khổ người trung bình. Giáo hoàng Benedict thoải mái mặc một bộ áo lễ và chuẩn bị cho những gì sẽ diễn ra tiếp theo.

Ngay trước 5 giờ 50 phút chiều (theo giờ Rome), khói một lần nữa lại bốc lên từ ống khói Nhà Nguyên Sistine. Mặc dầu khói dường như một lần nữa lại có màu xám, nhưng việc tính thời gian cho thấy rõ là một Giáo hoàng đã được bầu; nếu như các Hồng y phải trải qua hai vòng bỏ phiếu, thì phải tới khoảng 7 giờ tối khói mới xuất hiện. Vì thế khói bốc lên vào thời điểm này cho thấy là họ đã đi đến hồi kết. Tuy nhiên, những hồi chuông vẫn chưa cất lên, và mặc dù tiếng reo hò của đám đông trên quảng trường Thánh Phêrô đã gióng lên, nhưng các nhà bình luận vẫn nán việc thông báo lại cho tới khi có sự xác nhận chính thức. Vào lúc 6 giờ chiều, những tiếng chuông điểm giờ trong quảng trường Thánh Phêrô lại vang lên, khiến những người đứng ngoài quan sát trở nên vô cùng bối rối. Họ tự hỏi liệu đó có phải là tín hiệu chưa có Giáo hoàng như đêm hôm trước chăng.

Cuối cùng, vào lúc 6 giờ 10 phút, những cỗ chuông khổng lồ của Thánh đường Thánh Phêrô vang lên, lần này là tín hiệu báo đã bầu ra được một Giáo hoàng mới. Tiếp theo đó, chuông của hầu hết ba trăm nhà thờ ở Rome cũng đổ dồn dập. Trong một vài phút tiếp theo, thành phố được bao trùm lên bởi thứ mà nhà thơ người Hoa Kỳ Edgar Allan Poe

đã có lần gọi là “tiếng leng keng tuôn ra du dương / từ những cái chuông, cái chuông, cái chuông...” Đó là một khoảnh khắc đẹp đến kỳ lạ. Nhưng quan trọng hơn, nó có nghĩa là một ai đó đã được bầu. Dựa vào tốc độ đạt kết quả, nhiều người đã nghĩ ngay rằng Joseph Ratzinger là người chiến thắng.

Ngay sau đó, điều họ linh tính đã được xác nhận.

Cho dù kết quả giờ đây đã rõ, nhưng chúng ta cũng nên xem xét lại lần cuối là mọi thứ đã có thể khác đi. Chẳng hạn, nếu như Martini không bị bệnh thì có thể ông đã tham gia quyết liệt vào cuộc chạy đua cho chức vị Giáo hoàng. Nhiều Hồng y tin rằng việc coi Martini là người có quan điểm cực đoan (trong trường hợp của ông, là cực tả) là không công bằng; cũng gần giống với việc coi Ratzinger là cực hữu, và trong mọi trường hợp, không ai nghĩ ngờ gì về trình độ học thức cũng như văn hóa của ông. Ông đã xuất bản một số thư từ trao đổi với nhà văn Italia là Umberto Eco, và nhiều độc giả cho rằng văn chương của vị Hồng y này còn ấn tượng hơn. Hay nếu có một ứng viên người Mỹ La-tinh với tầm cỡ như Ratzinger hay Martini, thì có thể ông đã là người giành chiến thắng. Trên thực tế, mặc dù một số Hồng y còn chưa dám nói ra, nhưng sự thể hiện mạnh mẽ của Bergoglio đã cho thấy ý muốn mãnh liệt của một vài nhóm Hồng y muốn phá vỡ sự thống trị của người châu Âu ở vị trí lãnh đạo Giáo hội. Mọi cuộc bầu cử đều tùy thuộc vào các tình huống ngẫu nhiên ở mức độ nào đó. Và lần này, tình huống ngẫu nhiên đó với những yếu tố có thể cản trở cho thành công của Ratzinger đã không đến đúng lúc.

“HABEMUS PAPAM” – CHÚNG TA ĐÃ CÓ GIÁO HOÀNG

Vào lúc 6 giờ 43 phút chiều (theo giờ Rome), vị Hồng y Phó tế niên trưởng, Hồng y Jorge Medina Estevez¹⁹ của Chi-lê, bước ra ban công trung tâm của Đền thờ Thánh Phêrô. Ông chào các tín hữu đang tụ tập trên quảng trường bằng nhiều thứ tiếng với phong cách hoa mỹ riêng vốn không có trong nghi thức chính thức. Sau đó ông quay lại việc chính,

19) Hồng y Jorge Medina Estevez người Chi-lê đứng đầu Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích từ 1996 đến 2002

ông ngâm lớn câu La-tinh quan trọng *Habemus Papam*, có nghĩa là “Chúng ta đã có Giáo hoàng”.

Những người quan sát đã để ý thấy Medina thoáng nở một nụ cười ngay từ khi ông bước ra ban công. Sau đó, lúc báo cho đám đông tên của Giáo hoàng mới, ông đọc: “Joseph, Hồng y của Giáo hội Công giáo... Ratzinger”. Ông cố tình kéo dài cái tên họ của vị Tân Giáo hoàng hơn mức yêu cầu của nghi thức; rõ ràng ông thích tạo sự hồi hộp trong công chúng.

Hoàn toàn không phải là giả thuyết khi cho rằng Medina đã vui mừng với kết quả bầu chọn. Giống như nhiều thành viên của Hồng y đoàn, từ lâu ông đã có mối quan hệ khăng khít với Ratzinger. Vào đầu những năm 1970, ông và Ratzinger đã cùng nhau phục vụ tại Hội đồng Thần học Quốc tế, một cơ quan tư vấn cho Thánh Bộ Giáo lý Đức tin được thành lập dưới thời Giáo hoàng Paul VI. Ở thời điểm đó, Ratzinger và Medina cùng chia sẻ mối âu lo là các cải cách do Công đồng Vatican II đề xướng đang vượt ra ngoài tầm kiểm soát; năm 1972, cả hai người đều nằm trong số tám thành viên của hội đồng đã gửi một bức thư cho Giáo hoàng khẩn khoản mong Ngài hãy can thiệp với những thay đổi trong nghi thức phụng vụ.

Hơn hai thập kỷ sau, khi Medina trở thành quan chức đứng đầu việc tế tự ở Vatican, từ năm 1996 đến 2002, ông đã mạnh dạn theo đuổi một chương trình “thực hiện những cách tân” theo hướng này. Những e ngại về các xu thế hậu Vatican II đã đưa họ đến với nhau, và tình bằng hữu giữa hai nhà thần học này phát triển cùng năm tháng. Trong quyển hồi ký phát hành năm 1997 có tên *Những chặng đường* (Milestones), Ratzinger đã đặt mình vào nhóm các cựu *periti* (chuyên gia thần học) tại Công đồng Vatican II bị vỡ mộng, gồm có Henri de Lubac, Philippe Delhay, M. J. le Guillou và Medina Estevez. Tình bằng hữu khăng khít này vẫn nằm trong tâm trí của Medina khi ông giới thiệu với toàn thể thế giới người bạn lâu năm của mình, Joseph Ratzinger, là Giáo hoàng Benedict XVI.

Không lâu sau câu thông báo của Medina, vị Giáo hoàng mới bước ra ngoài ban công để đón nhận lời chúc mừng từ đám đông bên dưới. Trước khi ban phép lành *urbi et orbi* theo nghi thức, Ratzinger đã theo gương

người tiền nhiệm, Giáo hoàng John Paul II, nói một vài lời với giáo dân. Đó là dấu chỉ đầu tiên, tuy rất nhỏ, nhưng ngụ ý ông có ý định đi theo xu hướng cởi mở với người khác trong tính thân chân thật, giản dị của John Paul, chứ không quay lại nghi thức có phần cứng nhắc của Vatican.

Tân Giáo hoàng đã nói: “Anh chị em thân mến, sau Giáo hoàng John Paul II, các Hồng y đã bầu tôi, một người làm vườn tâm thương và khiêm tốn trong vườn nho của Chúa”²⁰. Hàng chục ngàn tín hữu trên Quảng trường Thánh Phêrô đã đồng loạt cất tiếng hoan hô biểu hiện sự đồng thuận. Trong một biểu hiện nhỏ nhưng có ý nghĩa, Tân Giáo hoàng đã không dùng danh xưng số nhiều dành cho người đứng đầu hoàng triều như các Giáo hoàng trước, mà chỉ dùng ngôi thứ nhất số ít một cách hết sức tự nhiên. Sau đó Ratzinger, vốn không được biết đến như một người có những cử chỉ ngẫu hứng hay những lời diễn tả cảm xúc mạnh mẽ trước công chúng, đã nắm chặt hai tay giơ lên trên đầu. Đây là cử chỉ thể hiện sự chiến thắng.

Ông nói: “Việc Chúa có thể làm việc và ra tay cả với những công cụ không hoàn hảo đã nâng đỡ tôi. Và trên hết mọi sự, tôi trông cậy vào lời cầu nguyện của anh chị em”.

Một số người trong đám đông đã bắt đầu reo vang tên *Benedetto!* *Benedetto!* với đúng ngữ điệu mà họ đã nêu tên *Giovanni Paolo!* cách đây không lâu. Tiếng reo hò vỗ tay vang khắp quảng trường. Trong một quãng thời gian, người dân thành Rome và những người theo dõi ở Vatican đã trở mắt nhìn người đàn ông trong y phục Giáo hoàng bước ra ban công trong một đêm giá lạnh, vẫn tươi cười và vẫy tay chào mọi người. Nhiều người đã nhận xét, đây không phải là hình ảnh của nhân vật Joseph Ratzinger trong một ngàn lẻ một bài viết về “Hồng y Thiết giáp” và “Con bẹc-giê của Chúa”.

Benedict XVI đã dành đêm đầu tiên làm Giáo hoàng thứ 265 để dùng bữa tối với các Hồng y đồng nghiệp của ông tại Casa Santa Marta. Với hành động này, Giáo hoàng mới đã bắt đầu triều đại mình.

20) Vì Tân Giáo hoàng dùng lại hình ảnh và từ ngữ mà Chúa Giêsu đã dùng khi so sánh Giáo hội là vườn nho và các môn đệ của Chúa là những người thợ làm vườn. Sự khác biệt ở đây là, các vua chúa thường dùng đại từ chúng ta (Nous, We, Noi) khi nói về mình. Benedict XVI lại dùng chữ tôi.

VÌ SAO RATZINGER GIÀNH CHIẾN THẮNG?

Khi cố gắng giải thích việc Joseph Ratzinger được bầu làm Giáo hoàng Benedict XVI, người ta có xu hướng chọn một trong hai câu trả lời cũng “tâm thường” như nhau: một là vì Chúa Thánh Thần đã quyết định như vậy, hai là vì ông được nhiều phiếu nhất. Câu trả lời thứ nhất thì không thể bàn cãi được nếu xét theo cái nhìn đức tin, còn câu trả lời thứ nhì thì gần như là cách nói có cũng như không. Cả hai câu trả lời trên đều không thực sự cung cấp nhiều thông tin về những gì đã diễn ra phía sau cánh cửa đóng kín của Nhà Nguyện Sistine.

Tóm lại, đâu là nhân tố đã giúp Joseph Ratzinger giành chiến thắng? Dựa trên những cuộc trao đổi với các Hồng y cử tri sau Cơ Mật Hội. Những điểm sau đây có vẻ mang tính quyết định nhất.

Con người tài giỏi nhất

Thứ nhất, ông là một con người kiệt xuất trong một Hồng y đoàn vốn không có nhiều nhân vật thực sự xuất chúng. Ratzinger là mẫu người có thể nổi bật trong bất kỳ nhóm 115 nhà lãnh đạo lỗi lạc ở tầm cỡ quốc tế nào, cho dù đó là nhóm doanh nhân, chính trị gia hay học giả. Ông quan tâm học hỏi nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực, thông thạo nhiều ngôn ngữ, say mê lao động, biết chú ý lắng nghe và ham học hỏi. Trong khi có khá nhiều Hồng y khác cũng là những nhà tri thức với nền tảng kiến thức uyên thâm, với những thành tích đáng nể trong công tác mục vụ và quản lý, họ là những người thực sự yêu thương giáo dân và được giáo dân thương yêu, nhưng ít ai có được tầm cỡ như Ratzinger. Các Hồng y như Carlo Maria Martini, Godfried Danneels, Francis George của Chicago, hay là Walter Kasper, Christoph Schönborn có lẽ thuộc tốp người này, nhưng vì nhiều lý do khác nhau nên không thể lựa chọn họ, và chẳng họ cũng chưa từng nổi lên như những ứng cử viên nặng ký. Từ quan điểm đó, các Hồng y đã hết sức thành thật khi nói họ muốn bầu người tài giỏi nhất cho công việc này. Một Hồng y đã nói sau Cơ Mật Hội rằng nếu việc bầu Ratzinger không có tác dụng nào khác ngoài việc thuyết phục được thế giới đọc sách thần học của ông, thì cũng đã là quá đủ.

“Nếu so sánh giữa các cá nhân với nhau, ông ấy tài giỏi hơn nhiều người trong chúng tôi”, một Hồng y đã nói ngắn gọn như thế trong một cuộc phỏng vấn sau Cơ Mật Hội.

Sau Cơ Mật Hội, hầu hết các Hồng y đều khẳng định rằng yếu tố “người tài giỏi nhất” là hàng đầu, nếu không là duy nhất, đã định hướng cho việc bầu chọn lần này. Họ nói: những khía cạnh khác, chẳng hạn như tuổi tác, quốc tịch, những quan điểm thần học và sự nghiệp cũng được tính đến, nhưng trên tất cả vẫn là chọn ra người tài giỏi nhất để lãnh đạo Giáo hội. Không có lý do gì để nghi ngờ về điều này; và khi xét tới phản ứng tiêu cực có thể lường trước được đối với Benedict XVI của một số nhóm Hồng y, chúng ta có lý do để thấy rằng việc bầu chọn ông là một hành động dũng cảm.

Đồng thời, sẽ là không trung thực và thiếu chính xác khi cho rằng những sự cân nhắc về chính trị thông thường đã không đóng một vai trò nào trong kết quả đó. Ví dụ, một Hồng y đã nói với tôi rằng ông đã cân nhắc việc bỏ phiếu bầu cho Hồng y Angelo Scola của Venice (dựa trên nền tảng kiến thức về thần học rất ấn tượng của ông ta với tư cách là một thành viên của nhóm *Communio* do Hans Urs von Balthasar khởi xướng và thành tích của ông tại trường Đại học Lateran), nhưng cuối cùng ông đã không làm như vậy bởi Hồng y Scola chỉ mới 63 tuổi. Vị Hồng y này cảm thấy một nhiệm kỳ Giáo hoàng dài nửa tiếp theo sau thời gian trị vì gần 27 năm của John Paul sẽ không có lợi cho Giáo hội. Phản ứng lại với cuộc bầu cử Giáo hoàng, một Hồng y từ châu Phi đã nói rõ rằng nếu xét về mọi mặt, ông vẫn muốn có một ứng cử viên đến từ nam bán cầu hơn, đại diện cho một Giáo hội địa phương, nơi có thể có “những tiếng chuông, pháo hoa và khiêu vũ trên đường phố”. Sự thể hiện mạnh mẽ của Bergoglio cho thấy, ít nhất cũng có một số Hồng y đã nghĩ theo cách này. Một số vị cuối cùng đã bầu cho Ratzinger nhằm tránh sự phân chia kéo dài trong Hồng y đoàn, và đó cũng là một tính toán mang tính chính trị.

Cuối cùng, hầu hết các cuộc bầu cử đều không được quyết định bởi một nhân tố đơn lẻ, mà được quyết định bởi một sự hội tụ của các hoàn cảnh và những suy nghĩ mà nhìn chung sẽ không thể lặp lại được. Ví dụ,

việc bầu Karol Wojtyla năm 1978 là kết quả của sự bế tắc giữa hai ứng viên dẫn đầu số phiếu, Benelli của Florence và Siri của Bologna. Việc này đã khiến các Hồng y phải tìm kiếm “giải pháp dung hòa”. Nhiều nhà phân tích Vatican đã cho rằng tình huống này có thể lặp lại vào năm 2005, vì thế người ta đã tìm kiếm những ứng cử viên “dung hòa”, những người không thuộc hẳn vào phe “bảo thủ” hay “tự do”. Giống như các tướng lĩnh thường chuẩn bị cho cuộc chiến cuối cùng, những chuyên gia về Vatican thường cản trở cho cuộc đua nước rút. Bởi vậy, bài học cho các cuộc Cơ Mật Hội trong tương lai là sẽ không những loại trừ các tiêu chuẩn truyền thống khi đánh giá các ứng viên, nhưng cũng không quên rằng các Hồng y sẽ không bị các tiêu chuẩn đó ràng buộc. Đồng thời không nên coi nhẹ các Hồng y có chất lượng thực sự chỉ vì họ không thuộc mẫu tiêu biểu.

Chiến dịch vận động bầu cử tốt nhất

Thứ hai, mặc dù không muốn đảm đương công việc này, nhưng Ratzinger đã có chiến dịch vận động bầu cử tốt nhất. Như đã mô tả trong chương Ba, sự thể hiện của ông trong suốt thời gian trống tòa đã tỏ ra hữu hiệu và cân bằng, vừa khiến cho những người ủng hộ ông trong thành phần bảo thủ an tâm về những gì họ ngưỡng mộ nơi ông, vừa làm yên lòng các Hồng y có suy nghĩ khác vì ông không như hình ảnh thiên hạ vẫn nghĩ về ông, một nhân vật cau có và độc tài. Ông xuất hiện như một người tài trí, bao dung và cởi mở, sẵn sàng cộng tác, có khả năng đứng trước các đám đông trên khắp thế giới và làm vẻ vang Giáo hội. Không ai trong số những người từng theo dõi Joseph Ratzinger trong hai tuần đó lại không xem ông như một ứng viên tiềm năng cho chức Giáo hoàng.

Đội ngũ vận động bầu cử giỏi nhất

Thứ ba, mặc dù không mở chiến dịch tranh cử, nhưng Ratzinger đã có được đội ngũ vận động giỏi nhất. Trong nhiều năm, một nhóm Hồng y nòng cốt, bao gồm những nhân vật thuộc Giáo triều Roma và những người hâm mộ Ratzinger ở nhiều nơi khác trên thế giới đã quyết tâm ủng hộ ông.

Khi vị Tân Giáo hoàng nói về tương lai của Kitô giáo ở phương Tây như một thiểu số sáng tạo có tác động lên nền văn hóa rộng lớn hơn ở bên ngoài, dường như đó là câu chuyện của Cơ Mật Hội năm 2005, với chiều kích thu nhỏ.

Chẳng hạn, vào tháng Sáu năm 2004, tôi đã phỏng vấn kín một Hồng y người Mỹ La-tinh về việc bầu Giáo hoàng kế tiếp. Ông ta đã nói thẳng: “Tôi rất mong đó sẽ là Ratzinger”. Vào mùa xuân năm 2003, tôi ngồi tại một quán cà phê ở vòng xoay Santa Maria trong khu Trastevere ở Rome với một Hồng y từ một khu vực khác trên thế giới đang có chuyến công du tới Vatican, và cũng đã có một cuộc nói chuyện tương tự. Theo quan điểm rõ rệt của vị Hồng y này, “Ratzinger là người mà Giáo hội cần để làm Giáo hoàng”. Cả hai Hồng y trên đều không làm việc trong Giáo triều Roma. Bởi vậy, khi bước vào Cơ Mật Hội năm 2005, không có gì là bí ẩn khi Ratzinger có được những lá phiếu bầu. Trong thời gian trống tòa, những Hồng y này đương nhiên là một lực lượng vận động tiền Cơ Mật Hội rất kiên quyết và được tổ chức kỹ lưỡng. Một Hồng y đã đóng vai trò chủ chốt trong việc này là Schönborn, ông khẳng khái nhắc đi nhắc lại rằng Ratzinger trở thành Giáo hoàng đó là “Thánh ý Chúa”. Không có ứng viên nào khác có được nền tảng hậu thuẫn hùng hậu và tận tình như vậy.

Trong Cơ Mật Hội, phe hậu thuẫn cho Ratzinger đã vượt lên giữ vị trí tiên phong. Trong khi đó, phe ủng hộ các ứng viên khác đã thất bại hoàn toàn. Những việc này cho thấy, để đạt được sự nhất trí không phải bao giờ cũng chỉ dựa vào cá nhân mà còn phải cả một tập thể, một êkip cùng cộng hưởng, dĩ nhiên là cá nhân đó phải có “cái gọi là”.

Hiệu ứng lễ tang

Thứ tư, Ratzinger đã hưởng lợi từ “hiệu ứng lễ tang”. Trước cái chết của John Paul, người ta có thể đã nghĩ tới việc bầu chọn một Giáo hoàng người Italia thăm lạng và lo cho mục vụ, nhằm để Giáo hội nghỉ ngơi một thời gian, nhưng đám tang đó đã nhắc lại cho các Hồng y về cái tâm cơ quốc tế mà Giáo hội đã có được dưới thời John Paul và cái khí thế của nhiệm kỳ Giáo hoàng này. Việc này khiến cho các Hồng y đặt mình vào

trách nhiệm phải bầu chọn nhà lãnh đạo thực sự có tầm cỡ quốc tế khác. Dựa trên những điều họ biết về Ratzinger, cũng như sự thể hiện của ông trong thời kỳ trống tòa, thì đây quả là người lý tưởng cho cương vị này. Ông là một người mà thế giới sẽ lắng nghe.

Một người nổi tiếng

Thứ năm, Ratzinger là một người được hầu hết các Hồng y khác biết đến, trong khi những người khác không có được điều này. Nhiều Hồng y, đặc biệt là những người từ phía nam bán cầu và những người được phong tước Hồng y tại các Công nghị cuối cùng dưới thời John Paul năm 2001 và 2003, đã tới Rome với tâm trạng lo lắng vì họ đã không có cơ hội để tìm hiểu kỹ về những Hồng y đàn anh của họ. Thêm vào đó, do không được phép bàn luận về người kế vị cho tới khi lễ tang kết thúc, nên họ thực sự chỉ có vốn vey 10 ngày để cân nhắc và xét đoán. Cuối cùng, nhiều người trong số họ dường như đã quyết định thay vì mạo hiểm với người mà họ chưa quen. Họ sẽ chọn lựa nhân vật mà họ đã từng biết và để lại ấn tượng tích cực qua những lần tiếp xúc.

Một Hồng y đã nói: “Trong những năm qua, tất cả chúng tôi ít nhiều đã từng tiếp xúc với Ratzinger. Sau mỗi lần tiếp xúc, những gì chúng tôi thường nói: đó không chỉ là một người tài giỏi, mà còn rất tốt bụng. Trong những lần tôi trao đổi công việc với ông, Ratzinger luôn rất cẩn trọng và có tinh thần cộng tác. Ông không tìm lời khen. Ông luôn nghiên cứu, lắng nghe và thường mời các cộng sự tham gia các cuộc họp, để mọi người đều có điều kiện cùng trao đổi. Ông là người của sự hợp tác và cộng tác. Ông rất trung thực và dám nói ra niềm tin của mình”.

Cuối cùng, vị Hồng y này tóm tắt: “Chúng tôi rất mến mộ ông”.

Không phải là một «người thực thi»

Thứ sáu, và có liên quan đến vấn đề trên, nhiều Hồng y tin rằng nhân vật được thế giới biết đến như là “Hộ pháp đức tin” của Vatican là biếm họa về con người Joseph Ratzinger thực sự, và với cương vị là Giáo hoàng Benedict XVI, con người thực của ông sẽ hiện ra – hiện

lành, khiêm nhường và đạo đức. Hơn thế, họ quả quyết rằng Ratzinger sẽ tỏ ra có tính “tập thể” hơn và cộng tác hơn so với bề trên của ông là Giáo hoàng John Paul II, do nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ ít bị chi phối bởi đặc sủng cá nhân và dành nhiều chỗ hơn cho suy tư tập thể. Hơn nữa, từ lâu Ratzinger chỉ bổ nhiệm những phụ tá có trình độ, không phải những kẻ chỉ biết gạt đầu xin vàng. (Những người chỉ trích đôi khi công kích rằng cả đội ngũ nhân viên lẫn ban cố vấn của Thánh Bộ Giáo lý Đức tin chỉ là một nhóm chuyên gia với những quan niệm thần học hạn hẹp nhất định, nhưng gần như tất cả họ đều thừa nhận rằng bộ não hiện tại dưới sự lãnh đạo của thư ký của Bộ, Tổng Giám mục Angelo Amato của Italia, và phó thư ký, Cha Augustine Di Noia từ Hoa Kỳ, đều là những người rất giỏi). Ratzinger thích thảo luận và thương thuyết, và mặc dù ông sẽ không bao giờ nhượng bộ những vấn đề thuộc đức tin, các Hồng y nói ông có thể mềm dẻo một cách không ngờ đối với hầu hết những vấn đề khác.

Cùng với những suy nghĩ này, đa số các Hồng y cũng thừa nhận rằng mặc dù mang tính mô phạm của “giáo sư đại học” và có phần nhút nhát, Ratzinger có thể đứng trước đám đông và là một người của công chúng; nếu không có cái sức thu hút đám đông của John Paul II, thì ít nhất có đủ khí lực để đem lại cho các tín hữu Công giáo một hình ảnh tích cực về vị chủ chiên của họ. Đáng chú ý nhất là họ tin rằng ông sẽ tiếp tục quan tâm tới giới trẻ như Giáo hoàng trước. Tuy nhiên, nhiều người cũng thừa nhận rằng những kỹ năng cần để thành công trước đám đông sẽ là phần khó khăn nhất trong chương trình tự đào tạo của Benedict XVI.

“Đây là một người hướng nội”, một vị Hồng y đã nói. “Như thế đây là một sự thanh luyện... một việc rất khó khăn cho ông. Nhưng mọi người đều phải thích ứng với công việc của mình”.

Giải pháp tối nhất đối với Chủ nghĩa thể tục

Thứ bảy, rất nhiều Hồng y đã nhận ra rằng chủ nghĩa thể tục ở châu Âu là một trong những thách thức hàng đầu của Giáo hội mà Ratzinger có lẽ là người phù hợp nhất để đưa ra câu trả lời với thách thức này.

Không ai trong Hồng y đoàn hiểu được truyền thống trí thức của phương Tây rõ hơn ông, không ai dành thời gian để suy nghĩ về hiện tượng chủ thuyết tương đối nhiều hơn ông, và dường như không ai mạnh hơn ông trong việc thách thức với cái nào trạng “tương đối” của phương Tây hiện đại trên chính địa hạt của nó – đó là câu hỏi vũ trụ quan nào sẽ bảo vệ tự do và hạnh phúc cho nhân loại một cách hiệu quả nhất. Nói cách khác, nếu chủ nghĩa thế tục là vấn đề được đặt lên hàng đầu trong cuộc bầu cử này, thì Ratzinger sẽ là người chiến thắng.

Trong khi chủ nghĩa thế tục không phải là mối quan tâm hàng đầu của hầu hết các Hồng y ở nam bán cầu, nhiều người trong số họ sau đó cho biết họ tin là Giáo hoàng kế tiếp cũng sẽ có tiếng nói bênh vực người nghèo và vì sự phát triển trong công bằng; đây là điều mà rất nhiều trong số họ đã đề cập trong các cuộc họp Công nghị các Hồng y.

Một vị Hồng y từ châu Phi đã nói: “Giáo hoàng đã ngồi nghe tới cùng. Ông ấy phải biết được những điều chúng tôi quan tâm”.

Tác động của đa số phiếu tuyệt đối

Thứ tám, Ratzinger là ứng cử viên đầu tiên có được lợi thế từ điều luật của John Paul cho phép các Hồng y bầu chọn một vị Giáo hoàng dựa trên nền tảng của đa số phiếu tuyệt đối sau bảy ngày bỏ phiếu, hoặc khoảng 34 lần bỏ phiếu. Trước khi Cơ Mật Hội bắt đầu, hầu hết các nhà phân tích đã nói rằng các Hồng y sẽ không bao giờ để cho Cơ Mật Hội diễn ra dài như vậy bởi họ không mong muốn xuất hiện sự chia rẽ và điều đó đã đúng. Tuy nhiên, về mặt tâm lý, mọi người trong Cơ Mật Hội đều biết rằng với đa số phiếu chắc chắn thì nếu muốn nhưng người ủng hộ Ratzinger chỉ cần “câu giờ” cho tới lần bỏ phiếu thứ 34, rồi bầu ông lên chức vụ Giáo hoàng mà không cần phải có 2/3 số phiếu bầu.

Một Hồng y sau đó đã nói: “Mọi người đã suy nghĩ như vậy. Sau khi Ratzinger vượt qua được ngưỡng 58 phiếu bầu, việc ông trúng cử đã trở thành điều tất nhiên”. Theo cách hiểu đó, những gì mà John Paul đã làm là chuyển việc bầu Giáo hoàng từ yêu cầu 2/3 số phiếu sang thành đa số.

Điều này không có nghĩa là Ratzinger không có đủ khả năng giành được 2/3 số phiếu bầu nếu Cơ Mật Hội kéo dài thêm vài lần bỏ phiếu nữa. Rõ ràng là cuối cùng, ông đã thu được hơn 77 phiếu bầu rất nhiều. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý ở đây là cuộc chơi đã kết thúc nhanh hơn rất nhiều một khi ông vượt qua mức 58 phiếu. Nếu như không có quy định đó, có thể Cơ Mật Hội sẽ phải trải qua thêm một vài vòng bỏ phiếu nữa, và ít nhất về mặt lý thuyết sẽ có khả năng một đối thủ thực sự xuất hiện.

Sự phản đối không hiệu quả

Thứ chín, rõ ràng những phiếu chống lại Ratzinger trong Hồng y đoàn, nếu đáng nói tới, đã chưa được tổ chức tốt để ngăn cản bước tiến của Ratzinger. Trong giai đoạn quan trọng trước Cơ Mật Hội, khi phe ủng hộ Ratzinger đang tập trung sức lực thì các Hồng y cấp tiến hơn đã không thể đoàn kết đằng sau một ứng viên nhất định nào đó để hình thành một liên minh. Mà thay vào đó, họ lại phản tán, ủng hộ một danh sách dài vô tận với những cái tên như: Martini, Hummes, Tettamanzi, thậm chí là Ennio Antonelli của Florence. Việc một số Hồng y thuộc nhóm “chống đối” đã bầu cho Martini trong các vòng phiếu đầu đã chứng minh sự bất lực của họ, vì ngay từ đầu mọi người đều biết rõ rằng không thể bầu một người bị bệnh Parkinson làm Giáo hoàng để kế vị cho một người đã bị chính căn bệnh đó hành hạ trong suốt một thời gian dài.

“Chỉ có Nixon mới có thể tới Trung Quốc”

Thứ mười, dưới tiêu đề “Chỉ có Nixon mới có thể tới Trung Quốc”, một số Hồng y cảm thấy là từ lâu, Giáo hội cần thực hiện một số cải tổ mà chỉ một người có tầm cỡ và quan điểm chính thống rõ ràng như Ratzinger mới có thể điều hành được, khởi đầu với một cuộc cải tổ quan trọng trong Giáo triều Roma. Một vài Hồng y tin rằng (cùng với những Giám mục khác trên thế giới), lễ lối làm việc của Giáo triều Roma đã bị đè nặng bởi cái tâm lý quan liêu tự coi mình là đúng, đặt quyền lực của mình trên cả sức sống của các Giáo hội địa phương, thường can thiệp quá sâu vào các vấn đề mà nó thực sự không hiểu gì, và đã hưng thịnh được 26 năm dưới thời của một Giáo hoàng chỉ quan tâm tới các vấn đề

bên ngoài Giáo hội (ad extra) và đã để cho tổ chức Giáo triều tự tung tự tác. Nếu muốn cái tổ chiều sâu trong Giáo triều, nhiều Hồng y tin rằng chỉ có Ratzinger mới có thể làm được. Ông hiểu rõ hệ thống của nó, ông đã làm việc ở đó 24 năm nhưng không nằm trong hệ thống đấy. Ông đã là một Hồng y trước khi ông đến đó, vì thế ông chẳng có nợ nần gì phải trả cho sự thăng tiến hay cơ hội của bản thân. Ông tự mình làm chủ và ít nhất thì một số Hồng y mong đợi nhưng thay đổi quan trọng ở Rome trong thời gian thật sớm.

SỰ PHẢN ỨNG

Có lẽ sự e ngại lớn nhất của nhiều Hồng y đối với Ratzinger là “hành trang” mà ông mang tới nhiệm kỳ Giáo hoàng, có nghĩa là cái tiếng của ông như một “hộ pháp” dẫu dần có thể chia rẽ và phân cấp Giáo hội. Trên thực tế, đây không phải là một mối lo ngại lớn đối với các Hồng y đến từ nhiều nơi trên thế giới, như châu Mỹ La-tinh, châu Phi, châu Á và Đông Âu, những nơi mà các quan điểm thần học của Ratzinger chưa phải là đề tài thảo luận rộng rãi trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, đối với người châu Âu và người Bắc Mỹ, nhất là các Hồng y đến từ Đức và Hoa Kỳ thì tiềm lực về mặt “hành trang này” quả thật là mối quan tâm thực sự.

Tôi đã có sự xác nhận gián tiếp về quan điểm này khi tình cờ gặp Hồng y Norberto Rivera Carrera của thành phố Mexico tại sân bay ở thành Rome trong khi đang chờ chuyến bay tới Paris, một ngày sau Thánh lễ nhậm chức của Giáo hoàng mới. (Rivera Carrera đang trên đường về nhà trong khi vợ tôi và tôi đang tới Paris để có chút thời gian hoàn thành quyển sách này). Tôi đã gặp Hồng y Rivera Carrera lần đầu tiên trong chuyến đi của Giáo hoàng John Paul II tới Mexico vào năm 2000 để phong thánh cho Juan Diego, vì vậy tôi tiến lại chào Hồng y. Bằng một tiếng Italia toàn bích, ông hỏi vì sao tôi đến Paris và tôi đã nói với ông mục đích của mình là để viết một quyển sách về Cơ Mật Hội và Giáo hoàng mới.

“Tôi hy vọng rằng quyển sách của ông sẽ công bằng”, ông ta nói.

“Tôi cũng hy vọng như vậy”, tôi đáp lại.

“Đặc biệt quan trọng là ở Hoa Kỳ”, ông nói. “Có thể có những vương mắc ở đây”.

Khi nhìn nhận là có những quan ngại như vậy, thì không có gì ngạc nhiên khi các Hồng y từ Hoa Kỳ, Đức đã vội vàng khởi động chương trình “quan hệ quần chúng” (PR) để giới thiệu Ratzinger cho toàn thể giới trước khi các phương tiện truyền thông và nhóm người chỉ trích ông có thời giờ đưa ra một chương trình nghị sự.

Được Alessio Vinci của đài CNN phỏng vấn ngay sau khi thông báo kết quả, Hồng y Walter Kasper của Đức²¹ đã khuyên mọi người hãy kiên nhẫn. Ông là giám chức hàng đầu về vấn đề hợp nhất ở Vatican và một người thường được xem là cộng sự cởi mở hơn và hay đối đầu với Ratzinger.

“Tôi không được phép kể gì về Cơ Mật Hội, nhưng đây là một sự kiện rất cảm động”. Kasper nói: “Và đối với tôi, đó là Cơ Mật Hội đầu tiên tôi tham dự với một ý thức trách nhiệm lớn không chỉ đối với Giáo hội của tôi mà còn đối với tất cả các Giáo hội, với toàn thể giới. Và rồi, một vị Giáo hoàng người Đức đầu tiên sau tám thế kỷ cũng là một điều đáng nói. Hôm nay là ngày lễ mừng vị Giáo hoàng người Đức cuối cùng [Victor II]. Ông là Giáo hoàng của các nhà cải tổ tôn giáo. Và bây giờ là Hồng y Ratzinger, trước đây ông là đồng nghiệp của tôi khi cùng dạy ở đại học, bây giờ đã là Đức Giáo hoàng. Tất cả đã tạo ra một bầu không khí rất cảm động trong chúng tôi”.

Kasper rất hào sảng trong việc ca ngợi Ratzinger.

“Có rất nhiều định kiến về Ratzinger, và hầu hết các định kiến này là không đúng. Tôi nghĩ các bạn nên gạt những thành kiến này sang một bên và ít nhất cũng cho ông một cơ hội... Tôi biết Ratzinger từ những năm 60 khi ông còn dạy ở Đại học Münster. Tôi cũng dạy ở đó, chúng tôi đã làm việc với nhau. Ông là một người có sức lôi cuốn. Khắp nơi đều biết ông là người rất thông minh, và tôi nghĩ ông ta sẽ là Giáo hoàng của

21) Hồng y Walter Kasper là Chủ tịch của Hội đồng Giáo hoàng về Cổ vũ việc Hợp nhất Kitô hữu. Ông được xem là người có khuynh hướng tự do.

hòa bình và hợp nhất. Đó cũng là ý nghĩa của cái tên Giáo hoàng mà ông đã chọn: ‘hòa bình và hợp nhất’. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với tôi, ông đã nói : ‘Bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau làm việc và cùng nhau đi trên con đường tiến đến sự hợp nhất các Giáo Hội’. Đó cũng là một tín hiệu tốt đối với phong trào hợp nhất Giáo hội. Trước đây ông rất chú tâm, đặc biệt là trong việc đối thoại với Giáo hội chính thống, và tôi nghĩ ông sẽ tiếp tục theo hướng này. Tôi rất vui khi có thể được làm việc cùng với ông”.

Vinci đã nhắc Kasper rằng, chỉ mấy ngày trước ông đã nói rằng Cơ Mật Hội không nên đi tìm một “bản sao vô tình” của John Paul II.

“Rõ ràng ông ấy không phải là bản sao vô tình của John Paul II”, Kasper đáp lại. “Đây là những cá tính rất khác biệt. Họ rất thân với nhau và làm việc chung rất hòa hợp, nhưng họ hoàn toàn khác nhau. Tôi nghĩ Ratzinger là người quan tâm tới mục vụ. Ông sẽ là một vị Giáo hoàng lo mục vụ, là một mục tử, bởi vì chức vụ mục tử là công việc của một Giáo hoàng. Tôi tin ông sẽ sử dụng với hiệu quả tốt nhất các khả năng thiên phú của mình mà ông thì có rất nhiều khả năng thiên phú... Người ta cần một người nổi tiếng, thì ông là một người nổi tiếng, không còn phải nghi ngờ gì nữa. Người ta cần một người có đức tin và quan điểm thần học vững chắc và đồng thời có khả năng giảng dạy đức tin (sở hữu sự thật là quan trọng nhưng truyền đạt sự thật cũng quan trọng không kém). Và ông đã làm được việc này rất tốt. Về hướng này, điều đó có thể có tác động tốt trong khi thế giới ngày nay rất thờ ơ đối với vấn đề tôn giáo... Chúng tôi đã cùng nhau làm việc cho tới bây giờ, và sẽ cùng nhau làm việc trong tương lai. Đôi khi chúng ta có những cách nhìn khác nhau... nhưng khi đề cập đến những vấn đề thuộc đức tin, sẽ không bao giờ có sự khác biệt. Nhưng giữa những nhà chuyên môn, có quan điểm khác nhau và cách nhìn khác nhau là điều bình thường. Nhưng bây giờ ông là Giáo hoàng và mối quan hệ bây giờ khác rồi”.

Nói về sự phản ứng của người Đức, vị Giáo hoàng mới cũng nhận được sự hỗ trợ từ một người không ai ngờ tới: nhà thần học người Thụy Sĩ tên là Hans Küng. Đã từ lâu ông này được xem như là người đi đầu

trong phong trào tự do “phản đối trung thành”²² với quan điểm của John Paul II nhưng vẫn giữ trong khuôn khổ cho phép. Ông ta gọi cuộc bầu cử của Ratzinger là “một sự thất vọng lớn lao”. Nhưng ông cũng cho rằng, “Chức Giáo hoàng là một thách thức lớn đến nỗi nó có thể làm thay đổi bất cứ ai... Vì thế, chúng ta hãy cho ông ấy một cơ hội”.

Các Hồng y người Hoa Kỳ cũng đã bắt đầu chiến dịch tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, khi sáu người trong số họ: Mahony, Maida, George, Egan, Keeler và Rigali, cùng xuất hiện tại một cuộc họp báo ở chủng viện North American College (NAC), nơi ở của các chủng sinh người Hoa Kỳ tại Rome để trình bày về vị Giáo hoàng mới ngay buổi sáng sau cuộc bầu cử của ông.

Hồng y Francis George của Chicago cho rằng việc quần chúng có ấn tượng về Ratzinger như một người độc đoán là do các loại biếm họa trên phương tiện truyền thông đã bóp méo hình ảnh về “thiên tài khiêm tốn” Benedict. George kể về cuộc gặp gỡ với một phụ nữ đã 24 năm làm việc tại Thánh Bộ Giáo lý Đức tin, bộ phận do Ratzinger lãnh đạo ở Vatican, bà miêu tả Đức Giáo hoàng mới là một “Kitô hữu thực sự”.

Hồng y Theodore McCarrick của Washington, D.C., nói rằng, Giáo hoàng Benedict XVI “muốn làm việc theo cách ‘tập thể’, muốn nhận các lời khuyên của các Hồng y và các lời khuyên của các Giám mục. Ông sẽ lắng nghe các lời khuyên đó trong các Thượng hội nghị Giám mục và vào những dịp khác”.

Hồng y Justin Rigali của Philadelphia đã miêu tả việc Giáo hoàng mới nhắc tới vị Giáo hoàng cuối cùng mang tên Benedict, Benedict XV, như là người “thúc đẩy hòa bình và hợp nhất thế giới”. Ông tiên đoán là Giáo hoàng Benedict mới sẽ tiếp tục việc hợp nhất các giáo hội Kitô giáo, việc đối thoại cùng các tôn giáo khác, việc thực thi các giáo huấn xã hội của Giáo hội và sẽ là “người rao truyền vĩ đại cho Chúa Giêsu trên thế giới”.

Hồng y Edward Egan của New York đã miêu tả Benedict là con người thanh lịch, “cực kỳ tốt bụng” và “dễ thương”. Ông đề nghị các nhà báo

22) “Phản đối trung thành” (loyal opposition) là khái niệm chính trị chỉ sự phản đối đáng cảm quyền hay người cảm quyền nhưng vẫn ở trong khuôn khổ luật pháp và hiến pháp cho phép và nhằm mục đích xây dựng.

“bắt đầu đọc tất cả các quyển sách của ông [Benedict], tìm hiểu những gì ông nói”. Egan tin rằng Giáo hoàng Benedict “sẽ được biết đến bằng chính con người thật của ông và sẽ được nhiều người mộ mến”.

Hồng y Adam Maida của Detroit cũng đã đưa ra ý kiến tương tự.

“Tôi thực sự tin rằng Hồng y Ratzinger, với tất cả những năng khiếu và tài năng của mình, kể cả các thiếu sót của mình, sẽ có cách đến với người khác”. Hồng y Adam Maida nói tiếp: “Chúng tôi đã xin Thiên Chúa gửi đến một vị mục tử chân chính, và Chúa đã đáp lại lời cầu xin đó”. Maida nói rõ là ông mong đợi mọi người sẽ đón nhận Giáo hoàng mới với lòng mến yêu, và hỗ trợ Ngài trong chức vụ của Ngài.

Hồng y Roger Mahony của Los Angeles nói với các nhà báo: “Hãy hết sức cẩn thận khi các vị châm biếm Đức Giáo hoàng và gán cho ông ấy những biệt danh. Tôi đã thấy chuyện này ở một vài tựa báo rồi đó”.

Cuối cùng, Hồng y William Keeler của Baltimore, người từ lâu đã quan tâm đến việc đối thoại giữa Công giáo và Do Thái giáo nên rất nhạy cảm với sự phản ứng của người Do Thái, đã chỉ ra rằng một giáo sĩ Do Thái (người đã làm việc cùng với Ratzinger, cũng có mặt tại buổi họp báo hôm đó tại chủng viện NAC, và nói rằng ông ta sẽ làm chứng cho việc một tài liệu gần đây của Ủy Ban Giáo hoàng về Thánh Kinh Do Thái do Ratzinger viết lời giới thiệu), đã đóng góp nhiều thế nào cho mối quan hệ giữa Công giáo và Do Thái giáo. Keeler nói tới điểm này phần nào cũng vì hai ngày sau cuộc bầu cử của Ratzinger, đặc biệt là trên báo chí Anh, đã đề cập đến việc vị Giáo hoàng mới trước đây đã tham gia tổ chức *Đoàn thanh niên Hitler* trong một thời gian ngắn và do bị ép buộc.

Cuối cùng, có thể các Hồng y của Hoa Kỳ đã ít phải lo lắng về phản ứng của công chúng hơn là nhiều người đã lo ngại. Chương trình *USA Today* của hãng CNN đã tổ chức thăm dò dư luận người Công giáo ở Hoa Kỳ ngay sau khi làn khói trắng bay lên từ Nhà Nguyện Sistine cho thấy có 31% người được hỏi chấp thuận Giáo hoàng mới, 9% không chấp thuận và gần 60% nói rằng họ không có đủ thông tin để đưa ra kết luận. Nói cách khác, hơn 90% tín đồ Công giáo Hoa Kỳ ủng hộ Giáo hoàng, hoặc ít nhất là sẵn sàng cho ông một cơ hội. Rõ ràng là ít “hành trang” hơn nhiều so với những bình luận mà báo chí đã đưa. Điều này đã về nên

một bức tranh về một cộng đồng Công giáo chia rẽ với tỷ lệ chia đều giữa phe ủng hộ và phe công kích Ratzinger.

Tuy nhiên, trong số 9% của 65 triệu tín đồ Công giáo ở Hoa Kỳ thì cũng có gần 5,8 triệu người phản đối, một số lượng không nhỏ án ngữ ngay tại cổng nhà. Các cuộc thăm dò khắp Tây Âu cũng đưa ra những con số tương tự. Chắc chắn là Giáo hoàng Benedict hiểu rõ rằng một số tín đồ Công giáo lo lắng không biết nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ đi đến đâu, và ít nhất một phần thành công của giai đoạn đầu nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ được định đoạt bởi việc ông có thể giành được sự ủng hộ hay không của một số trong những người hoài nghi này. Và cũng giống như các tổng thống hoặc thủ tướng, các Giáo hoàng có những “tuần trăng mật”. Trong trường hợp các Giáo hoàng, thời gian thiện chí ban đầu thông thường còn nhiệt tình hơn nữa, bởi vì các tín đồ Công giáo khắp nơi đều mong muốn được yêu thương, kính trọng và tự hào về Giáo hoàng của mình. Nhờ thế, Giáo hoàng Benedict XVI còn có thời gian để chứng minh bản thân mình và phong cách làm Giáo hoàng của mình trước khi các đánh giá trở nên khắc nghiệt hơn.

NUỐC CỜ “KỶ VỌNG”

Khi John Paul II được bầu vào năm 1978, ông mời các Hồng y nán lại dùng cơm tối hôm đó với ông; và khi rượu sâm banh được rót ra, ông và một số Hồng y đã hát các bài dân ca Ba Lan. Vào đêm bầu cử Giáo hoàng Benedict, không có các bài dân ca của vùng Bavaria khi các Hồng y đã tụ họp ở Casa Santa Marta, chỉ có vài bài Thánh ca bằng tiếng La-tinh và một bữa ăn tối gồm món xúp, gà rán với phó mát và rượu vang Italia. (Một Hồng y sau đó nói là các món ăn “ngon nhưng không phải là thượng hạng”).

Nhưng khi bữa tối còn chưa được dọn ra bên trong dinh Vatican thì bên ngoài, các chiến lược chính trị xung quanh nhiệm kỳ Giáo hoàng mới đã bắt đầu, đặc biệt là trên báo chí.

Chẳng hạn, trên tờ *La Repubblica* của Rome, một bài báo vào buổi sáng sau cuộc bầu cử Giáo hoàng Benedict khẳng định là Bộ Giáo lý Đức tin chuẩn bị phát hành bốn tư liệu mới nhưng giờ đây phải chờ đợi

người thay thế Ratzinger. Một tài liệu có đề cập đến việc cho phép “thành phần vô can” trong trường hợp ly hôn và tái hôn theo luật đời được rước lễ; một tài liệu khác nâng tuổi nghỉ hưu của các Giám mục từ 75 lên 80 tuổi; tài liệu thứ ba và thứ tư xác định lại giáo huấn của Giáo hội về thiên tính của Chúa Giêsu cho hợp với cung cách hợp nhất hơn và giao phó cho Giáo hoàng trách nhiệm đi tìm sự hợp nhất Kitô giáo trọn vẹn.

Các nguồn thông tin từ giới cao cấp ở Vatican nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* vào ngày 22 tháng Tư rằng, các bài báo đó “sai hoàn toàn”. Không có tài liệu nào như thế và Bộ Giáo lý Đức Tin cũng không có bất cứ một kế hoạch nào đưa ra những tài liệu như vậy. Trong khi có thể có phòng ban khác của Vatican có suy tính về những tài liệu như vậy, nhưng nguồn tin ở Vatican cho biết rằng không có bất cứ một tài liệu nào sắp được xuất bản.

Về vấn đề Rước Lễ, nguồn tin của Vatican tiết lộ rằng Bộ Giáo lý Đức tin đang tiến hành nghiên cứu về những nguyên tắc cơ bản của việc lãnh nhận Thánh Thể, đáp ứng một phần cuộc tranh luận xuất phát từ Hoa Kỳ qua các chính khách Công giáo thuộc phong trào *pro-choice*²³. Tuy nhiên, nó sẽ không đưa ra thay đổi về chính sách nào đối với các trường hợp ly hôn và tái hôn theo luật đời. Vấn đề đó đã được giải đáp trong tài liệu năm 1994 của Giáo đoàn, “Việc Rước lễ: Người Công giáo đã ly hôn và tái hôn”. Điểm mấu chốt của tài liệu đó là những lời khẳng định: “Nếu những người ly hôn được tái hôn một cách bình thường thì chính họ nhận thấy trong tình huống đó họ đã vi phạm luật của Chúa một cách khách quan. Vì thế, họ không thể tiếp nhận Bí tích Thánh Thể khi luật này vẫn còn tồn tại”.

Về độ tuổi nghỉ hưu, nguồn tin của Vatican cho biết vấn đề này không thuộc thẩm quyền của Bộ Giáo lý Đức Tin và dù sao đi nữa, không hề có tài liệu nào về đề tài này tại cơ quan trên.

23) Phong trào *pro-life* (bảo vệ sự sống) chống lại các hành vi xâm hại tới mạng sống con người như án tử hình, sinh sản vô tính, thử nghiệm trên phôi thai người, và nhất là phá thai. Phong trào *pro-choice* (ủng hộ quyền chọn lựa của người mẹ) cho rằng người đàn bà có quyền quyết định phá thai trong một số trường hợp như bị hãm hiếp, không đủ sức khỏe giữ thai,... Các tranh luận giữa hai phong trào *pro-life* và *pro-choice* rất sôi nổi ở Hoa Kỳ.

Về vấn đề Hợp nhất Giáo hội, Giáo hoàng mới đã thể hiện sự quan tâm của mình về việc tìm kiếm sự thống nhất của Giáo hội. Bộ Giáo lý Đức tin đã tổ chức một hội nghị chuyên đề về chức vụ Giáo hoàng sau khi John Paul II công bố Thông điệp *Ut Unum Sint* về sự Hợp nhất Giáo hội năm 1995 và các thủ tục thực hiện được phổ biến vào năm 1998. Hiện thời, các nguồn tin cho biết không có kế hoạch công bố thêm tài liệu nào khác.

Nếu không hề có một tài liệu nào như tin đồn, thực tế là chuyện gì đang xảy ra?

Những nhà quan sát tình hình Vatican có kinh nghiệm lâu năm đã phỏng đoán rằng đây là một trong những việc thường xảy ra mỗi khi bầu một Giáo hoàng mới. Những lực lượng muốn lái chính sách của vị Giáo hoàng mới theo một hướng nào đó thường sẽ thả những quả bóng thăm dò. Lần này, nổi bật nhất là việc nói lỏng kỷ luật đối với việc Rước lễ cho những tín đồ Công giáo ly hôn rồi tái hôn theo luật đời. Họ làm vậy để ép buộc Giáo hoàng điều chỉnh lại chính sách của ông, hay nếu không có hy vọng ông đáp ứng những thay đổi mong đợi thì sẽ được một lợi thế nào đó trong các mối quan hệ. Các quan sát viên cho biết đây là một phần của trò chơi chính trị cổ điển mà có lẽ ngay trong những giây phút đầu tiên, nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict XVI cũng sẽ không tránh khỏi.

NHỮNG ĐỘNG THÁI ĐẦU TIÊN

Mặc cho thiên hạ có nói gì về mình, Giáo hoàng Benedict XVI không phải là người khờ khạo. Ông hiểu rằng vai trò chủ chiên của Giáo hội toàn cầu khác với vai trò của người bảo vệ học thuyết, ông cũng biết một số người trong và ngoài Giáo hội lúc đầu đã đón nhận thông tin về việc ông làm Giáo hoàng với tâm trạng lo lắng. Trong cách nhìn đó, có vẻ như mấy ngày đầu chức vụ Giáo hoàng của ông được dàn dựng để trấn an cho những nhóm người cùng lợi ích hay cùng chính kiến mà vì lý do nào đó họ đã lo ngại trước chiến thắng của Ratzinger.

Thánh lễ tại Nhà nguyện Sistine, ngày 20 tháng Tư

Buổi sáng sau khi nhậm chức, Benedict XVI đã dâng Thánh lễ đầu tiên với tư cách là Giáo hoàng với các Hồng y tại Nhà nguyện Sistine. Trong dịp này, ông đã soạn một bài giảng dài bốn trang bằng tiếng Latinh rất văn vẻ, trong đó ông đưa ra những nguyên tắc cơ bản sẽ chỉ đạo nhiệm kỳ Giáo hoàng của mình. Ông đã bắt đầu với một thái độ khiêm tốn, như ông đã làm vào buổi tối ngày nhậm chức, nói rằng ông biết rất rõ về “những thiếu hụt của bản thân” đối với nhiệm vụ được trao. Tuy vậy, ông nói ông cảm thấy “bàn tay mạnh mẽ của John Paul nắm lấy tay tôi”, rồi ông có cảm giác như nhìn thấy đôi mắt tươi cười và nghe giọng nói của John Paul như bảo ông rằng: “Đừng sợ!”

Sau đó Giáo hoàng đã xin tất cả các Hồng y và các Giám mục trên thế giới giúp đỡ ông, ông nói rằng ông thực sự muốn trở thành “tôi tớ các tôi tớ của Chúa.”²⁴ Đây là cách nói gián tiếp mà ông muốn theo đuổi một hình thức cai quản theo tinh tập thể, tức là xây dựng chính sách quản trị cùng với sự cộng tác của các Giám mục, một lần nữa cố gắng trấn an những người đang mong chờ những điều ngược lại từ Giáo hoàng Benedict. Ông trích dẫn *Hiến chế tín lý Lumen Gentium* của Công Đồng Vatican II, đánh dấu nguyện vọng của ông tiếp tục theo đuổi mục tiêu của Công đồng nhằm tăng cường vai trò của Giám mục đoàn. Benedict nói: “Sự hiệp thông tập thể giữa các Giám mục” là cần thiết để cho việc rao giảng về Chúa Giêsu hằng sống cho thế giới mang lại hiệu quả. Các tài liệu của Vatican II đã không mất đi tính thời sự của nó sau 40 năm từ khi Công đồng này bế mạc. (Câu này được nhiều người hiểu là cách nói gián tiếp rằng chưa có nhu cầu trước mắt để kêu gọi một Công đồng chung khác, một ý kiến đôi khi đã được một vài nhóm yêu cầu cải tổ trong Giáo hội gợi ra).

Benedict lưu ý rằng nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông được bắt đầu trong năm mà Giáo hoàng John Paul II đã dâng hiến cho Bí tích Thánh Thể và ông khẳng định, Thượng hội đồng Giám mục đã lên kế hoạch vào tháng

24) Một trong những danh xưng của các Giáo hoàng, thường dùng trong các sắc lệnh của Tòa Thánh, là “*Servus Servorum Dei*”, tôi tớ các tôi tớ của Chúa.

Mười với chủ đề *Thánh Thể* sẽ được tiến hành. Ngay sau cuộc bầu cử, một số Hồng y đã gợi ý cho Đức Giáo hoàng rằng ông có thể hoãn Thượng hội đồng lại, nhưng Benedict tuyên bố sẽ tiến hành, như là một cách khác để nói rằng ông muốn nghe những đóng góp mà các giám mục sẽ đưa ra.

Sau đó, Giáo hoàng Benedict trở lại với đề tài hợp nhất Giáo hội, đưa ra một "lời cam kết ưu tiên" của nhiệm kỳ của ông "sẽ làm việc không ngại ngại nhằm thiết lập lại sự thống nhất trọn vẹn và hiệp nhất giữa những người theo Chúa Giêsu". Hơn nữa, Benedict nói, ông nhận thức một cách đầy đủ rằng để tiến triển trong lĩnh vực này cần phải làm nhiều hơn là "biểu lộ thiện chí" và đồng thời cần "những cử chỉ cụ thể có thể đi vào lòng người và khơi dậy lương tâm, mời gọi mọi người hoán cải nội tâm, như là tiền đề của mọi phát triển trên con đường hợp nhất". Về phương diện đó, Giáo hoàng đã kêu gọi một "sự thanh lọc ký ức" sâu xa hơn để nhìn nhận những lỗi lầm trong quá khứ và hiện tại. Giáo hoàng nhân cơ hội này gửi lời chào mừng đến tất cả các tín đồ Thiên Chúa giáo và cam kết sẽ làm tất cả những gì có thể cải thiện các mối quan hệ.

Benedict nói, đám tang của John Paul II đã làm cho ông nhận thức rõ hơn rằng Giáo hoàng không thể chỉ quan tâm tới các Kitô hữu mà còn phải quan tâm tới tất cả tín đồ các tôn giáo khác và tất cả những người có thiện chí, và ông hứa sẽ cố gắng để có được một đối thoại "thẳng thắn và cởi mở" với hết thảy mọi người trong gia đình nhân loại. Trong bối cảnh này, ông cũng xác định sự cam kết của Giáo hội Công giáo trong việc tìm kiếm một "sự phát triển xã hội đích thực", hay nói cách khác là chọn lựa của Giáo hội đứng về phía người nghèo sẽ tiếp tục trong nhiệm kỳ của ông.

Benedict cũng hứa sẽ tiếp tục công tác chăm lo thế hệ trẻ của John Paul II.

"Với các con, những bạn trẻ thân mến! Các con là tương lai và hy vọng của Giáo hội và của nhân loại. Cha sẽ tiếp tục đối thoại, lắng nghe những nguyện vọng của các con để giúp đỡ các con gặp gỡ sâu xa hơn với Đức Kitô hằng sống, Người sống mãi muôn đời".

Thánh lễ nhậm chức, ngày 24 tháng Tư

Giáo hoàng Benedict XVI tiếp nhận các biểu tượng quyền bính của mình trong một buổi lễ nhậm chức kéo dài hai giờ. Buổi thánh lễ được đánh dấu bằng lời kêu gọi đoàn kết với các tín đồ khác và lời cam kết sẽ lãnh đạo Giáo hội qua hợp tác hành động hơn là bằng sắc lệnh từ Giáo hoàng. Ông lãnh nhận chiếc nhẫn ngư phủ cũng là cái triện – biểu tượng của tình tiếp nối quyền bính từ Thánh Phêrô và một sợi dây *pallium* bằng lông cừu, một loại khăn quàng biểu hiện vai trò mục tử của Giáo hoàng cho toàn thể giáo dân.

Trong bài giảng của thánh lễ, ông đã trình bày các dấu chỉ quyền lực này của Giáo hoàng như là những biểu tượng của sự phục vụ, báo hiệu một sự chấm dứt đầy kịch tính vai trò trước đây của ông là người cầm đầu cơ quan nắm quyền về học thuyết trong Giáo hội.

“Đường lối lãnh đạo thực sự của tôi không phải là để thực hiện ý muốn riêng, cũng không phải để theo đuổi lý tưởng riêng của tôi mà là lắng nghe, lắng nghe cùng toàn thể Giáo hội”, Benedict nói. Ông đã mở rộng lời kêu gọi đến với các Giáo hội Kitô giáo “vẫn chưa hoàn toàn hiệp thông” với Giáo hội Công giáo, và đến với “người Do Thái”, những người mà ông đã ví như là “những anh chị em”, những người thừa kế của “một giao kết vĩnh viễn với Thiên Chúa”, cùng kết hợp với Giáo hội qua một “một di sản thiêng liêng chung to lớn”.

“Giống như một làn sóng đang tập trung sức mạnh, tư tưởng của tôi đến với tất cả mọi người, nam cũng như nữ, đến với tất cả những ai tin và không tin”, Benedict nói. Bài giảng của ông đã bị gián đoạn tới 30 lần bởi sự hoan hô nồng nhiệt.

Benedict đã miêu tả sợi dây *pallium* như một “cái ách” nhưng “nó không ly gián chúng ta, trái lại nó thanh luyện chúng ta – dầu cho điều này có thể gây đau đớn”.

Hồng y Angelo Sodano, Quốc vụ khanh Tòa Thánh, mang đến trước Giáo hoàng một chiếc hộp bằng vàng có cần kim cương được mở nắp để lộ ra chiếc nhẫn ngư phủ sáng lấp lánh, có khắc nổi hình Thánh Phêrô

đang thả lưới bắt cá mà theo truyền thống là để đóng dấu những bức thư của Giáo hoàng. Benedict đã lấy chiếc nhẫn ra khỏi chiếc hộp và đưa vào ngón tay đeo nhẫn bên phải của mình. Mười hai người đại diện cho các môn đệ của Chúa Kitô đã xếp hàng rồi quỳ gối trước Benedict và hôn lên chiếc nhẫn của ông. Trong số mười hai người được chọn có một Sơ dòng Benedictine, nữ tu đầu tiên được tham dự vào nghi thức.

“Tôi không cô độc”, Benedict tuyên bố, kích động nhiều tiếng vỗ tay từ phía giáo dân. “Các bạn thấy đấy”, ông nói, đưa mắt nhìn về phía đám đông dân chúng. “Chúng ta thấy điều đó. Chúng ta nghe điều đó”.

Vào Chủ nhật, Benedict đã đưa ra lời lên án về ảnh hưởng của hệ tư tưởng phương Tây một cách tinh tế hơn.

“Tất cả mọi hệ tư tưởng nắm quyền lực đã tự biến mình cũng theo cách này. Chúng biến mình cho sự hủy diệt bất cứ điều gì cản đường sự phát triển và sự giải phóng con người”, ông nói. “Thiên Chúa, người đã trở thành chiến con, đã cho chúng ta biết rằng thế giới này được cứu vớt bởi người bị đóng đinh chứ không phải do những kẻ đi đóng đinh”.

“Hãy cầu nguyện cho tôi,” ông nói, “để tôi không chạy trốn vì sợ hãi những con sói”.

Mỗi lần đám đông hoan hô vị Tân Giáo hoàng của họ, ông tỏ vẻ đón nhận sự ủng hộ với lòng biết ơn. Mặc dù vị Giáo hoàng mới này không có cái khả năng thiên phú lôi kéo đám đông như người tiền nhiệm của ông, nhưng rõ ràng là ông có cố gắng và những cố gắng của ông hôm nay đủ để những người tập trung ở quảng trường Thánh Phêrô ủng hộ ông.

Sau khi thánh lễ kết thúc, Benedict lên chiếc xe jeep màu trắng đi vòng quanh quảng trường trong tiếng vỗ tay hoan hô của mọi người. Họ giơ tay lên chào ông và bấm máy ảnh kỹ thuật số. Bên ngoài quảng trường, một đám đông khổng lồ đã tập hợp tại đại lộ Via della Conciliazione, được gắn nhiều màn hình rộng trong dịp này. Những màn hình tương tự cũng được bố trí bên ngoài những bức tường bao quanh Vatican để phục vụ cho những ai đến muộn. Các quan chức thành phố đã ước tính có khoảng 100.000 người đến từ Đức, quê hương của Giáo hoàng, để tham dự sự kiện này.

Các đại diện cao cấp đến từ hơn 131 quốc gia đã đến tham dự lễ nhậm chức, bao gồm Thủ tướng Đức Gerhard Schroeder, Thái tử Albert II của Monaco, và Thống đốc bang Florida là Jeb Bush, người đứng đầu của phái đoàn Hoa Kỳ. Một dấu hiệu khác về sự cởi mở của vị Tân Giáo hoàng trong việc tìm kiếm sự hợp nhất Kitô giáo là trong đám đông có Tổng Giám mục Canterbury Rowan Williams; Tổng Giám mục Chrisostomos, đại diện của Thượng phụ Bartholomew I, người đứng đầu Giáo hội Chính thống trên thế giới; và một đại diện cấp cao của Giáo hội Chính thống Nga, Tổng Giám mục Kirill. Sau đó, tất cả mọi người đã có cuộc gặp gỡ trong ngày với Giáo hoàng.

Cuộc tiếp kiến đa tôn giáo, ngày 25 tháng Tư

Vào buổi sáng ngày 25 tháng Tư, Benedict XVI đã gặp gỡ các thành viên cộng đồng Hồi giáo, những người đã tham dự buổi lễ nhậm chức vào ngày Chủ nhật. Ông cam đoan với họ rằng Giáo hội muốn tiếp tục xây dựng “những chiếc cầu hữu nghị” mà ông nghĩ có thể thúc đẩy hòa bình trên thế giới. Và ông nói, ông đặc biệt biết ơn những thành viên của cộng đồng Hồi giáo đã đến tham dự lễ nhậm chức của ông.

Ông nói: “Tôi rất cảm kích trước sự gia tăng đối thoại giữa tín đồ Hồi giáo và các tín đồ Thiên Chúa giáo, ở cả phạm vi khu vực và quốc tế”. Ông nhấn mạnh, thế giới được đánh dấu bằng những xung đột nhưng lại đang mong mỏi hòa bình.

“Hòa bình cũng là một trách nhiệm mà tất cả mọi dân tộc phải cam kết lãnh nhận, đặc biệt là những người tự cho mình thuộc về các truyền thống tôn giáo”, ông nói. “Cố gắng để đến được với nhau và thúc đẩy đối thoại của chúng ta là sự đóng góp có giá trị để xây dựng hòa bình trên cơ sở vững chắc. Vì thế cần có những cuộc đối thoại thẳng thắn và chân thành, được xây dựng trên sự kính trọng nhân phẩm của từng con người, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và giống như Ngài, như người Kitô giáo chúng tôi tin tưởng”.

Một số thủ lĩnh Hồi giáo đã tỏ ra lo ngại đối với việc bầu chọn Giáo hoàng Benedict, đặc biệt là dựa vào những lời bình phẩm mà ông đã đưa ra

vào năm 2004 khi phân đối việc Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập vào Liên minh châu Âu trên cơ sở là điều này có thể gây tổn hại tới bản chất Kitô giáo của châu Âu.

Nhà thờ Thánh Phaolô Ngoài Tường thành, ngày 25 tháng Tư

Nhà thờ Thánh Phaolô Ngoài Tường thành,²⁵ một trong bốn Vương cung Đại Thánh đường ở Rome, là một địa điểm có ý nghĩa quan trọng đối với Đức Giáo hoàng mới vì hai lý do. Thứ nhất, nó được các tu sĩ dòng Benedictine chăm sóc, một dòng tu đặt tên theo Thánh Benedict, vị thánh mà Giáo hoàng đã chọn làm tên cho mình; thứ hai là nhà thờ này liên quan tới việc mở rộng của Giáo hội hoàn vũ, vì thế sự xuất hiện của ông tại nhà thờ này có ảnh hưởng đặc biệt đối với các vị thủ lĩnh của các giáo hội Thiên Chúa giáo khác, những người đã đến Rome để tham dự buổi thánh lễ mở đầu của ông.

Trong khi bình luận, Benedict nhấn mạnh rằng Thánh Phaolô là một tông đồ vĩ đại thời Giáo hội tiên khởi, Ngài đã mang thông điệp của Chúa Giêsu đến cùng khắp thế giới. Giáo hoàng tuyên bố rằng ông cũng cảm nhận được tính khẩn thiết của sứ mệnh truyền giáo đi loan truyền Chúa Giêsu, cho thấy trước là nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ không phải là một thời kỳ Giáo hội thu mình lại và giảm hoạt động, mà sẽ là nỗ lực phát triển trên cái nền tảng sức mạnh và năng động của triều đại John Paul. Ông cũng nói, cách thức thực thi sứ mệnh của ông sẽ không dựa vào sức mạnh hay quyền lực mà dựa trên sự gương mẫu. Ông trích dẫn luật dòng của Thánh Benedict, trong đó vị thánh ở thế kỷ thứ 5 đã thúc giục các tu sĩ “đừng đặt bất cứ điều gì trước tình yêu Chúa Kitô”.

MỘT TRÁCH NHIỆM LỚN HƠN

Những cộng sự của Giáo hoàng mới nói rằng những lời lẽ và cử chỉ trên không phải là những nỗ lực có tính toán nhằm mở ra một chiến dịch “ngụy trang” để đưa ra một lớp mặt nạ cho một Ratzinger “thật”. Chúng

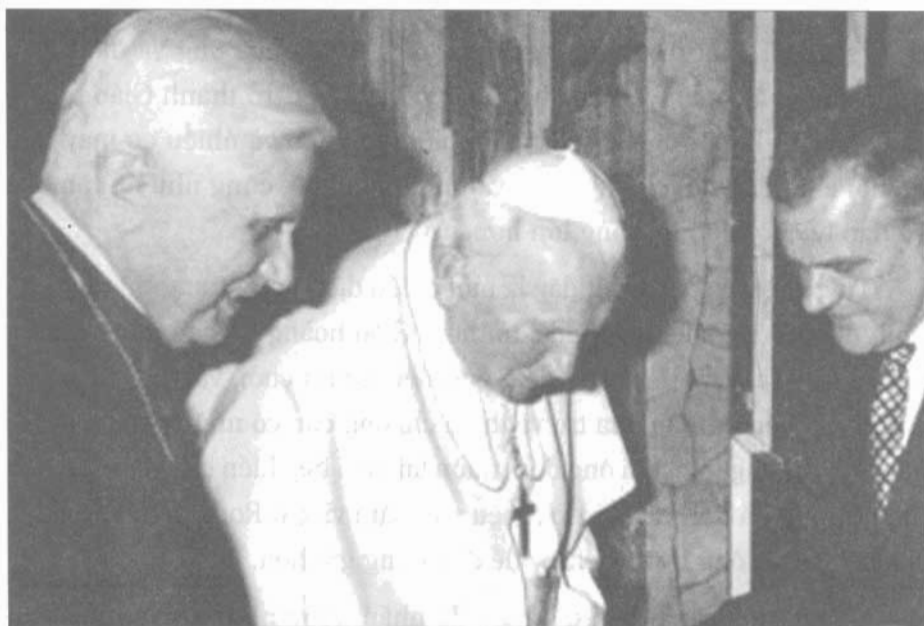
25) Vương cung Thánh đường Thánh Phaolô Ngoài Tường thành là một nhà thờ lớn ở Rome. Thánh đường này được Hoàng đế Constantine cho xây dựng vào đầu thế kỷ thứ 4, trên mộ chôn Thánh Phaolô.

thực sự xuất phát từ những nguyện vọng lâu đời của ông và đánh dấu bước đầu của sự chuyển hóa từ Hồng y Ratzinger trở thành Giáo hoàng Benedict XVI, một người với trách nhiệm lớn hơn và nhiều cơ may hơn để nói lên tiếng nói của hy vọng và tình huynh đệ, cũng như để răn bảo về đạo lý cho thế giới rộng lớn hơn.

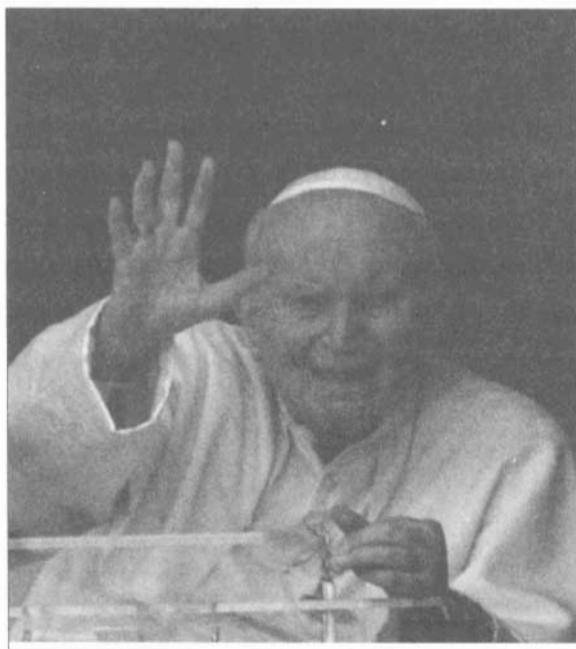
Tuy vậy, với giả thuyết đây là một chiến dịch nguy trang thì thật khó hình dung được chiến dịch nào tốt hơn. Giáo hoàng đã làm đúng những gì cần làm và ở mọi nơi ông đến, ông đều nở nụ cười, vẫy tay chào dân chúng, âu yếm những đứa trẻ và thậm chí ông còn có những câu nói đùa bất chợt. Chẳng hạn, khi ông đến muộn tại buổi tiếp kiến các giáo dân đến từ Đức, ông đã nói “tểu” là do nhiều năm làm việc ở Rome nên ông đã bị “Italia hóa” và ông hứa sẽ chú ý để đến đúng giờ hơn.

Những động thái ban đầu này đã nhận được những phản hồi tích cực; mặc dù một số người vẫn hoài nghi rằng, Giáo hoàng Benedict đã có lợi thế từ sự trông đợi của rất ít người bởi ông vốn nổi tiếng là “người đáng sợ”. Trong những ngày đầu, bất cứ những gì có thể xem là lạc quan, nhẹ nhàng, cởi mở đều được tiếp đón một cách hồ hởi, cũng bởi do một số người đã không mong đợi chúng. Vì đưa ra tiêu chuẩn thấp như vậy nên những người có đầu óc hoài nghi cho rằng, gần như bất cứ ai chỉ cần xuất hiện là cũng được hoan hô.

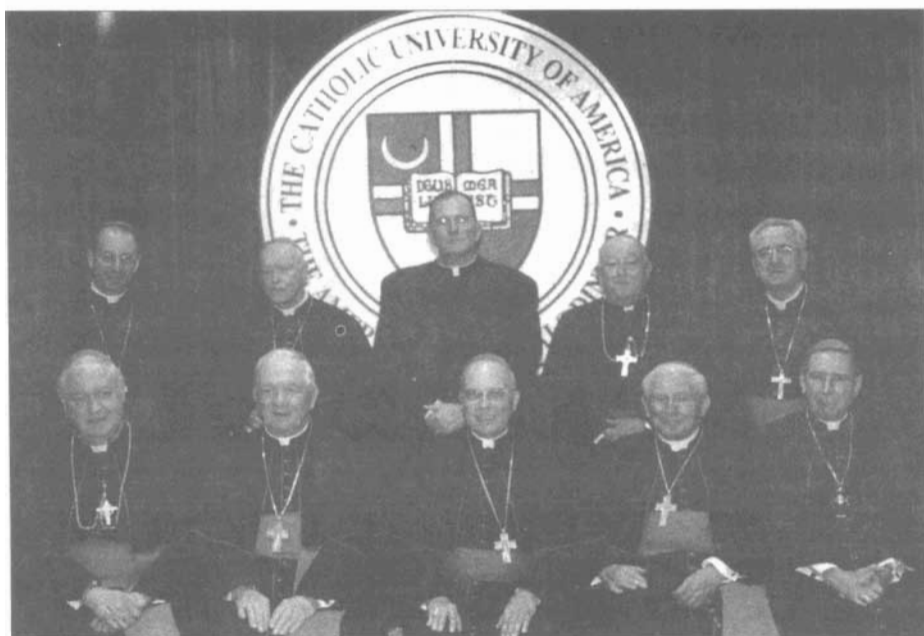
Tuy nhiên, còn nhiều điều thực là hấp dẫn trong những bước đầu tiên này của vị Giáo hoàng mới, một cách nào đó đã hé lộ con người của ông. Tuy bây giờ hãy còn quá sớm, nhưng tất cả những việc này cho thấy nhiệm kỳ của Giáo hoàng Benedict XVI có thể còn phức tạp hơn, còn khó dự đoán hơn so với nhận định trước đó của một số nhà bình luận.



Tháng Mười hai năm 2003, Giáo hoàng John Paul II tiếp kiến Hồng y Joseph Ratzinger lúc còn là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin của Giáo hội Công giáo.



Giáo hoàng John Paul II giơ tay chào giáo dân từ cửa sổ bệnh viện Agostino Gemelli ở Rome vào hôm Chủ nhật ngày 6 tháng Hai năm 2005.



Bảy vị Hồng y người Hoa Kỳ cùng chụp ảnh với Tổng Giám mục Miami và Viện trưởng trường Đại học Công giáo Hoa Kỳ (Catholic University of America – CUA), vào tháng Giêng năm 2005.



Thi thể Giáo hoàng John Paul II quàn tại Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô ở Vatican. Cảnh tượng cả thế giới bày tỏ lòng thương tiếc vô hạn đối với Giáo hoàng đã trở thành một yếu tố bất ngờ tác động đến các Hồng y cử tri trong thời gian tiền Mật nghị.



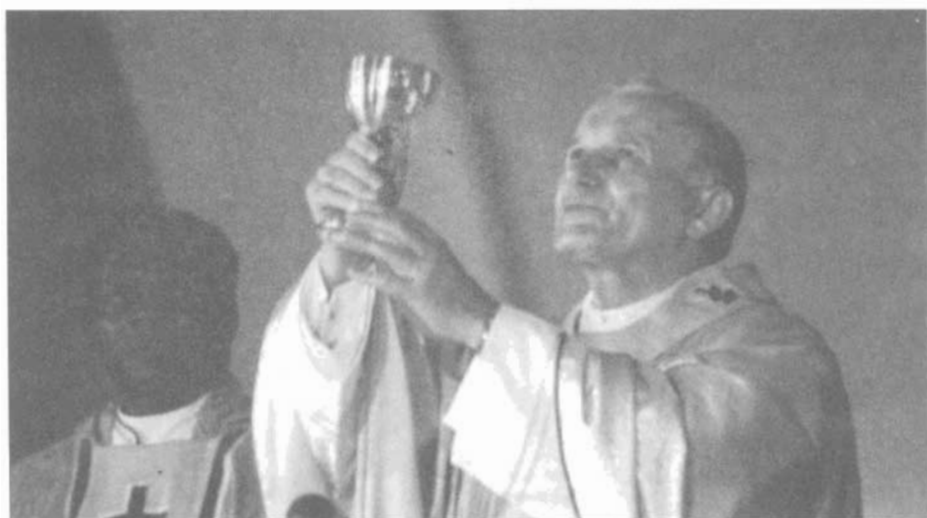
Hồng y Joseph Ratzinger ban phép lành cho quan tài bọc thi thể Giáo hoàng John Paul II, trong thánh lễ an táng tại quảng trường Thánh Phê-rô, Vatican, vào thứ Sáu ngày 8 tháng Tư năm 2005.



Hồng y người Áo Christoph Schoenborn đang cầu nguyện trong thánh lễ tại Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô, Vatican, vào thứ Hai ngày 18 tháng Tư năm 2005, trong lần xuất hiện trước công chúng cuối cùng của ông. Schoenborn là một trong những người ủng hộ nồng nhiệt nhất cho Hồng y Joseph Ratzinger lên ngôi Giáo hoàng.



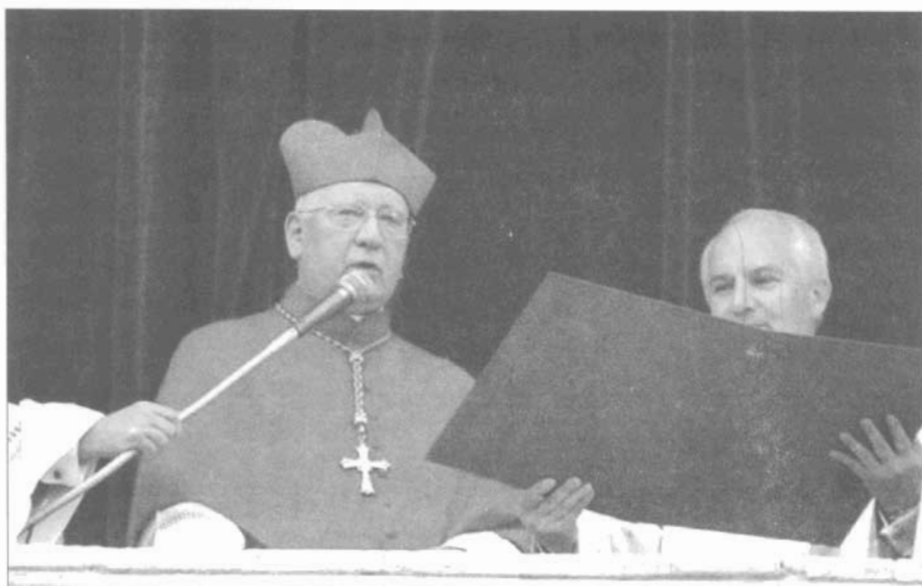
Hồng y người Italia Carlo Maria Martini (giữa) đang rước kiệu vào khu hầm mộ trong đó có mộ của Giáo hoàng John Paul II ngay sau thánh lễ tại Nhà thờ Thánh Phê-rô. Một số người xem Martini là đối thủ chính thuộc phe “tự do” của Hồng y Joseph Ratzinger trong cuộc bầu cử vào chức vụ Giáo hoàng.



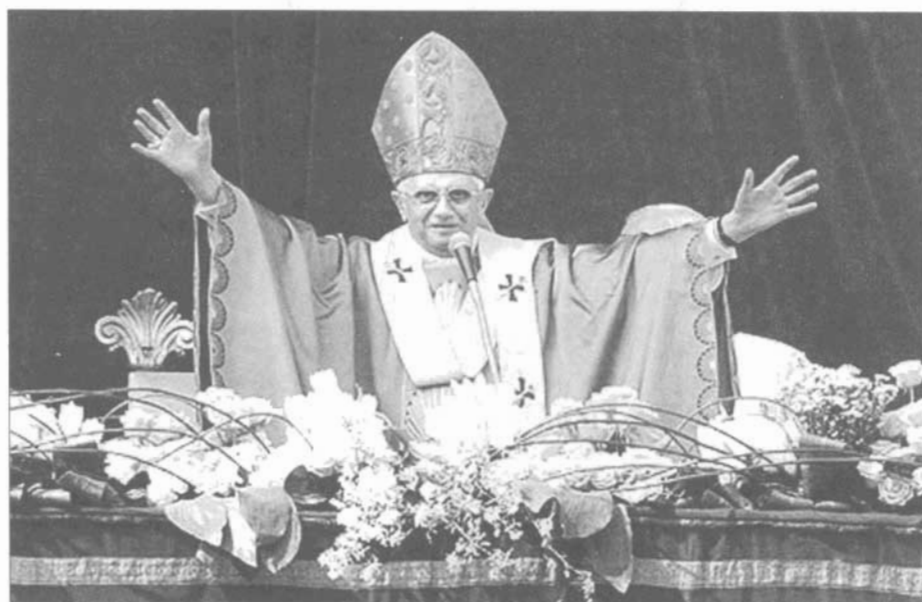
Hồng y người Argentina Jorge Bergoglio đang dâng lễ cầu nguyện cho Giáo hoàng John Paul II tại Nhà thờ Chính tòa Buenos Aires ở Buenos Aires, Argentina, vào thứ Hai ngày 4 tháng Tư năm 2005. Ông được xem là ứng cử viên "nặng kí" từ châu Mỹ La-tinh cho chức Giáo hoàng tại Mật nghị 2005.



Các Hồng y đang tiến vào Nhà Nguyện Sistine ở Vatican, vào thứ Hai ngày 18 tháng Tư năm 2005, để bắt đầu cuộc Mật nghị.



Hồng y Jorge Arturo Medina Estevez đang công bố “Habemus Papam”, nghĩa là “Chúng ta đã có Giáo hoàng” bằng tiếng La-tinh, từ ban công Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô, Vatican, vào thứ Ba ngày 19 tháng Tư năm 2005, ngay sau cuộc bầu chọn Giáo hoàng Benedict XVI.



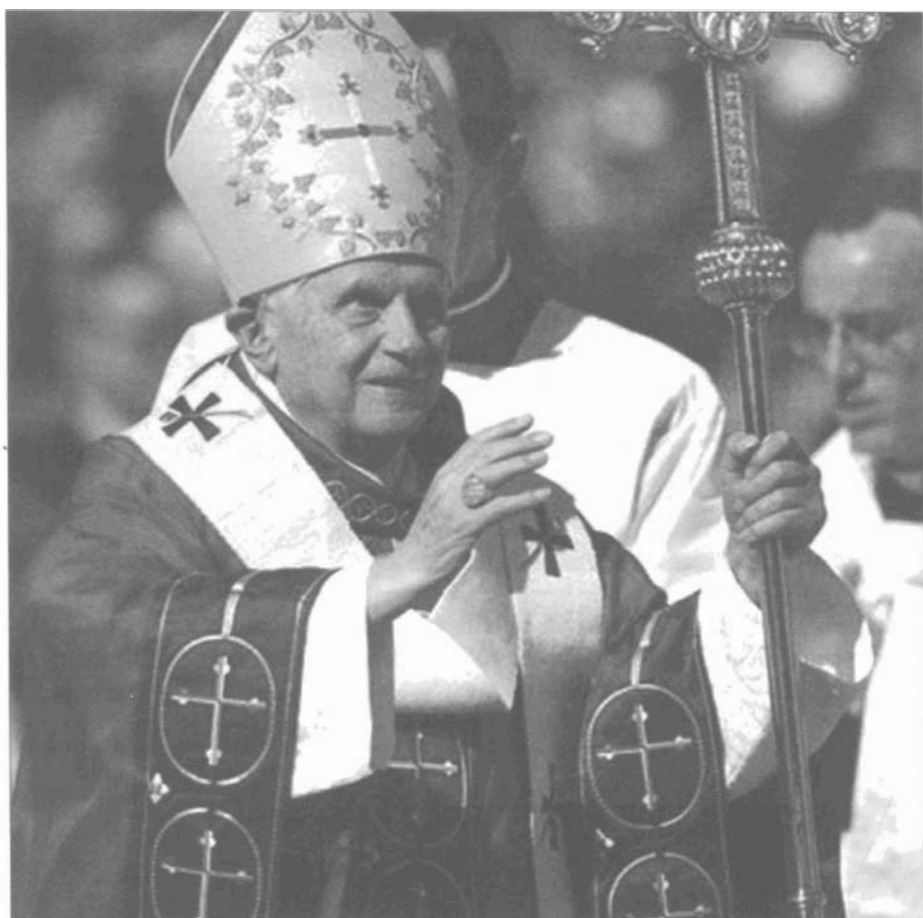
Tân Giáo hoàng Benedict XVI giơ hai tay chào đám đông từ ban công chính của Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô tại Vatican.



Giáo hoàng Benedict XVI chào và chúc lành cho đám đông từ ban công chính của Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô tại Vatican vào thứ Ba ngày 19 tháng Tư năm 2005.



Giáo hoàng Benedict XVI đang cùng Hồng y người Italia Angelo Sodano (bên trái) và Hồng y người Tây Ban Nha Eduardo Martinez Somalo (bên phải) đi thăm nơi ở mới tại điện Vatican vào ngày 20 tháng Tư năm 2005.



Giáo hoàng Benedict XVI đang dâng lễ tại thánh lễ nhậm chức ở quảng trường Thánh Phê-rô, Vatican, vào Chủ nhật ngày 24 tháng Tư năm 2005.

Giáo hoàng Benedict XVI đang tiếp đón Tổng Giám mục Chrisostomos, khâm sai của Đại Thượng Phụ Bartholomew I, vị lãnh đạo tinh thần của các Giáo hội Chính thống toàn thế giới, trong cuộc tiếp kiến tại sảnh đường Sala Clementina ở Vatican, ngày 25 tháng Tư năm 2005.





Giáo hoàng Benedict XVI đang được đưa quanh quảng trường Thánh Phê-rô trong cuộc tiếp kiến chung lần đầu của nhiệm kỳ Giáo hoàng ngày thứ tư 27 tháng Tư năm 2005; trong dịp này Giáo hoàng đã cam kết sẽ cố gắng xây dựng hòa giải và hòa bình.



Giáo hoàng Benedict XVI giơ tay chào các giáo dân trong lần đầu xuất hiện tại cửa sổ phòng riêng nhìn ra quảng trường Thánh Phê-rô, vào Chủ nhật ngày 1 tháng Năm năm 2005.

P H Ầ N

III

MỘT VỊ GIÁO HOÀNG VỚI HOÀI BẢO LỚN

JOSEPH RATZINGER LÀ AI?

“Ông là một người tao nhã, bình thân, phóng khoáng một cách lạ thường. Ông biết lắng nghe, biết tổng hợp ý kiến của nhóm và thấy được giá trị trong hầu hết mọi phát biểu. Ông có một khả năng phi thường là có thể nói lên những điều chúng tôi định nói nhưng rồi lại quên.”

(Tổng Giám mục William J. Levada)

Mặc dù Hồng y Joseph Ratzinger được nhiều người biết đến trong giới Công giáo kể từ Công đồng Vatican II, nhưng ông chỉ thực sự nổi tiếng vào năm 1985. Trong năm đó, cuộc phỏng vấn dài giữa ông với ký giả người Italia, Vittorio Messori, sau được phát hành thành sách với tiêu đề bằng tiếng Anh là *The Ratzinger Report* (Phóng sự về Ratzinger)²⁶, đã trở thành ấn phẩm gây tiếng vang khắp thế giới. Các đánh giá gay gắt của Ratzinger về những vấn đề mà Giáo hội đang đương đầu biến ông thành “người hùng” của nhóm Công giáo bảo thủ, những người đã tự hỏi liệu còn có ai ở Rome cũng thấy cái nguy cơ như họ thấy, và thành cột thu lôi nhận lãnh các chỉ trích của nhóm tự do trong Giáo hội, biểu tượng của cái mà họ gọi là ước muốn phản động để “đi ngược trở lại quá khứ” về việc cải cách Giáo hội. Sự tranh cãi chung về quyền sách rất kịch liệt. Trong thời gian Thượng Hội đồng các Giám mục năm 1985 được triệu tập để đánh giá Công đồng Vatican II, 20 năm sau ngày bế mạc, Hồng y

26) Cuộc phỏng vấn kéo dài trong nhiều ngày sau đó được phát hành với tựa đề *The Ratzinger Report*, với độ dày 197 trang.

Godfried Danneels khi phải trả lời những câu hỏi có liên quan đến quyển *Phóng sự về Ratzinger* trong một cuộc họp báo, đã bực mình đến mức phát câu lên và nói: “Đây không phải là một Thượng Hội đồng về quyền sách mà là Thượng Hội đồng về Công đồng!”

Từ năm đó trở đi, Ratzinger giữ một vị trí riêng trong danh sách những nhân vật nổi tiếng trong Giáo hội Công giáo.

Để chứng minh cho điểm này, vào năm 1997 khi Ratzinger đến tuổi bảy mươi, hai nhà xuất bản lớn nhất không thuộc tôn giáo ở Đức đã cho tái bản các quyển sách của ông, chân dung của ông xuất hiện trên trang đầu của tạp chí tin tức lớn nhất ở Italia, và hầu như mọi tờ báo và hệ thống truyền hình ở châu Âu đều chuẩn bị những bài tiểu sử rất chi tiết về ông để đánh dấu ngày này. Chỉ vì ngày sinh nhật của mình, Ratzinger trở thành câu chuyện thời sự.

Theo tiêu chuẩn của thế giới, Giáo triều Roma thường ít được công chúng biết đến thì Joseph Ratzinger trong tư cách là quan chức cao cấp của Tòa thánh Vatican, không chỉ là người nổi tiếng mà còn là một siêu sao! Sau khi đắc cử chức Giáo hoàng, một số người Italia nhanh chóng gán cho ông ta cái tên “Papa-Razi”, một lối chơi chữ dựa vào từ *paparazzi* (nói về những tay phóng viên chuyên săn tìm những người nổi tiếng để chụp ảnh), và từ này thích hợp một cách lạ lùng với sự nổi tiếng có sẵn của Giáo hoàng Benedict XVI. Có lẽ ông là vị Giáo hoàng đầu tiên của thời hiện đại không cần đến một lời giới thiệu nào.

Với ý nghĩa đó, đưa ra một bản tóm tắt tiểu sử về vị Tân Giáo hoàng này có thể coi như là một việc thừa. Tuy nhiên, như William Wordsworth đã từng nói: “Trẻ con là cha của người lớn”,²⁷ nên để có một cái nhìn khái quát về cuộc đời Ratzinger, đặc biệt về những kinh nghiệm của ông dưới thời Đức Quốc xã và sự nghiệp của ông sau này (như một trong những nhà thần học Công giáo có tương lai nhất thuộc thế hệ của ông), sẽ ít nhiều có ích trong việc tìm lời giải đáp cho câu hỏi: ông sẽ định hướng như thế nào cho nhiệm kỳ Giáo hoàng của mình.

27) Câu thơ “The child is father of the man” của thi sĩ William Wordsworth, ngụ ý nói những gì người ta có lúc trẻ sẽ dọn đường cho những gì sẽ đến khi họ lớn lên.

Về mặt này, chúng ta được trợ lực bởi chính Ratzinger đã phác thảo ra tiểu sử của chính mình, ít nhất là về giai đoạn trước khi trở thành Giám mục, trong quyển hồi ký *Milestones* xuất bản năm 1977. Những ai muốn hiểu được tâm tư của vị Tân Giáo hoàng thì cần phải đọc tập sách mỏng này. Ngoài ra, còn có thể lấy tài liệu từ số lượng trước tác khổng lồ mà Giáo hoàng Benedict đã viết ra với tư cách là một nhà thần học và một nhà phê bình văn hóa. Trước khi trở thành Giáo hoàng John Paul II, Hồng y Karol Wojtyla của Krakow, người được khắp nơi xem như một trong những thành viên uyên thâm của Hồng y đoàn vào thời đó, đã viết ba tác phẩm lớn: *Con người hành động*, *Dấu hiệu chống đối*, *Tình yêu và trách nhiệm*. Còn Giáo hoàng Benedict thì đã viết hơn 50 quyển sách, cùng với rất nhiều bài báo, khảo luận nổi tiếng và bài thuyết trình, từ cuối những năm 50 cho đến gần ngày Cơ Mật Hội.

Vì tài liệu cơ bản về đề tài này quá phong phú, chúng tôi chỉ đưa ra một tiểu sử rất ngắn gọn ở đây, vừa đủ để xác định vị trí của vị Giáo hoàng này trên bối cảnh thời gian và không gian cho nhiệm kỳ đang khởi sự của ông. Việc làm trên có lẽ sẽ là điều đặc biệt quan trọng khi xét tới cuộc chiến đấu đặc trưng của nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông – trận chiến chống lại cái mà ông gọi là, “Chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối” và để phục hồi lại nguồn gốc Kitô giáo của châu Âu.

THỜI THƠ ẤU

Joseph Aloysius Ratzinger sinh ngày 16 tháng Tư năm 1927, ngày thứ Bảy tuần thánh, tại một thành phố nhỏ vùng Bavaria có tên là Marktl am Inn, nằm sát biên giới nước Áo và cận Salzburg, thành phố đã mẹ hoặc ông khi còn trai trẻ. Ông là con út trong gia đình có ba anh chị em thuộc tầng lớp hạ trung lưu người Bavaria. Bố của Joseph là một cảnh sát, trong khi bà mẹ Mary có lúc ở nhà nội trợ, có lúc làm đầu bếp trong những khách sạn nhỏ.

Chị gái của Joseph là Maria, sinh năm 1921; và anh trai Georg, sinh năm 1924. Cả Georg lẫn Joseph đều trở thành linh mục. (Cả hai được

phong chức cùng một ngày trong năm 1951 và cũng rất yêu âm nhạc). Georg sau này trở thành người chỉ huy dàn hợp xướng. Khi đã trưởng thành, Maria dành hầu hết thời gian của mình để chăm sóc hai người em trai, đặc biệt là Joseph; khi Joseph là giáo sư đại học, và sau đó là một giáo sĩ cấp cao, bà chăm lo công việc trong văn phòng và nhà cửa cho em trai. Maria mất vào tháng Mười một năm 1991, trong một căn hộ ở Rome, tại quảng trường Piazza Leonina, nơi bà ở chung với em trai, khi Georg đã nghỉ hưu ở Regensburg.

Ở Bavaria, Ratzinger lớn lên trong môi trường mà mọi người đều hết sức sùng đạo. Trong khi mẹ là người dạy giáo lý khai tâm cho ông thì bố cũng là con chiên rất ngoan đạo, có thời gian đi lễ tới ba lần trong một ngày Chủ nhật. Trong quyển hồi ký *Milestones*, Ratzinger kể lại những kỷ niệm đầy triu mến về người mẹ đã dạy ông đọc kinh, cầu nguyện, và những ấn tượng sâu sắc mà các nghi lễ Phục sinh đã in đậm trong tâm trí ông. Dường như Ratzinger không hề có dự định tương lai nào khác ngoài việc làm linh mục, (dù ông nói rằng có lúc ông đã nghĩ tới việc trở thành một người thợ sơn); không giống với người tiền nhiệm là Karol Wojtyla, ông không bao giờ bị cuốn hút bởi nhà hát hay những lối sống khác. Và dường như ông cũng không có mối quan hệ lãng mạn nào thời còn trai trẻ. Khi được hỏi trong một cuộc họp báo ở Đức trước ngày xuất bản tác phẩm *Milestones* rằng, tại sao ông không đề cập đến bất cứ bạn gái nào trong quyển sách, ông đùa vui đáp lại: "Tôi phải làm sao để bản thảo chỉ còn dưới 100 trang".

Khi còn trẻ, Đức Giáo hoàng bộc lộ một tình yêu trung thành với âm nhạc, đặc biệt là với Mozart, người đã cất tiếng chào đời tại thành phố Salzburg, và các giai điệu của Mozart đã trở thành nhạc nền cho cuộc đời của Đức Giáo hoàng Benedict. Ông nói về Mozart vào năm 1996 như sau: "Âm nhạc của ông không chỉ là để giải trí; nó chứa đựng toàn bộ thâm kịch của cuộc sống con người". Giáo hoàng đã trở thành một nghệ sĩ dương cầm lão luyện và trong một cuộc phỏng vấn được thực hiện vào thập niên 1980, ông cho hay mình đã cố dành ít nhất 15 phút mỗi ngày để chơi nhạc của Mozart hay của Beethoven. Ông thờ dài và nói, còn nhạc của Brahams thì

khó quá. Anh trai của ông là nhạc trưởng của ban hợp ca nổi tiếng Regensburg, đã có vinh dự được biểu diễn tại buổi bế mạc Công đồng Vatican II. Tuy vậy, sở thích âm nhạc của Giáo hoàng mới không mang tính “công giáo” theo nghĩa là đại chúng; ông không thích nhạc rock’n’roll, và đã có lần ông gọi loại nhạc này là “một phương tiện phản đạo”. Thật khó tưởng tượng cảnh Đức Giáo hoàng Benedict, giống như John Paul II vào năm 1997, nhịp chân khi xem Bob Dylan trình diễn, hay được ca sĩ Bono của nhóm U2 gọi là “Giáo hoàng đầu tiên có phong cách jazz”.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN TỘC

Bóng đen lịch sử lớn nhất có ảnh hưởng đến tuổi thơ của Ratzinger là sự phát triển của Chủ nghĩa xã hội dân tộc ở Đức. Khi Ratzinger được sáu tuổi thì Hitler lên nắm quyền và lúc 18 tuổi thì Đế nhị Thế chiến chấm dứt vào năm 1945. Do đó, thời kỳ Đức Quốc xã ngẫu nhiên trùng với thời hoa niên và trưởng thành của ông. Những suy nghĩ của ông trên những trải nghiệm này tiếp tục ảnh hưởng đến quan điểm thần học và chính trị của ông ngày nay.

Đầu tiên, để xác định mối quan hệ giữa gia đình Ratzinger, và đặc biệt là của vị Giáo hoàng mới với Chủ nghĩa Đức Quốc xã, chúng ta có thể nói một cách dứt khoát là những người trong gia đình Ratzinger không “ủng hộ Đức Quốc xã”. Người cha đã nhiều lần phê phán đám Áo Nâu²⁸; và vì lo sợ rằng những phát biểu này có thể liên lụy cho chính mình và cho gia đình nên ông đã nhiều lần chuyển đổi công tác xuống những vị trí thấp kém hơn. Đến năm 1937, ông nghỉ hưu và gia đình chuyển đến thành phố Traunstein ở Bavaria. Ratzinger đã viết rằng gia đình ông thuộc về một gia đình có truyền thống chính trị ủng hộ nước Áo và Pháp chứ không phải là Phổ (Prussia), và vì thế không mấy thiện cảm với hình thức Chủ nghĩa dân tộc của Hitler.

Trong quyển sách *Phóng sự về Ratzinger*, Ratzinger đã tách biệt nguồn gốc văn hóa của ông với Hitler với phong trào Phát xít. Trong đó có đoạn:

28) Tổ chức dân quân *Sturmabteilung* (SA) của Đức Quốc Xã thường được gọi là *đoàn quân Áo Nâu* vì mang đồng phục áo nâu. Tổ chức này nổi tiếng là tàn ác và hung dữ.

“Những hạt giống độc hại của Chủ nghĩa Phát xít không phải là kết quả của đạo Công giáo ở Áo và miền nam nước Đức, mà là kết quả của bầu không khí suy đồi tập nập ở thành Vienna vào cuối thời kỳ quân chủ”.

Vào năm 1941, khi Joseph Ratzinger 14 tuổi, việc tham gia tổ chức Đoàn Thanh niên Hitler trở thành bắt buộc, cả ông và người anh trai Georg đều phải gia nhập. Tuy nhiên, Joseph không tham gia các hoạt động, như ông hồi tưởng lại trong quyển sách *Milestones*, một thầy giáo ở trường trung học ở Traunstein đã thông cảm cho ông được giảm học phí dù ông không có thể đăng ký thành viên Đoàn Thanh niên Hitler mà đúng ra phải có.

Năm 1943, sau khi Joseph gia nhập chủng viện, ông và cả lớp của ông bị bắt đi quân dịch cho quân đội Đức. Hầu hết trong thời gian đó, ông phục vụ trong một tiểu đoàn phòng không bảo vệ nhà máy BMW ở ngoại ô thành phố Munich. Trong một cuộc phỏng vấn năm 1993 của tờ *Time*, Ratzinger nói, ông chưa bao giờ bắn một phát súng “trong cơn giận dữ” trong suốt thời gian quân dịch, và cuối cùng ông đã đào ngũ. Ông kết thúc binh nghiệp trong một trại tù binh Hoa Kỳ và cuối cùng được phóng thích để tiếp tục học làm linh mục.

Dựa vào lý lịch này, dường như rõ ràng là tuy Ratzinger không tham gia chống lại chế độ Đức Quốc xã, ông cũng không hề ủng hộ chế độ này. Ông và gia đình đều chống đối Hitler.

(Tôi đã trình bày tất cả những điều này trên đài CNN sau cuộc bầu cử Đức Giáo hoàng, để đáp lại những bàn tán ầm ĩ trên báo chí Anh về “quá khứ Đức Quốc xã” của Ratzinger. Những bình luận của tôi nhận được sự ủng hộ từ Jon Stewart của tờ *Daily Show*, khi nói về vấn đề Đoàn Thanh niên Hitler: “Cộng bằng mà nói, việc gia nhập tổ chức này mang tính bắt buộc, và như người viết tiểu sử về Ratzinger là John Allen đã ghi nhận, thời gian tham gia tổ chức này của Ratzinger rất ngắn và miễn cưỡng, bằng chứng là tảng hăm nhà ông đầy bánh quy của Đoàn Thanh niên Hitler chưa được bán”).

Sự tàn nhẫn của chế độ Phát xít có lần đã gây ra thảm cảnh cho gia đình Ratzinger. Ông có một người em họ bị hội chứng Down, vào năm 1941

thì được 14 tuổi, ít hơn Ratzinger vài tháng. Năm đó, người em họ này bị chính quyền Đức Quốc xã bắt đi để “điều trị”. Không lâu sau, gia đình nhận được tin là cậu ta đã chết, có lẽ như một trong những kẻ “thuộc loại không thích hợp” đã bị thanh toán trong suốt thời gian đó. Ratzinger đã tiết lộ tình tiết này vào ngày 28 tháng Mười một năm 1996, trong một hội nghị được Hội đồng Giáo hoàng về Y tế tổ chức tại Vatican. Ông trích dẫn để chứng minh sự nguy hiểm của những hệ thống tư tưởng tự cho quyền xác định những hạng người được xem là không đáng để bảo vệ.

Có lẽ quan trọng hơn những chi tiết về tiểu sử là việc ngày nay Benedict XVI nhìn lại thời Đức Quốc xã như thế nào, đặc biệt là vấn đề cần phải rút ra những bài học gì cho tổ chức Công giáo. Trước tiên, Giáo hoàng Benedict hành diện về việc phản kháng Đức Quốc xã của Giáo hội. Trong quyển sách *Milestones* ông viết:

Mặc dù có nhiều lỗi lầm do bản tính con người, Giáo hội đã là đối chứng cho hệ thống tư tưởng hủy diệt của những kẻ thống trị do náu [Đức Quốc xã]; trong cơn khôì lửa đã nuốt chửng hết mọi quyền lực thì Giáo hội vẫn đứng vững với sức mạnh đã có từ muôn thuở. Một điều đã được chứng minh: cửa địa ngục sẽ không bao giờ thắng được Giáo hội. Từ chính kinh nghiệm của bản thân, chúng ta đã biết “cửa hòa ngục” có nghĩa là gì và chúng ta cũng đích thân chứng kiến được rằng ngôi nhà xây trên đá đã đứng vững.”²⁹

Trong quyển *Phóng sự về Ratzinger*, ông nhắc lại luận điểm trên: “Ai cũng biết được rằng trong các cuộc bầu cử quyết định năm 1933, Hitler đã không giành được đa số phiếu ở các bang của người Công giáo”. Việc Đức Quốc xã tấn công Giáo hội Kitô giáo (ở Đức) là quá rõ rệt; khoảng 12 ngàn linh mục và nam tu sĩ đã bị ngược đãi và quấy nhiễu trong thời kỳ Hitler nắm quyền, tức 36% tổng số linh mục vào thời đó.

Xét về tính lịch sử của sự kiện, thì quy mô và hậu quả của sự phản kháng của Giáo hội (đối với Đức Quốc xã) vẫn còn là một vấn đề cần

29) Trong Phúc âm Thánh Matthêu (Mat 16:18), Chúa Giêsu nói với Phêrô: “Phán Thấy, Thấy bảo cho con hay: Con là Phêrô nghĩa là Đá. Trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy, và cửa địa ngục sẽ không thắng nổi”.

bàn cãi. Ratzinger dĩ nhiên biết rằng có một số người Công Giáo đã ủng hộ chế độ, nhưng ông xem họ là những trường hợp ngoại lệ trong cái mô hình chống đối chung. Vấn đề ở đây không phải là giải quyết những điểm tranh luận này, mà để hiểu được vị Giáo hoàng mới nghĩ lại về chúng như thế nào.

Ratzinger đã từng phê phán một số giáo phái Kitô giáo ở Đức, đặc biệt là những giáo phái mà ông cho là “cấp tiến”, đã bị tư tưởng Chủ nghĩa Xã hội Dân tộc làm băng hoại. Trong một bài diễn văn năm 1986 ở Toronto, ông nói: “Sự dễ dãi của khuynh hướng tự do... nhanh chóng chuyển từ tự do thành sẵn lòng phục vụ cho chế độ chuyên quyền”. Trong quyển *Phóng sự về Ratzinger*, ông nói rằng nhiều giáo phái Tin Lành đã dễ dàng bị Đức Quốc xã lôi kéo bởi cái khái niệm về Chủ nghĩa quốc gia và giáo hội thuộc quốc gia hấp dẫn họ hơn, vì chính họ đã tự tách mình ra khỏi khái niệm một Giáo hội Kitô giáo vượt ranh giới quốc gia và có một bộ phận giáo huấn trung ương có quyền lực.

Dựa trên cơ sở của những kinh nghiệm này, Giáo hoàng kết luận là chỉ có hình thức Giáo hội Kitô giáo nào ý thức rõ rệt về các điểm cơ bản của lòng tin của mình, cũng như hiểu rõ về tổ chức hệ thống quyền lực của mình, mới có sức mạnh nội tại để chống trả những sức mạnh ngoại lai đang cố dụ dỗ hay xâm chiếm họ. Ngày nay, các luồng văn hóa thù nghịch không đưa ra sự đe dọa rõ ràng như dưới thời Đức Quốc xã – bởi hiện nay ở châu Âu ít nhất là không còn toán Áo Nâu nào đi đốt nhà thờ hay bố ráp dân chúng trong đêm – nhưng nguy hiểm vẫn còn đó, đặc biệt là trong sự lan tràn của chủ nghĩa duy vật và chủ thuyết tương đối ở phương Tây. Ông tin rằng Giáo hội cũng cần phải cần trọng để không bị đồng hóa dần dần với các đặc tính văn hóa đang thịnh hành. Giáo hoàng Benedict lo rằng một hệ thống thần học nếu tách rời khỏi tổ chức hay cấp lãnh đạo sẽ có nguy cơ trở thành con mồi cho những thế lực khác; và các thế lực này có thể thao túng hệ thống thần học đó để phá hoại sức mạnh của Giáo hội từ bên trong.

NHÀ THẦN HỌC RATZINGER

Sau khi được thụ phong linh mục năm 1951, chàng thanh niên Joseph Ratzinger đã theo đuổi sự nghiệp thần học, giảng dạy trong một loạt các trường đại học ở Đức (nằm trong số các trung tâm thần học quan trọng và năng động nhất thời bấy giờ): đó là các trường Freising, Bonn, Münster và vào năm 1996 là trường Tübingen. Đây là những nơi đã đào tạo ra các khối óc sẽ tạo thành “giàn giáo lý thuyết” nâng đỡ những cải cách của Công Đồng Vatican II. Sự đóng góp của các thần học gia Đức cho Vatican II quan trọng đến mức linh mục Ralph M. Wiltgen đã đặt tựa là *Sông Rhine Chảy Vào Sông Tiber*³⁰ cho một trong những quyển sách về Công đồng của ông.

Ratzinger tham dự cả bốn kỳ họp của Công Đồng Vatican II với tư cách là *peritos* (tức chuyên gia thần học) cho Hồng y Josef Frings của Cologne (Đức), người mà Ratzinger đã gặp và kết bạn khi dạy ở Bonn. Nói chung, Frings là một trong nhóm đa số tiến bộ tại Công đồng đã lên tiếng ủng hộ việc trao cho các Giám mục nhiều trách nhiệm “đoàn thể” hơn, việc cải cách phụng vụ, việc cởi mở hơn với các tôn giáo và tiến đến hợp nhất Kitô giáo, và một hình thức cai trị minh bạch hơn trong Giáo hội.

Điều trở trêu rằng Ratzinger là người viết chính cho bài diễn văn mà Frings đọc trước Công đồng vào tháng Mười một năm 1963; nó lên án “các phương pháp và hành vi” của Thánh Bộ, ngày nay là Bộ Giáo lý Đức Tin, như là “nguyên nhân nêu gương xấu cho thế giới”. Chưa đầy hai thập kỷ sau, Ratzinger chính là người đứng đầu bộ này, và cũng nhận được những lời phê phán mà ông đã từng giúp Frings đưa ra. Một số nhà phê bình tố cáo Ratzinger mang chứng bệnh “sốt ban đỏ” nghĩa là tham vọng có chức vụ cao trong Giáo hội – tuy nhiên những người bảo vệ ông lại chứng minh là sự nghiệp của Ratzinger không theo con đường tìm công danh thường gặp nơi những người mong làm Giám mục.

Điều gì đã thay đổi giữa Ratzinger của năm 1963 và Ratzinger của năm 1981, năm ông chuyển đến Rome theo lời mời của John Paul để phụ trách Bộ Giáo lý Đức tin?

30) Sông Rhine là một sông lớn ở Đức, sông Tiber chảy qua Rome. Hai con sông ở đây được dung làm biểu tượng cho nước Đức và cho Vatican.

Chính Ratzinger từ lâu đã khẳng định, như trong cuộc phỏng vấn của tạp chí *Times* năm 1993, rằng lập trường của ông không thay đổi, mà chính là hoàn cảnh thay đổi. Đó là một sự thật không thể nghi ngờ trong lời khẳng định này. Nói chung, có ít nhất hai xu hướng trong số đông tiến bộ (trong các Giám mục và thần học gia) ở Vatican II: một xu hướng được gọi là trở về nguồn, tức là “quay về cội nguồn” để khôi phục lại những truyền thống Kitô giáo của thời Giáo hội sơ khai; xu hướng kia được gọi là *aggiornamento*, hay “canh tân”, tức là tìm cách thích nghi Giáo hội cho phù hợp với thế giới hiện đại. Nói cách khác, một thôi thúc quay lại phía sau, cùng với một thôi thúc hướng tới phía trước. Ratzinger chịu ảnh hưởng của các nhà thần học như Thánh Augustine, Romano Guardini và Hans Urs von Balthasar, luôn cảm thấy thoải mái hơn trong nhóm có xu hướng về nguồn. Rồi khi nhóm canh tân chiếm ưu thế ngay trong thời gian hậu Vatican II, ông đã lo lắng rằng quá nhiều truyền thống bị phi phạm chỉ vì thái độ chấp nhận thiếu phê bình về cái tốt của “thế gian”.

Trong quyển *Phóng sự về Ratzinger*, ông đã trình bày như thế này: “Tôi luôn cố gắng trung thành với Vatican II, với Giáo hội của *ngày hôm nay* mà không hề nhưng nhớ cái *ngày hôm qua*, dứt khoát là đã bị gió cuốn đi, và không hề hăm hở ào tới cái *ngày mai* chưa thuộc về chúng ta”.

Đồng thời, điều chắc chắn là trong một số vấn đề, từ vị thế thần học của các Hội đồng Giám mục quốc gia cho tới cải cách nghi thức phụng vụ, Ratzinger của thời gian sau đã tỏ ra truyền thống và “bảo thủ” hơn. Sẽ quá đơn giản nếu giải thích đó là sự thay đổi từ một “Ratzinger cấp tiến” thành một “Ratzinger bảo thủ” nhưng có điều gì đó đã thay đổi trong suy nghĩ của ông trong những năm quan trọng kể từ 1965 của giai đoạn cuối của Vatican II, khi Giáo hoàng Paul VI đưa ông lên chức Tổng Giám mục của Munich.

Thời điểm then chốt hình như đến vào năm 1968, với cuộc cách mạng sinh viên diễn ra trên toàn châu Âu, kể cả thành phố Tübingen, nơi Ratzinger đang giảng dạy. Tình hình còn trở nên đáng lo ngại hơn khi các cuộc nổi dậy này nhận được sự ủng hộ công khai của một số thành phần trong Giáo hội Công giáo, những người có xu hướng đồng

hóa Chủ nghĩa xã hội của Marx với giáo lý xã hội của Giáo hội Công giáo. Điều này làm Ratzinger hết sức lo lắng, bản thân ông đã sống qua cái thử nghiệm tẻ nhạt của thủ đoạn ý thức hệ tìm cách bóp méo đức tin Kitô giáo dưới thời Đức Quốc xã, do vậy giờ đây ông cảm thấy có bốn phận chống lại một mối nguy khác. Trong một cuộc phỏng vấn dài với một nhà báo Đức tên là Peter Seewald, ấn hành thành sách với tựa *Muối Đất* (Salt of the Earth) vào năm 1997, Ratzinger nói về giai đoạn này: “Bất cứ ai còn muốn tiếp tục ‘cấp tiến’ trong hoàn cảnh đó thì phải từ bỏ bản chất của mình”.

Vị Giáo hoàng mới đã không né tránh việc trình bày thái độ của mình về giai đoạn sau Công đồng là nói lên sự cần thiết phải “khôi phục”. Trong quyển *Phóng sự về Ratzinger*, ông nói: “Nếu chúng ta hiểu từ ‘khôi phục’ như là tìm kiếm sự cân bằng sau tất cả những việc làm quá mức do cởi mở với thế giới một cách thiếu suy xét, do những đánh giá quá tích cực về một thế giới phủ nhận hay chống lại Thiên Chúa, thì ‘khôi phục’ (được hiểu như là trạng thái cân bằng mới về định hướng và các giá trị của mình trong chính bản thể Giáo hội) là việc đáng được thực hiện, và nói cho đúng, đang được tiến hành trong Giáo hội”.

Tuy vậy sẽ là sai lầm nếu xem giai đoạn này trong đời Ratzinger đặt trọng tâm vào việc xét lại các quan điểm trước của ông. Bởi vì đây cũng là giai đoạn sáng tạo nhất của nhà thần học Ratzinger, với những quyển sách quan trọng nằm trong danh sách những tác phẩm thần học gây ấn tượng nhất của thời đại. Được trọng vọng nhất là quyển sách xuất bản năm 1968 của ông có tên *Kitô giáo nhập môn*, trình bày về đức tin Kitô giáo cho độc giả ngày nay. Đây không phải là một giáo trình đầy những luật lệ và quy định; mà là một suy ngẫm về đức tin liên quan đến những kinh nghiệm thâm sâu nhất của con người, một quyển sách dám trần trụi đối mặt với sự nghi hoặc và ngờ vực để có thể tìm ra sự thật về cái gọi là người Kitô hữu hiện đại. Nhiều độc giả cho đây là một quyển sách sống động. Một quyển sách quan trọng khác trong cùng thời kỳ là quyển *Cánh chung học: Cái chết và Đời sống Vĩnh cửu* (1977). Ratzinger đã có lúc gọi nó là: “Tác phẩm hoàn bị nhất của tôi. Đó là tác phẩm mà tôi đã bỏ công sức nhiều nhất”. Trong quyển sách này,

Ratzinger lập luận về sự cần thiết phải "tách biệt việc cánh chung ra khỏi chính trị", không được giải thích Nước Thiên Chúa với những khái niệm chính trị hay xã hội trần thế này. Ông giải thích, điều này không có nghĩa là thoát ly chính trị, nhưng đúng hơn là tương đối hóa chính trị để đặt ra những giới hạn cho quyền lực và cuối cùng là lật đổ chế độ chuyên chế.

TỔNG GIÁM MỤC MUNICH

Sau khi chuyển tới Regensburg để tiếp tục sự nghiệp nghiên cứu và giảng dạy thần học của ông, một lối rẽ mới đến vào năm 1977, khi Paul VI phong cho Ratzinger làm Tổng Giám mục của Munich và rồi chỉ một vài tuần sau, phong cho ông làm Hồng y. Bỗng dưng Ratzinger thấy mình ở trên đỉnh cao nhất của phẩm trật trong Giáo hội Công giáo, dù chưa bao giờ làm việc trong văn phòng nào của giáo hội hay ở Vatican, và chưa bao giờ làm Giám mục cho giáo phận nào. Đó là một sự lựa chọn táo bạo của Paul VI nhằm tìm ra một nhà tư tưởng chứ không phải là một giám chức; Đức Giáo hoàng rõ ràng đã nhận ra rằng, dựa trên cái cách mà các luồng gió thổi ở Tây Âu, đặc biệt là ở Đức, Giáo hội phải cần phải cố gắng hơn bình thường để tạo nên một sự hưởng ứng đáng tin cậy. Vào lúc được bổ nhiệm, vị Giáo hoàng tương lai này đã chọn khẩu hiệu Tổng Giám mục là *Cooperatores Veritatis* ("những người cộng tác cho sự thật"), phản ánh sự quan tâm về sự thật khách quan xuyên suốt tư tưởng và cuộc đời của ông.

Thời gian ngắn ngủi làm Tổng Giám mục của Benedict thật đáng để chúng ta chú ý vì nó đánh dấu kinh nghiệm mục vụ duy nhất của ông trước khi được chọn làm Giám mục Roma (tức Giáo hoàng) trong Cơ Mật Hội năm 2005. Những năm này được đánh giá như thế nào tùy thuộc vào việc bạn hỏi ý kiến một ai đó.

Trong khi làm Tổng Giám mục, Ratzinger đóng một vai trò thứ yếu trong quyết định của Đức Giáo hoàng John Paul II về việc tước giấy phép giảng dạy thần học Công giáo của Hans Küng, một đồng nghiệp cũ của

ông tại Tübingen. Ông cũng ngăn cản việc nhận Johann Baptist Metz, cũng là một đồng nghiệp khác, vào ban giảng huấn của Đại học Munich năm 1979 (một quyền lợi mà ông này được hưởng theo thỏa ước Bavaria năm 1924). Nhiều người trong giới thần học phản nản rằng Ratzinger đã quên gốc rễ của mình. Nhà thần học nổi tiếng người Đức thuộc dòng Tên Karl Rahner gọi sự ngăn cản trên là một sự “bất công và lạm quyền”. Một số linh mục thuộc giáo phận Munich cũng phản nản rằng Ratzinger tỏ ra xa cách và không liên lạc thường xuyên với họ, mặc dù những người khác không đồng ý. Những người bảo vệ Ratzinger cho rằng ông là một mục tử tận tụy, nhưng báo chí Đức chỉ đăng tin những gì liên quan tới các biện pháp kỷ luật; trong khi đó, họ nói, sự dịu dàng của ông với các tín đồ và tinh giản dị của ông phần lớn được giấu kín.

Như lời ghi chú cuối trang của câu chuyện về Metz, Ratzinger xuất hiện ở một buổi họp mặt năm 1998 để mừng sinh nhật lần thứ 70 của Metz. Trong một cuộc phỏng vấn với tờ *National Catholic Reporter*, Metz đã mô tả sự xuất hiện này như là “một cử chỉ hòa giải với giới thần học”.

Sự bổ nhiệm làm Hồng y của Ratzinger năm 1977 cũng đồng nghĩa với việc ông có mặt tại hai Cơ Mật Hội vào năm 1978 bầu ra John Paul I và John Paul II. Vào thời gian trống tòa trước thời gian diễn ra Cơ Mật Hội thứ hai trong năm 1978, trong một cuộc phỏng vấn của các nhà báo, Ratzinger cảnh báo về “các giả định theo Marx” làm nền tảng cho phong trào thần học giải phóng ở châu Mỹ La-tinh mà ông cho là đã mở cánh cửa cho “cuộc đấu tranh tư tưởng”. Đồng thời, ông nói, thực tế của những bất công xã hội cộng với cái mà ông gọi là “việc theo Hoa Kỳ quá hăng say” đòi hỏi thay đổi toàn diện theo nguyên tắc thị trường tự do, đã thực sự tạo ra cơ sở cho sự chống đối trong xã hội. Vài chuyên gia về Vatican tin rằng Ratzinger đã đóng một vai trò trong cuộc bầu chọn Hồng y Karol Wojtyla của Krakow làm Giáo hoàng John Paul II; trước cả hai cuộc họp của các Hồng y, Ratzinger đã tự mình đưa ra một danh sách ngắn *những người có thể làm Giáo hoàng*.

Tháng Mười một năm 1980, Ratzinger chịu trách nhiệm tổ chức chuyến đi của John Paul II đến Munich. Cũng vào năm 1980, John Paul đã chỉ định Ratzinger làm *relator*, tức chủ tịch của một Thượng Hội đồng các Giám mục về đề tài Gia đình. Trong chức vụ này, ông đã được đánh giá cao như là một người biết lắng nghe và biết tổng hợp các mối quan tâm của các Giám mục; mặc dù trong các tham luận riêng tại Thượng Hội đồng, ông đã tích cực bảo vệ các quan điểm truyền thống về việc kiểm soát sinh đẻ và các đề tài khác thuộc luân lý tính dục. Khả năng sự phạm giúp có thể tạm quên quan điểm của mình để lắng nghe quan điểm của người khác cùng với danh tiếng là một nhà thần học xuất sắc của Ratzinger đã khiến người ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi John Paul triệu ông đến Rome vào năm 1981 để phụ trách Thánh Bộ Giáo lý Đức tin. Và như thế, ông trở thành nhà thần học ưu tú đầu tiên được chọn vào chức vụ lãnh đạo bộ phận Tin lý của Đức Giáo hoàng kể từ thời Thánh Robert Bellarmine vào thế kỷ thứ 16.

RATZINGER Ở TÒA THÁNH VATICAN

Bằng nhiều hình thức, thời gian 24 năm của Ratzinger ở Bộ Giáo lý Đức tin đã được ghi chép đầy đủ đến nỗi không cần thiết phải xem xét lại ở đây.

Các nhà phê bình nhớ đến Ratzinger như một thế lực nằm sau một số vấn đề gây tranh cãi nhất trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của John Paul II, kể cả việc kỷ luật các nhà thần học như Linh mục Charles Curran, một nhà thần học luân lý người Hoa Kỳ đã ủng hộ quyền công khai bất đồng ý kiến với giáo lý chính thống của Giáo hội; Linh mục Matthew Fox, một người Hoa Kỳ khác được biết đến với các trước tác về linh đạo sáng tạo³¹; Sơ Ivone Gebara, một người Brazil với xu hướng thần học giải phóng liên kết với mối quan tâm về môi trường; và Linh mục Tissa Balasuriya, một người Sri Lanka muốn tìm cách thể hiện Thiên Chúa giáo qua các khái niệm Đông phương.

31) Linh đạo sáng tạo (Creation Spirituality) là một hệ thống tín ngưỡng do Cha Matthew Fox dòng Đa Minh ở Hoa Kỳ đưa ra, dựa trên các nguyên tắc cơ bản như Thiên Chúa mặc khải qua Kinh thánh và Vũ trụ. Chẳng hạn, Vũ trụ là tốt và mọi người đều có khả năng thần bí và tiên tri... Thuyết này bị Bộ Giáo lý Đức tin lên án là lạc đạo.

Ratzinger cũng không chế một loạt các Giám mục mà người ta coi là cấp tiến thái quá, bao gồm Tổng Giám mục Raymond Hunthausen của Seattle (bang Washington) bị Tòa Thánh khiển trách vì đã tỏ ra quá dễ dãi với tính dục đồng giới và vì dính líu tới những vụ chính trị tiến bộ, và Giám mục Dom Pedro Casaldàliga của Sao Félix (Brazil), bị phê phán vì tham gia chính trị bên ngoài giáo phận của ông.

Chính Ratzinger vào giữa thập niên 1980 đã lãnh đạo chiến dịch của Vatican trừng trị phong trào thần học giải phóng³², một phong trào ở châu Mỹ La-tinh đã đánh đồng Giáo hội Công giáo với các phong trào tiến bộ đấu tranh cải tạo xã hội. Ratzinger xem phong trào thần học giải phóng như một món hàng xuất khẩu từ châu Âu và ông đã dùng toàn bộ sức mạnh của quyền lực Vatican để ngăn chặn sự phát triển của nó.

Ratzinger tìm cách xác định lại bản chất các Hội đồng Giám mục trên toàn thế giới, ông khẳng định là các Hội đồng này không đủ quyền huấn đạo. Cuộc vận động này đã dẫn tới một văn kiện năm 1998, *Apostolos Suos*³³, mà một số người xem là đòn tấn công vào các Hội đồng Giám mục có uy tín lớn như ở Hoa Kỳ và ở Đức. Hội đồng này ở một mức độ nào đó đã làm đối trọng với Tòa thánh Vatican. Ông còn mở rộng phạm vi của “tính bất khả ngộ” để bao gồm cả những chuyện tạp nham như việc cấm đoán phong chức linh mục cho phụ nữ và tính bất thành của các việc truyền chức cho nữ giới trong Giáo hội Anh giáo, dưới chiêu bài chung của tính bất khả ngộ đương nhiên như là một phần của “huấn quyền thông thường và phổ quát của Giáo hội”.

Chính Ratzinger, trong một văn kiện năm 1986, đã định nghĩa tính dục đồng giới là “khuyết hướng với ít nhiều cảm dỗ dẫn tới một việc vô luân tự bản chất”. Vào thập niên 1990, Ratzinger lãnh đạo một cuộc vận động chống lại thần học của chủ nghĩa tôn giáo đa nguyên. Ông khẳng định

32) Phong trào “Thần học giải phóng” (Liberation Theology) phát sinh sau Công đồng Vatican II ở Nam Mỹ hỗ trợ việc Giáo hội phải tham gia cải tạo thế giới, đấu tranh cho công bằng xã hội và người nghèo. Lúc đầu được hưởng ứng khá rộng rãi, sau vì lập trường cực đoan của một số lãnh đạo, Tòa thánh Vatican đã can thiệp và chặn đứng phong trào này.

33) Giáo hoàng John Paul II ban hành Tông thư *Apostolos Suos* năm 1998 để xác định tính chất thần học và giới hạn quyền hành của các Hội đồng Giám mục.

Giáo lý Công giáo tin rằng khi Giáo hoàng đưa ra những huấn thị về đức tin và luân lý với tư cách là Vị Thượng phẩm Tối cao (ex cathedra) thì không thể sai lầm được. Tín điều đó được gọi là tính bất khả ngộ của Giáo hoàng.

rằng giáo lý truyền thống dạy rằng Chúa Giêsu là đáng cứu thế duy nhất, và điều này là không thể nhân nhượng. Nỗ lực này mang tới kết quả cuối cùng là văn kiện năm 2001 có tựa là *Dominus Iesus*³⁴, đã khẳng định rằng những người không thuộc Thiên Chúa giáo ở trong một “vị thế kém hơn hẳn” những người theo Thiên Chúa giáo. Cũng nỗ lực này đã dẫn tới những thông báo cảnh cáo về các tác phẩm của hai nhà thần học dòng Tên, Cha Jacques Dupuis³⁵ của Bỉ và Cha Roger Haight của Hoa Kỳ.

Dù Ratzinger nổi tiếng là một nhà thần học xuất chúng, các nhà phê bình vẫn cho rằng ông cũng có lúc tùy tiện, sử dụng những đánh giá sai lầm của các trợ tá và cố vấn. Chẳng hạn, John Hick, một tác giả của Giáo hội Trưởng Lão Anh (Presbyterians) chỉ ra trong năm 1997 rằng trong một bài thuyết trình phê phán các tác phẩm của mình, Ratzinger đã tưởng Jonh Hick là người Hoa Kỳ, và trích dẫn một số trang trong một quyển sách của ông mà không liên quan gì tới nội dung thảo luận. Trong trường hợp của Cha Dupuis, Bộ Giáo lý Đức tin của Ratzinger chuẩn bị một thông tư phê phán quyển sách của ông rất gắt gao và yêu cầu Dupuis ký vào, sau đó những người ủng hộ Dupuis phản đối rằng các sự trích dẫn không chính xác và những lời khẳng định quy cho Dupuis thực ra không hề có trong quyển sách của ông. Ratzinger chấp nhận sai sót và một phiên bản thông báo kỷ luật nhẹ hơn đã được đưa ra.

Nhưng thành tích này có nghĩa là một số người trong giới thần học Công giáo, đặc biệt những người thuộc cánh cấp tiến, không ngưỡng mộ Ratzinger nhiều lắm. Một linh mục dòng Tên đã theo vụ Cha Dupuis rất sát sao, khi được yêu cầu cho biết suy nghĩ của ông về khả năng trở thành Giáo hoàng của Ratzinger vài ngày trước Cơ Mật Hội các Hồng y, đã nói cách ngắn gọn: “Điều đó làm tôi kinh sợ”.

Ratzinger cũng nổi tiếng với việc thỉnh thoảng đưa ra những lời nhận xét khiêu khích gây tranh cãi. Có lần ông gọi Phật giáo là một “hệ thống duy linh tự thỏa mãn” và trong quyển sách *Muối Đất*, ông phê phán Hồi

34) Tuyên ngôn *Dominus Iesus* của Bộ Giáo lý Đức tin năm 2001, được Giáo hoàng John Paul II phê chuẩn, xác định rằng tuy ơn cứu rỗi vẫn có ở ngoài Giáo hội nhưng chỉ ở trong Giáo hội mới có đầy đủ ơn cứu rỗi.

35) Cha Jacques Dupuis, thần học gia người Bỉ thuộc dòng Tên, trong quyển sách về tôn giáo đa nguyên của ông đã đưa ra những khái niệm bị Bộ Giáo lý Đức tin đánh giá là hàm hồ và có thể dẫn tới sai lạc.

giáo như sau: “Chúng ta không được quên rằng Hồi giáo từng đứng đầu trong việc buôn bán nô lệ và không hề thể hiện sự quan tâm nào đối với người da đen. Và trên hết, Hồi giáo không hề có sự nhượng bộ nào cho việc bản vị hóa”³⁶. Sau này, ông còn nói thêm: “Chúng ta cần hiểu rõ rằng đó không phải là một tôn giáo có thể đơn thuần đưa vào thế giới tự do của một xã hội đa nguyên”.

Trong nhiều dịp Ratzinger cũng nói rằng Giáo hội trong tương lai có thể sẽ phải thu nhỏ lại để gìn giữ sự trung thành với đức tin, ý muốn nói tới trong một giai đoạn ngắn Giáo hội sẽ chỉ đại diện cho một “thiểu số sáng tạo” trong một thế giới thù nghịch với thông điệp của mình. Ông cũng sử dụng hình ảnh “hạt cải” để nói tới một sự hiện diện nhỏ hơn, nhưng mang khả năng phát triển trong tương lai, miễn là giữ được bản chất của mình. Những cách nhìn như thế bị một số người phê phán là quá bị quan. Ví dụ, nhà văn Công giáo người Anh tên là Eamonn Duffy, năm 1985 có đề cập đến những đánh giá của Ratzinger về thế giới đương đại như sau: “Thế giới này không phải chỉ dành để cho đám người duy vật tưởng giả tôn thờ khoái lạc, cũng như không chỉ dành cho những kẻ phá thai, những kẻ buôn phim ảnh khiêu dâm hay những tên sĩ quan ở các trại tập trung. Thế giới này là nơi những con người nam nữ bình thường sống và phải tìm được ơn cứu rỗi cho mình”.

Cuối cùng, Ratzinger đã khẳng định rằng trách nhiệm đầu tiên của ông trong Bộ Tin lý không phải là để làm cho cuộc sống các nhà thần học dễ dàng hơn, mà là để bảo vệ quyền lợi của 1,1 tỷ giáo dân Công giáo trên toàn thế giới, để cho họ có được một trình bày đầy đủ và đúng đắn về đức tin. Như ông đã nói vào năm 1997: “Những ai không có khả năng chống trả về mặt trí tuệ thì cần được bảo vệ – để chống trả trước sự tấn công về mặt trí tuệ lên những điều duy trì cuộc sống của họ”. Ông cho rằng, “tính sáng tạo trong thần học”, theo cách người ta đã hiểu về nó, có lẽ phải mang trách nhiệm về tình trạng giữ đạo giảm sút trong Giáo hội Công giáo ở một số nơi. “Các nhà thần học nên cân nhắc xem mức độ trách nhiệm của họ về tình trạng càng ngày càng nhiều người

³⁶) Bản vị hóa. Inculturation, là một từ dùng trong việc truyền đạo (missiology, truyền giáo học) nói tới việc nhìn nhận các giá trị văn hóa bản địa và thích nghi việc truyền giáo sao cho thích hợp.

hơn đi tìm chốn nương náu trong những hình thức tôn giáo hẹp hòi và thiếu lành mạnh. Khi người ta (các thần học gia) chỉ còn đưa ra toàn những câu hỏi và không có một phương hướng tích cực nào cho đức tin thì những cuộc chạy trốn như vậy là không tránh khỏi”.

Những quan điểm như thế và nhiều quan điểm khác đã khiến cho Ratzinger trở thành một nhân vật gây phản cực tư tưởng, ít nhất là trong nhóm ôn hòa của giới học thuật và tôn giáo. Cha Charles Curran, một trong những mục tiêu của Ratzinger vì những quan điểm của ông về luân lý tính dục và về vấn đề bất đồng quan điểm thần học³⁷, phê phán Ratzinger vì đã cấm cản một cách độc đoán việc tranh luận thần học.

“Vấn đề là ông đã quá dễ dàng đánh đồng chân lý với những gì mà giáo quyền đã dạy vào một thời điểm nhất định nào đó”, Curran nói vậy vào năm 1999. “Bộ Tin lý không thể nắm bản quyền về cách sống đạo Công giáo”.

Tuy vậy những người hâm mộ Ratzinger, và số này rất đông, khẳng định rằng nếu chỉ tập trung vào những tranh luận trong thời gian ông nắm quyền ở Bộ Giáo lý Đức tin thì sẽ để sót hai điều cơ bản cần phải xem xét. Đó là những phẩm chất con người của ông và những mối quan tâm dai dẳng đã làm cơ sở cho các cuộc chiến ông gây nên.

Về phần cá nhân của Ratzinger, những ai đã từng làm việc với ông thì khẳng định rằng ông không phải là một người hiếu chiến như bản liệt kê chớp nhoáng trên.

“Ông là một người tao nhã, bình thân, phóng khoáng một cách lạ thường”. Tổng Giám mục San Francisco là William J. Levada, từng làm việc trong bộ phận của Ratzinger tại Vatican vào đầu thập niên 1980, đã nói như vậy. “Ông biết lắng nghe, biết tổng hợp ý kiến của nhóm và thấy được giá trị trong hầu hết mọi phát biểu. Ông có một khả năng phi thường là có thể nói lên những điều chúng tôi định nói nhưng lại quên”, Levada nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* vào tháng Hai

37) Về bất đồng quan điểm thần học (theological dissent), Charles Curran cho rằng một giáo dân có quyền không đồng ý với những gì Giáo hoàng hay Tòa thánh dạy, miễn không phải là tín điều ex cathedra. Bộ Giáo lý Đức tin lên án ý kiến này là sai lạc.

năm 1999. Rõ ràng, lòng kính trọng này là tình cảm hỗ tương, bởi vì vị Giáo hoàng mới đã chọn Levada làm người kế vị mình, phụ trách Bộ Giáo lý Đức tin vào ngày 13 tháng Năm năm 2005.

Thái độ thân ái của ông được bộc lộ trong vai trò người đứng đầu Bộ Tin lý; Ratzinger đã nhiều lần chấp nhận lời mời tranh luận với những học giả thuộc các tôn giáo khác hay với những người không có đức tin, và đó thường là những cuộc đối thoại công khai. Ratzinger luôn tỏ ra cởi mở, sẵn lòng chấp nhận những quan điểm nào được trình bày rõ ràng và thuyết phục, ông không bao giờ kháng kháng cho rằng ý kiến của mình là đúng hay tỏ ra cao ngạo. Ví dụ, vào ngày 25 tháng Mười năm 2004, ông tham gia một hội thảo chuyên đề với một nhà tư tưởng bảo thủ phi tôn giáo người Italia tên là Ernesto Galli della Loggia, tại dinh thự Palazzo Colona ở Rome. Trong lời mở đầu, Ratzinger gọi xã hội đương thời là “thực sự đang bệnh hoạn” và nói rằng khả năng đạo đức của loài người đã không theo kịp kỹ năng công nghệ của nó. Ông nói rằng trong hoàn cảnh như vậy, các tin đồ tôn giáo và những người theo chính sách tục hóa có thiện chí nên hợp sức để cùng cố gắng vực lại nền luân lý. “Tôi đã đến đây với ý thức là chúng ta phải hợp tác với nhau”.

Trong cuộc thảo luận, Gelli della Loggia thách thức Ratzinger và phản đối điều mà ông gọi là xu hướng lẫn lộn “sự sống” với “con người” của Giáo hội Công giáo; Gelli della Loggia nói, ông đồng ý rằng phôi thai là sự sống nhưng đó không phải là một con người, và không thể áp dụng tất cả mọi phạm trù đạo đức chung với con người.

Ratzinger chấp nhận lập luận này tức khắc.

“Tôi nghĩ việc thỉnh thoảng sử dụng từ ‘sự sống’ thay cho từ ‘con người’ là một sai lầm”, ông nói. “Xét cho cùng, một cây cỏ cũng là sự sống”.

Cuối buổi tối, thánh giá nhiệt liệt hoan hô sự sinh động và cởi mở của Ratzinger, và hầu hết đều cho rằng ông là người chiến thắng trong cuộc tranh luận này.

Một sự kiện tương tự diễn ra tại một nhà hát chật cứng người ở Rome năm 2000, khi Ratzinger đồng ý đối thoại với triết gia người Italia là Paolo Flores d'Arcais, một người tự cho là vô thần. Nhiều người trong

số hàng trăm khán thính giả đã đến với sự hoài nghi về “vị Hộ pháp của Vatican” nhưng sau đó dần dần bị thuyết phục bởi sự duyên dáng, sắc sảo và biết lắng nghe đối phương của ông. Khi Flores cho rằng, những người vô thần đôi khi hành xử theo những giá trị Phúc âm còn tốt hơn cả các tín đồ, và ngay lập tức ông được thính giả vỗ tay hoan hô thì Ratzinger nói: “Tôi hài lòng với sự cổ vũ vừa rồi. Việc tự phê bình là tốt cho cả hai, để chúng ta có thể suy nghĩ cách mới mẻ”.

Những người ngưỡng mộ nói, lòng tốt của Ratzinger không chỉ được mang ra trình công chúng trong những dịp như thế này mà đó còn là một phẩm chất cơ bản của con người ông. Ví dụ, sau khi được bầu làm Giáo hoàng, Ratzinger đi đến căn hộ của mình ở quảng trường Piazza Leonina để lấy những vật dụng cá nhân mà ông muốn mang theo. Căn hộ của ông cùng tầng với các căn hộ của ba vị Hồng y khác, và trước khi rời đi, Giáo hoàng Benedict đến rung chuông ba căn hộ kia để cảm ơn các sơ lo việc nội trợ cho các Hồng y. Các sơ này đã tỏ ra ngạc nhiên khi vị Tân Giáo hoàng tới cảm ơn họ vì đã có mối quan hệ láng giềng tốt đẹp trong suốt những năm ông ở cùng cư xá. (Để ghi chú thêm, nhiều người trong số các sơ này là người Hoa Kỳ, thuộc dòng các Nữ tu Dòng Chúa Thương xót ở Alma). Những người biết rõ về Đức Giáo hoàng đều nói, đó là một cử chỉ tuyệt vời.

Tình cảm quý mến mà Ratzinger gợi lên từ những nhân viên của ông trong Bộ Giáo lý Đức tin gần như là một huyền thoại. Khi ông tới thăm văn phòng Bộ ngay sau khi được bầu, ông được hộ tống bởi Hồng y Quốc vụ khanh là Angelo Sodano, và “người thay thế” Tổng Giám mục là Leonardo Sandri, cả hai người đều có tiếng là khách sáo và giữ kẽ với thuộc cấp. Một nhân viên ở Bộ Tín lý đã kể lại rằng hai người này đã sững sờ trước tình cảm dạt dào dành cho vị Tân Giáo hoàng từ những trợ tá cũ của ông. Hầu hết nhân viên, khi được giới thiệu với Đức Giáo hoàng, đều rung rung muốn khóc. Có một người cho biết đã không thể thốt nên lời khi đến lượt trình diện với Giáo hoàng, và sau đó đã viết thư cho ông để thổ lộ tình cảm của mình.³⁸

38) Phủ Quốc vụ khanh (Secretariat of State) đứng đầu Giáo triều Roma. Vị Hồng y đứng đầu Phủ Quốc vụ khanh có thể so sánh như Thủ tướng các nước.

Hơn nữa, những người bảo vệ ông khẳng định, các lập trường được Bộ Giáo lý Đức tin trình bày trong suốt 24 năm nay không phải là những ưu tư của cá nhân Joseph Ratzinger, mà là suy nghĩ chung của tập thể thành viên của Bộ cũng như của các Hồng y khác cùng làm việc cho Bộ. Chính Ratzinger đã nói lên ý tưởng này trong quyển *Muội Đất*: “Tôi không bao giờ mạo muội sử dụng những quyết định của Bộ để áp đặt những quan điểm thần học của riêng tôi lên dân Chúa... Tôi coi phận vụ của mình như là điều phối viên của một nhóm làm việc lớn”, ông nói. “Khi các Hồng y họp lại, chúng tôi không bao giờ đưa ra quyết định nếu các cổ vấn chưa đồng ý về cơ bản, bởi chúng tôi cho rằng nếu có những khác biệt đáng kể trong ý kiến của các nhà thần học giỏi, thì chúng tôi không thể dựa vào ánh sáng nào cao hơn (nếu có), để tuyên bố rằng chỉ có một người là đúng. Chỉ khi nào nhóm tư vấn có sự nhất trí cao, có một sự đồng tình cơ bản, chúng tôi mới đưa ra những quyết định”.

Hồng y McCarrick của giáo phận Washington đã xác nhận điểm này sau khi Giáo hoàng Benedict được bầu chọn.

“Bộ Giáo lý Đức tin không phải chỉ là Ratzinger đi đến văn phòng, đóng cửa lại và viết tài liệu”, ông nói. “Mọi việc ông làm đều phải tiếp nối với truyền thống của Giáo hội”.

Do vậy, trong chừng mực nào đó, những người ngưỡng mộ Ratzinger, kể cả những Hồng y đã bầu ông làm Giáo hoàng, tin rằng ông đã gánh chịu một cách bất công trong một phân tư thế kỷ những nổi ty, hiểm của công chúng về những lập trường tư tưởng mà bất cứ người đứng đầu Bộ Giáo lý Đức tin nào cũng phải đưa ra. Họ cho biết là đằng sau hậu trường, đôi khi ông là người có ảnh hưởng ôn hòa, chẳng hạn như việc can thiệp của ông trong thời gian soạn thảo Thông điệp *Veritatis Splendor* năm 1993, để đưa ra luận cứ rằng, vì giáo lý của Giáo hội về kiểm soát sinh đẻ không phải là tin điều được mặc khải trực tiếp cho nên không thể được tuyên bố là “bất khả ngộ” được.

Về những mối quan tâm cơ bản của Ratzinger, những mối quan tâm có lẽ còn kéo dài qua nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông, những người ngưỡng mộ ông cho rằng ông không hề muốn bóp chết việc tranh cãi

trong thần học chỉ đơn thuần vì muốn tỏ uy quyền, hoặc muốn xúc phạm một số người có thể bị tổn thương do một số tuyên bố của ông, chẳng hạn những người đồng tính hay những phụ nữ cảm thấy được ơn gọi làm linh mục trong giáo hội Công giáo. Họ nói, về bản chất, ông không phải là một kẻ thích tấn công.

Họ cho rằng, niềm đam mê lớn nhất trong suốt cuộc đời của Ratzinger luôn là chân lý. Ratzinger tin rằng không học thuyết nào có thể giải phóng con người và không có thảo luận thần học nào là tự do thực sự, nếu nó đưa con người vào những khái niệm sai lầm về ý nghĩa và mục đích của cuộc sống của họ. Theo nghĩa này, Ratzinger không thấy có mâu thuẫn nào giữa những đòi hỏi giáo huấn và những đòi hỏi mục vụ – ông tin là hành vi mục vụ cao quý nhất của Giáo hội là nói cho người khác biết chân lý. Dựa trên kinh nghiệm bản thân với Đức Quốc xã, Ratzinger nói rằng ông đã chứng kiến sự đổ nát nằm đằng sau những ý tưởng lệch lạc, những học thuyết sai lầm. Việc khẳng định rằng trí khôn con người có khả năng nhận thức chân lý, và chân lý này được trình bày một cách đầy đủ nhất trong sách Phúc âm Kitô giáo; ông tin đó là cơ sở đáng tin duy nhất cho nền nhân bản đích thực.

“Nhiều người hiểu mọi điều tôi nói như là thành phần của một cơ chế muốn giữ loài người dưới sự giám hộ chứ không phải một cố gắng trung thực về mặt trí tuệ để hiểu được thế giới và con người”. Ratzinger viết trong tác phẩm *Muối Đất*.

Chính vì lý do này mà những người ngưỡng mộ Ratzinger đã từ lâu chê cười mọi việc mô tả ông như là “người nghiện nắm quyền kiểm soát”.

“Tôi không tin là có thể đưa ra bất cứ trường hợp đáng tin nào chứng minh được ông ấy là người độc đoán”. Linh mục Augustine Di Noia thuộc dòng Đa Minh nói với phóng viên tờ *National Catholic Reporter* vào năm 1999. Lúc đó, Di Noia là trưởng nhóm cố vấn thần học cho Hội đồng Giám mục của Hoa Kỳ; sau này ông sẽ đến Rome để làm việc như là Thứ trưởng cho Ratzinger trong Bộ Giáo lý Đức tin, vị trí mà ông đang đảm trách.

“Đức tin không phải là sự kìm nén trí tuệ mà là sự nâng cao trí tuệ”, Di Noia nói vào năm 1999. “Sự tách biệt cơ bản giữa những thần học gia

theo xu hướng ly khai hay xét lại và mẫu người như John Paul II và Ratzinger nằm ở đường phân cách này. Ratzinger đang trình bày những điểm hoàn toàn không gây tranh cãi, thậm chí 50 năm trước đây”. “Trong số hiếm trường hợp mà ông phải kềm cương ai đó”, Di Noia cho biết, “là bởi ‘một lần ranh rõ rệt’ đã bị vượt quá xa”.

TỒN THẤT CUỐI CÙNG

Hai tuần sau khi nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict bắt đầu, tồn thất cuối cùng đã được tuyên bố trong các cuộc chiến đã diễn ra khi ông nắm quyền ở Bộ Giáo lý Đức tin, tàn tích của những tranh cãi được liệt kê ở phần trên. Linh mục Thomas Reese, Tổng biên tập của *Tạp chí America*³⁹ rất được các Linh mục dòng tên trọng nể, đã từ chức sau khi Bộ Tín lý yêu cầu các bề trên nhà dòng tước chức tổng biên tập của ông, chấm dứt năm năm căng thẳng ngầm giữa văn phòng của Ratzinger và dòng Tên, và với chính bản thân của Reese.

Điều trở trêu là Reese đã nhận được tin bị cách chức chỉ vài ngày sau khi từ Rome trở về New York, sau khi đã phụ trách việc đưa tin về Cơ Mật Hội bầu chọn Ratzinger làm Giáo hoàng Benedict XVI.

Qua năm năm trao đổi giữa Bộ Giáo lý Đức tin và các tu sĩ dòng Tên, Bộ đã đặt vấn đề đối với nhiều bài được chọn đăng trên báo *America* do Reese làm chủ bút, bao gồm:

- Một tiểu luận khảo sát về những lý luận đạo đức ủng hộ việc sử dụng bao cao su trong thời đại HIV/AIDS hoành hành;
- Nhiều phân tích phê phán tài liệu của Bộ Giáo lý Đức tin phát hành vào tháng Mười năm 2000, tức Tuyên ngôn *Dominus Iesus* về đa nguyên tôn giáo;
- Một bài xã luận phê phán điều mà tờ *America* gọi là quy trình thiếu hợp lý trong các thủ tục mà Bộ Giáo lý Đức tin dùng để điều tra các nhà thần học;

39) *Tạp chí America* là một tuần báo chuyên về thông tin tôn giáo và thần học, do các cha dòng Tên ở Hoa Kỳ thành lập năm 1909. Báo phát hành khắp toàn Hoa Kỳ. Báo thể hiện xu hướng ôn hòa và cởi mở, thường đề cập tới nhiều đề tài gây tranh luận.

- Một bài tiểu luận về các linh mục tính dục đồng giới;
- Một bài tiểu luận do Nghị sĩ David Obey (D., Wis.) viết, yêu cầu xét lại những đề nghị rằng Giáo hội nên từ chối việc lãnh nhận Bí tích Thánh Thể cho các chính trị gia Công giáo không bỏ phiếu ủng hộ phong trào bảo vệ sự sống (*prolife*).

Những người bảo vệ Reese lưu ý là trong mỗi trường hợp, mặc dù những bài báo này theo một nghĩa nào đó đã thách thức những quan điểm chính thống của Giáo hội, chúng đều được trình bày như một phần của một loạt bài về cùng một chủ đề chung trên tờ *America*, và trong loạt bài này luôn có những bài báo quan trọng đưa ra những luận điểm đối lập.

Các thư từ chính thức về số phận của Reese được trao đổi giữa Bộ Giáo lý Đức tin và Tổng quyền dòng Tên, Cha Peter-Hans Kolvenbach ở Hà Lan. Nội dung các bức thư sau đó được chuyển đến cho thượng cấp của Reese trong dòng Tên ở Hoa Kỳ. Dù những người phê phán Reese cả ở Hoa Kỳ lẫn ở Rome đôi khi tố cáo ông mang tâm lý “chống cấp trên”, những người ủng hộ ông khi phúc đáp cho Bộ Giáo lý Đức tin về bảy năm làm Tổng biên tập của ông, đã lưu ý là tờ *America* luôn đều đặn cho in nhiều bài báo có chất lượng do nhiều nhân vật hàng đầu trong hàng giáo phẩm, trong đó có cả chính Ratzinger cũng tham gia.

Vào tháng Hai năm 2002, Bộ Giáo lý Đức tin đề nghị thành lập một ủy ban gồm ba thành viên là các Giám mục Hoa Kỳ để hoạt động như “ban kiểm duyệt” cho tờ *America*, nhưng cuối cùng đề nghị này không được thông qua. Qua những cuộc thảo luận hai chiều, Bộ Giáo lý Đức tin cho dòng Tên biết lý do họ hành động như vậy là vì có những mối âu lo từ phía các Giám mục Hoa Kỳ. Dù nguyên nhân thực sự nằm ở đâu thì sự căng thẳng vẫn không hề suy giảm, và đầu xuân năm 2005 tình hình đã rõ là Reese phải ra đi. Một lá thư yêu cầu cách chức ông được đề ngày vào giữa tháng Ba. Những người quan sát suy đoán nếu không phải Ratzinger mà là người khác được bầu làm Giáo hoàng, có lẽ Reese sẽ đợi thêm để xem chính sách triển khai như thế nào; nhưng rồi Ratzinger giành chiến thắng, Reese tin rằng đó là dấu hiệu báo trước chuyện gì sẽ xảy đến. Ông quyết định nghỉ phép ở California trong khi xem xét sẽ phải làm gì sau đó.

Sự ra đi của Reese sẽ làm một số người hoang mang, bởi vì từ lâu tờ *America* vẫn được xem là một tờ báo ôn hòa, dù rõ ràng là nghiêng về cánh tả, có nội dung hấp dẫn, luôn tránh né các lập trường cực đoan. Vài người suy đoán rằng, có lẽ vì Reese quá nổi trong giới báo chí Hoa Kỳ với tư cách là bình luận viên về các sự vụ của Giáo hội nên ông đã trở thành “một mục tiêu”. Nếu suy luận này đúng, hành động can thiệp có vẻ sẽ không được tích sự gì. Bởi vì các bài viết của Reese đã được các báo chí trích dẫn rộng rãi trước khi ông làm việc cho tờ *America* năm 1998, và cái tiếng “bị Tân Giáo hoàng sa thải” sẽ không làm ông bớt nổi danh tỹ nào. Những người khác thì kết luận là vì tờ *America* được biết tiếng với các bài bình luận sắc sảo và tinh tế đã khiến cho nó trở thành một “mối đe dọa”.

Ngược lại, những người bảo vệ Bộ Giáo lý Đức tin thì lại cho rằng việc yêu cầu một tờ báo do một dòng tu bảo trợ lại do chính một thành viên của dòng tu đó đứng làm Tổng biên tập phải bảo vệ giáo lý của Giáo hội là không hề vô lý chút nào.

Dù hiểu cách nào về cuộc tranh luận này, cũng cần phải nhấn mạnh rằng áp lực buộc Reese từ chức đến vào những ngày cuối của Ratzinger ở Bộ Giáo lý Đức tin, và vì thế sẽ không công bằng khi xem đây là một dấu hiệu để xét về phương hướng của nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict. Hơn nữa, dù cho thực tế là quyền quyết định tại Bộ Giáo lý Đức tin nằm trong tay Ratzinger, không ai biết rõ là bản thân ông trực tiếp liên quan tới các cuộc bàn cãi về Reese ở mức độ nào. Tuy nhiên, việc Bộ Giáo lý Đức tin nhắm tới Reese và tờ báo *America* sẽ gây hoang mang cho những ai đang cố tìm hiểu xem Benedict XVI muốn dẫn Giáo hội đi tới đâu. Một số quan sát viên Giáo hội Kitô giáo sẽ tự hỏi, nếu tờ *America* mà không an toàn thì ai sẽ an toàn?

MỘT CON NGƯỜI PHỨC TẠP

Và như thế, con người phức tạp này đã trở thành Đức Giáo hoàng Benedict XVI: một nhà trí thức nghiêm túc, một người bảo vệ đức tin cuồng nhiệt, một người hoài nghi về tính lành mạnh của nền văn hóa

đương đại, một người sẵn sàng sử dụng những biện pháp kỳ luật của huấn quyền khi có một vấn đề đức tin nào đó bị đe dọa. Nhưng đồng thời, ông cũng là một người rất khoan dung và khiêm tốn, là người có khả năng khơi gợi tình cảm quý mến và sự gắn bó từ những ai gần gũi với ông, là người nổi tiếng cả vì tính cứng rắn lẫn khả năng làm việc tập thể, uyên bác nhưng lại quan tâm tới người dân tầm thường. Dựa vào nhiều phương diện của quá khứ và tính cách của ông, (tuy đôi khi chúng có vẻ như xung khắc với nhau), ta có thể mong chờ đây sẽ là một nhiệm kỳ Giáo hoàng ấn tượng.

C H U Ũ G 6

QUYẾT CHIẾN VỚI “CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI
CỦA CHỦ THUYẾT TƯƠNG ĐỐI”

“Giáo hội là một nền tảng cho tự do bởi hình thức của Giáo hội là một sự hiệp thông, mà hiệp thông bao gồm một lời cam kết gắn bó chung. Bởi vậy, khi tôi đứng lên đương đầu với một chế độ độc tài, tôi không làm thế nhân danh tôi như một cá nhân riêng biệt, mà là vì có một sức mạnh bên trong nó vượt qua cái tôi cá nhân và sự chủ quan của tôi.”

(Giáo hoàng Benedict XVI)

Có lẽ lời bình luận tinh tế nhất ngay sau cuộc bầu cử Giáo hoàng Benedict đến từ Hồng y Francis George của Chicago, một trong số ít người trong Hồng y đoàn mà các nhà quan sát cho là có thể sánh được với vị Giáo hoàng mới xét về mặt học thức. Trong cuộc họp báo tại Chúng viện North American College, vào buổi sáng sau cuộc bầu cử, trong khi các Hồng y người Hoa Kỳ khác chia sẻ những cảm tưởng riêng về vị Giáo hoàng mới và tỏ lời cảm ơn các cơ quan truyền thông vì đã đưa tin tích cực về Giáo hội, George đã không thể cưỡng lại việc đi sâu vào cái logic của Chúa quan phòng trong việc bầu chọn Joseph Ratzinger.

George nói trong cuộc họp báo: “Năm 1978, khi Karol Wojtyla được bầu làm Giáo hoàng John Paul II, thách thức chính của Giáo hội Công giáo là xuất phát từ phương Đông, dưới hình thức Chủ nghĩa cộng sản Xô viết. Ngày nay thách thức lớn nhất xuất phát từ phương Tây,

và Benedict XVI là một người đến từ phương Tây, ông hiểu lịch sử và văn hóa của phương Tây”.⁴⁰

Dường như điều George muốn cho thấy là tình tương đồng trong bối cảnh lịch sử khi hai vị Giáo hoàng gần đây nhất nhậm chức. Năm 1978, người nhậm chức là Karol Wojtyla, “vị Giáo hoàng đến từ xứ sở xa xôi” này là một người lý tưởng để mở một cuộc đấu tranh về mặt tinh thần và văn hóa chống lại chế độ Xô Viết. Năm 2005, Hồng y đoàn đã bầu một người cũng phù hợp như thế cho cuộc chiến chống lại cái mà chính ông đã đặt tên là “chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối” ở phương Tây trong bài giảng tại Thánh lễ *pro eligendo papa* vào buổi sáng khai mạc Cơ Mật Hội các Hồng y. Nếu cuộc chiến chống lại chế độ Xô Viết là đặc điểm cơ bản của ít nhất là các giai đoạn đầu của nhiệm kỳ Giáo hoàng của Wojtyla thì cuộc chiến chống lại chủ thuyết tương đối có thể là kim chỉ nam dẫn đường cho Ratzinger hay không?

George dường như nghĩ vậy.

Ông nói: “Có một vết nứt trong chế độ Xô Viết đã làm nó sụp đổ, đó là do những cố gắng mang lại công bằng xã hội đã bị băng hoại bởi việc kiểm soát tự do. Ở phương Tây cũng có một đường nứt giữa mỗi bận tâm cho tự do cá nhân và việc thờ ơ với chân lý khách quan”. George nói rằng cả hai sự mâu thuẫn đều “không thể sống sót lâu”. George nói thêm: “thời gian và tốc độ” mà Giáo hoàng Benedict sẽ cần để tập hợp lực lượng cho việc đối chứng với chủ thuyết tương đối ở phương Tây thì chưa rõ bao lâu.

Khó lòng biết được là sẽ có hay không những khoảnh khắc riêng biệt đầy kịch tính đã đánh dấu cuộc thập tự chinh tinh thần của John Paul chống lại sự lan tỏa của Xô Viết ở phương Đông, như chuyến trở về Ba Lan gây nhiều xáo trộn trong năm 1979 của ông; chủ thuyết tương đối là một đối thủ rườm rà, mơ hồ hơn nhiều và không có hệ thống. Chủ thuyết tương đối ở phương Tây lại thường đưa tới một lối sống chán chường và không mục đích hơn là sự chống đối có tổ chức.

40) Đông và Tây trong phần này muốn nói tới Đông Âu và Tây Âu, chứ không phải châu Á và châu Âu.

Cho nên, điều đầu tiên Giáo hoàng cần phải làm là thuyết phục mọi người rằng *thực sự* có một chế độ độc tài phải chống trả, một khó khăn ban đầu mà John Paul II đã không phải đối mặt.

Trong lúc chuẩn bị đi vào Cơ Mật Hội, nhiều Hồng y đã nói với phóng viên từ *National Catholic Reporter* rằng họ đã nhận diện một mối lo ngại đặc biệt trong nền văn hóa trần tục, đặc biệt là nền văn hóa tương đối và hậu Kitô giáo thường xuyên chi phối Tây Âu. Trên cơ sở của mối bận tâm đó, nhiều người kết luận rằng Ratzinger chính là người có kinh nghiệm sống và sự chuẩn bị trí thức thích hợp để đối phó với thách thức trên. Đây không phải là đề nghị để xem xét bầu chọn Ratzinger như là việc Hồng y đoàn công khai trao nhiệm vụ cho ông khai chiến chống lại chủ thuyết tương đối; hầu hết các Hồng y đã không tiếp cận sự vụ một cách cụ thể như vậy.

Tuy nhiên, các nhà tư tưởng như George và có lẽ quan trọng hơn, như Benedict XVI, tin rằng không có sự ngẫu nhiên trong lịch sử; vì thế họ sẽ cố sức để nhận ra ý định của Thiên Chúa khi cho sự việc diễn ra theo cách này. Họ sẽ muốn hỏi xem nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict có vai trò gì trong dự định muôn đời của Chúa? Ít ra trong những giai đoạn đầu, câu trả lời có sức thuyết phục nhất cho vấn đề này dường như là “để cứu Tây Âu thoát khỏi chính nó, như John Paul đã cứu giúp Đông Âu”.

HAI LỜI CẢNH BÁO

Tuy nhiên, cách nhận thức trên có thể dễ bị hiểu sai nếu đi quá xa một trong hai hướng. Thứ nhất, nó có thể khiến chúng ta phải nghĩ rằng Giáo hoàng Benedict sẽ tập trung quan tâm đến châu Âu mà thôi; hoặc thứ hai, nó có thể làm ta lầm tưởng rằng động lực chính cho nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông chỉ là để tố cáo nền văn hóa có ưu thế hơn. Cả hai hướng dường như đều không đúng.

Đức Giáo hoàng Benedict hiểu rằng ông giờ đây là mục tử của Giáo hội Kitô hoàn vũ và hai phần ba tín đồ Công giáo trên thế giới ngày nay sống ở nam bán cầu. Ông không thể chỉ tập trung lo cho châu Âu, cho

dù việc phục hồi (sức sống đạo) của châu Âu có quan trọng đối với sự sống còn của Kitô giáo tới đâu đi nữa. Nếu ông không thể bày tỏ được kinh nghiệm và nguyện vọng của người Công giáo ở nam bán cầu thì nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ được xem là thất bại, cho dù tác động của ông ở châu Âu và Bắc Mỹ có lớn tới đâu chăng nữa. Thêm vào đó, Benedict cũng nhận ra là dù ông có thể xem cái nguy cơ của phương Tây thế tục đang lao đảo và sắp rơi vào thời kỳ đen tối của chính nó có lớn mấy đi nữa, người ta sẽ không bị thu hút bởi một loại “đạo Kitô kiểu Taliban” chỉ biết lên án hay rút lui. Về cơ bản, ông phải gọi lên được lòng đam mê, đem lại một viễn cảnh thuyết phục về cái đẹp mà Phúc âm có thể mang lại. Nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ không được đánh giá trên khả năng phê bình mà trên khả năng gọi lên niềm hy vọng.

Tuy thế, quan điểm của George xem việc cứu vớt phương Tây là trọng tâm trong chương trình hành động của Tân Giáo hoàng cũng được sự đồng tình của một người Hoa Kỳ thâm thúy khác, Hồng y Francis Stafford, người đứng đầu Tòa Ân giải Tối cao, một tòa án của Vatican chuyên giải quyết những vấn đề lương tâm.⁴¹

Stafford nói trong một cuộc phỏng vấn sau đó: “Bi kịch của châu Âu nằm trong việc từng cá nhân và toàn thể xã hội châu Âu đã đánh mất dần bản tính Kitô giáo của họ. Đáng tiếc là điều đó đang được lặp lại trong liên minh châu Âu. Có một thứ tâm lý sợ Chúa Kitô, không chỉ đơn thuần là chạy trốn khỏi Người... Đức Giáo hoàng Benedict sẽ có thể mang lại cho người dân châu Âu, giúp họ tìm lại được ý thức về phẩm giá của việc làm con của Chúa, được Thiên Chúa chọn làm con của Người trong Chúa Kitô”.

TẠI SAO CHỌN TÊN “BENEDICT”?

Các Giáo hoàng chọn tên vì nhiều lý do khác nhau, và họ không phải lúc nào cũng muốn tiết lộ về phương hướng lãnh đạo trong nhiệm

41) Tòa thánh Vatican có ba Tòa án Giáo hoàng giải quyết các vụ tranh chấp là Tòa Ân Giải Tối Cao, Tối Cao Pháp Viện và Tòa Chống Án Trung Ương hay còn gọi là Tòa Ân thượng thẩm (Roman Rota)

kỳ của họ. Đôi khi họ chọn một cái tên có sẵn nào đó, chẳng hạn vì đó là tên thánh bốn mạng của thanh phố quê hương của họ, hay để thể hiện lòng tôn kính một vị thánh đặc biệt nào đó. Đôi khi, như ở trường hợp của John Paul I và John Paul II⁴², họ chọn tên để thể hiện sự kính trọng đối với những người tiền nhiệm gần nhất của họ. Tuy nhiên trong trường hợp của Benedict XVI, rõ ràng sự lựa chọn tên tỏ ra sâu sắc hơn, và cho biết những chi tiết quan trọng về nhận thức của ông về việc ông được bầu làm Giáo hoàng.

Benedict (480–543) là con trai của một nhà quý tộc Roma ở Norcia, một thị trấn nhỏ của Italia gần Spoleto. Ông đã trải qua thời trai trẻ học tập ở Roma và sống với bố mẹ. Ở tuổi 19 hay 20, dù được trang bị đầy đủ cho cuộc sống sung túc của người thuộc giới thượng lưu, ông đã quyết định bỏ ngang việc học tập và chọn cuộc sống biệt lập trong tu viện, chạy trốn khỏi những gì ông coi là cuộc sống phóng dăng và vô định hướng của Roma vào thế kỷ thứ 5. Ông rút lui về miền quê, thành lập một cộng đoàn nhỏ gồm những người chia sẻ cách nhìn của ông về tình trạng đương thời và quyết định tự lo cơm áo bằng lao động chân tay. Sau một thời gian, ông lập một tu viện và sau đó soạn ra “Quy luật” nổi tiếng của ông, một phác thảo về cuộc sống nơi tu viện dựa trên bác ái, kính nguyện và tiết chế, luôn sống với các nhân đức cơ bản đã thấm nhuần ý thức về nguồn gốc siêu nhiên và mục đích của chúng.

Khi Hồng y Angelo Sodano – Phó niên trưởng Hồng y đoàn – hỏi Joseph Ratzinger về tên mà Tân Giáo hoàng muốn được gọi thì ông đã trả lời không do dự là “Benedict” và ông còn kèm theo những lời giải thích tường tận. Theo Hồng y George khi ông kể câu chuyện này cho báo giới, Giáo hoàng nói đại khái như sau: “Thánh Benedict sống vào thời kỳ Đế chế Roma đang suy sụp, và ông nhận thức rõ vai trò của Giáo hội là giữ gìn cái tốt nhất trong nền văn hóa nhân loại qua bao thế kỷ. Cả thế giới đang sụp đổ và Benedict đã giúp đỡ để bảo đảm rằng nền văn minh của nhân loại tiếp tục tồn tại”.

42) Giáo hoàng John Paul I đã tuyên bố muốn noi gương hai vị tiền nhiệm là Giáo hoàng John XXIII và Paul VI. Ba tháng sau khi ông qua đời, người kế vị cũng giữ ý định trên nên đã lấy tên hiệu là John Paul II.

Trong buổi Tiếp kiến chung lần đầu, vào thứ Tư ngày 27 tháng Tư, Giáo hoàng nói về Thánh Benedict như sau: “Vị thánh nhân này đã trở thành điểm quy chiếu cơ bản cho việc hợp nhất châu Âu và một bằng chứng hùng hồn về nguồn gốc Kitô giáo không thể chối cãi của nền văn hóa và văn minh châu Âu”.

Sự gắn bó của Giáo hoàng mới với Thánh Benedict hoàn toàn không phải do tình cờ. Khi còn là một thanh niên ở Bavaria luôn mong muốn trở thành linh mục, Ratzinger có lần đã nghĩ đến chuyện gia nhập một tu viện thuộc dòng Benedictine. Khi còn là Hồng y, trong nhiều năm liền, Ratzinger vẫn đi tĩnh tâm hàng năm ở Đan viện Scheyern thuộc dòng Benedictine, nằm ở giữa Munich và Regensburg ở Bavaria. Ký ức và gương mẫu của Thánh Benedict cùng với tác động của vị thánh này trên thời đại của ông từ lâu đã trở thành một phần của việc suy niệm và linh đạo của vị Giáo hoàng mới.

Chỉ 24 giờ trước khi Giáo hoàng John Paul II qua đời, người sẽ mang tên Benedict XVI đã đi đến Subiaco (Italia) tới một Tu viện dòng Benedictine nổi tiếng để nhận một vinh dự cao quý từ tay Đan viện phụ Mauro Meacci – vinh dự đó được gọi một cách trớ trêu là *Premio San Benedeto*, hay “giải thưởng Thánh Benedict”. Hồng y Ratzinger đã đọc một bài diễn văn dài 12 trang nói lên những suy nghĩ về luật dòng và di sản tinh thần của Thánh Benedict; việc chuẩn bị bài diễn văn nói về vị thánh này là hoạt động tri thức cuối cùng mà Ratzinger đã thực hiện trước khi bị lôi vào cơn lốc các sự kiện dẫn đến cuộc bầu Giáo hoàng của ông.

Sau đây là trích dẫn những điều Ratzinger nói nhân dịp nhận giải thưởng Thánh Benedict:

Điều chúng ta cần nhất trong khoảnh khắc lịch sử này là những người, bằng một đức tin được soi sáng và trải nghiệm trong cuộc sống, đã làm cho Chúa trở nên có thể tin được trong thế giới này. Bằng chứng tiêu cực của những Kitô hữu chỉ nói về Chúa nhưng lại sống ngược với Người đã làm hình ảnh Chúa trở nên đen tối và đã mở cửa cho sự hoài nghi ủa vào. Chúng ta cần những người luôn dán mắt vào Chúa và học tập nơi Chúa thế nào là nhân bản thực thụ.

Chúng ta cần những người mà trí tuệ được ánh sáng của Chúa rọi vào, con tim đã được Chúa mở ra; nhờ vậy trí tuệ của họ thốt lên tiếng nói của trí tuệ người khác và con tim họ có thể mở cửa đi vào con tim kẻ khác. Chỉ qua những người đã để Chúa lay động tới thì Chúa mới có thể trở lại với loài người. Chúng ta cần những người như Benedict Norcia. Trong thời kỳ xã hội phóng đảng và suy đồi, ông đã giam mình trong sự thanh vắng, rồi sau khi kinh qua tất cả những thanh luyện cần thiết, ông đã làm cho ánh sáng rạng ngời trở lại và trở về xây dựng Montecassino, thành phố trên ngọn đồi. Ở đó, giữa những tàn tích, ông đã tập hợp lại những năng lực để tạo nên một thế giới mới. Vì thế Benedict, cũng như Abraham, đã trở thành người cha của nhiều dân tộc. Những lời dạy dỗ cho các tu sĩ của ông ở cuối quyền luật dòng là những hướng dẫn cho cả chúng ta nữa trong việc chỉ ra đường đi lên tới đỉnh cao, thoát ra ngoài những khủng hoảng và đổ nát. Có một lòng nhiệt thành cay đắng làm tách rời khỏi Thiên Chúa và dẫn đến hỏa ngục; và cũng vậy, có một lòng nhiệt thành tốt lành tách ra khỏi những thói hư tật xấu để dẫn tới Chúa và sự sống bất diệt. Do đó, các thầy tu nên nuôi dưỡng lòng nhiệt thành này với tình yêu tha thiết nhất. Như thế, họ sẽ nhường cho nhau mọi vinh dự; kiên nhẫn chịu đựng những thiếu sót của nhau, dù là trong tinh thần hay trong thân xác; tranh đua vâng lời nhau – không tìm điều ích cho mình, mà chỉ tìm những điều lợi cho người khác; thể hiện tình bác ái huynh đệ một cách thanh sạch; kính Chúa trong yêu thương; mến yêu bề trên của mình với tình bác ái, chân thật và khiêm cung; không tha thiết với bất cứ điều gì hơn Đức Kitô. Và cầu mong Chúa đưa tất cả chúng ta tới sự sống bất diệt!

Từ bài nói chuyện này, chúng ta nhận thấy rõ ràng là Giáo hoàng Benedict XVI đã hiểu rõ cái di sản lịch sử của người trùng tên. Trong một thời đại hỗn loạn về văn hóa, thời đại “phóng đảng và suy đồi”, Benedict đã thành lập một cộng đoàn hoàn toàn mới, một cộng đoàn dựa trên tình yêu và chân lý, và việc làm đó đã giữ cho chủ nghĩa nhân bản thực sự tiếp tục sống trong một thời kỳ đen tối. Bằng phép loại suy, vị Tân Giáo hoàng từ lâu đã tin rằng có một quá trình phân rã về trí thức

và đạo đức tương tự đang xảy ra ở phương Tây đương thời; và một lần nữa, Giáo hội Công giáo lại mang sứ mệnh bảo tồn cái nhìn đúng đắn về ý nghĩa và mục đích của sự sống loài người. Cũng như Benedict đã tranh đấu với tục quán của những thế kỷ thứ 5 và thứ 6 khi đưa ra một lối sống dựa trên những nguyên tắc khác, vị Giáo hoàng mới tin rằng người Kitô hữu ngày nay cũng phải tìm ra cách sắp xếp cuộc sống của họ để có thể tranh đấu với cái lối tư duy tương đối đang thống trị con người. Các Kitô hữu phải “dấn mắt vào Chúa”, học tập ở nguồn gốc ý nghĩa của “nền nhân bản đích thực”.

Sự so sánh (thế giới ngày nay) với thời đại cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 không phải là ngẫu nhiên. Mặc dù Joseph Ratzinger là một nhà tư tưởng quá tinh tế để đưa ra những so sánh quá giản đơn giữa sự sụp đổ của Đế chế Roma và hoàn cảnh đương thời ở phương Tây vào đầu thế kỷ 21, tuy nhiên ông cũng ngạc nhiên trước những điểm tương đồng. Ngày 28 tháng Mười một năm 2000, trong một lần đọc bài thuyết trình về hoàn cảnh đương thời của châu Âu ở Berlin, ông nói: “Việc so sánh với Đế chế Roma lúc thoái trào trở nên gần như là việc bắt buộc. Lúc đó, Roma tuy vẫn giữ vai trò làm khung đỡ lịch sử vĩ đại nhưng trong thực tế nó sống nhờ những lực lượng được trù định để hủy bỏ nó, bởi tự nó không còn sinh lực nữa”.

Là người am tường về những trao đổi tư tưởng ở phương Tây, chắc chắn Benedict XVI biết trước tác cổ điển của Alasdair MacIntyre, quyển *After Virtue*, xuất bản năm 1981, một trong những tác phẩm được ca ngợi nhiều nhất của triết học đương thời nói về quyền văn hóa. Trong đó, MacIntyre phân tích về so sánh giữa tình trạng thối nát của Đế chế Roma vào cuối thời và hoàn cảnh đương thời của châu Âu, và đặc biệt xác định vị trí của Thánh Benedict trong sự so sánh này. Một trong những phụ tá của Giáo hoàng mới và cũng là người ngưỡng mộ ông gợi ý cho tôi tra cứu đoạn văn này của MacIntyre để hiểu việc chọn tên của Giáo hoàng dựa trên đúng bối cảnh. MacIntyre viết vào năm 1981:

Luôn luôn có nguy cơ khi so sánh quá tỷ mỉ những tương đồng giữa thời kỳ lịch sử này với thời kỳ lịch sử khác. Có những kết luận được rút ra từ các sai lầm khi so sánh giữa thời đại chúng ta ở châu Âu

và Bắc Mỹ với thời đại khi Đế chế Roma rơi vào thời kỳ đen tối của đêm trường Trung cổ. Dù sao vẫn có một số điểm tương đồng nhất định. Một bước ngoặt quyết định trong thời kỳ lịch sử đó là, khi những người có thiện chí cả nam lẫn nữ đã từ chối việc củng cố Đế quốc Roma và quyết định không xem việc gìn giữ lễ độ và đạo đức của cộng đồng với việc duy trì đế quốc đó là một. Thay vì thế, điều họ cố gắng thực hiện – thường thì họ không ý thức đầy đủ những gì mình đang làm – là xây dựng những hình thức cộng đồng mới, trong đó đời sống đạo đức có thể được duy trì sao cho cả đạo đức lẫn lễ độ đều sống sót được qua những ngày man rợ và đen tối sắp tới. Nếu dự đoán của tôi về tình trạng đạo đức hiện nay là đúng thì chúng ta cũng nên kết luận rằng lúc nào đó chúng ta cũng sẽ đến bước ngoặt ấy. Vấn đề quan trọng ở giai đoạn này là xây dựng các hình thức cộng đồng địa phương, trong đó lễ độ và đời sống trí thức cũng như đạo đức có thể được duy trì qua thời kỳ đen tối mới – nó đã bắt đầu ngự trị trong chúng ta. Và nếu truyền thống đức hạnh đã có thể sống sót được qua những cái khủng khiếp của thời kỳ đen tối trước đây thì chúng ta không phải hoàn toàn không có lý do để hy vọng. Tuy nhiên, lần này những tên mọi rợ không phải đang đợi phía ngoài biên giới; chúng đã cai trị chúng ta khá lâu. Và chính sự thiếu ý thức của chúng ta về vấn đề này đã gây nên tình trạng khó khăn của chúng ta. Chúng ta không phải đang đợi Godot⁴³ nhưng một người khác – hoàn toàn khác biệt – đó là Thánh Benedict.

Một phần tư thế kỷ sau đó, MacIntyre đã có người tên Benedict của mình.

Cùng cần ghi nhận rằng Benedict XVI không hẳn là người bị quan về văn hóa như các đoạn văn trên có thể làm người ta nghĩ thế. Suốt sự nghiệp trí thức của mình, ông đã nhận ra rằng nhiều yếu tố tích cực trong trật tự xã hội đương thời cần được bảo vệ và tiếp tục xây dựng, trong đó quan trọng nhất là khái niệm dân chủ và nền tảng của dân chủ là sự tôn trọng nhân quyền. Tuy nhiên Benedict cũng tin rằng, để có sức

43) MacIntyre nhắc lại vở bi hài kịch của Samuel Beckett, *Waiting for Godot* (Trông khi chờ Godot). Trong vở kịch, các nhân vật chờ đợi một người tên Godot, nhưng người này không bao giờ xuất hiện.

sống, chế độ dân chủ phải phụ thuộc vào những công dân sống với một mục tiêu đạo đức và gắn bó với những chân lý tối hậu, những điều mà bản thân dân chủ không thể mang lại; và chủ thuyết tương đối trong xã hội ngày nay lại đập đổ chính cái ý thức sống có mục đích này, cái ý thức cần một trật tự khách quan không phụ thuộc vào tính chủ quan của loài người. Ông nói vào năm 1997: “Xã hội dân chủ sống bằng sức mạnh mà nó không thể tự tạo ra. Bản thân chế độ dân chủ cần có những thực tế bổ sung để làm cho các cơ cấu có ý nghĩa và sau đó đến lượt nó được xây dựng sao cho chúng sẽ xứng tầm với nhiệm vụ được giao”.

Phản ứng của Thánh Benedict đối với sự sụp đổ của trật tự đạo đức trong thời đại của ông là rút lui khỏi thế giới, xây dựng những cộng đồng có thể vượt qua được bao tố. Các tu sĩ của ông cuối cùng đã tái xuất hiện vào giữa thời đại Trung cổ như những người xây dựng một nền văn minh mới. Giáo hoàng Benedict XVI cũng tỏ lòng khâm phục khi nói về sự nỗ lực của một số tín hữu ngày nay, đặc biệt trong “các phong trào giáo hội mới”, tìm cách phát triển những hình thức cộng đồng nhỏ có khả năng giao truyền nhiều ý niệm và giá trị hơn là khi người ta hấp thụ từ nền văn hóa rộng hơn. Tuy nhiên, sự cổ vũ của ông cho các cộng đồng này không phải là thoát ra khỏi thế giới mà là tiếp tục gắn bó với thế giới, để sự sống và niềm hy vọng có thể được mang đến cho tất cả.

Vì vậy, Giáo hoàng Benedict sẽ không kêu gọi các tín hữu Kitô giáo chạy trốn lên vùng rừng rú, rút lui khỏi thế giới hiện tại và xây dựng những nơi tu tập cách biệt cho mình. Trong những lời nhận xét của ông hôm 25 tháng Tư ở nhà thờ Thánh Phaolô Ngoại Thành, Benedict nhắc lại lòng nhiệt thành tông đồ và tình yêu rao giảng Phúc âm của John Paul II, và sau đó ông nói: “Xin Chúa cũng nuôi dưỡng trong tôi một tình yêu như thế để tôi không ngại ngùng trước yêu cầu cấp bách phải rao giảng Phúc âm trong thế giới hôm nay”. Nói cách khác, Giáo hoàng Benedict không có ý định từ bỏ thế giới, ông chỉ muốn thách thức thế giới mà thôi.

Đồng thời, óc thực tế nổi tiếng của vị Tân Giáo hoàng cũng sẽ không để ông có ảo tưởng về khả năng cải tạo thế giới trần tục này trong một thời gian ngắn. Song song với việc truyền bá Phúc âm, ông còn phải

nâng đỡ các cộng đồng Kitô giáo, giữ gìn chân tính của mình, bảo đảm họ sẽ không bị đồng hóa bởi một nền văn hóa thế tục ở phương Tây tiên tiến, một nền văn hóa thế tục có lẽ đang ở vào giai đoạn lịch sử cuối cùng của nó, nhưng ông tin nó vẫn có khả năng kéo theo nhiều bộ phận lớn của Giáo hội khi nó sụp đổ.

“VẤN ĐỀ NGHIÊM TRỌNG NHẤT TRONG THỜI ĐẠI CỦA CHÚNG TA”

Khi Giáo hoàng Benedict XVI nói trong bài giảng của ông vào sáng ngày 18 tháng Tư, cái ngày mà Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng năm 2005 bắt đầu, rằng phương Tây đang trong vòng kim kẹp của “chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối”, đó không phải là một lời nhận xét ngẫu hứng nhất thời. Đó là một lời phát biểu tóm lược một trong những mối quan tâm chính của đời ông; và căn cứ vào việc ông không ngờ hay mong được bầu làm Giáo hoàng, lời phát biểu đó cũng là cách trình bày đã có sự chuẩn bị cẩn thận về di sản thần học của riêng ông. Thực tế, nó là thách thức cuối cùng mà Joseph Ratzinger có ý định để lại cho Giáo hội Công giáo trước khi rút lui khỏi những hoạt động công khai.

Mối quan tâm đến chủ thuyết tương đối đến từ đâu?

Một trong những bài phân tích đầy đủ nhất của Ratzinger về chủ đề này xuất hiện vào năm 1993, trong một bài diễn văn ở Hồng Kông trước các vị chủ tịch của Hội đồng Giám mục châu Á và những người đứng đầu các ủy ban giáo lý của Hội đồng Giám mục những quốc gia châu Á, có tựa là: “Đức Kitô, Đức Tin và Thách thức của các nền văn hóa”. Đó là một dịp thuận lợi, vì từ lâu Ratzinger đã bán khoán rằng chủ thuyết tương đối trong triết học phương Tây đang được nấu chung với thuyết bất khả tri tôn giáo của phương Đông, kết quả đưa ra là một món lẩu tư tưởng rất hấp dẫn đối với lối tư duy hiện đại.

Ratzinger bắt đầu bằng luận chứng là chủ thuyết tương đối nguy hiểm, trước hết bởi nó sai lầm. Có nghĩa là nó đề xuất rằng không hề có chân lý khách quan, hay ít nhất bằng lý trí con người thì không thể đạt

tới chân lý khách quan được. Ông cảnh báo giả định này sẽ làm đảo lộn giáo lý truyền thống Kitô giáo, đó là Thiên Chúa đã mạc khải sự thật về thân phận loài người qua con người Đức Giêsu Kitô, và sự thật này có giá trị và ràng buộc qua mọi thời đại, mọi nền văn hóa và mọi kinh nghiệm bản thân. Trong cách nhìn đó, ông đã xác định thẳng thừng rằng chủ thuyết tương đối là “vấn đề nghiêm trọng nhất của thời đại chúng ta”.

Ratzinger cảnh báo rằng trên thực tế, chủ thuyết tương đối làm lu mờ lời khẳng định của Kitô giáo là “Giêsu người Nazareth là... hiện thân của ý nghĩa lịch sử, là Ngôi Lời, là chân lý nhập thể”. Ông quả quyết việc Kitô giáo hưng thịnh hay tàn lụi là dựa trên cơ sở của điều xác tín này. Chủ thuyết tương đối vì thế không chỉ là một phiên bản mới của các dị giáo cổ xưa như thuyết Nhất tính (Monophysitism) hay dị thuyết Pêlagiô (Pelagianism)⁴⁴, các dị thuyết này chỉ bóp méo một yếu tố tin ngưỡng nào đó của Giáo hội; còn chủ thuyết tương đối là “mẹ đẻ của tất cả mọi dị giáo”, do nó phủ nhận ngay từ đầu khả năng có những lời tuyên xưng đức tin có tính ràng buộc khách quan.

Ratzinger nhắc lại những xác tín trên trong một bài diễn văn năm 1996 ở thành phố Mexico trước những người đứng đầu các ủy ban thần học thuộc các Hội đồng Giám mục châu Mỹ La-tinh. Trong khung cảnh đó, ông nói: “Chủ thuyết tương đối do vậy đã trở thành vấn đề chính đối với đức tin ngày nay... Nó được trình bày như một lập trường được xác định một cách tích cực đặt trên các khái niệm khoan dung và hiểu biết qua đối thoại và tự do, những khái niệm sẽ bị giới hạn nếu một chân lý có giá trị cho mọi người được khẳng định”.

Một nguy hiểm có liên quan đến chủ thuyết tương đối là việc giết chết ước muốn truyền giáo của Kitô giáo, vì nếu chân lý là tương đối thì việc “áp đặt” một chân lý trên một nền văn hóa khác hay trên một người khác sẽ trở thành một hành động thống trị thực dân.

Ratzinger cảnh báo về vấn đề này trong bài diễn văn của ông ở Hồng Kông như sau: “Tính công giáo toàn cầu của đạo Kitô (được thực hiện

44) Thuyết Nhất tính, Monophysism hay Monophysitism ở thế kỷ thứ 5 cho rằng Chúa Giêsu chỉ có một bản tính, trong khi giáo lý chính thống dạy rằng Chúa Giêsu vừa là Thiên Chúa vừa là người. Thuyết Pelagianism do Pelagius đề xướng vào thế kỷ thứ 4 cho rằng loài người không cần ơn Chúa vẫn có thể đạt đến cứu độ.

cụ thể bằng việc truyền giáo) không còn được hiểu là việc truyền đi điều tốt, chân lý và tình yêu dành cho mọi người. Ngược lại, truyền giáo trở thành thái độ tự phụ ngạo mạn của một nền văn hóa tự cho là tốt hơn những nền văn hóa khác và như thế sẽ làm mất đi những gì tốt đẹp và thích hợp với chúng". Đối với một tôn giáo mà toàn bộ nguồn gốc nằm trong lệnh huấn thị của người thành lập ra nó là, "Vậy, các con hãy dạy dỗ muôn dân, rửa tội cho họ nhân danh Cha, Con và Thánh Thần",⁴⁵ thì theo quan điểm của Ratzinger, đây là vấn đề nghiêm trọng thực sự.

Mặt khác, Giáo hoàng Benedict tin rằng, tuy chủ thuyết tương đối có vẻ như là một sự biểu hiện tri tuệ của lòng khoan dung và biết nhìn nhận giá trị của tính đa dạng, nhưng trong thực tế nó mở cửa cho chế độ độc tài, bằng cách phá hủy cơ sở của việc khẳng định rằng có những hạn chế đạo đức đối với những gì mà quyền lực thế tục có thể làm. Vị Giáo hoàng mới đã viết: "Giáo hội là một nền tảng cho tự do bởi hình thức của Giáo hội là một sự hiệp thông, mà hiệp thông bao gồm một lời cam kết gắn bó chung. Bởi vậy, khi tôi đứng lên đương đầu với một chế độ độc tài, tôi không làm thế nhân danh tôi như một cá thể riêng biệt, mà là vì có một sức mạnh bên trong nó vượt quá cái tôi cá nhân và sự chủ quan của tôi".

Nói theo cách khác, chính vì Giáo hội đòi hỏi chân lý tuyệt đối, "chân lý viết bằng chữ hoa" mà Giáo hội khó lòng được mời gọi cộng tác bởi các hệ tư tưởng ngoại lai cho dù đó là Chủ nghĩa xã hội dân tộc, Chủ nghĩa Marx hay Chủ nghĩa tư bản thị trường tự do. Có lần, Ratzinger đã giải thích một cách đặc biệt súc tích như sau: "Ở đâu không có nhị nguyên, ở đó có độc tài". Bằng việc phủ nhận bất kỳ chân lý siêu việt nào và phủ nhận lĩnh vực siêu nhiên là cơ sở của chân lý đó, Giáo hoàng mới tin là phương Tây có nguy cơ "thần thánh hóa" cái hiện tại, và đi tìm Nước Trời trong cái thực tế "tại đây và lúc này". Ông nhận định, chủ thuyết tương đối khuyến khích một lối tiếp cận không tương đối với hoạt động chính trị. Theo quan điểm của Ratzinger và kinh nghiệm sống của ông, điều này cuối cùng sẽ dẫn đến các trại tập trung như Dachau.

45) Đây là câu nói của Chúa Giêsu theo Phúc âm Mát-thêu 28:19 khi sai các môn đệ đi rao giảng Nước Trời cho muôn dân.

Một nguy hiểm khác có liên quan là chủ thuyết tương đối cất xén nhân quyền bằng cách xem những đòi hỏi quyền lợi này như được căn cứ vào quy ước xã hội hơn là có cơ sở trên chân lý siêu việt. Ratzinger giải thích quan điểm này vào tháng Mười một năm 1999, khi ông được trao bằng Tiến sĩ luật danh dự của trường Đại học LUMSA ở Rome. Ratzinger cảnh báo rằng trong một nền văn hóa bị chi phối bởi chủ thuyết tương đối, luật sẽ bị bóp méo và nhân quyền sẽ lâm nguy.

Quyết định của số đông phải được xem là thật và đúng. Nói cách khác, luật pháp phụ thuộc vào quyết định của đám đông và tùy thuộc vào mức độ mà một xã hội trong một thời điểm nào đó ý thức về những giá trị, và mức độ ý thức này lại được quyết định bởi vô số các nhân tố khác. Điều này được minh chứng một cách cụ thể qua sự biến mất dần các nguyên tắc pháp luật cơ bản được sinh ra từ truyền thống Kitô giáo. Hôn nhân và gia đình càng ngày càng ít được chấp nhận là hình thức cộng đồng pháp định, và dần dần được thay thế bằng nhiều hình thức sống chung khác, phù du và khó hiểu. Mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà bắt đầu mang nhiều mâu thuẫn cũng như mối quan hệ giữa các thế hệ... Khái niệm về linh thiêng không còn có ý nghĩa gì nữa trong luật pháp; sự kính trọng Thiên Chúa và kính trọng những gì là linh thiêng đối với người khác thì ngày nay khó khăn lắm mới được xem như một giá trị pháp lý; nó được thay thế bằng cái được cho là quan trọng hơn, đó là quyền tự do vô hạn trong ngôn luận và đánh giá. Ngay cả mạng sống con người cũng là thứ có thể loại bỏ: vấn đề phá thai và an tử⁴⁶ không còn bị loại trừ trong phán quyết pháp lý. Các hình thức xử lý sự sống con người được biểu hiện trong những thử nghiệm trên phôi thai và cấy ghép phôi thai, trong đó con người tự trao cho mình không những quyền xử lý sự sống và cái chết mà cả quyền quyết định về bản chất và sự phát triển của mình.

Trong văn cảnh này, Ratzinger đọc lời biện hộ về pháp luật gây xúc động cho mọi người dựa trên chân lý khách quan và đưa ra kinh nghiệm của chính ông về Đức Quốc xã.

46) An tử hay cái chết êm dịu (euthanasia) là việc gây ra cái chết không đau đớn cho người bị trọng bệnh để kết thúc việc đau khổ kéo dài khi việc trị liệu không còn hy vọng mang lại kết quả.

Trong quãng thời gian được gọi là “những năm tháng đấu tranh”, luật pháp bị lên án một cách có ý thức và bị xếp vào loại đối lập với cái gọi là cảm nghĩ lành mạnh của nhân dân. Sau đó, Lãnh tụ Fuhrer được tuyên bố là nguồn gốc duy nhất của luật pháp, và kết quả là quyền lực tuyệt đối đã thay thế pháp luật. Việc bôi nhọ luật pháp không bao giờ phục vụ tự do bất cứ dưới hình thức nào, mà luôn là công cụ của chế độ độc tài. Lờ đi luật pháp tức là xem thường con người; ở đâu không có luật pháp, ở đó không có tự do.

Tóm lại, chúng ta có thể nói Giáo hoàng Benedict XVI cho rằng chủ thuyết tương đối là “vấn đề nghiêm trọng nhất của thời đại chúng ta” bởi nó phá hủy giáo lý truyền thống Kitô giáo; bởi vì nó ngăn cản những cố gắng mang Phúc âm đến với thế giới; bởi nó cổ vũ cho chế độ độc tài; và bởi nó làm hại nền tảng của nhân quyền và dẫn đến tình trạng lạm dụng quyền hành của nhà nước, thậm chí cả quyền định đoạt sự sống và cái chết. Căn cứ vào những dự báo đó, người ta có thể hiểu tại sao, đối với Giáo hoàng Benedict, việc bảo vệ chân lý khách quan không chỉ là sở thích triết học trừu tượng. Đó là vấn đề nóng bỏng của thời đại của chúng ta, và trong một thời đại mà chủ thuyết tương đối dường như có ưu thế và trật tự xã hội xây dựng trên chân lý đang tan vỡ, Giáo hội có nhiệm vụ giữ cho ngọn nến của chân lý khách quan luôn cháy sáng.

HẠ BỆ “CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI CỦA CHỦ THUYẾT TƯƠNG ĐỐI”

Mặc dù Giáo hoàng Benedict có thể không nhận thức việc ông phải hành động chống lại “chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối” phương Tây bằng những khái niệm chiến lược rõ ràng của mình, song người ta cũng có thể trông chờ những nỗ lực trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông.

Sẽ có một cuộc tấn công bằng những lời giảng dạy, có nghĩa là sẽ có những cố gắng khuấy lên việc trao đổi trên mặt trận văn hóa và tri thức về những gì ông xem là những lời hứa dối trá của chủ thuyết tương đối; sẽ có những can thiệp chính trị nhằm nhắc nhở những người làm luật và những người khác chịu trách nhiệm về cuộc sống công dân đối với các

đòi hỏi của chân lý khách quan; và cuối cùng, sẽ có nỗ lực khuyến khích các hình thức “kháng chiến”, đặc biệt các cộng đồng đang cố gắng tạo ra một cái nhìn khác về cuộc sống được xây dựng trên niềm tin Kitô giáo.

Mục đích là nhằm đánh bại chủ thuyết tương đối trên chính lãnh địa của nó. Những người theo chủ nghĩa thế tục phương Tây đương thời tin rằng chỉ có “chủ nghĩa đa nguyên”, họ thường muốn nói chủ thuyết tương đối, mới có thể bảo đảm quyền tự do con người một cách đầy đủ, với việc bảo vệ con người khỏi sự áp đặt những tín ngưỡng và giá trị của kẻ khác. Giáo hoàng Benedict sẽ chứng minh rằng chủ thuyết tương đối nó lệ hóa con người chứ không giải phóng, bởi nó tước mất nền tảng nhân quyền xác thực duy nhất, đó là niềm tin rằng mỗi con người đều có giá trị siêu việt vì họ là con của Chúa. Benedict sẽ quả quyết rằng tự do đích thực bắt nguồn từ việc sắp xếp cuộc sống của mình dựa trên sự thật, được mạc khải qua con người Giêsu Kitô.

Hơn nữa, người ta có thể tiên đoán là sẽ không mất nhiều thời gian trước khi nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI hướng vào trọng tâm. Ý thức đặc biệt về sự cấp bách sẽ thúc ép Giáo hoàng, vào thời điểm bầu cử ông đã 78 tuổi; và ông biết rằng thời gian ông cầm quyền có lẽ sẽ không lâu bằng thời gian của người tiền nhiệm (John Paul II). Bình luận về việc lựa chọn tên của ông là “Benedict”, vị Giáo hoàng mới nhắc lại với các Hồng y ở Nhà nguyện Sistine rằng người cuối cùng giữ tên Benedict là Benedict XV đã có một “nhiệm kỳ Giáo hoàng ngắn”. Nhiệm kỳ của Giáo hoàng Benedict XV là nhiệm kỳ ngắn thứ ba của thế kỷ 20, từ 1914 đến 1922 (chỉ có nhiệm kỳ Giáo hoàng của John XXIII [1958-1963], và John Paul I [người trị vì chỉ 33 ngày vào năm 1978], là ngắn hơn mà thôi). Do đó Benedict XVI có thể được thúc giục bởi một cảm giác về “tiếng xe mang cánh của thời gian đang tiến gần”⁴⁷ và sẽ không chờ đợi lâu để khởi đầu ngay cuộc đấu tranh mà mọi thứ trong kinh nghiệm sống và thế giới quan của ông đã chuẩn bị để ông hiểu được lý do vì sao Chúa đã không đáp lời cầu nguyện của ông, để cho người khác ngồi vào vị trí này.

47) Trích câu thơ nổi tiếng “Tôi nghe tiếng xe mang cánh của thời gian đang tiến gần” của thi sĩ người Anh Andrew Marvell. Ý nói ông cảm thấy không còn sống được bao lâu nữa.

Lời giáo huấn

Giáo hoàng Benedict XVI có thể là học giả uyên bác nhất được bầu làm Giáo hoàng kể từ Giáo hoàng Leo XIII năm 1878. Khi còn là Tổng Giám mục của Perugia, Hồng y Gioacchino Pecci, người sẽ trở thành Giáo hoàng Leo XIII, đã được biết đến như là nhà tư tưởng hàng đầu trong Hồng y đoàn. Ông đã viết một loạt thư mục vụ được xem như là những "tổng duyệt" cho các Thông điệp Giáo hoàng sau đó của ông. Một trong những trò tiêu khiển ưa thích của ông là làm thơ bằng tiếng La-tinh và ông có thể đọc thuộc lòng hàng trang tài liệu trích từ *Các Giáo Phụ*⁴⁸ ở dạng nguyên bản bằng tiếng La-tinh hay Hy Lạp. Nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông đã trở thành một thời kỳ phát triển trí thức nở rộ trong Giáo hội Công giáo; ông khởi đầu truyền thống giáo huấn xã hội Công giáo hiện đại và đã đáp trả những cuộc tấn công trí thức vào thế kỷ thứ 19 chống lại tín ngưỡng tôn giáo bằng những bài biện hộ vang dội cho học thuyết Thánh Tôma; ông cổ vũ việc nghiên cứu Kinh thánh bằng phương pháp khoa học và thành lập một số trường đại học.

Những người ủng hộ nhiệt tình mong đợi một mùa nở rộ về học thuật như thế dưới thời Giáo hoàng Benedict XVI, một con người có kiến thức còn uyên bác và tinh tế hơn nữa. Một số người trong Giáo hội nói nhỏ với nhau rằng có thể sẽ là một nhiệm kỳ Giáo hoàng với những lời giáo huấn sâu sắc và sáng tỏ hơn nhiệm kỳ của John Paul II, con người với những ý tưởng thật hứng thú nhưng lối hành văn của ông lại có vẻ mơ hồ và huyền bí, đôi khi là những lý luận triết học rườm rà hay những ví von thơ ca khó hiểu. Một số người là bạn tâm tình của Benedict XVI tin rằng đóng góp to lớn của John Paul II là ông đã làm cho thiên hạ chú ý tới vai trò của Giáo hoàng, nhờ vậy thế giới ngày nay sẽ lắng nghe những điều Giáo hoàng Benedict nói. Một Đức Ông⁴⁹ người Bỉ mới đây đã nói: "John Paul đã mời mọi người đến dự tiệc và bây giờ Benedict phải lo nấu ăn".

48) Các Giáo Phụ (Fathers of the Church) là các tác giả của những bài giảng dạy thời Giáo hội sơ khởi, được xem là giáo lý kinh điển của Giáo hội. Các trước tác này chủ yếu được viết bằng tiếng Hy Lạp, La-tinh.

(Tôma Aquinô, Thomas Aquinas, kết hợp thần học và triết học một cách trọn vẹn và học thuyết của ông (Thomism) được Giáo hội xem là giáo lý chính thức, ông được gọi là Vị tiền sĩ thiên thần và được phong thánh)

49) Đức Ông (Monsignor), là một tước hiệu Giáo hoàng ban tặng cho một vài linh mục. Từ này không có quan hệ gì tới Đức Bà dùng để gọi Đức Mẹ Maria

Nếu Benedict rập theo khuôn mẫu truyền thống thì Thông điệp⁵⁰ đầu tiên của ông sẽ là một tài liệu “phác họa chương trình hành động”, trình bày những xác tín nền tảng sẽ hướng dẫn nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông. Thông điệp *Redemptor hominis* năm 1979 của John Paul II đã làm điều này, đề cao vai trò cứu rỗi của Chúa Kitô và động lực rao truyền Phúc âm bắt nguồn từ xác tín đó. Người ta sẽ trông chờ Thông điệp đầu tiên của Giáo hoàng Benedict kêu gọi Giáo hội minh chứng cho sự thật vượt trên cái chủ quan của con người, không tìm đến quyền lực hay thống trị mà để phục vụ cho sự hưng thịnh đích thực của con người. Ông sẽ nhấn mạnh rằng sống thuận theo kế hoạch của Chúa không có nghĩa là hy sinh tự do cá nhân mà là nhận thức rõ khả năng đầy đủ của mình và đạt được hạnh phúc bất diệt. Như nhà văn Công giáo George Weigel đã viết trong tạp chí *Newsweek* thì Giáo hoàng Benedict sẽ tìm cách “mời gọi các đồng đạo Kitô hữu của ông biến cải các nền văn hóa của họ và xây dựng lại những nền móng đạo đức của xã hội tự do”.

Tuy nhiên không chỉ ở trong những tài liệu giáo huấn quan trọng mà Giáo hoàng Benedict XVI yêu cầu thế giới chống lại lời ca mê mị của chủ thuyết tương đối. Người ta có thể mong đợi ông sẽ nhắc lại chủ đề này thường xuyên khi sử dụng “quyền giáo huấn thông thường”⁵¹ của ông, có nghĩa là trong bài nói chuyện tại các buổi tiếp kiến chung, các bài giảng sau kinh Truyền tin vào ngày Chủ nhật, trong những lời bình luận, trong các buổi tiếp kiến riêng với nhiều nhóm khác nhau, những thông điệp gửi cho các đại hội và những hội nghị Giáo hội khác, và trong nhiều diễn đàn khác mà Giáo hoàng có dịp đưa ra một thông điệp. “Về đẹp của chân lý”, *Veritatis splendor*, có thể trở thành điệp khúc cho nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông, một ý nhạc chủ đạo làm trục cho các phân đoạn của bản giao hưởng xoay quanh.

50) Thông điệp (Encyclical) là hình thức trang trọng nhất trong các văn kiện của Giáo hoàng. Thông điệp đầu tiên của Giáo hoàng Benedict XVI là *Deus Caritas Est* (Thiên Chúa là Tình Yêu), ban hành ngày 25 tháng Giêng năm 2006.

51) Quyển giáo huấn của Giáo hoàng cũng với Giám mục đoàn thường được phân thành hai cấp: đặc biệt và thông thường (extraordinary magisterium and ordinary magisterium). Giáo hoàng John Paul II ban hành Thông điệp *Veritatis Splendor* ngày 6 tháng Tám năm 1993. Tác giả John Allen muốn nói tên của Thông điệp này rất hợp với Benedict XVI.

Mọi cuộc chiến đều được tiến hành bằng cả hai chiến lược tấn công và phòng thủ; và các hoạt động giáo huấn của triều đại của Giáo hoàng Benedict sẽ đánh dấu phương diện tấn công của cuộc chiến chống lại chủ thuyết tương đối. Ông sẽ cố gắng diễn tả những ý kiến của mình bằng ngôn ngữ tích cực, thực tế và dễ hiểu, trái ngược với những dự kiến về một nhiệm kỳ Giáo hoàng chỉ toàn là kết tội và than vãn. Tuy nhiên, cũng sẽ có những lúc căng thẳng bởi Giáo hoàng sẽ không lùi bước khi cần phải xác định rõ ranh giới. Ông tin rằng tình yêu đích thực dành cho con người phải gồm cả việc nói cho họ biết sự thực, cho dù đó không phải là điều họ muốn nghe. Vì thế người ta có thể đoán trước giọng điệu của Benedict XVI đôi khi sẽ khó nghe trong cuộc đàm luận về văn hóa và trong tất cả mọi vấn đề.

Điều này không có nghĩa là ông sẽ không được chấp nhận. Thực tế ở phương Tây ngày nay có một dòng người rất lớn mạnh không hài lòng với cái văn hóa phục vụ người tiêu dùng, cái nền luân lý chấp nhận mọi thứ, và thấy rõ sự giả dối của những ảo tưởng về hạnh phúc vật chất thương hay cảm dỗ con cái họ và bóp méo các mối quan hệ bạn bè và gia đình. Trong bối cảnh đó, Benedict XVI có thể nổi lên, thậm chí còn hơn John Paul II, như một điểm tham khảo văn hóa bất chấp quan hệ tôn giáo. Với trí tuệ sâu sắc của mình, Giáo hoàng có khả năng thúc đẩy một bộ phận lớn nhân loại xem xét lại các tiền đề làm cơ sở cho cuộc sống và sự nghiệp của họ. Nếu ông thành công thì nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông có thể đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử văn hóa phương Tây. Ít ra đó cũng là giấc mơ của những người ngưỡng mộ ông; điều đó có nghĩa là vị Giáo hoàng mới đang phải đối mặt với một loạt những kỳ vọng cao vời vợi.

Hoạt động chính trị

Benedict XVI sẽ bị buộc phải đối mặt với chủ thuyết tương đối không chỉ ở mức độ tư tưởng mà còn cả ở những hậu quả chính trị trong thế giới thực. Trong quan điểm của ông, những hậu quả này xuất hiện trên một phạm vi rộng lớn gồm nhiều vấn đề, từ cái ông gọi là “cuộc tấn công” vào gia đình ở thế giới phương Tây đương thời, đến sự không tôn trọng giá

trị con người trong các cuộc chiến tranh và những bất công trong việc xây dựng các cơ cấu xã hội. Với chiều hướng đó, người ta có thể trông mong Benedict, như John Paul II trước đây, khai thác triệt để cái "lợi thế bực giảng" của chức vụ Giáo hoàng để cố gắng xây dựng lại danh sách những vấn đề cần thảo luận trong chương trình nghị sự quốc tế.

Vì thế, đây sẽ là một nhiệm kỳ Giáo hoàng mang nhiều tính chính trị.

Giáo hoàng Benedict trước hết sẽ mở rộng và đào sâu thêm lời kêu gọi John Paul để châu Âu tìm lại cội nguồn Kitô giáo của nó. Thử thách đầu tiên của lòng quyết tâm của Giáo hoàng mới có thể là từ Tây Ban Nha, nơi chính quyền xã hội chủ nghĩa của Jose Luis Rodriguez Zapatero có vẻ kiên quyết thúc giục việc hợp pháp hóa quyền kết hôn đồng giới và quyền nhận con nuôi đối với các cặp đôi đồng giới. Các lãnh đạo cao cấp của Giáo hội ở Tây Ban Nha đã phản đối mạnh mẽ các biện pháp này và mong chờ vào sự ủng hộ của vị Giáo hoàng mới. Giám mục xứ Castellon, Juan Antonio Reig Pla, thậm chí đã kêu gọi phong trào "bất tuân đối với luật đời" và ông còn nói thêm, nhắc lại một số phát biểu về thần học của chính vị Giáo hoàng mới, rằng "người ta phải tuân theo Chúa trước khi tuân theo loài người, nếu không nó sẽ dẫn đến một nhà nước chuyên chế".

Tổng Giám mục xứ Barcelona, Ricard Maria Carles, cũng trình bày trong tâm trạng tương tự: "Tuân theo luật pháp trước khi tuân theo lương tâm cũng có nghĩa là tiến đến trại tập trung Auschwitz".

Tây Ban Nha vẫn là một nước mà gần như mọi người đều là Công giáo, ít nhất là theo số liệu rùa tội, và sức sống của cội nguồn Công giáo vẫn còn tuôn chảy. Điều đó đã thể hiện rõ khi John Paul II đến thăm Madrid vào tháng Năm năm 2003, thu hút một đám đông huyền ảo gồm các giáo dân Tây Ban Nha trẻ trung và tràn đầy sinh lực. Giáo hoàng Benedict có thể sẽ huy động nguồn lực này để đưa vào cuộc chiến có lẽ sẽ dai dẳng chống lại các chính sách xã hội của chính quyền Tây Ban Nha. Ít nhất vào giai đoạn đầu của nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict, Tây Ban Nha sẽ trở thành trận địa văn hóa như nó đã từng là trận địa chiến tranh vào những năm 1930: trận địa cho một cuộc chiến

ủy nhiệm, nơi tất cả các thế lực tranh chấp sẽ thử nghiệm các loại vũ khí và hoàn thiện các chiến lược của họ.

Vấn đề rối rắm là cần phải làm gì đối với các chính khách Công giáo theo phong trào *pro-choice* sẽ là một thử thách khác; nhất là ở Hoa Kỳ, vấn đề nan giải này đã trở nên đặc biệt gay gắt trong thời gian ứng cử tổng thống của Thượng nghị sĩ John Kerry, một người Công giáo thuộc đảng Dân chủ nhưng lại phản đối các đạo luật hạn chế phá thai. Với tư cách là người lãnh đạo Bộ Giáo lý Đức tin, Hồng y Joseph Ratzinger đã bị lôi kéo vào cuộc tranh luận về vấn đề Giáo hội cần phải làm gì trong trường hợp của Kerry. Trớ trêu thay, ông đã bị cả hai phe trích dẫn như là người thuộc phía mình, những người chọn lựa không đối với “chất Kerry”, với lý do là không nên chinh trị hóa phép Thánh Thể; còn những người khác thì đòi hỏi cấm Kerry không được rước lễ, với lý do là một chính khách không thể tự xem mình là Công giáo mà lại bất tuân lời giáo huấn cơ bản của Hội thánh.

Trong suốt cuộc tranh luận vào mùa xuân năm 2004, Ratzinger đã chuẩn bị một bản ghi nhớ mật cho các Giám mục Hoa Kỳ nói về các nguyên tắc chung của việc Ruốc Minh Thánh Chúa. Sau khi trình bày là các vị chủ chiên phải cố gắng dùng “những biện pháp phòng ngừa”, chẳng hạn như cảnh báo, trước khi từ chối phép Thánh Thể đối với các chính khách có lỗi, điểm chính yếu của bản ghi nhớ của Ratzinger là đoạn văn sau:

Khi “những biện pháp phòng ngừa này không có hiệu lực hay bất khả thi” và đương sự vẫn tiếp tục ngoan cố đi lãnh nhận phép Thánh Thể, “vị chủ sự nghi thức Thánh Thể phải từ chối ban Bánh thánh” (trích các tài liệu: Tuyên ngôn của Hội đồng Giáo hoàng Giải thích các Văn bản Luật pháp về việc “Phép Thánh Thể và Các tín hữu đã ly dị và tái hôn theo luật đời” [2000], số 3-4). Thực ra, quyết định này không phải là một sự phê chuẩn hay một sự trừng phạt. Người chủ sự nghi thức Ban Minh Thánh cũng không ra phán quyết về tội lỗi của đương sự; nhưng đúng hơn, đây là phản ứng về tình trạng không xứng đáng lãnh nhận Thánh Thể bởi một hoàn cảnh tội lỗi khách quan.

Tuy nhiên, khi các Giám mục Hoa Kỳ biểu quyết để cho mỗi Giám mục quyết định trong giáo khu của mình. Ratzinger gửi một lá thư cho các Giám mục Hoa Kỳ tuyên bố là việc làm của họ “rất phù hợp” với các nguyên tắc chỉ đạo ông đã đưa ra. Trên thực tế, Ratzinger đang đề cập đến những nguyên tắc chung được trình bày trong tài liệu của các Giám mục, không nhất thiết là quyết định cụ thể họ chọn để thực hiện những nguyên tắc đó. Vào thời điểm ông được bầu làm Giáo hoàng, nhóm của Ratzinger tại Bộ Giáo lý Đức tin tiếp tục xử lý một tài liệu về các nguyên tắc cơ bản cho việc Rước Mình Thánh Chúa, với hậu cảnh là cuộc tranh luận về các chính khách thuộc phong trào *pro-choice*.

Trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của mình, rất có thể là Benedict XVI sẽ nhấn mạnh vào tính nhất quán giữa việc tuyên xưng đức tin Công giáo và chủ trương chính trị của các nhà lập pháp Công giáo. Nhưng ông sẽ trình bày sự vụ này như thế nào và sẽ có những biện pháp trừng phạt đối với những kẻ chống đối hay không thì không ai rõ. Không có bằng chứng nào cho thấy Giáo hoàng Benedict muốn tiến hành một “cuộc thánh chiến”, và tình tiết trong vụ việc các Giám mục Hoa Kỳ cho thấy ông có khả năng mềm dẻo trong việc tôn trọng ý kiến người khác, ngay cả lúc bản thân ông cảm thấy có vấn đề nguyên tắc đang bị đe dọa. Trên thực tế, tình tiết này đã được một số Hồng y nhắc tới trước Cơ Mật Hội để làm bằng chứng cho một khả năng chưa được thừa nhận rộng rãi của Ratzinger là khả năng làm việc theo tinh thần tập thể, bởi ông đã công khai hỗ trợ phán đoán của các Giám mục Hoa Kỳ mặc dù cảm nhận hơi khác nhau về cách giải quyết sự việc trong thực tế. Vụ này tương phản với những gì xảy ra ở Đức cuối thập niên 1990, khi đó Ratzinger buộc các Giám mục Đức phải từ bỏ một chương trình hướng dẫn những phụ nữ có thai do chính phủ Đức tài trợ, vì ông xem nó như là a tòng không thể chấp nhận được với một hệ thống dẫn đến việc phá thai được hợp pháp hóa. Ông đã quyết định như trên mặc dù có sự nhất trí lớn giữa các Giám mục Đức, do Hồng y Karl Lehmann xứ Mainz lãnh đạo, cho là Giáo hội nên nằm trong hệ thống.

Cuối cùng, chắc chắn là Benedict sẽ nhấn mạnh rằng lời giáo huấn của Giáo hội đối với việc phá thai, đồng tính luyến ái, nghiên cứu tế bào

gốc và các vấn đề khác không chỉ là vấn đề nội bộ Giáo hội mà là vấn đề bảo vệ các chân lý cơ bản trong cuộc sống con người và xã hội loài người. Ông tin rằng những chân lý này không chỉ thuộc về đạo Công giáo mà còn có giá trị khách quan cho mọi thời đại và mọi nền văn hóa. Do vậy, người ta có thể trông chờ rằng các tiếng nói đại diện phong trào *pro-choice* bên trong Giáo hội Công giáo, cho dù là chính khách, các nhà thần học đạo đức hay các nhóm cải cách, sẽ thấy tình hình ngày càng khó khăn trong nhiệm kỳ của ông. Với những vấn đề này, phương hướng hành động của nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict sẽ nằm hẳn vào cái được người Hoa Kỳ gọi là “cánh hữu tôn giáo”, bảo vệ toàn khối các vấn đề được đề cập tới như là “Văn hóa Sự sống”⁵² trong thời kỳ Giáo hoàng John Paul II.

Đồng thời, những mối bận tâm về chính trị của Giáo hoàng Benedict chắc chắn sẽ không bị giới hạn vào cái mà những kẻ pha trò thường gọi là “các vấn đề thuộc khu xương chậu” (*pelvic issues*) nghĩa là những vấn đề liên quan tới hoạt động tình dục, được đăng tải thường xuyên trên báo chí phương Tây. Đây sẽ không phải là một nhiệm kỳ Giáo hoàng chỉ xoay quanh mỗi một vấn đề, vì Benedict thấy và mong muốn rất nhiều điều khác.

Giáo hoàng mới cũng mong muốn chống lại mọi biểu hiện của việc hạ thấp giá trị cuộc sống con người của chủ thuyết tương đối trong các vấn đề chiến tranh, hòa bình và trật tự thương mại quốc tế, nhất là sau khi lắng nghe các Hồng y đến từ nam bán cầu lần lượt bày tỏ ý kiến về những vấn đề này trong các Công nghị Hồng y trước khi Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng 2005 bắt đầu. Ông đề cập tới vấn đề này khi giải thích về tên của ông, liên kết tên mình không chỉ với Thánh Benedict mà cả với Giáo hoàng Benedict XVI, “người đã cố gắng trở thành một sứ giả hòa bình trong thời chiến tranh”. Trong lần Tiếp kiến chung vào thứ Tư ngày 27 tháng Tư, Giáo hoàng quay trở lại đề tài này. Ông nói: “(Benedict XV) là một vị tiên tri vì hòa bình, dũng cảm và chân chính,

52) Văn hóa sự sống (*culture of life*) muốn nói tới thái độ tôn trọng sự sống, xem sự sống con người từ lúc được thụ thai cho đến lúc qua đời một cách tự nhiên là ơn huệ của Chúa và mang tính linh thiêng, bất khả xâm phạm. Cánh hữu tôn giáo (*right religious*) là phần mình đa số của Giáo hội Công giáo gồm những tổ chức chính trị và phong trào hoạt động xã hội có khuynh hướng bảo thủ, bảo vệ các giá trị truyền thống của xã hội Hoa Kỳ

đã cố gắng hết sức ngăn ngừa thảm kịch chiến tranh và sau đó hạn chế những hậu quả tàn khốc của nó. Theo gương ông, tôi mong muốn dùng chức vụ Giáo hoàng của tôi để đẩy mạnh hòa giải và hòa hợp giữa mọi người và giữa các dân tộc, vì từ tận đáy lòng mình tôi tin rằng lợi ích to lớn của hòa bình trước hết là món quà Chúa ban tặng, một món quà mỏng manh và quý giá mà tất cả chúng ta phải hợp sức cầu xin, giữ gìn và chăm lo vun đắp ngày này qua ngày khác". Sự gắn bó của Giáo hoàng với lý tưởng đó có thể thấy được qua sự chống đối công khai cả hai cuộc chiến tranh vùng Vịnh do Hoa Kỳ cầm đầu; vào lần thứ hai, Ratzinger nhận xét mỉa mai rằng khái niệm "chiến tranh phủ đầu"⁵³ không có mặt trong Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo.

Vì vậy, Benedict có khả năng nổi lên như một người sẽ lên tiếng chỉ trích về xung đột vũ trang, cũng như về các hệ thống kinh tế quốc tế không biết bảo vệ quyền lợi của người nghèo trên thế giới. Những ai mong chờ ông đóng vai "Tuyên úy cho khối Liên minh Đại Tây Dương", và làm dịu đi việc chỉ trích của Vatican về chủ nghĩa quân phiệt và toàn cầu hóa của phương Tây, có lẽ sẽ thất vọng. Trên thực tế, nơi Giáo hoàng Benedict, họ sẽ thấy mình phải đối đầu với một nhà phê bình đáng ngại, một người có khả năng phát triển một cơ sở hạ tầng trí thức sâu sắc cho phép xem việc bóc lột người nghèo như là cách biểu lộ sự thiếu kính trọng chân lý, cũng như việc bóc lột những đứa trẻ còn trong lòng mẹ hay đang ở thời kỳ phôi thai. Hành động vì công bằng xã hội của ông sẽ được xây dựng không chỉ trên lòng mộ đạo hay lòng tốt, mà còn bắt rễ từ xác tín sâu xa rằng hành động này cũng là một phần của chương trình mở rộng hơn nhằm thức tỉnh phương Tây để nhận ra chân lý siêu việt.

Các hình thức cộng đồng khác

Benedict XVI biết rất rõ là không thể đảo ngược hàng trăm năm lịch sử phương Tây trong chớp mắt được, và trong thời hạn ngắn "chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối" sẽ khó lòng sụp đổ. Vì thế, giống như

53) Chiến tranh ngăn ngừa (Preventive war) là tấn công trước để kẻ địch không thể tấn công mình; điều này trái ngược với công pháp quốc tế. Chiến tranh phủ đầu (Preemptive war), là tấn công ngay khi ta biết là kẻ địch sẽ tấn công nhằm chiếm thế thượng phong; điều này được một số người xem là tự vệ hợp pháp, một số khác cho rằng cũng không có gì khác với toai trước.

Thánh Benedict trước ông, Giáo hoàng mới sẽ xem như một chiến lược cần thiết trong việc bảo vệ những hòn đảo của những lối sống khác, những nơi người ta có thể sống cái lý tưởng Kitô giáo về cuộc sống con người một cách trọn vẹn và chí tình, một thứ “hạt cải” mà trong một thời điểm văn hóa khác sẽ có thể nảy mầm và tạo ra một cuộc sống mới, y hệt như cái cách đời sống tu viện theo luật Thánh Benedict đã giúp đặt nền móng cho thời Thượng Trung cổ. Giáo hoàng Benedict rất thích quan điểm của sử gia Toynbee khi cho rằng số phận của một xã hội luôn luôn phụ thuộc vào những nhóm “thiểu số sáng tạo” của nó; và ở một số khía cạnh nào đó, ông ta thấy là vai trò của Giáo hội Thiên Chúa giáo trong thời điểm lịch sử hiện nay đúng là đại diện cho một thiểu số như vậy.

Trong một bài báo năm 1986 đăng trên tạp san thần học *Communio*⁵⁴, vị Giáo hoàng mới viết: “chúng ta không nên sợ cái từ ‘nhóm văn hóa thứ yếu’ và ông đề nghị nên xây dựng “những hòn đảo có sự tập trung tôn giáo”.

Ratzinger từ lâu đã nhận thức được và có thiện cảm với những nỗ lực để tạo thành những hòn đảo như vậy. Một ví dụ là cộng đoàn Thánh Gioan, một nhóm được thành lập năm 1945 bởi nhà thần học Thụy Sĩ nổi tiếng tên là Hans Urs von Balthasar, vốn được Ratzinger xem gần như là một người thầy và Adrienne von Speyr thần bí. Cộng đoàn này được công nhận là một tu hội đời⁵⁵ thuộc thẩm quyền giám mục năm 2000, nhưng đó là một tổ chức quốc tế với nghĩa là có các thành viên bên ngoài nước Thụy Sĩ (tuy không nhiều). Các nguồn tin cho hay Cộng đoàn Thánh Gioan gồm có tất cả 60 thành viên, được chia thành ba chi nhánh cho nam, nữ giáo dân và các linh mục. Ở Hoa Kỳ, có thể có bốn hoặc năm thành viên. Phải thừa nhận là nhỏ nhưng nó cho thấy một ví dụ về những nỗ lực sáng tạo để đưa ra những mô hình sống mới, khả dĩ giữ cho ngọn lửa của Kitô giáo nhân bản tiếp tục cháy sáng.

54) Community với nghĩa là một nhóm người sống chung trong một khu vực và chia sẻ một số đặc tính (dân tộc, văn hóa, lịch sử, tôn giáo...) hay quyền lợi. Cum tu này thường được dịch là cộng đồng, như cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ, ý thức cộng đồng, các vấn đề cộng đồng, đời sống cộng đồng. Community với nghĩa là một nhóm người tu lại vì lý do tôn giáo thì trong Giáo hội Công giáo thường dịch là cộng đoàn, như cộng đoàn tín hữu trong nhà thờ, cộng đoàn tu sĩ trong tu viện, đời sống cộng đoàn của các tu sĩ... Ở đây sẽ dùng chữ cộng đồng khi nói về một tập thể con người theo nghĩa chung, nhưng nếu tập thể đó là những tu sĩ thì sẽ dùng chữ cộng đoàn.

55) Tu hội đời (Secular Institute) là một hình thức tu trì của Giáo hội Công giáo trong đó các tu sĩ cũng có ba lời khấn nhưng sống ngoài đời thường chứ không phải trong cộng đoàn tại tu viện.

Nói chung, nhiệm kỳ Giáo hoàng của Benedict có thể duy trì chính sách của John Paul II, ủng hộ cái gọi là những phong trào mới trong Giáo hội Thiên Chúa giáo, như Focolare, Neocatechuminate, Sant'Egidio, L'Arche và nhiều nhóm khác đã nở rộ trong giai đoạn sau Công đồng Vatican II. Là một người thực dụng, Giáo hoàng Benedict hiểu rõ những phê bình về các nhóm này. Ông biết họ có khả năng phóng đại, có khả năng tự tách ra khỏi Giáo hội rộng lớn hơn, có hiện tượng "sùng bái cá nhân" không phê phán về những người sáng lập. Ông sẽ cố vũ để họ củng cố và làm sâu sắc thêm những nền móng thần học và trí thức. Đồng thời, ông cũng sẽ xem họ như những mô hình đáng quý về cách sống cộng đồng dựa trên chân lý.

Trong quyển sách *Muối Đất* viết năm 1997, Ratzinger có đề cập: "Người ta luôn luôn có thể đưa ra những ý kiến phản đối các phong trào cá nhân như Neocatechuminate hay Focolare, nhưng cho dù bạn có thể nói gì đi nữa, chúng ta có thể thấy những điều có tính chất đối mới đang xảy ra". Trong *Phóng sự về Ratzinger* năm 1984, ông tỏ ra phấn khởi: "Những điều đầy hứa hẹn ở cấp Giáo hội toàn cầu – và đang xảy ra ngay ở tại trung tâm cuộc khủng hoảng của Giáo hội ở phương Tây – đó là sự xuất hiện các phong trào mới, điều không có ai trù tính và không có ai tạo ra, nó tự phát nảy ra từ sức sống bên trong của lòng tin. Điều mà các phong trào này thể hiện – mặc dù theo một cách ẽm ả – là một cái gì đó giống như mùa lễ Ngũ tuần trong Giáo hội".⁵⁶

Mặc dù là người có đầu óc duy lý, Giáo hoàng cũng ủng hộ các hình thức biểu lộ tôn giáo mang tính tình cảm hơn, như phong trào đoàn sùng.⁵⁷

Ông phát biểu trong *Phóng sự về Ratzinger*: "Đó là bằng chứng của hy vọng, một dấu hiệu thời đại tích cực, là món quà của Chúa ban tặng cho thời đại của chúng ta. Đó là sự khám phá lại lần nữa niềm vui và sự phong phú của lời cầu nguyện đối lập với những lý thuyết và thực hành đã trở nên ngày càng cứng nhắc và co rút do chủ nghĩa duy lý bị trần tục hóa".

56) Theo sách Công vụ Sứ đồ 2:1-47, Chúa Thánh Thần hiện xuống các môn đệ của Giêsu, soi sáng và biến đổi họ vào ngày lễ Ngũ tuần của đạo Do Thái (40 ngày sau lễ Vượt qua). Vì vậy, người Công giáo cũng gọi lễ (Chúa Thánh thần) hiện xuống là lễ Ngũ tuần, Pentecost.

57) Phong trào đoàn sùng (charismatic movement) là phong trào tổ chức những nhóm cầu nguyện trong Giáo hội Công giáo vào các năm 1960. Các đặc điểm nổi bật gồm: niềm tin nơi tác động trực tiếp của Thánh thần dẫn đến việc hoán cải, khả năng nói tiếng lạ, cũng những chia sẻ kinh nghiệm bản thân đầy xúc cảm...

Đồng thời, khía cạnh ủng hộ truyền thống trong tinh cách của Giáo hoàng Benedict giúp ông hiểu được vì sao một số cộng đoàn tu sĩ cổ xưa trong Giáo hội như dòng Biển Đức, dòng Phan-xi-cô và dòng Tền, dường như có một sự sao lãng đời sống tu trì dưới thời John Paul II để tập trung cho các phong trào mới. Trong những lúc bất mãn, các tu sĩ nam nữ đôi khi có cảm giác là John Paul II đã bỏ mặc họ và xem tương lai thuộc về các phong trào. Giáo hoàng Benedict, người đã quyết định lấy tên của vị sáng lập đời sống tu viện, sẽ xem việc canh tân đích thực đời sống tu trì là một mục tiêu quan trọng cho nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông. Điều này có nghĩa là sẽ có những lúc căng thẳng cho các cộng đoàn tiến bộ hơn, những người có thể có một quan niệm khác về đời sống tu trì, muốn nhấn mạnh việc dẫn thân vào xã hội và đối thoại với thế giới mới, nhưng ít nhất họ sẽ không có cảm giác bị quên lãng như trước. Giáo hoàng Benedict sẽ xem các dòng tu là những phòng thí nghiệm quý giá, (trong đó lối sống đặt trên chân lý khách quan sẽ được đưa lên làm gương cho một thế giới đã bị trần tục và tương đối hóa) nhắc nó nhớ về những gì tâm linh con người có thể làm được nếu đi đúng với kế hoạch của Thiên Chúa.

Mặc dù hoạt động giáo huấn này – xác định những quan điểm chính trị và thúc đẩy những lối sống mới – đôi khi có vẻ như rời rạc và đứt đoạn khi chúng xuất hiện trên bức màn văn hóa, nó vẫn là một khối với các xác tín thâm sâu của Giáo hoàng Benedict XVI – đó là Chúa đã mặc khải một chuỗi chân lý về cuộc sống và thân phận con người, đó là Giáo hội được kêu gọi bảo vệ và giới thiệu các chân lý đó và niềm tin rằng xã hội nào coi thường các chân lý này sẽ không thể tồn tại. Nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI sẽ thành công hay thất bại còn tùy thuộc nhiều vào việc ông có thuyết phục phần còn lại của thế giới này tin ông hay không.

CHÂU ÂU

Mặc dù những nỗ lực ngăn chặn trào lưu chủ thuyết tương đối của Giáo hoàng Benedict sẽ mở ra trên toàn thế giới nhưng tuyến đầu của cuộc đấu tranh và nơi quyết định thành công hay thất bại của ông lại là châu Âu. Ông là sản phẩm của truyền thống tri thức châu Âu. Về phương

diện lịch sử, châu Âu là cái nôi của nền văn hóa Kitô giáo, nó vẫn còn là trung tâm chính của các hoạt động mang tính cơ cấu và mục vụ trong Giáo hội Công giáo. Và theo lời của một viên chức cao cấp ở Tòa thánh Vatican thì “đơn giản là châu Âu quá lớn để cho phép nó thất bại”. Tìm giải đáp cho vấn đề suy thoái đạo đức và “mùa đông trong Giáo hội” ở Tây Âu, và cái khủng hoảng văn hóa mà Giáo hoàng tin rằng đang nằm dưới các hiện tượng nêu trên, sẽ là thách thức chủ yếu mà ông phải đối mặt vào buổi bình minh của nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông.

Nhiệm vụ đầu tiên là đánh thức châu Âu thoát ra khỏi “giấc ngủ giáo điều”,⁵⁸ nhắc cho châu Âu nhớ rằng Kitô giáo là cội nguồn của bản tính văn hóa châu Âu. Chẳng hạn, những lời nhận xét vào tháng Tám năm 2004 của ông về việc Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập Liên minh châu Âu chỉ có thể hiểu được khi đặt vào bối cảnh này. Trong một cuộc phỏng vấn với tờ *Le Figaro* của Pháp, Ratzinger nói: “Trong suốt quá trình lịch sử, Thổ Nhĩ Kỳ đã luôn là thành phần của một lục địa khác, luôn trái ngược với châu Âu”. Ông cảnh báo rằng đưa Thổ Nhĩ Kỳ vào Liên minh châu Âu sẽ dẫn đến sự pha nhạt các đặc điểm văn hóa của cả hai phía.

Ông nói: “Sẽ là một sai lầm khi nghĩ hai hai lục địa giống nhau, điều đó có nghĩa là đánh mất đi sự phong phú của những nét khác biệt và từ bỏ văn hóa để đổi lấy những thuận lợi trong lĩnh vực kinh tế”.

Ở một số nơi, lời lẽ trên của Ratzinger được hiểu là nhằm chống lại Islam giáo và điều này giải thích vì sao một số nhà lãnh đạo Islam giáo đã hưởng ứng có phần lãnh đạm đối với việc ông được bầu làm Giáo hoàng Benedict XVI. Tuy nhiên để hiểu những lời phê bình này, phải đặt chúng trong bối cảnh những quan điểm của ông về châu Âu. Nếu dự án văn hóa về châu Âu được gắn liền với nguồn gốc Kitô giáo của nó như Giáo hoàng Benedict tin tưởng, thì bất kỳ điều gì làm lu mờ thêm các nguồn gốc đều không có lợi. Theo cách nhìn của vị Tân Giáo hoàng, ông chống đối việc Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập Liên minh châu Âu không phải là để ngăn cản người Islam giáo mà là giữ lại bản chất Kitô giáo (của châu Âu).

58) Giấc ngủ giáo điều (dogmatic slumber) là từ mượn của triết gia Kant, nhưng ở đây chỉ muốn nói tới tình trạng nguội lạnh về tôn giáo.

Giáo hoàng Benedict đã trình bày quan điểm của mình về châu Âu ở nhiều nơi khác nhau, gần đây nhất là trong một quyển sách nhỏ có tựa đề *Châu Âu: Những nền móng hôm nay và ngày mai*, được xuất bản bằng tiếng Italia năm 2004 của Nhà xuất bản San Paolo. Quyển sách thu thập những bài tiểu luận và những bài diễn thuyết mà Hồng y Joseph Ratzinger đã công bố ở châu Âu trong nhiều năm gần đây.

Trước hết, điểm nổi bật là Giáo hoàng ý thức rõ rệt rằng “châu Âu” là một khái niệm văn hóa và lịch sử trước khi là một khái niệm địa lý. Giáo hoàng viết rằng, vào thời đại Charlemagne⁵⁹, từ “châu Âu” diễn tả một thực thể chính trị, nghĩa là một nhóm quốc gia đã kết hợp thành Đế chế Roma mới, và đồng thời có một sứ mệnh – đó là bảo tồn cái tốt nhất của nền văn hóa cổ xưa và tiếp tục chuyển giao nó trong lịch sử. Trở trêu thay, Benedict viết, vào khoảnh khắc vinh quang nhất – khi các ngôn ngữ và khoa học của châu Âu đã trở thành nền văn hóa của toàn cầu trong một thế giới toàn cầu hóa – thì bản thân châu Âu dường như trở nên rỗng tuếch một cách kỳ quặc, “giống như là bị tê liệt do rối loạn trong hệ thống tuần hoàn, một cuộc khủng hoảng có thể làm nó thiệt mạng, phải nhờ vào những sự cấy ghép chắc chắn sẽ làm mất đi bản chất của nó”.

Giáo hoàng viết, ngày nay ở châu Âu có một sự thiếu hụt đáng chú ý về việc hướng tới tương lai. Tâm trạng chán chường này được biểu lộ rõ nhất trong các tỷ lệ sinh sản đang xuống thấp, trẻ em không được xem là niềm hi vọng cho tương lai mà lại là mối nguy hiểm cho hiện tại, vì chúng đe dọa tước mất quyền tự do cá nhân hay sự dư dả vật chất. Thực tế, châu Âu vẫn gìn giữ được các hình thức nhận biết về mình từ di sản của Charlemagne nhưng đã đánh mất đi ý thức về sứ mạng của nó.

Giáo hoàng khảo sát hai mô hình lịch sử văn minh khác nhau để tìm hiểu xem tương lai có thể chứa đựng những gì. Mô hình thứ nhất là của Spengler, người cho rằng có một chu kỳ sống tự nhiên đối với các nền văn minh – chúng được sinh ra, lớn lên rồi chết đi. Từ quan điểm này, nếu hiểu theo ý nghĩa văn hóa của ngôn từ thì nền văn minh châu Âu đang ở thời

59) Hoàng đế Charlemagne đã thống nhất nhiều nước ở châu Âu vào thế kỷ thứ 8 và thứ 9, đã đặt nền tảng văn minh châu Âu khi thiết lập hệ thống luật pháp và xây dựng nền tảng văn chương, nghệ thuật và giáo dục

kỳ già nua và sớm muộn gì cũng không tránh khỏi cái chết. Mô hình thứ hai là của Toynbee⁶⁰, người cho rằng nếu một nền văn hóa phải trải qua một cơn khủng hoảng tinh thần thì có thể hồi phục nó được bằng cách tìm thêm cho nó một liều “mục tiêu tinh thần”. Giáo hoàng trình bày rằng đó là cách hiểu Giáo hội nên chọn và phải tự xem mình chính là suối nguồn hồi xuân của châu Âu, cho dù trong một thời gian ngắn đường như chẳng mấy ai quan tâm tới những gì mà Giáo hội có thể mang đến.

Vì thế, chiến lược của Benedict XVI dành cho châu Âu có thể sẽ gồm hai phần. Đó là:

Một phần, ông sẽ không ngừng nhắc nhở rằng những giá trị mà châu Âu đã mang đi chào bán khắp thế giới – dân chủ, nhân quyền, tính đa nguyên, sự khoan dung – đều có nguồn gốc từ di sản Kitô giáo của nó, và nếu thiếu cái nền tảng này thì cũng sẽ không thể bảo tồn những giá trị trên.

Phần khác, ông sẽ làm tất cả để bảo đảm rằng Giáo hội Công giáo và các cộng đoàn thuộc Giáo hội sẽ giữ gìn được bản chất của mình, rằng họ sẽ không bị đồng hóa với cái xã hội thế tục xung quanh, nói theo ngôn ngữ Kinh thánh là họ sẽ không như “muối đã mất hết vị mặn của nó”. Để có thể đóng vai trò “thiếu số sáng tạo”, Giáo hội phải thực hiện một “chương trình chỉnh trị về bản chất”: bảo vệ ngôn ngữ của mình, các phong tục tập quán của mình, và các hệ thống tín ngưỡng của mình, đó là những dấu chỉ cho tính dị biệt trong thế giới đang nhanh chóng trở nên đồng nhất. Trong quan điểm của Giáo hoàng, việc cứu độ châu Âu là công việc lâu dài và Giáo hội cần phải thực hiện được việc quan trọng là nuôi dưỡng các tế bào mang nguồn sống Giáo hội, không cần quá nhiều nhưng phải thật sinh động đầy đức tin và lòng nhiệt thành, nơi mà đức tin sẽ được rao truyền đầy đủ.

Trong một cuộc họp báo tại Vatican về các phong trào mới do Hội đồng Giáo hoàng đặc trách Giáo dân khởi đầu vào ngày 16 tháng Sáu năm 1999, Hồng y Joseph Ratzinger đã trình bày ý tưởng này một cách rõ ràng và thẳng thắn như sau:

60) Oswald Spengler (1880–1936) người Đức và Arnold Joseph Toynbee (1899–1975) người Anh là hai sử gia nghiên cứu về lịch sử các nền văn minh.

Ông nói: “Ngay cả khi chúng ta là thiểu số, trách nhiệm ưu tiên của chúng ta vẫn là thông điệp. Ở phương Tây, số liệu thống kê cho thấy số lượng giáo dân đang giảm sút; chúng ta đang sống trong một thời kỳ bội giáo⁶¹, thời kỳ mà sự đồng hóa giữa nền văn hóa Âu-Mỹ và nền văn hóa Kitô giáo hầu như đã tan biến. Thách thức ngày nay là không để cho lòng tin rút lui vào trong những nhóm khép kín, nhưng phải làm cho lòng tin chiếu sáng mọi người và lên tiếng với mọi người. Nếu chúng ta quay trở lại Giáo hội của những thế kỷ đầu tiên, số Kitô hữu tuy còn rất ít nhưng họ thu hút được sự chú ý của mọi người bởi họ không phải là một nhóm khép kín. Họ mang đến cho mọi người một thách đố, và thách đố đó đã chạm đến mọi người. Ngày nay, chúng ta cũng có một nhiệm vụ chung: đó là cụ thể hóa trong thế giới hôm nay việc đáp ứng thực sự cho đòi hỏi có một cuộc sống thích hợp với đấng Tạo hóa”.

Giáo hoàng Benedict sẽ phấn đấu trở thành một người đem lại niềm vui và biết thương xót, đặc biệt là đối với người châu Âu, những người ông tin là thường bị lâm vào tình trạng thiếu định hướng và thiếu niềm tin vào tương lai của chính họ. Tuy vậy, phàm là một người Kitô hữu sẽ ngày càng có nghĩa là một người khác biệt, nhất là khi so sánh với nền văn hóa thế tục đang chiếm ưu thế ở châu Âu. Thời kỳ quá độ sẽ như bước lùi ngắn trước cú nhảy vọt trong cuộc sống Giáo hội ở châu Âu cũng như ở mọi nơi. Đừng nhầm lẫn: hệ động đến bản chất Công giáo thì triều đại Giáo hoàng này sẽ biết tự bảo vệ.

HOA KỲ

Chủ trương cho mối quan hệ với Hoa Kỳ về mặt chính trị của Benedict XVI về cơ bản rất giống với đường lối của Giáo hoàng John Paul II, vừa khâm phục vừa mang nhiều tình cảm trái ngược.

Trước hết, Benedict là vị Giáo hoàng đầu tiên trong lịch sử Giáo hội Công giáo từng là tù binh Hoa Kỳ. Vào những tháng cuối của Đế nhị Thế chiến, chàng thanh niên tuổi 18 Ratzinger đã trốn khỏi quân đội Đức, nơi anh là một người lính quân dịch rất miên cưỡng, nhưng vẫn bị quân

61) Bội giáo (apostasy) hay bỏ đạo.

đội Hoa Kỳ xếp hạng thuộc diện có khả năng chiến đấu. Bị bắt làm tù binh và bị giam giữ trong trại một vài tuần ở Ulm (thuộc Đức) và được thả vào ngày 19 tháng Sáu năm 1945, chàng đã quá giang xe về nhà để lại tiếp tục việc học tại chủng viện ở Bavaria. Như một dấu hiệu của việc hàn gắn các vết thương lịch sử, Ratzinger được Giáo hoàng John Paul II cử làm đại diện tại buổi lễ kỷ niệm lần thứ 70 ngày đổ bộ Normandy, được tổ chức vào tháng Sáu năm 2004.

Không có bất cứ biểu lộ nào cho thấy trải nghiệm thời trai trẻ của Giáo hoàng để lại ấn tượng chua cay về Hoa Kỳ và trong kết quả cuộc bầu cử của ông, phản ứng từ Chính phủ Hoa Kỳ nói chung là tích cực, nếu không muốn nói là hết sức tích cực. Tổng thống George Bush cử người em của ông là Jeb Bush, Thống đốc bang Florida, dẫn đầu đoàn đại biểu Hoa Kỳ đến dự Thánh lễ nhậm chức của Giáo hoàng mới. Trong cuộc họp báo ngày 23 tháng Tư tại Tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Italia, Thống đốc Bush bày tỏ sự tin tưởng rằng Benedict XVI và Hoa Kỳ sẽ có được các mối quan hệ tích cực.

Thống đốc Bush nói: “Tổng thống Bush đã gặp John Paul II ba lần và dự lễ tang của ông ấy. Đây không chỉ là biểu tượng, nó nói lên tầm quan trọng của Tòa thánh Vatican như là một tiếng nói lương tâm về những sự việc trên thế giới. Tổng thống rất mong có được mối quan hệ tương tự với Giáo hoàng Benedict XVI, trong việc thúc đẩy công bằng xã hội, tự do và dân chủ trên toàn thế giới”.

Thống đốc nói, ông mong Giáo hoàng Benedict XVI cũng sẽ có một tiếng nói đặc biệt quan trọng đối với các vấn đề của cuộc sống.

Ông nhấn mạnh các lĩnh vực mà ông cảm thấy sự lãnh đạo của vị Giáo hoàng mới sẽ rất hữu ích: “Cách chúng ta quý trọng cuộc sống, đánh giá cuộc sống, củng cố cuộc sống gia đình, có thể nói, về một số mặt, dường như chúng ta không còn biết cách tôn trọng những giá trị cơ bản đang giữ cho đất nước chúng ta không bị tan vỡ”.

Bush đặt vấn đề này trong bối cảnh của vụ việc Terry Schiav, bày tỏ hy vọng là Giáo hoàng mới sẽ đưa ra một điều nhắc nhở đầy sức thuyết phục rằng, “Tất cả mọi người đều có phẩm giá, Chúa đối xử công bằng

với tất cả chúng ta”. Ông coi phá thai và vấn đề “chăm sóc cuối cùng”⁶² như là những lĩnh vực ông mong chờ Giáo hoàng Benedict XVI sẽ đóng góp tích cực cho cuộc tranh luận chính trị đương thời. Trong các lĩnh vực này, đường lối của Benedict XVI sẽ phù hợp với đường lối của phe cánh hữu của Hoa Kỳ, vì thế Bush có thể đã có lý khi hy vọng có sự hòa hợp giữa Tòa thánh Vatican và Nhà Trắng – và khi Benedict trở thành một đồng minh thì ông sẽ là một đồng minh hùng mạnh.

Tuy nhiên, những vấn đề như vậy hầu như không bao giờ liệt kê hết được những nhận định chính trị mà họ muốn Giáo hoàng đưa ra. Về các vấn đề khác, như chiến tranh chống khủng bố, án tử hình, phát triển kinh tế và phạm vi văn hóa của Hoa Kỳ phải có được ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, các chính sách của Benedict sẽ có thể mang tính nước đôi hơn đối với những quyền lợi của người Hoa Kỳ.

Chẳng hạn, về cuộc chiến tranh ở Iraq, Hồng y Ratzinger có một thái độ dè dặt. Mặt khác, ông nói rằng sự chống đối chiến tranh của John Paul không phải là vấn đề tín ngưỡng, ủng hộ quan điểm của một số tín đồ Công giáo ở Hoa Kỳ, những người xem sự xung đột là một trường hợp chiến tranh chính đáng. Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng Mười năm 2002 với tạp chí *30 Giorni* (30 ngày) của Italia, ông nói: “Giáo hoàng đã không đề xuất quan điểm phản chiến như học thuyết của Giáo hội mà như lời kêu gọi của lương tâm được soi sáng bởi niềm tin... Đây là một quan điểm mang tính thực tế của người Kitô hữu, không dựa trên tín điều mà dựa trên tình hình thực tế và cùng lúc chú ý đến phẩm giá con người như một giá trị đáng được tôn trọng”.

Tuy nhiên, bản thân Ratzinger phản đối gay gắt vụ xung đột. Tại hội nghị ở Trieste tháng Chín năm 2002, khi được hỏi, liệu chiến tranh có thể bào chữa hay không, Ông đáp: “Trong trường hợp này tất nhiên là không thể. Còn có Tổ chức Liên Hợp Quốc, đó là cơ quan quyền lực nên đưa ra sự lựa chọn quyết định. Sự lựa chọn phải được đưa ra bởi cộng đồng các dân tộc, không chỉ riêng một cường quốc. Thực tế là Liên Hợp

62) “Chăm sóc cuối cùng” (Care at the end of life hay Terminal care) là việc ngưng dùng thuốc và các phương pháp chữa trị để chuyển qua giai đoạn chăm sóc nhằm giúp bệnh nhân bớt đau đớn và dễ chịu cho tới lúc kết thúc, nếu nhóm bác sĩ phụ trách bệnh nhân quyết định là bệnh trạng đã hết hy vọng chữa trị và có sự đồng ý của bệnh nhân và gia đình. Việc này có hợp pháp hay không còn là một vấn đề gây tranh cãi.

Quốc đang tìm kiếm một con đường để tránh cuộc chiến tranh. Theo tôi, đường như đó là một bằng chứng đầy đủ cho thấy những tổn hại do cuộc chiến tranh gây ra còn lớn hơn những giá trị mà nó tìm cách cứu vãn”.

Ratzinger cũng chỉ trích học thuyết của Bush về chiến tranh phù đầu. Ông nói: “Khái niệm chiến tranh phù đầu không có trong Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo. Người ta không thể đơn thuần nói rằng Sách Giáo lý không hợp thức hóa chiến tranh, sự thật là Sách giáo lý đã phát triển một học thuyết để mà, một mặt nhìn nhận là có thể phải bảo vệ các giá trị và dân chúng trong một số trường hợp nào đó, nhưng mặt khác nó đưa ra một nguyên tắc rất chính xác về những hạn chế của khả năng trên”. Về sau, khi Baghdad sụp đổ vào tháng Tư năm 2003, Ratzinger bày tỏ thái độ biết ơn vì hậu quả đã không tàn khốc như người ta nghĩ. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng: “Phản đối chiến tranh, phản đối nguy cơ phá hoại là việc chúng ta cần phải làm”.

Lập trường mà Ratzinger bảo vệ năm 2003 đã lặp lại những quan điểm ông đã trình bày năm 1991, trong cuộc chiến vùng Vịnh lần thứ nhất, đó là ông cũng chỉ trích cuộc xâm lược của Hoa Kỳ ở Iraq. Trong một cuộc phỏng vấn trên Đài truyền thanh Vatican năm 1991 sau chiến dịch ném bom của Hoa Kỳ đã bắt đầu, Ratzinger phát biểu rằng dựa vào bản chất các vũ khí hiện đại, đối với cả vũ khí thường lẫn vũ khí nguyên tử thì thật khó tưởng tượng có bất kỳ một cuộc chiến tranh hiện đại nào có thể thật sự được gọi là “công chính”.⁶³

Những lời bình luận trên cho thấy có thể sẽ có sự bất đồng đối với Hoa Kỳ về các việc sử dụng vũ lực trong tương lai.

Dựa vào vai trò của Ratzinger trong các cuộc chiến chống lại thuyết thần học giải phóng những năm 1980, một số nhà quan sát có thể đã đoán trước rằng Giáo hoàng Benedict sẽ làm dịu đi thái độ phê phán bất công xã hội của John Paul II đôi khi đã làm cho những người thuộc thuyết tân bảo thủ⁶⁴ và trường phái thị trường tự do ở Hoa Kỳ cảm thấy bất ổn.

63) Chiến tranh công chính (Just war) là khái niệm về loại chiến tranh được xem là cần thiết và đúng theo đạo đức vì kẻ thù rõ ràng là sai và xấu.

64) Thuyết tân bảo thủ (neoconservatism) là khuynh hướng chính trị trở lại quan điểm truyền thống, ngược lại với các trường phái tự do vào thập niên 1960 ở Hoa Kỳ.

Trên thực tế, có rất ít bằng chứng hỗ trợ cho một giả thuyết như vậy. Đúng là Ratzinger phản đối cái mà ông xem là nỗ lực của thần học giải phóng nhằm xây dựng Nước Thiên Chúa ở thế giới “tại đây và lúc này”, cùng với cái mà ông coi là việc phong trào này chấp nhận không phê phán khái niệm đấu tranh giai cấp, nhưng ông cũng nhấn mạnh rằng người Kitô hữu phải quan tâm đến công bằng xã hội. Trong một tài liệu năm 1986 của Bộ Giáo lý Đức tin về sự giải phóng đích thực, có tựa đề *Libertatis conscientia*, Ratzinger viết: “Nhưng bất công xấu xa và các kiểu áp bức gây đau khổ cho hàng triệu đàn ông và phụ nữ ngày nay rõ ràng là đi ngược với Phúc âm của Chúa Kitô, và không lương tâm của người Kitô hữu nào có thể thờ ơ được”. Với cương vị Giáo hoàng, Benedict sẽ có thể tiếp tục việc ủng hộ một hệ thống kinh tế quốc tế công bằng hơn của người tiền nhiệm, với những cách thức không phải lúc nào cũng thích hợp với những quyền lợi chính trị và thương mại của Hoa Kỳ.

Ngoài ra, thỉnh thoảng vị Tân Giáo hoàng đã bày tỏ những nghi ngại về các giá trị ông thấy đang có mặt trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Ví dụ, trong một cuộc phỏng vấn với tờ báo *Sueddeutsche Zeitung* của Munich vào tháng Mười năm 1978, ngay trước Cơ Mật Hội bầu John Paul II, Ratzinger đã nói rằng năm dưới phong trào thần học giải phóng là một sự phản đối chính đáng chống lại bất công xã hội, cũng như chống lại cái mà ông đặt tên là một “sự thân Hoa Kỳ thái quá”, qua đó ông muốn nói đến cái ý thức hệ tư bản về mậu dịch tự do của quốc gia này.

Trong một bài diễn văn năm 2000 ở Berlin, Ratzinger đã trở lại với chủ đề trên, ông quả quyết là “một số nơi ở Hoa Kỳ đang hăng hái cổ vũ cho việc Tin Lành hóa châu Mỹ La-tinh, và từ đó loại bỏ Giáo hội Công giáo, nhằm để xây dựng những giáo hội tự do, xuất phát từ tin tưởng rằng Giáo hội Công giáo không có khả năng bảo đảm một hệ thống chính trị và kinh tế vững chắc; và vì lý do đó không có khả năng thúc đẩy được nền giáo dục các quốc gia, trong khi mô hình của các giáo hội tự do sẽ cho phép tạo được sự nhất trí về đạo đức và giáo dục ý thức dân chủ của quần chúng tương tự như ở Hoa Kỳ”. Cách diễn đạt có phần cô đọng, nhưng điều ông muốn nói là, theo quan điểm của ông, một vài thế lực nào đó ở Hoa Kỳ không xem đạo Công giáo là tương thích với thị

trường tự do và các hệ thống xã hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, và bởi vậy đang cố phá vỡ bản chất Công giáo của châu Mỹ La-tinh.

Vấn đề ở đây không phải là xét xem Giáo hoàng Benedict đúng hay không, mà là để thấy những phán đoán của ông về Hoa Kỳ, giống như quan điểm của người tiền nhiệm, trong một chừng mực nào đó, lẫn lộn giữa khen và chê. Vì vậy đối với Hoa Kỳ, các chính sách của nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict sẽ khó đoán hơn là một số người tưởng, và không ai có thể mong ông trở thành người bênh vực trung thành cho chính sách của Hoa Kỳ.

GIÁO HỘI HOA KỲ

Về Giáo hội Công giáo Hoa Kỳ, bài bình luận chi tiết nhất của vị Giáo hoàng mới xuất hiện trong quyển *Mười Đất* năm 1997. Những điều ông nói đáng được trích dẫn đầy đủ ở đây:

Hỏi: Rất nhiều Giám mục ở Hoa Kỳ có ý định trong tương lai sẽ đối đáp với Giáo triều Roma theo lối ăn miếng trả miếng, với những bài luận chiến của họ. [Âm chỉ một nhóm Giám mục Hoa Kỳ trong những năm giữa thập kỷ 1990 đã công bố kế hoạch thúc ép Rome thực hiện một số cải tổ].

Đáp: Số lượng thì không đông, tối đa có 30 Giám mục. Tôi đã nói chuyện với một trong những người lãnh đạo nhóm, và ông ta nhấn mạnh rằng họ đã hoàn toàn bị hiểu sai. Ông ấy nói: chúng tôi là người Công giáo tốt, trung thành với Giáo hoàng, chúng tôi chỉ muốn giới thiệu những phương pháp tốt hơn. Tôi đã đọc rất cẩn thận các bài viết được đề cập và tôi có nói là tôi cũng hoàn toàn đồng ý với cả một loạt những vấn đề họ đề cập đến, tuy nhiên tôi nghĩ một số vấn đề khác có vẻ mơ hồ. Tôi có thể nói rằng thật sự không có tâm trạng triệt để chống lại Giáo triều Roma⁶⁵ trong Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ. Họ có một tầm nhìn rộng hơn và đó cũng là một điều tốt. Chỉ có một vài người trong số họ có lẽ hơi

65) Từ Roma hay Giáo hội Roma trong phần này muốn nói tới Giáo quyền trung ương ở Rome, tức Tòa thánh Vatican.

cực đoan. Nhưng sau 15 năm ở đây, cảm giác của tôi là Giáo hội Công giáo và Hoa Kỳ đã học cách hòa thuận với nhau tốt hơn nhiều. Nói chung, chúng ta có một mối quan hệ rất tốt với Hội đồng các Giám mục Hoa Kỳ. Đó là một Hội đồng với rất nhiều khả năng về tri thức và tôn giáo, có nhiều vị chủ chiên xuất chúng đang có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của học thuyết trong Giáo hội toàn thế giới. Các viên chức của họ đến thăm chúng tôi ở đây một năm hai lần và chúng tôi có một mối quan hệ rất khăng khít.

Hỏi: Giáo hội ở Bắc Mỹ có lợi gì từ sự phục hưng tôn giáo sắp diễn ra ở đó hay không?

Đáp: Có, tôi nghĩ thế. Mặc dù chúng ta không nên quá kỳ vọng vào một vài sự kiện hay một vài cuộc tụ tập quần chúng đông đảo của người Công giáo, tuy chúng quả thật cũng cho thấy là những người trẻ tuổi đang tìm kiếm một tôn giáo cảm thấy họ có thể có một gia đình nơi Giáo hội Công giáo và Giáo hoàng là điểm tham khảo và người hướng dẫn tinh thần cho họ. Các căng thẳng thực sự đã dịu đi trong 15 năm qua và đã có những bước phát triển tích cực mới. Tại Hoa Kỳ, không chỉ có phong trào cải tạo đạo Công giáo của các linh mục thuộc Anh giáo mà còn có một mối quan hệ hoàn toàn mới đối với những người theo phong trào Phúc âm⁶⁶ mà trước đây là những người chỉ trích Giáo hội Công giáo gay gắt nhất. Tại các cuộc hội nghị ở Cairo và Bắc Kinh, một sự thân mật rất thú vị đã phát triển giữa những người theo phái Phúc âm và những người Công giáo, đơn giản là vì họ đã nhận thấy Công giáo không đe dọa lấn át Kinh thánh bằng một loại giáo huấn áp đặt nào đó của Giáo hoàng – như họ từng nghĩ thế cho đến nay – mà là để bảo đảm Kinh thánh sẽ được xem trọng. Những động thái xích lại gần nhau hơn này sẽ không thể dẫn đến sự hợp nhất trong một sớm một chiều, mà nó cho thấy Công giáo một lần nữa lại là một chọn lựa của người Hoa Kỳ.

66) Người theo phong trào Phúc âm (Evangelicals) là từ chung chỉ một nhóm giáo phái Tin Lành nhấn mạnh lời việc hối cải nói tâm, tin Kinh thánh là nền tảng của tất cả và nỗ lực rao giảng Phúc âm cho mọi người.

Hỏi: Cái gì có thể đang thúc đẩy sự hưng phấn tôn giáo mới đây ở Hoa Kỳ?

Đáp: Chắc chắn là có nhiều yếu tố, tôi không thể phân tích bởi tôi biết rất ít về Hoa Kỳ. Nhưng có một ưu tư về đạo đức và một lòng khao khát tôn giáo. Thêm vào đó, có sự phản đối chống lại tính áp đặt của nền văn hóa dựa trên phương tiện truyền thông hiện đại. Ngay cả câu nói của Hillary Clinton rằng, “Hãy tắt truyền hình đi, đừng nhìn nhin nữa” cũng cho thấy có một luồng dư luận phổ biến cho rằng, chúng ta không còn muốn quy phục nền văn hóa này nữa.

Trong bài diễn văn năm 2000 của ông ở Berlin, Ratzinger lại đưa ra những bình luận về đạo Công giáo ở Hoa Kỳ:

Ngày nay, Giáo hội Công giáo là cộng đồng tôn giáo lớn nhất ở Hoa Kỳ; và trong đời sống tín ngưỡng, nó giữ lập trường đúng với bản chất Công giáo của mình một cách rõ rệt. Tuy nhiên trong mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, các tín đồ Công giáo [Hoa Kỳ] đã thừa hưởng truyền thống của các Giáo hội tự do, theo nghĩa một Giáo hội thực sự không bị lấn lộn với nhà nước sẽ là bảo đảm tốt nhất cho nền tảng đạo đức cho mọi người, đến nỗi việc đẩy mạnh lý tưởng dân chủ dường như đã trở thành một bốn phận luân lý hết sức phù hợp với đức tin.

Cuối cùng, trong cuộc phỏng vấn được in thành sách năm 2002 với tựa đề *Chúa và Thế giới*, Ratzinger đã nói với Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ rằng, “ngày nay đã trở thành một sức mạnh quyết định trong bối cảnh Giáo hội toàn cầu” vì nó có “lòng dũng cảm hiến dâng cho lòng tin tất cả những gì thuộc về cuộc sống, từ lòng tin đó rút ra lòng dũng cảm và sức mạnh để tự đặt mình phục vụ kẻ khác. Đó là một Giáo hội có một hệ thống y tế và giáo dục tuyệt vời, có trách nhiệm to lớn đối với xã hội”. Ông khen ngợi các tín đồ Công giáo Hoa Kỳ đã tìm thấy “lối sống được nuôi dưỡng bởi những giá trị Công giáo và không chỉ tham đắm vào nền văn hóa Hoa Kỳ”, và ông ca ngợi khả năng của Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ đã dám “nói lớn tiếng trong một thế giới trầm lặng”.

Những lời bình luận trên của một người tự thừa nhận là mình không biết nhiều về Hoa Kỳ đã gợi ra nhiều thông tin ở nhiều cấp độ khác nhau; ông coi mối quan hệ giữa Vatican và các Giám mục Hoa Kỳ về cơ bản là lành mạnh, và ông nhìn nhận một số khuynh hướng rất tích cực trong đời sống tôn giáo Hoa Kỳ, đặc biệt là bầu không khí mới giữa tin đồ Công giáo và các tín đồ đạo Tin Lành bảo thủ, và lòng tự tin ngày càng lớn hơn của Giáo hội Công giáo Hoa Kỳ. Ông có vẻ thực sự hào hứng được làm việc với các Giám mục ở Hoa Kỳ và cả với Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ. Tuy nhiên Giáo hoàng cũng lo ngại rằng truyền thống “Giáo hội tự do” đã biến dân chủ trở thành một lý tưởng quá hiển nhiên đến nỗi người Công giáo ở quốc gia này đôi khi phải khó khăn lắm mới hiểu được đúng đắn về bản chất của Giáo hội. (Với nghĩa đó, những mối quan tâm của ông lặp lại câu tuyên bố của Hồng y Francis George, người có lần nói rằng, các tín đồ Công giáo Hoa Kỳ tên gọi thì là Công giáo nhưng tâm lý lại là Tin Lành).⁶⁷

Giáo hoàng Benedict dường như không nhậm chức với một “chương trình nghị sự” đặc biệt về Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ, mặc dầu ông có một thái độ thận trọng, tuy có phần cởi mở. Ông biết đánh giá tầm vóc của kinh nghiệm Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ, nhưng vẫn có những mối bận tâm về cả Giáo hội ở Hoa Kỳ lẫn nền văn hóa chung của đất nước này. Căn cứ vào mối bận tâm của ông về ảnh hưởng mà di sản Tin Lành Hoa Kỳ để lại trên tâm lý người Công giáo Hoa Kỳ, ông có thể bổ nhiệm một số Giám mục “có bản chất Công giáo”, những người sẽ giải quyết mọi vấn đề từ quan điểm Công giáo kinh điển của Giáo hội toàn cầu, và không xét tới những điều được coi là hiển nhiên và hợp lý trong một cơ cấu dân chủ như Hoa Kỳ. Những sự bổ nhiệm như vậy có thể làm tệ hơn

67) Giáo hội Công giáo Roma (Roman Catholic Church) và các nhánh ly khai khác nhau trong dòng lịch sử đầu tin vào Chúa và Đức Kitô và đều được gọi là Christianity, Kitô giáo hay Thiên Chúa giáo (Tin Lành dùng chữ Cơ Đốc giáo). Các nhánh ly khai chính gồm (1) Chính thống giáo (Orthodox Churches hay còn gọi là Giáo hội Đông phương – Oriental Churches, Eastern Churches), (2) các giáo hội Tin Lành (Protestant Churches), (3) Anh giáo (Anglican Church).

Các giáo hội Tin Lành gồm rất nhiều nhánh, như phái Báp-tít (Baptist Church), phái Phục lâm (Adventist Church), Trưởng Lão (Presbyterian Church còn gọi là Giáo hội Cải cách – Reformed Church), phái Calvin (Calvinists), Hội thánh Luther (Lutherans), phái Mormons, phái Quakers, phái Methodist, phái Thần nhất vị, Unitarians, phái Ngũ Tuần, Pentecostal Church... Để tránh lẫn lộn, người ta không dùng từ Thiên Chúa giáo hay Kitô giáo (Cơ Đốc giáo) để nói về Công giáo, nhất là trong bối cảnh Hoa Kỳ với hàng trăm giáo phái Tin Lành, cũng là đạo Thiên Chúa. Ở Việt Nam, chính quyền gọi Công giáo là đạo Thiên Chúa và Tin Lành là Tin Lành, nhưng bên ngoài bối cảnh này, gọi như thế là không hợp lý.

cái khoảng cách giữa các giáo dân Công giáo “trung bình” với hàng giáo phẩm, tạo nên một tình trạng căng thẳng mà Giáo hoàng Benedict sẽ phải giải quyết. Đồng thời, bất cứ ai mong chờ Giáo hoàng Benedict chỉ đơn thuần lấy lại lập trường và ngôn ngữ của cánh hữu Công giáo Hoa Kỳ hay bất cứ ý kiến của phe nhóm nào khác thuộc Công giáo Hoa Kỳ, sẽ phải thay đổi cách nhìn. Quan điểm của Giáo hoàng quá phức tạp để cho phép nhưng mong đợi đơn giản như vậy.

THAY ĐỔI TÁC PHONG LÀM VIỆC TRONG GIÁO HỘI

“Chính vì Giáo hội bám vào cái cơ cấu tổ chức và thể chế quản lý của mình khi thực sự không có gì phía sau để biện minh cho cái cơ chế đó đã làm Giáo hội mang tiếng”.

(Giáo hoàng Benedict XVI)

Khi Hồng y Jorge Medina Estevez bước ra ban công trung tâm của Đền thờ Thánh Phêrô vào buổi tối thứ Ba ngày 19 tháng Ba để công bố tên của vị Giáo hoàng mới, nhiều Đức Ông thuộc Phủ Quốc vụ khanh đang đứng chờ thông báo trên một ban công khác bên ngoài văn phòng của họ. Điều lạ kỳ là ngay sau khi Medina đọc tên “Ratzinger”, nhiều người trong số Đức Ông đó quay trở vào trong nhà. Trong giới linh mục tu sĩ luôn có thái độ hoài nghi và thích điều cợt ở Rome, xuất hiện ngay một chuyện đùa về việc những người đó làm gì lúc ấy: họ đi viết lại sơ yếu lý lịch.

Mặc dù có rất ít bằng chứng cho thấy Giáo hoàng Benedict có ý định thanh lọc Giáo triều Roma ngay tức thời – thật ra, một trong những việc làm đầu tiên của ông là củng cố thành phần “chóp bu” trong các văn phòng của Tòa thánh Vatican, mặc dù chỉ là “trong thời gian trước mắt” (tạm thời) – hầu hết các nhà quan sát, trong đó bao gồm nhiều Hồng y đã bỏ phiếu cho ông, mong muốn có một cuộc cải tổ trong thời gian sắp tới. Bằng chứng cho việc tin tưởng sẽ có cải tổ như sau, tôi đã kể lại câu chuyện đùa ở trên về các nhân viên Phủ Quốc vụ khanh cho một Hồng y một ngày sau cuộc Cơ Mật Hội, và với con mắt lấp lánh sự điều cợt, ông ta nhìn tôi và nói: “Có thể đúng lắm”.

Một cuộc cải cách Giáo triều Roma, theo quan điểm của Benedict, tự nó không phải là một mục tiêu cần nhắm đến. Đó chỉ là bước đầu tiên hướng tới sự biến đổi lớn hơn của văn hóa đặc trưng bên trong Giáo hội Công giáo Roma, tách rời cái hệ thống chỉ mô phỏng theo các mô hình và tâm lý của các cơ cấu thế tục, hướng tới một mô hình tự tổ chức mang tính Phúc âm hơn, "Công giáo" hơn. Điều này đặt ra vấn đề ở mọi thời rằng liệu một cơ cấu hoặc thể chế nào đó còn có thể mang lại một lối nhìn khác về cuộc sống, hay nó đã hết thời và đã trở nên vô dụng.

Sự chú ý này đối với những động lực bên trong Giáo hội sẽ trở thành một trong những khác biệt rất nhỏ nhặt giữa Giáo hoàng Benedict và Giáo hoàng John Paul II. Ở tuổi 78, không một ai mong đợi Giáo hoàng Benedict sẽ đi lại nhiều như người tiền nhiệm của ông, hoặc dành nhiều thời gian để tổ chức các sự kiện lớn ở quảng trường Thánh Phêrô. Benedict được mong đợi sẽ là người lưu tâm nhiều hơn đối với việc cai quản nội bộ Giáo hội, đảm bảo sao cho những thôi thúc về mục vụ và học thuật ở nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông được thực hiện trong những cơ cấu thực tế để chúng có thể tồn tại. Bằng cách đó, nhiều người tin tưởng rằng Giáo hoàng Benedict sẽ tạo lập một Giáo hội gọn nhẹ hơn, được tổ chức hợp lý và tập trung nhiều hơn vào những mục tiêu chính. Vì ông vốn nổi tiếng là người cẩn trọng trong công việc nên nhiều người cũng đoán sẽ có xu thế đòi hỏi trách nhiệm cao hơn trên mọi cấp bậc trong Giáo hội, một thứ ý thức mà người làm việc văn phòng thường cảm nhận. Sự thay đổi này sẽ mang lại kết quả. Chẳng hạn như Vatican sẽ phản ứng thế nào trước khủng hoảng lạm dụng tình dục ở Hoa Kỳ.

Một khía cạnh thuộc nhiệm kỳ mang tính hướng ngoại của Giáo hoàng John Paul hầu như chắc chắn sẽ không lặp lại dưới thời Giáo hoàng Benedict, đó là những kỳ lục phong Chân phước và phong thánh: cả thầy có 1338 vụ phong Chân phước và 482 vụ phong Thánh⁶⁸, nhiều hơn

68) Phong thánh, *canonization*, là việc Giáo hoàng công khai nhìn nhận rằng một Kitô hữu đã chết trước đó đã sống một đời sống thánh thiện, hiện đang ở với Chúa, xứng đáng sự tôn kính và noi gương của các tín hữu. Tiến trình lập "vụ án" tra xét và phong thánh rất phức tạp, hiện nay thuộc Bộ Phong Thánh, *Congregation for the Causes of Saints* đảm trách. Phải qua nhiều giai đoạn trước khi được nhìn nhận là thánh. Những tên gọi cho vị thánh nhân ở các giai đoạn thường là: Tôi tớ Thiên Chúa (*Servant of God*), Đáng khâm kính (*Venerable*), Chân phước hay Ái thánh (*Blessed*), và cuối cùng là Thánh (*Saint*). Thánh ngữ "được đưa lên bàn thờ" cũng được dùng để chỉ "được phong thánh".

tất cả các nhiệm kỳ Giáo hoàng trước cộng lại. Năm 1989, trong một hội nghị được tổ chức tại San Rocco di Seregno bên ngoài thành Milan, Hồng y Ratzinger đã bày tỏ sự ngạc nhiên vì có quá nhiều người được đưa lên bàn thờ “mà không có gì mấy để truyền lại cho đám đông các tín hữu”. Báo chí Italia nhanh chóng giật những tit hô hoán rằng Ratzinger đã tố cáo là có “quá nhiều Thánh” trong nhiệm kỳ của John Paul, khiến Ratzinger phải đưa ra lời xác minh sau trên tạp chí *30 Giorni* (30 ngày):

Tôi chưa bao giờ khẳng định rằng có quá nhiều Thánh trong Giáo hội. Đó là một điều ngỡ ngẩn, bởi Giáo hội không thể nào có quá nhiều thánh... Tạ ơn Chúa là số các Thánh đông đảo hơn số người được lựa ra để phong thánh rất nhiều. Câu hỏi tôi đặt ra là, liệu phong thánh hàng loạt dày đặc như vậy có quá nhiều không, tôi chỉ đề cập tới nhóm thứ hai này... Trong thực tế, vấn đề này không hề có cho đến thời gian gần đây, nhưng hiện nay thì cần phải xét đến. Khẳng định này được đưa ra một cách thật cẩn trọng. Nó giả định rằng việc cân nhắc cho việc phong thánh luôn luôn là một sự lựa chọn ưu tiên... Tôi nghĩ là hợp lý khi đặt vấn đề xem các nguyên tắc xét ưu tiên đang được áp dụng có nên được duyệt xét lại với những yếu tố mới không, ngõ hầu có thể đưa ra trước mắt toàn thể dân Chúa những gương mẫu sẽ làm cho Hội Thánh Người trở nên rõ rệt, trong lúc có bao người nghi ngờ về sự thánh thiện của Hội Thánh này.

Dù vị Hồng y dùng từ ngữ rất cân nhắc, có vẻ như khá hợp lý để nghĩ rằng, trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông, các tiêu chuẩn cho việc phong Chân phước và phong Thánh sẽ trở nên nghiêm ngặt hơn – một điểm trong chương trình “siết chặt” chung mà nhiều người tiên liệu.

Gần 27 năm nay, mọi người nhận thấy là Giáo hoàng không thực sự quan tâm lắm tới các vấn đề thuộc quản lý nội bộ, và giờ đây có một luồng gió mạnh thổi vào Rome. Mặc dù cơn gió mạnh đó chưa tự sức mạnh lại, nhiều người tiên đoán rằng nó sẽ gây ra một số đợt sóng thần trong Giáo hội trước khi nó tan biến đi.

GIÁO HOÀNG BENEDICT VÀ BỘ MÁY QUAN LẠI

Một trong những bất cập về chính trị bên trong Giáo hội Công giáo là vấn đề phân bổ quyền lực, các chức vụ được sắp đặt ngược lại hệ thống chính trị Hoa Kỳ. Ở quốc gia này, những người bảo thủ thường có xu hướng ủng hộ quyền lợi của các bang, trong khi những người tự do lại ủng hộ một chính quyền trung ương mạnh, với lý do là họ tin tưởng vào các quan chức liên bang ở thủ đô Washington nhiều hơn các nhà lập pháp địa phương ở bang Mississippi hay ở bang Oklahoma trong việc giữ gìn những giá trị họ yêu quý. Tuy nhiên, trong Giáo hội Công giáo, những người có xu hướng tự do thì ủng hộ sự phân quyền, trong khi đó những người theo quan điểm bảo thủ lại ủng hộ quyền lực trung ương vững mạnh, vì những người theo quan điểm bảo thủ nói chung tin vào tính truyền thống Tòa thánh Roma hơn là tin vào các Hội đồng Giám mục ở những nơi như Đức hay là ở Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Vì xu hướng này, Hồng y Joseph Ratzinger đôi khi được ví là chiến sĩ bảo vệ Tòa thánh Roma, bởi ông ta nhiều lần lên tiếng ủng hộ cho quyền hành trung ương vững mạnh trong tay Giáo hoàng. Như vậy là hoàn toàn hiểu sai lập trường của ông. Trong lối nghĩ của dân gian thì không có gì khác biệt giữa Giáo hoàng và Tòa thánh Vatican, tuy nhiên nếu nhìn từ Rome thì đó là hai thể chế khác nhau hoàn toàn, và lòng tin dựa vào thần học của Ratzinger nơi “quyền bính tối cao, trọn vẹn, trực tiếp và phổ cập thông thường” của Đức Giáo hoàng, trong ngôn ngữ của Bộ Giáo luật⁶⁹, không khiến ông yêu mến mấy cái cơ cấu hạ tầng đồ sộ của Giáo hội tại Vatican hay ở những nơi khác. Thật vậy, giống như đa số những người theo quan điểm bảo thủ cổ điển, Giáo hoàng Benedict hoài nghi về các bộ máy quan lại; ông nhận thấy là họ thường có xu hướng tự xem mình đúng và công việc mình luôn là cần thiết, và hay chọn cách lập luận cũng như những phương thức làm việc thường đi ngược với các mục tiêu họ muốn đạt lúc ban đầu.

69) Bộ Pháp điển Thánh giáo hay đơn giản hơn, Bộ Giáo luật, The Code of Canon Law, là bộ luật của Giáo hội Công giáo.

Không nên hiểu từ việc trình bày trên là Tòa thánh Vatican có một hệ thống quan lại đặc biệt nặng nề với quá nhiều quan chức cao cấp. Một bộ phận hành chánh gồm khoảng 2700 người ở Giáo triều Roma để trông coi công việc cho khoảng 1.1 tỷ tín đồ Công giáo trên toàn thế giới, chỉ cần suy nghĩ một chút thì cũng thấy đó là một bằng chứng đáng kinh ngạc về tính hiệu quả. Peter Drucker, một chuyên gia về quản lý có lần tính toán rằng nếu áp dụng cùng một tỷ lệ cho chính quyền Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ thì sẽ chỉ còn khoảng 500 người trong chính phủ liên bang. Từ thực tế đó, Drucker xếp Giáo hội Công giáo vào một trong ba tổ chức hoạt động hiệu quả nhất trong lịch sử, bên cạnh hãng xe hơi General Motors và quân đội nước Phổ.⁷⁰

Tương tự như vậy, dù một tổ chức hoạt động hiệu quả đến đâu, luôn có nguy cơ tình trạng thể chế hóa quá đáng, một di dịch tinh tế trong các quyền ưu tiên khiến người ta xem việc duy trì cơ cấu tổ chức như là mục tiêu tốt nhất. Chính cái nguy cơ này từ lâu đã là mối bận tâm lớn của vị Giáo hoàng mới.

“Điều mà Giáo hội cần có để đáp ứng những yêu cầu của con người ở mọi thời đại là sự thánh thiện, không phải là sự quản lý”, ông có nhắc đến trong *The Ratzinger Report*. “Tôi sẽ không khi nào ngừng nhắc lại điều này, đó là Giáo hội cần những vị thánh hơn là mấy ngài công chức”.

Ông đã trình bày chi tiết hơn trong quyển *Muối Đất*.

“Những giáo hội lớn tại các quốc gia theo Kitô giáo có lẽ cũng đang khổ tâm vì tình trạng thể chế hóa quá thể của họ, vì quyền hành của các cơ cấu tổ chức, vì sức ép của chính lịch sử của họ. Tinh đơn thuần sống động của đức tin đã bị che khuất trong tình trạng đó. Phàm là người Kitô hữu bây giờ chỉ có nghĩa là thuộc về một bộ máy khổng lồ và biết rằng cách này hay cách nọ có vô số những quy định về đạo đức và những giáo điều khó hiểu... Bạn có thể nói, ngọn lửa thực sự đốt cháy đã không thể cháy lên được vì lớp tro phủ lên nó quá dày”.

70) Phổ, Prussia, là một quốc gia ở vùng trung-bắc châu Âu vào thế kỷ 18-19, gồm vùng bắc nước Đức và Ba Lan hiện nay. Quân đội Phổ, nhất là dưới thời Hoàng đế Frederick II, nổi tiếng là hùng mạnh và được tổ chức tốt.

Năm 1988, trong tác phẩm *A New Song for the Lord* (Bài ca mới dâng lên Chúa) Hồng y Ratzinger tỏ ra thẳng thắn hơn: “Trong hai thập niên qua, tình trạng thể chế hóa quá mức đã xảy ra trong Giáo hội, một tình trạng đáng lo ngại”. Ông viết tiếp: “Vì vậy, nhưng cuộc cải cách trong tương lai không nên hướng tới việc tạo thêm nhiều cơ sở, mà phải cắt giảm”.

Tất cả những điều này cho thấy rằng Giáo hoàng Benedict XVI, tuy có đủ đầu óc thực tế để hiểu rằng Giáo hội không thể tồn tại nếu không có một cơ cấu tổ chức, ông cũng nhận thức một cách sâu sắc về mối nguy hiểm là các tổ chức đôi khi cản trở việc rao giảng Phúc âm và việc chăm lo cho giáo dân, và có thể làm dập tắt hơn là khơi dậy các hình thức mới sống trọn vẹn đức tin Kitô giáo mà ông muốn Giáo hội đưa ra, đặc biệt là ở phương Tây, nơi Giáo hội thường bị ảnh hưởng bởi sự sùng bái khoa học quản lý trong các công ty lớn và các tổ chức chính trị.

Tại Thượng Hội đồng, khi các Giám mục được nhóm họp năm 1985 để đánh giá tiến trình thực hiện Công đồng Vatican II 20 năm sau khi Công đồng chính thức bế mạc, Hồng y Ratzinger đã đưa ra nhiều ý tưởng tương tự trong một bài tham luận được bàn cãi rất nhiều tại Thượng Hội đồng. Ông nói, “Đối với nhiều người, Giáo hội được xem như ‘một công ty đa quốc gia lớn’ chỉ biết phục vụ cho mình, và như thế không khi nào Giáo hội có thể là ‘đối tượng của yêu thương’ được”. Ông khuyến cáo, “Thật là một cảnh tượng đáng buồn, nếu như chúng ta chỉ có quan tâm tới chúng ta và các cơ cấu của Giáo hội”. Ông nói tiếp, “Thái độ như thế sẽ đẩy người ta đi tìm tin ngưỡng ở nơi khác”.

Ngoài ra, Benedict XVI cũng hoài nghi rằng chỉ bằng việc tạo ra hay mở rộng các cơ quan đại diện bên trong Giáo hội, chẳng hạn như các hội đồng mục vụ hay hội đồng giáo dân⁷¹, sẽ mang lại nhiều tính cộng tác hơn trong việc cai quản Giáo hội. Ông tin tưởng rằng ít nhất trong một vài trường hợp, các tổ chức này chỉ áp đặt quan điểm của một thiểu số rõ rệt trên cuộc sống Giáo hội, mà không làm Giáo hội nhạy cảm hơn với mối lo âu cũng như những nhu cầu thực sự của toàn thể “Dân Chúa”.

71) Hội đồng mục vụ hay Hội đồng giáo dân, pastoral council, lay board, là nhóm giáo dân được mời làm cố vấn cho giám mục hay cha sở trong vấn đề thuộc “mục vụ” trong giáo phận hay sở họ như các sinh hoạt giáo lý, tông đồ...

Trong tác phẩm *Muối Đất*, ông đã trình bày: “Cơ sở được cho là sẽ quyết định mọi việc thông qua các hội đồng các cấp; mọi người được cho là sẽ tham gia tích cực trong công tác chỉ đạo. Cái hình thức dân chủ được xem trực tiếp đây, và được gán cho cái tên là ‘dân chủ nhân dân’, rồi được dùng để đối chứng với hình thức dân chủ qua dân biểu (hay thông qua nghị viện), thực tế chỉ là giả dối. Trong một Giáo hội gồm những hội đồng như vậy thì cũng chẳng có gì khác biệt”.

Vì thế, nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI có lẽ sẽ là một nhiệm kỳ mà các cơ cấu tổ chức của Giáo hội và các viên chức làm việc ở đó được xem xét lại, ở tất cả mọi cấp, dựa trên các mục đích lớn hơn mà Giáo hội phải nhắm đến. Nói chung, không nên mong đợi những cơ cấu hay những tổ chức mới, mà đúng hơn là sự cố gắng vun xới một tinh thần Công giáo mạnh mẽ hơn với cái nhìn phê phán cơ cấu hành chánh hiện hành vốn làm ức chế hơn là làm phát triển đời sống theo nguyên tắc Phúc âm.

CẢI TỔ TỔ CHỨC GIÁO TRIỀU

Mới nhìn vào, Joseph Ratzinger có vẻ như là một sự lựa chọn lạ kỳ để lãnh đạo một cuộc cải tổ giáo triều Roma, bởi vì ông đã từng nắm quyền hành cao nhất trong hệ thống đó suốt một phần tư thế kỷ. Đem trước cuộc bầu cử, một quan sát viên kỳ cựu về các sự kiện ở Rome, Cha Gino Belleri, giám đốc Nhà xuất bản Libreria Leoniana, đã phát biểu trước đám đông khán giả tại Trung tâm Centro Russia Ecumenica (trên đường Borgo Pio, phía sau điện Vatican), rằng sẽ là một sai lầm nếu bầu Ratzinger. Belleri hỏi một cách văn vẻ: “Sau bao nhiêu năm làm việc ở Bộ, ông ấy còn gì để cho Giáo hội?”

Tuy vậy, khi nói chuyện với nhiều vị Hồng y sau khi Cơ Mật Hội bầu Giáo hoàng kết thúc, rõ ràng là rất nhiều người trong số họ thực sự mong đợi vị Giáo hoàng mới lãnh đạo một cuộc đại tu toàn bộ hệ thống nơi ông ta đã sinh sống và làm việc trong 25 năm. Lý lẽ của họ tóm tắt lại như sau: Để cải tổ Giáo triều Roma, bạn phải biết rõ nó từ bên trong, và như thế

không ai thích hợp hơn Ratzinger. Hơn nữa, như đã trình bày, các Hồng y đã xem Ratzinger là một mẫu người hoàn toàn khác trong Giáo triều Roma, vì ông gia nhập tổ chức với tư cách là một Hồng y, như vậy ông không mang những món nợ công danh như những giáo sĩ cao cấp khác đã leo lên các nấc thang sự nghiệp ở Vatican theo lối thông thường.

“Ratzinger đã luôn đứng trên mọi cuộc tranh giành trong Giáo triều Roma”, một Hồng y đã bảo tôi như vậy sau cuộc bầu cử. “Bộ Giáo lý Đức tin dưới quyền điều khiển của ông chưa bao giờ là nơi mang tính chính trị. Mọi quan hệ của ông với Giáo hoàng là rất ổn định, ông không cần phải lo lắng về việc đến gặp Giáo hoàng. Ông chưa bao giờ được xem là một Hồng y thuộc giáo triều đúng mực”.

“Một số Giám mục địa phương bất mãn với Giáo triều Roma”, vị Hồng y này nói. “Họ xem Ratzinger là người có thể làm chủ tình thế mà lại không lệ thuộc ban bệ nào. Ông biết các vấn đề khó khăn, và ông biết phải làm gì”.

Vị Hồng y này khẳng định là “những suy nghĩ như thế đã ở trong tâm trí của tôi” khi ông bỏ phiếu cho Ratzinger.

Ngoài ra, nhiều Hồng y đã xác nhận rằng việc bỏ phiếu cho Ratzinger tại Cơ Mật Hội năm 2005 không hoàn toàn hay chủ yếu phụ thuộc vào sự hậu thuẫn của các Hồng y thuộc Giáo triều khác. Việc bầu cho Benedict XVI không phải là bỏ phiếu để giữ nguyên trạng mô hình cai quản triều chính. Chẳng hạn, một trong những người ủng hộ quan trọng nhất cho việc bầu chọn Ratzinger, Hồng y Christoph Schonborn của Áo, không phải là người trong Giáo triều Roma.

Như vậy, việc cải cách triều chính tại Vatican có ý nghĩa gì đối với những người đã bỏ phiếu bầu cho Benedict?

Trước hết, như có người đã nói, nó có nghĩa là “bớt công chức và thêm chuyên gia”. Nói thẳng ra, điều đó có nghĩa là có nhiều người như Ratzinger hơn tại những chức vụ quan trọng ở Vatican, những người có kiến thức chuyên ngành để hiểu biết thấu đáo các vấn đề trong phạm vi trách nhiệm.

Ratzinger là một nhân vật vượt trội trong lĩnh vực hoạt động của ông, nhưng các vị đứng đầu các bộ hay chủ tịch các cơ quan khác trong Giáo triều thì không được như thế. Chẳng hạn như hiện nay, đứng đầu Bộ Giáo dục Công giáo là một người chưa bao giờ đi dạy, Hội đồng Giáo hoàng về Mục vụ cho nhân viên Y tế được điều hành bởi một người không được đào tạo về ngành y, Bộ Giáo lý Đức tin được dẫn dắt bởi một người không có kinh nghiệm về truyền giáo, và cầmịch Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích là một người không có chuyên môn về phụng vụ. Nói thế không có nghĩa là từng người một, các nhân vật trên đều là những nhà quản lý bất tài. Chẳng hạn, một số người từng ca ngợi công việc của Hồng y Francis Arinze tại Bộ Phụng tự và Kỷ luật Bí tích, cho rằng thiện chí và cách làm việc cởi mở đã bù đắp cho việc thiếu chuyên môn của ông. Hơn nữa, một vài quan chức của Tòa thánh Vatican, được đào tạo trong trường phái Tân Kinh Viện (Tân Tôma), tỏ ra hoài nghi về giá trị của việc sùng bái các “chuyên gia”, những người biết hết về giá cả nhưng lại không biết gì về giá trị sự vật. Họ nhấn mạnh rằng trong công tác quản lý Giáo hội, kiến thức chuyên môn không quan trọng bằng việc bảo đảm là lối suy nghĩ và phản ứng của những người lãnh đạo phải nằm trong nề nếp của Giáo hội Công giáo thay vì rập theo khuôn khổ của một bộ môn chuyên ngành thế tục nào đó.

Tuy nhiên, cùng lúc, nhiều Giám mục đã bất mãn trong một thời gian dài vì không thể trao đổi với một vài viên chức Tòa thánh Vatican không đủ khả năng nắm bắt vấn đề, và những viên chức này đôi khi đưa ra quyết định chỉ dựa vào quan hệ cá nhân, hay lối lý luận quan liêu, hơn là dựa vào việc thấu hiểu vấn đề liên quan. Các Giám mục cho biết, chính điều này đã khiến cho việc tiếp xúc với Ratzinger trong lúc làm việc thật mới mẻ, dễ chịu, vì ít nhất ông đã có kinh nghiệm và hiểu rõ vấn đề. Giáo hoàng Benedict được mong đợi sẽ bổ nhiệm nhiều người có chất lượng hơn để lãnh đạo các cơ quan tại Tòa thánh Vatican, để các quyết định được nghiên cứu kỹ hơn, khách quan hơn, đáp ứng chính xác với các vấn đề liên quan, thay vì chỉ là những suy luận lòng vòng lạc đề. Dưới thời của Benedict XVI, tám bằng tốt nghiệp Học viện Accademia, trường ưu tú nhất của Vatican gần quảng trường Piazza Minerva chuyên

đào tạo các nhà ngoại giao, sẽ không còn được xem là giấy chứng nhận gần như chắc chắn cho bất cứ chức vụ gì trong Tòa thánh.

Dấu hiệu đầu tiên cho thấy Giáo hoàng Benedict sớm hành động theo hướng này là vào ngày 21 tháng Tư, chỉ hai ngày sau cuộc bầu cử, ông phê chuẩn chức vụ của các Hồng y và Tổng Giám mục đang phụ trách các phòng ban của Tòa thánh Vatican, nhưng là trong thời gian trước mắt. Có nghĩa là vị Giáo hoàng mới cho họ hiểu đây không phải là những chức vụ bổ nhiệm trong thời hạn năm năm và có thể sẽ có thay đổi trong thời gian tới.

Một vị Hồng y ngày hôm sau đã nói: “Thoạt đầu, tôi nghe nói là ông ấy đã tái bổ nhiệm mọi người cho một năm”. “Tôi nghĩ: ‘Không, như vậy không tốt, nó sẽ trói buộc ông ta’. Rồi sau đó tôi lại nghe là chỉ tạm thời mà thôi, tôi nghĩ như vậy rất tốt vì bây giờ ông ấy có thể hành động”.

Thứ hai, việc cải cách triều chính Giáo hội dưới thời Giáo hoàng Benedict XVI có thể có nghĩa là thu nhỏ một vài cơ quan, loại bỏ vài cơ quan khác, củng cố và “tinh giản biên chế” vài cơ quan khác nữa. Không có gì ngạc nhiên nếu như vài cơ quan thuộc “thời kỳ hậu Vatican II”, tức những hội đồng đã mọc lên dưới thời Giáo hoàng Paul VI, sẽ bị xét duyệt lại dưới thời Giáo hoàng Benedict XVI. Chẳng hạn, liệu Hội đồng Giáo hoàng về vấn đề Di trú và Tị nạn có thực sự cần thiết là một *dicastery* độc lập hay không (thuật ngữ của Tòa thánh Vatican nói về một cơ quan thuộc Giáo triều Roma); và nếu như vậy, thì tại sao không có những bộ phận độc lập phụ trách những nhóm người khác, chẳng hạn như Hội đồng Giáo hoàng lo cho Người thất nghiệp hay Hội đồng Giáo hoàng lo cho Người xa xứ? Và Hội đồng Giáo hoàng phụ trách Gia đình có cần thiết không, khi mà rất nhiều vấn đề về gia đình đã được Bộ Giáo lý Đức tin giải quyết rồi. Dựa trên ác cảm của Giáo hoàng đối với các cơ chế quan liêu có tính tự biện minh cho mình, có thể hiểu được việc cần thiết xem xét lại một số *dicastery* (phòng ban) trong Giáo triều.

Những điều nói trên hoàn toàn không nhằm đặt câu hỏi về các đóng góp của các phòng ban hay về sự tận tâm của thành phần nhân sự ở những nơi đó. Mục đích là xét lại vấn đề một cách thẳng thắn và thiết

thực để xem có thể thực hiện các đóng góp như thế hiệu quả hơn, tránh việc phung phí tài nguyên và tình trạng chông chéo, từ một lối sắp xếp khác. Mong muốn của Giáo hoàng Benedict sẽ là Giáo triều chỉ cần những cơ cấu tối thiểu để đạt được những mục tiêu cơ bản của mình.

Một bộ phận của Giáo hội chắc chắn sẽ không bị loại bỏ, nhưng có thể sẽ bị hạn chế quyền hành, đó là Phủ Quốc vụ khanh, được Giáo hoàng Paul VI ví như một “siêu cơ quan” đóng vai trò phối hợp mọi ban ngành khác. Dưới thời Giáo hoàng Paul VI và John Paul II, gần như mọi lĩnh vực của đời sống Giáo hội trừ lĩnh vực tín lý, mọi công việc từ tất cả ban bộ khác đều phải thông qua Phủ Quốc vụ khanh trước khi có thể lên tới tay Giáo hoàng. Ở một mức độ nào đó, đây là một sự đảo lộn truyền thống của Giáo triều Roma, vì từ xa xưa đến nay, chính Bộ Giáo lý Đức tin (trước Vatican II được gọi là Thánh Bộ) được coi là *la suprema*, có nghĩa là nó đứng đầu trong các bộ cùng cấp trong cơ cấu quyền lực ở Tòa thánh Vatican. Uy thế của Phủ Quốc vụ khanh từ lâu đã bị phê bình là bằng chứng của tình trạng cơ cấu quan liêu được đặt trên nội dung công việc. Và chắc chắn là dưới thời Benedict XVI sẽ có một chuyển dịch quyền lực, tinh vi nhưng có thực, trở lại Bộ Giáo lý Đức tin. Chi nhánh thứ hai của Phủ Quốc vụ khanh, chuyên phụ trách quan hệ với các quốc gia và vấn đề ngoại giao, có vẻ tương đối cách ly an toàn với những thay đổi kiểu này, nhưng chi nhánh thứ nhất, chuyên phụ trách các vấn đề quản trị nội bộ Giáo hội, có thể sẽ bị giảm cả về kích cỡ lẫn quyền hành.

Vị Giáo hoàng mới có thể cũng muốn củng cố hoạt động truyền thông của Tòa thánh Vatican; vì không có một cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm về quan hệ báo chí nên đôi khi Tòa thánh đã nhận những thông điệp đối lập. Dưới thời Giáo hoàng John Paul II, văn phòng báo chí của Tòa thánh Vatican do Navarro-Valls lãnh đạo, có trách nhiệm liên lạc với báo giới và xuất bản, trong khi đó Hội đồng Giáo hoàng phụ trách về Thông tin Xã hội do Tổng Giám mục người Hoa Kỳ là John Foley lãnh đạo thì lại lo liên lạc với các đài phát thanh và truyền hình. Ngoài ra, Đài phát thanh của Tòa thánh Vatican theo một cách nào đó cũng được xem là “tiếng nói của Đức Giáo hoàng”. Kết cục là nỗ lực phải nhân đôi mà tín hiệu lại bị nhiễu. Giáo hoàng Benedict XVI có thể nên yêu cầu công

việc của các cơ quan này phải được phối hợp một cách tốt hơn.

Cuối cùng, việc cải cách triều chính Giáo hội dưới thời Giáo hoàng Benedict XVI có nghĩa là sẽ khó xảy ra trường hợp Tòa thánh Vatican có nhiều tiếng nói khác nhau, nhưng các bộ phận sẽ hoạt động trong sự kết hợp và tập trung nội bộ chặt chẽ hơn. Sẽ chấm dứt những ngày mà các quan chức như Hồng y Renato Martino, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Hòa bình và Công lý, sai bước vào Văn phòng Báo chí của Tòa thánh Vatican và lên án lực lượng quân sự Hoa Kỳ bắt giữ và đối xử Saddam Hussein “như đối với một con bò cái”, rồi khi báo chí thế giới cho chạy các hàng tit “Vatican chỉ trích Hoa Kỳ” thì ông lại nói ông chỉ phát biểu ý kiến cá nhân. Tương tự, có lẽ sẽ có sự kiểm soát tốt hơn những vụ bất đồng công khai giữa các vị Hồng y, thí dụ như cuộc tranh cãi giữa Hồng y Alfonso Lopez Trujillo, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Gia đình và Hồng y Javier Lozano Barragan, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng về Chăm sóc Sức khỏe; họ tranh cãi về việc liệu các cặp vợ chồng, theo đúng luật, có được phép sử dụng bao cao su để phòng ngừa việc lây lan bệnh hay không. Và cả những vụ lộn xộn nhỏ nhặt có lẽ cũng sẽ bớt xảy ra, như vụ ám ĩ khó xử về việc Giáo hoàng John Paul II có nói câu “quả đúng như vậy” hay không về bộ phim “Cuộc khổ nạn của Chúa” của Mel Gibson. Giáo hoàng Benedict sẽ cố gắng đảm bảo để người Công giáo biết rõ lập trường của Tòa thánh, khi họ “đụng” phải một vấn đề đức tin.

Điều này không có nghĩa là Giáo hoàng Benedict sẽ bổ nhiệm toàn những người chỉ biết gặt đầu và sẽ loại bớt việc tranh luận trong nội bộ. Trên thực tế, nếu như ông ta quy tụ quanh mình toàn những nhà chuyên môn, những người được đào tạo kỹ lưỡng và những người có tư tưởng sáng tạo, thì tinh đa dạng nội bộ của Tòa thánh Vatican đương nhiên sẽ tăng thêm. Hơn nữa, không ai mong đợi Ratzinger từ chối không cho các quan chức Vatican được biểu hiện khả năng cá nhân của mình. Khi Giáo hoàng John Paul II mời ông về lãnh đạo Bộ Tin lý, ông chỉ yêu cầu mỗi một việc là được tiếp tục xuất bản các tài liệu thần học của ông, một điều kiện mà John Paul đã sẵn sàng chấp nhận. Giáo hoàng John Paul đã giữ đúng lời hứa với ông, tuy đôi khi cũng có cầu nhàu là khó lòng phân biệt lúc nào Ratzinger nói tiếng nói riêng trong cuộc thảo luận thần học và lúc

nào thì nói tiếng nói của người phụ trách tín lý cao nhất của Giáo hoàng. Nhưng nếu ông đã yêu cầu được giữ tự do đó cho mình, không lý nào Giáo hoàng Benedict lại từ chối điều đó với các cộng sự của mình.

Tuy nhiên, cùng lúc, ông sẽ mong các cộng sự của mình cũng thận trọng, biết lựa chọn đúng lúc đúng nơi để biểu lộ sự tự do đó, biết tránh những lời bình luận gây kích động có thể gây xáo trộn cho việc giảng dạy của Tòa thánh, đặc biệt trong những vấn đề thuộc tín lý và đạo đức. Nói cách khác, sự mong đợi này có nghĩa là sẽ cần nhiều kỷ luật hơn bên trong Giáo triều Roma, ít tạo cảm giác lộn xộn hay ban ngành chống chéo nhau hơn.

Nói chung, các vị Hồng y đã bầu cho Giáo hoàng Benedict XVI mong muốn ông ta thay đổi lối làm việc của Giáo triều Roma, khiến nó trở nên nhạy cảm hơn với các mối quan tâm của các Giám mục địa phương, chẳng hạn như những người ra quyết định sẽ là những chuyên viên chứ không phải là những công chức, những người này thường chỉ lo nhắc cho thiên hạ nhớ ai là người nắm quyền. Các quyết định sẽ là kết quả của sự tranh luận tìm tòi chứ không phải là trò chơi của quyền lực. Ngoài ra, các Giám mục cũng mong một Giáo triều Roma tập trung hơn, có lẽ sẽ gọn nhẹ hơn, nhưng lại có khả năng đưa ra những hướng dẫn rõ rệt hơn cho các Giám mục cũng như cho toàn thế giới. Họ hy vọng là liên lạc giữa cái bộ máy hành chánh lo công chuyện thường ngày và các dự án chăm lo mục vụ của Tòa Thánh sẽ bớt xa cách hơn là dưới thời John Paul II. Họ hy vọng là mong muốn làm việc "tập thể" của Giáo hoàng và mong muốn chỉ đưa ra các quyết định dựa trên những mối quan tâm đích thực về tín lý và mục vụ sẽ tỏ ra hiệu quả trong phong cách làm việc của bộ máy hành chánh này.

Không hoàn toàn chỉ là suy đoán khi dự báo những sự thay đổi về hướng này trong việc cai quản của vị Giáo hoàng mới. Vào một ngày tháng Mười năm 1990, tại một hội nghị *Comunione e Liberazione* hàng năm ở Rimini, Hồng y Ratzinger đã đề cập trực tiếp tới việc cải tổ triều chính Giáo hội:

Sau Công đồng, chúng ta đã lập ra nhiều tổ chức, nhiều hội đồng mới ở nhiều cấp khác nhau, và bây giờ chúng ta vẫn còn tiếp tục lập

ra thêm... Chúng ta phải ý thức rằng những tổ chức này chỉ là thứ yếu, có tính hỗ trợ so với vấn đề cơ bản; cuối cùng chúng sẽ biến mất, chứ không phải dùng chúng, nếu có thể nói được như vậy, mà thay thế Giáo hội. Trong hướng này, tôi đã đề nghị một cuộc xét mình mà nếu tiến hành luôn cho Giáo triều Roma thì cũng sẽ có lợi, để đánh giá xem tất cả những bộ ban đang hiện hữu có thực sự cần thiết hay không. Sau Công đồng, chúng ta đã có hai cuộc cải tổ triều chính Giáo hội, vì vậy một cuộc cải tổ thứ ba không phải là không thể được.

Cần lưu ý rằng đây sẽ không phải là loại cải tổ triều chính mà một số người Công giáo tiến bộ ở nhiều nơi trên thế giới đã mong đợi từ lâu, đó là chính thức tước bỏ quyền lực từ Tòa thánh Vatican và chuyển quyền lực đó sang các Hội đồng Giám mục quốc gia và các giáo phận địa phương. Giáo hoàng mới đã nhiều lần nói rằng một chính quyền trung ương mạnh ở Tòa thánh Roma là cần thiết để duy trì sự hợp nhất của Giáo hội, và trong kỷ nguyên của truyền thông cấp kỳ, thật ngây thơ khi nghĩ rằng các vấn đề sẽ có thể được giữ kín lâu trong “nội bộ vùng”. Như thế, khó lòng có khả năng Giáo hoàng Benedict sẽ tháo gỡ quyền hành trung ương của Tòa thánh. Tuy nhiên các Hồng y đã bầu Giáo hoàng hy vọng là trong khi sử dụng quyền hành của mình, ông sẽ có tính “tập thể” hơn, biết nghe những góp ý chính đáng hơn là tình trạng dưới thời John Paul II, khi đó vị Giáo hoàng đã mê say với sứ mạng Phúc âm bằng việc ra đi tiếp xúc với thế giới nên đã phải lệ thuộc vào “hệ thống (hành chánh)” để lo chuyện trong nhà.

“Cuộc cải tổ triều chính Giáo hội không thể thực hiện được nếu không có sự đổi mới của cách thể hiện tính tập thể của các Giám mục”, một vị Hồng y người châu Âu nói sau cuộc bầu cử của Giáo hoàng Benedict. “Khi bầu cho Ratzinger, chúng tôi nghĩ ông ta sẽ không thiên vị trong khi lắng nghe những mối quan tâm thực tế của mọi người”.

Cũng cần nhắc lại là đã từng có rất nhiều Giáo hoàng khi lên cầm quyền đã mong muốn thay đổi nhiều thứ trong Tòa thánh Vatican nhưng sau đó mới thấy là cái cơ cấu đó hết sức bền bỉ và khó lòng thay đổi. Cho nên còn phải chờ xem các kỳ vọng vào hành động của Giáo hoàng

Benedict sẽ được thực hiện tới đâu. Còn vào lúc này, điểm quan trọng chính là một khi bầu cho một vị Hồng y từ trong Giáo triều Roma, các Hồng y trong Cơ Mật Hội 2005 không nhằm việc tán thành chính sách “vẫn như cũ”; nhưng ngược lại, họ đã bầu cho người mà họ cảm thấy là sẽ đủ sức làm chủ tình hình của Giáo triều Roma để bảo đảm là các cố gắng mục vụ của John Paul và hiện giờ là của ông, sẽ được thể hiện tốt hơn trong đường lối điều hành Giáo hội Roma.

VIỆC BỔ NHIỆM CÁC GIÁM MỤC

Thường thì John Paul II để mọi công việc quản lý hàng ngày trong tay những người trợ giúp, ông chỉ chú ý cách đặc biệt trong một vài trường hợp bổ nhiệm Giám mục. Theo thông lệ, ông sẽ gạch cái tên đầu tiên của danh sách *terna*, bản danh sách gồm ba tên do Bộ Giám mục tiến cử lên. Chỉ một vài trường hợp khi ông có đầy đủ thông tin, ông gạt danh sách *terna* qua một bên và lựa chọn khác đi; chẳng hạn như trường hợp của Hồng y Edward Egan của New York, người mà Giáo hoàng John Paul II đã từng biết khi còn là thẩm phán trong Tòa án tối cao Rota, đã cùng làm việc với ông trong việc duyệt lại Bộ Giáo Luật năm 1983. Việc Giáo hoàng chủ yếu dựa vào một cơ cấu có nghĩa là việc bổ nhiệm các Giám mục bước đầu sẽ là sự đề cử của vị *nuncio*, tức đại sứ của Tòa thánh tại các nước, sau đó là việc duyệt xét do Bộ Giám mục; tổ chức này bắt đầu từ tháng Chín năm 2000, cũng được lãnh đạo bởi một sản phẩm của hệ thống ngoại giao của Tòa thánh, Hồng y Giovanni Battista Re.

Việc để các nhà ngoại giao của Tòa thánh Vatican nắm lấy việc tuyển chọn Giám mục, theo một vài nhà phê bình, có nghĩa là các tiêu chí ngoại giao được xem là quan trọng nhất, và thông thường kết quả là những vụ bổ nhiệm “an toàn”. Nói chung, một vài quan chức trong Giáo hội đánh giá rằng chất lượng của các Giám mục được bổ nhiệm trong suốt nhiệm kỳ của Giáo hoàng John Paul khá thấp, với một số lớn khuôn mặt “thường thường bậc trung” – tức những nhà quản lý đáng tin cậy và những vị chủ chiên tốt, nhưng thường thì thiếu óc tưởng tượng, thiếu sáng tạo và thiếu tầm nhìn. Một số người cho rằng có thể được tìm thấy

bằng chứng đó ngay trong chính Hồng y đoàn. Như đã trình bày ở phần trước, việc thiếu các nhân vật thực sự nổi bật trong Hồng y đoàn cũng là một trong những nhân tố đã khiến cho việc bầu Hồng y Joseph Ratzinger trở thành sự chọn lựa tất nhiên đối với nhiều cử tri.

“Các vị Giám mục được John Paul II bổ nhiệm nói chung là những chủ chiên tốt, có lòng nhân hậu, nhưng đôi lúc họ thiếu chiều sâu về trí tuệ”. Hồng y Godfried Danneels của vương quốc Bỉ đã nói trong một cuộc phỏng vấn ngắn trước Cơ Mật Hội ngày 18 tháng Tư. “Những người được ông bổ nhiệm đều là những mục tử tốt, biết cảm thông, nhiều hơn cách đây 30 năm rất nhiều”, Danneels nói. “Tuy vậy nếu bạn so sánh Giám mục đoàn với cách đây 50 hay 100 năm về trước, khả năng trí tuệ của các Giám mục ngày nay thấp hơn nhiều. Tiêu chuẩn về trí tuệ dành cho Giám mục đã giảm”.

Một nguyên nhân của vấn đề này, Danneels cho biết, là dưới thời Giáo hoàng John Paul II, quá nhiều chuyên viên giáo luật và quan chức trong Giáo hội được bổ nhiệm làm Giám mục và quá ít thần học gia.

“Họ không cho các nhà thần học làm Giám mục nữa”, ông nói. “Kết quả là không có nhiều Giám mục sở hữu một đời sống trí tuệ năng động”.

Danneels đã thừa nhận rằng cuộc khủng hoảng về ơn gọi, đặc biệt ở châu Âu, là một phần của vấn đề, bởi vì ở nhiều nơi thường không có một đội ngũ đông đảo các linh mục trẻ vừa là thần học gia tài năng để ứng tuyển cho chức Giám mục. Tuy vậy, theo ông, trong hầu hết các giáo phận đều có thể tìm ra các ứng cử viên như vậy; vấn đề là dưới thời Giáo hoàng John Paul II, các ứng cử viên này thường không được chú ý lắm.

Một điều mà các vị Hồng y đã bỏ phiếu cho Giáo hoàng Benedict XVI mong đợi là ông ta sẽ quan tâm hơn đối với việc bổ nhiệm các Giám mục, sẽ kiểm tra lại các hồ sơ và can thiệp khi thấy cần thiết, đặc biệt là ngay từ những tháng đầu tiên, như thế sẽ định hướng được tiến trình bổ nhiệm. Họ cũng tin tưởng rằng ông ta sẽ bổ nhiệm các Giám mục có thực lực, những người thực sự ham tìm hiểu và có chiều sâu. Điều này không có nghĩa là mong muốn Benedict XVI sẽ bổ nhiệm những nhà thần học có xu hướng tự do vào những chức vụ quan trọng, mà đúng hơn sự vững vàng

trong giáo lý của họ sẽ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để được phong làm Giám mục. Ngoài điều kiện học thuyết chính thống, các Hồng y cử tri mong đợi vị Giáo hoàng mới cũng đòi hỏi sự sáng tạo, trí tưởng tượng và kiến thức. Điều này càng đặc biệt cần thiết khi bổ nhiệm vào các giáo phận lớn và các chức vụ quan trọng trong Giáo triều Roma; nhờ thế Hồng y đoàn sẽ thực sự trở thành tập thể “những người giỏi nhất và ưu tú nhất” trong giới lãnh đạo của Giáo hội Công giáo Roma.

Với ý nghĩa đó, một vài Hồng y đã so sánh các hình thức bổ nhiệm Giám mục mà họ mong đợi từ Giáo hoàng Benedict với Giáo hoàng Pius XII. Mặc dù Giáo hoàng Pius XII được hầu hết mọi người xem là có khuynh hướng bảo thủ về thần học, nhưng ông đã thực hiện một loạt những vụ bổ nhiệm ấn tượng cho những người không hẳn cùng chia sẻ quan điểm với ông trên mọi vấn đề: Julius Dopfner ở Munich, Josef Frings ở Cologne, Franz Konig ở Vienna, Giacomo Battista Lercaro ở Bologna, Bernard Alfrink ở Holland và Giovanni Battista Montini ở Milan, người sau này sẽ trở thành Giáo hoàng Paul VI. Tất cả những người trên đều là những học giả thực sự; chẳng hạn người ta kể Montini mang theo chín mươi thùng sách khi ông rời Milan để đến Rome. Họ là những Giám mục có khả năng, những người sau đó đã trở thành những kiến trúc sư của Công đồng Vatican II bởi họ có chiều sâu và óc phán đoán độc lập để có thể đưa ra những quyết định của riêng mình. Giáo hoàng Benedict XVI, trong con mắt của nhiều người đã bỏ phiếu bầu ông, được trông đợi sẽ thực hiện những sự bổ nhiệm chín chắn và được cân nhắc kỹ lưỡng cho hàng Giám mục, sẽ đánh giá các ứng cử viên dựa trên các tiêu chí khách quan, và sẽ tìm kiếm những ứng cử viên tốt nhất thay vì an toàn nhất.

Một bằng chứng về khả năng đánh giá của Giáo hoàng Benedict trong vấn đề bổ nhiệm Giám mục là vụ việc xảy ra năm 1985, lúc Hồng y Franz Konig từ chức sau khi phục vụ lâu năm ở Vienna (Áo). Khi ấy thư ký riêng của Giáo hoàng John Paul II là Đức Ông Stanislaw Dziwisz đã thông báo cho Bộ Giám mục rằng Giáo hoàng đã có ý định để Giám mục Phụ tá của Vienna là Kurt Krenn lên kế vị Konig. Thời gian đó, Krenn được biết đến không chỉ là một người có khuynh hướng cực kỳ bảo thủ mà còn có tâm tính đơn độc và không kiên định, một vài người đã nhận

định như vậy. Trước đó, khi Giáo hoàng John Paul đã bổ nhiệm Krenn trong vai trò Giám mục phụ tá ở Vienna với trách nhiệm đặc biệt là phụ trách về văn hóa. Việc lựa chọn này đã bị chế giễu sau khi Krenn thú nhận trên đài truyền hình quốc gia rằng ông ta không thể nêu tên bất cứ một nghệ sĩ còn sống nào của Áo cả, dù là họa sĩ, hay thi sĩ, điêu khắc, văn sĩ, nhạc sĩ hay nhà khoa học. Sau đó, ông được phong làm Giám mục giáo phận Sankt Polten; và trong Hội đồng Giám mục nước Áo, Krenn nổi tiếng là một người hay gây gổ, khó tính và có phần thất thường. Năm 2004, Krenn đã phải từ chức Giám mục Sankt Polten trong nhục nhã sau khi các bức ảnh của một số chủng sinh và một thành viên ban giảng huấn của chủng viện thuộc địa phận trong tư thế khêu gợi được đưa lên một tạp chí của Áo, và một chủng sinh của ông được phát hiện là sở hữu một máy tính đầy những hình ảnh khiêu dâm.

Theo các bản tin trên báo chí Áo, chính Ratzinger là người đã chặn đứng việc đưa Krenn lên chức vụ Hồng y vào năm 1985 và thuyết phục John Paul không bổ nhiệm ông ta. Norbert Stanzel, một nhà báo người Áo, đã tường thuật sự can thiệp trong quyển sách xuất bản năm 1999 của ông kể về tiểu sử của Krenn có tên *Chiếc roi của Chúa* (Die Geißel Gottes). Krenn từng là đồng môn với Ratzinger ở Tübingen năm 1965, và cả hai người là đồng nghiệp ở khoa thần học của trường Regensburg trong thập niên 70. Các nguồn tin cho nhà báo Stanzel hay rằng, Ratzinger có những dè dặt cá nhân đối với Krenn. Cho dù Stanzel không tiết lộ chính xác chúng là gì, nhưng không quá khó để đoán ra: Ratzinger biết rằng Krenn sẽ là một thảm họa khi được đặt vào vị trí tâm cơ như Vienna, và trên thực tế, ông đã giúp Giáo hoàng tránh được lắm lần. Đó chính là một sự đánh giá trầm tĩnh và khách quan mà nhiều Hồng y mong muốn Giáo hoàng mới đem ra áp dụng ở phạm vi rộng rãi hơn.

Đối với Hoa Kỳ, khía cạnh này của nhiệm vụ Giáo hoàng Benedict có thể được xem là đặc biệt quan trọng, bởi bốn trong bảy vị Hồng y làm việc tại quốc gia này nếu chưa tới tuổi nghỉ hưu thì cũng chỉ còn hai năm nữa. Điều này sẽ cho Giáo hoàng Benedict cơ hội để đưa ra một loạt bổ nhiệm trong những tháng tới, những bổ nhiệm có thể định hình Giáo hội Hoa Kỳ trong thời gian dài lâu.

CÁC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC

Là người đứng đầu Bộ Giáo lý Đức tin, Hồng y Joseph Ratzinger đã hướng dẫn một cuộc thẩm định lại bản chất và mục đích các Hội đồng Giám mục, và kết quả là đã cho ra đời Tông huấn *Apostolos Suos* của Giáo hoàng năm 1998. Trên thực tế, văn kiện này kết luận rằng các Hội đồng Giám mục không có vị trí thần học của riêng họ, vì thế không có đủ thẩm quyền để giảng dạy, trừ phi họ đồng thanh giảng dạy – có nghĩa là dựa trên thẩm quyền của mỗi thành viên Giám mục, hoặc với sự chấp thuận trước của Giáo hoàng. Vấn đề mấu chốt, như Ratzinger và những người khác quan niệm, là để cho thấy rõ rằng Hội đồng Giám mục là một tổ chức hành chính, chứ không phải một thực thể thần học; mỗi Giám mục là đại diện của Chúa Giêsu trong giáo phận của mình, và không thể chuyển giao trách nhiệm đó vào một cơ cấu hành chính. Tông huấn *Apostolos Suos* đã được xây dựng trên mối quan ngại từ lâu của Ratzinger, đó là tầm cỡ và quy mô đang lớn dần của các Hội đồng Giám mục trên thế giới, đặc biệt là ở các nước như Hoa Kỳ và Đức, có nguy cơ tạo ra tình thế trong đó đa số phiếu và chương trình nghị sự của các quan lại trong Giáo hội sẽ áp đặt một phong cách mới trong đời sống của Giáo hội, thay vì là những quyết định dựa trên lương tâm của các Giám mục.

“Đây là vấn đề đảm bảo an toàn cho chính bản chất thực sự của Giáo hội Công giáo, nó được đặt trên nền tảng là những giáo phận do Giám mục cai quản chứ Giáo hội không phải là một hình thức liên đoàn các Giáo hội quốc gia”. Ông đã đề cập đến vấn đề này trong quyển *The Ratzinger Report*. “Cấp quốc gia không phải là chiều kích thuộc Giáo hội”.

Ở một mức độ nào đó, sự thận trọng về các Hội đồng Giám mục này đã phản ánh mối quan tâm rộng hơn của ông đối với các bộ máy hành chính. Theo ông, các bộ máy hành chính này có xu hướng cào bằng và thể chế hóa sự sáng tạo và lòng can đảm của từng cá nhân lãnh đạo. Ông đã chứng kiến được điều này trong cách Giáo hội Công giáo Đức đã đối phó lại sự bùng phát của phong trào Đức Quốc Xã.

“Các văn kiện thực sự mạnh mẽ chống lại phong trào Chủ nghĩa Xã hội Quốc gia xuất phát từ cá nhân các vị Giám mục có lòng can đảm”, ông đã

phát biểu vào năm 1985. “Mặt khác, các văn kiện của Hội đồng Giám mục thường là mờ nhạt và quá yếu ớt so với cái mà tấn thâm kịch mang tới”.

Aidan Nichols, trong một bản nghiên cứu năm 1987 của mình, quyển *Học thuyết của Joseph Ratzinger*, trình bày rằng nguồn gốc thái độ nghi ngại của ông về các Hội đồng Giám mục có thể được tìm thấy một phần ở học thuyết về *Volk* (dân tộc) được một vài thần học gia Tin Lành của Đức phát triển, các vị này sau đó đã trở thành những người biện hộ cho phong trào Chủ nghĩa Xã hội Quốc gia Đức. Ratzinger cảm thấy mối nguy hiểm khi cho phép một khái niệm thuộc chủ nghĩa dân tộc len lỏi vào giáo lý và suy luận thần học của Giáo hội, khiến cho một Hội đồng Giám mục tự xem mình như một loại trung gian giữa Giáo hội toàn cầu và Giáo hội trong một đất nước nào đó. Trên bình diện cực đoan, điều này có thể dẫn tới một lối hiểu méo mó về tính phổ quát của Giáo hội Công giáo Roma, từ đó “Giáo hội Công giáo Hoa Kỳ” hoặc “Giáo hội Công giáo Brazil” rốt cuộc được xem là những đơn vị tôn giáo riêng biệt thay vì chỉ là những hình thức địa phương của cùng một Giáo hội duy nhất và phổ quát.

Cuối cùng, Ratzinger cũng đã lo lắng rằng các vị Giám mục có thể thấy chính họ bị thao túng bởi các lực lượng muốn lôi kéo các Hội đồng Giám mục với những mục đích riêng.

“Trong nhiều Hội đồng Giám mục, vì tinh thần tập thể và có thể là vì muốn sống yên ổn hay vì muốn hòa đồng mà số đông Giám mục đã chấp nhận các lập trường của những nhóm thiểu số năng động, tích cực theo đuổi các mục tiêu rõ ràng”, ông nói.

Những dè dặt trên không có nghĩa là Giáo hoàng Benedict sẽ chấm dứt các Hội đồng Giám mục trên khắp thế giới, hoặc từ chối gặp mặt các viên chức của họ. Trái lại, người ta hy vọng ông sẽ duy trì những mối quan hệ thân thiện với các viên chức của Hội đồng Giám mục các nước, mà hầu hết là những người ông biết và gặp gỡ thường xuyên. Vào đầu thập niên 1990, Ratzinger đã thực hiện một loạt chuyến đi tới nhiều nơi trên thế giới để gặp gỡ những người đứng đầu Ủy ban giáo lý các Hội đồng Giám mục ở các vùng đó, và Bộ Giáo lý Đức tin đã thiết lập các

cuộc trao đổi thường xuyên với các thành viên và quan chức của các Hội đồng Giám mục. Như thế, vị Giáo hoàng mới khởi xướng một lịch sử của cái mà ông xem là những cuộc tiếp xúc rất tích cực với các Hội đồng Giám mục, và chắc chắn ông ấy muốn tiếp tục.

"Trên hết, qua các lần tiếp xúc với các Hội đồng Giám mục đã giúp chúng tôi hiểu biết nhau nhiều hơn và cũng đã giúp các Giám mục cùng thống nhất một quan điểm chung về nhiệm vụ của họ, chung với nhau và chung với Tòa thánh Roma", ông đã nói trong quyển *Muối Đất*.

Tuy nhiên, cùng lúc, Giáo hoàng Benedict sẽ tìm cách để bảo đảm là những gì ông nghe được trong các cuộc đối thoại này với các Hội đồng Giám mục thực sự là tiếng nói của các Giám mục, chứ không phải của một nhóm quan lại nhà thờ. Ngoài ra, việc một Hội đồng Giám mục đã chọn lấy một lập trường nào đó bằng đa số phiếu có lẽ sẽ không có giá trị mấy trong nhiệm kỳ của Benedict khi ông cần lấy những quyết định về một đất nước nào. Vì ông không tin tưởng ở các động lực bên trong các cơ cấu hành chính, đây không phải là một giáo hoàng sẽ thuận theo phán đoán của các Hội đồng Giám mục khi ông cho rằng có những vấn đề quan trọng thuộc đức tin hay kỷ luật trong Giáo hội cần phải xét.

Không kém phần quan trọng, Giáo hoàng Benedict sẽ khuyến khích các Giám mục lấy trách nhiệm riêng của mình khi bàn bạc, thảo luận trong các Hội đồng Giám mục, sao cho đó sẽ là công việc thực sự của các Giám mục chứ không phải của một tầng lớp "chuyên gia" những người bằng lối phán đoán và cảm nhận riêng lại chi phối cả công việc của Hội đồng. Cho nên có lẽ Giáo hoàng sẽ khuyến khích các Giám mục, đặc biệt là các Giám mục ở các quốc gia có những Hội đồng Giám mục hùng hậu và nguồn tài chính dồi dào, xem xét lại các cơ cấu và hệ thống của họ để đảm bảo chắc chắn rằng họ thực sự phục vụ mục tiêu Phúc âm chứ không phải những mục đích quan liêu. Với ý nghĩa đó, nhiều Hội đồng có thể sẽ phải trải qua một cuộc kiểm tra và sàng lọc y như điều mà nhiều người đã mong đợi với Giáo triều Roma. Vị Tân Giáo hoàng có thể nghi ngờ về những cơ cấu mới – chẳng hạn như Hội đồng Xét duyệt Quốc gia, thành lập ở Hoa Kỳ nhằm đối phó với khủng hoảng về lạm dụng tình dục,

mà ông cho rằng có nguy cơ làm giảm phần trách nhiệm cá nhân của các Giám mục khi phải đưa ra những quyết định khó khăn.

Về phương diện này, toàn bộ nỗ lực của nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict sẽ là chú trọng vào trách nhiệm trực tiếp của các Giám mục trong việc giáo huấn, thánh hóa và cai quản (giáo dân), và lãnh lấy trách nhiệm cá nhân cho những chọn lựa trên thay vì phó thác trách nhiệm cho những nhóm chuyên viên hay những cơ cấu; và đồng thời khuyến khích người tín hữu Công giáo tự xem mình trước hết là thành viên của Hội Thánh toàn cầu, để những khái niệm định danh khác – dòng giống, quốc gia, giai cấp xã hội – sẽ trở nên tương đối và thứ yếu. Trong sự căng thẳng không tránh khỏi giữa Giáo hội địa phương và Giáo hội toàn cầu, Giáo hoàng Benedict đương nhiên đứng về phía Giáo hội toàn cầu và ông không muốn chứng kiến việc các cơ cấu tổ chức ở các cấp làm người tín hữu Công Giáo quên rằng nhờ bí tích Rửa tội, họ trước tiên thuộc về Hội Thánh duy nhất, Thánh thiện, Công giáo và Tông truyền.

CÁC THỂ CHẾ THUỘC GIÁO HỘI

Một trong những cuộc tranh cãi dai dẳng nhất ở Hoa Kỳ trong suốt nhiệm kỳ của Giáo hoàng John Paul là vấn đề về các trường cao đẳng và đại học Công giáo. Trong văn kiện tháng Tám năm 1990 có tên *Ex Corde Ecclesiae* của mình, Giáo hoàng đã khuyến khích các trường trực thuộc Giáo hội làm sống dậy đặc tính Kitô giáo và Công giáo của mình, đảm bảo nêu rõ các giá trị Công giáo chứ không chỉ là các giá trị mang tính học thuật thế tục. Vấn đề không phải là ngăn cản các trường đại học Công giáo cố gắng đạt những tiêu chuẩn chất lượng tốt nhất xét theo khía cạnh pháp lý; nhưng sau khi đạt được điều này, họ còn phải tập trung vào đức tin Công giáo đích thực và việc thực hành đức tin đó, và đảm bảo là các nguyên tắc Phúc âm phải được phản ánh trong chương trình học, phương pháp giảng dạy và ở mọi khía cạnh khác trong đời sống đại học.

Nói chung, (khi ban hành văn kiện này), John Paul đặc biệt nghĩ tới Hoa Kỳ, tại đây các nhà phê bình đã lên án tình trạng không thể chấp nhận được là một số trường Công giáo hàng đầu Hoa Kỳ có nguy cơ

đánh mất bản sắc tôn giáo của mình. Ví dụ như trường hợp cổ điển thường được trích dẫn là vụ tranh luận ở trường Đại học Georgetown do các linh mục dòng Tên điều khiển, để xem việc cho treo thánh giá trong các lớp học có thích hợp hay không. Quyển sách gây nhiều tranh cãi của Linh mục James Burtchaell xuất bản năm 1998 có tên *Ánh sáng lụi tàn* (The Dying of the Light) đối với một số người là tiếng gọi làm thức tỉnh về vấn đề này.

Một điều khoản gây ra tranh cãi nhiều nhất của Tông hiến *Ex Corde* là yêu cầu các chuyên gia thần học Công giáo phải có một *mandatum*, hay giấy phép, của Giám mục địa phương xác nhận tình chính thống của họ. Sau nhiều năm phản kháng, trong đó có sự kháng cự mạnh mẽ từ giới lãnh đạo các trường cao đẳng và đại học Công giáo ở Hoa Kỳ, cuối cùng Hội đồng Giám mục Hoa Kỳ đã chấp nhận các quy tắc năm 1999 thuận theo gần như tất cả mọi yêu cầu của Vatican. Cuộc tranh luận kéo dài gần 10 năm trên đã ép buộc nhiều trường cao đẳng và đại học phải xác định lại họ muốn nói lên điều gì khi họ tự nhận là "Công giáo". Nhưng đồng thời, nó cũng làm tăng thêm bầu khí tức giận và nghi ngờ giữa các Giám mục và giới thần học, để lại trong họ cái cảm giác rằng Giáo hội Roma và một số người trong hàng giáo phẩm ở Hoa Kỳ muốn bóp chết tự do về học thuật tại các trường đại học Công giáo. Một vài nhà thần học Công giáo hàng đầu đã công khai từ chối việc xin *mandatum*, nhiều người khác thì yên lặng làm ngơ.

Dưới thời Giáo hoàng Benedict, một cuộc đấu tranh kéo dài để duy trì các cơ sở Công giáo sẽ ít có khả năng xảy ra hơn. Tòa thánh Vatican sẽ không thấy nhất thiết phải tiêu hao nguồn lực để giữ quyền kiểm soát chỉ trên danh nghĩa cho những cơ sở được xem là thực chất đã hoàn toàn bị tục hóa rồi. Vị Tân Giáo hoàng đã nhiều lần lên tiếng rằng sẽ là một sai lầm nếu Giáo hội Công giáo tìm cách duy trì cái mạng lưới tràn lan những cơ sở không còn được thúc đẩy bởi một ý thức rõ rệt về bản chất Công giáo của mình nữa. Khẩu hiệu theo Giáo hoàng sẽ là cần chất lượng, không cần số lượng. Trong quan điểm của ông, lý do tồn tại của Giáo hội không phải là để điều hành nhiều trường học hay nhiều bệnh viện hơn

những người khác, nhưng để đảm bảo rằng trong bất cứ thứ gì mà Giáo hội làm, sẽ áp ú một lối sống có thể làm tỏ hiện Tin Mừng, để cho thế giới thấy được thế nào là một cuộc sống được xây dựng trên các nguyên tắc Kitô giáo. Thà chỉ có một trường thực hiện việc này một cách thuyết phục, trong quan điểm của Benedict, còn hơn là mười trường “ấm ở hội tề”, “vàng thau lẫn lộn”, không khéo lại mang tiếng xấu cho Giáo hội.

Phần nào, lối nhận thức này của Giáo hoàng phản ánh kinh nghiệm của ông về Giáo hội Công giáo Đức trong thời kỳ Đức Quốc xã. Trong quyển hồi ký *Milestones*, Ratzinger đã bày tỏ suy nghĩ về cuộc đấu tranh của Giáo hội Đức để bám lấy các trường học của họ dưới thời Đức Quốc Xã như sau:

“Tôi bỗng nhận ra rằng, trong khi các Giám mục cố gắng giữ lại các cơ sở đó, phần nào họ đã hiểu sai thực tế”. Ratzinger viết: “Chỉ sở hữu các cơ sở thôi là vô ích nếu không có người để nâng đỡ hỗ trợ các cơ sở đó bằng xác tín từ bên trong”.

Vị Tân Giáo hoàng nhận xét là trên thực tế, vào thập niên 1930, ban giảng huấn các trường Công giáo gồm những thành viên thuộc thế hệ già đều có xu hướng chống Giáo hội một cách cực đoan, phản ánh tâm trạng “muốn tách rời khỏi Rome” của Công giáo Đức ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Trong khi đó, thế hệ trẻ thì bị “nhiễm” ảnh hưởng của hệ tư tưởng Đức Quốc xã, và là kết quả của lòng hận thù đối với các hệ tư tưởng nào không phát sinh từ đất nước Đức. Như thế, tuyệt đại đa số những người làm việc bên trong hệ thống trường học Công giáo đã không còn chia sẻ các nguyên tắc cơ bản mà hệ thống đó đáng lý phải nuôi dưỡng; thế mà mấy Giám mục Công giáo Đức đã ra sức đấu tranh gian khổ để giữ cho được quyền kiểm soát những trường học và bảo tồn cho được cái hư danh “Công giáo” của các trường đó.

Về những cuộc đấu tranh này, Ratzinger đã viết: “Trong những trường hợp như thế, thật ngớ ngẩn khi cứ khăng khăng đòi hỏi có một Giáo hội Kitô giáo được bảo đảm chắc chắn trong một hệ thống”.

Giáo hoàng mới xác tín rằng đôi khi điều tốt nhất Giáo hội có thể làm trong những tình huống tương tự là bỏ luôn cơ sở đó, nhìn nhận

rằng một khi cái mạch sống nối kết với đức tin đã bị đứt lìa, bám vào nó chỉ tạo ra cảm giác là Giáo hội chỉ muốn sở hữu các cơ sở vì lợi ích cho mình. Nói cách khác, thiên hạ thường có cảm giác là cái tổ chức xã hội mang tên Giáo hội Công giáo chủ yếu chỉ nhằm sở hữu tiền của, quyền lực, và thanh thế chứ không phải những lý tưởng mà nó hô hào. Trong một số hoàn cảnh, Ratzinger quả quyết, thà tự thu nhỏ lại và trở nên tầm thường mà giữ được sự trung thành thì tốt hơn.

Ông đã trình bày quan điểm này trong quyển *Muối Đất*: “Một khi Giáo hội có được lợi lộc hay địa vị nào đó, Giáo hội sẽ có xu hướng bảo vệ nó. Khả năng tự điều tiết và tự xén bớt đã không được phát triển đầy đủ”. Ông nói: “Chính vì Giáo hội bám vào cái cơ cấu tổ chức và thể chế quản lý của mình khi thực sự không có gì phía sau để biện minh cho cái cơ chế đó đã làm Giáo hội mang tiếng”.

Điều này cũng áp dụng cho các tổ chức khác, chẳng hạn như nhà thương, trung tâm cứu tế, các cơ quan phục vụ xã hội, các chương trình chăm lo cho thanh niên và tất cả các tổ chức để thực hiện các thừa tác vụ của Giáo hội⁷². Điều quan trọng, theo Giáo hoàng Benedict, là đừng trở thành một loại McDonald tôn giáo, với các cửa hàng độc quyền kinh tiêu ở mọi góc đường. Bí quyết là làm cho các cơ sở tổ chức của Giáo hội phải được nuôi sống bằng một ý thức trọn vẹn và rõ ràng về bản tính Công giáo của mình.

Vì vậy, có nhiều khả năng là các trận chiến về vấn đề Tông huấn *Ex Corde* dưới thời Giáo hoàng John Paul II sẽ không xảy ra trong nhiệm kỳ của Giáo hoàng Benedict XVI. Giáo hoàng mới sẽ có xu hướng không bỏ phí công sức để bảo vệ những cơ sở Công giáo “hữu danh vô thực”, theo quan điểm của ông, đã cắt đứt mọi nối kết quan trọng với Giáo hội. Có lẽ ông sẽ nghiêng về chọn lựa bỏ hẳn các cơ sở này, tập trung nguồn lực trên những nơi biết biểu hiện đời sống đích thực của Giáo hội, tuy có thể không đông đảo lắm, nhưng sẽ có thể nuôi dưỡng được cái nhìn Kitô giáo về cuộc sống con người.

72) Thừa tác vụ (ministries) là những việc làm nhằm thực hiện sứ mạng của Giáo hội, như trong việc cai quản, giảng dạy, tế tự, tông đồ...

KHỦNG HOẢNG LẠM DỤNG TÌNH DỤC

Ngày mùng 6 tháng Giêng năm 2002, khi tờ báo *Boston Globe* tiết lộ về phản ứng thiếu trách nhiệm của Hồng y Bernard Law đối với sự tố cáo các hành vi lạm dụng tình dục của cựu Linh mục John Geoghan trước đây ở Boston, bài báo đã khai mào cho cuộc khủng hoảng tệ hại nhất trong lịch sử Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ. Khi khám phá là các Giám mục đã biết rõ về những cáo buộc các linh mục đã lạm dụng tình dục nhưng vẫn để họ tiếp tục hoạt động; hay trong vài trường hợp chuyển họ qua nhiệm sở khác mà không thông báo cho bất cứ ai về quá khứ của họ, phản ứng giận dữ đã lan tràn khắp nơi từ những giáo dân Công giáo thường cho đến báo giới. Giai đoạn nóng bỏng của vụ bê bối đã hạ nhiệt sau năm 2003, nhưng nhiều giáo phận trên khắp Hoa Kỳ, kể cả những giáo phận ở thành phố lớn như Los Angeles, vẫn còn khả năng phải đối mặt với những vụ kiện tụng tệ hại liên quan tới giai đoạn đó.

Trong giai đoạn đầu của cuộc khủng hoảng, một số quan chức của Tòa thánh Vatican đã tỏ thái độ hoài nghi về tầm cỡ thực sự của vụ bê bối và về động cơ của các luật sư và nhà báo khi bôi mớ lại những trường hợp đã lắng xuống từ nhiều thập niên trước. Tuy ý định bảo vệ Giáo hội ở Hoa Kỳ của các vị này là điều dễ thấy, nhưng những lời phát biểu của họ trước công chúng lại mang kết quả bất lợi về nhiều mặt; chúng tạo cảm giác là hàng giáo phẩm có thái độ phủ nhận tầm quan trọng của sự việc và đang sử dụng chiến thuật che giấu đã là nguyên do đầu tiên cho cuộc khủng hoảng.

Trong số các quan chức cao cấp của Tòa thánh Vatican đã đưa ra những đánh giá như vậy có Hồng y Joseph Ratzinger. Lời tuyên bố gây phản ứng nhiều nhất của ông được đưa ra khi ông xuất hiện ở Murcia (Tây Ban Nha) vào ngày 30 tháng Mười một năm 2002, tại đại hội bàn về “Đức Kitô: Đường lối, Sự thật và Sự sống” ở trường Đại học Công giáo Thánh Anthony. Ratzinger đã được hỏi như sau: “Suốt năm vừa rồi là một thời gian khó khăn cho người Công giáo, các phương tiện truyền thông đại chúng đã dành rất nhiều chỗ để khai thác các vụ bê bối quy cho các linh mục. Có tin đồn về một chiến dịch chống lại Giáo hội. Đức Hồng y nghĩ gì về điều này?”

“Trong Giáo hội, các linh mục cũng là kẻ tội lỗi”, Ratzinger đã trả lời. “Tuy nhiên, tôi đoán chắc việc đăng tải thường xuyên trên báo chí về những tội lỗi của các linh mục Công giáo, đặc biệt ở Hoa Kỳ, là một chiến dịch vận động có kế hoạch, bởi vì tỷ lệ phạm tội trong linh mục không cao hơn so với các nhóm khác, và thậm chí còn thấp hơn. Ở Hoa Kỳ, có những tin tức thường xuyên về đề tài trên, nhưng số linh mục phạm vào tội này chưa đến một phần trăm. Sự có mặt thường xuyên của các loại tin tức này không phản ánh tình khách quan của thông tin hoặc tình khách quan của số liệu thống kê về những sự kiện này. Vì thế có thể đi đến kết luận là có sự cố ý, sắp đặt với mong muốn làm mất uy tín Giáo hội”.

Nhiều người xem các lời bình luận trên là một cố gắng làm giảm thiểu cuộc khủng hoảng và để đổ lỗi cho các phương tiện truyền thông đại chúng đã thổi phồng diễn biến sự việc. Nhìn lại quá khứ, lúc đó Ratzinger cũng đã dựa vào những dữ liệu sai lầm về tỷ lệ phần trăm của các linh mục bị tố cáo là đã phạm tội; sau này các Giám mục Hoa Kỳ đã ủy nhiệm cho trường Pháp lý Hình sự John Jay (John Jay College of Criminal Justice) ở New York tiến hành một cuộc nghiên cứu và kết quả được công bố vào tháng Hai năm 2004, một năm rưỡi sau bài phát biểu của Ratzinger, cho thấy rằng trong khoảng thời gian giữa những năm 1950 và 2002, đã có tới 4.3 % các linh mục triều và 2.5 % các linh mục dòng⁷³ đã phải đối mặt với ít nhất một cáo buộc về lạm dụng tình dục. Lời nhận định của Ratzinger vào tháng Mười một năm 2002 đã dựa trên ước lượng đưa ra trước đó bởi Philip Jenkins, một nhà văn công giáo Hoa Kỳ; ông này đã sử dụng số liệu từ một bản nghiên cứu những lời cáo buộc các linh mục thuộc Tổng giáo phận Chicago trong thời gian trước khi cuộc khủng hoảng bắt đầu khá lâu.

Hậu quả của các lời bình luận trên là một số tín hữu Công giáo Hoa Kỳ, nhất là các nạn nhân của việc lạm dụng tình dục và những người bên vực họ, đã đánh giá Ratzinger cũng như các Giám mục khác chỉ biết cầm đầu vô cát để khỏi phải thấy sự thực về cuộc khủng hoảng, không muốn hoặc không biết phải làm gì để giải quyết. Tuy nhiên, Ratzinger trong thời gian đó cũng đã “bắt kịp tốc độ” về tình hình sự việc ở Hoa Kỳ.

73) Linh mục triều (diocesan priest) là linh mục không phải là tu sĩ, trực thuộc một giáo phận (diocese); linh mục dòng (religious order priest) là linh mục đồng thời là thành viên của một dòng tu.

Tháng Năm năm 2001, John Paul II đã giao cho cơ quan của ông chịu trách nhiệm về pháp lý đối với tiến trình xử lý các cáo buộc các linh mục. Dưới sức nặng của các bằng chứng ông phải duyệt qua, Ratzinger dường như đã nhận thức về tính chất nghiêm trọng của tình hình, và về sự cần thiết phải có một câu trả lời cụ thể từ thẩm quyền của Giáo hội.

Có hai tòa án thuộc Bộ Giáo lý Đức tin để xét xử các trường hợp thừa kiện, Đức Ông Charles Scicluna xứ Malta làm Chương lý⁷⁴, phụ trách việc phối hợp quá trình xét xử này. Dưới sự lãnh đạo của Scicluna, vào tháng Mười một năm 2004, Bộ đã phúc đáp hơn 500 trong số 750 trường hợp đem ra xét xử, một tốc độ đáng kinh ngạc so với nhịp độ làm việc thông thường ở Tòa thánh Vatican. Ngoài ra, điều này đã khiến Giáo hoàng mới trở thành một trong số ít người trong hàng giáo phẩm trên thế giới, bao gồm cả Hoa Kỳ, đã đọc hầu hết mọi hồ sơ của các linh mục Công giáo bị buộc tội lạm dụng tình dục trong các thập kỷ gần đây, điều này đã cho ông quen thuộc với các góc ngách của vấn đề mà hầu như không có một ai khác trong Giáo hội Công giáo có thể có được.

Ratzinger cũng đã học được một vài điều về cuộc khủng hoảng từ việc chinh bản thân ông cũng bị kiện. Đó là vụ kiện có hồ sơ nộp tại Tòa án Hạt 127 thuộc Quận Harris, bang Texas. Ba nạn nhân trong vụ lạm dụng tình dục ở Hoa Kỳ ("John Does I, II và III") đã kiện Ratzinger với lý do rằng ông ta đã hành động vượt quá thẩm quyền khi ông gửi một lá thư đến các Giám mục trên toàn thế giới vào tháng Năm năm 2001 với yêu cầu giữ kín các vụ tố cáo các linh mục về lạm dụng tình dục và trình lại cho văn phòng của ông. Vào ngày 25 tháng Ba năm 2005, các vị luật sư đại diện của Ratzinger đã đệ trình hồ sơ lên Tòa án liên bang, chỉ ra rằng Ratzinger đã hành động như là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin và với tư cách đó được hưởng quyền đặc miễn pháp lý tối cao⁷⁵. Hồ sơ được nộp đúng tám ngày trước khi Ratzinger được bầu làm Giáo hoàng.

Kinh nghiệm này dường như đã tác động tới cách thức đáp ứng của Bộ Tin lý đối với khủng hoảng. Trong số hơn 500 trường hợp mà văn phòng của Ratzinger đã giải quyết trước cuối năm 2004, phần lớn hồ sơ đã được

74) Chương lý (Promoter of Justice), một chức vụ phụ trách về pháp lý trong Giáo hội Công giáo.

75) Quyền đặc miễn pháp lý tối cao (sovereign immunity), quyền miễn bị đưa ra tòa của nhà vua, và sau đó của đại diện ngoại giao các quốc gia.

trả lại cho Giám mục địa phương, cho phép hành động xử trị ngay bị cáo. Trong một số ít trường hợp, Bộ Tin lý yêu cầu một phiên tòa xử theo giáo luật, và trong một vài trường hợp Bộ yêu cầu phục hồi chức vụ linh mục. Điều này cho thấy có một sự đảo ngược thái độ so với lập trường ban đầu của các quan chức Tòa thánh Vatican, gồm cả Ratzinger, yêu cầu là các linh mục bị tố cáo, trong hầu hết các trường hợp, sẽ được xử tại Tòa án Giáo hội. Tuy vậy, sau khi đích thân rà soát các bằng chứng, Scicluna và Ratzinger đã đưa ra kết luận rằng trong nhiều trường hợp bằng chứng áp đảo đến mức hành động tức thì là việc thích hợp.

Sự nhạy cảm của vị Tân Giáo hoàng đối với vấn đề có thể thấy được qua một trao đổi giữa ông với Hồng y Francis George của Chicago về đề tài này; George đã kể lại về việc này trong cuộc họp báo sau Cơ Mật Hội tại Đại Chung viện North American College.

Hai ngày trước khi khai mạc Cơ Mật Hội, George nói, ông đã có một cuộc nói chuyện với Ratzinger về các quy tắc xử lý vấn đề lạm dụng tình dục ở Hoa Kỳ, vì các quy tắc hiện hành chỉ được phê chuẩn tạm cho thời gian hai năm và Tòa thánh Vatican không bao lâu nữa sẽ phải quyết định về việc phê chuẩn lại các quy tắc này. George bảo ông muốn trình bày với Ratzinger những lý do để giữ lại gần như nguyên vẹn các quy tắc hiện hành, mà cơ bản là chính sách “xử lý dứt khoát một lần”, theo đó các linh mục sẽ bị “treo chén”⁷⁶ suốt đời với chỉ một hành vi lạm dụng tình dục trên trẻ vị thành niên. George hỏi Ratzinger liệu ông có câu hỏi nào không. Theo George, Ratzinger tỏ ra “nắm tình hình rất rõ”.

Bốn mươi tám giờ sau đó, Ratzinger trở thành Giáo hoàng. Khi George hôn tay ông ta, Giáo hoàng Benedict XVI đã cố tình nói với ông bằng tiếng Anh rằng Giáo hoàng nhớ cuộc nói chuyện giữa hai người về những quy tắc về lạm dụng tình dục và sẽ để tâm tới. George nói ông hy vọng “các nhóm hỗ trợ nạn nhân”⁷⁷ sẽ cảm thấy an tâm với câu nói của Giáo hoàng. Ông cũng nói rằng ông có “lý do để tin tưởng” là Giáo hoàng mới sẽ giữ nguyên các quy tắc (về cách xử lý lạm dụng tình dục) trong một thời gian nữa.

76) Treo chén, hay treo chức (suspension) là hình phạt không cho một linh mục tiếp tục thi hành chức vụ của mình trước công đoàn giáo dân.

77) Các nhóm nâng đỡ nạn nhân (Survivors' groups), tức những nạn nhân đã trải qua những tai họa, đã sống sót qua những bệnh hiểm nghèo, những người tự tử được cứu sống

Bên cạnh kinh nghiệm trực tiếp từ khủng hoảng này, có hai yếu tố khác trong cuộc sống của Giáo hoàng Benedict khiến ông sẽ phản ứng rất mạnh đối với cơn khủng hoảng về lạm dụng tình dục. Trước tiên, ông ta có một lập trường thần học đặt chức vụ linh mục rất cao, và thấy chức thánh này bị vấy bẩn bởi việc lạm dụng tình dục đối với trẻ em do các linh mục thực sự gây kinh tởm; thứ hai, Giáo hoàng Benedict cũng ý thức rất rõ về vai trò quản lý của Giám mục và có khuynh hướng sẽ nhấn mạnh trách nhiệm phải giải trình về mặt quản lý trong nhiệm vụ của Giám mục. Dưới Giáo hoàng Benedict, hành động của Tòa thánh về vấn đề này sẽ nhanh hơn và dứt khoát hơn. Thiên hạ sẽ thấy là ở Rome có người đang chú ý.

Cuối cùng, hai hành động phản ứng đối với cơn khủng hoảng lạm dụng tình dục đã được khởi sự trước cuộc bầu Giáo hoàng Benedict XVI có vẻ sẽ được Giáo hoàng mới đẩy mạnh hơn.

Thứ nhất, một cuộc thăm viếng của Giáo hoàng tới các chủng viện ở Hoa Kỳ đang được sắp đặt, và Giáo hoàng sẽ muốn chương trình này được thực hiện một cách nghiêm túc. Ông hiểu rất rõ về sự cần thiết phải quan tâm tới việc đào tạo linh mục, đặc biệt là cách trình bày giáo lý và các phương pháp huấn luyện về đạo đức và nhân bản cần phát huy trong chương trình đào tạo ở chủng viện. Giáo hoàng sẽ chú ý đặc biệt về kết quả của tiến trình.

Thứ hai, Bộ Giáo dục Công giáo⁷⁸ đã chuẩn bị một văn kiện đề cập tới việc nên hay không nên tiếp nhận người đồng tính luyện ái vào chủng viện. Văn kiện đã chuẩn bị được công bố dưới thời Giáo hoàng John Paul II, và bây giờ thì nằm trong tay vị Giáo hoàng mới. Mặc dù Giáo hoàng Benedict sẽ muốn biết quan điểm của Giám mục Hoa Kỳ về vấn đề này, văn kiện dường như sẽ được phát hành trong tương lai, đặc biệt khi xét tới lập trường rõ rệt của Hồng y Ratzinger, được trình bày trong một văn kiện năm 1986 của Bộ Giáo lý Đức tin, nói rằng tình trạng đồng tính luyện ái là một “sự rối loạn mang tính khách quan” có xu hướng dẫn tới phạm tội. Điều này không có nghĩa là Giáo hoàng Benedict XVI xem việc

78) Bộ Giáo dục Công giáo đã công bố văn kiện này ngày mồng 4 tháng Mười một năm 2005, yêu cầu không chấp nhận những ai có xu hướng đồng tính luyện ái vào chủng viện.

làm dụng tình dục như một vấn đề “thuộc đồng tính luyến ái”. Tuy nhiên, điều đó có nghĩa là trong cuộc duyệt xét lại một cách tổng thể các chính sách về chủng viện do cuộc khủng hoảng dẫn đến, một điểm nổi bật là Giáo hoàng sẽ ủng hộ việc siết chặt kỷ luật mà ông và nhiều người khác xem là điều kiện bảo đảm cho khả năng của linh mục để đứng “in persona Cristo”, nghĩa là “trong cương vị của Đức Kitô”.

CÚ SỐC VĂN HÓA

Giáo hoàng Benedict sẽ không khiến Giáo hội Công giáo trở nên náo động trong phút chốc, ông cũng sẽ không tổ chức một cuộc thanh trừng để loại “những kẻ bất hảo”. Bất chấp những suy diễn đầy phẫn nộ của các phe nhóm thuộc mọi xu hướng trong Giáo hội, chính sách lãnh đạo của Benedict gần như chắc chắn sẽ cân nhắc hơn, ôn hòa hơn và mang tính cộng tác nhiều hơn so với sự mong đợi của mọi người.

“Chương trình lãnh đạo thực sự của tôi là không làm theo chủ ý của riêng tôi, không theo đuổi các quan điểm của cá nhân tôi mà là cùng với toàn thể Giáo hội, lắng nghe lời Chúa và ý muốn của Chúa, được Chúa hướng dẫn vào thời khắc lịch sử này”. Giáo hoàng Benedict đã nói trong bài giảng trong buổi lễ nhậm chức của ông.

Song, chúng ta có thể mong chờ một sự biến chuyển trong phong cách của Giáo hội Công giáo, từng bước chậm rãi trong suốt nhiệm kỳ của ông:

- “Truyền bá Phúc âm” sẽ ít hiện hữu trong các sự kiện lớn hoặc sự mở rộng về số lượng, mà sẽ lan tỏa hơn trong khả năng của Giáo hội để tạo nên niềm say mê sống một cuộc sống Kitô giáo đích thực đối với những người nhận ơn gọi, dù số lượng này có nhỏ bé đến đâu đi chăng nữa.
- “Thừa tác vụ” sẽ ít được nhắc đến trong vô số các chương trình và nhiệm vụ mà các tổ chức ngoài tôn giáo cũng có thể thực hiện, nhưng sẽ được phát huy bằng các hoạt động mang tính mục vụ trực tiếp, bằng việc cử hành các bí tích, và bằng việc loan báo Tin Mừng.

- “Cộng tác” sẽ ít được xem xét như là việc tạo ra hay bành trướng thêm quy mô cơ cấu của Giáo hội thông qua các hội đồng hay ban bộ, mà lại được hiểu là việc thẩm mình vào sinh hoạt thiêng liêng, phụng vụ và thừa tác vụ của Giáo hội. Nhờ thế, ít nhất là trên lý thuyết, sẽ có được mối liên lạc thực sự tương tác giữa các chủ chiên và cộng đồng dân Chúa.
- “Công giáo” (trong ý nghĩa là những yếu tố tạo nên bản chất Công giáo) sẽ không thường xuyên được nhắc đến như là việc tham gia các tổ chức “Công giáo”, có những dấu chỉ bề ngoài là “Công giáo”, hay cả cái cảm giác chung chung là có liên hệ với truyền thống Công giáo, mà chính là bằng đời sống nội tâm, bằng niềm tin và cách thực hiện một công tác nào đó. Như thế, với thời gian, lần lần sẽ bớt đi số công tác được xem là “đặc trưng Công giáo”.
- “Chức vụ Giám mục” sẽ không hoàn toàn được ví như một hình thức giám đốc một công ty lớn, mà phải hiểu là vai trò của các Tông đồ tiên khởi khi họ làm chức vụ dẫn dắt cho việc giảng dạy, cai quản và cử hành phụng vụ cho một Giáo hội địa phương.

Nếu như ý định của Giáo hoàng Benedict XVI thành công, kết quả cuối cùng sẽ là một Giáo hội Công giáo ít lan rộng hơn, nhưng sẽ khác biệt hơn đối với nền văn hóa bao quanh, khẳng định rõ hơn bản chất và mục tiêu của mình. Tiêu chuẩn đánh giá sẽ không phải định lượng xem Giáo hội đã phát sinh được bao nhiêu phong trào hoạt động, mà chính là lòng tin đã tăng ở mức độ nào. Nếu dùng những tiêu chuẩn đánh giá sự thành công thế tục thông thường, Giáo hội có thể sẽ nhỏ hơn và không hùng hậu như cũ; nhưng theo Giáo hoàng, sẽ nhiều sức sống hơn. Thực vậy, Giáo hoàng Benedict XVI đã phát họa hình ảnh này trong bài giảng hôm lễ khai mạc giáo triều của ông vào ngày 24 tháng Tư: “Giáo hội vẫn sống!” Ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần, trong một điệp khúc vừa là một câu trình bày vừa là một lời ước. Điệp khúc này sẽ thổi vào ngọn lửa của nguồn sống mà Giáo hoàng Benedict XVI muốn trở thành tâm điểm của chương trình hành động cho Giáo hội Công giáo bùng lên mạnh mẽ.

NHỮNG BẤT NGỜ VÀ THÁCH THỨC

“... Và tôi có thể nói, nếu chúng ta có được những người trẻ có niềm vui sống đức tin này và lan tỏa được niềm tin vui này, thì thế giới sẽ thấy rằng ‘dẫu lúc này tôi chưa chia sẻ được, dẫu lúc này tôi chưa cải hóa được, nhưng đây là lối sống trong tương lai’ ”

(Giáo hoàng Benedict XVI)

Mặc dù được các phương tiện thông tin đại chúng luôn mô tả là “bảo thủ” nhưng trong nhiều cách, John Paul II là vị Giáo hoàng ít bảo thủ nhất ở thời hiện đại. Qua hơn một phần tư thế kỷ, ông đã định nghĩa lại bản chất và phong cách của chức vụ Giáo hoàng, khiến nó mang nhiều tính Phúc âm hơn và bớt tính quản lý lại. Ông đã làm những việc mà các vị Giáo hoàng thường không làm, như nói: “tôi rất tiếc” (tất cả hơn 50 lần), phong Chân phúc và phong Thánh với tốc độ chóng mặt, phá vỡ cái mô hình cũ là thế giới phải tìm đến Giáo hoàng bằng những hành trình dài gần bằng 3,3 lần khoảng cách giữa trái đất và mặt trăng. Đến lúc cuối đời, ông vẫn là một vị Giáo hoàng gây bất ngờ, luôn đảo lộn công việc thường ngày.

Khả năng làm những chuyện bất ngờ này đã được thể hiện trong mọi việc lớn nhỏ. Chẳng hạn, hôm trước ngày ông đến Hy Lạp năm 2001, tôi được truyền hình Hy Lạp phỏng vấn về khả năng Giáo hoàng có xin lỗi hay không về cuộc Thập tự chinh thứ 4, cuộc thập tự chinh đã dẫn tới việc tàn phá thành phố Constantinople⁷⁹ và đã khiến các Kitô hữu phương Đông mang tâm trạng chống lại Roma.

79) Constantinople, thành phố được Hoàng đế Constantine I xây dựng năm 330, lấy tên ông, và là thủ đô của Đế quốc phương Đông (Byzantine Empire). Vị trí hiện nay là thành phố Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ.

“Các bạn không nên mong đợi điều đó”, tôi đáp lại. “Mặc dù John Paul đã xin lỗi về các sự việc khác nhau trong lịch sử, như trường hợp của Galileo, nhưng đây là những động thái dễ gây tranh cãi cần phải được chuẩn bị thật tốt về cơ sở thần học. Một Giáo hoàng không thể đưa ra một lời xin lỗi theo cách tùy hứng được”.

Những lời bình luận đó được phát trên truyền hình Hy Lạp ngay trước khi John Paul tiếp kiến vị Tổng Giám mục Christodoulos của Athens tại thành Acropolis vào ngày mồng 4 tháng Năm năm 2001, và đưa ra chính lời xin lỗi mà tôi đã tiên đoán đầy tự tin là ông ta sẽ không nói.

Một sự việc tương tự đã diễn ra ở Toronto vào năm 2002, khi John Paul II tham dự nhân Ngày Thanh niên Thế giới. Trong thời gian đó, bệnh Parkinson và các chứng bệnh khác đã làm cho ông thực sự không thể đi lại được. Đúng lúc tôi vừa xuống cầu thang ở đuôi máy bay của Giáo hoàng và bước sang bên kia đường nhựa, tôi nhận được một cuộc điện thoại của một đạo diễn làm việc cho kênh CNN hỏi, liệu Giáo hoàng sẽ có thể tự mình đi xuống cầu thang trước của máy bay để chứng tỏ ý chí hay không.

“Anh nói chơi à?”, tôi nói. “Ông ấy không thể làm thế. Điều đó sẽ không xảy ra”.

Vị đạo diễn nọ đã đề nghị tôi quay lại nhìn cầu thang chính của máy bay, nơi John Paul vừa bắt đầu thực hiện những gì mà trước đó tôi đã đoán là ông sẽ không làm vì không thể.

NHỮNG BẤT NGỜ

Nếu John Paul II là một người có tài tạo ra các bất ngờ, thì người kế vị của ông (mới thoát nhìn) là một người thuộc mẫu bảo thủ hơn, truyền thống hơn, khó có thể khiến thiên hạ ngạc nhiên trước những hành động bất ngờ của mình. Tuy vậy, chính vì những phỏng đoán cứng nhắc đó, chính vì mọi người cảm thấy là đã biết chắc chắn Joseph Ratzinger sẽ làm gì khi nắm giữ chức vụ cao nhất trong Giáo hội Công giáo mà ông cũng có thể trở thành “một Giáo hoàng của những bất ngờ”, tuy không hoàn toàn theo cách “làm cả thế giới phải sùng sốt” như John Paul II.

Thực sự là không thể gạch một đường thẳng để phân biệt giữa công việc của Hồng y Joseph Ratzinger lúc còn là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin và vai trò mới của ông là Giáo hoàng. Là một nhà thông thái đồng thời là một người sống đời thiêng liêng, Giáo hoàng Benedict XVI hiểu rằng ông đang đóng một vai trò mới, rằng phận vụ chính của ông bây giờ là mang lại đức tin hơn là bảo vệ đức tin, rằng bây giờ ông phải suy nghĩ và hành động theo cách khác. Bất chấp thiên hạ chờ đợi gì, mong muốn hay lo sợ gì về nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI, vị Giáo hoàng mới có thể làm cho tất cả phải ngạc nhiên.

Hình ảnh trước công chúng

Trước hết, Giáo hoàng Benedict XVI sẽ không xuất hiện với chân dung của một kẻ khác khổ, bì quan như nhiều người đã cố kết nối với những năm ông đứng đầu cơ quan về học thuyết của Vatican. Như đã trình bày ở trên, đây là một người có óc hài hước và hơi tình nghịch, một tấm lòng đầy khoan dung trong các cuộc tiếp xúc mang tính cá nhân, một người thực sự biết thưởng thức cái đẹp và nghệ thuật. Ông sẽ mang đến một hình ảnh tích cực và lạc quan hơn mọi người nghĩ rất nhiều. Mặc dù Giáo hoàng Benedict XVI chẩn đoán tình hình hiện nay hơi đen tối, nhưng ông là một người hạnh phúc, và điều này sẽ tỏ rõ hơn khi mọi người biết thêm về ông.

Benedict XVI cũng sẽ trở thành một người mà thế giới sẽ phải chú ý đến. Dẫu thuận hay nghịch với các quan điểm về giáo lý của ông hay với các phê bình về văn hóa của ông, mọi người đều hiểu rằng ông là người phải được nhắc đến với những trí lực xuất chúng của mình. Khi ông nói, ông sẽ không dùng những câu trống rỗng hoặc những công thức sáo mòn như trong các bài giảng đạo tầm phào; ông sẽ “điểm đúng huyệt” khiến người ta phải tranh luận, phải đưa ra ý kiến, khiến báo chí phải đưa tin. Các nguyên thủ quốc gia và những nhân vật quan trọng khác sẽ đến tham khảo ở ông, sẽ xin ông phát biểu và ghi nhớ những lời dạy của ông. Ông sẽ là người tham gia tích cực và hăng hái trong mọi thảo luận về đạo đức và chính trị. Nói nôm na, ông ta sẽ là một “diễn viên chính”.

Nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ không lặp lại những năm tháng cuối cùng của Paul VI, khi vị "Giáo hoàng Hamlet"⁸⁰ lui về sống ẩn dật. Benedict XVI sẽ là một tiếng nói quan trọng trước công chúng, một lãnh đạo mang lại niềm hạnh diện cho những người Công giáo muốn Giáo hoàng của họ phải được kính trọng. Ông sẽ có thể tạo nên sự phấn khởi ở những nơi hay trong các sự kiện tổ chức ở Rome mà ông tham gia. Mặc dù không một ai nghĩ rằng Benedict có sức cuốn hút đám đông giống như John Paul II, nhưng ông sẽ thu hút được những đám đông rất lớn và đầy nhiệt tình, làm ngạc nhiên những ai tưởng rằng sức lôi cuốn của Giáo hoàng đã hết.

Benedict cũng sẽ đặc biệt chú ý tới việc chăm lo cho giới trẻ, và lần nữa sẽ làm ngạc nhiên những ai xem việc quan tâm đến giới trẻ là một đặc điểm riêng của nhiệm kỳ Giáo hoàng John Paul II, không thể lặp lại được. Giáo hoàng mới đã chứng minh điều này ngay trong bài giảng trong lễ nhậm chức của mình. Trong phần mạn đàm với giới trẻ, Benedict nhắc lại câu nói của John Paul trong buổi nhậm chức của ông vào ngày 22 tháng Mười năm 1978: "Đừng sợ Đức Kitô!" Ngay sau đó, ông nhận được những lời cổ vũ nhiệt liệt. "Phải, hay mở cửa đón Đức Kitô!" Ông tiếp tục câu nói của John Paul, những câu nói đã trở thành khẩu hiệu.

Đối với Benedict, đây không đơn giản chỉ là tiếp tục phương pháp mục vụ của vị Giáo hoàng mà ông đã phục vụ trước đây (tuy đây cũng là một ý tưởng đáng cân nhắc), mà còn là sự nhất quán với ước muốn sâu xa của ông trong việc khuyến khích việc hình thành những hòn đảo để sống theo lý tưởng Kitô giáo giữa cái văn hóa đối nghịch đang chiếm ưu thế bao quanh. Ông cũng ý thức rằng thuyết phục người trẻ tách mình ra khỏi cái văn hóa đang chiếm ưu thế này dễ hơn là thuyết phục đám người lớn tuổi, những người này thường không chấp nhận những thay đổi lớn trong lối suy nghĩ hay trong lối sống. Để có thể làm tròn vai trò của Thánh Benedict cho thời đại của ông, một con người đã vạch một lối đi mới vào lúc trật tự cũ đang sụp đổ, Giáo hoàng biết là ông phải có mối quan hệ với giới trẻ.

80) Giáo hoàng Paul VI bị một số người gán cho cái biệt danh là "Giáo hoàng Hamlet" vì đôi khi ông tỏ ra thiếu khẳng định giống như nhân vật Hamlet trong vở kịch nổi tiếng của Shakespeare.

Giáo hoàng Benedict khi ra trước công chúng còn có thuận lợi khác chưa được đánh giá đúng mức: đó là sự tinh thông ngôn ngữ của ông. Khi ông nói chuyện với những nhóm người từ các khu vực khác nhau trên thế giới, ông ta có thể nói bằng chính ngôn ngữ của họ. Không phải chỉ thể hiện theo những gì văn bản soạn trước, ông còn có thể tức thời đưa ra những lời bình luận và những nhận xét ý nhị giúp thắt chặt mối quan hệ của Giáo hoàng với các đối tượng thánh giá. Khả năng sử dụng lưu loát các ngôn ngữ của ông không chỉ ở phạm vi văn phạm và cú pháp, mà còn phản ánh mức độ sâu rộng như là nắm bắt các trào lưu văn hóa và tư tưởng vốn đã định hình các khu vực khác nhau trên thế giới. Ông có thể tận dụng sự tinh thông ngôn ngữ này vào các bức thông điệp của mình. Trong lĩnh vực này, có lẽ Giáo hoàng Benedict XVI sẽ không khi nào đạt được biệt hiệu “Người Thông Đạt Vĩ Đại” như người ta đã gán cho John Paul II, nhưng ông cũng sẽ thành công một cách bất ngờ.

Cuối cùng, điều vẫn còn chưa rõ là không biết cái tiếng “hộ pháp” của Giáo hoàng Benedict XVI sẽ theo ông vào Dinh Tông đồ trong bao lâu. Chỉ cái tên “Ratzinger” cũng đủ làm một số người kinh khiếp, và những người Công giáo có xu hướng cấp tiến đã đón nhận việc ông lên ngôi Giáo hoàng như là điềm báo hiệu cho những ngày tăm tối trước mặt. Phản ứng như vậy cũng không hẳn là cường điệu hóa, vì Giáo hoàng đã nói đến việc Giáo hội có thể cần được thu nhỏ lại để bảo đảm sự trung thực với chính mình, và rất có thể một số thành phần thuộc cánh tự do của Giáo hội Công giáo nằm trong bộ phận ông nghĩ nên tinh giản.

Vào tháng Chín năm 2003, Raymond Arroyo thuộc Mạng Truyền hình EWTN⁸¹ hỏi Hồng y Ratzinger có phải ông nghĩ rằng tương lai sẽ là “ít người hơn”. Ông trả lời như sau:

Ít người hơn, tôi nghĩ vậy. Nhưng từ số ít này chúng ta sẽ mang niềm vui đi khắp cùng thế giới. Và như thế sẽ là một sự lôi cuốn, như thời Giáo hội xưa. Vào lúc Hoàng đế Constantine cho phép người Công giáo được giữ đạo công khai, chỉ có một số ít (giáo dân) mà thôi⁸².

81) Mạng Truyền hình Lời Hằng Sống, Eternal Word Television Network (EWTN) là mạng truyền thanh truyền hình Công giáo phát sóng toàn cầu có trụ sở tại Alabama, Hoa Kỳ.

82) Vào giai đoạn đầu, Giáo hội Công giáo bị cấm đoán và bách hại trên khắp đế quốc Roma. Hoàng đế Constantine cho phép người Công giáo được tự do giữ đạo vào năm 313.

Nhưng nó rõ rệt. Tương lai sẽ như thế... Và tôi có thể nói, nếu chúng ta có được những người trẻ có niềm vui sống đức tin này và lan tỏa được niềm vui này, thì thế giới sẽ thấy rằng “Dẫu lúc này tôi chưa chia sẻ được, dẫu lúc này tôi chưa cải hóa được, nhưng đây là lối sống trong tương lai”.

Tuy vậy, chưa có dấu hiệu nào cho thấy Giáo hoàng Benedict XVI có ý định sẽ áp đặt một chiến dịch thu gọn (Giáo hội) bằng cách “tống khứ” một số người ra đi bất kể họ muốn hay không, không tính trường hợp Cha Thomas Reese. Ngay sau khi kết quả cuộc bầu ông lên làm Giáo hoàng được công bố hôm 19 tháng Tư, một vài người trong nhóm Công giáo bảo thủ đã bắt đầu bàn tán về một cuộc thanh trừng sắp xảy ra, nhưng chính cái tên Giáo hoàng chọn đã làm họ ngưng lại. Giáo hoàng Benedict XV, người mà Giáo hoàng Benedict XVI đã nhắc lại công đức và công khai liên kết bằng tên của mình, cũng chính là người đã chặn đứng phong trào trừng trị “chủ thuyết tân thời”⁸³ dưới thời Giáo hoàng Pius X, cho rằng lời thề trung tín là không cần thiết. Benedict XVI nói rằng không phải cứ tuyên xưng “Tên tôi là Kitô hữu, họ tôi là Công giáo” là đủ. Ông được xem là người mang lại an bình và hòa giải sau những năm dài đằng dặc với những cuộc chiến đau thương trong lòng Giáo hội.

Còn phải chờ xem Giáo hoàng Benedict XVI có được thúc đẩy bởi ý muốn đem an bình và hòa giải tương tự hay không. Chắc chắn, ông sẽ tỏ ra kiên quyết khi động đến vấn đề đức tin, nhưng đến nay vẫn chưa thấy dấu hiệu nào của một cuộc đảo chính sắp xảy ra. Điều đáng tức cười là có thể chính đám người tự phong làm “đội bảo vệ sự chính thống của Giáo hội” sẽ bị thất vọng nhiều nhất trong nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI, chỉ vì họ đặt kỳ vọng quá cao.

83) Chủ thuyết Tân thời (Modernism), ở thế kỷ 19 và đầu 20, gồm một số quan điểm thần học đặt lại vấn đề nhiều giáo điều cơ bản và bị Giáo hội lên án là lạc đạo. Phản ứng của Giáo hội rất mạnh, trong đó có việc trục xuất một số thần học gia ra khỏi Giáo hội (phạt và tuyệt thông hay dứt phép thông công [excommunication]) và bắt buộc các Giám mục, linh mục và các giáo sư thần học phải đọc Lời thề chống chủ thuyết tân thời (Oath against Modernism).

Những điều nói trên sẽ không khóa lấp được cái thực tế rằng nhiệm kỳ của Giáo hoàng Benedict XVI sẽ là một nhiệm kỳ mang tính quyết định, sẽ có những giờ phút khó khăn. Ông sẽ phải ký luật một số nhà thần học, sẽ can thiệp để sửa sai những phương pháp mục vụ mà ông xem là sai lạc, và sẽ ban hành những văn kiện gây tranh cãi, và gây choáng cho một số người. Một số sẽ xem hành động của ông là tạo nên sự chia rẽ, số khác sẽ xem đó là cái giá phải trả để giữ được sự tin trung. Tuy vậy, cần phải nhớ rằng gây chia rẽ không phải là mục tiêu của giáo triều của ông và có lẽ cũng không phải là điểm đáng ghi nhớ nhất.

Phong trào Hợp nhất

Trong các phương hướng chính trị của Giáo hội, thông thường thì những người nhiệt tình nhất đối với phong trào hợp nhất, tức việc tìm kiếm sự thống nhất giữa các giáo phái khác nhau trong Kitô giáo, trước đây luôn là các nhóm có khuynh hướng tự do vì họ cho rằng những cuộc cãi vã về tín lý không quan trọng bằng cái ý nghĩa cơ bản của việc mong muốn cho thiên hạ tin vào việc rao giảng Phúc âm, thế giới Kitô giáo phải chứng minh được là mình yêu thương bác ái và hòa giải. Ngược lại, những người có khuynh hướng bảo thủ thì đôi khi lại e ngại rằng hợp nhất cũng có nghĩa là phớt lờ qua những yếu tố quan trọng của bản chất Công giáo, tức là hy sinh sự thật cho thiện chí.

Hồng y Juan Luis Cipriani ở thủ đô Lima của Peru là một trong hai vị Hồng y thuộc hội *Opus Dei*⁸⁴ trên toàn thế giới và cũng là một người Công giáo bảo thủ kinh điển. Ông là một ví dụ cho thái độ dè dặt đối với các cuộc đối thoại để tìm kiếm sự thống nhất các giáo phái của Cơ đốc giáo trên toàn thế giới, như trong cuộc phỏng vấn tại dinh thự của ông ta ở Lima vào tháng Sáu năm 2004.

“Các giáo hội Kitô giáo khác bị vướng mắc bởi quyền tối thượng của Thánh Phêrô”, Cipriani nói. Nhưng đây là thánh ý Chúa, chứ không phải như việc xóc bài (để lá bài nào trên cũng được). Không phải Phêrô và Phaolô, mà là Phêrô. Chỉ có một Phêrô mà thôi!⁸⁵ Tôi hiểu là một số người muốn tiếp tục phong trào này (phong trào hợp nhất) một cách hết

⁸⁴) Hội *Opus Dei*, có nghĩa là Công trình của Chúa, là một tu hội triều thuộc Giáo hội Công giáo. Thành phần là giáo dân thường, nhưng cũng gồm nhiều linh mục và một vài giám mục.

sức tích cực, nhưng tôi hơi lo ngại là Giáo hội sẽ chịu nhiều thiệt thòi. Cho nên, tôi sẽ không đồng ý với những người suy nghĩ như vậy”.

Trên cơ sở của lối phân tích này, nhiều người theo dõi tình hình của Giáo hội đã liên hệ với trường hợp của Giáo hoàng Benedict và đi đến sự nhất trí ban đầu rằng việc ông lên làm Giáo hoàng, nhìn chung, sẽ làm chậm cố gắng tiến tới việc hợp nhất của Giáo hội Công giáo.

Giáo hoàng Benedict XVI đã nói rõ rằng “không phải vậy”, và ông đã cam kết là sẽ đi tìm “sự hợp nhất trọn vẹn của Kitô giáo”, trong lời phát biểu đầu tiên trên cương vị Giáo hoàng trong thánh lễ tại Nhà nguyện Sistine cùng với các Hồng y vào buổi sáng ngày 20 tháng Tư. Tuy nhiên, nhiều quan sát viên đã xem đây như một câu tuyên bố chiếu lệ của các Giáo hoàng mới lên nhậm chức, và họ e rằng một khi Giáo hoàng bắt đầu thực hiện chương trình hành động chính thì cuộc đối thoại về hợp nhất sẽ được tạm gác qua một bên.

Tuy nhiên, Giáo hoàng mới thực sự là một người tận tình mong muốn sự hợp nhất, cho dù óc thực tế của ông sẽ không để ông trở nên quá lạc quan vào khả năng có những bước tiến triển nhanh chóng nhằm tiến tới một sự thống nhất cơ cấu trọn vẹn.

Người ta có thể mong đợi Benedict XVI tác động đặc biệt mạnh mẽ để thúc đẩy cuộc đối thoại với Giáo hội Chính thống, đặc biệt là Giáo hội Chính thống Nga. Một phần bởi ông tin Giáo hội Chính thống đóng một vai trò quan trọng trong kế hoạch của ông về việc đoàn kết người dân châu Âu nhận ra bản chất Kitô giáo của mình. Phần khác là bởi trên phương diện lý thuyết, Giáo hội Chính thống có xu hướng bảo thủ hơn các Giáo hội Tin Lành ở phương Tây, cho nên có nhiều điểm tương đồng hơn trong một số vấn đề (giữa Công giáo và Chính thống). Cuối cùng, Giáo hoàng Benedict yêu thích nghiên cứu về phụng vụ và ông đặc biệt ngưỡng mộ các truyền thống phụng vụ của Giáo hội phương Đông.⁸⁵

85) Quyền tối thượng của Phêrô (Primacy of Peter) hay Quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng (Papal Primacy), là tin rằng Chúa Giêsu đã chọn Phêrô làm người dẫn dắt Giáo hội, có quyền trên các tông đồ khác, và như thế người kế vị Phêrô là Giám mục Roma cũng có quyền trên các Giám mục khác.

86) Phụng vụ (Liturgy), trong Công giáo là các nghi thức phụng tự trong việc cử hành các bí tích, kinh nguyện và nhất là bí tích Thánh thể. Từ Phụng vụ còn được dùng với nghĩa hẹp hơn trong: Phụng vụ Lời Chúa (Liturgy of the Word) và Phụng vụ Thánh thể (Liturgy of the Eucharist), là hai phần của Thánh lễ Mi-sa (Mass), còn được gọi bằng nhiều tên khác, trong đó có tên Phụng vụ thánh và thần linh (the Holy and Divine Liturgy). Ngoài ra, Phụng vụ các giờ kinh (Liturgy of the Hours) là kinh nguyện theo Giáo hội cho các linh mục và tu sĩ.

Trong một tác phẩm xuất bản năm 1986 có tên gọi *Hãy tìm kiếm điều bên trên* (Seek That Which Is Above), Hồng y Ratzinger nói rằng, “Điều kiện duy nhất của Rome để hiệp thông nên là việc thừa nhận những lời giáo huấn trong thiên niên kỷ thứ nhất về quyền tối thượng của Giáo hoàng”. Ông thêm, cả Công giáo lẫn Chính thống không nên coi những sự phát triển tiếp sau đó (trong thần học của hai Giáo hội) là dị giáo. Quan điểm này từ lâu đã được chính các Giáo hội Chính thống đưa ra như là điều kiện thiết yếu cho việc hợp nhất, và chắc chắn các nhà thần học và các Giám mục phương Đông sẽ chấp nhận ý kiến này.

Phản ánh cho lập trường trên (của Ratzinger), phản ứng trong Giáo hội Chính thống về cuộc bầu cử Benedict XVI đã tỏ ra rất tích cực.

Chẳng hạn như Thượng Phụ Alexei II, người đứng đầu Giáo hội Chính thống Nga, đã nói với tờ nhật báo *Kommersant* (Thương mại) của Mat-xcơ-va ra ngày 27 tháng Tư năm 2005 rằng: Giáo hoàng Benedict có một “trí tuệ lớn” và ông ca ngợi thành tích trong nỗ lực bảo vệ những giá trị Kitô giáo truyền thống của vị Giáo hoàng mới này.

Alexei nói: “Toàn bộ thế giới Kitô giáo, gồm cả Giáo hội Chính thống, đều tôn trọng ông ấy. Đương nhiên là có những bất đồng về thần học (giữa Công giáo và Chính thống). Nhưng các quan điểm của ông về xã hội hiện đại, về hiện tượng tục hóa và chủ thuyết tương đối trong tôn giáo rất giống với các quan điểm của chúng ta”.

Alexei tin rằng sẽ có khả năng có một cuộc gặp gỡ với Benedict XVI, điều ông chưa bao giờ chấp nhận với John Paul II.

Alexei nói với nhật báo *Kommersant*: “Cuộc gặp gỡ của tôi với người đại diện mới của Giáo hội Công giáo sẽ phụ thuộc vào cách tiếp cận của ông ấy với Giáo hội Chính thống Nga, phụ thuộc vào thiện chí, sự hiểu biết và cách xử lý mà ông ấy thể hiện trong nỗ lực giải quyết các vấn đề hiện tại. Nếu việc đó xảy ra thì cuộc gặp gỡ của chúng tôi phải cho các Kitô hữu và toàn thế giới thấy rằng các quan hệ của chúng tôi đã thay đổi theo chiều hướng tốt hơn và những khó khăn của những năm gần đây đã được khắc phục”.

Với những thuận lợi bước đầu này, Giáo hoàng Benedict XVI có thể có khả năng thực hiện điều mong mỏi nhất mà Cố Giáo hoàng John Paul II ấp ủ bấy lâu nhưng chưa được toại nguyện: một cuộc hành trình đến Mát-xcơ-va, điều này sẽ mở ra một kỷ nguyên mới trong quan hệ giữa Kitô giáo phương Đông và phương Tây.

Trong bài giảng Kinh Truyền tin trưa Chủ nhật đầu tiên của ông từ cửa sổ phòng Giáo hoàng nhìn ra quảng trường Thánh Phêrô, Benedict XVI nghĩ đến Giáo hội Chính thống, ông ghi nhớ ngày này, ngày mùng 1 tháng Năm, là ngày mừng lễ Phục sinh của họ.

Giáo hoàng nói: "Từ trong thâm tâm, tôi hy vọng rằng việc cử hành mừng lễ Phục sinh đối với họ sẽ là lời cầu nguyện cộng đoàn nói lên lòng tin và lời ca ngợi đối với Đấng Thiên Chúa chung của chúng ta, và Người đã kêu gọi chúng ta kiên định theo đuổi con đường dẫn đến sự hiệp thông trọn vẹn".

Tuy nhiên, Benedict sẽ không quên các Giáo hội phương Tây. Với tư cách là người đứng đầu Bộ Giáo lý Đức tin, Hồng y Joseph Ratzinger năm 1999 đã chịu trách nhiệm cứu nguy Bản tuyên ngôn chung về Giáo điều Công chính hóa. Đó là một thỏa thuận được Tòa thánh Vatican và Liên hiệp Hội thánh Tin Lành Luther toàn thế giới ký kết nhằm tuyên bố kết thúc cuộc tranh cãi ở thế kỷ thứ 16 về vấn đề *Phải chăng sự cứu độ có được chỉ qua đức tin mà thôi hay còn do việc làm phần lớn đã được giải quyết*. Thực chất của bản thỏa thuận là câu then chốt này: "Bằng ân sủng mà thôi, trong niềm tin vào việc cứu rỗi của Đức Kitô chứ không nhờ vào bất cứ công lao nào về phía chúng tôi, chúng tôi được Chúa chấp nhận và nhận lãnh Chúa Thánh thần, người đổi mới tâm hồn chúng tôi cùng lúc trang bị và mời gọi chúng tôi làm những việc lành".

Như đã nói trước đây, Giáo hoàng Benedict rất nhiệt tình với việc siết chặt quan hệ giữa Giáo hội Công giáo và các Giáo hội Tin Lành thuộc phong trào Tin Mừng ở Hoa Kỳ và ở các nơi khác, một kết quả ban đầu của phong trào hợp nhất mà ông muốn tiếp nối.

Liên hệ trong quá khứ của Tân Giáo hoàng với Anh giáo có phần phức tạp hơn. Tháng Bảy năm 1998, Giáo hoàng John Paul II ban hành

Tông thư *Ad Tuendam Fidem*, một văn kiện bổ sung các hình phạt trong Giáo luật đối với tội bất tuân một số quy định của Giáo quyền Tòa thánh. Cùng lúc, Ratzinger đã viết một bài bình luận đưa ra một số tài liệu để minh họa bức Tông thư, trong đó có Sắc chỉ *Apostolicae Curse* phát hành vào năm 1896 của Giáo hoàng Leo XIII, tuyên bố rằng việc tấn phong linh mục của Anh giáo là “tuyệt đối vô giá trị và hoàn toàn vô hiệu lực”, có nghĩa là những linh mục trong Liên hiệp Giáo hội Anh⁸⁷ không phải là linh mục thực sự. Lời tuyên bố trên đã gây bất bình đối với nhiều tín hữu Anh giáo. Gần đây hơn, quyết định của giáo hội Anh giáo ở Hoa Kỳ (giáo hội *Episcopal*) để phong chức Giám mục cho một người công khai đồng tính luyến ái đã làm tăng những nghi ngại của Ratzinger về tương lai của việc đối thoại với Anh giáo, vì theo ông việc đó là một bước lùi trong một vấn đề cốt lõi của giáo huấn về luân lý.

Mặt khác, Giáo hoàng mới đã tỏ ra quan tâm đến các nhóm trong Anh giáo đang cố gắng bảo vệ một lối nhận thức truyền thống hơn về giáo lý và kỷ luật Giáo hội. Vào ngày 8 tháng Mười năm 2003, Ratzinger đã gửi một bức thư cho 2700 tín đồ *Episcopal* ly khai đang tổ chức đại hội ở Dallas, cho họ biết “ông hết lòng cầu nguyện cho họ”.

Ông viết: “Ý nghĩa của đại hội của các bạn vượt ra ngoài bang Texas. Trong Giáo hội của Đức Kitô, có một sự hợp nhất trong sự thật và một sự hiệp thông trong ân sủng vượt qua biên giới của mọi quốc gia”. Những người tín hữu *Episcopal* tại đại hội, những người phản đối lại cuộc tấn phong vị giám mục đồng tính, đã đứng lên vỗ tay để hoan nghênh bức thư. Một số ý kiến từ phía cả hai giáo hội Anh giáo và Công giáo đã phê bình Ratzinger vì đã can thiệp vào việc nội bộ của tôn giáo khác, nhưng ông muốn khuyến khích những người cùng đạo Kitô giáo cố gắng chống lại làn sóng chủ thuyết tương đối.

Giáo hoàng Benedict là người thực dụng và ông hiểu rằng với các Giáo hội phương Tây, đặc biệt là các giáo hội Tin Lành thuộc “dòng chính” tự do hơn, việc hiệp nhất khó lòng thực hiện trong nay mai. Ông sẽ cố gắng tiến hành đối thoại thần học sâu hơn với các nhóm này, tìm cách hợp tác với nhau trên mặt trận xã hội và văn hóa; nhưng đồng thời người ta

87) Liên hiệp Giáo hội Anh (Anglican Communion) là Giáo hội Anh giáo (Church of England) và các giáo hội cùng tín ngưỡng ở các quốc gia khác.

hình dung rằng ông có thể áp ú một vài biện pháp có tính khiêu khích mà người tiền nhiệm của ông đã không dám làm. Chẳng hạn, có thể hình dung Giáo hoàng Benedict đang mở rộng điều khoản “Hình thức phụng vụ cho Giáo hội Anh”, cho phép các thành viên thuộc Liên hiệp Giáo hội Anh muốn gia nhập Giáo hội Công giáo Roma được giữ các truyền thống phụng vụ và sùng kính riêng. (Năm 1980, Bộ Giáo lý Đức tin dưới sự lãnh đạo của Hồng y Joseph Ratzinger đã phê chuẩn một “điều khoản mục vụ” dành cho giáo sĩ và giáo dân từ giáo hội *Episcopal* gia nhập Giáo hội Công giáo ở Hoa Kỳ). Thậm chí, ông có thể áp ú ý tưởng tạo ra những cấu trúc Giáo hội đặc biệt như giám quận hay đặc khu trực thuộc Tòa thánh, dành cho những giáo dân Anh giáo hay phong trào Phúc âm muốn ly khai và trở về hợp nhất với Giáo hội Công giáo nhưng cần phải được chăm sóc đặc biệt về mục vụ.

Những người lãnh đạo các giáo phái có thể cảm thấy bị xúc phạm vì những động tác như vậy và xem đó là một chiến lược “chia để trị” của Giáo hội Công giáo. Các chuyên gia về hợp nhất trong Giáo hội Công giáo có thể sẽ cảnh báo Giáo hoàng nên thận trọng. Tuy nhiên, Benedict XVI không phải là người sẽ để cái logic ngoại giao cản trở mình. Hễ ông thấy cần hành động vì nhu cầu mục vụ hay giáo lý, ông sẽ hành động ngay. Benedict XVI sẽ luôn lịch thiệp, nhưng người ta hiểu rằng với ông, hợp nhất là hợp nhất trong sự thật, không phải là hợp nhất trong xã giao.

Công bằng xã hội

Một ngày sau khi Cơ Mật Hội kết thúc, lúc đang nói chuyện với một Hồng y người Hoa Kỳ, tôi hỏi, theo ông đâu sẽ là những điểm nổi bật của triều đại Giáo hoàng Benedict XVI. Ông nói ngay, “chủ nghĩa thế tục, những vấn đề đại loại như thế” có vẻ cho qua chuyện, như thể rõ ràng người ta trông chờ Giáo hoàng Benedict sẽ giao chiến với sự khủng hoảng chân lý ở phương Tây. Tuy nhiên, sau đó ông nhanh chóng nói tới vấn đề ông quan tâm: “Ông ấy cũng sẽ tiếp tục chương trình xã hội của John Paul II về phân cách giữa bắc và nam”.⁸⁶

86) Đường phân cách bắc nam (north/south divide) là sự khác biệt quá xa về kinh tế, xã hội và chính trị giữa các nước giàu (thường ở phía bắc trái đất) và các nước nghèo (thường ở miền nam trái đất).

Như đã đề cập, đây có lẽ là một sự khẳng định đáng ngạc nhiên khi nói về người được cho là đối thủ chính của phong trào thần học giải phóng trong những năm 1980, một phong trào tìm kiếm con đường để đưa Công giáo đứng về phía người nghèo trong cuộc tranh đấu giữa bắc và nam. Tuy nhiên, vị Hồng y này khẳng khái là Giáo hoàng Benedict sẽ không rút lui khỏi “sự chọn lựa ưu tiên cho người nghèo” của Giáo hội.

Ông nói: “Ông ấy nhận thức rất rõ sự chênh lệch ngày càng tăng lên trong việc sử dụng tài nguyên, trong giáo dục, y tế và sự lan truyền bệnh tật như HIV/AIDS hiện làm cho các nước đang phát triển phải khổ sở. Ông ấy rất lưu tâm tới chương trình này”.

Vị Hồng y còn nói: “Tôi đã ăn sáng với ông ấy vào sáng thứ Ba, trước khi việc bỏ phiếu kín lại tiếp tục, ông ấy nói về tình hình ở châu Á và châu Mỹ... Ông ấy tự nêu ra chuyện đó. Ông ấy nói là ông đã xúc động khi nghe những vấn đề của các Giám mục đến từ miền nam. Ông cho hay chính John Paul II nói rằng vấn đề đối với Giáo hội trong tương lai không còn là sự phân cách Đông – Tây nữa mà là sự phân chia Nam – Bắc”.

Trong bài diễn văn của ông mang tính phác họa chương trình hành động chỉ 24 giờ sau đó, sau khi cử hành thánh lễ ở Nhà nguyện Sistine, Giáo hoàng mới quả thực đã cam kết sẽ cùng với Giáo hội theo đuổi “sự phát triển xã hội đích thực”, có nghĩa là người nghèo trên thế giới sẽ được cư xử công bằng hơn. Cùng với quyết tâm như vậy, ông nguyện sẽ tiếp tục công việc của giáo triều John Paul II, và vị Giáo hoàng quá cố là một người đấu tranh không mệt mỏi cho sự công bằng kinh tế. Và cuối cùng, trong một nhận định có hơi hướng chính trị hơn, Giáo hoàng Benedict biết rằng nhiều người Công giáo ở các nước đang phát triển hy vọng có được một Giáo hoàng từ bán cầu nam, chính vì họ cảm thấy một Giáo hoàng như vậy sẽ lên tiếng ủng hộ những cuộc đấu tranh và những nguyện vọng của họ. Benedict sẽ không muốn những người tín hữu này, đại diện cho 2/3 các tín đồ Công giáo trên toàn thế giới hôm nay, cảm thấy việc bầu một người châu Âu có nghĩa là Giáo hội sẽ không cảm nhận được những mối quan tâm của họ.

Có những chi tiết thú vị trong quá khứ cho thấy Giáo hoàng Benedict quan tâm tới các vấn đề cộng đồng và xã hội, điều cho tới nay vẫn còn ít được nói tới. Chẳng hạn năm 2003, ông tham gia cùng ngân hàng Deutsche trong nỗ lực giới thiệu một thẻ tín dụng mới, tức thẻ “Hope 2000 Card”, còn có tên là “thẻ nhân đạo”. Khi dùng thẻ này mua sắm thì một số tiền theo tỷ lệ sẽ được trích ra để giúp đỡ trẻ em nghèo trên khắp thế giới. Benedict XVI cũng là Giáo hoàng đầu tiên nhậm chức là người hiến nội tạng một cách công khai. Cuối những năm 90, một cuộc tranh luận đã nổ ra giữa một số nhà đạo đức học Công giáo về những điều khoản cho phép cấy ghép cơ quan nội tạng. Ngày mùng 3 tháng Tư năm 1999, chính Ratzinger thừa nhận rằng ông đã ghi danh vào một hội của những người hiến nội tạng và ông luôn mang trên người một tấm thẻ cho biết rằng ông đã cho phép sử dụng các cơ quan của mình sau khi chết.

Khi đó (trong cuộc tranh luận) Ratzinger nói: “Tự nguyện dâng hiến các bộ phận cơ thể của mình cho một người nào đó đang cần là một việc làm hết sức nhân ái. Đó là một hành động biểu lộ yêu thương và sẵn sàng vì người khác”. Sẽ hết sức thú vị nếu biết được rằng những mong muốn của ông sẽ còn được tôn trọng hay không, khi có cơ hội. Tấm gương của một Giáo hoàng hiến tạng cơ quan trong cơ thể mình chắc chắn sẽ có ảnh hưởng lớn trên thế giới.

Những việc làm không được nhắc đến này có thể giải thích sự cảm thông tinh tế đối với các vấn đề nợ nần, nghèo đói và kém phát triển mà nhiều Hồng y từ nam bán cầu đã ngạc nhiên khi khám phá về con người Hồng y Ratzinger trong thời kỳ trống tòa.

Các mối quan tâm của Giáo hoàng về các vấn đề xã hội không chỉ đề cập tới nghèo đói và phát triển mà còn tới chiến tranh và hòa bình. Khi giải thích việc lựa chọn tên của mình cho các Hồng y bên trong Cơ Mật Hội, ông đã nhắc tới Giáo hoàng Benedict XV, mà ông mô tả là một “con người của hòa bình trong thời kỳ chiến tranh”. Lần đầu tiên xuất hiện trước công chúng ngày 27 tháng Tư, ông đã trở lại đề tài này và nhắc đến Benedict XV như “một vị tiên tri vì hòa bình đầy dũng cảm,

người đã dẫn dắt Giáo hội qua những thời kỳ chiến tranh hỗn loạn". Ông còn nói thêm: "Theo gương ông, tôi mong muốn dùng chức vụ Giáo hoàng của tôi để giúp cho sự hòa giải và hòa hợp giữa mọi người và giữa các dân tộc". Với ý hướng này, người ta có thể trông chờ Benedict XVI sẽ nổi bật lên, như vị Giáo hoàng tiền nhiệm John Paul II, như một tông đồ đấu tranh cho hòa bình thế giới, và có thể là một người gây phiền phức đối với các nhà chính trị quen dựa vào uy tín và tinh thần của Giáo hội trên những vấn đề khác.

Quyền tập thể của các Giám mục⁸⁹

Lý do chính khiến những người phỏng đoán kết quả cuộc Cơ Mật Hội đã không dám tuyên bố là Hồng y Joseph Ratzinger nhất định sẽ được bầu làm Giáo hoàng là bởi có rất nhiều Hồng y trước khi bước vào bầu cử đã cho biết một trong những mối quan tâm hàng đầu của họ là "quyền tập thể", được hiểu như một cách thức cai trị Giáo hội Công giáo ít độc tài và có tính hợp tác nhiều hơn. Lời ta thân thường nghe được từ các Giám mục Công giáo và ngay cả từ một vài Hồng y dưới thời John Paul II, họ bị mấy tay thuộc hạ của Giáo hoàng cư xử như "mấy cậu bé giúp lễ".

Vì thế, nhiều nhà phân tích tình hình đã loại tên Ratzinger, người đã trên đỉnh cao quyền lực ở Rome trong suốt 24 năm, và theo dư luận lúc đó, chính là người đã xây dựng lên cái hệ thống cai trị độc tài của Rome, mà các Hồng y tuyên bố là họ muốn phá vỡ.

Điều mà hầu hết các nhà quan sát không hề nghĩ tới là phần lớn các Hồng y xem Joseph Ratzinger có thể là cách giải quyết, chứ không phải là nguyên nhân của tình trạng thiếu tính tập thể trong cơ cấu cai trị Giáo hội. Trên thực tế, đó chính là cách các Hồng y nhìn nhận vấn đề. Họ cảm thấy là về cơ bản, nếu ai đó có thể thay đổi được cách vận hành của Tòa thánh Vatican thì đó chính là Ratzinger.

Hồng y Theodore McCarrick từ Washington D.C., cho biết: "Một số người xem Đức Thánh Cha không phải là người biết đối thoại, đó là một cái nhìn sai lệch. Đôi khi, vì người ta không nhận được câu trả lời như

89) Quyền tập thể (Collegiality) là quyền mà Giám mục đoàn có trên Giáo hội toàn cầu. Giám mục đoàn (College of Bishops) là tất cả các Giám mục trên thế giới kết hợp lại với nhau, dưới sự lãnh đạo của Giáo hoàng.

mong muốn, họ có cảm giác như người khác không nghe họ. Nhưng đó không phải là kinh nghiệm của chúng tôi”.

Hết người này đến người khác trong số các Hồng y thay nhau khẳng định rằng qua các cuộc tiếp xúc riêng của họ với Ratzinger trong Bộ Giáo lý Đức tin, ông ta đã tỏ ra kiên nhẫn, chăm chú, luôn sẵn sàng đón nhận việc tranh luận hợp lý – một cách làm việc không dễ thấy nơi vài đồng nghiệp của ông. Các Hồng y nói họ rất mong phong cách đó sẽ được phát huy trong nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông.

Giáo hoàng Benedict có thể hành động theo “cách tập thể” như thế nào?

Trước hết, ông sẽ duy trì các kỳ họp của Thượng Hội đồng Giám mục, nhưng sẽ cố gắng truyền cho họ nhiều hơn nữa cái mà Hồng y Godfried Danneels của vương quốc Bỉ gọi là “văn hóa tranh luận”, trong đó những người tham gia có một cơ hội bàn cãi đến nơi đến chốn những vấn đề còn bỏ ngỏ và trình lên Giáo hoàng những góp ý thẳng thắn. Khi Benedict XVI xác nhận rằng ông muốn tiến hành kỳ họp Thượng Hội đồng Giám mục được sắp đặt trong tháng Mười để bàn về Bí tích Thánh thể, nhiều người xem đó như một tín hiệu tích cực. Mặc dù nhiều Giám mục tỏ ra thất vọng với cách điều hành các Thượng Hội đồng Giám mục dưới thời John Paul II khi phải bỏ ra nhiều tuần cho việc đọc các bài tham luận không hướng vào đầu cả và rất ít cơ hội thực sự cho sự xung đột ý tưởng, khi những kết luận thường đã được quyết định trước, họ vẫn thấy Thượng Hội đồng Giám mục là cách tốt nhất để thực hiện việc tham khảo tập thể hiện có trong Giáo hội.

Danneels nói trong một cuộc phỏng vấn trước Cơ Mật Hội rằng: “Thượng Hội đồng Giám mục không cần phải có quyền thẩm nghị nếu đã có cái “văn hóa tranh luận” thực sự. Nếu có sự nhất trí thực sự giữa các Giám mục về một điểm nào đó và Giáo hoàng biết điều này, chắc chắn ông sẽ thấy phải hành động theo đó”.

Thứ hai, Benedict XVI có thể sẽ phải tìm kiếm những cơ hội khác để cho các thành viên của Hồng y đoàn gặp gỡ nhau, ngoài những khung cảnh trang trọng theo nghi thức của những Công nghị phong tước các Hồng y. Một trong những điều gây thất vọng lớn được các Hồng y cho biết

trong thời kỳ trống tòa là họ không biết rõ về nhau, và nhiều người đã biểu lộ sự khao khát được gặp nhau, ít nhất là trong các phân nhóm một cách thường xuyên hơn. Chắc chắn, Benedict XVI sẽ cố gắng tìm ra những cơ hội như vậy.

McCarrick nói về Giáo hoàng mới vào buổi sáng sau cuộc bầu cử như sau: “Ông ấy muốn làm việc tập thể. Ông ấy muốn nhận được lời khuyên của các Hồng y và của các Giám mục khác. Ông ấy sẽ tìm kiếm các lời khuyên đó trong các Thượng Hội đồng Giám mục và vào những dịp khác”.

Thứ ba, người ta trông đợi Benedict sẽ mang đến cho nhiệm kỳ Giáo hoàng cách tiếp cận tương tự như khi ông còn là Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, đó là sẵn lòng trình bày sự việc một cách rõ ràng với các Giám mục và những ai liên quan, bàn cãi một cách khách quan về các vấn đề cụ thể trước khi đánh giá. Điều này không có nghĩa là ông sẽ làm hài lòng hết tất cả mọi người, và cũng không phải tất cả họ đều đồng ý rằng thời gian ông nắm quyền ở Bộ Giáo lý Đức tin luôn được đánh dấu bằng phong cách cộng tác trên. Tuy nhiên, khi so sánh với các ban bộ khác trong Giáo triều Roma, hầu hết các Hồng y, khi làm việc với Ratzinger, đều cảm thấy họ được đón nhận tốt hơn bất cứ nơi nào khác.

Như đã trình bày, đây là quyền tập thể trong bối cảnh quyền lực trong tay Giáo hoàng. Không ai yêu cầu Giáo hoàng Benedict sẽ cho phép các giáo hội địa phương bầu Giám mục hoặc phải từ bỏ sự giám sát công tác dịch thuật các văn bản phụng vụ mà lại ưu tiên sử dụng các ban dịch thuật thuộc vùng hay quốc gia, hay từ bỏ nguyên tắc mà Tòa thánh cho là có quyền thẩm tra học thuyết của các nhà thần học. Về mặt nguyên tắc, nhiệm kỳ Giáo hoàng này cũng sẽ giữ nguyên lập trường về “Quyền nắm giữ chìa khóa”⁹⁰. Benedict chưa bao giờ tin rằng việc sửa đổi cơ cấu hành chính có thể mang lại sức sống mới cho Giáo hội, và cũng không bao giờ đặt vấn đề về quyền hành của Giáo hoàng.

90) Quyền nắm giữ chìa khóa (the power of the keys) là quyền tuyệt đối trên Giáo hội mà Chúa Giêsu đã trao ban cho Thánh Phêrô (và những người kế vị ông) qua câu: “Thầy sẽ giao cho anh chìa khóa Nước Trời dưới đất, anh cấm buộc điều gì, trên trời cũng cấm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” – Mat 16:19).

Tuy nhiên, nhiều Hồng y cho rằng điều bất ngờ là ở chỗ ông ta sẽ thực thi quyền hành đó như thế nào. Họ mong được hỏi ý kiến, được lắng nghe và có nhiều dịp được phát biểu nhiều hơn. Chắc chắn, Giáo hoàng Benedict sẽ lắng nghe; điều thú vị là quan sát xem ông sẽ làm với những gì ông nghe thấy.

NHỮNG THÁCH THỨC

Khi một Giáo hoàng mới được bầu, hầu hết các tín đồ Công giáo đều tự nhiên muốn ủng hộ ông, sẵn sàng giải thích mọi sự theo hướng thuận lợi nhất, nên trong thời gian đầu mọi chỉ trích đều sẽ bị gạt qua với lý do là “hãy cho ông ấy thời gian!” Hầu hết mọi người cho rằng giai đoạn thiện chí này là một điều tốt, và Benedict XVI hiện đang hưởng lợi điều đó. Tuy nhiên, mặc dù sự ủng hộ đối với Giáo hoàng trong cộng đồng Công giáo trên thế giới là cực kỳ mạnh mẽ, hay ít nhất là họ sẵn lòng chờ đợi trước khi đưa ra ý kiến đánh giá, người ta không nên phủ nhận sự thật rằng, do quá khứ và tai tiếng của ông, Giáo hoàng Benedict phải đương đầu với nhiều thách thức để tranh thủ sự ủng hộ của một số con chiên của ông.

Nếu Benedict muốn là người lãnh đạo của toàn bộ Giáo hội Công giáo chứ không chỉ có cánh bảo thủ trong Giáo hội mà thôi, thì ngay vào đầu nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông, có hai nhóm đặc biệt mà ông cần phải trấn an: các nhà thần học Công giáo tại các nước phát triển và nhóm phụ nữ Công giáo tiến bộ. Cả hai nhóm này thường có cảm giác là Hồng y Joseph Ratzinger của Bộ Giáo lý Đức tin luôn chia mũi dùi về hướng của họ, và cả hai nhóm đều tiếp đón nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông bằng một tâm trạng thật nặng nề.

Các nhà thần học chuyên nghiệp

Cộng đồng các nhà thần học trong Giáo hội Công giáo không thống nhất, và có nhiều người trong số họ ca ngợi cuộc bầu cử Ratzinger như là sự nhìn nhận một tiêu chuẩn “chính thống” hơn. Tuy nhiên, số đông trong giới thần học chuyên nghiệp, đặc biệt là ở Hoa Kỳ và Tây Âu, đã cảm nhận một bầu khí “hạn chế tự do tư tưởng” quá mức

dưới thời Giáo hoàng John Paul II và cảm thấy nghi ngờ về tình hình dưới thời Giáo hoàng Benedict.

Những cảm giác e sợ này có nguồn gốc sâu xa của chúng. Chẳng hạn, vào năm 1985, khi trả lời phỏng vấn tờ *New York Times* (Thời báo New York), nhà thần học Công giáo được nhiều người kính phục là David Tracy của trường Đại học Chicago đã có thái độ chỉ trích Joseph Ratzinger.

Ông nói: “Vấn đề đối với nhiều người trong chúng tôi là Hồng y Ratzinger dường như đang tổ chức một chiến dịch để áp đặt một thứ thần học đặc biệt trên Giáo hội thế giới và trên tất cả các nhà thần học. Như thế sẽ không thành công đâu”. Mặc dù đã 20 năm trôi qua kể từ khi Tracy nói điều đó nhưng những thái độ tương tự vẫn chưa lắng dịu hoàn toàn. Tháng Tư năm 2005, văn phòng của Ratzinger đưa ra một thông báo phê bình các tuyên bố đáng ngờ về mặt giáo lý mà linh mục Roger Haight thuộc dòng Tên đã đề cập trong quyển sách của ông có tựa là *Giê-su: Biểu tượng của Chúa* (Jesus: Symbols of God) xuất bản năm 1999, và cấm ông ta dạy thần học tại các đại học Công giáo. Ban giám đốc Hội Thần học Công giáo của Hoa Kỳ đã than phiền như sau:

Điều trớ trêu là thay vì khuyến khích việc phê bình quyển sách, Bộ Giáo lý Đức tin có lẽ sẽ làm mọi người tránh bàn về nó, và như thế sẽ bóp chết việc phê bình và làm giảm thiểu khả năng của các thần học gia chúng tôi, vốn được chỉ trích các đồng nghiệp một cách công khai. Tóm lại, sự can thiệp của Bộ Giáo lý Đức tin lần này đã đe dọa nghiêm trọng đến tiến trình phê bình nội bộ một cách nghiêm túc và có hệ thống mà chính Bộ và các Giám mục đã từ lâu khuyến khích trong giới thần học. Đương nhiên là tiến trình phê bình nội bộ này không thể thay thế cho việc giáo huấn và các biện pháp kỷ luật chính thức từ Huấn quyền Hội Thánh, việc can thiệp của Huấn quyền phải được xem là phương sách cuối cùng, chỉ dùng trong những trường hợp mà tiến trình trên rõ ràng là đã thất bại.

Phản ứng trước những lời phê bình trên, đôi khi Ratzinger tỏ ra cáu gắt. Vào năm 1997, ông đã có lần nói một cách bực bội: “Đây là Hội thánh của Chúa, chứ không phải là cái phòng thí nghiệm cho các nhà thần học”.

Trước khi từ chức tổng biên tập của tạp chí *America* do áp lực từ Ratzinger, linh mục dòng Tên Thomas Reese đã nói rằng mối quan hệ giữa các nhà thần học và những người có thẩm quyền trong Giáo hội trong thời gian Ratzinger cầm đầu Bộ Giáo lý Đức tin đã rơi vào tình trạng sa sút nhất trong lịch sử Giáo hội mọi thời đại kể từ cuộc Cải cách tôn giáo ở thế kỷ 16⁹¹. Ngay cả những người ngưỡng mộ Ratzinger như Michael Waldstein, một nhà thần học người Áo dạy ở Đại học Notre Dame vào những năm 1990, cho biết rằng ông nhận thấy có một cảm giác ly cách ở mức độ đáng lo ngại.

Waldstein nói: “Thật là đáng tiếc khi có nhiều người trong các thần học gia ở các đại học đã có tâm trạng bức mình cao độ. Tôi chứng kiến điều này khi còn ở Notre Dame. Có thể sẽ có lợi hơn nếu như Ratzinger cởi mở hơn”.

Như vậy, đây sẽ là một trong những thách thức đầu tiên cho nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict: một cử chỉ giao hòa với đại đa số thuộc cộng đồng thần học Công giáo, một cách cho thấy rằng ông vẫn tôn trọng họ và muốn có sự ủng hộ của họ trong giai đoạn đầu thực hiện các đường lối chính của nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông.

Chẳng hạn, Giáo hoàng có thể xem xét việc mời một trong những hiệp hội thần học Công giáo chính ở châu Âu hay Bắc Mỹ, như Hội Thần học Công giáo Hoa Kỳ, đến thăm Vatican. Tất nhiên, ông sẽ tận dụng cơ hội này để mời gọi các nhà thần học coi trọng bản chất Công giáo của họ. Đồng thời, đó sẽ là dịp để nói rằng ông muốn lắng nghe cũng như muốn giảng dạy. Không ai hiểu hơn Giáo hoàng Benedict XVI về vai trò cần thiết của việc tranh luận thần học trong cuộc sống của Giáo hội. Và một sự kiện như vậy sẽ là một cơ hội để ông bảo đảm cho các thần học gia tin rằng họ vẫn được chấp nhận là thành phần của cuộc tranh luận, cho dầu họ có thể có ý kiến khác trên một vài điểm, và cho dù cuộc tranh luận đôi khi có thể trở nên gai góc và khó chịu.

91) Cuộc Cải cách tôn giáo (Reformation) là phong trào cải cách Giáo hội Công giáo Roma ở châu Âu vào thế kỷ 16 do Martin Luther lãnh đạo, đã dẫn tới việc thành lập các giáo hội Tin Lành.

Một bước khác được xem là có thể làm an tâm nhiều người trong cộng đồng thần học; đó là việc bổ nhiệm ít nhất một hoặc hai nhà thần học vốn có những quan điểm ôn hòa nhưng vẫn hoàn toàn chính thống, vào trong Ủy ban Thần học quốc tế – Bộ phận tư vấn cho Bộ Giáo lý Đức tin. Việc này cũng sẽ được xem như một cử chỉ thân thiện cho thấy Giáo hoàng vẫn muốn mở rộng vòng tay đón nhận, đặc biệt kể từ khi ủy ban này bị chỉ trích trong nhiều năm là chỉ đại diện cho một nhóm quan điểm thần học nhỏ.

Những người phụ nữ Công giáo cấp tiến

Ngay sau khi Ratzinger được bầu làm Giáo hoàng Benedict XVI, nhóm giáo dân hài lòng nhiều nhất trong Giáo hội có thể là những phụ nữ Công giáo đang mơ tưởng tới cái mà họ gọi là một Giáo hội “đồng quyền” hơn, một Giáo hội trong đó “tiếng nói của phụ nữ” sẽ được nghe thường xuyên hơn và có hiệu lực hơn. Nhóm này gồm, nhưng không chỉ có, những người phụ nữ ủng hộ thay đổi trong giáo huấn về việc hạn chế phong chức linh mục cho đàn ông mà thôi. Tuy nhiên, ngay cả những người phụ nữ Công giáo không muốn động tới đề tài chức linh mục cho phụ nữ cũng thường có cảm giác là Giáo hội theo cách tổ chức và quản lý như hiện nay không biết lắng nghe những mối quan tâm của phụ nữ. Và họ nhận thấy không có dấu hiệu gì trong cuộc sống và sự nghiệp của Ratzinger có thể giúp cho sự việc có thể khác đi trong nhiệm kỳ của ông.

Đã nhiều năm nay, vị Tân Giáo hoàng đã nhiều lần bày tỏ mối quan tâm về một hình thức phóng đại của phong trào đòi bình quyền cho phụ nữ, ngay cả bên trong Giáo hội Công giáo Roma.

Trong quyển *The Ratzinger Report*, ông có nói: “Phong trào nữ quyền triệt để, ngay cả hình thức tự xưng là Kitô giáo, đã không sẵn sàng chấp nhận điều này: đó là mối quan hệ mẫu mực, phổ cập, bất di bất dịch giữa Đức Kitô và Chúa Cha”⁹²... Trên thực tế, tôi tin rằng cái điều mà phong trào nữ quyền dưới hình thức cực đoan đề xướng không còn phải là đạo Kitô giáo chúng ta biết; đó là một tôn giáo khác”.

92) Mối quan hệ giữa Đức Kitô và Chúa Cha là mối quan hệ chỉ dựa trên yêu thương và vâng phục, không giới hạn và không điều kiện.

Năm 1988, trong một cuộc họp báo nhân hội nghị nghiên cứu Kinh thánh ở New York, Ratzinger phê bình các nhà chú giải Kinh thánh thuộc phong trào nữ quyền: “Dù thiên hạ có nói gì về họ, họ cũng không màng tới việc tìm hiểu bản văn theo ý nghĩa ban đầu lúc được viết... Họ không còn để ý tới việc tìm ra chân lý, nhưng chỉ muốn tìm ra bất cứ những gì có ích cho chương trình mục tiêu của họ”.

Những quan điểm trên không phải là lối diễn tả một tư tưởng lỗi thời. Ngày 31 tháng Năm năm 2004, Bộ Giáo lý Đức tin, cơ quan học thuyết chính của Tòa thánh Vatican, đã đưa ra một “Thư gửi các Giám mục của Giáo hội Công giáo về vấn đề Cộng tác giữa Nam và Nữ trong Giáo hội và trên Thế giới”. Bức thư đã chỉ trích các khuynh hướng trong tư tưởng hiện đại tạo ra một “sự đối lập giữa nam và nữ, trong đó bản chất và vai trò của một bên được đưa lên chỉ để gây bất lợi cho bên kia, dẫn đến sự nhầm lẫn và hậu quả tai hại về con người và về đời sống gia đình”. Tài liệu này đã viện dẫn “phong trào nữ quyền triệt để” là nguồn gốc gây ra sự nhầm lẫn này.

Nhiều thành viên phong trào nữ quyền trong đạo Công giáo lập tức lên tiếng chỉ trích. Sơ Joan Chittister thuộc dòng Benedictine buộc tội rằng tài liệu này “cho thấy một sự thiếu hiểu biết cơ bản về phong trào nữ quyền, thuyết nữ quyền và sự phát triển của thuyết này”, và “cả lời lẽ lẫn lý thuyết được dùng trong văn bản đều lỗi thời một cách thảm hại và thiên lệch một cách kịch côm trong lối phân tích bản chất của thuyết nữ quyền”. Phản ứng trên của bà là hình ảnh thu nhỏ của sự bất bình diễn ra thường xuyên giữa Giáo hội Công giáo và nhiều phụ nữ có học thức và đầu óc phóng khoáng.

Di nhiên, không phải tất cả các phụ nữ Công giáo đều phản ứng như thế. Nhiều người nhìn nhận giá trị của sự ủng hộ cho “thuyết nữ quyền mới” đôi khi còn gọi là “thuyết nữ quyền Kitô giáo” trong những năm cầm quyền của John Paul II và Ratzinger rằng nó hỗ trợ cuộc đấu tranh đòi giải phóng phụ nữ trong lĩnh vực xã hội và chính trị nhưng không làm giảm vai trò truyền thống của họ là làm vợ và làm mẹ. Trong phạm vi của tư tưởng này, Giáo hoàng mới đã được họ hoan nghênh chấp nhận.

Tuy vậy trong nhóm các phụ nữ Công giáo thích nghe Chittister – một nữ tu dòng Thánh Benedictine, hơn là nghe chính Benedict, vẫn có sự lo sợ bất thường về những gì giáo triều mới có thể mang lại. (Để chú thích cho phần trên, độc giả có thể biết thêm là ngay sau kết quả bầu Benedict, Sơ Chittister, lúc đó đang ở Rome, đã tỏ vẻ hết sức tích cực, và nhấn mạnh rằng bà sẵn lòng cho Giáo hoàng một cơ hội). Nhóm này, đại diện cho bộ phận tiêu biểu đáng kể theo quan điểm phụ nữ trong Giáo hội Công giáo, đặc biệt là trong thế giới phát triển, cần biết rằng Giáo hoàng thật sự quan tâm đến những kinh nghiệm và cách nhìn của họ.

Đĩ nhiên, trong một chừng mực nào đó, không Giáo hoàng nào có thể làm tất cả mọi người hài lòng, và bất cứ ai đang sống trong ảo tưởng khi cứ trông mong Giáo hoàng Benedict sẽ phong chức linh mục cho phụ nữ hay xem xét lại giáo huấn của Giáo hội về các vấn đề như nạo phá thai hay điều hòa sinh sản. Nếu cách duy nhất để có một cuộc đối thoại chân thật với những phụ nữ Công giáo cấp tiến – đó là đưa ra vấn đề để thảo luận một cách công khai, thì đúng là làm chuyện vô ích.

Tuy nhiên, hầu hết các nhà quan sát, kể cả đa số phụ nữ đều thừa nhận rằng vấn đề thụ phong linh mục không phải là cách duy nhất và thậm chí có thể không phải là cách quan trọng nhất để diễn đạt cuộc tranh luận về vai trò phụ nữ trong Giáo hội. Tất nhiên, phụ nữ có thể đóng nhiều vai trò quan trọng khác trong đạo Công giáo mà không cần phải làm linh mục; sự nhầm lẫn này nảy sinh bởi về mặt lịch sử, chức linh mục⁹³ là cánh cửa dẫn đến quyền hành trong Giáo hội, nhưng điều đó không phải lúc nào cũng đúng. Chức linh mục là để phục vụ chứ không phải để có quyền, và trên thực tế có nhiều cơ hội cho giáo dân vận dụng quyền quản lý và hành chính không lệ thuộc vào việc thụ phong bí tích.

Giáo hoàng mới có thể đồng ý với điểm này.

Ông có viết trong tác phẩm *Muối Đất*: “Nếu tôi xem Giáo hội chỉ qua khía cạnh quyền lực, thì tất cả những ai không giữ một chức vụ gì

93) Chức Linh mục (priesthood) là một chức vụ hay thừa tác vụ. Để có thể thực hiện được chức vụ này, người được chọn sẽ nhận lãnh Bí tích Truyền Chức thánh (the Sacrament of Holy Orders) trong một nghi thức được gọi là lễ thụ phong linh mục (ordination). Các giáo dân vì lòng tôn kính nên gọi các linh mục là Cha, vì thế có những cụm từ “đi làm cha, đi tu cha...”.

đương nhiên cảm thấy là mình bị áp bức. Và sau đó, chẳng hạn như vấn đề thụ phong linh mục cho phụ nữ, nếu xét như là một vấn đề về quyền lực, sẽ trở nên cấp bách, bởi vì mọi người đều phải có thể có quyền”.

Nếu Giáo hoàng Benedict quyết định cởi mở đón nhận nhóm ý kiến này, ông có thể cân nhắc về một động tác là mời một nhóm như Hiệp hội Quốc tế các Bề trên Tổng quyền đến thăm ông trong một buổi tiếp kiến. Đây là tổ chức quy tụ các dòng tu nữ. Và cũng giống như buổi tiếp kiến các nhà thần học, sự kiện này sẽ tạo cho Giáo hoàng một cơ hội làm một cử chỉ thiện chí.

Một cử chỉ khác để tiếp nối cái tiền lệ mà John Paul II đã thiết lập là việc bổ nhiệm phụ nữ vào những chức vụ cao trong Tòa thánh Vatican. John Paul II đã chỉ định nữ tu Enrica Rosana là Thứ trưởng trong Bộ Phụ trách Đời sống Tận hiến và Hiệp hội Tông đồ, bà là người phụ nữ đầu tiên từng giữ một chức vụ cao như vậy trong Giáo triều. Còn một tiền lệ khác để Giáo hoàng Benedict tiếp nối là đã nhiều năm, một trong những cộng sự của ông ở Bộ Giáo lý Đức tin là một phụ nữ người Bỉ tên là Marie Hendrickx. Bà là người đã giới thiệu với báo chí Tông huấn “Giá trị của Phụ nữ” năm 1988, và giám sát sự chuẩn bị về thần học cho một số thư từ của Giáo hoàng. Hendrickx đã nổi tiếng một thời gian ngắn vào tháng Giêng năm 2001 khi bà viết một bài báo trên tạp chí *L'Osservatore Romano* chỉ trích sự tàn ác nhẫn tâm đối với thú vật, viện dẫn một cách cụ thể công nghiệp chế biến thực phẩm hiện đại. Bà cũng đặt vấn đề tính hợp pháp về mặt đạo đức trong trò đấu bò ở Tây Ban Nha.

Dĩ nhiên, những ai có mối quan tâm sâu sắc về vị trí của phụ nữ trong Giáo hội Công giáo rồi sẽ phải tìm kiếm, cho về lâu về dài, nhiều hơn là những cử chỉ có ý nghĩa tượng trưng hay có tính xã giao mà thôi. Tuy nhiên, một trong những phép lạ trong đạo Công giáo là lòng khao khát hy vọng của người giáo dân Công giáo; thông thường giáo quyền chỉ cần một biểu hiện nhỏ nhất để tỏ ý muốn hòa giải và sự thông cảm là lấy lại được ngay lòng tin của quần chúng. Với sức thu hút và lòng khiêm nhường của mình, Giáo hoàng Benedict hoàn toàn có khả năng, nếu muốn, tìm ra điều gì đó phải làm trong tương lai.

PHẦN KẾT

Nhiệm kỳ Giáo hoàng Benedict XVI, vị Giáo hoàng thứ 265 của Giáo hội Công giáo Roma, hứa hẹn sẽ là nhiệm kỳ nhiều kịch tính. Nó sẽ bị thúc ép bởi những xác tín sâu xa, bởi ý thức về thời gian thì có hạn mà việc phải làm thì vô hạn, và có thể bị ảnh hưởng của những xung đột bên trong Giáo hội và sự thiếu thiện chí từ bên ngoài. Mặc dù phải tiếp nối một Giáo hoàng mà nhiều người tin là có ngày sẽ được gọi là John Paul VI Đại, Benedict XVI về một số phương diện đã có bước khởi đầu tốt hơn. Ông có một sự chuẩn bị thần học và văn hóa sâu xa hơn, có một sự thấu hiểu sâu rộng hơn về guồng máy cai quản Giáo hội, và một tầm cỡ quốc tế ngay từ đầu trong khi John Paul II phải tốn nhiều năm mới đạt được.

Kịch tính của nhiệm kỳ Giáo hoàng này là do Benedict XVI có thể sử dụng cái vốn sẵn có trên theo nhiều cách khác nhau, vì vậy người ta có thể tưởng tượng hàng loạt những kết cục và kịch bản khác nhau. Benedict có thể hướng Giáo hội vào một thể phòng thủ hơn, cách biệt hơn, vì tin chắc rằng “chế độ độc tài của chủ thuyết tương đối” mà ông mô tả trong buổi sáng cuộc Cơ Mật Hội hiện giờ quá mạnh và không thể tấn công được. Ông có thể chiều theo ý muốn của một số người ngưỡng mộ ông, và thống lĩnh một cuộc sàng lọc nội bộ Giáo hội, một thời gian thanh lọc để dứt khoát loại bỏ những thành phần chống đối và những hạng “Công giáo thực đơn”⁹⁴. Giống như bất kỳ phương pháp y sự phòng bệnh nào, ông có thể xem việc đó là cần thiết, nhưng trước mắt nó sẽ làm cho Giáo hội phải đau khổ và mất mát.

Hoặc là Benedict có thể thành công trong nhiệm vụ giáo huấn khi ông có thể khơi dậy ở châu Âu và nơi khác một tình yêu lớn với Sự Thật, nhờ vậy sẽ mang lại một thời kỳ Phục Hưng văn hóa mới trên quy mô lớn. Dựa vào quy luật “chỉ có Nixon mới có thể đến Trung Quốc”, ông có thể kiến tạo nên một cuộc thay đổi văn hóa bên trong Giáo hội Công giáo để rồi Giáo hội này sẽ giảm thiểu cơ cấu dành ưu tiên cho sứ mệnh, quên bớt quyền hành để đón cho yêu thương. Bằng một phong cách

94) Công giáo thực đơn (*cafeteria Catholics*) hay là *la carte Catholics* là cụm từ dùng để gọi những người Công giáo tự cho mình quyền chọn (tín điều nào mình thích thì tin, không thích thì bỏ qua, theo kiểu gọi món ăn theo thực đơn trong nhà hàng). Đặc biệt từ này nhằm chỉ nhóm người Công giáo không chấp nhận giáo huấn của Giáo hội về các vấn đề phá thai, ngừa thai, tình dục trước hôn nhân, và tình dục đồng tính.

nhẹ nhàng và với trí tuệ hàng đầu của thế hệ mình, ông có thể đánh thức truyền thống văn hóa và nghệ thuật Công giáo, dựa trên xác tín rằng, “Một nhà thần học mà không yêu nghệ thuật, thơ ca, âm nhạc và thiên nhiên thì rất nguy hiểm. Mù và điếc trước cái đẹp không phải là chuyện nhỏ nhất; chúng sẽ phản ánh trong học thuyết của ông ta”.

Mỗi khi một Giáo hoàng mới lên ngôi thì thiên hạ lại mong đợi nhiều việc có thể xảy ra, và ít nhiệm kỳ Giáo hoàng nào trong thời gian gần đây hứa hẹn nhiều điều ngay từ lúc khởi đầu như nhiệm kỳ Benedict XVI. Bất kể thế giới nghĩ gì về việc có ông già bảo thủ người Đức 78 tuổi ngồi trên Ngai Thánh Phêrô, bất cứ ai hiểu được con người này phải linh cảm rằng có những ngày đầy phiêu lưu và cũng có thể đầy lo lắng ở phía trước.

Liệu Giáo hoàng sẽ có thời gian để nhận thấy mối tiềm tàng khủng khiếp phía trước ông hay không?

Chỉ có Chúa mới biết được câu trả lời. Vào năm 1998, khi John Paul II 78 tuổi, ông đã ở bên kia cái dốc của cuộc đời; sự tàn tạ kéo dài và tiệm tiến của ông rõ ràng đã bắt đầu trước đó một thời gian rồi. Như thế, bất kỳ ai cũng có thể đoán là không bao lâu nữa bóng hoàng hôn cũng sẽ đến với Benedict XVI. Vào tháng Chín năm 1991, chứng xuất huyết não đã gây ảnh hưởng nhất thời đến mắt trái của ông, nhưng không dấu hiệu nào cho thấy có vết tích gì để lại. Tháng Tám năm 1992, trong một kỳ nghỉ ở vùng núi Alps, ông bị vết rách ở đầu sau khi trượt chân trong phòng tắm, và một lần nữa cũng không quá nghiêm trọng. Trong những lời bình luận ngay sau Cơ Mật Hội, Hồng y Francis George của Chicago nói rằng cách đây hai năm Giáo hoàng dường như có gặp một vài “điều trở ngại” nhưng đã hồi phục và “dường như bây giờ đã khỏe mạnh lại”.

Di nhiên chức vụ Giáo hoàng đè nặng lên một người theo nhiều cách đặc biệt và sức khỏe của Benedict có thể bị suy yếu nhanh chóng dưới những gánh nặng không thể tưởng tượng này. Sau khi nghe kết quả của Cơ Mật Hội, người anh trai của Benedict đã sững sờ. Ông cụ Georg Ratzinger 81 tuổi nói: “Ở độ tuổi 78, đảm nhiệm một công việc như thế thật không tốt, nó vắt kiệt toàn bộ sức lực của thể xác và tinh thần của con người”. Người ta kể lại là người anh của Ratzinger đã ngồi bất động

trước màn hình vô tuyến ở Regensburg sau khi kết quả bầu cử được công bố, ngỡ ngàng không hiểu chuyện gì vừa xảy ra. Sau đó, với cái óc thực tế của dòng họ Ratzinger, ông chỉ nói: “Khi người ta đạt đến tuổi 80, không gì bảo đảm là có thể làm việc và thức dậy vào ngày hôm sau”.

Quả thực là như vậy!

Tuy nhiên... lại tuy nhiên, khi căn cứ vào tia lửa còn thấy được trong đôi mắt tinh anh của Joseph Ratzinger, người ta có thể hình dung được rằng ông sẽ còn thức dậy, hết ngày này qua ngày khác, suốt thời gian mà Chúa Quan phòng còn giao cho ông, và ông sẽ để một dấu ấn riêng không bao giờ phai nhòa trên Giáo hội Công giáo và trong lịch sử. Không ai sau khi đã đọc sách của Giáo hoàng này, nói chuyện với ông, hiểu được chiều sâu tư tưởng của ông và sức nặng của cơn khủng hoảng mà ông đang phải đối mặt, lại có thể không thấy rằng nhiệm kỳ Giáo hoàng của ông sẽ mang dấu của một linh thần mà kiến trúc sư người Chicago, Daniel Burnham đã mô tả: “Đừng đưa ra những dự án nhỏ. Chúng không thể khuấy động máu trong thiên hạ lên được”.

Dù cho lịch sử sau này sẽ nói gì về ông, chắc chắn là Benedict XVI sẽ không chủ trì một nhiệm kỳ Giáo hoàng với những dự án nhỏ.

BẢN CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

Anh giáo (Church of England): Giáo hội Anh giáo. Khi Giáo hoàng Clement VII từ chối hủy hôn nhân trước để ông có thể lấy vợ khác hòng tìm con trai nối ngôi, vua Henry VIII đã tách ra khỏi Giáo hội Công giáo La Mã và lập giáo hội Anh giáo, không nhìn nhận quyền tối thượng của Giáo hoàng. Người đứng đầu Anh giáo là Vua hay Hoàng hậu nước Anh. Anh giáo cho phép phụ nữ làm linh mục. Anh giáo ở Hoa Kỳ được gọi là **giáo hội Episcopal**. **Liên hiệp Giáo hội Anh** (Anglican Communion) là giáo hội Anh giáo, giáo hội Episcopal và các giáo hội cùng tín ngưỡng ở các quốc gia khác.

Bài giảng (homily): bài giảng đạo trong các thánh lễ

Bất khả ngộ (infallible): không thể sai lầm được. Giáo lý Công giáo tin rằng khi Giáo hoàng đưa ra những huấn thị về đức tin hay luân lý với tư cách là Giáo hoàng thì không thể sai lầm được.

Bênêdictô (Thánh ~) (Saint Benedict of Nursia): Người sáng lập tu viện Bênêdictô ở Monte Cassino, Italia, vào đầu thế kỷ thứ 6. Tên ông được Việt hóa là **Biển Đức**. Ông viết quyển *Luật Dòng* (Benedictine Rule) và xây dựng lối sống ẩn tu (monasticism) trong tu viện với các lời khấn, luật dòng, phụng vụ và cầu nguyện, học hỏi Kinh thánh và lao động.

Bênêdictô (dòng ~) (Benedictine order): dòng tu theo luật do Thánh Bênêdictô viết. Có cả dòng nam và dòng nữ Bênêdictô, cho nên có nam tu sĩ dòng Bênêdictô (Benedictine monk) và nữ tu sĩ dòng Bênêdictô (Benedictine nun/sister).

Bề trên (superior): tu sĩ có trách nhiệm quản lý một khu vực của dòng. Bề trên nhà (superior) là người phụ trách tu viện. **Bề trên giám tỉnh** (provincial) là người quản lý một tỉnh dòng (province). **Bề trên tổng quyền** (superior general) là người đứng đầu một dòng tu.

Bí tích (sacraments): 7 nghi thức để nhận những ơn đặc biệt cho đời sống người Ki-tô hữu (rửa tội, thêm sức, hôn phối, thánh thể, thống hối, xức dầu bệnh nhân, truyền chức thánh). Cách nói bình dân về các bí tích thường ngắn gọn hơn. Ví dụ, cử hành bí tích rửa tội là *làm phép rửa tội*, cử hành bí tích thánh thể là *dâng thánh lễ*, cử hành bí tích hôn phối là *làm phép cưới*, cử hành bí tích truyền chức thánh là *phong chức linh mục*,...

Cha sở (parish priest, pastor): linh mục phụ trách một sở họ, chịu sự quản lý của một giám mục.

Chân phước (blessed): được Giáo hoàng nhìn nhận là một vị thánh bằng nghi thức **phong chân phước (beatification)**. Vị này sẽ được gọi là **Chân phước** hay **Á thánh**. Bước tiếp theo và cuối cùng là **phong thánh (canonization)**; lúc đó sẽ được gọi là **Thánh (Saint)**. Giáo hoàng John XXIII đã được phong Chân phước.

Chìa khóa Nước Trời (Keys of the Kingdom): quyền tuyệt đối trên Giáo hội hoàn vũ mà Chúa Giê-su đã trao cho Thánh Phê-rô và các Giáo hoàng kế vị ông, được kể lại trong Phúc âm: *"Thầy sẽ giao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy"* (Matthêu 16:19).

Chính thống (giáo hội -) (Orthodox Church): Xem *Giáo hội Chính thống Đông phương*.

Chủng sinh (seminarian): Các thanh niên muốn làm linh mục phải qua giai đoạn huấn luyện ở **chủng viện (seminary)**, và được gọi là **Chủng sinh (seminarian)**. Có nơi lập Tiểu chủng viện (minor seminary) để bắt đầu việc huấn luyện sớm hơn. Khi đó các năm cuối sẽ là Đại chủng viện.

Cộng đoàn (community): (1) tập thể các tín hữu (2) tập thể các tu sĩ. Lưu ý: Đừng nhầm lẫn với từ *community* với nghĩa *cộng đồng* (một nhóm người sống chung trong một khu vực và chia sẻ một số đặc tính như dân tộc, văn hóa, lịch sử, tôn giáo... hay quyền lợi).

Công đồng Chung, thường gọi tắt là **Công đồng** (ecumenical council): hội nghị của tất cả các giám mục trên toàn thế giới, do Giáo hoàng triệu tập.

Công đồng Vatican II: công đồng chung do Giáo hoàng John XXII khai mạc năm 1962 và kết thúc năm 1965 dưới triều Paul VI. Linh mục Joseph Ratzinger (35 tuổi) là một chuyên gia thần học tại Vatican II.

Công giáo (Catholic): (1) một từ Hy Lạp có nghĩa là phổ biến, thuộc về hết mọi người, một trong bốn đặc điểm cơ bản của giáo hội Công giáo La Mã: duy nhất, thánh thiện, công giáo, tông truyền; (2) thuộc về hay là tín đồ của Giáo hội Công giáo La Mã (mà ở Việt Nam gọi là đạo Thiên Chúa).

Công nghị Hồng y (consistory): hội nghị một số Hồng y dưới sự chủ tọa của Giáo hoàng. **Tổng Công nghị các Hồng y** (General Congregation of the College of Cardinals) là hội nghị các Hồng y trong thời gian trống tòa, do Hồng y Niên trưởng chủ tọa.

Cơ Mật Hội (conclave): cuộc họp kín của các Hồng y để bầu Giáo hoàng mới. Kết quả mỗi ngày được thông báo bằng màu khói từ ống khói nơi bỏ phiếu (nay là Nhà nguyện Sistine). Từ *conclave* bởi hai từ La-tinh *cum clave* (với khóa) nhắc lại thông tục bắt đầu từ thế kỷ 13. Sau khi Giáo hoàng Clement IV qua đời, vì nhiều lý do chủ yếu là chính trị, các Hồng y không thỏa thuận được với nhau và giai đoạn trống tòa kéo dài tới 3 năm. Dân chúng thành phố Viterbo (nơi họp bầu Giáo hoàng) liền nhốt các Hồng y lại chỉ cho ăn bánh mì khô và nước lã. Kết quả là chỉ 3 ngày sau là có Giáo hoàng mới. Vị Giáo hoàng này (Gregory X) và Công đồng Lyon II sau đó ra quy định cách ly các Hồng y để không bị bất cứ áp lực nào và nếu sau 8 ngày chưa bầu được Giáo hoàng thì sẽ giám phần ăn của các vị xuống.

Dân Chúa (God's people): trước kia là dân Do thái, bây giờ là Giáo hội, tất cả những ai tin theo Chúa.

Đức ... : từ kính trọng thêm trước một vài tên gọi trong tiếng Việt như *Đức Giám mục*, *Đức Hồng y*, *Đức Giáo hoàng*, có thể bỏ đi mà không đổi nghĩa. Trong một số từ khác không bỏ được như *Đức Cha*, *Đức Mẹ*, *Đức Ông*...

Đức Bà, Đức Mẹ, Đức Maria, Đức Trinh nữ...: Các tên gọi dành cho mẹ của Chúa Giê-su, tên là Maria.

Đức Ki-tô, Đức Giê-su Ki-tô, Chúa Giê-su...: các tên gọi khác nhau của người sáng lập đạo Công giáo và các đạo Ki-tô giáo khác (Tin lành, Chính thống, Anh giáo...), ông được tin là Con Thiên Chúa và là Thiên Chúa.

Đức Ông: một tước hiệu Giáo hoàng phong cho một vài linh mục.

Giám mục (bishop): người đứng đầu một giáo phận, được xem là kế vị các tông đồ và thay mặt Chúa dạy dỗ, thánh hóa và quản trị giáo dân trong giáo phận mình. Được ví như chủ chiên (mục tử) chăm sóc cho đoàn chiên, nên các công việc của giám mục được gọi là *mục vụ*. Giáo dân gọi giám mục của mình là *Đức Giám mục* hay *Đức Cha*.

Giám mục đoàn (college of bishops): tập thể các giám mục toàn thế giới. Cùng với nhau và dưới sự lãnh đạo của Giáo hoàng, các giám mục có quyền dạy dỗ, thánh hóa và quản trị trên giáo hội toàn cầu. Quyền này gọi là *quyền tập thể* hay *quyền đoàn thể* (Collegiality).

Giáo dân: (1) tất cả mọi người Công giáo (the faithful); (2) các người có đạo nhưng không phải linh mục hay tu sĩ (the lay faithful).

Giáo hoàng (pope): người đứng đầu Giáo hội Công giáo La Mã. Ông là Giám mục La Mã, người kế vị của Thánh Phê-rô nên đương nhiên là người đứng đầu các Giám mục và toàn Giáo hội. Có nhiều tên gọi được dùng cho ông: Vicar of Christ, Great Pontiff, Roman Pontiff, Supreme Pontiff... Ông cũng là vua của một nước ở vùng

giữa quốc gia Italia ngày nay từ thế kỷ thứ 8 tới thế kỷ thứ 19. Vì thế có cái tên Giáo hoàng trong tiếng Việt (trong khi tên các tiếng khác đều có nghĩa là Cha: *pope, pape, papa*) và hình thức hành chánh ở Vatican còn nhiều vết tích của một triều đình, gọi là *giáo triều La Mã*. Người có đạo gọi ông là Đức Giáo hoàng, hay Đức Thánh Cha, (đôi khi còn được gọi là Đức Giáo tông).

Các Giáo hoàng được nói tới trong sách (từ lúc nhận chức đến lúc tạ thế):

Leo XIII (Lêô XIII), (20/2/1878 tới 20/7/1903)

Pius X (Piô X), (4/8/1903 tới 20/8/1914)

Benedict XV (Bê-nê-đictô XV), (3/9/1914 tới 22/1/1922)

Pius XI (Piô XI), (6/2/1922 tới 10/2/1939)

Pius XII (Piô XII), (2/3/1939 tới 9/10/1958)

John XXIII (Gioan XXIII), (28/10/1958 tới 3/6/1963)

Paul VI (Phao-lô VI), (21/6/1963 tới 6/8/1978)

John Paul I (Gioan Phao-lô I), (26/8/1978 tới 28/9/1978)

John Paul II (Gioan Phao-lô II), (16/10/1978 tới 2/4/2005)

Benedict XVI (Bê-nê-đictô XVI), (19/4/2005 tới nay).

Giáo hội hay Hội thánh (the Church): là tất cả những ai tin vào Đức Ki-tô và đã chịu phép rửa tội. Người ta cũng phân biệt **Giáo hội toàn cầu** hay **hoàn vũ** (universal Church) với **giáo hội địa phương** (regional church) của từng vùng hay từng giáo phận.

Giáo hội (church): từ dùng cho các giáo phái Ki-tô giáo khác như *giáo hội Tin lành, giáo hội Chính thống...*

Giáo hội Đông Phương (Eastern Churches): gồm các Giáo hội Chính thống và các giáo hội đã kết hợp lại với giáo hội La Mã nhưng vẫn giữ nghi thức phụng vụ Đông phương.

Giáo hội Chính Thống Đông Phương (Eastern Orthodox Church): các Giáo hội Đông phương tách ra khỏi Giáo hội La Mã (hay Latinh) từ thế kỷ thứ 5 và không nhìn nhận quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng. Gọi tắt là **Giáo hội Chính Thống**.

Giáo phận (diocese): khu vực dưới quyền cai quản của một giám mục. Khi nói "Giám mục X của ABC", có nghĩa là *Giám mục X của giáo phận ABC*, tuy ABC có thể trùng tên với một thành phố, một tỉnh hay một bang.

Giáo phẩm (hàng ~), **phẩm trật** (hierarchy): gồm các giám mục, linh mục và phó tế. Họ được nhận vào chức vụ qua bí tích Truyền Chức thánh.

Giáo triều La Mã / Rôma (Roman Curia): tổ chức hành chánh của Tòa thánh Vatican giúp Giáo hoàng cai trị Giáo hội toàn thế giới, gồm Phủ Quốc Vụ Khanh, 9 Bộ, 3 Tòa Án, 12 Hội đồng Giáo Hoàng, và nhiều phòng ban khác.

Hành hương (pilgrim): đi đến một nơi linh thiêng để tỏ lòng tôn kính hay để xin ơn. Người Công giáo đi thăm Vatican, Jerusalem, hay Lộ Đức, La Vang... thì gọi là *đi hành hương*.

Hợp nhất (phong trào ~) (ecumenism): cố gắng tìm sự hòa hợp giữa các giáo hội Ki-tô giáo để đi đến hợp nhất. Họ hiểu rằng thế giới khó lòng tin họ giảng về tình yêu thương khi chính họ chia rẽ nhau. Thầy của họ cũng dạy: "Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy ở điểm này: anh em có lòng yêu thương nhau" (Gioan 3:35). Cũng dịch là **phong trào đại kết**.

Hội đồng Giám mục (Conference of Bishops): tập hợp các giám mục trong một khu vực. Vì thế ta có Hội đồng Giám mục một quốc gia (như Việt Nam, Hoa Kỳ, Pháp), một vùng (như Đông Nam Á, Á châu, châu Mỹ Latinh). (Xem *Thượng Hội đồng các Giám mục và Giám mục đoàn*).

Hồng y (Cardinal): một giám mục được Giáo hoàng chọn và phong thêm tước hiệu Hồng y, để làm cố vấn cho Giáo hoàng và khi cần,

bầu Giáo hoàng mới. Số đông các Hồng y là Giám mục hay Tổng Giám mục phụ trách một giáo phận, một số khác lãnh chức vụ trong Giáo triều Rôma tại Vatican. Có ba cấp Hồng y: Hồng y Giám mục, Hồng y Linh mục, và Hồng y Phó tế.

Hồng y đoàn (College of Cardinals, Sacred College): tập thể các Hồng y.

Hồng y Niên trưởng (Dean of the College of Cardinals): chủ tịch của Hồng y đoàn. Lúc trước là Hồng y lớn tuổi nhất trong sáu Hồng y Giám mục, bây giờ là người được các Hồng y Giám mục bầu lên. Ông triệu tập Mật nghị bầu Giáo hoàng, chủ tọa các phiên họp (Công nghị) và Mật nghị.

Hồng y Nội thần (Cardinal Chamberlain hay Carmerlengo): người lo việc điều hành tài chánh cho Giáo hoàng. Trong thời gian trống tòa, ông đảm trách mọi công việc hành chánh cho nên cũng gọi là **Hồng y Nhiếp Chính**.

Hồng y Quốc vụ khanh (Secretary of State): người đứng đầu Phủ Quốc vụ khanh của Vatican, có thể ví với chức Thủ tướng của Tòa thánh Vatican.

Kinh Angelus hay kinh Truyền tin (Angelus): một bài kinh ngắn cầu xin Đức Mẹ, gồm ba lời cầu xen kẽ với ba kinh *Kính Mừng* và kết thúc bằng một lời nguyện. Lời cầu đầu tiên bắt đầu bằng chữ Angelus. Kinh Truyền tin thường được đọc vào các giờ kinh sáng, trưa và chiều. Các Giáo hoàng có thói quen ra cửa sổ nhìn ra quảng trường Thánh Phê-rô để cùng đọc kinh Truyền tin với các giáo dân mỗi trưa Chúa nhật, sau đó đọc một bài giảng được gọi là bài giảng *Angelus*.

Kinh cầu (litany): hình thức đọc kinh gồm nhiều xướng đáp giữa người chủ sự và cộng đoàn.

Kinh Mân côi (the Rosary): một cách đọc kinh vừa bằng miệng vừa suy gẫm, gồm từng 10 kinh Kính Mừng bắt đầu bằng kinh Lạy Cha, vừa đọc vừa lần chuỗi, nên cũng gọi là lần chuỗi Mân côi, hay lần chuỗi.

Ki-tô (Christ): từ có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là Đấng Thiên sai (Messiah). Dùng để chỉ niềm tin vào Giê-su là Đấng Cứu thế. Được dùng trong các cụm từ *Đấng Ki-tô, Chúa Ki-tô, Chúa Giê-su Ki-tô* và các từ kép *Ki-tô giáo, Ki-tô hữu*.

Ki-tô giáo (Christianism, Christianity): chỉ tất cả những gì thuộc về niềm tin vào Đấng Ki-tô: đạo Ki-tô, các giáo hội Ki-tô giáo, các tín hữu các giáo hội trên, văn hóa văn minh phát sinh từ đạo Ki-tô... Các giáo hội Ki-tô giáo gồm giáo hội Công giáo La Mã, các giáo hội Chính thống, các giáo hội Tin lành, Anh giáo... Cũng được dịch là *Thiên Chúa giáo*.

Ki-tô hữu (Christian): những người tin và sống theo lời dạy của Giê-su Ki-tô.

Linh mục (priest): người đã nhận bí tích Truyền Chức thánh và được quyền cử hành một số nghi thức tế tự. Các **linh mục triều** (diocesan priests) trực thuộc một giám mục và giúp ông trong việc giảng dạy, thánh hóa và cai quản giáo dân trong giáo phận. Các **linh mục dòng** (religious order priests) là những tu sĩ đồng thời là linh mục, và tuy dưới quyền giám mục, họ trực thuộc bề trên dòng của họ. (Xem thụ phong linh mục).

Loan báo Tin Mừng, truyền bá Phúc âm (evangelization): rao giảng niềm tin và lối sống theo Phúc âm.

Mặc khải (revelation): việc Thiên Chúa cho con người biết ý định của ngài.

Mục tử (pastor): người chăn chiên. Giáo hoàng, giám mục và cả linh mục được xem là mục tử và giáo dân dưới quyền họ là *đàn chiên, con chiên*. Lưu ý: từ *pastor* theo nghĩa hẹp hơn cũng có thể là *cha sở* (Công giáo) hay *mục sư* (Tin lành) phụ trách một sở họ hay *họ đạo* (parish).

Mục vụ (pastoral): những gì liên quan tới chức vụ mục tử.

Nhà nguyện (chapel): một nhà thờ nhỏ hay một nhà thờ thuộc trường học, nhà tu, bệnh viện...

Nhà nguyện Sistine (Sistine Chapel): nhà nguyện của Giáo hoàng ở Vatican, xây dựng vào thế kỷ 15 cho Giáo hoàng Sixtus IV. Bên trong nhà nguyện được trang trí bằng nhiều bức họa nổi tiếng, đặc biệt nhất là bức *Ngày phán xét* của Michaelangelo trên trần nhà nguyện.

Nhà thờ (church): nơi tổ chức các nghi lễ tôn giáo của Ki-tô giáo. Lưu ý: khi hiểu *church* là tập thể các tín đồ hay tổ chức một tôn giáo thì sẽ dùng chữ *giáo hội*, không dùng chữ *nhà thờ*.

Nhẫn Ngư phủ (the Ring of the Fisherman, Piscatorio): nhẫn của Giáo hoàng, trên có khắc hình một ngư phủ đang quăng lưới đánh cá, tượng trưng cho quyền hành truyền lại từ Thánh Phê-rô. Nhẫn được đúc riêng cho mỗi Giáo hoàng; sau khi Giáo hoàng mất, sẽ bị đập vỡ công khai trước mặt các Hồng y.

Pallium (dây ~): nghĩa đen là áo khoác, nhưng chỉ là một dải len trắng được choàng quanh vai, tượng trưng cho quyền hành của Giáo hoàng.

Phúc âm (Gospel): 4 quyển sách do các thánh Matthew, Mark, Luke và John viết, kể lại cuộc sống và lời giảng dạy của Chúa Giêsu. Phúc Âm hay Tin Mừng là nội dung của thông điệp mà các Tông đồ và Giáo hội phải rao giảng khắp cùng thế giới. Việc rao giảng này gọi là **rao giảng Tin Mừng** hay **rao giảng Phúc Âm** (Evangelization).

Phúc âm (phong trào ~) (Evangelicalism): phong trào trong các giáo hội Tin lành nhấn mạnh tới việc hối cải nội tâm, tin Kinh Thánh là nền tảng của tất cả, rao giảng Phúc âm...

Quyền tối thượng (primacy): nói tới việc chấp nhận Đức Giáo hoàng là người cầm đầu và có quyền "trọn vẹn, tối cao, phổ quát" trên Giáo hội hoàn vũ. Các thành ngữ được dùng là *Quyền tối thượng của Thánh Phê-rô*, hay *Quyền tối thượng của Đức Giáo hoàng*.

Rước kiệu (procession): hình thức cầu nguyện chung gồm một đoàn người đi theo hàng lối, vừa đi vừa hát hay đọc kinh, thường thì có kiệu tượng ảnh, rải hoa, cờ lọng... Hình thức đơn giản hơn không có kiệu cũng gọi là *rước kiệu*!

Sốt ban đỏ (scarlet fever): các linh mục mặc áo màu đen, các giám mục mang áo mào màu tím và các hồng y thì vận áo màu đỏ. Giám mục và Hồng y thì sang trọng và có nhiều quyền nên các linh mục nào ham quyền cao chức trọng thì bị chế diễu là bị *sốt ban đỏ*.

Xông hương (incensing): một nghi thức tế tự trong đó ta đốt bột hương (incense) trong một bình hương (censer). **Bình hương** không để dưới đất, nhưng có dây để tung lên xông hương. **Bột hương** được đựng trong một lọ bằng kim loại hình cái tàu, gọi là **tàu hương** (incense boat).

Thánh (holy, sacred): linh thiêng, linh thánh, đáng tôn kính, liên hệ tới Chúa, tới Giáo hội. Thường đặt trước những từ thuộc về tôn giáo hay Vatican, như Đức Thánh Cha (Holy Father), Tòa Thánh (Holy See), Hội thánh (Holy Church), Thánh lễ (Holy Mass), Kinh Thánh (Holy Bible, sacred texts), Thánh nhạc (sacred music), Thánh Bộ (Holy Office), Thánh bộ Giáo lý Đức tin (Sacred Congregation for the Doctrine of the faith),...

Thánh, thánh nhân (saint): được Giáo hoàng công khai nhìn nhận là đã sống một đời sống thánh thiện, hiện đang ở với Chúa, xứng đáng với sự tôn kính và noi gương của các tín hữu. Tiến trình lập “vụ án” tra xét và **phong thánh**, *canonization* rất phức tạp, hiện nay thuộc Bộ Phong Thánh, *Congregation for the Causes of Saints* đảm trách. Phải qua nhiều giai đoạn trước khi được nhìn nhận là thánh. Những tên gọi cho vị thánh nhân ở các giai đoạn thường là: *Tôi tớ Thiên Chúa* (Servant of God), *Đáng khả kính* (Venerable), *Chân phúc* hay *Á thánh* (Blessed), và cuối cùng là *Thánh* (Saint). Thành ngữ “*được đưa lên bàn thờ*” cũng được dùng để chỉ “*được phong thánh*”).

Thánh lễ (Holy Mass): nghi thức tế tự quan trọng nhất trong Ki-tô giáo, gồm các bài đọc Kinh thánh, bài giảng, nghi thức bẻ bánh và việc rước lễ (ăn bánh thánh). Lúc trước còn gọi là **thánh lễ Misa**.

Thập tự chinh (crusades): 9 cuộc chiến do các nước Thiên Chúa giáo phương Tây khởi động từ thế kỷ 11 đến 14 nhằm giải phóng Đất Thánh ra khỏi sự xâm chiếm của Hồi giáo. Vùng đất nơi Chúa sinh ra và sống được xem là Đất Thánh (Holy Land).

Thập tự chinh thứ tư (the Fourth Crusade): từ 1201 đến 1204, định chiếm lại Jerusalem qua ngõ Ai Cập. Để có tiền trả phí đưa quân qua biển, các người lãnh đạo đồng ý giúp quốc gia Venice và bị dẫn vào cuộc chiếm đóng thành phố Constantinople của Giáo hội Chính thống Đông phương, thủ đô đế quốc Byzantine vào tháng Tư năm 1204.

Thiên Chúa giáo (Christianism): cách dịch khác của *Ki-tô giáo*, gồm những tôn giáo tin vào Thiên Chúa và con của ngài là Đức Ki-tô (Công giáo, Tin Lành, Chính Thống, Anh giáo).

Thụ phong linh mục (ordination): nhận lãnh bí tích truyền Chức thánh để được làm linh mục. Trong Giáo hội Công giáo La Mã, chỉ có nam giới mới được chọn làm linh mục.

Thượng Hội đồng Giám mục (Synod of Bishops) : hội nghị cấp cao qui tụ các giám mục từ nhiều nơi, do Giáo hoàng triệu tập, để cố vấn cho Giáo hoàng. Không có quyền như Công đồng Chung (Ecumenical Council).

Tin Lành, giáo hội ~ (Protestant Church): các giáo hội Ki-tô giáo ly khai khỏi Giáo hội công giáo La Mã bắt đầu từ phong trào Cải cách (Reformation) ở châu Âu do Martin Luther khởi xướng.

Tin Mừng (Good News): xem *Phúc âm*.

Tòa thánh (1) Tòa thánh (Holy See) hay Tòa thánh Vatican (Vatican): Quyền hành trung ương của cả Giáo hội Công giáo gồm Giáo Hoàng và Giáo triều La Mã; (2) Tòa thánh Vatican (Vatican): quốc gia Vatican (Vatican State) trong đó có điện Vatican (Vatican Palace), một số nhà thờ... phần lớn ở chung trong khu vực của thành phố Vatican (Vatican City), một vài tòa nhà nằm bên ngoài khu vực này.

Tôma (học thuyết ~) (Thomism): hệ thống thần học và triết học do Thánh Thomas Aquinas phát triển.

Tổng Giám mục (archbishop): một giáo phận lớn hoặc có bề dày lịch sử nào đó thì được nâng lên thành *tổng giáo phận* (archdiocese) và giám mục cai quản sẽ là *tổng giám mục* (archbishop). Nhiều Tổng Giám mục được *phong tước Hồng y*. Trong trường hợp này, sẽ gọi tên các ông là *Hồng y X. Tổng Giám mục ABC* (ABC là tên tổng giáo phận).

Trống tòa (interregnum): thời kỳ không có Giáo hoàng. Ở Vatican dùng từ La-tinh *sede vacante* (ghế trống) nên tiếng Việt dùng từ *trống tòa*.

Urbi et orbi: phép lành *urbi and orbi* (cho thành phố và cho thế giới) của Giáo hoàng trong những dịp lễ đặc biệt.

Vatican (Điện ~) (Vatican Palace): nơi ở của Giáo hoàng tại thành phố Vatican (Vatican City).

Vatican (Tòa thánh ~) (Vatican): Xem *Tòa thánh*

Vương cung Thánh đường (Basilica): một số nhà thờ được Giáo hoàng ban danh hiệu là *Basilica* (*Vương cung Thánh đường*). Nhà thờ Đức Bà ở Tp.HCM là Vương cung Thánh đường. Trên toàn thế giới có khoảng 1500 *basilicas*, trong số này chỉ có 4 *patriarchal basilicas* đều ở Rome, như Vương cung Thánh đường Thánh Phê-rô, Vương cung Thánh đường Thánh Latêranô, Vương cung Thánh đường Thánh Phao-lô Ngoại Thành, và Vương cung Thánh đường Thánh Maria Cả.

Mục Lục

PHẦN I: TẠI CỬA SỔ NHÀ CHA	22
CHƯƠNG 1: ĐỨC JOHN PAUL II - MỘT HUYỀN THOẠI, MỘT DI SẢN	22
PHẦN II: "CHÚNG TA ĐÃ CÓ GIÁO HOÀNG"	56
CHƯƠNG 2 : ẮN TƯỢNG BUỔI TANG LỄ	56
CHƯƠNG 3: GIAI ĐOẠN TRỐNG TÒA	88
CHƯƠNG 4: CƠ MẶT HỘI BẦU GIÁO HOÀNG	124
PHẦN III: MỘT VỊ GIÁO HOÀNG VỚI HOÀI BẢO LỚN	166
CHƯƠNG 5: JOSEPH RATZINGER LÀ AI?	166
CHƯƠNG 6: QUYẾT CHIẾN VỚI "CHẾ ĐỘ ĐỘC TÀI CỦA CHỦ THUYẾT TƯƠNG ĐỐI"	192
CHƯƠNG 7: THAY ĐỔI TÁC PHONG LÀM VIỆC TRONG GIÁO HỘI	232
CHƯƠNG 8: NHỮNG BẤT NGỜ VÀ THÁCH THỨC	264

Đức Giáo hoàng Benedict XVI

Tác giả: John L. Allen, Jr.
Người dịch: Hồ Ngọc Hào

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN CÔNG OÁNH
Biên tập: PHẠM GIA THOAN
Bìa & trình bày: VĂN NGHĨA
Sửa bản in: THIÊN TỬ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
25 Trần Duy Hưng - Hà Nội
ĐT: 04-5566701 - Fax: (04).045566702

Liên kết xuất bản: Công ty CP TMDV Mê Kông Com

In 1000 cuốn, khổ 16x24[cm]

Tại: Nhà In Fohasa - 774 Trường Chinh, P.15, Q.Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

Số đăng ký KHXB: 476 - 2008/CXB/40 - 175/TG ngày 24/6/2008

QĐXB số: 478/QĐ - TG

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2008.



© Shannon Levitt-Allen

JOHN L. ALLEN, Jr. là người Công giáo, khi nhỏ học trường dòng của các Cha Phan-xi-cô. Ông chuyên về báo chí nhưng cũng có bằng cao học về tôn giáo. Ông cộng tác với tuần báo *National Catholic Reporter* từ năm 1997 tới nay. Ông cũng là chuyên viên về Vatican của đài CNN và được giới báo chí Anh Mỹ xem là “nhà báo viết bằng tiếng Anh về Vatican có uy tín nhất”.

JOHN L. ALLEN, Jr. được nhiều người đọc chấp nhận vì ông cố gắng viết trung thực, không thiên vị. Từ *National Catholic Reporter* được xem là có xu hướng tự do, nhưng những người Công giáo bảo thủ vẫn đọc Allen. Nhiều người không tôn giáo cũng thích đọc Allen vì ông đã chứng cất nhiều thông tin vô cùng đắt giá và xác thực.

JOHN L. ALLEN, Jr., tác giả của *Conclave* (Cơ Mật Hội) và *All the Pope's Men* (Người của Giáo hoàng), một lần nữa lại tỏ ra rất sắc sảo và “duyên nợ” với những vấn đề về Vatican trong *Giáo hoàng Benedict XVI* (The rise of Benedict XVI).

ĐỨC GIÁO HOÀNG BENEDICT XVI

Dù nổi tiếng là “Hộ pháp của Vatican”, song **Giáo hoàng Benedict XVI** lại là một người có óc hài hước và hơi tinh nghịch, một tấm lòng đầy khoan dung, và một tâm hồn biết thưởng thức cái đẹp và nghệ thuật.

Vị Giáo hoàng thứ 265 của Giáo Hội Công Giáo cũng là một nhà thần học xuất chúng với trí tuệ uyên thâm, thông thạo nhiều ngoại ngữ và khả năng chơi dương cầm xuất sắc. Ở vị thế của một nhân vật có tầm vóc quốc tế, **Giáo hoàng Benedict XVI** luôn biết tạo ra những bất ngờ thú vị và ấn tượng nhưng đồng thời ông cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong thời đại ngày nay, như là: hôn nhân đồng giới, chủ thuyết tương đối, chủ nghĩa thế tục, phong trào hợp nhất,...



Youbooks, thuộc Mekongcom Corp.

The Rise of Benedict XVI

Copyright © 2005 by John L. Allen, Jr.. All rights reserved.

Bản dịch tiếng Việt do Youbooks thực hiện và xuất bản theo thỏa thuận liên kết xuất bản với The Doubleday Broadway Publishing Group, a division of Random House, Inc. và Youbooks, Mekongcom Corp. thông qua Tuttle Mori Agency Co. Ltd., năm 2008.

Phát hành tại

vinabook.com
Nhà sách trên mạng

426 Cao Thắng (nối dài), Q.10, TP. HCM
Tel: (84.8) 8624150 - Fax: (84.8) 8624065

Đức giáo hoàng Benedict XVI



8 935201 510121

Giá: 79.000đ